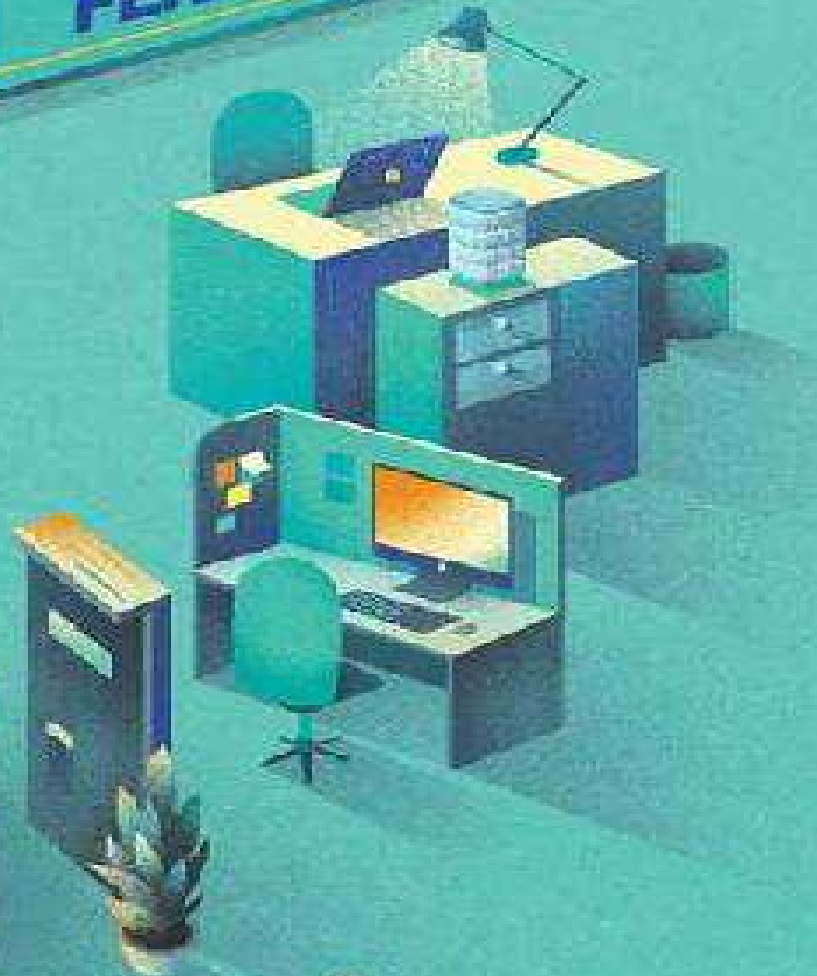


THE INTERNATIONAL BESTSELLER

JOSHUA  
FERRIS



VIA THE LA  
CHUNG TA  
TIEU



# Và Thế Là Chúng Ta Tiêu

Joshua Ferris



'IT'S A LONG TIME SINCE  
I'VE READ A NOVEL  
SO PAINFULLY FUNNY,  
OR SO ABSURDLY TRUE'  
CRAIG BROWN,  
MAIL ON SUNDAY

# Then we Came to the End

**JOSHUA FERRIS**

'THE COMEDY DEBUT OF THE YEAR' *SUNDAY TIMES*

## Thông tin ebook:

Tên sách: Và Thế Là Chúng Ta Tiêu

Nguyên tác: Then We Came To The End

Tác giả: Joshua Ferris

Dịch giả: Đỗ Tuấn Anh

Nhà xuất bản: Lao Động

Công ty phát hành: Nhã Nam

Số trang: 399

Trọng lượng: 550 gram

Hình thức bìa: Mềm

Kích thước: 15 x 24 cm

Giá bìa: 105.000

Năm xuất bản: 2014

\*\*\*

Thực hiện ebook: Hoàng Liêm

Ngày hoàn thành: 28/11/2018

Nơi hoàn thành: Hà Nội

Nguồn: Smart Ebooks

<http://www.facebook.com/smartebooksvn>



Ebook không mang tính chất thương mại, để chia sẻ tới các bạn yêu sách ở xa, hoặc không có điều kiện mua sách giấy. Trong điều kiện có thể bạn hãy mua sách để ủng hộ và tôn trọng nhà xuất bản.

## Giới thiệu nội dung:

Tại sao, tại sao nhắc đến dân văn phòng lại có người tưởng tượng đến một chàng trai hay cô gái có khuôn mặt rạng ngời, ngày tám tiếng trong phòng điều hoà mát rượi, sếp quý đồng nghiệp yêu, tháng tháng nhận lương bảy số không, đời lúc nào cũng rất một màu hồng? Ảo tưởng, quá ảo tưởng! Không biết ngồi lê đôi mách, không biết làm việc riêng trong giờ? Không vài lần bị sếp đập bàn mắng mỏ? Không bao giờ thấp thỏm lương bị trừ, phụ cấp giảm? Chưa từng lo lắng bị đồng nghiệp cười trước mặt đá sau lưng? Chẳng biết thế nào là nổi hoang mang trong thời khủng hoảng kinh tế? Thế thì sao dám vỗ ngực tự xưng ta là dân văn phòng? Thôi thôi, nhìn thử vào *Và thế là chúng ta tiêu* đi, đời sống bi hài thăng trầm khúc khuỷu của dân văn phòng đấy.

Cuốn sách đã mang lại cho Joshua Ferris giải PEN/Hemingway, khiến anh được so sánh với Joseph Heller của *Catch 22*, đưa anh trở thành tác giả bestseller quốc tế, và trên hết thay, lấy cho dân văn phòng một chỗ đứng nữa trong tiểu thuyết đương thời.

## Giới thiệu tác giả:



Joshua Ferris sinh năm 1974, tốt nghiệp cử nhân Văn chương và Triết học tại Đại học Iowa. Anh từng theo học khóa Viết Sáng tạo tại Đại học California ở Irvine. Và thế là chúng ta tiêu là tiểu thuyết đầu tay của anh. Cuốn sách đã được dịch ra 24 thứ tiếng đồng thời giành nhiều giải thưởng văn học trong đó có giải PEN/Hemingway. Hiện Ferris đang sống tại New York, Mỹ.

## Nhận định về tác phẩm:

“Cái nhìn thoáng qua tưởng như một tiểu thuyết châm biếm về văn hóa chốn công sở, khi nhìn kỹ hơn, hóa ra lại là một tiểu thuyết rất nghiêm túc về chính nước Mỹ. Thậm chí, theo cách khiêm nhường của nó, một tiểu thuyết Mỹ vĩ đại.”

- *Los Angeles Times*

“Một tiểu thuyết xúc động đích thực về công việc, niềm tin, tình yêu và nỗi cô đơn.”

- Michael Upchurch, *Seattle Times*

“Ferris đã nắm bắt được, một cách xuất sắc, cái tù túng của cuộc sống văn phòng đương đại.”

- *The New Yorker*



# Mục Lục

[Và Thế Là Chúng Ta Tiêu](#)

[Bước Vào Thế Kỳ Mới](#)

[1](#)

[2](#)

[3](#)

[4](#)

[5](#)

[Trở Về Và Ra Đi](#)

1

2

3

4

5

*Tặng Elizabeth*

Điều hổ thẹn nhất trên đời này không phải là không được coi là một đơn vị riêng biệt; không được coi là một tính cách độc lập; không được oằn mình gánh cái thứ quả mà mỗi người được sinh ra để riêng mang, mà là bị liệt vào trong tổng thể, giữa hàng trăm, hay hàng nghìn, của cái nhóm, cái tầng lớp mà chúng ta thuộc về...

- *Ralph Waldo Emerson*

# Và Thế Là Chúng Ta Tiêu

# Các người đầu biết

## trong tim tôi có gì

Chúng tôi là những kẻ ươn ngạnh và nhận lương quá hậu hĩnh. Những buổi sáng của chúng tôi chẳng có gì là hứa hẹn. Ít nhất thì đám hút thuốc trong bọn cũng còn có cái mà trông đợi lúc mười giờ mười lăm. Hầu hết chúng tôi đều quý mến hầu hết mọi người, vài kẻ ghét những cá nhân cụ thể, chỉ có một hai người là yêu quý mọi người và mọi vật. Những kẻ mà ai cũng yêu đó đều nhất loạt bị rủa rới. Chúng tôi khoái những chiếc bánh vòng miễn phí vào buổi sáng. Chỉ có điều họa hoằn lắm chúng mới xuất hiện. Những khoản phúc lợi của chúng tôi hoành tráng cả về mức độ toàn diện và mức độ quan tâm. Đôi lúc chúng tôi cũng băn khoăn không hiểu mình có xứng đáng với điều đó không nữa. Chúng tôi nghĩ có lẽ tốt hơn mình nên sang Ấn Độ, hoặc quay lại trường mẫu giáo. Làm việc gì đó với những người tàn tật hoặc chuyển sang làm việc chân tay. Nhưng chưa từng có ai hành động thật theo những cơn bốc đồng này, bất chấp những cơn vật vã hằng ngày, thậm chí là hằng giờ, của họ. Thay vào đó chúng tôi gặp nhau trong phòng họp để thảo luận công việc trong ngày.

Theo lệ thường công việc cứ thế đến và chúng tôi hoàn thành chúng một cách nhanh chóng và chuyên nghiệp. Thịnh thoảng cũng có trực trực. Lỗi in ấn, rồi nhầm lẫn số má chẳng hạn. Chúng tôi làm trong ngành quảng cáo nên các chi tiết rất quan trọng. Nếu chữ số thứ ba sau dấu gạch nối thứ hai trong số tổng đài miễn phí của một khách hàng lại là số sáu thay vì số tám,

và cứ thế được mang đi in, rồi xuất hiện trên tạp chí *Time*, những người đọc mẫu quảng cáo làm sao có thể gọi đặt hàng ngay và luôn được. Dù cho họ có thể vào trang web đi nữa, chúng tôi vẫn phải chịu toàn bộ chi phí quảng cáo. Thế này đã đủ khiến các bạn phát ngán chưa? Ngày nào nó cũng làm chúng tôi phát ngán. Nỗi ngán ngẩm của chúng tôi là một nỗi ngán ngẩm tập thể, liên hồi kỳ trận, và nó sẽ không bao giờ chết vì chúng tôi sẽ không bao giờ chết.

Lynn Mason sắp chết. Chị là một trong những thành viên quản trị của công ty. Sắp chết ư? Cũng không chắc lắm. Chị mới ngoài bốn mươi. Ung thư vú. Không ai có thể xác định chính xác làm thế nào mà mọi người đều biết sự thật này. Mà liệu có phải sự thật không nhỉ? Một số người gọi đó là tin đồn. Nhưng thực ra chẳng có cái gì là tin đồn cả. Chỉ có sự thật, và ngoài ra là những gì không được nhắc đến trong các cuộc tán gẫu. Ung thư vú là căn bệnh có thể kiểm soát được nếu phát hiện từ giai đoạn đầu nhưng có lẽ Lynn đã chần chừ quá lâu. Thông tin về Lynn làm mọi người lại nghĩ đến Frank Brizzolera. Chúng tôi nhớ mình đã nhìn Frank mà nghĩ đến việc lão chỉ còn cùng lắm là sáu tháng nữa. Brizz Già, chúng tôi gọi lão như vậy. Lão hút thuốc như ống bễ. Lão đứng bên ngoài tòa nhà trong thời tiết khắc nghiệt nhất, rít Old Gold mà chẳng mặc gì hết ngoài một cái áo gi lê len. Lúc đó và chỉ lúc đó thôi, nhìn lão mới thật ngang tàng. Lão quay vào trong, chất nicotine đi trước khi lão bước dọc hành lang và còn phảng phất trong không khí rất lâu sau khi lão đã vào phòng mình. Lão bắt đầu ho, và từ phòng làm việc của mình, chúng tôi nghe thấy tiếng những trầm tích hóa thạch đang tích tụ trong phổi lão. Một số kẻ năm nào cũng cho lão vào Danh sách Theo dõi Nhân vật Nổi tiếng sắp chết vì kiểu ho đó, mặc dù lão cũng chẳng phải là nhân vật đình đám gì. Lão cũng biết điều đó, lão biết mình trong danh sách chờ chết, và một số kẻ cá cược sẽ được hưởng lợi từ cái chết của lão. Lão biết vì lão là một người trong chúng tôi, mà chúng tôi thì chuyện gì cũng biết.

Chúng tôi không biết ai ăn cắp đồ ở bàn làm việc của người khác. Bao giờ cũng là những thứ lặt vặt - bưu thiếp, ảnh lồng khung. Chúng tôi có nghi ngờ nhưng không có bằng chứng. Chúng tôi tin rằng có lẽ những thứ ăn cắp được chẳng thấm vào đâu so với cảm giác kích thích - nổi khoái trá gây nghiện của kẻ ăn cắp, hoặc có thể đó là tiếng kêu cứu bệnh hoạn. Hank Neary, một trong số những writer<sup>lu</sup> người da đen hiếm hoi của công ty, hỏi, “Thôi nào, giờ ời... có ai lại muốn lấy kem đánh răng du lịch của tôi hả giờ ời?”

Chúng tôi không biết kẻ nào chịu trách nhiệm về việc giấu miếng sushi đằng sau giá sách của Joe Pope. Một hai ngày đầu Joe hoàn toàn chẳng biết gì về miếng sushi. Sau đó anh ta bắt đầu len lén hít hai nách, và giờ lòng bàn tay lên miệng để kiểm tra hơi thở hắt lại. Đến cuối tuần thì anh ta chắc chắn rằng không phải là do mình. Chúng tôi cũng nghĩ vậy. Dai dẳng, nồng nặc trong lỗ mũi, nó bắt đầu trở nên tồi tệ hơn cả một con vật đang chết thối. Những thứ trong dạ dày Joe trào ngược lên mỗi lần anh ta vào văn phòng của mình. Đến tuần tiếp theo thì cái mùi đó đã trở nên kinh khủng đến nỗi cánh nhân viên tòa nhà cũng bị lôi vào, săn lùng khắp văn phòng để tìm bằng được thứ hóa ra một miếng sushi mặt trời - cá ngừ, cá hồi trắng cá hồi đỏ và cải Brussels. Mike Boroshansky, trưởng bộ phận bảo vệ, liên tục kéo cà vạt lên bịt mũi, cứ như thể anh ta là một tay cảnh sát thực thụ đang ở hiện trường một vụ án.

Chúng tôi cảm ơn nhau. Chuyện đó là thông lệ sau mỗi lần trao đổi. Những lời cảm ơn của chúng tôi chẳng bao giờ có ý xảo trá hay châm biếm. Chúng tôi nói cảm ơn vì đã giải quyết chuyện này thật chóng vánh, vì đã chịu nhọc công vào đó. Chúng tôi họp và khi cuộc họp kết thúc, chúng tôi nói lời cảm ơn với những người tổ chức cuộc họp vì đã tổ chức cuộc họp. Rất hiếm khi chúng tôi nói điều gì đó tiêu cực hay xúc phạm về những cuộc họp. Chúng tôi biết rằng hầu như tất cả các cuộc họp về cơ bản đều vô tích sự và thực ra cứ ba bốn cuộc họp thì lại có một cuộc hoàn toàn chẳng có kết



quả hay mục đích gì, nhưng rất nhiều cuộc họp lại bộc lộ ra một điều cần thiết và thế là chúng tôi tham gia các cuộc họp và sau đó chúng tôi cảm ơn nhau.

Karen Woo lúc nào cũng có điều gì đó mới mẻ để kể cho chúng tôi và chúng tôi ghét cay ghét đắng cô ta vì điều đó. Cô ta cứ bắt đầu nói là mắt chúng tôi lại mờ ra. Có lẽ nào lại đúng, như thỉnh thoảng chúng tôi vẫn lo sợ trên đường về nhà, rằng chúng tôi là những cá nhân vô cảm và chai sạn, không có khả năng thông cảm, và đầy ác ý với người khác chẳng vì lý do gì mà chỉ vì họ quá gần gũi và quen thuộc? Lắm lúc chúng tôi chột ngột ra rằng công việc, cái nhíp từ chín giờ sáng đến năm giờ chiều hằng ngày, đang xô đẩy chúng tôi xa rời bản ngã tốt đẹp của mình. Chúng tôi có nên bỏ việc không nhỉ? Liệu cách đó có giải quyết được vấn đề không? Hay đây là những tính cách bẩm sinh, bắt chúng tôi phải chung thân với sự xấu xa và ti tiện về tâm hồn? Hy vọng là không phải thế.

Marcia Dwyer trở nên nổi tiếng vì gửi một bức email cho Genevieve Latko-Devine. Marcia thường viết cho Genevieve sau những cuộc họp. “Thực sự là khó chịu khi làm việc với những kẻ khó chịu,” có lần cô ta viết. Đến đây cô ta kết thúc bức thư và chờ phản hồi của Genevieve. Bình thường khi cô ta nhận được email của Genevieve, thay vì viết lại, như thế sẽ mất quá nhiều thời gian - Marcia là chuyên viên mỹ thuật, không phải là một writer - cô ta sẽ bước thẳng sang phòng của Genevieve, đóng cửa lại và hai người phụ nữ bắt đầu thủ thỉ. Điều duy nhất khả dĩ chịu đựng nổi trong cái chuyện khó chịu dính dáng đến kẻ khó chịu kia chính là ý nghĩ kể tất cả ra với Genevieve, người sẽ thấu hiểu hơn bất kỳ ai khác. Marcia cũng có thể gọi cho mẹ cô ta, mẹ cô ta chắc chắn sẽ lắng nghe. Cô ta cũng có thể gọi cho một trong bốn người anh em trai của mình, bất cứ ai trong số mấy tay đầu gấu khu Nam ấy cũng sẽ thích mê tơi nếu được tẩn cho kẻ khó chịu kia một trận. Nhưng họ sẽ không thể nào hiểu nổi. Có thể họ sẽ thông cảm, nhưng thông cảm với thấu hiểu là hai chuyện khác nhau. Genevieve hầu

như không cần phải gật đầu để Marcia biết rằng cô đang hiểu rõ chuyện. Chẳng phải tất cả chúng ta đều hiểu cái nhu cầu thiết yếu là được ai đó thấu hiểu? Nhưng bức email mà Marcia nhận được không phải là từ Genevieve. Mà là từ Jim Jackers. “Cô đang nói về tôi đấy à?” anh ta viết. Amber Ludwig viết, “Tôi không phải là Genevieve.” Benny Shassburger viết, “Có vẻ như cô nhầm rồi.” Tom Mota viết, “Ha!” Marcia tối tăm mặt mũi. Cô ta nhận được sáu mươi lăm bức email trong vòng có hai phút. Một tay ở bộ phận Nhân sự nhắc nhở cô ta không được gửi email cá nhân. Jim viết lần thứ hai. “Cô làm ơn nói cho tôi biết - đó có phải là tôi không, Marcia? Tôi có phải là kẻ khó chịu mà cô đang nói đến không vậy?”

Marcia chỉ muốn ăn tim Jim vì có những buổi sáng anh ta lê xác đến thang máy và chào chúng tôi bằng câu nói, “Thế nào, mấy bạn nhỏ của tôi?” Anh ta nói một cách châm biếm cố tỏ ra hài hước, nhưng đơn giản anh ta không phải là loại người biết cách chọc cười. Nó chỉ khiến chúng tôi rùng mình, nhất là Marcia, nhất là nếu Hank có mặt.

Trong những ngày ấy cũng không hiếm cảnh một người đẩy một người khác nhanh đến chóng mặt dọc hành lang trên một chiếc ghế xoay. Ngoài chơi đùa, chúng tôi dành phần lớn thời gian của mình trong những khoảng tạm nghỉ yên lặng kéo dài khi chúng tôi cắm đầu ở bàn riêng, làm một việc nào đó được giao, đắm chìm vào nó - cho đến khi Benny, buồn chán, bước sang đứng ở ngưỡng cửa. “Cậu đang làm gì vậy?” anh ta hỏi.

Đó có thể là bất kỳ ai trong chúng tôi. “Làm việc” là câu trả lời thông thường.

Thế là Benny lại tần ngần gõ gõ chiếc nhẫn tốt nghiệp mặt ngọc Topaz của anh ta lên khung cửa và lượn đi chỗ khác.

Chúng tôi mới căm ghét những cốc cà phê của mình làm sao chứ! Rồi còn cả tấm lót chuột máy tính, đồng hồ để bàn, lịch làm việc hằng ngày, những thứ trong ngăn kéo bàn. Thậm chí cả những bức ảnh người thân dán vào màn hình máy tính để cố vũ và ủng hộ tinh thần cũng biến thành những thứ giả tạo gọi nhớ về quãng thời gian phụng sự. Nhưng khi chúng tôi có một phòng làm việc mới, một phòng làm việc rộng hơn, và chúng tôi mang theo mọi thứ vào văn phòng mới, chúng tôi lại thấy yêu quý tất cả biết bao, rồi lại hằng hái nghĩ xem nên xếp đặt đồ ở chỗ nào, và đến cuối ngày chúng tôi hài lòng khi thấy những món đồ cũ của mình trông mới tuyệt vời làm sao trong cái không gian mới mẻ, quan trọng và khá khấm hơn này. Ngay lúc đó thì trong đầu chúng tôi tuyệt nhiên không có mảy may nghi ngờ gì về việc tất cả những quyết định chúng tôi đã đưa ra đều đúng đắn, trong khi hầu hết những ngày khác chúng tôi lúc nào cũng trăn trở. Bất kể nơi nào bạn nhìn, trong hành lang hay phòng tắm, quầy cà phê và căng tin, ngoài sảnh và chỗ in ấn, là thấy chúng tôi ở đó trong tâm trạng trăn trở.

Hình như cả cái nơi chết tiệt này chỉ có đúng một cái máy gọt bút chì chạy điện.

Chúng tôi không có nhiều kiên nhẫn dành cho những kẻ yếm thế. Tất cả mọi người đều là kẻ yếm thế lúc này lúc nọ, nhưng than khóc về vận may khó tin của chúng tôi cũng đâu có được ích lợi gì. Ở quy mô quốc gia mọi việc tiến triển theo hướng rất khá khấm đối với chúng tôi và tiền bạc thật dễ kiếm. Những chiếc xe được chào bán để sử dụng cho gia đình, những chiếc xe chỉ vừa vụn nhét vào đường để xe trước nhà, có một vẻ hấp dẫn oai phong lẫm liệt, một lời hứa hẹn rằng, một khi đã ở trên xe, không mối nguy hiểm nào có thể xảy ra với con cái của chúng tôi. Rồi là IPO<sup>[2]</sup> cái này và IPO cái kia. Mọi người ai cũng biết một chủ ngân hàng. Và mới thật tuyệt vời làm sao, một chuyến đạp xe quanh khu bảo tồn rừng vào một ngày Chủ nhật trong tháng Năm trên những chiếc xe đạp leo núi, với chai nước và mũ bảo hiểm. Tội phạm đang ở mức thấp nhất từ trước đến nay và chúng tôi

được nghe kể về trường hợp những người từng phải nhận trợ cấp xã hội giờ nắm giữ những công việc ổn định. Các sản phẩm chăm sóc tóc mới được tung ra thị trường mỗi ngày và xếp thành từng hàng ngay ngắn trên kệ kính của cánh stylist, chúng tôi cứ hau háu nhìn chúng trong gương mỗi khi chúng tôi nói chuyện phiếm, ai nấy đều chắc mẫm, *trên kia có một thứ dành cho mình*. Mặc dù vậy, một số người trong chúng tôi vẫn gặp khó khăn trong việc tìm bạn trai. Một số người trong chúng tôi gặp khó khăn trong việc ngủ với vợ mình.

Có những hôm chúng tôi tụ tập trong bếp ở tầng sáu mươi để ăn trưa. Chỉ có chỗ cho tám người ở bàn ăn. Nếu tất cả chỗ ngồi đều có người, Jim Jackers sẽ phải ăn món bánh sandwich của mình ở bồn rửa và cố hóng hớt vào từ phía đó. Thật may cho chúng tôi, ở chỗ đó anh ta có thể đưa hộ chúng tôi cái thìa hay lọ muối trong trường hợp chúng tôi cần đến.

“Thực sự là khó chịu,” Tom Mota nói với cả bàn, “khi làm việc với những kẻ khó chịu.”

“Quý tha ma bắt anh đi, Tom,” Marcia bật lại.

Những kẻ săn đầu người bám riết lấy chúng tôi. Họ tấn công chúng tôi dồn dập bằng những lời hứa hẹn về chức danh hấp dẫn hơn cùng những khoản tăng lương. Vài người trong chúng tôi ra đi nhưng hầu hết chúng tôi ở lại. Chúng tôi thích những triển vọng ở chỗ hiện tại và chẳng muốn phải gặp gỡ những người mới làm gì cho phiền phức. Bản thân chúng tôi cũng đã phải mất một thời gian mới hòa nhập và cảm thấy thoải mái được. Ngày đầu tiên đi làm, những cái tên vừa chui vào tai này đã lọt sang tai kia. Mới phút trước ta còn đang được giới thiệu với một gã có quả đầu đỏ rực và nước da trắng nhợt lấm tấm tàn nhang, thế rồi trước khi kịp nhận ra ta đã chuyển tiếp sang người khác rồi sau đó lại là người khác nữa. Một vài tuần trôi qua, dần dần ta bắt đầu gắn cái tên vào với khuôn mặt, và đến một ngày

kia, cứ thế tách một cái, chúng gắn chặt vào nhau mãi mãi; tên của gã tóc đỏ hăm hở là Jim Jackers. Không còn chuyện nhằm anh ta với “Benny Shassburger”, tên của gã này bạn thường nhìn thấy trên các bức email và tài liệu phân phát nhưng vẫn chưa biết anh ta là gã Do Thái nhũn nhặn, hơi đậm người với những lọn tóc xoắn như cái mở nút chai và hơi tí là cười. Nhiều người quá thế! Đủ các loại cơ thể, màu tóc và tuyên ngôn thời trang.

Kiểu tóc của Marcia Dwyer mắc kẹt lại trong những năm 1980. Cô ta nghe cái loại nhạc đến là kinh khủng, những ban nhạc mà chúng tôi đã thôi nghe từ hồi lớp mười một. Một số người thậm chí còn chưa bao giờ nghe cái loại nhạc mà cô ta vẫn nghe, họ không thể tưởng tượng nổi cô ta có thể thích thú với kiểu tiếng ồn như vậy. Những người khác lại chẳng hề thích âm nhạc tí nào, một số thích các chương trình trò chuyện trên đài phát thanh, và có một đội quân đông đảo luôn chỉnh radio theo các đài phát thanh chuyên phát những bài hát cũ. Ban đêm sau khi mọi người đã về nhà, sau khi tất cả chúng tôi đã ngủ thiếp đi và cả thành phố tắt đèn, những giai điệu cũ vẫn tiếp tục cất lên trong văn phòng vắng tanh. Cứ thử hình dung mà xem - chỉ là một vệt sáng hình bình hành lọt qua khung cửa. Một giai điệu sôi động của ban nhạc Drifters vang lên lúc hai, ba giờ sáng, trong khi ở đâu đó đang diễn ra những vụ giết người, mua bán ma túy, những vụ hành hung không thể diễn tả bằng lời. Tội phạm có giảm, nhưng vẫn chưa thể coi là nó đã lỗi thời. Buổi sáng, các DJ yêu thích của chúng tôi quay trở lại, giới thiệu những bài hát cũ yêu thích của chúng tôi. Hầu hết chúng tôi đều ăn lớp kem vụn phía trên trước rồi mới ăn hết phần còn lại của chiếc bánh kem xốp. Đó cũng chính là những bài hát rồi sẽ được chơi trong suốt mùa đông hạt nhân<sup>[3]</sup>.

Chúng tôi có những ký ức sâu đậm và sống động về những giờ tẻ nhạt, lê thê vô cùng tận. Rồi một ngày sẽ qua đi trong sự hài hòa hoàn hảo với những dự án của chúng tôi, những người thân trong gia đình chúng tôi, rồi cả những đồng nghiệp của chúng tôi nữa, và chúng tôi không thể tin nổi là

mình đang được trả lương vì chuyện này. Chúng tôi quyết định uống rượu vang trong bữa tối để ăn mừng. Một số người trong chúng tôi đặc biệt thích một nhà hàng trong khi những người khác lại tản ra khắp thành phố, ăn thử và đánh giá. Xét ở mặt đó, chúng tôi giống như cáo và nhím<sup>[4]</sup>. Đối với Karen Woo, điều quan trọng sống còn là cô ta phải là người đầu tiên được biết về một nhà hàng mới. Nếu ai đó nhắc đến một nhà hàng mới mà Karen chưa biết, bạn có thể đánh cược đến đồng đô la cuối cùng của mình rằng Karen sẽ đến đó ngay trong tối hôm ấy, ăn thử và đánh giá, và buổi sáng hôm sau khi đến chỗ làm, cô ta kể cho chúng tôi (những người chưa biết về việc có người khác đã biết về nhà hàng mới) về nhà hàng mới mà cô ta vừa tới, nó tuyệt vời làm sao, và tại sao tất cả chúng tôi phải đến đó mới được. Những người trong chúng tôi làm theo lời gợi ý của Karen cũng đưa ra lời khuyên giống hệt đối với những người trong chúng tôi không được nghe lời khuyên của Karen, và chẳng mấy chốc tất cả chúng tôi đều chạm trán nhau ở nhà hàng mới. Đến lúc ấy thì đừng có hòng nhìn thấy Karen ở đó nữa.

Vào đầu thời kỳ của những khoản ngân sách cân bằng và sự tăng trưởng ngoạn mục của chỉ số chứng khoán NASDAQ chúng tôi được phát những chiếc áo phông chất cotton hảo hạng với logo của công ty thêu trên ngực trái. Chiếc áo phông được dành cho một sự kiện tập thể nào đó và tất cả mọi người đều mặc nó vì niềm tự hào đối với công ty. Sau khi kết thúc sự kiện đó, họa hoằn lắm mới lại thấy có người mặc áo chiếc áo đó - không phải vì chúng tôi đã đánh mất niềm tự hào đối với công ty, mà bởi vì kể ra cũng hơi xấu hổ nếu bị bắt gặp mặc một thứ mà ai cũng biết là bạn được cho không. Xét cho cùng, danh mục quảng cáo của chúng tôi đầy lời chào mời từ những công ty niêm yết trên sàn NASDAQ và nếu như trước kia cha mẹ chúng tôi chỉ đủ khả năng mua quần áo cho chúng tôi ở Sears, thì giờ đây chúng tôi có thể mua sắm ở Brooks Brothers và không việc gì phải cần đến áo phông miễn phí. Chúng tôi mang chúng cho tổ chức từ thiện Goodwill hoặc chúng nằm vạ vật trong ngăn tủ hoặc chúng tôi mặc chúng vào mỗi khi cắt cỏ. Vài năm sau, Tom Mota khai quật chiếc áo phông niềm-

tự-hào-công-ty ra từ cái thùng quần áo nào đó dưới gầm giường của gã. Nhiều khả năng gã tìm thấy nó khi những tài sản của gia đình Mota đang được phân chia theo lệnh thẩm phán. Gã mặc chiếc áo đi làm. Gã đã mặc chiếc áo phong cùng với tất cả chúng tôi vào cái ngày mặc áo phong ấy, nhưng cuộc đời gã đã thay đổi chóng mặt kể từ đó và chúng tôi nghĩ đó là dấu hiệu cho thấy tâm trí gã đang ở tận đâu tận đâu khi gã không lấy làm phiền bị nhìn thấy trong một chiếc áo phong mà hầu hết chúng tôi dùng để rửa xe. Đó thực sự là một chất cotton cực kỳ tiện dụng. Và rồi sang ngày hôm sau Tom Mota vẫn mặc chiếc áo đó. Chúng tôi băn khoăn không biết gã ngủ ở đâu. Đến ngày thứ ba, chúng tôi thấy lo ngại về chuyện tắm rửa của gã. Khi Tom trải qua cả một tuần liền vẫn mặc chiếc áo phong đó, chúng tôi chắc chắn thế nào nó cũng bốc mùi. Nhưng chắc hẳn gã vẫn giặt áo, và chúng tôi tưởng tượng ra gã cời trần trụi trực ở hiệu giặt là Laundromat nhìn chiếc áo phong duy nhất của mình trong máy sấy, vì vợ gã không cho phép gã quay về nhà ở Naperville.

Đến khi hết tháng, cuối cùng chúng tôi cũng phát hiện ra rằng chuyện này chẳng có liên quan gì đến vụ ly hôn của Tom. Ba mươi ngày liên tiếp mặc chiếc áo phong của công ty - đó là sự khởi đầu cho chiến dịch biểu tình của Tom.

“Cậu có định thay ra không vậy?” Benny hỏi.

“Tớ thích cái áo này. Tớ muốn được chôn cùng với nó.”

“Vậy ít nhất cậu cũng lấy cái áo của tớ được không, để cậu có thể thay đổi?”

“Tớ rất sẵn lòng,” Tom nói.

Thế là Benny cho Tom chiếc áo của anh ta, nhưng Tom không dùng nó để thay đổi. Thay vào đó gã mặc chiếc áo của Benny trùm bên ngoài áo của mình. Hai cái áo phong, chiếc này trùm lên chiếc kia. Gã sán đến những người còn lại gạ gẫm xin nốt áo của chúng tôi. Jim Jackers luôn vồ lấy bất kỳ cơ hội nào để lấy lòng người khác, và chẳng mấy chốc Tom đã nghênh ngang đi khắp nơi trong ba chiếc áo phong.

“Lynn Mason bắt đầu đặt câu hỏi rồi đấy,” Benny nói.

“Niềm tự hào công ty,” Tom nói.

“Nhưng ba cái cùng một lúc?”

“Cậu không biết trong tim tôi có gì đâu,” Tom nói, và đấm bình bịch nắm tay lên logo của công ty ba lần. “Niềm tự hào công ty.”

Có những ngày áo màu xanh lục ở ngoài cùng, có hôm là màu đỏ, có ngày màu xanh lam. Về sau chúng tôi phát hiện ra rằng gã chính là kẻ chịu trách nhiệm về việc gắn miếng sushi mặt trời lên đằng sau giá sách của Joe. Gã cũng chịu trách nhiệm về nhiều chuyện, kể cả việc thay đổi các kênh radio của mọi người, tạo những screensaver khiêu dâm, và để lại con giống của mình trên sàn phòng vệ sinh nam ở tầng sáu mươi và sáu mốt. Chúng tôi biết gã phải chịu trách nhiệm vì ngay sau khi gã bị sa thải, các kênh radio không bị ai quấy rầy và những người lao công không còn khiếu nại với ban quản lý nữa.

Đó là thời kỳ của đồ phát miễn phí và những thứ lưu niệm lặt vặt. Thế giới đầy ứ tiền bạc từ Internet và chúng tôi cũng có phần chia hậu hĩnh từ đó. Quan điểm của chúng tôi là thiết kế logo cũng quan trọng chẳng kém gì chất lượng sản phẩm và hệ thống phân phối. “Bá cháy” là từ mà chúng tôi thường dùng để tả những thiết kế logo của mình. “Giẻ rách” là từ chúng tôi



thường dùng để tả thiết kế logo của những công ty khác - trừ phi đó là một thiết kế thực sự ấn tượng, trong trường hợp đó chúng tôi phủ phục người trước nó, cũng giống như người Maya cổ đại quỳ trước những vị thần của họ.

Chúng tôi cũng đinh ninh là tất cả sẽ không bao giờ kết thúc.

# Bước Vào Thế Kỷ Mới

# 1

Giảm biên chế - Giờ cuối cùng của Tom - Bi kịch của Janine Gorjanc -  
Suy thoái - Những biện pháp quyết liệt - Tranh cãi về Tom - Những bức  
ảnh sơn gai ốc - Câu chuyện về chiếc ghế của Tom Mota - Đi tàu suốt kiểu  
Tây Ban Nha - Sanderson - Hai bức email - Câu chuyện về chiếc ghế của  
Tom Mota, phần II - Quảng cáo gây quỹ từ thiện - Acid lastive - Lynn  
Mason

Quá trình giảm biên chế bắt đầu ụp xuống chúng tôi. Chuyện này đã được đồn đại mấy tháng nay, nhưng giờ thì chính thức rồi. Nếu may mắn, anh có thể đâm đơn kiện. Nếu anh là người da đen, có tuổi, phụ nữ, người Công giáo, người Do Thái, đồng tính, béo phì, hoặc tàn tật, ít nhất anh cũng có cơ sở. Ở lúc này hay lúc khác tất cả chúng tôi đều được lấy lời khai. Chúng tôi lên kế hoạch cung cấp lời khai cho vụ kiện của Tom - chúng tôi không hề nghi ngờ việc sẽ có một vụ kiện. Mặc dù gã chẳng có cơ sở gì cả, trừ phi việc là một tên khốn kiếp mới được bổ sung vào danh sách. Và không chỉ có chúng tôi mới nói thế. Vợ cũ của thằng cha này cũng *căm ghét* gã. Lệnh ngăn trở. Gã không được phép gặp hai đứa con nhỏ của mình nếu không có giám sát. Cô ta chuyển đến Phoenix chỉ để thoát khỏi gã. Chúng tôi không bao giờ gọi gã là một tên khốn kiếp mà lại không đạt được sự đồng thuận rất cao. Amber Ludwig phản đối cách gọi này vì cô ta bắt đầu phản đối những lời tục tĩu kể từ khi có bầu, nhưng thực sự thì cũng chẳng còn từ nào khác, và sự phản đối của cô ta thực ra cũng chỉ mang tính gọi là.

Khi Tom biết là mình sắp bị tống khứ, gã muốn ném chiếc máy tính của mình vào cửa sổ phòng làm việc. Benny Shassburger đang ở trong đó cùng với gã. Benny cũng chẳng phải bạn bè thân thiết gì của Tom cho cam nhưng anh ta là người vẫn thỉnh thoảng đi ăn trưa với Tom rồi báo cáo lại cho những người còn lại chúng tôi. Tin tức lan truyền rất nhanh là Tom đã bị cho nghỉ việc và lẽ tự nhiên Benny là người đến đó. Anh ta kể là Tom đang lờn lộn trong phòng làm việc của mình như một gã vừa bị tống vào tù. Anh ta kể là anh ta có thể hình dung trông Tom như thế nào vào cái đêm gã tới ngôi nhà ở Naperville với cây gậy nhôm và phải gọi cả cảnh sát để khống chế gã. Trước đó chúng tôi chưa bao giờ nghe câu chuyện này. Thế là ngay lập tức chúng tôi phải bắt Benny ngừng kể câu chuyện về giờ phút cuối cùng của Tom để kể chuyện chiếc gậy nhôm trước đã. Benny kinh ngạc khi thấy chúng tôi chưa được nghe chuyện đó; anh ta quả quyết là chúng tôi đã nghe rồi. Không, chúng tôi chưa bao giờ nghe cả. “Lượn ra khỏi đây đi,” anh ta nói. “Các cậu nghe chuyện này rồi còn gì.” Không, chúng tôi chưa nghe thật mà. Những cuộc đối thoại kiểu này bao giờ cũng diễn như vậy. Thế là Benny kể chuyện về Tom và cây gậy sau đó anh ta kể cho chúng tôi nghe câu chuyện về giờ phút cuối cùng của Tom. Cả hai đều là những câu chuyện hấp dẫn và kết hợp lại với nhau chúng giết được tròn một tiếng đồng hồ. Một số người thích giết một tiếng đồng hồ giờ làm việc của công ty còn những người khác thì cảm thấy lương tâm cắn rứt sau đó. Nhưng bất kể cảm xúc cá nhân của anh về chuyện này như thế nào, anh vẫn phải giải trình về tiếng đồng hồ đó, và thế là anh tính nó vào hóa đơn cho một khách hàng. Đến cuối năm tài khóa, khách hàng của chúng tôi đã trả cho chúng tôi một khoản tiền đáng kể cho việc ngồi lê đôi mách, những chi phí mà họ chuyển tiếp sang cho các bạn, người tiêu dùng. Đó là chi phí kinh doanh, nhưng một số người trong chúng tôi sợ rằng đó là dấu hiệu cho thấy dấu chấm hết đang đến gần, cũng giống như sự truy lục diễn ra trước khi Đế chế La Mã sụp đổ. Liên quan đến cơ man nào là tiền, và một số trong đó nhỏ giọt xuống chỗ chúng tôi, một khoản nhỏ cho phép chúng tôi

sống trong số một phần trăm những kẻ giàu có nhất thế giới. Đó là những ngày vui bất tận, cho đến khi quá trình giảm biên chế bắt đầu.

Tom muốn ném cái máy tính của mình vào cửa sổ, nhưng chỉ khi gã có thể bảo đảm rằng nó sẽ làm vỡ kính và hạ cánh xuống đường phố bên dưới. Gã đang lúi húi dưới gầm bàn rút dây dợ. “Sáu mươi tầng đấy, Tom,” Benny nói. Và Tom đồng ý rằng đó sẽ là một ý tồi nếu gã không thể phá vỡ kính. Nếu kính không vỡ người ta sẽ nói rằng Tom Mota thậm chí còn đếch biết phá phách thế nào cho đúng kiểu - gã không muốn chúng được hạ *hê như thế*, lũ khốn nạn. Chúng tôi là lũ khốn nạn mà gã đang nói đến, một phần nào đó. “Nhưng tớ không nghĩ nó sẽ làm vỡ được kính,” Benny nói. Tom ngừng loay hoay với với chiếc máy tính của mình. “Nhưng tớ phải làm gì đó mới được,” gã vừa nói vừa ngồi thụp xuống.

Chúng tôi thiếu cái kiểu quần bách đó. Tòa nhà của chúng tôi nằm trên đường Michigan Mile, ở trung tâm Chicago, trên một góc phố cách hồ Michigan vài khối nhà. Nó mang hơi hướng của phong cách art deco và hai cánh cửa xoay sơn mạ. Chúng tôi nặng nề lê bước lên bậc thềm về phía cánh cửa xoay, e sợ những gì đang chờ đợi bên trong. Lúc đầu, chúng tôi bị cho nghỉ với số lượng lớn. Sau đó, quá trình này được tiến hành một cách chọn lọc hơn, từng người từng người một, mà họ thấy là thích hợp. Chúng tôi sợ kết cục của mình là Lower Wacker Drive<sup>[5]</sup>. Thất nghiệp, chúng tôi sẽ không được trả lương; không được trả lương chúng tôi sẽ bị tống khứ khỏi nhà mình; bị tống khứ, kết cục của chúng tôi sẽ là ở trên phố Lower Wacker Drive, chung chỗ với những chiếc xe mua hàng và dần sẽ có đôi bàn chân nứt nẻ, đen đúa. Thay vì nguệch ngoạc thêm cụm “Cấp cao” vào chức vụ hiện thời của mình, chúng tôi sẽ lục lọi các con hẻm tìm đầu mẩu thuốc còn rít được. Kể ra thì cũng vui khi hình dung cơn khốn nạn sau rốt của mình. Nhưng cũng thật tuyệt vọng. Chúng tôi thực lòng không thể nào tin nổi mình sẽ bị bầm cùi từ những chiếc Lexus của các đồng nghiệp cũ khi họ lái xe qua Lower Wacker trên đường về nhà ở vùng ngoại ô. Chúng tôi không

ngã mình sẽ buộc phải vẫy chào họ từ những chiếc thùng phuy đốt lửa của mình. Nhưng việc chúng tôi có thể sẽ phải điền tờ khai thất nghiệp qua mạng Internet cũng không phải là không thể xảy ra. Việc chúng tôi có thể phải vật lộn để trả tiền thuê nhà hoặc tiền vay thế chấp là một viễn cảnh có thật và đáng sợ.

Nhưng dù sao chúng tôi vẫn đang sống, chúng tôi phải ghi nhớ điều đó. Mặt trời vẫn rọi vào khi chúng tôi ngồi ở bàn làm việc của mình. Có những ngày đúng là chỉ vừa đủ để nhìn ra ngoài những đám mây và nóc của các tòa nhà. Chúng tôi vì thế mà phấn chấn hơn, trong giây lát. Nó khiến chúng tôi “hạnh phúc”. Thậm chí chúng tôi còn có thể trở nên tốt bụng khác thường. Ví dụ như cái lần chúng tôi tuồn thuốc lá Old Gold vào phòng bệnh của Frank Brizzolera. Hoặc khi chúng tôi dự đám tang cô con gái nhỏ của Janine Gorjanc, được tìm thấy đã chết ngạt trong một bãi đỗ xe bỏ không. Thật khó mà tin nổi một chuyện như vậy có thể xảy ra với một người chúng tôi quen biết. Nếu anh chưa từng chứng kiến một người mẹ ở đám tang cô con gái bị sát hại thì cũng coi như anh chưa từng thấy một người than khóc. Cô bé mới có chín tuổi đầu. Một đêm cô bé bị bắt đi qua khung cửa sổ để ngủ. Chuyện này được nhắc đầy trên các báo. Mới đầu chỉ là mất tích. Sau đó người ta tìm thấy thi thể cô bé. Chứng kiến Janine ở đám tang, xung quanh là những bức ảnh của cô bé Jessica, gia đình cố đỡ chị đứng dậy - thậm chí cả Tom Mota cũng tan nát cõi lòng. Sau đó lúc chúng tôi đang ở ngoài nhà tang lễ, trong bãi đỗ xe buồn rầu nói chuyện với nhau, thì Tom bắt đầu đập phá chiếc Miata đời 1994 của mình. Chẳng bao lâu sau tất cả mọi người đều chú ý đến gã. Gã dấm nắm tay vào cửa kính và buông ra những tiếng hét “Mẹ kiếp!” khủng khiếp. Gã đập vào cánh cửa và lốp xe. Cuối cùng gã đổ sụp xuống cạnh thùng xe, người rung lên nước nở. Đó không phải là hành vi gì quá đáng trong hoàn cảnh như vậy, nhưng chúng tôi hơi ngạc nhiên khi thấy Tom có vẻ là người bị tác động mạnh nhất. Gã nằm vật ra trên bãi đỗ xe của nhà tang lễ trong bộ vest và cà vạt, nước nở như một đứa trẻ. Một vài người bước tới an ủi gã. Chúng tôi cho rằng thái

độ của gã như vậy phần nào cũng liên quan đến chuyện vợ cũ của gã đưa các con tới Phoenix. Có một điều chúng tôi biết chắc - bất chấp tất cả những sự đoán chắc của chúng tôi, khó mà đoán được một người nào đó đang nghĩ gì tại một thời điểm nhất định.

Chúng tôi tin rằng những đợt suy thoái đã trở thành lạc hậu bởi công nghệ tinh vi của nền kinh tế mới. Chúng tôi tưởng mình đã miễn nhiễm khỏi những thứ như đóng cửa nhà máy ở Iowa và Nebraska, nơi những người Mỹ vùng sâu vùng xa vật lộn với nơi ăn chốn ở và nợ thẻ tín dụng. Chúng tôi xem những người lao động chân tay đó được phỏng vấn trên ti vi. Do độ dài của đoạn băng, không thể nào không cảm thấy sự buồn bã và lo lắng mà chắc hẳn họ cảm thấy cho bản thân mình và gia đình. Nhưng chúng tôi nhanh chóng chuyển tiếp sang chương trình thời tiết và thể thao rồi đến khi chúng tôi lại nghĩ đến họ, thì đó đã là một nhà máy khác ở một thành phố khác, và chính quyền bang đang cung cấp các chương trình chuyển đổi việc làm cho công nhân, các dịch vụ điều chỉnh và tái đào tạo, rồi lại còn các hội thảo kỹ năng nữa chứ. Họ sẽ ổn cả thôi, ơn Chúa là chúng tôi không phải lo lắng về một điều bất hạnh như vậy. Chúng tôi là những công dân của thế giới văn phòng, được hậu thuẫn bởi bằng cấp hoành tráng và được lót bằng lớp mỡ của doanh nghiệp. Chúng tôi đứng trên những lực lượng thị trường đồng đánh do sản xuất thừa và quản lý kém lượng hàng tồn kho.

Chúng tôi đã không tính đến rằng trong một giai đoạn suy thoái, chúng tôi chính là lượng hàng tồn kho bị quản lý kém, và chúng tôi sắp bị tổng khứ như một đồng bảng vi mạch nhập khẩu thừa thãi. Trên đường lái xe về nhà chúng tôi băn khoăn không hiểu ai là người tiếp theo. Scott McMichael là người tiếp theo. Vợ anh ta vừa mới sinh con. Sharon Turner là người tiếp theo. Vợ chồng cô ta vừa mới mua nhà. Những cái tên - chỉ là những cái tên đối với bất kỳ ai khác, nhưng đối với chúng tôi thì đó là những cá nhân gọi cho chúng tôi niềm thông cảm sâu sắc nhất. Những người cho đồ của

mình vào hộp, bắt vài bàn tay, và bỏ đi không một lời kêu ca. Họ chẳng có lựa chọn gì trong chuyện này, và họ có một kiểu buồn xuôi lặng lẽ trước số phận hẩm hiu của mình. Khi họ rời đi, chúng tôi cảm tưởng đó hầu như là một sự hy sinh. Họ ra đi, để chúng tôi có thể ở lại. Và chúng tôi ở lại, mặc dù trái tim chúng tôi đi ra cùng với họ. Sau đó đến Tom Mota, kẻ muốn ném máy tính của mình vào cửa sổ.

Gã để râu dê và lực lưỡng như một con chó bun, chắc nịch, chân tay ngắn ngắn và cái cổ nần nẫn thịt. Gã không thuộc về nơi chúng tôi đang ở. Nói như thế không hẳn là hạ mình gì mà chủ yếu để cố diễn tả một sự thật mang tính xây dựng. Chắc hẳn gã sẽ hạnh phúc hơn nếu ở nơi nào khác - đồn cây trong rừng, hoặc quăng lưới cho một ngư trường ở Alaska. Thay vào đó, gã mặc đồ kaki, ngồi trên sofa góc uống cà phê sữa, thảo luận cách tốt nhất để làm cho nhãn hiệu tã giấy của khách hàng của chúng tôi đồng nghĩa với “thấm tốt hơn”. Ấy là nói cái hồi chúng tôi vẫn còn khách hàng sản xuất tã giấy. Sau khi quyết định không ném chiếc máy tính của mình vào cửa sổ, Tom lưu luyến những quyển tạp chí của gã. Gã nói với Benny, “Benny, anh bạn, cậu phải lấy đồng tạp chí của tớ ở chỗ Jim về. Thằng chó ấy giữ chúng hai tháng rồi. Tớ sẽ không rời khỏi đây mà không có chúng - nhưng tớ không thể đi ra ngoài kia. Tớ không muốn phải nhìn thấy bất kỳ ai.” Khi Benny kể cho chúng tôi nghe điều đó, chúng tôi cảm thấy thương hại cho Tom. Tất nhiên Tom chẳng đời nào muốn như thế. Gã sẽ nhỡ thảng sự thương hại đó vào mặt chúng tôi. Chẳng ai muốn lòng thương hại cả. Họ chỉ muốn biến thảng ra khỏi đây, cho khuất mắt, để làm dịu bớt nỗi đau của sự chế giễu, và sau đó họ chỉ muốn quên đi toàn bộ trải nghiệm khốn nạn này. Họ không thể làm cái việc đi ra sánh lấy lại những cuốn tạp chí. Mười phút sau Benny quay lại phòng làm việc của Tom với những quyển tạp chí *Car and Driver*, *Rolling Stone*, *Guns and Ammo* cũ rích. Tom đang ngồi trên sàn phòng làm việc, lên dây đồng hồ. Benny nói, “Tom.” Tom không trả lời. “Tom?” Benny nói. Tom vẫn mãi miết lên dây đồng hồ. Sau đó gã đứng lên, mở một ngăn kéo bàn, và lôi ra một trong những cái áo phông



công ty mà gã vẫn mặc nhiều ngày liền. Cái màu xanh lam (áo của Benny) và cái màu xanh lục (của Jim) cũng ở trong ngăn kéo bàn. Tom cởi áo sơ mi của mình ra và mặc chiếc áo phong màu đỏ vào. “Chúng nghĩ tớ là một thằng hề,” gã nói với Benny. Benny trả lời, “Không. Không ai nghĩ cậu là thằng hề cả, Tom. Họ túm được bi của cậu rồi, anh bạn - mọi người đều biết điều đó.” “Đưa cho tớ cái kéo kia,” Tom nói. Benny kể là anh ta ngoái lại sau lưng thì thấy một chiếc kéo trên giá sách của Tom. Benny nói với chúng tôi là anh ta không hề muốn đưa kéo cho Tom. “Chúng nghĩ tớ là một thằng hề,” Tom lặp lại khi anh ta bước tới giá sách tự chộp lấy chiếc kéo rồi bắt đầu cắt vào đầu gối ống quần là thủng li. “Cậu đang làm gì vậy, Tom?” Benny vừa hỏi vừa cười khùng khục lo lắng. Anh ta vẫn còn đang cầm mấy cuốn tạp chí cũ của Tom. Anh ta đứng nhìn Tom lia kéo một vòng cho đến khi ống quần rơi xuống mắt cá chân gã. Sau đó gã bắt tay vào cắt một bên ống tay chiếc áo phong, ở phía đối diện với ống quần đã bị cắt ngắn. “Tom,” Benny nói. Chẳng mấy chốc đã trông thấy cánh tay rám nắng của Tom hở ra đến tận vai. Một hình xăm dây thép gai quấn quanh bắp tay anh ta. “Tom, nghiêm túc đấy - cậu đang làm gì vậy?”

“Cậu làm ơn hộ tớ một việc được không,” Tom hỏi, “cắt một lỗ ở sau lưng áo cho tớ?”

“Tom, tại sao cậu lại làm thế này?”

Thỉnh thoảng phải dùng đến những biện pháp quyết liệt. Có những lần có người phải mang một gói bưu phẩm lên xe lái một mạch tới chi nhánh của hãng chuyển phát nhanh FedEx ở Palatine nơi có thời gian chuyển hàng nhanh nhất *trong toàn bang* chỉ để bảo đảm hàng được chuyển đến nơi qua một đêm. Một mẫu quảng cáo mới phải trình bày với khách hàng vào thứ Hai có nghĩa là một tuần liền phải làm việc đến một giờ sáng và tranh thủ ngủ vài tiếng đồng hồ trên những chiếc sofa vạ vật vào Chủ nhật. Nó được gọi là trường hợp chuông báo cháy, và một khi nó xảy ra bạn phải bỏ tất cả

lại một bên. Không còn chuyện đến phòng thể dục nữa. Vé xem hát cũng bị hủy. Bạn không được gặp ai hết, từ đứa con năm tuổi, nhà tư vấn hôn nhân, nhà tài trợ, thậm chí đến cả con chó của bạn cũng không nốt. Chúng tôi sợ chuông báo cháy. Đồng thời tất cả chúng tôi đều cùng tham gia vào đó, và sự biến đổi của nhóm có thể khiến chúng tôi sửng sốt, sau năm ngày đổ mồ hôi sôi nước mắt. Ăn đồ mua về, cười nói quanh một ngăn làm việc, cùng dồn tâm trí giải quyết việc nào đó khó nhằn - năm sáu ngày liền như thế và không cách nào miễn dịch nổi trước sự thân thiết đó. Những người chúng tôi làm việc cùng, với tất cả những khiếm khuyết hạn chế cố tật của họ - chúng tôi phải thú nhận với chính mình, hóa ra cũng không đến nỗi quá tệ. Mà *cái đó* ở đâu ra nhỉ? Do đâu mà nảy nòi ra sự thân thiết này? “ ‘Tình yêu ngập tràn lòng ta dành cho người anh em của mình’,” Hank Neary nói, trích dẫn này nọ. Lúc nào anh ta cũng trích dẫn này nọ và chúng tôi ghét cái thói đó, trừ phi chúng tôi đang ở trong giai đoạn có chuông báo cháy, trong trường hợp ấy chúng tôi yêu quý anh ta như một người anh em. Thứ tình yêu đó sẽ tiêu tan trong vòng một tuần. Nhưng trong thời gian đó, công việc là một nguồn suối, một nguồn ánh sáng chân chính, nuôi dưỡng một cộng đồng chan chứa yêu thương.

Rồi suy thoái ập đến và thế là chẳng còn chuông báo cháy nào nữa cả. Không còn cảnh học tốc chạy đến Palatine, không còn những đêm làm việc đến một giờ sáng, không còn tình yêu ngập tràn lòng ta dành cho người anh em của mình.

Benny đi xuống thang máy cùng với Tom. Với bộ quần áo cắt tả tơi, trông Tom như kẻ bị đánh dạt vào bờ sau một vụ đắm tàu, nát bươm và bấu víu vào đúng một tấm ván. Giày tất của gã đã được cởi ra, để trong phòng làm việc cùng những quyển tạp chí bị bỏ lại, mấy bức ảnh chân dung chụp ở studio Kmart của các con gã, và đồng vải vứt đi từ quần áo gã.

“Cậu định làm gì vậy?” Benny hỏi.

“Cậu nghĩ tớ định làm gì?” Tom hỏi một cách cường điệu, đúng lúc họ vừa xuống đến tiền sảnh. “Tớ định đi tìm một công việc mới.”

“Không,” Benny nói. “Ý tớ là ngay bây giờ ấy. Cậu định làm gì ngay bây giờ?”

Họ ra khỏi thang máy. Tom đã dốc hết bút máy và bút chì ra khỏi một chiếc ca gã vẫn để trên bàn và giờ thì chiếc ca rỗng không đó là vật sở hữu duy nhất của gã. Tom dừng lại ở gờ cửa chờ thang máy bằng đá cẩm thạch và chăm chú nhìn những thang máy khác đi xuống. “Cậu có bao giờ đọc Ralph Waldo Emerson không?” Tom hỏi Benny. Benny không biết phải đứng ở chỗ nào. Anh ta kể với chúng tôi là anh ta không biết tại sao họ lại dừng ở chỗ gờ cửa chờ thang máy. “Cậu đang định làm gì vậy, Tom?” “Hãy nghe những gì Emerson nói,” Tom nói. Tom bắt đầu trích dẫn. “ ‘Bất chấp tất cả thói khôn lỏi của chúng ta, bất chấp sự nô lệ vào thói quen đến mức hủy hoại tâm hồn chúng ta, không thể nghi ngờ một điều rằng tất cả mọi người đều có những ý nghĩ cao cả’. Cậu đã nghe thấy chưa, Benny? Cậu đã nghe thấy chưa, hay cậu cần tớ đọc lại cho cậu nghe?” “Tớ nghe thấy rồi,” Benny trả lời. “Chúng chưa bao giờ biết tớ,” Tom vừa nói vừa lắc đầu và giơ tay chỉ vào lũ khốn kiếp đó. “Chúng chưa bao giờ biết.”

Thang máy đầu tiên đến, và những người đi ăn trưa từ hãng luật bước ra. Tom giơ chiếc ca rỗng của gã ra trước mặt họ. “Xin hãy cứu giúp kẻ thất nghiệp được không ạ?” gã vừa hỏi vừa lắc lắc chiếc ca. “Ôi, xin hãy giúp đỡ kẻ không nghề nghiệp này được không?”

“Tom,” Benny nói.

“Benny, có cú đi không thì bảo? Hãy giúp tôi với, anh bạn, xin anh làm ơn? Tôi vừa mới mất việc hôm nay.”

Và đó là giờ phút cuối cùng của Tom.

Chúng tôi nghe chuyện này từ Benny ngay sau khi anh ta kể cho chúng tôi nghe câu chuyện Tom vác một cây gậy nhôm đến ngôi nhà ở Naperville như thế nào khi gã biết là bọn trẻ đang ở nhà bà ngoại, và tất cả những gì về mặt pháp lý được cho là “của Tom” trong phán quyết ly hôn, tất cả những gì “của Tom” và có thể bị đập nát tan tành bằng một cây gậy nhôm, đều phải lãnh đủ cú đập của Tom cho tới khi cảnh sát đến để khống chế gã.

Amber Ludwig, người có thân hình chắc lắn, núc ních của một con hải cẩu, với hai bàn tay rất nhỏ và cặp mắt đen sát gần nhau, nói rằng cô ta sợ Tom sẽ quay trở lại và xả súng như người ta vẫn nghe thấy trên các bản tin. “Không, nghiêm túc đấy,” cô ta nói. “Tôi nghĩ hẳn chưa chịu để yên đâu. Mà tôi không nghĩ hẳn có lúc nào chịu *để yên*.”

Amber chưa lộ bụng bầu nhưng tất cả mọi người đều đã biết. Cô ta đang cân nhắc bỏ cái thai nhưng, trước sự thất vọng vô cùng của Larry Novotny, có vẻ như đang nghiêng về phía chống lại ý định đó. Larry sẽ phải quyết định làm gì với vợ mình, người cũng vừa mới sinh con trước đó chưa lâu. Chúng tôi cảm thấy thương cho Larry, suốt mùa xuân năm đó anh ta cứ ngồi nhai cái lưỡi trai cong queo, bắn thiu trên chiếc mũ bóng chày đội Cubs, nhưng chúng tôi nghĩ rõ ràng là lẽ ra anh ta phải giữ súng của mình trong quần mới phải. Chúng tôi cũng cảm thấy thương cho Amber, nhưng như tất cả mọi người đều biết, muốn nhảy tango thì cũng phải có hai người. Chúng tôi chỉ hy vọng là họ không làm điều đó trên bàn làm việc của chúng tôi.

Chúng tôi hỏi Amber là cô ta có thực sự, thực sự nghĩ rằng Tom có thể gây ra một vụ tắm máu không.

“Có chứ,” cô ta nói. “Với hắn thì chẳng có gì là không thể cả. Hắn là một thằng điên.”

Chúng tôi cố thuyết phục cô ta rằng những chuyện như vậy chỉ xảy ra tại các nhà máy và kho hàng, và như thế thì chỉ có ở mạn Bờ Nam thôi. Một cuộc tranh luận nổ ra. Liệu Tom có thể làm thật không? Hay gã chỉ là một thằng hề? Cái trò ở đám tang con gái Janine là thế nào nhỉ, khi mà gã cứ khóc mãi không thôi, ngay cả sau khi chúng tôi đã đến quán bar? Chẳng phải đó là bằng chứng cho thấy thằng cha đó cũng có trái tim sao?

“Được rồi,” Amber nói, “được rồi, nhưng các anh gọi cái trò đứng trên lỗ thông hơi khoe mông với những người đi bơi từ cửa sổ phòng hắn là gì? Thế gọi là gì nào?” cô ta hỏi.

Cô ta đang nói đến cái bể bơi trên sân thượng khách sạn Holiday Inn mà phòng làm việc của Tom trông xuống, và cái kiểu Tom vẫn đứng sát vào mặt kính mà áp cả mông vào. Trêu đùa! Chúng tôi kêu ầm lên. Cho vui thôi mà! Thế sao gọi là điên được. Amber hoàn toàn bị áp đảo. Chúng tôi biết Tom. Chúng tôi biết Alan Glew, Linda Blanton, Paul Saunier. Chúng tôi biết Neil Hotchkiss cùng với Cora Lee Brower và Harold Oak. Không có ai trong số họ là người có thể quay lại đây với một cơn ác mộng trong ba lô. Họ đã bị cho nghỉ việc. Họ đã gói ghém đồ của mình. Họ chia tay chúng tôi mãi mãi, không bao giờ quay lại.

Tất cả mọi người đều ngạc nhiên khi Janine quay lại. Tất nhiên ai cũng hiểu là chị có thể quay lại bất kỳ lúc nào chị muốn. Chúng tôi chỉ không nghĩ, xét theo tất cả những gì chị đã phải trải qua, là chị quay trở lại đây, tiếp tục công việc hằng ngày trước kia - làm sao việc đó có thể giúp làm vơi bớt nỗi đau đớn của chị? Nhưng có thể đó chính là những gì chị cần, công

việc gì đó để khuây khỏa tâm trí chị. Trông chị như già đi, nhất là trong đôi mắt. Những chiếc áo của chị thật nhàu nhĩ. Mái tóc màu nâu mỏng quẹt và xơ xác trong khi trước kia ngày nào chị cũng chải chuốt kỹ càng, và có những ngày chị hôi rình. Ngày đầu tiên chị quay lại làm việc, chị cảm ơn chúng tôi vì những tờ rơi. Lynn Mason đã nảy ra sáng kiến in tờ rơi khi chúng tôi biết tin cô bé bị mất tích. Genevieve Latko-Devine, vốn được coi là người tốt bụng và tử tế nhất trong chúng tôi, đã lái xe đến tận Bắc Aurora, nơi gia đình Gorjanc sống, để lấy một bức ảnh của Jessica. Cô ta quay trở lại văn phòng với một bức chân dung chụp hồi lớp bốn. Chúng tôi scan bức ảnh, tải nó lên máy chủ, và bắt đầu thực hiện bản quảng cáo.

Genevieve ngồi ở máy tính tiến hành công việc. Jessica là một cô bé bình thường với mái tóc màu sáng và nước da nhợt nhạt cùng nụ cười không may lại méo xẹo. Chúng tôi bảo Genevieve rằng cứ thế này sẽ chẳng ai chú ý đến Jessica cả.

“Vậy các cậu muốn tôi phải làm gì bây giờ?” cô ta hỏi.

“Chúng ta hãy sửa sang lại một chút,” Joe Pope nói. “Cho ảnh cô bé vào Photoshop.”

Chúng tôi làm việc bằng những chiếc máy tính Mac. Một số trong chúng tôi có những chiếc Mac mới, một số có máy tính xách tay cấu hình cao, và một số linh hồn bất hạnh phải đập điên cuông dưới gầm bàn để giữ cho tia lửa điện chạy qua những mẫu máy tính đã tuyệt chủng của mình. Chúng tôi tạo những lớp ma kết trong QuarkXPress<sup>[6]</sup>; tất cả những điều chỉnh hình ảnh đều được chúng tôi làm bằng Photoshop. Genevieve cho bức ảnh cô bé vào Photoshop và bắt đầu chỉnh sửa mái tóc cùng những vết tàn nhang của cô bé. Chúng tôi xem thử và mọi người đều nhất trí rằng cô bé vẫn sẽ bị bỏ qua.

“Thử làm chỗ này tối hơn một chút xem,” Joe vừa nói vừa lấy ngón tay khoanh một vòng quanh khuôn mặt cô bé. “Chúa ơi, màn hình của cô bẩn quá,” anh ta nói thêm. Anh ta lấy ra một tờ khăn giấy từ hộp của cô ta và lau bụi. Anh ta ngắm nghía lại. “Giờ thì trông cô bé còn nhợt nhạt hơn cả lúc trước.”

Genevieve thử một vài thủ thuật khác. Chúng tôi nhìn cô bé. Joe lắc đầu. “Bây giờ trông cô bé như bị cháy nắng,” anh ta nói. “Cho trở lại như cũ một chút.”

“Tôi nghĩ chúng ta đang quên mất mục đích quan trọng nhất ở đây,” Genevieve nói.

Nhưng chúng tôi sợ là nếu trông cô bé nhợt nhạt quá, mọi người sẽ không thèm để mắt đến tờ rơi.

Genevieve không hề thiếu những lời gợi ý mới. “Cho đậm chữ ‘MẤT TÍCH’ lên một chút,” Jim Jackers nói.

“Và cho nổi thêm dòng chữ thưởng 10.000 đô la,” Tom gợi ý. “Tớ không biết bằng cách nào, chỉ là... sử dụng một phông chữ khác chẳng hạn.”

“Và cậu có một số vấn đề về giãn cách,” Benny đứng bên cạnh nhắc nhở.

Tất cả chúng tôi đều muốn giúp. Genevieve vật lộn với bức ảnh thêm một tiếng đồng hồ nữa, thêm chỗ này bớt chỗ kia, cho đến khi ai đó đề xuất cô ta sửa cho nụ cười của cô bé trông đỡ méo xẹo hơn. Như thế trông Jessica sẽ xinh xắn hơn.

“Được rồi,” cô ta kết luận, “đến đây chúng ta chính thức xong việc nhé.”

Chiều hôm đó chúng tôi lôi ra hết bản in màu này đến bản in màu khác và chia chúng trong phòng phát hành. Mấy người trong chúng tôi lái xe ra Bắc Aurora và dành cả buổi tối đi dán chúng - ở thư viện công cộng, trung tâm của Hội Thanh niên Cơ Đốc giáo YMCA, lối vào những cửa hàng tạp phẩm, trong các quán cà phê Starbucks và rạp chiếu phim và cả trong những cửa hàng đồ chơi Toys “R” Us, và trên tất cả các bột điện thoại quanh vùng. Ba ngày sau người ta tìm thấy cô bé trong giấy bọc ni lông tại một bãi đất bỏ không.

Chúng tôi treo đồ trang trí và chuẩn bị bánh cho ngày trở lại của Janine. Ngày hôm sau Joe Pope tìm thấy chị đang khóc trước gương trong phòng vệ sinh nam. Chị đã rối trí và đi vào nhầm cửa. Họạ hoãn lắm mới biết tin tức gì đó từ Joe Pope, vì anh ta không nói chuyện với nhiều người, nên lẽ ra chúng tôi đã không biết là anh ta tìm thấy Janine trong phòng vệ sinh nam. Nhưng anh ta đã nói chuyện với Genevieve Latko-Devine, và Genevieve nói chuyện với Marica Dwyer, và Marcia nói chuyện với Benny Shassburger, và Benny Shassburger nói chuyện với Jim và Amber, hai người này lại nói chuyện với Larry và Dan Wisdom và Karen Woo, mà Karen thì chưa bao giờ gặp ai cô ta lại chưa nói chuyện. Không sớm thì muộn tất cả mọi người sẽ biết tất cả mọi chuyện, đó là lý do tại sao chúng tôi lại biết là Janine vẫn chưa vượt qua được nỗi đau mất mát của chị, hoàn toàn không một chút nào, vì chị đã rối trí mà đi nhầm vào phòng vệ sinh nam. Chúng tôi hình dung ra chị bên bồn rửa, tì vào thành đá cẩm thạch để đứng vững, đầu gục xuống và đôi mắt mệt mỏi nhỏ những giọt nước nặng trĩu, hoàn toàn không nhận ra những bồn tiểu nam trong gương. Sau khi quay lại, chị hầu như không bao giờ mở lời trong bữa trưa.

Chúng tôi nói về chuyện Janine đi nhầm vào phòng vệ sinh nam. Không một ai nghĩ là nên giữ kín chuyện này, nhưng chúng tôi cẩn thận không chế giễu sự kiện đó hoặc biến nó thành một trò đùa. Có vài kẻ làm thế, nhưng không nhiều. Đó rõ ràng là một bi kịch. Chúng tôi biết chuyện, nhưng làm



thế nào chúng tôi lại có thể biết một chút nào về nó nhỉ? Một số người thảo luận chuyện này để phá vỡ lẽ thói cũ, nhưng hầu hết chúng tôi sử dụng thông tin đó để giải thích tại sao chị lại yên lặng trong giờ ăn trưa. Sau đó chúng tôi không đã động đến chuyện toilet nam nữa. Tức là cho đến khi Janine bắt đầu mang ảnh của Jessica vào văn phòng đặt lên kệ tủ và giá sách rồi treo lên tường. Những bức ảnh chen chúc nhau, chen vai thích cánh tìm chỗ. Một trăm bức ảnh cô con gái xấu số của chị trong vên vện gần bảy mét vuông văn phòng. Ba bức trên mặt tường đối diện với chị là những thứ thô lương nhất chúng tôi từng nhìn thấy. Lại còn làm người ta phải sờn gai ốc thực sự. Đến mức mà chúng tôi cố gắng tránh vào văn phòng của chị. Mỗi khi bắt buộc phải vào, vì công chuyện cấp bách nào đó, chúng tôi không biết phải để ánh mắt vào đâu nữa.

Một buổi chiều thứ Ba trong tháng Năm, Lynn Mason sắp xếp một buổi họp triển khai công việc. Chúng tôi tụ tập trong phòng chị để tham gia cuộc họp. Những cuộc họp triển khai công việc khiến chúng tôi sung sướng vì chúng có nghĩa là chúng tôi có việc để làm. Chúng tôi làm ở bộ phận sáng tạo xây dựng những mẫu quảng cáo và chúng tôi coi công việc quảng cáo của mình là sáng tạo, nhưng nó không sáng tạo bằng một nửa cái việc chúng tôi bỏ công làm dày dặn bảng chấm công của mình mỗi buổi sáng thứ Hai kể từ khi quá trình cắt giảm biên chế bắt đầu. Một cuộc họp triển khai công việc có nghĩa là chúng tôi sẽ có công việc thực sự khiến cho bảng chấm công tuần sau đó trông sẽ đỡ đáng sợ hơn. Nhưng một số người không thích những cuộc họp triển khai công việc khi chúng được bố trí vào lúc mười hai giờ mười lăm. “Đó là lúc hầu hết chúng ta đi ăn trưa, phải không nào?” Karen Woo nói. Bữa trưa đối với Karen là cả một thánh lễ. “Tại sao không bố trí họp vào lúc mười một giờ mười lăm?” cô ta hỏi. “Hoặc thậm chí là một giờ?” Hầu hết những người còn lại trong chúng tôi thì chỉ nghĩ, chẳng sao cả, chỉ cần ăn trưa muộn một tiếng đồng hồ thôi mà.

“Nhưng mà tớ đói,” Karen nói. Có vẻ cô ta không có nhiều cảm thông cho lắm với việc Lynn Mason vừa phát hiện ra là chị bị ung thư và có thể có những suy nghĩ khác cô ta. Và lại, Lynn có thể bố trí lịch họp vào bất kỳ lúc nào chị muốn - chị là bà chủ cơ mà. “Tất nhiên chị ấy *có thể* xếp lịch họp lúc nào tùy ý,” Karen nói. “Nhưng chị ấy có *nên* làm thế không? Đó mới là câu hỏi. Chị ấy có *nên* không?” Nhiều người trong chúng tôi nghĩ Karen nên tự thấy mình may mắn khi còn chưa mất việc.

Trong khi chờ đợi Lynn đến, chúng tôi giết thời gian bằng việc nghe Chris Yop kể chuyện chiếc ghế của Tom Mota. Chúng tôi thích giết thời gian và đã hoàn thiện nhiều cách để làm việc đó. Chúng tôi lê la khắp các hành lang mang theo giấy tờ làm ra vẻ đang bận bịu công việc gì đó trong khi thực ra chúng tôi đang đi tìm kẹo miễn phí. Chúng tôi đi rót thêm cà phê vào cốc ở các tầng không phải của mình. Hank Neary là một con mọt sách. Anh ta đến sớm trong chiếc áo khoác nhung tằm màu nâu với một cuốn sách mượn của thư viện, copy hết các trang trên chiếc máy Xerox, rồi ngồi ở bàn làm việc của mình đọc cái mà những người đi qua cứ tưởng là giấy tờ công việc đơan trang. Cứ hai ba ngày là anh ta lại giải quyết xong một cuốn tiểu thuyết hai trăm trang. Billy Reiser, làm việc ở một nhóm khác và đi lại hơi tập tễnh, thì là một fan nhiệt thành của đội bóng chày Cubs. Cậu ta có một người bạn chuyên lắp đặt chảo vệ tinh. Họ bí mật lên mái nhà, lắp đặt một chảo vệ tinh điều khiển từ xa ở một nơi khuất nẻo, rồi bố trí sao cho tín hiệu dội ngược từ tòa nhà bên cạnh vào phòng làm việc của Billy. Sau đó bạn của Billy bố trí một chiếc tivi dưới bàn làm việc của cậu ta, nghiêng theo một góc nhất định để nếu như Billy ngồi lùi ghế lại phía sau một chút là cậu ta có thể nhìn xuống xem được hình. Khi tất cả đã xong xuôi, cậu ta có đến hai trăm kênh và có thể theo dõi đội Cubs ngay cả ở những trận đấu sân khách. Chúng tôi tụ tập ở đó với số lượng hạn chế khi Sammy Sosa đang chạy về chốt nhà để ghi điểm. Vấn đề là Billy lo sợ có người sẽ phát hiện ra vụ chảo vệ tinh, nên cứ mỗi lần Sammy cố cú ăn điểm và chúng tôi hò hét như điên là chúng tôi lại bị đá đít ra ngoài.

Tom Mota đã bị cho nghỉ vào cái tuần trước khi Chris Yop kể cho chúng tôi nghe câu chuyện về chiếc ghế của gã. Yop kể anh ta đang dọn dẹp bàn làm việc của mình thì ngẩng đầu lên và nhìn thấy người quản lý văn phòng đứng ở ngưỡng cửa. Mụ quản lý văn phòng của chúng tôi toát ra mùi cây phi và sợi thảm, có một cái mụn ruồi to đùng trên má trái, và không bao giờ mở miệng chào bất kỳ ai. Nghe đồn là, giống như bọn kiến, lưng mụ có thể chịu nổi gánh nặng gấp mấy lần trọng lượng cơ thể. Mụ đứng ở cửa phòng Yop, hai cánh tay khoanh lại, dựa vào khung cửa và chăm chăm nhòm giá sách của Yop. Mụ hỏi đó có phải là giá sách của Tom Mota không. “Thế là tôi bảo mụ ta,” Yop kể với chúng tôi, “ ‘Của Tom Mota? Gì cơ, cái này ấy à?’ ‘Cái giá sách ấy,’ mụ nói. ‘Có phải giá sách của Tom không?’ ‘Giá sách ấy à? Không,’ tôi nói, ‘đây không phải là giá sách của Tom. Đây là giá sách của tôi.’ ‘Hừm, có người lấy giá sách của Tom ra khỏi văn phòng của anh ta,’ mụ ta bảo tôi, ‘và tôi phải lấy lại nó.’ Ở thời điểm đó Tom vừa bị hốt đi, bao nhiêu nhĩ, một ngày phải không? Chuyện xảy ra thứ Ba tuần trước - ý tôi là cái xác thậm chí còn chưa lạnh, thế mà mụ ta lại đứng ở ngay ngưỡng cửa và buộc tội tôi ăn cắp? Thế là tôi nhắc lại với mụ ta, tôi nói, ‘Đây không phải giá sách của anh ta, đây là giá sách của tôi.’ Nhưng đến lúc này thì mụ đã bước vào phòng tôi, đúng vậy đấy, phăm phăm vào. Mụ ta bước vào phòng tôi và bảo, ‘Đây có phải là ghế của anh ta không? Có phải anh đang ngồi trên ghế của Tom không?’ Mụ ta chỉ vào nó, đúng thế đấy. Mụ ta nghĩ đó là ghế của anh ta. Đó là ghế của tôi cơ mà. Còn kia là giá sách của anh ta, cái đấy thì chắc chắn rồi. Tôi mang nó ra khỏi phòng làm việc của anh ta khi anh ta bị hốt đi rồi khiêng về phòng mình. Nhưng chắc như đinh đóng cột đó không phải là ghế của anh ta. Đó là ghế của tôi cơ mà! Thế là tôi bảo, ‘Đây á? Đây là ghế của tôi. Cái ghế này là của tôi.’ Và mụ ta bảo, mụ ta bước thẳng vào phòng và đứng rất sát vào tôi, mụ ta bảo, mụ ta chỉ đứng cách tôi có hơn gang tay, có thể là ba gang tay, mụ ta vừa bảo, vừa chỉ vào ghế của tôi, ‘Anh có phiền không nếu tôi kiểm tra qua số series?’ Nào, có ai biết về chuyện đó không?” anh ta hỏi chúng tôi. “Ai đã biết về cái vụ

số series này nào?” Không một ai trong chúng tôi từng nghe nói gì về số series cả. “Đúng, số series,” Yop nói tiếp. “Họ gắn số series vào đằng sau tất cả mọi thứ. Bằng cách đó họ có thể theo dõi mọi thứ, ai có cái gì và nó đang ở phòng nào. Các cậu có biết chuyện này không?”

Chúng tôi để anh ta tiếp tục huyền thuyên vụ số series vì cơn phẫn nộ của anh ta là đặc thù của thời điểm đó. Chris là một người dễ bị kích động, và càng nói thì cả khuôn mặt anh ta hình như càng run bần lên. Hai bàn tay đầy sinh động của anh ta hơi run rẩy một chút, như thể đang vật lộn với một cơn say chất caffeine. Anh ta đã khuyến khích chúng tôi gọi anh ta là Yop vì nó khiến anh ta cảm thấy trẻ trung hơn, sành điệu hơn và dễ được chấp nhận hơn. Anh ta nuôi dài mái tóc đang ngả màu muối tiêu của mình, nên nó quấn lên ở gần tai, nhưng tuối tác đã làm nó thưa đi trên đỉnh đầu. Anh ta kết hôn với một người phụ nữ tên là Terry và vào cuối tuần anh ta chơi những bản nhạc rock dở ẹc cho một ban nhạc chuyên hát lại những bài của thập niên 1970. Lúc nào anh ta cũng hỏi mọi người là dạo này họ đang nghe gì. Chúng tôi thấy anh ta nửa đáng quý, nửa đáng thương khi đi qua phòng anh ta và nghe thấy album nhạc rap mới toanh nào đó vọng ra từ máy nghe đĩa của anh ta, khi mọi người đều biết thứ anh ta thực sự muốn nghe là *Blood on the Tracks*. Chúng tôi nghe câu chuyện anh ta kể về chiếc ghế của Tom Mota từ nhiều vị trí khác nhau trong văn phòng bừa bộn của Lynn. Chị có một chiếc bàn mặt kính cùng một chiếc ghế sofa bọc da trắng, và chúng tôi còn ngả ngớn cả ở ngưỡng cửa và dựa vào tường, giết thời gian trong khi chờ đợi chị. Karen Woo liên tục nhìn đồng hồ và thở dài vì Lynn đang đến muộn trong cuộc họp của chính chị.

“Tôi mới bảo chứ, ‘Số series à?’ ” Yop nói tiếp. “Và mẹ ta bảo, mẹ ta đang đứng ngay đằng sau tôi, đúng thế đấy, mẹ ta bảo, ‘Nhìn thử xem.’ Thế là tôi ra khỏi ghế của mình, tôi nhìn thử - số series! Ngay đằng sau ghế của tôi! ‘Những cái này ở đâu ra?’ tôi hỏi mẹ ta. Mẹ không trả lời tôi. Thay vào đó mẹ nói, ‘Cho tôi mượn một cái bút được không?’ Mẹ ta muốn mượn bút

để ghi lại số series! Tôi nghĩ, cái kiểu tổ chức phát xít gì thế này - ‘Này này!’ tôi nói. ‘Đây là ghế của tôi mà.’ Nhưng mẹ ta không thèm đếm xỉa gì đến tôi cả - mẹ ta còn đang ghi lại số series cơ! Sau đó mẹ ta bước lại chỗ giá sắt và mẹ ta bắt đầu ghi lại cả số series ở đó nữa rồi mẹ ta bảo, ‘Còn cái giá sắt này thì sao?’ Lúc này tôi đang ở tình thế há miệng mắc quai, vì tôi đã nói dối về vụ cái giá sắt, hẳn rồi, nhưng tôi đang nói thật về chiếc ghế. Tôi quan tâm đến cái giá sắt làm *đếch* gì. Cứ lấy cái giá sắt đi. Chỉ cần để lại cái ghế cho tôi.”

Chúng tôi nhắc Yop chắc anh ta định nói là *giá sách*.

“Thế tôi vừa nói là gì?” anh ta hỏi chúng tôi.

Chúng tôi bảo là anh ta cứ nói thành *giá sắt*.

“Giá sắt à?”

Đúng rồi - ban đầu thì là *giá sách*, nhưng sau đó anh ta bắt đầu nói thành *giá sắt*.

“Nghe này, đừng có để ý đến tôi nữa được không,” anh ta nói. “Tôi vẫn thế mà, vẫn toàn nói nhịu chứ có gì đâu. Vấn đề chính là, cứ lấy cái giá sách đi. Chỉ cần để lại cho tôi cái ghế. Nó là ghế của tôi mà. ‘Nhưng có phải giá sách *của anh* không?’ mẹ ta hỏi tôi. Đó là một câu hỏi thuộc phạm trù đạo đức với con mẹ này, nó là của ai. Thế là tôi bảo, ‘Đúng, nó là của tôi, nhưng cô cứ lấy đi, không sao cả. Tôi không muốn nó nữa.’ Tôi không muốn nó nữa à? Có ai không muốn cái giá sách đó cơ chứ? Nhưng tôi không muốn mất chiếc ghế của mình - chiếc ghế *hợp pháp* của mình, thế là tôi bảo, ‘Cứ tự nhiên, cứ lấy đi’.”

Chúng tôi không muốn lại ngắt lời anh ta, nhưng chúng tôi cảm thấy cần thiết phải nhắc cho anh ta nhớ rằng nhiệm vụ của mẹ ta, trên cương vị người quản lý văn phòng, là phải theo dõi đồ đạc trong văn phòng và những việc đại loại.

Yop phớt lờ chúng tôi. “Mà mẹ ta có cái gì ở trên cổ tay vậy?” anh ta hỏi.

Yop đang hỏi về hình xăm của người quản lý văn phòng. Đó là hình xăm một con bọ cạp với cái đuôi quấn xung quanh cổ tay.

“Mà tại sao một người phụ nữ lại làm thế với chính mình cơ chứ?” anh ta hỏi. “Và tại sao chúng ta lại thuê một người phụ nữ đi làm thế với chính mình?”

Đó là một câu hỏi rất hay. Chúng tôi cứ tưởng anh ta biết câu chuyện đùa rồi.

“Câu chuyện đùa nào?” anh ta hỏi.

Con bọ cạp ở đó để bảo vệ ngón tay đeo nhẫn của mẹ ta.

“Để tôi nói cho các cậu biết điều này,” anh ta nói. “Đúng là buồn cười thật, nhưng cái ngón tay đeo nhẫn đó không cần được bảo vệ gì hết. Nhưng được rồi, gì cũng được - mẹ ta cũng chỉ làm công việc của mình. Sao chúng ta lại đi thuê một người xăm bọ cạp trên cổ tay nhỉ, đúng là một điều vượt quá khả năng hiểu biết của tôi, nhưng được rồi, mẹ ta chỉ đang làm công việc của mình. Nhưng đó là chiếc ghế chính đáng của tôi. Nó là ghế của tôi. Mẹ ta lấy ghế của tôi, đó đâu phải là chức trách của mẹ ta. Thế là mẹ ta bảo tôi, mẹ ta bảo, ‘Tại sao anh lại bảo tôi cứ việc lấy cái giá sắt của anh nếu, như lời anh nói, nó thực sự là giá sắt của anh? Tôi không muốn nó nếu như

nó là của anh,’ mẹ ta nói, ‘tôi chỉ muốn lấy nếu nó là của Tom. Tất cả đồ của Tom đều biến mất và công việc của tôi là lấy lại chúng.’ Thế là tôi bảo, cố tỏ ra hoàn toàn ngây thơ và không biết gì hết, tôi bảo, ‘Họ đã lấy những gì vậy?’ Và mẹ ta bảo, ‘Hừm, để xem nào. Bàn của anh ta,’ mẹ ta nói. ‘Rồi ghế, giá sắt, và...’ ”

Chúng tôi xin lỗi vì lại ngắt lời, nhưng anh lại như thế nữa.

“Chuyện gì vậy?” anh ta hỏi.

Thì nói giá sắt.

Yop giơ hai tay lên trời. Anh ta đang mặc một chiếc áo sơ mi chim cò nhàu nhĩ - lông trên cánh tay anh ta đang ngả màu muối tiêu. “Các người làm ơn *nghe* tôi nói được không?” anh ta gào lên. “Các người có làm ơn lặng yên nghe những gì tôi đang cố nói được không? Tôi đang cố gắng nói với các người một điều thực sự quan trọng ở đây. *Họ biết tất cả mọi thứ!* Họ biết tất cả những gì chúng ta đã lấy! Nên tôi còn lựa chọn nào nữa chứ? ‘Cô có thể lấy cái giá sắt, được không nào?’ tôi bảo mẹ ta. *Chỉ cần không lấy cái ghế của tôi là được rồi.* ‘Nhưng đó có phải là giá sách của Tom không?’ mẹ ta hỏi tôi. Đó mới là điều quan trọng đối với mẹ ta. Mẹ ta muốn biết, ‘Có phải anh lấy cái giá sắt này ở phòng của Tom không?’ Và đúng lúc đó tôi mới chợt vỡ lẽ. Tôi sắp bị hót đi chỉ vì tôi lấy cái giá sắt của Tom.”

Giá sách! Chúng tôi gào lên.

“Được rồi!” anh ta gào lên đáp lại. “Và chỉ vì một chuyện vặt vãnh như thế mà tôi sắp bị hót đi đấy! Nghe này, tôi có một ngôi nhà mua bằng vay thế chấp. Tôi có một người vợ. Tôi là một kẻ làm công ăn lương khốn kiếp. Tôi bị hót đi muộn đến thế này trong sự nghiệp của mình, đó là cái mà nó

dành cho tôi đấy. Đây là trò chơi của bọn thanh niên. Tôi thì quá tuổi rồi. Ai sẽ thuê tôi nếu tôi bị hót đi chứ? Tôi thấy không còn lựa chọn nào khác ngoài việc phải thành thật, thế là tôi bảo mẹ ta, ‘Được rồi, nghe này. Cái giá sắt này, đúng không? Tôi sẽ mang nó trở lại phòng Tom. Tôi hứa đấy. Tôi xin lỗi.’ Và mẹ ta bảo, ‘Nhưng anh vẫn chưa trả lời câu hỏi của tôi. Có phải là của anh ta không? Có phải anh đã lấy nó không?’ Vậy là các cậu *biết* đến lúc này thì tôi nghĩ gì rồi đấy. Tôi đã cố gắng ít nhiều tỏ ra trung thực với mẹ ta. Nhưng vẫn không ăn thua gì. Mẹ ta chẳng qua cũng chỉ là một kẻ quan liêu. Thế là tôi bảo thế này, tôi mới bảo chứ, ‘Tất cả những gì tôi biết là, nó đã ở đây khi tôi đi ăn trưa về.’ Và mẹ ta bảo, mẹ ta nhìn đồng hồ, rồi mẹ ta bảo, ‘Bây giờ mới là mười giờ mười lăm.’ Và tôi bảo, ‘Sao cơ?’ ‘Mười giờ mười lăm phút sáng,’ mẹ ta bảo. ‘Anh đi ăn trưa lúc, mấy giờ nhỉ? Chín rưỡi à?’ Sau đó mẹ ta chỉ vào cái giá sắt và mẹ ta bảo, ‘Và tôi đoán tất cả những quyển sách này cũng chỉ vừa mới xuất hiện khi anh đi ăn trưa về, đúng không? Bữa trưa lúc chín rưỡi của anh ấy?’ Và tôi không nói gì hết, thế là mẹ ta bảo, ‘Vậy còn cái ghế xinh xẻo anh đang ngồi trên thì sao? Nó cũng đột nhiên ở đâu đó hiện ra à?’ Và tôi không nói gì cả, thế là mẹ ta bảo, ‘Tôi sẽ quay lại sau khi tôi có cơ hội kiểm tra lại số x của anh. Tôi gợi ý rằng nếu đây là giá sắt của Tom thì anh phải trả nó lại trong phòng của anh ta ngay lập tức. Và tương tự như vậy với bất cứ thứ gì thuộc về Tom.’ Và đó là lúc tôi bảo mẹ ta, ‘Ê này, khoan cái đã, thưa quý cô. Ý cô là sao, *thuộc về Tom*? Không có gì thuộc về Tom hết. Tom chỉ làm việc ở đây thôi. Không có gì *từng* thuộc về Tom cả. Không có gì thuộc về *bất kỳ ai* ở đây cả, bởi vì họ có thể lấy nó khỏi các bạn như *thế* đấy.” Yop búng ngón tay đánh tách một cái. “Nghe con mẹ đó trả lời như thế nào nhé,” anh ta nói. “ ‘Ừ, xin lỗi, thì không,’ mẹ ta nói. ‘Tôi e là tất cả những thứ này thuộc về tôi’.”

Yop chìa tay ra như van vãi, mắt anh ta trợn tròn. Anh ta chờ đợi chúng tôi cũng phần nộ trước việc mẹ quản lý văn phòng dám nói một câu như vậy, nhưng sự thật thì, nó hoàn toàn không làm chúng tôi ngạc nhiên chút



nào. Xét ở góc độ nào đó, đúng là mọi thứ thuộc về mẹ ta thật. Mẹ ta sẽ không bị cho nghỉ việc. Ai mà không cần một người quản lý văn phòng.

“Ôi, tôi uất không để đâu cho hết,” anh ta nói. “*Không có gì* khiến tôi điên tiết hơn việc những kẻ đầu óc nhỏ nhen quanh đây lại có nhiều quyền lực *đến thế*, để rồi chúng cứ nắm lấy nó, nắm lấy nó cho đến khi chúng HOÀN TOÀN kiểm soát chúng ta. Và giờ thì mẹ ta sẽ kiểm tra số series và phát hiện ra là tôi lấy cái ghế cũ của Ernie Kessler.”

Khoan đã nào. Đó không phải ghế của anh ta sao?

“Từ khi ông ta nghỉ hưu,” Yop nói, với giọng bình tĩnh hơn. “Năm ngoái.”

Chúng tôi không thể tin nổi hóa ra đó không phải là ghế của anh ta.

“Bây giờ thì là của tôi. Nó *từng* là ghế của Ernie. Từ khi ông ta nghỉ hưu.”

Chúng tôi cảm thấy bị lừa dối. Anh ta đã tạo cho chúng tôi ấn tượng rằng ít nhất thì đó cũng là ghế của anh ta.

“Nó là ghế của tôi mà,” anh ta nói. “Ông ta đẩy nó xuống cho tôi. Chính Ernie làm thế. Tôi hỏi xin ông ta cái ghế và ông ta đẩy nó xuống cho tôi, rồi ông ta đẩy cái ghế của tôi đi và đặt nó vào phòng mình. Khi ông ta nghỉ hưu. Chúng tôi chỉ đổi ghế thôi mà. Chúng tôi đâu có biết gì về cái vụ số series. Giờ khi đã biết về những số series rồi, tôi mới nghĩ, Kết cục cho mình là thế này đây. Con mẹ quản lý văn phòng này, mẹ ta sắp tâu với Lynn là tôi lấy cái giá sắt của Tom - và cả việc tôi lấy ghế của Ernie Kessler nữa, mặc dù chính ông ta đã mang nó cho tôi. Nên tôi làm gì có lựa chọn nào nữa? Nếu tôi muốn giữ công việc của mình, tôi phải giả vờ đó là ghế

của Tom và đẩy nó xuống phòng anh ta! Đó không phải ghế của anh ta - người nào đó đã lấy ghế của Tom rồi - nhưng tuần trước, đó chính xác là những gì tôi đã làm. Tôi đẩy ghế của Ernie Kessler xuống phòng Tom Mota sau khi tất cả mọi người đã về nhà. Tôi phải giả vờ đó là ghế của tôi, và suốt cả tuần nay tôi vẫn tiếp tục giả vờ trong khi tôi phải ngồi trên cái ghế khác, cái ghế bé tí dở tệ này, chỉ như thế tôi mới có thể tránh bị hót đi. Đó từng là cái ghế *hợp pháp* của tôi,” anh ta nói, hai nắm tay khỗ sở run rẩy trước mặt.

Chúng tôi không trách việc anh ta lấy làm khỗ sở đến thế. Chiếc ghế của anh ta đúng là một chiếc ghế tuyệt vời - có thể điều chỉnh được, với bề mặt ghế êm ái, chỉ hơi nhún một chút khi ngồi xuống.

Những biện pháp thắt lưng buộc bụng bắt đầu ở sảnh, những lọ hoa và bát kẹo. Benny thích hít hà những bông hoa. “Tớ nhớ những bông hoa đẹp đẽ,” anh ta nói. Sau đó chúng tôi nhận được một thông báo nội bộ lấy đi những ngày nghỉ hè của chúng tôi. “Tớ còn nhớ những ngày nghỉ hè hơn cả mấy bông hoa,” anh ta nhận xét. Trong một cuộc họp toàn thể công ty vào tháng sau đó, họ thông báo ngừng tuyển người mới. Ngay tiếp sau đó là thông báo không ai được thưởng hết. “Tớ có thể đểch thềm quan tâm đến việc nghỉ hè,” anh ta nói, “nhưng cả khoản tiền thưởng của tớ sao?” Cuối cùng, quá trình giảm biên chế bắt đầu. “Hoa, nghỉ hè, tiền thưởng - với tớ không có cũng không sao,” Benny nói. “Chỉ cần giữ nguyên công việc cho tớ là được.”

Ban đầu chúng tôi gọi việc đó theo những cách các bạn vẫn biết - bị đuổi việc, bị cho nghỉ. Sau đó chúng tôi trở nên sáng tạo. Chúng tôi nói anh ta bị xơi búa rìu, cô ta bị sa thải, tất cả họ đã bị hót đi. Mới đây, một kiểu gọi mới đã xuất hiện và thực sự rất được kết dùng. “Đi tàu suốt kiểu Tây Ban

Nha đọc hành lang.” Ai đó đã lấy câu này ra từ một bài hát của Tom Waits, nhưng nó là một cách nói rất, rất cổ, theo như chúng tôi tìm hiểu từ cuốn *Từ điển Từ và Ngữ Morris* của mình. “Vào thời cướp biển hoành hành ở vùng Spanish Main<sup>[2]</sup>,” Morris viết, “một trò ưa thích của bọn cướp biển là thòng dây vào cổ các tù binh và bắt họ bước với đầu ngón chân chỉ vừa chạm đến sàn tàu.” Nghe có vẻ giống với chúng tôi. Trong bài hát, Tom Waits hát về việc bước đến án tử hình, và cả điều đó nghe cũng giống nữa. Chúng tôi chứng kiến kẻ bị điểm tên bước dọc hành lang trải thảm với mục quản lý văn phòng dẫn đường, và rồi anh ta hoặc cô ta sẽ biến mất sau cánh cửa phòng Lynn Mason, và vài phút sau chúng tôi thấy những bóng đèn tối mờ đi vì sụt điện và nghe thấy tiếng điện nổ xèo xèo và mùi thịt nấu len lỏi vào khắp những căn phòng đóng kín như bưng.

Chúng tôi cắm mặt vào bàn làm việc của mình và nhìn những chiếc máy bay hạ cánh xuống sân bay O’Hare. Chúng tôi trùm headphone vào tai. Chúng tôi ngả đầu ra sau và nhắm nghiền mắt lại. Tất cả chúng tôi đều có cùng một ý nghĩ: *ơn Chúa không phải là mình.*

Jim gõ vào khung cửa phòng Benny. “Dạo này cậu có trông thấy Sanderson không, Benny?”

“Ai cơ?”

“Sanderson. Will Sanderson.”

Benny vẫn không biết là Jim đang nói đến ai.

“Thôi nào, Benny. Sanderson. Để ria mép ấy.”

“Ồ, đúng rồi,” Benny nói. “Bill Sanderson chứ gì? Tớ cứ tưởng cậu ta tên là Bill.”

“Cậu ta tên là Will,” Jim nói.

“Tớ không hề thấy thằng cha đó ở quanh đây phải đến... mấy tuần rồi.”

“Mấy tuần? Cậu không nghĩ là...”

Cả hai đều im lặng.

“Sanderson,” Benny nói. “Ôi trời đất ơi,” anh ta nói. “Họ xử lý Will Sanderson rồi.”

Một trò đùa để xả stress khi quá trình giảm biên chế bắt đầu là vào phòng làm việc của ai đó và gửi một bức email từ máy tính của họ tới toàn bộ công ty. Bức thư có thể chỉ nói một điều gì đó giản dị như, “Tên tôi là Shaw-NEE! Bạn bị bắt quả tang nhé, Ha! Tôi dấm dài tôi dấm dài tôi dấm dài.” Sáng hôm sau mọi người đến văn phòng đọc câu đó và phản ứng rất khác nhau.

Jim Jackers đọc nó và ngay lập tức gửi đi một bức email có nội dung, “Rõ ràng là ai đó đã vào văn phòng tôi tối qua và viết một bức email mạo danh tôi rồi gửi cho tất cả mọi người. Tôi xin lỗi vì bất kỳ sự bất tiện hay xúc phạm nào, mặc dù đó không phải lỗi của tôi, và tôi sẽ rất cảm kích nếu nhận được từ người làm việc này một lời xin lỗi công khai. Đến giờ tôi đã đọc bức email đó năm lần mà vẫn không thể hiểu nổi nó viết gì.”

Chúng tôi biết ai là thủ phạm. Chẳng bao giờ có lời xin lỗi nào hết. Jim biết ai là thủ phạm vì anh ta là một trong chúng tôi, và Jim đối chất với Tom Mota về chuyện này. Chuyện xảy ra vài tháng trước khi Tom đi tàu suốt kiểu Tây Ban Nha. Các bạn nghĩ Tom đã làm gì? Tom kể với Benny về màn đối đầu trong giờ ăn trưa, rằng cơn phẫn nộ của Jim đúng là chẳng ra làm sao, và Tom đã thách Smalls đánh mình như thế nào. “Smalls<sup>[8]</sup>” là biệt danh mà Tom dành cho Jim, mặc dù hai người cao như nhau. “Thử xem nào, Smalls, đồ oắt con khốn kiếp, làm ơn đánh tao đi,” Tom kể với Benny là gã đã nói với Jim như thế, và toàn bộ chuyện này đúng thật là lố bịch. Khi đó chúng tôi mới đang ở tháng thứ ba của giai đoạn giảm biên chế. Từ đó Jim không bao giờ ra khỏi phòng mà không đóng chương trình email của mình.

Những bức email của Tom không phải lúc nào cũng là những lời khiêu khích như trò hề - thỉnh thoảng chúng cũng có nội dung nghiêm chỉnh và được gửi từ chính máy tính của gã. Chúng tôi thấy thích thú với giọng điệu chân thành của gã và cách gã nói về giá trị vô bờ bến của con người. Những dòng tâm tình dài lê thê đầy cảm động này, mang cảm xúc xung đột dữ dội với cung cách đời thực của Tom, kịch cỡm đến nực cười, điên loạn về giọng điệu và nội dung, và bao giờ cũng là những trò giải lao được chào đón cho một ngày lẽ ra thật tẻ nhạt. Gã được tán tụng vì sự tọc tũ của những bức thư và vì đã viết chúng bằng thời gian của công ty, bởi vì gã có gan để không chỉ gửi chúng cho tất cả chúng tôi, bao gồm cả Lynn Mason, mà còn cho cả các thành viên quản trị khác nữa - bao giờ cũng sắp xếp danh sách gửi theo thứ tự chức vụ, một quy tắc bất thành văn. Hẳn còn đồng gửi cả cho những người bên bộ phận khách hàng, phụ trách mua dịch vụ truyền thông, dịch vụ dự án, nhân sự, và bộ phận hành chính bảo đảm, rồi cả người nhân viên phục vụ quầy cà phê. “Đêm qua tôi trải qua một đêm tồi tệ,” bức email cuối cùng của gã theo giọng điệu này bắt đầu như vậy. Còn dòng chủ đề thì viết, “Tôi tổng khứ các người và những đôi giày chơi golf của các người tới Lower Wacker Drive.” “Những cây cà chua

trong vườn nhà tôi không đậu quả,” gã tiếp. “Có lẽ là vì tôi chỉ có cuối tuần để làm vườn, hoặc có thể vì khu vườn liên tục bị càn quét qua bởi những thằng Tây-Bồ khốn kiếp làm nhiệm vụ chăm chút quanh khu chung cư tôi sống kể từ khi nhà nước bắt tôi phải bán ngôi nhà của mình ở Naperville và Barbara đưa lũ trẻ đến Phoenix sống với phi công Bob. Mà tôi có một khu vườn thực sự không? Câu trả lời là một từ không to đùng béo ị, vì con mụ đàn bà khốn nạn ở văn phòng bất động sản không chịu nghe lời phải quấy. Mụ ta cứ nhất định khẳng định rằng đây là một tài sản *cho thuê*, không phải vườn sau nhà anh. Những luống hoa, đó là tất cả những gì chúng tôi muốn, mụ nói. Thế là lũ Tây-Bồ khốn kiếp đi ra chăm chút những bông cúc vạn thọ dọc các luống. Nhưng các người có hiểu không, tôi đang nói đến những quả cà chua đỏ tươi chín mọng, mẫm mĩm, ngon lành mà tôi muốn được trồng bằng chính hai bàn tay của mình thông qua sự bí ẩn phi nhiêu và hào phóng của thiên nhiên! Giấc mơ đó chấm dứt khi Barb bắt đầu ngủ với phi công Bob và chúng tôi từ bỏ ngôi nhà ở Naperville. Mà với lại, tôi có muốn một khu vườn không? CÓ. Thực ra thì tôi muốn một trang trại kia. Nhưng ở thời điểm hiện tại tôi e rằng tất cả những gì tôi có là căn hộ 4H ở Bell Harbor Manor<sup>191</sup>, vốn dĩ phải là bến cảng hay trang viên gì hết mà cũng CHẴNG CÓ LẤY MỘT QUẢ CHUÔNG NÀO. Ai trong lũ phù thủy khôn ngoan các người đã nghĩ ra cái tên ‘Bell Harbor Manor’? Cầu cho cái lưỡi trí trá của các người bị rút ra khỏi lớp lót đỏ dẻo quẹo của chúng và phơi khô trên cọc nhọn dưới cái nắng hoang dại của một vùng đất ăn thịt người. Ha! Tôi sẽ bị gọi vào văn phòng vì câu đó nhưng mặc xác, bởi vì điều tôi đang muốn nói ở đây là TÔI KHÔNG CHẮC CÓ AI TRONG CHÚNG TA biết rằng chúng ta đã tự đẩy mình xa bao nhiêu khỏi không chỉ thiên nhiên mà còn cả những điều kiện tự nhiên của cuộc sống vốn từng phổ biến suốt bao thế kỷ và đã đẩy con người đến những giới hạn cùng cực của khả năng tự nhiên của họ chỉ để tìm cái ăn, cái mặc và chu cấp những thứ khác cho gia đình mình, mỗi buổi tối lại đưa họ vào một giấc ngủ ngọt ngào, mệt lử, thư thái và không mộng mị hoàn toàn xứng đáng như thế chúng ta sẽ không bao giờ biết gì nữa. Và giờ thì lại có Phoenix, có cả máy

bay để đưa các người tới đó, và phi công Bob kẻ có thể chăm chút MỌI THỨ, mặc dù có lẽ hẳn thậm chí còn không biết tự cắt cỏ nhà mình. Nhưng đừng có quên, Bob ạ, và tất cả những thằng Bob chúng mày ngoài kia, rằng ‘Lao động chân tay là cách nghiên cứu thế giới bên ngoài.’ Tôi tin điều đó là đúng. Còn bây giờ, câu hỏi mà có lẽ tất cả các người đang tự hỏi mình là, nếu thế thì hẳn ta đang làm cái gì vậy, Tom Mota ấy? Tại sao Tom lại đang phung phí ngày tháng của hẳn trong một văn phòng trải thảm cố gắng che giấu vết ố cà phê trên quần kaki? Hẳn thì tốt đẹp hơn phi công Bob ở chỗ nào? Đáng tiếc là tôi không hề cho rằng tôi tốt đẹp gì hơn. Tôi cũng không đang nghiên cứu thế giới bên ngoài. Những gì tôi đang làm là cố gắng kiếm một đồng cho một khách hàng để kiếm một hào cho chúng ta để rồi tôi có thể kiếm được một xu cho mình và chỉ còn lấy một trinh sót lại sau khi Barbara nhận những gì tòa án yêu cầu. Vì lý do đó tôi yêu công việc của mình và không bao giờ muốn mất nó, nên tôi hy vọng không có ai đọc những dòng này lại thấy tôi lăm điều hoặc vô ơn. Tôi chỉ đang cố gợi ý rằng một khi chúng ta đã rơi vào mối hàn vô cùng đen đui, méo mó và khốn nạn này của nền văn minh, chúng ta cũng đừng để mất những phẩm chất cao quý của con người cùng cái nửa vĩ đại hơn trong tính cách của anh ta, thứ được tạo nên không phải bởi những khẩu hiệu kinh doanh hoặc thu nhập ròng, mà bởi tình yêu, chủ nghĩa anh hùng, sự nhân nhượng, niềm hưng phấn, cái thiện và chân lý. Đúng là một đồng phân ngựa đầy ú, các người sẽ nói thế. Và xin cứ việc. Xin cứ tự nhiên cho tôi một phát vào đầu. Chúc yên ổn, Tom.”

Không lâu sau khi nhấn nút gửi, Tom bị sa thải, và nếu như không phải vì sự gián đoạn lật vạt, hẳn chúng tôi đã nghiêng về hướng nghĩ rằng chuyện gã bị cho nghỉ không phải là một trường hợp khác trong cả loạt giảm biên chế, mà là bị đuổi việc thẳng cổ. Nhưng sự thật là có lẽ trước đó Tom đã ở trong danh sách chờ xử lý. Những bức email của gã chỉ thúc đẩy mọi chuyện diễn ra nhanh hơn, kiểu như bệnh viêm phổi có thể kết liễu một bệnh nhân ung thư.

Vẫn chưa thấy Lynn Mason xuất hiện cho cuộc họp lúc mười hai giờ mười lăm cái ngày thứ Ba hôm đó trong tháng Năm, thế là Chris Yop tiếp tục kể cho chúng tôi nghe câu chuyện về chiếc ghế của Tom Mota. Đúng buổi sáng hôm đó anh ta ngẩng đầu lên khi đang dở tay dọn dẹp bàn của mình thì thấy mục quản lý văn phòng lại một lần nữa đứng ở ngưỡng cửa, hai tay khoanh lại. “Thế là mục ta bảo tôi,” anh ta nói với chúng tôi, “ ‘tôi thấy là anh đã để giá sắt của Tom lại chỗ cũ.’” Nên tôi tỏ ra hoàn toàn ngỡ ngác, tôi bảo, ‘Tôi xin lỗi, tôi không biết cô đang nói chuyện gì nữa,’ và tôi quay lại với việc dọn dẹp bàn mình, nhưng mục ta vẫn chưa đi, thế là tôi lại ngẩng và mục ta bảo, ‘Và tôi thấy là anh cũng không còn giữ chiếc ghế của anh ta nữa.’ Thế là tôi bảo, ‘Tôi sẽ lấy làm cảm kích nếu cô không quấy rối tôi thêm nữa. Có những quy định chống lại cái trò đó trong sổ tay nhân viên đấy.’ Và mục ta bảo, ‘Anh nghĩ tôi đang quấy rối anh à?’ Và tôi bảo, ‘Đúng thế. Và tôi không lấy làm cảm kích đâu.’ Thế là mục ta bảo, ‘Hừm, có lẽ chúng ta nên báo cáo chuyện này lên với Lynn.’ Và tôi bảo, ‘Tôi rất sẵn lòng,’ và mục ta bảo, ‘Ngay bây giờ anh đang làm gì?’ và tôi bảo, ‘Hừm, không giống như một số người, tôi đang cố hoàn thành một số công việc đây. Có những người thực sự tạo ra lợi nhuận ở đây, đồ to tay<sup>[10]</sup> ạ.’ Lẽ ra tôi không nên nói thế - tôi chỉ đang, các cậu biết đấy, chỉ ra sự khác biệt giữa một người quản lý văn phòng và một copywriter như tôi người tạo ra lợi nhuận. Thế là mục ta vặc lại tôi, ‘Ồ, chắc chắn rồi, tôi hiểu là anh quan trọng đến *khó tin* như thế nào chứ, rằng tất cả mọi thứ sẽ *sụp đổ* khắp xung quanh chúng tôi nếu thiếu anh, nếu anh không phiền, anh làm ơn đi theo tôi được không?’ Và tôi bảo, ‘Theo cô? Theo cô đi đâu?’ Và mục ta bảo, ‘Lynn muốn nói vài câu.’ ‘Cái gì cơ, bây giờ à?’ tôi nói. Và mục ta bảo, ‘Nếu anh có thể dứt đi một lúc.’ Và tôi nói, ‘Chị ấy muốn gặp tôi *ngay bây giờ* à?’ Mục ta không nói thêm một lời nào - chỉ ra hiệu cho tôi đi theo. Thế là tôi rời khỏi ghế, cái thứ cứt đáí ấy - ý tôi là mông tôi như thế đang ngồi trên thuốc gậy



tê Novocain trên cái thứ đó - và chúng tôi cùng đi xuống văn phòng của Lynn. Ý tôi là tôi có lựa chọn gì chứ? Nếu như mẹ ta bảo với tôi rằng Lynn muốn gặp tôi, tôi làm gì có lựa chọn nào?”

Chúng tôi hỏi Yop là chuyện này xảy ra bao lâu rồi.

“Có lẽ là một tiếng trước,” anh ta nói. “Thế là chúng tôi xuống đó. Tôi sẽ không nói dối các cậu đâu. Tim tôi đập loạn lên. Tôi bốn mươi tám tuổi rồi. Đây là trò chơi của bọn thanh niên. Ai sẽ còn thuê tôi nếu tôi bị hót đi chứ? Tôi không biết Photoshop. Được rồi, có một số ngày tôi còn không hiểu cả Outlook. Các cậu biết tôi và cái vụ email rồi đấy. Tôi mà bị hót đi, ai sẽ trả cho tôi những gì tôi xứng đáng được hưởng? Tôi là một lão già. Tôi được trả quá nhiều. Nhưng tôi phải đi xuống đó. Mẹ quản lý văn phòng vào trước. Tôi đi theo mẹ ta vào trong và đóng cửa lại. ‘Được rồi.’ Lynn nói. Mà các cậu biết chị ấy có cái kiểu chồm người về phía trước trên bàn rồi nhìn ta như kiểu chuẩn bị khoét sọ ta ra bằng đôi mắt laser của mình đúng không? Chị bảo, ‘Được rồi, có chuyện gì thế?’ Mẹ quản lý văn phòng cứ thế tăng tăng xõ một tràng - đầu tiên là chuyện tôi ăn cắp cái giá sắt của Tom.

‘Bằng chứng đâu?’ Ý tôi là mẹ ta đâu có để cho tôi nói. ‘Hử? Bằng chứng đâu?’ tôi hỏi. Mẹ ta không trả lời. Sau đó mẹ ta nói với Lynn là tôi đã quấy rối mẹ ta. Tôi mà lại đi quấy rối mẹ ta! Tôi không tin nổi vào tai mình nữa. Nhưng điều mà mẹ ta không hề đả động đến một chút nào, không một lời nào - mẹ ta không hề nói *một lời* nào về cái ghế cả. Toàn bộ chuyện này là cái ghế! Đó là lý do chúng tôi có mặt ở đây! Tôi chỉ cố bảo vệ cái ghế của mình thôi mà. Thế là tôi bảo, ‘Thế còn cái ghế thì sao?’ Và mẹ ta bảo, các cậu có biết mẹ ta bảo gì không? Mẹ ta bảo, ‘Cái ghế nào?’ Ý gì vậy, cái ghế nào nghĩa là sao? Thế là tôi bảo, ‘Thôi đi, còn cái ghế nào nữa. Cái ghế *đó* còn gì. Cái ghế của tôi.’ Và mẹ ta bảo, ‘Tôi không hiểu anh ta đang nói về cái gì nữa, tự nhiên lại có chuyện cái ghế này.’ Mẹ ta nói với

Lynn thế đấy! Mụ ta cãi bay chuyện là từng có một cái ghế! Thế là tôi bảo, lúc đó tôi điên tiết quá rồi, tôi bảo, ‘THÔI ĐI, CÒN CÁI GHẾ NÀO NỮA! Cô biết là cái ghế nào mà, mẹ kiếp!’ Và thế là im lặng bao trùm, rồi mụ ta bảo, ‘Tôi xin lỗi, Lynn. Tôi không hiểu anh ta đang nói về chuyện gì nữa.’ Và tôi bảo, ‘CÔ BIẾT THỪA LÀ CÁI GHẾ NÀO MÀ! Cô ta biết là cái ghế nào mà, Lynn! Cô ta cố lấy đi chiếc ghế của tôi. Chiếc ghế *hợp pháp* của tôi.’ Thế là im lặng lại bao trùm, và rồi Lynn nói, ‘Kathy...’ Kathy - có ai trong các cậu biết tên con mẹ đó là Kathy không? Chị bảo, ‘Kathy, cô có thể cho Chris và tôi một phút được không?’ Thế là ‘Kathy’ nói tất nhiên rồi, và Lynn nói, ‘Cô làm ơn đóng cửa lại được không, Kathy?’ và ‘Kathy’ nói, ‘Chắc chắn rồi,’ và chúng tôi nghe thấy tiếng cửa đóng lại, và tim tôi đập loạn lên, các cậu biết đấy, và Lynn nói, ‘Chris, tôi rất tiếc, nhưng chúng tôi sẽ phải cho anh nghỉ việc’.”

Yop ngừng kể chuyện. Anh ta nặng nề lắc cái đầu ủ rũ của mình. Im lặng bao trùm. “Tôi không thốt nổi lên lời,” một lát sau anh ta nói tiếp. Giọng anh ta đã chùng hẳn xuống. “Tôi hỏi chị là chuyện đó có liên quan gì đến chiếc ghế của Ernie Kessler không. Chị bảo không. Chị bảo nó chẳng liên quan gì đến chiếc ghế của Ernie cả. ‘Bởi vì tôi đâu cần chiếc ghế của Ernie,’ tôi bảo chị ấy. ‘Thực lòng mà nói - tôi đã ngồi trên một trong những chiếc ghế nhựa rẻ tiền suốt cả tuần vừa rồi mà vẫn ổn cả. Đó là một chiếc ghế rất ổn.’ Vậy mà chị bảo, ‘Chuyện này chẳng liên quan gì đến chiếc ghế của Ernie cả.’ Tôi không thể nào tin nổi. Tôi không thể tin những gì chị đang nói với tôi. Thế là tôi mới bảo, ‘Có phải vì những sai sót không? Bởi vì tôi đang sửa chữa dần,’ tôi nói với chị. ‘Đầu óc tôi thỉnh thoảng như vậy đấy,’ tôi bảo chị, ‘nhưng tôi đang sửa chữa dần mà. Với lại hầu hết sai sót đều được sửa lại khi chúng ta cho soát chính tả. Tôi biết đó không phải là điều lý tưởng đối với một copywriter, tôi rất cảm kích vì sự kiên nhẫn của chị,’ tôi bảo chị. ‘Nhưng tôi đang làm ngày một tốt hơn.’ Và chị bảo, ‘Không phải là những sai sót, Chris.’ ‘Nếu vậy thì là chuyện gì?’ tôi hỏi. ‘Không phải lý do cá nhân đâu,’ chị bảo tôi. ‘Chỉ là vì công việc thôi.’ ‘Là

vì tôi kiếm quá nhiều tiền à? Đúng vậy không?’ Và chị bảo, ‘Không, không hẳn thế.’ ‘Có thể tôi giảm bớt lương được không?’ tôi hỏi. Tôi đang cầu xin chị, ‘Tôi có thể chấp nhận cắt lương và ở lại được không?’ ‘Cũng không hẳn là chuyện tiền lương, Chris,’ chị bảo. Nếu vậy thì vì cái chết tiệt gì chứ? ‘Nào, nghe này,’ chị bảo. ‘Chúng tôi sẽ trả cho anh một tháng trợ cấp nghỉ việc, còn COBRA<sup>uu</sup> sẽ bảo đảm bảo hiểm y tế cho anh đến hết năm. Thực sự không có gì là do cá nhân cả,’ chị bảo. Chị cứ khẳng khẳng nói thế - chẳng có gì là do cá nhân, Chris - nên tôi càng đoán đó chắc chắn phải là chuyện gì đó liên quan đến cá nhân. ‘Nếu vậy thì là vì chuyện gì, Lynn?’ tôi hỏi chị. Và có thể giọng tôi hơi gay gắt một chút. ‘Nếu không phải là vấn đề cá nhân, thì đó là chuyện gì?’ ‘Chris, làm ơn nào,’ chị nói. Bởi vì lúc này tôi đã bắt đầu suy sụp...”

Chúng tôi hỏi anh ta nói vậy có nghĩa là gì.

“Tôi bắt đầu khóc,” anh ta nói. “Không phải chỉ là chuyện việc làm,” anh ta nói thêm. “Mà là toàn bộ cảm giác làm cái thằng tôi. Già cỗi. Nghĩ đến Terry. Không con cái. Và giờ thì không có cả việc làm.” Vợ chồng anh ta đã cố tìm cách thụ thai trong nhiều năm, và đến lúc họ bỏ cuộc, họ lại bị các cơ quan chức năng đánh giá là đã quá già để nhận con nuôi. “Tôi đang nghĩ đến việc về nhà với Terry và bảo cô ấy rằng tôi đã bị hót đi. Tôi đâu có muốn khóc,” anh ta nói, “có Chúa biết đấy, tôi chỉ mất tự chủ. Tôi như người mất hồn, và tôi không còn nghĩ được gì trong một phút. Đơn giản là tôi không thể kiểm soát được. Thế là, các cậu biết đấy, tôi phải bỏ đi. Tôi chưa bao giờ khóc trước mặt người khác như thế cả. Tôi không thể nấn ná ở lại được. ‘Thôi nào, Chris,’ chị bảo với tôi. ‘Quay lại nào. Anh sẽ ổn cả thôi,’ chị nói. ‘Anh là một copywriter giỏi mà.’ Đó là điều chị nói với tôi khi tôi đang bị hót đi. Từ lúc đó đến giờ tôi chưa nói gì với chị.”

Chúng tôi không thể trách anh ta đã suy sụp, nhưng đúng thật là chỉ có Yop, Yop thoạt nhìn có vẻ răn mặt, mới đi từ bỏ chiếc ghế mà anh ta đã khó

nhọc để có được như vậy nếu như điều đó có thể cứu được cái mạng của anh ta, và nếu như cách đó không ăn thua, đúng thật là chỉ có Yop mới đi van nài xin giảm lương, và nếu như cả điều đó cũng không cứu được công việc của anh, Chris Yop sẽ là người trong chúng tôi bị suy sụp. Tom Mota muốn ném một chiếc máy tính qua cửa sổ. Chris Yop thì ném mình xuống dưới chân Lynn.

Ngay trước khi Lynn xuất hiện, muộn mười lăm phút so với lịch họp triển khai công việc của chị, chúng tôi hỏi Yop là anh ta vẫn còn làm gì ở đây.

“Tôi không biết,” anh ta nói. “Tôi không thể về nhà, chưa thể được. Như thế này thật không công bằng.”

Nhưng thực sự thì anh có nên ở đây không? chúng tôi hỏi anh ta. Trong phòng của Lynn ư?

“Hừm, Lynn và tôi,” anh ta nói, “chúng tôi không có cơ hội nói cho xong câu chuyện của mình. Tôi suy sụp. Tôi bỏ đi. Các cậu có cho là tôi nên rời khỏi đây, khi chúng tôi không có cơ hội nói nốt câu chuyện của mình không?”

Không ai trả lời - có nghĩa là, chẹp, có đấy, Yop. Có lẽ anh nên rời khỏi đây.

“Tôi không biết nữa,” anh ta nói, nhón nhác nhìn quanh. “Cuộc họp này đã ở trên lịch của tôi lâu lắm rồi.”

Tất cả màn trò chuyện lắng dần đi khi cuối cùng Lynn cũng đến. Khi đến lúc phải bắt tay vào công việc, chúng tôi bắt tay vào công việc. Chúng tôi không vẫn vơ lãng nhãng trong những cuộc họp triển khai công việc. Chúng tôi vẫn vơ lãng nhãng trước họp và thỉnh thoảng chúng tôi vẫn vơ lãng nhãng sau họp, nhưng trong khi họp thì, họa hoằn có thể có vài lời bông phèng, nhưng ngoài đó ra thì chúng tôi nghiêm trang như đi lễ nhà thờ. Bất kỳ ai trong chúng tôi cũng có thể bị cho nghỉ bất kỳ lúc nào, và sự thật đó lúc nào cũng hiện hữu trong tâm trí chúng tôi.

Lynn Mason đáng sợ, đồng bóng, khó gần, sành điệu, và chuyên nghiệp không thể chê vào đâu được. Chị không phải là một phụ nữ to lớn - thực ra chị có phần hơi nhỏ nhắn - nhưng mỗi khi chúng tôi về nhà và nghĩ tới chị vào ban đêm, chị hiện lên cứ lù lù. Khi chị ở trong tâm trạng bực dọc, chị không thích tán gẫu. Chị diện như một người mẫu của Bloomingdale và ăn uống như một nhà sư. Vào cái ngày của cuộc họp lúc mười hai giờ mười lăm phút đó chị mặc một chiếc váy công sở màu xanh ô liu và áo sơ mi giản dị màu ngà. Nhưng điều khiến ta thực sự ngưỡng mộ ở chị lại là đôi giày. Với tư cách là những kẻ hâm mộ thiết kế điên cuồng, chúng tôi - nhất là cánh phụ nữ trong chúng tôi - ngồi mà trầm trồ trước vẻ độc đáo trang nhã của đôi giày, màu sắc tinh tế, vẻ thanh tú mềm mại, ngậy người trước chúng giống như những người khác ngậy người trước một chiếc tay vịn trên chiếc ghế bành của Charles Eames, hay cái cánh đen bóng của một chiếc máy bay chiến đấu phản lực của Lầu Năm Góc. Mỗi đôi - và chắc chắn chị phải có đến năm mười đôi như thế - đều xứng đáng có chiếc giá trưng bày bằng thủy tinh hữu cơ Plexiglas ở Bảo tàng Mỹ thuật đương đại, bên cạnh cái của bằng nhựa trong politen và đám biển hiệu nê ông. Chúng tôi chưa bao giờ nhìn thấy thứ gì đẹp như những đôi giày này. Khi cuối cùng cũng có kẻ đủ táo gan để hỏi chị xem chúng là hiệu gì, thì cũng chẳng ai nhận ra thương hiệu của chúng, khiến chúng tôi đành phải kết luận rằng chúng được làm bởi những nhà thiết kế thủ công Italia, vốn nhất định không chịu xuất khẩu sản phẩm của mình, nhưng chúng lại được những

người bạn của Lynn chọn lựa cho chị trong những chuyến công cán quốc tế của họ, bởi vì mọi người đều biết là Lynn không bao giờ đi nghỉ.

Khi chị bước vào, làm gián đoạn câu chuyện Chris Yop đang kể dở, chị cầm theo những tài liệu triển khai công việc vừa mới lấy từ máy photocopy ra; mùi mực in thoang thoang phía sau chị. Không nói một lời nào chị đặt những bản copy lên bàn làm việc của mình và bắt đầu sắp xếp chúng, nhắm ướm đầu ngón tay và lần giở rồi dập ghim những trang giấy lại với nhau và chìa cả tập cho Joe, người ngồi ngay sát bên phải chị. “Dập ghim ở chỗ máy photocopy bị hỏng rồi,” chị giải thích. Joe chuyển tài liệu qua bên phải của mình, nó vòng vèo qua chỗ Karen Woo, người ngồi xa nhất từ chỗ anh ta. Lynn ghim thêm một vài phút, rồi dừng tay để tháo đôi giày cao gót da của mình ra. “Sao tôi cứ có cảm giác như mình vừa bước vào một đám ma thế này?” chị hỏi, cuối cùng cũng đảo mắt quanh chúng tôi. Không ai nói lời nào. “Hy vọng không phải là đám ma bất kỳ ai mà tôi biết,” chị nói thêm. Chị quay lại với việc sắp xếp và dập ghim.

Thông tin của chúng tôi đến từ những nguồn đáng tin cậy nhưng nó chỉ là những chi tiết tối thiểu nhất. Ca phẫu thuật của chị được bố trí vào ngày hôm sau. Khối u đã xâm lấn vào thành ngực của chị. Chị sẽ trải qua một ca phẫu thuật cắt bỏ toàn bộ một bên ngực. Chúng tôi có những câu hỏi cho chị - chị có sợ không? Chị có thích các bác sĩ của mình không? Cơ hội hồi phục hoàn toàn của chị là bao nhiêu? Nhưng chị chưa hề nói một lời nào về chuyện này với bất kỳ ai trong chúng tôi và chúng tôi hoàn toàn không biết trong đầu chị đang nghĩ gì lúc này. Lẽ ra chúng tôi đã có thể bản khoản tại sao chị vẫn đi làm hôm trước ca mổ. Chị cần xác định rõ những ưu tiên của mình, chúng tôi nghĩ bụng. Nhưng nói đi cũng phải nói lại, chẳng có ai trong chúng tôi từng xác định rõ những ưu tiên của mình. Mỗi người chúng tôi đều ấp ủ ảo tưởng rằng toàn bộ công ty sẽ rơi tõm xuống địa ngục nếu không có những đóng góp hằng ngày của mỗi cá nhân. Nên cái ý nghĩ quái đản về những ưu tiên rạch ròi này, cái giấc mơ không bao giờ thành hiện

thực này là thế nào? Và lại, chị còn nên làm gì được nữa ngoài việc tiếp tục chứ? Chúng tôi phải nghĩ rằng bằng cách đi làm vào cái ngày trước ca mổ, chị đang nhất định từ chối để bóng ma của thần Chết làm mình sao nhãng khỏi nhịp điệu thông thường của cuộc sống, thứ hoàn toàn có thể là nguồn an ủi và vũ khí hiệu nghiệm dành cho một người bị chẩn đoán ung thư vú. Chị hoàn toàn đúng khi đi làm vào cái ngày trước ca mổ. Trừ phi lẽ ra chị nên ở nhà gọi đồ về và chơi với lũ mèo của mình trên ghế sofa. Chúng tôi thực sự chẳng có quyền gì mà nói vào cả.

Hoàn toàn không đả động chút nào về sự có mặt của Chris Yop trong số chúng tôi, những tài liệu triển khai công việc được chuyển tay cho mọi người. Mỗi người đều cầm lấy một bản; Chris Yop cũng lấy một bản. Chẳng lẽ anh ta thực sự có ý định ngồi hết cả buổi họp triển khai công việc mặc dù anh ta không còn là nhân viên nữa? Lynn cởi áo khoác ra vắt lên lưng ghế, ngồi xuống, và nói, “Được rồi. Bắt đầu cử hành tang lễ nào.” Chị bắt đầu đọc tài liệu triển khai công việc. Khi chúng tôi lật trang, Yop lật trang. Thật khó để tập trung vào bất kỳ điều gì khác. Lynn ngồi kia, đọc tài liệu triển khai công việc, và Yop thì ngồi kia cũng đọc tài liệu triển khai công việc, và người này thì vừa mới sa thải người kia, vậy mà cả hai vẫn ngồi đó, tiếp tục như thể hoàn toàn chưa có chuyện gì xảy ra cả? Hay là chị không để ý thấy anh ta? Hay là chị còn bận tâm đến những chuyện khác trong đầu?

Dự án của chúng tôi hóa ra là làm không công. Công ty đã đóng góp công sức cho một sự kiện gây quỹ chống ung thư vú nổi tiếng được tài trợ bởi Liên minh Chống Ung thư Vú. Nhiệm vụ của chúng tôi, Lynn giải thích, bằng cách đọc tài liệu triển khai công việc, là nâng cao nhận thức về sự kiện và khuyến khích hoạt động quyên góp trên cả nước. Chúng tôi sẽ làm như vậy bằng cách quảng cáo trên các tạp chí phát hành khắp toàn quốc và phía sau những hộp ngũ cốc.



Chúng tôi không khỏi băn khoăn, lẽ nào đây chỉ là sự trùng hợp kỳ lạ? Chúng tôi tưởng có thể cuối cùng chị cũng nói gì đó với chúng tôi về kết quả chẩn đoán của chị. Chúng tôi chăm chú nhìn chị, nhưng chị không hề dao động chút nào khỏi việc đều đều đọc tập tài liệu. Chị không hề có biểu hiện nào cho thấy rằng dự án này có chút gì đó khác với bất kỳ dự án nào khác. Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau. Rồi chúng tôi lại cắm mặt vào tập tài liệu. Khi đã đọc xong, chị giải thích thêm một số vấn đề, và sau đó chị hỏi xem chúng tôi có câu hỏi nào không. Chúng tôi bảo chị rằng đó có vẻ là một dự án tuyệt vời, và chúng tôi dò hỏi làm thế nào mà chúng tôi lại tham gia vào đó. “À, tôi biết tay chủ tịch ủy ban,” chị trả lời. “Tôi đã nói không trong suốt hai năm qua và tôi không còn đủ sức để nói không thêm nữa.” Chị nhún vai. Liếc thấy thứ gì đó qua khoeo mắt, chị quay người lại nhặt sợi xơ vải ra khỏi vai áo của mình. “Còn câu hỏi nào khác không?” Không ai nói gì. “Tốt rồi,” chị nói. “Tang lễ đã xong.” Nghe đến đó, tất cả chúng tôi đều đứng lên rời khỏi phòng chị. Yop đã ra gần đến hàng lang thì chị gọi anh ta quay trở lại. “Chris,” chị nói, “tôi nói chuyện với anh một lát được không? Joe,” chị nói thêm, “khi nào ra thì đóng cửa lại nhé?” Yop quay lại, ủ rũ và miễn cưỡng. Lynn đứng lên để kéo màn cửa. Yop bước quay vào trong, cánh cửa đóng lại, và đó là hình ảnh cuối cùng chúng tôi nhìn thấy ở họ.

Chúng tôi tản về phòng và ô của mình, để rồi ngay lập tức lại rời khỏi chúng tập trung thành từng nhóm nhỏ, nơi các ngưỡng cửa và góc in ấn tài liệu, để thảo luận cái dự án không công quái đản mà chúng tôi vừa nhận được. Trong lúc triển khai công việc chị đã yêu cầu chúng tôi hình dung một người thân bị chẩn đoán mắc bệnh - một người vợ, một người mẹ - như thể chúng tôi có thể thực sự đồng cảm với những người bị bệnh ung thư và thiết kế một thông điệp hiệu quả hơn. Chắc, chính *chị* bị bệnh đấy thôi. Nếu ai đó có thể giúp chúng tôi hiểu và trở nên đồng cảm hơn với người bệnh vì một thông điệp hiệu quả hơn, còn ai có thể tốt hơn chị chứ? Vậy mà vẫn không hé răng lời nào. Mọi người đều biết chị là một người kín đáo. Còn



chúng tôi thì khét tiếng ngời lê đôi mách. Chúng tôi không hy vọng chị cứ thể đi ra thông báo rằng chị bị ung thư. Nhưng chị cũng là một chuyên gia quảng cáo tận tụy, và xét theo khía cạnh đó, có lẽ cũng thật lạ lùng, bất kể cái tính kín đáo của chị, khi mà chị không chịu uốn mình một chút để giúp chúng tôi hiểu rõ hơn nỗi kinh hoàng của việc bị chẩn đoán mắc bệnh, hay đơn cử như cảnh khổ sở của quá trình điều trị, nếu như hiểu rõ những cái đó có thể giúp mang đến một sản phẩm quảng cáo tốt hơn. Chúng tôi không biết liệu mình có nên tin rằng chị chỉ tình cờ biết tay chủ tịch ủy ban nào đó người đã vật nài chị cho đến khi chị đồng ý đóng góp thời gian của chúng tôi.

Chị có sự nhạy bén trong kinh doanh mà chúng tôi chưa từng thấy ở bất kỳ ai. Năm 1997 chị cãi nhau với Roger Highnote. Anh ta bỏ đi, và cuộc sống của chúng tôi cải thiện không để đâu cho hết. Chị là kẻ thù của những mẫu số chung thấp nhất. Quy tắc cốt yếu của quảng cáo từ trước đến giờ luôn là, hãy nghĩ ra thông điệp đơn giản đến nỗi kể cả một học sinh lớp tám cũng có thể hiểu được. Sư phụ của Lynn Mason, Mara Wells huyền thoại, lại tôn Bernbach làm thầy, và Bernbach từng nói một câu nổi tiếng, “Đúng là tại Mỹ tồn tại một tư duy mười hai tuổi. Đứa trẻ sáu tuổi nào cũng có nó.” Giống như Wells và Bernbach, Lynn tôn trọng trí thông minh Mỹ, và rất nhiều điều tốt đẹp đã từ đó mà ra: chiến dịch lạc đà biết nói, những mẫu quảng cáo Chàng Lở Miệng trên truyền hình. Chắc chắn rồi, chị là kẻ khiến tất cả mọi người phải đi tàu suốt kiểu Tây Ban Nha dọc hành lang, nhưng chị chưa hề khiến bất kỳ ai trong *chúng tôi* đi tàu suốt kiểu Tây Ban Nha dọc hành lang cả - đó là sự khác biệt quan trọng.

Lynn Mason cũng kỹ tính kinh khủng. Một lần Karen Woo và Jim Jackers đang thiết kế lại bao bì cho một hộp bánh quy được sản xuất bởi một tập đoàn lớn, những người về sau làm chúng tôi tan nát cõi lòng khi họ bỏ chúng tôi để chuyển sang một công ty khác. Chiếc hộp thuộc loại tiêu chuẩn, chỉ chít hình ảnh những chiếc bánh quy và những dòng chữ nhỏ bắt

mắt như “Ngon tuyệt!” và “Ngào sữa!” với phong chữ uốn lượn sắc sỡ. Đây là những chi tiết bất di bất dịch; chúng đã trở thành Kinh Thánh trong cuốn sổ bì a đồ dày cộp về những nguyên tắc xây dựng thương hiệu của khách hàng. Vì vậy công việc của Karen và Jim khá đơn giản - họ chỉ được yêu cầu tìm cách nào đó làm nổi bật giá trị dinh dưỡng của loại bánh quy. Trong một thế giới ngày càng ý thức về vấn đề sức khỏe và cảnh giác về cân nặng, tất cả các hộp bánh bích quy đều đòi hỏi phải như vậy. Thế là Karen viết vài dòng cho một trong những ô chữ trên hộp nêu bật tầm quan trọng của các acid folic và niacin. Sau đó cô ta đi xuống ô làm việc của Jim và đứng cạnh máy tính của anh ta trong lúc hướng dẫn cho anh ta viết, bằng một phong chữ nho nhỏ gần phía dưới cùng mặt trước của chiếc hộp, 0 g acid lastive. Jim thực hiện đúng như chỉ dẫn.

“Acid lastive là gì vậy?” anh ta hỏi.

“Không phải thứ mà anh muốn có trong cơ thể mình đâu,” Karen trả lời.

Họ mang chiếc hộp xuống chỗ Lynn để chị xem lại những chi tiết đã thay đổi. Thực tế thì tất cả vẫn giữ nguyên hệt như cũ chỉ trừ có cái ô chữ ở phía bên sườn hộp nói về những ích lợi của niacin và acid folic, và Lynn hài lòng với điều đó cho đến khi chị chuyển đến phần có ghi - đến đây chị ngừng đọc thầm mà bắt đầu đọc to thành tiếng - “ ‘Và những chiếc bánh quy ngon tuyệt của chúng tôi không chứa một gam nào chất acid lastive, khiến chúng trở thành sự lựa chọn khôn ngoan về mặt sức khỏe cho bữa ăn phụ cực kỳ ngon lành của bạn.’ Acid lastive là cái gì vậy?” chị gặng hỏi.

“Tôi nghĩ đại loại nó là, chị biết đấy,” Karen nói, “một thứ không có lợi cho sức khỏe.”

“Nhưng nó là cái gì?”

“Chỉ cần nghe kinh khủng là được, bất kể nó là cái gì đi nữa,” Jim nói.

“Có lẽ nó không phải là một chất mà chị muốn có trong cơ thể mình,” Karen nói, “chỉ cần đọc lên đã cảm thấy thế rồi. Acid lastive<sup>[12]</sup>. Nghe cứ như kiểu nó sẽ ở lại với chúng ta lâu hơn cả chất formaldehyde.”

Trong khi đó Lynn đã kiểm tra lại xong một lượt tập tài liệu triển khai công việc do bộ phận thông tin sản phẩm cung cấp. “Tôi không thấy có gì liên quan đến ‘acid lastive’ trong đây cả,” chị nói, mắt chăm chăm nhìn Karen.

“Không, tôi tự nghĩ ra đấy chứ,” Karen nói.

Khuôn mặt Lynn, già đi theo cái tuổi ngoài bốn mươi của chị nhưng hầu như không làm thay đổi nhiều vẻ đẹp lạnh lùng xa cách, được thiết kế theo kiểu kiến trúc dành riêng cho những lời thú nhận quá thể đáng như vậy. Cặp xương gò má cao giữ cho đôi mắt của chị được vững vàng không bị kéo xệch xuống bởi một cái nhú mày sừng sờ, đôi mắt gần như không một vết rạn chân chim của chị không bao giờ chịu đầu hàng trước một ánh mắt khó chịu nào, và cái miệng của chị, được bọc ở cả hai bên bởi một dấu ngoặc đơn duy nhất tạo thành một khóe cười hằn xuống rất tinh tế, vẫn ở nguyên vị trí cân đối khi đối mặt với những sự thật lẽ ra đã khiến những dân làm nghề khác phải nhắm mắt kinh tởm hoặc không thì cũng tuân cho một tròng lên lớp rát mặt. Chị chỉ đơn giản chăm chăm nhìn Karen qua bàn và nghiêm giọng hỏi, “Cô tự nghĩ ra nó?”

“Dạ, không phải là phần về việc không chứa gam nào.”

“Karen,” chị nói - và về sau Jim kể cho chúng tôi nghe rằng biểu hiện khó chịu duy nhất mà chị cho phép mình để lộ ra là kéo ghế lại sát bàn hơn và đặt hai ngón tay lên thái dương trái.

“Tôi chỉ cố suy nghĩ vượt ra ngoài khuôn khổ một chút,” Karen giải thích.

“Tôi... tôi, tôi không biết...” Jim lúng búng.

Lynn tạm thời chuyển sự chú ý của mình để quay sang anh ta. “Jim, anh làm ơn để chúng tôi lại với nhau một phút được không?”

Những chuyện đại loại như thế cho chúng tôi thấy sau nhiều năm Lynn đã hình thành một nguyên tắc đạo đức đóng vai trò định hướng cho chị trong việc làm nghề quảng cáo như thế nào, nguyên tắc mà chị tuân thủ một cách vô cùng nghiêm túc. Chúng tôi tôn trọng chị vì điều này và muốn đáp ứng những tiêu chuẩn cao đó. Cứ mỗi khi chúng tôi làm điều gì đó khinh suất hoặc kém cỏi, hoặc khi chúng tôi không hoàn thành công việc ở mức độ mà chúng tôi đã kỳ vọng với một dự án nào đó, chúng tôi lại, theo những cách riêng của mỗi người, cố ngậm thể hiện với chị rằng chúng tôi cũng thất vọng không kém về chính bản thân mình như chị đồng thời bóng gió rằng chúng tôi đang tiến hành mọi nỗ lực để cải thiện. Có lẽ vì không bắt được tín hiệu của những lời xin lỗi kín đáo này - vì không muốn quảng cáo những khuyết điểm của mình, chúng tôi hiếm khi thẳng thắn thừa nhận chúng - nên thường thì chị chẳng bao giờ phản hồi gì, còn khi nào có, thì những thông cáo của chị rất ngắn gọn, lửng lơ và mập mờ. Có thể chị sẽ gửi cho chúng tôi một lời nhắn với nội dung, “Quên chuyện đó đi,” hoặc gửi một bức email ngắn ngủi, “Đừng lo lắng nhiều đến thế - Lynn.” Chúng tôi mất nhiều giờ đồng hồ để giải mã những thông điệp đơn giản này. Chúng tôi vào phòng làm việc của nhau, bắt người kia phải tạm dừng những gì họ đang làm dở, và cưỡng bách họ gia nhập trò lao động chính trị khổ sai không bao giờ chấm dứt là hóa giải những phản hồi cụt lùn không thể nào chịu nổi của chị trước những lời cầu xin được làm cho vững dạ của chúng tôi. “Đừng lo lắng *nhiều đến thế?*” chúng tôi hỏi nhau. “Tại sao

không phải là đừng lo lắng *làm gì?*” Chúng tôi muốn hỏi trực tiếp chị nhưng không ai dám, trừ có Jim Jackers, người mà sự đòi hỏi vô độ đối với lời khẳng định rằng anh ta không phải là một kẻ đầu đất không còn hy vọng cải tạo đã khiến anh ta đến phòng làm việc của Lynn với sự thường xuyên của những cuộc hẹn trị liệu tâm thần. Chị lấy thời gian ở đâu ra, và tại sao chị lại dễ tính với Jim đến thế, là những điều bí ẩn chẳng kém gì những email thâm nho của chị, và lời gợi ý lố bịch của ai đó, rằng có khi chị cũng sẽ cởi mở như vậy với bất kỳ ai trong những người còn lại nếu chúng tôi có đủ gan gõ cửa phòng chị, bị gạt phắt đi như thế đúng là chẳng biết cái quái gì cả.

Vậy là chị sẽ không nói gì với chúng tôi về kết quả chẩn đoán của chị. Chúng tôi thấy vừa khó chịu và bực bội lại vừa hơi bối rối. Chúng tôi muốn chị cởi mở, dù chỉ là trong mười phút thôi. Chúng tôi ở đây để làm gì nếu không phải, đôi khi, là vì chuyện đó? Chỉ là vì công việc thôi à? Chúng tôi hy vọng không phải thế. Ấy vậy mà chúng tôi vẫn không biết gì hơn. Thậm chí là vì một quảng cáo thuyết phục hơn cũng không nổi. Chúng tôi vẫn chưa nhận được lời chính thức nào về việc chị sẽ vắng mặt ở văn phòng trong thời gian hồi phục sau phẫu thuật. Theo thông báo chính thức, chị sẽ đi làm cả tuần, và khi đến hạn, chúng tôi được yêu cầu báo cáo với chị những ý tưởng quảng cáo cho cái mà chị lờ bịp chúng tôi là một buổi gây quỹ mệt-cả-người mà chị miễn cưỡng phải nhận lời làm vì bị vật nài nhiều quá.

## 2

Những buổi sáng - Thách thức của Benny - Joe Pope là ai? - Carl Garbedlan - Sự gián đoạn đầu tiên - Karen Woo nhảy vào - Đưa anh về nhà - Sự gián đoạn thứ hai - Búp bê Joe Pope - Một câu chuyện hay hơn câu chuyện này - Benny tải lên mạng - Cửa thừa kế Brizz để lại cho Benny - Lướt qua Brizz - Quà của Tom cho Carl - Lời thú tội của Carl - Cơn “giận dữ” của Tom - Chúa ở chỗ làm - Chàng Lở Miệng - Chữ viết trên tường

Quãng thời gian tuyệt vời nhất bao giờ cũng là đầu giờ sáng.

Những buổi sáng nhân nha bắt đầu với vẻ tĩnh lặng trong các hành lang, những bóng điện chưa bật sáng hết công suất, và không khí bận rộn còn bị kìm nén. Nó cũng là quãng thời gian tồi tệ nhất, do cảm giác phấp phỏng về sự chấm dứt của tất cả những điều này.

Chúng tôi thích tụ tập trong phòng của Benny. Anh ta quay lại với một cốc đầy và nói, “Thế là hôm qua...”

Chúng tôi không sao nhìn anh ta mà nín được cười. “Gì vậy?” anh ta hỏi. Chúng tôi nói anh ta có gì đó - “Ở đâu?” Nó nằm trên mép anh ta. Anh ta vội tìm kiếm. Nó ở phía bên kia. Chúng tôi cầu Chúa là anh ta sớm tìm ra nó. Cuối cùng anh ta chùi nó xuống và nhìn kỹ. “Pho mát kem ấy mà,” anh ta nói. Có bánh vòng à? “Ở trong bếp,” anh ta trả lời. Câu chuyện của Benny sẽ phải chờ những người trong chúng tôi muốn ăn bánh vòng.

Những người quan tâm tới câu chuyện của anh ta hơn thì vẫn bám lại. “Được rồi, thế là hôm qua,” anh ta kể tiếp. “Tớ muốn thử xem liệu tớ có qua được trọn vẹn một ngày mà không động đến chuột hoặc bàn phím không.” Anh ta thả người xuống ghế với vẻ khoái trá một cách gượng nhẹ, thận trọng không để sánh cốc cà phê. “Cả ngày liền không động đến con chuột và bàn phím - không thể, đúng không? Ý tớ là, mỗi ngày chúng ta sử dụng những thứ này bao nhiêu lần? Nếu các cậu cũng giống tớ, đang phải lắp ghép một mẫu quảng cáo, có lẽ các cậu phải nhấp chuột rồi gõ bàn phím đến cả mười nghìn lần mỗi ngày. Hai mươi nghìn. Thậm chí tớ cũng chẳng biết nữa, tớ không bao giờ đếm cả. Vấn đề là rất nhiều lần. Đến mức các cậu bắt đầu nghĩ rằng cuộc đời mình cũng đang từ từ nhấp dần đi. Thế là hôm qua tớ quyết định, giả sử tớ có thể cứ thế cả ngày thì sao nhỉ? Tớ phải làm gì? Tớ phải nhấp và mở, nhấp và kéo, nhấp và tô màu, nhấp và căn lề, nhấp và chỉnh lại kích thước, nhấp và tô đậm...”

Anh ta cứ thế thao thao kể lể, sử dụng những ngón tay chuối mẩn của mình để liệt kê.

“Rồi lại còn những phím chức năng trên bàn phím nữa chứ, đúng không? Control-x, control-c, control-v, control-f...”

Chúng tôi bảo anh ta nói nhanh cho xong đi. Chúng tôi thích lãng phí thời gian, nhưng gần như không có gì khó chịu hơn là phải lãng phí khoảng thời gian lãng phí của chúng tôi vào một việc không đáng phải lãng phí thời gian.

“Thế thì hãy nghe xem tớ đã làm như thế nào nhé,” Benny nói, bộ mặt phì phì của anh ta nở nụ cười gian trá.

“Cả ngày anh không làm gì hết,” Marcia nói.

“Không đúng,” Benny phản đối, đột nhiên anh ta trở nên trịnh trọng một cách khác thường. “Tớ có việc phải nộp cho Joe mà, tớ cũng có những deadline chứ. Hôm qua tớ đã phải dùng đến chuột và bàn phím. Vậy thì hãy nghe xem tớ đã làm như thế nào nhé.”

Thế là Benny kể cho chúng tôi nghe câu chuyện anh ta đã qua được cả ngày mà không phải nhấp chuột bằng cách dạy Roland cách sử dụng Photoshop. Roland không nghĩ rằng bác ta cũng có thể học được Photoshop, thậm chí bác ta còn chưa bao giờ học đại học. Nhưng Benny bảo bác ta rằng nói như thế thật là điên rồ. Chỉ cần có người hướng dẫn đúng đắn, sẽ không mất quá hai tiếng đồng hồ. Roland làm ở bộ phận bảo vệ. Bác ta đứng gác ở bàn bảo vệ phía trước trong sảnh tầng trệt, hoặc không thì bác ta lại đi lòng vòng quanh tòa nhà trong chiếc áo vest xanh hải quân loại may đồng loạt cho nhân viên bảo vệ. Cả ngày dài bác ta ngồi ở vị trí cô độc của mình dưới sảnh hoặc bác ta đi đi lại lại quanh tòa nhà trên đôi chân nhừic mỏi của mình. Được ngồi trong một văn phòng cùng với Benny có mà sướng quá. Điều kiện duy nhất mà bác ta đưa ra với Benny là nếu bác ta bị Mike Boroshansky, trưởng bộ phận bảo vệ, gọi qua chiếc bộ đàm Motorola, có lẽ bác ta sẽ phải đi. Thời buổi này ai mà biết được an ninh thế nào chứ.

“Vậy thì điều tôi muốn biết,” Benny đã bảo với bác ta, “là bác nghĩ bức ảnh nào trong số này trông thích hợp nhất cho mẫu quảng cáo này?” Roland nhìn vào màn hình của Benny và nói, “Tôi không biết. Bức này à?” và Benny nói, “Thôi nào, Roland, ông bạn - bác có đến hơn nghìn bức ảnh để lựa chọn cơ mà, và bác mới chỉ xem qua có sáu bức. Kéo xuống, ông bạn! Nhấp qua.” Và thế là cuối cùng Roland ngồi lọc qua số ảnh tương đương với khoảng một tiếng đồng hồ nhấp chuột trong khi Benny ngồi vênh râu bên cạnh không phải sờ gì đến con chuột. Đó là cả một nỗi sướng rơn đối với Roland - có người để bầu bạn và một chỗ ngồi êm ái. “Không, không phải bức đó,” Benny liên tục nói. “Bác không có nhiều thiên bẩm



nghệ thuật cho lắm, Roland, không định xúc phạm đâu.” “Ê, Benny,” Roland nói như thanh minh, “tôi đâu có đến trường để học cái này hay bất kỳ thứ gì khác, nếu cậu không phiền nhớ hộ cho.” Thế nhưng bác ta vẫn tiếp tục kích sang trang tiếp theo, và lại kéo xuống, rồi kích sang trang tiếp theo và kéo xuống. Cứ khi nào Roland lướt qua một bức ảnh mà Benny thích, Benny lại ghi số thứ tự của bức ảnh ra một mảnh giấy. Khi anh ta đã có đủ số ảnh, anh ta đá đít Roland ra khỏi văn phòng của mình và gọi cho bộ phận lễ tân của nhà cung cấp dịch vụ ảnh để họ gửi qua cho anh ta lựa chọn. Đó là lúc anh ta đi ăn trưa. Và rồi, khi anh ta quay trở về từ quán ăn Potbelly, đó là lúc bắt đầu lắp ráp mẫu quảng cáo lại với nhau, anh ta nhắc điện thoại lên gọi xuống bộ phận bảo vệ để nghị cho gặp Roland.

Khi Roland quay trở lại văn phòng của Benny, bác ta sung sướng không để đâu cho hết khi được quay lại và cho đôi chân của mình nghỉ ngơi một lúc. “Cậu có biết mỗi ngày tôi đi bộ vòng quanh tòa nhà này bao nhiêu dặm không?” bác ta hỏi Benny. “Bao nhiêu?” Benny nói. “Tôi không biết,” bác ta nói. “Tôi không bao giờ đếm cả.” “Bác nên dùng một cái máy đếm bước,” Benny nói. Hai tiếng đồng hồ sau họ đã hoàn thành phác thảo của một mẫu quảng cáo mà Joe Pope yêu cầu ngay từ buổi sáng. Đến sáng mai thì cái trò trì hoãn nhấp chuột của Benny cũng kết thúc rồi và khi đó anh ta có thể hoàn thành nốt những công đoạn cuối cùng cho mẫu quảng cáo. Anh ta đã làm như thế đấy. Cả một ngày liền không một cái nhấp chuột nào đối với Benny. Chỉ có điều anh ta đã phá hỏng nó lúc năm giờ kém mười lăm khi tự cho phép mình kiểm tra tỉ số của trò bóng chày ảo trên mạng.

“Các anh biết không,” Amber Ludwig nói, “tôi thấy câu chuyện này chẳng có gì là hay ho cả. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu Tom Mota quay lại đây và một trong những nhân viên bảo vệ của chúng ta lại đang ở trong phòng làm việc của anh dựng quảng cáo?” cô ta hỏi. “Tôi *dám* chắc là điều đó khiến tôi cảm thấy thực sự an toàn, Benny.”

“Ôi, Amber,” Benny nói. “Tom Mota không quay lại đây đâu.”

Bất thành linh Joe Pope hiện ra trên ngưỡng cửa phòng Benny. “Xin chào,” anh ta nói.

“Ồi!” Amber ré lên theo bản năng, ôm chặt lấy cái bụng bầu của cô ta. Bụng cô ta chưa hề lộ gì cả, lẽ ra chúng tôi cũng đã chẳng biết gì về chuyện đó, nhưng chúng tôi vẫn biết vì chúng tôi cái gì cũng biết. “Ôi, Joe,” cô ta gào lên. “Anh làm tôi sợ chết khiếp!”

“Xin lỗi,” Joe nói. Anh ta đứng trên ngưỡng cửa với ống quần bên phải vẫn còn xắn lên vì sợ dính dầu mỡ. Ngày nào Joe cũng đạp xe đạp đi làm trừ những hôm thời tiết khắc nghiệt nhất. Hầu hết các buổi sáng anh ta bước lên thang máy như một người đưa thư với cái mũ bảo hiểm phát quang bóng lộn, quần xắn móng lợn và chiếc ba lô. Anh ta dắt xe tới phòng làm việc của mình và dựng nó vào tường. Sau đó anh ta khóa bánh trước vào với khung xe. Bên trong văn phòng mà anh ta còn làm thế, khóa xe đạp của mình lại, như thể vậy tứ bề xung quanh anh ta toàn là dân đầu trộm đuôi cướp vậy. Cái xe đạp đó là đồ cá nhân duy nhất trong văn phòng của Joe Pope. Anh ta chẳng có áp phích, bưu ảnh, đồ trang trí lặt vặt, quả cầu tuyết, đồ lưu niệm, ảnh lồng khung, tác phẩm nghệ thuật nhái, vật kỷ niệm nào hết, cũng không có những cuốn sách hài hước trên giá và chẳng có gì để xếp bày bừa trên bàn làm việc. Anh ta đã ở cái phòng đó ba năm nay, vậy mà trông nó vẫn như chỗ tạm bợ. Ngày nào chúng tôi cũng phải thắc mắc - mà cái thằng cha Joe Pope này là thế quái nào nhỉ? Cũng chẳng phải là chúng tôi có gì không ưa anh ta. Có chẳng chỉ là anh ta có lẽ hơi thấp hơn khoảng vài phân so với lẽ ra phải thế. Anh ta nghe thứ âm nhạc quái đản. Chúng tôi không biết anh ta làm gì vào các cuối tuần. Loại người gì mà lại ló mặt đến hôm thứ Hai và chẳng thèm quan tâm đến việc chia sẻ những gì đã diễn ra trong suốt hai ngày cuối tuần khi cuộc sống thực sự của con người ta diễn ra chứ? Những ngày cuối tuần của anh ta là bóng tối bí ẩn

dài dẳng dặc. Rất có khả năng anh ta dành những ngày nghỉ trong văn phòng, ấp ủ kế hoạch vĩ đại của mình. Những ngày thứ Hai chúng tôi đến nơi trong tâm trạng tươi phơi phơi và không nghỉ ngơi gì, vậy mà kiểu gì anh ta cũng đã ở có mặt ở đó, sẵn sàng tung ra cái gì đó đối với chúng tôi. *Có thể anh ta còn không bao giờ về nhà.* Tất nhiên là anh ta không bao giờ cầm cốc cà phê lượn lờ tán phét với chúng tôi vào một buổi sáng thứ Hai. Chúng tôi không phán xét anh ta về điều đó, chỉ cần anh ta đừng có phán xét thói quen của chúng tôi trong việc từ từ bắt nhịp vào một tuần làm việc mới.

Mỗi khi anh ta có lượn qua thì cũng chỉ là để nói những câu như “Xin lỗi vì làm gián đoạn, Benny, nhưng hôm qua anh đã ráp xong cái quảng cáo đó cho tôi chưa vậy?”

“Có ngay đây, Joe,” Benny vênh váo, nháy mắt tinh quái về phía chúng tôi khi anh ta chuyển lại tác phẩm của Roland.

Sự có mặt bất ngờ của Joe là nhân tố giải tán, chúng tôi nhấc mông lên quay trở lại bàn làm việc, nặng nề và ngán ngẫm. Buổi sáng đã chính thức bắt đầu với chúng tôi.

Tại sao nó lại kinh hoàng đến thế, gần như chết đến nơi, một buổi sáng trong hàng trăm buổi, khi ta về phòng làm việc của mình và tro trọi bước qua ngưỡng cửa? Tại sao nỗi khiếp sợ lại nghệt thờ đến thế? Hầu hết các ngày, không vấn đề gì. Công việc phải làm. Một cái bánh nướng. Những đám mây đông bên ngoài cửa sổ, đây vẻ đe dọa, hùng vĩ. Nhưng trong một trăm buổi sáng ấy có một buổi thật không thể nào thờ nổi. Cà phê của chúng tôi có vị như thuốc độc. Hình ảnh những chiếc ghế quen thuộc ám ảnh chúng tôi. Thứ ánh sáng bất di bất dịch đó khiến con người ta mù mịt.

Chúng tôi đấu tranh với cảm giác suy sụp. Chuyện này chuyện kia trong cuộc sống của chúng tôi chẳng ra đâu vào đâu, và trong suốt một khoảng thời gian dài chúng tôi vật lộn để vượt qua nó. Chúng tôi ngồi bệt xuống tắm dưới vòi hoa sen và không thể ra khỏi giường vào những ngày cuối tuần. Cuối cùng chúng tôi tham khảo ý kiến của bộ phận nhân sự về những chi tiết của việc đi gặp một chuyên gia, và đơn thuốc được kê đặc biệt. Marcia Dwyer dùng Prozac. Jim Jackers dùng Zoloft và mấy thứ nữa. Hàng tá người khác dùng thuốc suốt cả ngày, chúng tôi kỳ công gọi tên các loại thuốc, thôi thì có cơ man nào là thuốc, đủ các loại màu sắc và kích cỡ. Janine Gorjanc dùng một loại cocktail tả pí lù nhiều đơn thuốc cùng một lúc, trong đó có cả lithium. Sau cái chết của Jessica, Janine và chồng chị, Frank, đã ly hôn. Chúng tôi hiểu rằng ly hôn là một hậu quả phổ biến sau cái chết của một đứa con. Không có gì là cay nghiệt giữa họ, chỉ là đường ai người nấy đi. Giờ thì họ sống cô đơn với những ký ức của mình. Những bức ảnh chụp Frank cùng với Jessica vẫn còn được treo trong phòng làm việc của Janine, và, thực lòng mà nói, nhìn thấy những bức ảnh của anh ta cũng khiến người ta xúc động gần như chẳng kém gì bức ảnh của cô bé xấu số. Chụp Frank với Jessica ngồi trên đầu gối, chụp Frank đeo tạp dề và gắng tay lót nồi trong một dịp nghỉ lễ nào đó - người đàn ông đó cũng đã rời khỏi thế giới này giống như Jessica. Những mớ tóc mai xoắn tít không còn nữa, cặp kính đen dày cộp không còn nữa và anh ta cũng chẳng còn vợ con gì hết. Cứ dành hai phút trong phòng của Janine ngắm nhìn những bức ảnh này và suy ngẫm về số phận của những con người hạnh phúc trong đó mà xem, hẳn bạn cũng sẽ phải với tay cầm lấy một trong những loại thuốc được kê đơn vút lăn lóc khắp phòng.

Ấy vậy mà bất chấp cảm giác sầu muộn, chưa có ai từng bỏ việc. Khi có ai đó bỏ việc, chúng tôi không thể nào tin nổi. “Tớ sẽ trở thành một huấn luyện viên bơi bè trên sông Colorado,” họ nói. “Tớ sẽ đi lưu diễn quanh các thành phố đại học cùng với ban nhạc của mình.” Chúng tôi sững sờ không nói được câu nào. Cứ như thể họ sống trên một hành tinh khác. Họ lấy cái

gan ấy ở đâu ra nhỉ? Họ sẽ làm gì để thanh toán tiền mua xe trả góp? Chúng tôi tụ tập bù khú một chiều vào cái ngày cuối cùng của họ và cố gắng che giấu nỗi ghen tị trong khi tự nhủ rằng chúng tôi vẫn có tự do và sự xa xỉ để mua sắm vô tội vạ. Lần nào cũng thế Tom sẽ say khướt và rửa trôi người sắp ra đi bằng những lời nâng cốc chúc mừng không phù hợp chút nào. Lần nào cũng thế Marcia sẽ tìm thấy những ban nhạc tóc xù<sup>[13]</sup> của cô ta ở máy nghe nhạc trả tiền và đày đọa chúng tôi bằng những bản ballad ngọt lịm của họ trong khi hồi tưởng lại những ngày thanh bình ở trường trung học George Washington. Lần nào cũng thế Janine sẽ lặng lẽ nhắm nháp ly nước nam việt quất của mình, trông thật đau khổ và hiền từ, còn Jim Jackers thì buông ra những câu chuyện tiểu lâm nhạt tẻch, vô duyên, trong khi Joe vẫn ở văn phòng, làm việc. “ ‘Mọi con tàu đều là một vật thể lãng mạn’,” Tom ba hoa, “ ‘chỉ trừ con tàu đang chở chúng ta’.” Để hạ màn, bao giờ anh ta cũng đứng lên và nâng cốc. “VẬY thì xin chúc các cậu may mắn,” anh ta chúc, và nốc nốt chỗ martini của mình, “và quý tha ma bắt các cậu vì đã ra đi, đồ khốn kiếp.”

Chúng tôi có những hành lang rộng thênh thang. Một số hành lang có văn phòng chạy dọc cả hai bên, trong khi những hành lang khác có văn phòng ở một bên và bên còn lại là những ngăn chia ô. Ngăn của Jim Jackers độc đáo ở chỗ nó được bố trí lọt thỏm trong góc. Vì ở vị trí đó nên anh ta có thể chiêm ngưỡng một quang cảnh tuyệt vời và chúng tôi thắc mắc liệu anh ta có xứng đáng với nó không nữa. Để tới đó bạn phải bước qua những vết mực in lấm lem trên thảm ở tầng sáu mươi. Anh ta chia sẻ không gian đó với một người khác, một người phụ nữ tên là Tanya gì gì đó làm việc ở nhóm của một thành viên quản trị khác. Một bức vách có thể kéo vào được chia tách họ, làm bằng kính mờ dày, loại vẫn dùng cho cửa sổ phòng tắm. Đằng sau bức vách, một người đi đi lại lại, thì đối với người

kia, trông như đang kì cọ và lăn nách, trong khi thực ra họ chỉ đang sắp xếp hồ sơ hoặc nhập dữ liệu.

Chúng tôi đang ở trong vài tuần đầu tiên của giai đoạn giảm biên chế khi Benny kể cho chúng tôi nghe câu chuyện về việc Carl Garbedian tạm biệt vợ anh ta. Chúng tôi tùm tùm lại ở ngăn của Jim vì một lý do trời ơi đất hỡi nào đó - bằng cách nào và tại sao một số người trong chúng tôi chợt nhận ra mình đang tụ tập tại cùng một nơi ở cùng một thời điểm đúng là điều bí ẩn. Những câu chuyện của Benny vốn được kể thường xuyên hơn trong những ngày trước giai đoạn suy thoái, khi chúng tôi cảm thấy phoir phoir và an toàn. Chúng tôi ít bận tâm hơn đến việc bị bắt gặp tụ tập. Khi cơn suy thoái ập tới, khối lượng công việc của chúng tôi biến mất, và mặc dù có nhiều thời gian hơn bao giờ hết để nghe những câu chuyện của Benny, chúng tôi lại cảnh giác hơn với việc bị bắt quả tang tụ tập, đó là một dấu hiệu cho thấy khối lượng công việc của chúng tôi đã biến mất và việc giảm biên chế là cần thiết. Chúng tôi ở trong tình trạng tiến thoái lưỡng nan - phải làm gì với những câu chuyện của Benny đây? Chúng tôi thỏa hiệp bằng cách vẫn tiếp tục nghe, nhưng không còn háo hức tận hưởng chúng nữa vì quá lo lắng có người đi qua và bắt gặp chúng tôi. Chúng tôi chỉ còn nghe bằng một tai, và một mắt lúc nào liếc ra sau lưng, phòng trường hợp cần vọt lẹ về bàn của mình và bắt đầu màn kịch rằng công việc vẫn ngập đầu như trước kia, bởi vì chỉ có như thế chúng tôi mới không bị cho nghỉ việc.

Carl Garbedian khoảng ngoài ba mươi tuổi. Anh ta có cái bụng tương đương với bụng bầu ở giai đoạn ba tháng thứ hai. Anh ta mặc loại quần jean không tên tuổi bó quá sát, và đi giày thể thao loại bình dân, điều đó, đối với chúng tôi, cho thấy anh ta đã buông xuôi đến mức độ nào. Một sáng nọ vợ anh ta thả anh ta ở góc đường nhưng anh ta nhất định không chịu rời khỏi xe. Benny cũng đã tận mắt chứng kiến hầu hết cảnh này rồi, nhưng những gì không được trực tiếp thấy thì sau đó anh ta lại moi từ Carl, khi anh ta khích bác để gã kia nói ra trong giờ ăn trưa. Gần như tất cả mọi

người đều chia sẻ những suy nghĩ của họ với Benny bởi vì mọi người đều yêu quý Benny, đó là lý do tại sao một số người trong chúng tôi ghét cay ghét đắng anh ta.

Ngay trước khi bước ra khỏi xe, đúng lúc lễ ra cô ta phải hôn tạm biệt Carl, thì điện thoại di động của Marilyn lại đổ chuông. Cô ta là một bác sĩ chuyên khoa ung thư và luôn cảm thấy có trách nhiệm trả lời điện thoại phòng trường hợp có cấp cứu. “A lô?” cô nói. “Cứ nói đi, Susan, tôi nghe cô nói rõ lắm.”

Ngay lập tức Carl cảm thấy khó chịu. Benny kể với chúng tôi rằng Carl ghét cái kiểu lúc nào vợ anh ta cũng trấn an mọi người rằng cô ta có thể nghe họ nói rõ lắm. Anh ta căm ghét cái kiểu cô ta nhét ngón tay vào tai đối diện, để nút một cách hiệu quả tất cả những tiếng ồn khác. Và anh ta căm ghét việc những trách nhiệm khác của vợ lúc nào cũng được ưu tiên hơn mình. Họ đang sắp sửa chào tạm biệt, vì Chúa. Chẳng lẽ lại không phải chuyện lớn, chẳng lẽ lại không quan trọng, nụ hôn tạm biệt của họ ấy? Điều anh ta thực sự căm ghét, mà anh ta không bao giờ thú nhận với vợ mình, là anh ta cảm thấy mình là người kém cỏi hơn trong hai người vì không có trách nhiệm nào có thể so sánh với những trách nhiệm của vợ mình, thứ mà anh ta có thể dùng để ưu tiên hơn *cô ta*. Cô ta được mọi người gọi đến về chuyện những bệnh nhân sắp chết. Hãy đối mặt với sự thật đi, chẳng đời nào một trong chúng tôi lại đi gọi cho Carl với một câu hỏi có tính cấp bách sống còn. Bất kỳ câu hỏi nào chúng tôi có thể có cho Carl đều có thể chờ cho đến khi chúng tôi đụng phải anh ta ở hành lang ngày hôm sau. Điều đó khiến Carl cảm thấy rằng công việc của vợ anh ta có ý nghĩa hơn công việc của chính anh ta; và, xuất phát từ lối suy nghĩ quái gở của Carl lúc đó, rằng như thế *cô ta* trở nên có ý nghĩa hơn. Những ý nghĩa của Carl thật *tăm tối*, trời ạ. Điều đó không giúp mang lại một cuộc hôn nhân dễ dàng. Giá kể chỉ cần bạn nghe thấy những đoạn nói chuyện rời rạc qua điện thoại mà thỉnh thoảng chúng tôi vẫn nghe lỏm được khi đi ngang qua phòng của Carl.



Benny kể với chúng tôi rằng khi Marilyn nghe điện thoại di động, Carl đã tính đến việc bước ra khỏi xe và dùng dùng bỏ đi, nhưng thay vào đó anh ta vẫn ngồi lại và đăm đăm nhìn ra ngoài cửa sổ. Anh ta thoáng thấy bóng dáng người ăn xin bên ngoài tòa nhà của chúng tôi. Ông ta luôn ở đó, cái thằng cha ấy, ngồi gần một trong những cánh cửa xoay, nhắc lên lắc lắc một cái cốc nhựa Dunkin Donuts khi chúng tôi đi vào, trong khi chân ông ta vẫn duỗi thẳng ra và bắt chéo lại ở chỗ mắt cá. Bóng dáng ông ta, chỉ riêng bóng dáng ông ta thôi - mà chỉ năm năm trước có lẽ đã khiến Carl mũi lòng dốc hết cả túi tiền lẻ - là một công cụ tra tấn dai dẳng giờ đây trút xuống với nỗi thống khổ cùng cực toàn bộ gánh nặng ký ức của không biết bao nhiêu ngày tháng lên vai của Carl. Chúng đã vơi nhẹ đi đêm hôm trước, trong khoảng một hai tiếng đồng hồ. Nhưng giờ đây, thậm chí trước cả khi vào trong tòa nhà - có Chúa chứng giám, thậm chí trước cả khi anh ta có cơ hội vừa chạy vừa rú âm lên khỏi một màn buôn chuyện khác của Karen Woo, hoặc nhìn thấy ánh nắng bám vất vẻo trên trán Chris Yop - chúng đã quay trở lại, tất cả những ngày tháng dồn nén nỗi chất chứa của Carl, cùng với gánh nặng đến gãy sụn lưng của thêm một ngày khác.

*Hãy làm gì đó đi!* anh ta chực muốn gào lên với tay ăn mày. Anh ta đang sắp sửa hạ kính cửa xe xuống và làm như thế. Anh ta thấy bị xúc phạm trước việc gã đàn ông kia cứ ngồi ở đó mà chờ tiền của anh ta. Những tay ăn mày khác đều *xác định vị thế* cho chính mình. Họ có thương hiệu riêng. “Cựu chiến binh chiến tranh Việt Nam bị AIDS”. “Bà mẹ thất nghiệp nuôi ba con nhỏ”. “Đang cố quay trở về Cleveland”. Thằng cha này *chẳng có gì* - không có những dòng chữ trên một tấm bìa các tông, thậm chí một con chó hoặc cái trống lúc lắc nhỏ cũng không nốt. Vì lý do nào đó điều này khiến Carl nổi điên. Đúng thế, từng có thời gian anh ta hẳn đã dốc sạch để cho đi bất kể trong túi có bao nhiêu; giờ thì anh ta sẵn sàng cho thằng cha kia nửa khoản dành dụm cả đời của mình, nếu như chỉ cần hẳn *chọn một tòa nhà khác!*



Benny nhìn thấy vợ chồng nhà Garbedian đỗ xe ì ra ở góc đường nên đã từ phía sau đi lên đập vào cửa xe phía Carl. Carl cúi kính xua anh ta đi chỗ khác. Benny đoán là hai vợ chồng đang cãi nhau nên anh ta để cho họ được yên. Nhưng Benny vẫn là Benny, anh ta lượn lờ quanh cửa trước nơi anh ta không dễ bị phát hiện, nhờ được che khuất bởi một thùng thư của bưu điện. Từ chỗ này anh ta có thể quan sát rất rõ chiếc xe.

Bên trong Marilyn vẫn đang nói chuyện điện thoại. Cô ta đang bàn bạc một vấn đề nghề nghiệp quan trọng bằng thứ ngôn ngữ mà Carl ghen tị. Anh ta quyết định mình cũng gọi điện thoại. Anh ta lấy điện thoại di động ra khỏi túi quần jean, ấn phím gọi tắt, và đưa điện thoại lên tai. Vợ anh ta nói vào điện thoại của mình, “Cậu chờ một phút được không, Susan? Tôi đang có cuộc gọi khác.” Cô ta nhìn xuống màn hình và rồi ngoảnh sang nhìn Carl, người đang nhìn thẳng ra ngoài cửa sổ.

“Anh đang làm gì vậy?” cô ta hỏi chồng.

Anh ta quay sang vợ. “Thì đang gọi điện,” anh ta trả lời.

“Tại sao anh lại gọi cho em, Carl?” Marilyn hỏi với vẻ ngỡ ngàng và cảnh giác.

Dạo gần đây những buổi sáng đã trở nên thật khó chịu với vợ chồng nhà Garbedian, nhiều khi còn phản phúc. “Chờ một giây nhé,” Carl nói với Marilyn, rồi giơ một ngón tay lên không khí. “Anh chỉ đang để lại một tin nhắn thoại thôi. Chào em, Marilyn, là anh, Carl đây. Anh đang gọi cho em về việc” - anh ta giơ tay lên xem đồng hồ, một cử chỉ đầy trang trọng - “bây giờ là khoảng tám rưỡi rồi,” anh ta nói. “Và anh biết là em rất bận, em yêu, nhưng nếu em có thể làm ơn gọi cho anh, anh chỉ muốn... hỏi thăm tình

hình thế nào. Nói chuyện linh tinh. Em có số của anh rồi, nhưng phòng trường hợp em chưa có, bây giờ anh sẽ đọc lại cho em, là...”

Marilynn lại đưa điện thoại lên tai và nói, “Susan, tớ sẽ gọi lại cho cậu sau nhé.”

“Thế thôi, tạm biệt em yêu,” Carl nói.

Cả hai cùng ấn phím ngắt trên điện thoại di động của mình. Đến một lúc, đèn báo tin nhắn mới trên điện thoại của Marilynn bắt đầu nhấp nháy.

Joe Pope thò cái đầu của anh ta vào ô làm việc của Jim Jackers đúng lúc Benny đang đến kể đến đoạn hấp dẫn. Một số vách ngăn ô làm việc của chúng tôi được làm bằng ván ghép rời bọc vải rẻ tiền màu cam hoặc màu be và mỏng mảnh đến nỗi chỉ cần luồng gió hút trong nhà cũng đủ khiến chúng rung rinh. Những vách ngăn khác, như của Jim, được mua ngay trước thời kỳ suy thoái và có thể chịu được cả gió của những trận siêu bão. Câu chuyện của Benny dừng lại đột ngột. Vài người trong chúng tôi rời khỏi ngăn của Jim ngay lập tức, trong khi những người còn lại bồn chồn liếc nhìn Joe. Joe hỏi Jim là liệu những bản ma kết mà anh ta đang làm có sẵn sàng để trình lên lúc năm giờ chiều không.

Joe có khuynh hướng hay ngắt lời người khác. Đôi khi điều đó lại tốt. Chúng tôi có thể quá sa đà vào một trong những câu chuyện của Benny trong khi thời gian cứ thế vùn vụt trôi và rồi ai đó quan trọng hơn Joe có thể xuất hiện và nhìn thấy chúng tôi mà như thế thì còn tệ hơn nhiều. Chúng tôi có thích anh ta hồi đầu, hồi mới đầu thôi. Rồi một hôm Karen Woo nói, “Tôi không ưa Joe Pope,” và cô ta cho chúng tôi biết những lý do của mình. Cô ta cứ thế tuôn liền một tràng dài, trong sự yên lặng cả nửa tiếng

đồng hồ, một bản cáo trạng sôi sục, cho đến khi cuối cùng chúng tôi phải viện cớ để có thể quay trở lại làm việc. Sau đó thì không ai còn chút may mắn nghi ngờ gì về chuyện Karen Woo cảm thấy như thế nào về Joe Pope, và không ít người đồng ý rằng cô ta kêu ca thế cũng là chính đáng - rằng nếu như tình hình quả thực như lời Karen, thì Joe hoàn toàn không phải là một người dễ mẫn. Bây giờ thì khó mà nói được là lời kêu ca đạo đó thực sự là như thế nào. Để xem nào, đây rồi... cố nhớ thử xem... không, không ăn thua rồi. Phải đến nửa thời gian chúng tôi không thể nhớ nổi chuyện xảy ra trước đó ba tiếng đồng hồ. Trí nhớ của chúng tôi ở chỗ đó cũng chẳng khác gì trí nhớ của cá vàng. Những con cá vàng tối nào cũng thực hiện một hành trình trong cái túi ni lông nhỏ đựng nước và rồi đến sáng được đưa trở lại chiếc bình của chúng. Điều chúng tôi nhớ được là Karen không chịu cho qua câu chuyện, hết ngày này sang ngày khác trong cả tuần liền, và khi tuần đó kết thúc, chúng tôi đều có một ý nghĩ rõ ràng hơn về Joe so với những gì chúng tôi cảm nhận về anh ta trong ba hay bốn tháng đầu tiên.

Jim Jackers ngẩng lên khỏi máy tính. “Được rồi, Joe, sẽ xong ngay,” anh ta trả lời. “Tôi đang chỉnh sửa nốt những khâu cuối cùng đây.”

Câu nói của Jim là cái cớ để Joe lượn đi, nhưng thay vào đó anh ta cứ lờn vờn bên vách ngăn ô. Đó là khoảng thời gian giữa lần thăng chức thứ nhất và thứ hai của anh ta. “Cảm ơn, Jim,” anh ta nói. Anh ta nhìn chúng tôi. Chúng tôi đứng yên tại chỗ. Chúng tôi không muốn bị Joe Pope hăm he bắt quay trở lại bàn làm việc đúng lúc Benny đang kể đến phần giữa của một câu chuyện hấp dẫn. “Mọi người thế nào?” Joe hỏi. Chúng tôi nhìn nhau. Chúng tôi nhún vai. Khá tốt, chúng tôi bảo anh ta. “Tốt,” anh ta nói. Cuối cùng anh ta bỏ đi và chúng tôi nhướng mày nhìn nhau.

“Đúng là trò khoe khoang quyền lực phát tởm,” Karen Woo nói.

Chúng tôi bảo Jim là anh ta phải đi nếu như anh ta là người thu hút sự chú ý của Joe Pope. Nếu như anh ta là lý do khiến Joe lớn vồn về phía chúng tôi, Jim phải đi.

“Nhưng đây là ô của tôi cơ mà,” Jim nói.

“Có thể anh ta chỉ đang cố gắng tỏ ra thân thiện,” Genevieve Latko-Devine gợi ý. Genevieve có mái tóc vàng, đôi mắt xanh, và một vẻ quyến rũ kiêu kỳ, cao giá. Ngay cả cánh phụ nữ cũng phải thừa nhận sắc đẹp vượt trội của cô. Một năm nọ nhân dịp Giáng sinh, cô được tặng một món quà nghịch ngợm là một hàm răng giả xiên xẹo, mà cô được hướng dẫn là mang vào quanh năm như một nỗ lực nhằm hạ mình xuống ngang với chúng tôi. Nhưng khi cô đeo bộ hàm vào, chúng tôi phát hiện ra - ấy là nói cánh đàn ông trong chúng tôi - một khát khao có răng sâu mà chúng tôi không bao giờ biết là mình có. Chúng tôi bảo Benny tiếp tục câu chuyện của anh ta.

Anh ta bắt đầu lại ở chỗ anh ta đã bỏ dở. Carl và vợ ngồi trong im lặng lúc lâu sau khi đã lần lượt tắt điện thoại di động của mình. Cuối cùng Marilyn, với vẻ kiên quyết dịu dàng nhưng dứt khoát, quay sang anh ta nói, “Anh cần được giúp đỡ, Carl.”

Lắc đầu rất cương quyết, Carl trả lời, “Anh không cần giúp đỡ gì hết.”

“Anh cần được chăm sóc y tế,” vợ anh ta nói, “và anh sẽ không chịu thừa nhận điều đó, và anh đang làm tổn thương cuộc hôn nhân của chúng ta vì chuyện này.”

“Anh không bị trầm cảm,” Carl nói.

“Anh là một ca bệnh trầm cảm điển hình như trong sách giáo khoa,” Marilyn khẳng định, “và anh rất cần được chữa trị...”

“Làm sao em biết?” anh ta hỏi, cắt ngang lời vợ. Cuối cùng anh ta đã quay sang trừng trừng nhìn vợ với vẻ mặt cô đơn và oán hận. “Em đâu phải là bác sĩ tâm thần, Marilyn, đúng không? Em không thể biết *mọi* khía cạnh của ngành y được - đúng không, lẽ nào em có thể?”

“Những bệnh nhân ung thư, Carl,” cô ta nói, vẻ cáu giận dâng lên trong giọng nói, “không phải là những người hạnh phúc nhất, dù anh có tin hay không. Em kê đơn thuốc chống trầm cảm cho rất, rất nhiều bệnh nhân của mình. Khi nhìn thấy người bị trầm cảm là em nhận ra ngay, em biết rõ các triệu chứng, em biết những tổn thương mà căn bệnh đó gây ra cho các gia đình, cho...”

Anh ta để mặc cho Marilyn nói. Đúng lúc đó, băng qua phố trên đường chị đi làm, là Janine Gorjanc.

Đối với Carl thì Janine mang hình ảnh một bà mẹ điển hình. Không đẹp cũng không xấu. Mũm mĩm nhưng không béo. Gương mặt phì phì nhưng với một vẻ kháu khỉnh ẩn giấu đâu đó có thể khiến người ta muốn đưa chị đến buổi khiêu vũ ở trường trung học phát điên lên được. Một đứa trẻ, Carl nghĩ, không phải là kết quả duy nhất của việc sinh nở. Một người mẹ cũng được sinh ra. Bạn nhìn thấy họ mỗi ngày - những người phụ nữ không có gì đặc biệt với một ngấn phình lên ngay phía trên bụng dưới, hơi có hai cằm một chút. Luôn là tuổi bốn mươi. Mẹ của ai đó, bạn thầm nghĩ. Có một đứa trẻ ở đâu đó đã biến người phụ nữ này thành một bà mẹ, và vì đứa con chị đã thay đổi vẻ bề ngoài để đảm nhiệm tốt hơn vai trò của mình. Vì ngồi trên xe tách biệt hẳn với chị, anh ta có thể nhìn mà không bị thôi thúc phải quay người và bỏ trốn, và đó là lần đầu tiên anh ta nhìn thấy chị trong suốt mấy tháng nay, có khi là mấy năm cũng nên. “Carl?” Marilyn đang nói. “Carl?”

“Marilynn,” anh ta nói. “Em có nhìn thấy người phụ nữ kia không? Người phụ nữ ở đằng kia, mặc cái áo nhàu nhĩ ấy. Trông chị ấy giống một người mẹ, đúng không?” Marilyn nhìn theo ánh mắt của anh ta. “Đó là Janine Gorjanc,” anh ta nói. “Đó là người phụ nữ mà anh đã kể với em,” anh ta nói. “Con gái chị ấy bị giết. Em nhớ chứ? Cô bé bị bắt cóc. Anh đã kể cho em chuyện cô bé. Anh tới dự đám tang ấy?”

“Em nhớ,” cô ta nói.

“Chị ấy hôi rình,” anh ta nói.

“Chị ấy hôi rình?”

“Chị ấy bốc ra thứ mùi gì đó, anh không biết là mùi gì. Không phải ngày nào cũng thế. Nhưng có những ngày anh nghĩ chị ấy cứ để buông xuôi như thế. Chị ấy không tắm rửa hay gì hết.” Anh ta nhìn chị vào tòa nhà. Marilyn đang nhìn chòng, không nhìn Janine. Cô ta đang lắng nghe, cố gắng hiểu. “Marilynn,” anh ta nói, “anh ghét người phụ nữ đó vì cái mùi của chị ấy.”

“Anh đã bao giờ thử nói chuyện với chị ấy về chuyện đó chưa?” cô ta hỏi.

“Nhưng anh thậm chí còn căm ghét bản thân mình hơn,” anh ta vừa nói tiếp, vừa cởi cúc áo khoác của mình, “vì đã ghét chị ấy. Thậm chí em có thể hình dung nổi những gì chị ấy đã trải qua không?”

“Carl,” Marilyn nói, “anh đang làm gì vậy?”

“Vụ bắt cóc,” anh ta vẫn tiếp tục như không nghe thấy gì, “rồi đến quãng thời gian chờ đợi, quãng thời gian chờ đợi khủng khiếp.”

“Anh đang làm gì vậy?” cô ta kêu lên.

“Rồi tìm thấy cái xác. Thử hình dung đến cảnh tìm thấy cái xác, Marilyn.”

Đến lúc này anh ta đã cởi trần đến ngang thắt lưng. Anh ta đã cởi áo khoác và lột chiếc áo phông qua đầu. “Hôm nay anh không muốn đi làm,” anh ta tuyên bố, và quay sang nhìn vợ mình. Anh ta đang thở hổn hển với cái bụng phơi ra, một cái bụng phồng to nhợt nhạt rậm rì lông lá. Khi Benny kể lại toàn bộ chuyện này cho chúng tôi, anh ta nói về sau Carl đã tâm sự là anh ta chỉ mong Lynn Mason đi qua ngay lúc ấy và nhìn thấy cái cảnh không hay ho đó và sẽ cho anh ta đi tàu suốt kiểu Tây Ban Nha vì lý do mỹ học. “Mặc quần áo của anh vào!” Marilyn gào lên.

“Anh không muốn là người căm ghét Janine Gorjanc,” anh ta nói. “Nếu anh đi vào trong anh sẽ là người đó vì anh sẽ ngửi thấy mùi của chị ấy. Anh không muốn phải ngửi mùi của chị ấy. Nếu anh ngửi thấy chị ấy anh sẽ căm ghét chị ấy và anh không muốn là người như thế. Em phải đưa anh về nhà.”

“Anh *hoàn toàn* mất trí rồi phải không?” cô ta vừa hỏi vừa nhìn anh ta giật phắt đôi giày thể thao, cởi khóa quần jean và kéo tụt nó xuống mắt cá chân.

Anh ta ngồi thẳng lên trên ghế trước, không mặc gì hết ngoài chiếc quần lót. “Anh mệt mỏi lắm rồi,” anh ta nói, và quay sang vợ. “Vấn đề là thế đấy, Marilyn. Anh thực sự rất mệt mỏi. Nếu em bắt anh vào trong kia, anh sẽ đi vào trong như thế này đấy.”

“Cái đó,” cô ta gầm lên, “không...” Cô ta lắc đầu và bật cười. “Cái đó không dọa *được em* đâu, Carl.”

“Anh mệt mỏi lắm rồi,” anh ta nhắc lại.

“Carl, mặc quần áo vào,” cô ta nói, “rồi vào trong kia, và đến chiều nay, kiểu gì em cũng sắp xếp cho anh hẹn khám với một bác sĩ tâm thần rất giỏi.”

“Anh sẽ không mặc quần áo trừ phi em chịu đưa anh về nhà,” anh ta nói.

“Carl,” cô ta gào lên, “mười phút nữa em phải có mặt trong phòng mổ! Em không thể đưa anh về nhà được!”

“Đừng có bắt anh phải ra ngoài,” anh ta nói. “Xin em đừng có bắt anh phải ra ngoài, Marilyn.”

“À, Jim, chỉ một chuyện này nữa thôi...”

Chúng tôi ngẩng lên và thấy Joe Pope đứng lúc anh ta đang thò đầu qua vách ngăn ô của Jim Jackers lần thứ hai. Benny cầm bật còn Jim quay ngoắt đi và Amber Ludwig thì giật bắn mình sợ hãi trong khi Marcia Dwyer tranh thủ dịp cầm lon Coca cho người ăn kiêng của mình lên và chuồn thẳng, còn một vài người trong chúng tôi nấn ná ở lại nghe thấy Joe thông báo với Jim rằng anh ta vừa mới từ văn phòng của Lynn Mason quay ra. Họ đã bàn bạc về những bản ma kết phải xong cuối ngày hôm đó, và họ đã nảy ra một số ý tưởng về việc thay đổi cái này và thay đổi cái kia, và khi nghe đến đó, từng người một chúng tôi đứng lên và linh đi vì chúng tôi biết những thay đổi của Joe Pope có nghĩa là gì - thêm việc. Bao giờ cũng là thêm việc để làm với thằng cha này. Người cuối cùng trong chúng tôi nghe thấy Joe nói, “Tôi xin lỗi đã cắt ngang, Jim - bây giờ có tiện không vậy?” và Jim trả lời, “Chắc chắn rồi, chắc chắn rồi, Joe, tiện chứ. Xin mời vào và ngồi đi.”



Đến cuối ngày hôm đó tin tức lan đi như cháy rừng. Joe Pope đã nhận được quyết định thăng chức lần thứ hai.

Anh ta là Roger Highnote mới của chúng tôi. Anh ta có cái gu thời trang độc nhất vô nhị không hoàn toàn phù hợp với xu hướng mùa và chúng tôi bản khoăn không hiểu anh ta kiếm ở đâu ra. *Anh ta* đang đọc những tạp chí gì nhỉ? Đến năm sau thì tất cả chúng tôi đều mặc đồ bò mài tương tự, nhưng đến lúc ấy thì còn quan trọng gì nữa. Suốt cả năm trời anh ta trông như một tên dở người. “Trông được không?” chúng tôi nói với Genevieve. “Joe Pope ấy à?” Không, anh ta thực sự quá lùn mất hai phân. Anh ta biến cuộc sống của chúng tôi thành địa ngục trần gian. Và anh ta khiến chúng tôi cực kỳ khó xử. Nhưng phải giải thích thế nào bây giờ? Vì đó không phải là cảm giác khó xử chúng tôi cảm thấy với Jim Jackers. Ở hành lang Jim chào tất cả mọi người với câu nói, “Khỏe không, bồ?” một câu mà anh ta to gan dám mang ra hỏi cả Lynn Mason khi đi qua chị. Đó là kiểu hành vi gượng gạo. Có lần tất cả chúng tôi tới một bữa tiệc, và Jim mang theo hộp rượu vang của anh ta. Anh ta cũng công khai gọi ruột của mình là “Ngài R”. “Xin lỗi,” anh ta thường nói, trước khi đi vào nhà vệ sinh. “Nhưng ngài R lại đang gây chuyện rồi.”

Jim khiến chúng tôi phải nhăn mặt vì khó xử, nhưng chúng tôi nhăn mặt vì chính anh ta. Sự khó xử từ Joe Pope lại tạo ra một kiểu nhăn mặt hoàn toàn khác rất khó gọi tên. “ ‘Anh ta không chỉ là sự khó xử ở chính bản thân mình,’ nhà thơ nửa mùa của chúng tôi Hank Neary tuyên bố, ‘mà còn là nguyên nhân sự khó xử ở những người khác’.” Và giống như tất cả những lần khác, chúng tôi hoàn toàn không thể hiểu nổi Hank đang nói cái gì nữa. Trừ phi anh ta định nói rằng sự có mặt của Joe Pope làm *chúng tôi* cảm thấy khó xử. Đúng là như vậy. Joe không cảm thấy nghĩa vụ phải mở miệng gì cả. Anh ta chào hỏi và được chào hỏi như một con người bình thường, nhưng ngoài đó ra thì anh ta im lặng một cách trâng tráo và khắc

kỷ. Ngay cả trong một cuộc họp hay thảo luận chung từ xa, thằng cha này vẫn để những khoảng im lặng kéo dài lấp kín căn phòng trong lúc anh ta nghĩ về những gì anh ta muốn nói, mà không hề dang hăng hay ậm ừ một cách hồi hộp nhằm mục đích lấp đầy sự im lặng ngọt ngào đang đè nặng lên tất cả chúng tôi. Có lẽ điều đó có thể được gọi là sự điềm tĩnh, nhưng nó khiến những người còn lại trong chúng tôi cảm thấy không thoải mái, đến nỗi mà Hank, quyết tâm nói cho ra ngô ra khoai, đã quay lại với câu trích dẫn thứ hai lấy ra từ nguồn mạch vô tận sự uyên bác vô tích sự của anh ta - “ ‘Anh ta gọi lên cảm giác không thoải mái. Chính là điều đó! Cảm giác không thoải mái! Không phải là sự nghi kỵ rõ ràng - chỉ là cảm giác không thoải mái - chỉ thế thôi.’ ” - và khi câu trích dẫn đó được chúng tôi chuyền tay nhau từ người này sang người khác qua email, chúng tôi chúc mừng Hank vì cuối cùng cũng nói được điều gì đó có thể hiểu được. Cảm giác không thoải mái. Chính xác là như thế.

Anh ta có cái kiểu đột kích bạn một cách bất thành hình. Chuyện này xảy ra rất nhiều ở chỗ đặt máy in. Một lần, Tom Mota đang đứng ở một chỗ máy in thì Joe len lén lại gần gã và nói, “Xin chào.” Đúng lúc ấy, Tom có thứ gì đó khó nói trôi ra từ trong máy in màu. Đại loại đó là thứ không hoàn toàn liên quan đến công việc. Chuyện này xảy ra trước khi chính sách quy định in ấn được ban hành như một phần của các biện pháp thắt lưng buộc bụng, điều này cũng ngăn cản Hank Neary photocopy những cuốn sách thư viện vào buổi sáng và đọc các trang giấy photo bằng máy Xerox suốt cả ngày bên bàn làm việc. Rõ ràng mười mười công việc của Joe là thứ gì đó chính thức, và nó lại xếp hàng ngay sau bản in của Tom. Đen đũi thay cho Tom. Thế là Tom bảo anh ta, “Anh định cứ chờ thế này à? Anh định cứ chờ đến khi bản in của anh ra à?” Phản ứng của Joe là cứ thế lặng thinh như không có gì. Thế là Tom nói huých toẹt. “Tôi đang chờ một thứ được in ra,” gã nói, “và nói thực lòng với anh, Joe, tôi không thích anh nhìn thấy nó. Trong đó có tí vớ vẩn, và tôi biết anh nói chuyện với ai,” gã nói. “Mà tại sao bao giờ anh cũng cảm thấy phải chạy vội vàng tới máy in trong

khi bản in của anh xếp hàng sau tất cả các bản in khác vậy?” gã tiếp tục. “Tại sao anh cứ phải hăm hờ thế? Anh biết thừa là phải mất một lúc những bản in này mới thò ra nếu tất cả được sắp hàng in lần lượt, đúng không?”

Ai mà biết được Joe phản ứng như thế nào với câu đó. Anh ta đứng trên Tom nhiều bậc trong hệ thống tôn ti trật tự nhưng có lẽ anh ta chịu đựng gã này một cách im lặng hơn, kiên nhẫn chờ bản in của mình trôi ra. Có thể anh ta có tìm cách liếc xem Tom đang in ra cái gì, như lời Tom khẳng định, hoặc có thể anh ta vẫn nghiêm trang nhìn thẳng về phía trước và nghĩ bụng, “Cứ như là mình thềm quan tâm đến việc thằng cha này đang in cái chết tiệt gì không bằng.” Bất kể thế nào anh ta cũng thật bí hiểm.

Đó là từ dành cho anh ta - bí hiểm. Sự bí hiểm của anh ta tạo ra cảm giác không thoải mái bao trùm. Tại sao anh ta phải là một kẻ bí ẩn tẻ ngắt như thế làm gì nhỉ? Chẳng có gì trên những bức tường của anh ta, chẳng có gì trong văn phòng của anh ta ngoài một chiếc xe đạp. Thứ mà anh ta *khóa*. Sáng nào chúng tôi cũng nghe thấy nó kêu đánh tách và cố không lấy thế làm tự ái. Quan điểm của chúng tôi về Joe, anh ta còn quá trẻ để được bí hiểm. Nếu như anh ba mươi tuổi, anh có *những mối quan tâm*. Anh can dự với cả thế giới. Tại sao thằng cha này lúc nào cũng ở bàn làm việc, vây xung quanh là những bức tường trống trơn? “Chúng tôi phải cho anh xem cái này, đây là búp bê Joe Pope của chúng tôi.” Đó có lẽ là cách chúng tôi sẽ giải thích về Joe Pope với một người mới. Nói thế không có nghĩa là chúng tôi sẽ lại thuê người mới nữa. Nhưng giả sử có như vậy, có lẽ chúng tôi sẽ nói, “Chúng tôi giữ nó trong phòng làm việc của Karen Woo. Cô ta ghét Joe Pope. Đến mà xem. Còn bây giờ nhìn nhé, nó sắp biểu diễn một trò bắt chước hoàn hảo. Nhìn nhé. Anh có thấy không?” “Nhưng nó chỉ ngồi yên ở đó mà?” tay nhân viên mới sẽ thốt lên. “*Chính xác!*” chúng tôi sẽ ồ lên. “Joe *lúc nào* cũng ngồi ở bàn làm việc của nó. Giờ hãy xem nó gập đầu gối xuống và kéo ghế vào! Hãy nhìn Joe Pope ngắt lời chúng tôi

qua vách ngăn ô làm việc! Hãy giật dây và nghe Joe Pope không nói gì hết! Đó là búp bê Joe Pope Hành động - Bí hiểm mới toanh do Hasbro chế tạo!”

Chúng tôi có một khách hàng đồ chơi, một khách hàng ô tô, một hãng vận tải đường dài và một chuỗi cửa hàng thú nuôi. Chúng tôi quảng cáo qua ti vi, báo chí, thư chào hàng trực tiếp, và Internet. Chúng tôi có bộ phận từ-doanh nghiệp-tới-doanh nghiệp. Chúng tôi bù khú quá nhiều vào các cuối tuần. Chúng tôi có vận may to lớn và những khiếm khuyết về tính cách đặc trưng cho mọi thế hệ chưa bao giờ trải qua chiến tranh. Giá kể mà chúng tôi đang hồi phục từ những hậu quả của một chiến dịch tầm cỡ, có lẽ chúng tôi đã biết trân trọng vị trí mình đang có. Thậm chí có khi còn háo hức. Nhưng kỳ thực thì chỉ có chúng tôi và những cuộc tranh giành nhằm tiến thêm một nấc trên bậc thang danh vọng. Nó là cái trò đếm ô lót trần trong văn phòng của mọi người để xác định xem ai có số ô lót trần cao hơn. Sean Smith có tham gia Chiến tranh Vùng Vịnh lần thứ nhất nhưng điều đó hầu như chẳng gây được ấn tượng gì với chúng tôi bởi vì tất cả những gì anh ta làm là lái một chiếc xe tăng quanh một đụn cát hoàn toàn vắng bóng đến tang thương các máy bay địch và chỉ khi bị bắt buộc, tất cả những gì anh ta có thể hồi tưởng chỉ vền vẹn có thể. Frank Brizzolera có thể đã chứng kiến Chiến tranh Thế giới thứ hai, nhưng lão đã chết trước khi chúng tôi kịp hỏi lão. Chúng tôi có một tay cựu chiến binh thời Chiến tranh Việt Nam nhưng ông ta chẳng bao giờ nói về những trải nghiệm của mình và bỏ việc sau một năm. Có thể ông đã được trực tiếp trải qua trò chiến tranh rừng rậm mù mịt mà chúng tôi đã được học đến hồi ở trường, có âm thanh của những trận hỗn chiến trong đầu mình, và khi ông ta nhìn ra ngoài cửa sổ phòng mình ngắm màn diễu hành hoành tráng với những lá cờ tung bay trên cây cầu bắc ngang sông Chicago, ông ta đã nghĩ về những sự hy sinh cụ thể, những người có tên tuổi đã chết, và nói to những cái tên đó lên thành tiếng, và lòng cảm thấy biết ơn cái sự giản dị mà xa xỉ của việc được quay trở lại

một chiếc ghế trong một tòa nhà thật an toàn. Cứ hình dung những câu chuyện mà có thể ông ta đã kể xem! Giữa những ngôi làng đang rừng rực cháy trong đêm đen kịt - ánh lửa loang loáng trên các lòng sông - những chiếc trực thăng hạ xuống cánh đồng lúa. Chúng tôi luôn tìm kiếm những câu chuyện hay hơn về những cuộc đời thú vị hơn diễn ra ở bất kỳ đâu chỉ trừ trong những trang catalogue văn phòng phẩm Office Depot. Nhưng ông ta không bao giờ nói về những trải nghiệm của mình, và hai tháng sau khi ông ta nghỉ việc, không ai còn nhớ nổi tên ông ta.

Một câu chuyện hay hơn chuyện của chúng tôi có thể là câu chuyện về hai đối thủ trong công việc, một nam, một nữ, tìm thấy tình yêu đích thực thông qua sự cạnh tranh ở chỗ làm, được viết ra chính bởi Don Blattner của chúng tôi. Blattner cứ gọi là cực Hollywood dù anh ta ở Schaumburg, Illinois. Anh ta còn có một kịch bản khác về một copywriter bất mãn và yếm thế phải chịu đựng sự nhạt nhẽo trong khung cảnh văn phòng trong khi mơ về việc trở thành một nhà viết kịch bản nổi tiếng, mà anh ta quả quyết không phải là tự truyện. Lúc nào anh ta cũng nói về những nhà đầu tư tiềm năng và nhất định không cho chúng tôi đọc bất kỳ kịch bản của anh ta trừ phi chúng tôi ký những thỏa thuận giữ bí mật, cứ như thể chúng tôi đã lén lút tự nhét mình vào những cuộc đời bị dồn vào chân tường này nhằm mục đích đánh cắp các kịch bản của Blattner tuồn cho Hollywood. Giống Jim, anh ta khiến chúng tôi phải nhả mặt, đặc biệt là trong những lần anh ta gọi Robert De Niro là “Bobby”. Anh ta xem bảng đánh giá phòng vé cuối tuần rất kỹ càng. Nếu như một bộ phim không được như ngành công nghiệp phim ảnh kỳ vọng, sáng thứ Hai Blattner sẽ đến phòng làm việc của ta mang theo tờ *Variety* và nói, “Mấy cậu nhóc ở Miramax sẽ thất vọng *kinh khủng* vì chuyện này cho mà xem.” Thật đúng là trò nhảm nhí, ấy thế mà chúng tôi vẫn cảm thấy có gì đó mất mát vào cái ngày anh ta tuyên bố rằng anh ta sẽ bỏ cuộc. “Tớ phải đối mặt với nó thôi,” anh ta tuyên bố với giọng nhẫn nhục và ủ dột. “Mấy khóa hội thảo cũng chẳng ăn thua gì, mấy cuốn cẩm nang cũng chẳng ăn thua gì, và chẳng có ai

ngó ngang gì đến bất kỳ thứ linh tinh nào của tớ cả.” Chúng tôi rút lại tất cả những lời nhạo báng của mình và vật nài anh ta tiếp tục, nhưng anh ta vẫn khăng khăng kiên quyết trung thành với kết luận sáng mắt của mình, rằng anh ta sẽ không bao giờ là ai khác khác ngoài một copywriter. Phải mất nhiều tháng sau một trong chúng tôi mới trải nghiệm cảm giác nhẹ nhõm khi lại làm anh ta giật nảy mình ở bàn làm việc khi anh ta lén lút tìm cách thoát ra khỏi phần mềm viết kịch bản của mình. Hy vọng lại trôi dạt như một loài cây lưu niên.

Chắc hẳn *phải* có một câu chuyện hay hơn câu chuyện này, đó là lý do tại sao nhiều người trong chúng tôi mất gần ấy thời gian chìm đắm trong những thế giới nhỏ bé của riêng mình. Don Blattner không phải là người duy nhất. Hank Neary, tay writer da đen của chúng tôi, người vẫn mặc chiếc áo vest nhung tằm màu nâu hết ngày này sang ngày khác, đến nỗi hoặc là anh ta không bao giờ giặt chiếc áo, hoặc là có cả một tủ đầy những chiếc áo giống hệt nhau, cũng đang bận bịu với một cuốn tiểu thuyết thất bại. Anh ta miêu tả nó là “nhỏ và giận dữ”. Chúng tôi băn khoăn làm quái gì có ai lại đi mua thứ nhỏ và giận dữ? Chúng tôi hỏi anh ta xem cuốn tiểu thuyết viết về cái gì. “Công việc,” anh ta trả lời. Một cuốn sách nhỏ, giận dữ về công việc. Giờ thì chắc chắn có một cuốn best-seller rồi nhé. Có thứ hay ho mà đọc trên bãi biển. Chúng tôi góp ý những chủ đề thay thế liên quan đến các lĩnh vực quan trọng đối với chúng tôi. “Nhưng chúng không khiến tôi quan tâm,” anh ta nói. “Việc chúng ta dành phần lớn đời mình cho công việc, điều đó mới khiến tôi quan tâm.” Đúng là cao cả nhỉ, chúng tôi bảo anh ta. Chẳng thà ngày nào trong tuần cũng ấn cho chúng tôi một kịch bản của Don Blattner còn hơn.

Dan Wisdom đã nhận được sự khích lệ ở trường đại học từ Miles Buford, tay họa sĩ đã tuyên bố rằng trong sự nghiệp giảng dạy hai mươi năm của mình chưa bao giờ thấy ai có tài năng như Dan. Sau đó Dan tốt nghiệp và đi làm, ngồi sau một chiếc máy tính Mac thao tác các điểm ảnh cho một

khách hàng chuyên về sản phẩm thay thế đường và tự hỏi hay là lời tán tụng của giáo sư Buford chẳng qua cũng chỉ là một ý đồ để được lên giường. Mặc dù vậy, Dan tiếp tục vẽ, vào ban đêm và vào cuối tuần, và nếu như những bức chân dung anh ta vẽ có hơi kệch cồm, dù sao chúng tôi vẫn có thể nhận thấy một góc nhìn độc đáo và một phong cách ổn định. Có thể thành công sẽ đến với anh ta. Anh ta bảo không. Anh ta nói kiểu chân dung trừu tượng đã chết rồi. Nhưng chúng tôi thích những gì anh ta có thể làm với cá.

*Hãy giải thoát chúng tôi!* Bạn có thể thực sự nghe thấy lời khẩn cầu đó từ sâu thẳm linh hồn chúng tôi, bởi vì không một ai trong chúng tôi muốn kết thúc cuộc đời như Brizz Già.

Trong số những người đầu tiên bị cho nghỉ việc, Brizz đi tàu suốt kiểu Tây Ban Nha dọc hành lang theo một cách vô tiền khoáng hậu. Điệp khúc giảm biên chế không bao giờ kết thúc, và để gọi lên cảm nhận về điều đó, kết cục của Brizz Già diễn ra tròn một năm trước khi Tom lên thớt. Brizz Già đối mặt với chuyện này khá khâm hơn Tom nhiều. Lão ghé qua tất cả các phòng làm việc để nói lời chia tay. Bình thường thì mọi người vội vàng phi nhanh ra để trốn khỏi ánh mắt của chúng tôi. Brizz nói lão không muốn đi mà chưa nói lời tạm biệt. Đúng là trong lửa đạn vẫn sáng ngời phẩm cách. Lão không hề lấy làm phiền khi chúng tôi biết rằng họ không trân trọng lão như họ trân trọng chúng tôi. Bởi vì về cơ bản đó là những gì họ nói khi họ cho bạn đi tàu suốt kiểu Tây Ban Nha dọc hành lang. Lão không hề lấy làm phiền nói chuyện với chúng tôi ngay cả sau khi họ nói điều đó với lão bằng cơ man nào là lời lẽ. Hoặc có thể thậm chí lão còn không nghĩ về nó theo kiểu ấy. Có thể lão chẳng thể hiểu nổi những gì chúng tôi nói về giá trị. “Chuyện này chẳng liên quan gì,” có thể lão sẽ nói, “đến việc ai giá trị hơn ai. Đó là điều các cậu nghĩ ư? Các bạn ơi, hãy nhận lấy lời này từ một lão già đã làm trong cái nghề này lâu lắm rồi. Quá trình này chẳng liên quan gì đến việc nhổ bỏ những kẻ tồi tệ nhất trong chúng ta sao cho chỉ còn



lại toàn những người tài năng và được việc. Thôi nào, đừng có tự lừa phỉnh mình như thế chứ. Ha ha, đừng có ngốc nghếch thế. Ha ha, đừng có ngây thơ thế!” Chúng tôi có thể nghe thấy những lá phổi sắp chết của lão đang cười nhạo chúng tôi. Việc lão đến chào chia tay chúng tôi, thật bình tĩnh, thật tự chủ - kể cũng hơi ớn. Chỉ vài phút sau khi đi tàu suốt kiểu Tây Ban Nha dọc hành lang mà lão vẫn đủ đà hoàng đi khích lệ chúng tôi đừng lo lắng cho lão nghĩa là thế nào? Lão đến tận phòng làm việc của từng người, lão ghé qua các ô làm việc và cánh lễ tân. Thậm chí chúng tôi còn thấy lão nói chuyện với một trong những nhân viên của tòa nhà. Họ chẳng mấy khi mở miệng nói bất kỳ chuyện gì với bất kỳ ai, cánh nhân viên tòa nhà ấy. Chỉ đứng trên thang của họ chuyển lên chuyển xuống đồ vật cho nhau, rì rầm trò chuyện. Chẳng lúc nào có dịp gọi là để tìm hiểu họ. Ấy vậy mà Brizz Già đang đứng ở thang máy nói chuyện với một tay nhân viên tòa nhà nào đó suốt cả nửa tiếng đồng hồ trong khi vẫn ôm cái hộp đựng đồ cá nhân của lão. Một người nói, còn người kia gật đầu. Rồi họ cười phá lên. Ai mà biết bạn cười chuyện gì với một tay nhân viên tòa nhà. Vậy mà Brizz tìm ra nó - điều thú vị để chia sẻ, thậm chí trong cái ngày mà lão bị hót đi. Lão đệ đơn xin trợ cấp thất nghiệp ngay lập tức. Một vài tháng sau, lão vẫn chưa tìm được việc. Lão làm vài công việc tự do. Sau đó chúng tôi không nghe ngóng được tin tức gì của lão. Rồi tiếp theo chúng tôi được tin lão đang ở trong bệnh viện. Không có bảo hiểm. Lão yếu đi rất nhanh. Thật không may, chúng tôi đúng là không sai khi nói lão chỉ có sáu tháng nữa, ấy là cùng lắm. Chúng tôi đến thăm lão - có vẻ như ngoài hoa của chúng tôi ra thì lão chẳng có của ai nữa. Chúng tôi muốn hỏi lão, Này, Brizz, ông bạn, người thân của ông đâu? Thay vào đó, chúng tôi dấm dúi thuốc lá cho lão, vốn bị cấm tiệt khi con người ta được điều trị ở ngay đúng khoa ung thư. Chúng tôi đặt một trong những chiếc gạt tàn giấu khói ngay trên ngực lão, và nó giấu khói tốt thật, thế là Brizz bắn liền ba điếu trước khi lão già nằm bên cạnh kê ca và chúng tôi bị y tá quở trách. Khi lão qua đời, thật khó có thể tin là lão đã ra đi. Không chỉ là đi tàu suốt kiểu Tây Ban Nha. Đi hẳn.



Benny đi một vòng để thu tiền. Chúng tôi không thể nào tin nổi. Benny không định kiếm lợi từ chuyện này đấy chứ hả?

“Lão ở trong danh sách của tôi mà,” anh ta nói một cách ngây thơ.

Tất cả chúng tôi đều gào lên, Benny! Thôi đi!

“Thôi đi cái gì?” anh ta kêu. “Lão đứng đầu trong danh sách của tôi cơ mà! Luật là thế rồi.”

Anh ta không sai. Đó là luật của Danh sách Theo dõi Nhân vật Nổi tiếng Sắp chết. Tất cả chúng tôi đều trả cho anh ta mười đô la.

Tại đám tang của Brizz chúng tôi phát hiện ra là rốt cuộc hóa ra lão cũng có người thân, một tay em trai toát ra ánh hào quang của câu lạc bộ thể hình. Chúng tôi gọi ông ta là Bizarro<sup>[14]</sup> Brizz vì ông ta có làn da khỏe mạnh nhuộm sắc. Có lẽ cả đời ông ta chưa từng hút điếu thuốc nào. Giống như thể Brizz phương phi hồng hào đã trút bỏ một cái mặt nạ khủng khiếp. Chúng tôi bày tỏ với ông ta lời chia buồn của mình. Sau khi chuẩn bị tinh thần dưới hàng ghế một hồi, vài người chúng tôi liêu xiêu lên phía trước. Brizz trong quan tài trông khỏe mạnh hơn là Brizz ở bàn làm việc của lão. Sau đó, tại lễ viếng, chúng tôi cố hồi tưởng lại những ký ức về lão. Chúng tôi nhớ một chuyện, cái lần chúng tôi đứng cùng lão tại ga ra để xe chở mấy tay Tây-Bồ cổ thắt nơ bướm đánh xe của chúng tôi lên. Chúng tôi có những khoản bo một đô la gấp lại trong lòng bàn tay. Lạy Chúa, trời rét cắt da cắt thịt. Chúng tôi tránh được luồng gió thổi dưới ánh đèn sáng của ga ra, nhưng Chicago vào tháng Hai, xin phép các bạn để tưởng nhớ về Brizz, còn lạnh hơn vù một mụ phù thủy để trong tủ đá. Lão vẫn gọi tủ lạnh là cái tủ đá. Có lần lão ngồi ở bàn làm việc kể cho chúng tôi nghe chuyện hồi còn bé đi chuyển đá. “Tôi già đến thế rồi cơ đấy,” lão tâm sự với chúng tôi trong một dịp hiếm hoi, “Tôi nhớ cả chuyện đi chuyển đá.” “Hồi đấy ông gọi

Australia là ‘xứ Tasmania’ à?” Benny hỏi. “Không già đến thế đâu,” Brizz nói. Đúng lúc đó, Joe Pope bước tới ngưỡng cửa phòng Brizz hỏi xem lão đã làm xong những cái tiêu đề đó chưa. Đó là những gì chúng tôi nói với Brizz Già trong lúc đứng chờ xe trong cái tháng Hai rét mướt cuối cùng của lão trên cương vị là một người trong chúng tôi, những khía cạnh nhất định trong tính cách của Joe Pope. Chúng tôi không sao thuyết phục được Brizz Già, dù chúng tôi có cố gắng đến mấy. Xe của lão là chiếc đầu tiên được đưa lên. Đó là một chiếc Peugeot màu xám, chiếc xe sành điệu một thời, nhưng giờ thì hoen gỉ khắp xung quanh và lồi lõm khắp các chỗ trên dưới. Nhưng ghê hơn cả là phía bên trong kia. Đồ linh tinh - rác rưởi - thứ vứt đi tích cóp lại - còn biết gọi là gì bây giờ? - chất đầy cửa kính phía sau *đến tận nóc*. Chủ yếu là giấy, nhưng chúng tôi còn nhận ra một chiếc mũ mùa đông bết chặt vào cửa kính, một cái ủ bia, một gói tất nịt da chân chưa mở - những thứ như vậy. Dọc theo gờ của khung cửa xe chúng tôi nhận thấy rải rác những đồng xu và những ngôi nhà bằng nhựa màu xanh từ trò cờ tỉ phú. “Brizz,” Benny nói. “Tất cả những thứ phụ kiện này đều là của đại lý à?” “Thế trước đây các cậu chưa bao giờ thấy chiếc xe của tôi à?” Brizz hỏi với giọng đầy tự hào. “Nó là cái thứ này sao?” Larry Novotny hỏi. “Một chiếc xe?” Anh ta hạ thấp gối xuống và chỉnh lại chiếc mũ lưỡi trai Cubs trên mái tóc đang thừa dần của mình trong khi nhòm qua những cửa kính vào đồng rác chất bên trong. Ghế ngồi cho khách phía trên cũng chẳng khá hơn là mấy so với phía sau, nhưng có một cái hốc xinh xắn được khoét cho người lái phía sau vô lăng. Chúng tôi bất giác tự hỏi - ai mà lại có một chiếc xe như thế chứ? Chẳng lẽ lão thực sự là một trong những người *đó*? Tay nhân viên bãi đỗ xe bước ra bàn giao lại chiếc xe cho Brizz, nhưng Brizz không bao giờ bo. Thêm một điều nữa về Brizz: lão thường ở lại trong phòng ăn sandwich kẹp xúc xích hun khói, nhưng mỗi khi lão ra ngoài ăn trưa cùng chúng tôi, chúng tôi lại phải bù vào phần tiền bo của lão để không làm em nhân viên phục vụ nổi tam bành, điều đó khiến chúng tôi thấy ghét lão trong giây lát. “Tôi có *lời khuyên*<sup>[15]</sup> này cho các cậu đây,” lão trả lời, khi có

người hỏi lão là tại sao lão lại ti tiện thế. “Đừng bao giờ nhận những đồng xu gỗ<sup>[16]</sup>.”

Chúng tôi nghe câu đó hết lần này đến lần khác - “Đừng bao giờ nhận những đồng xu gỗ” - cho đến khi chúng tôi chỉ muốn lấy cái vồ nện vào đầu lão. Ngoại trừ chiếc xe gậy bất ngờ vì chẳng khác nào xe của kẻ vô gia cư cùng cuộc trò chuyện nửa tiếng đồng hồ với tay nhân viên tòa nhà cái ngày lão bị đi đứt, Brizz Già quá ư là dễ đoán. Lão đến cơ quan, lão đọc soát lỗi bằng cặp kính hồi những năm 1950, lão đi ra lúc mười giờ mười lăm cho giờ nghỉ giải lao hút thuốc đầu tiên trong ngày. Chứa lòng lạnh, chúng tôi vẫn có thể nhìn thấy lão đứng rít thuốc lá trong giá lạnh mùa đông bên ngoài tòa nhà, không mặc gì hết ngoài một chiếc áo gi lê len tả tơi, cầm phì phì như của một con chó săn. Lão quay vào, người khét lẹt như năm mươi cái đầu lọc trong một chiếc gạt tàn. Lão lôi những chiếc sandwich kẹp xúc xích hun khói của mình ra lúc mười hai giờ mười lăm và chiêu trôi chúng bằng một phích cà phê đen lão tự pha ở nhà vì lão bảo rằng cái đồ ngoài hành lang quá sành điệu cho khẩu vị của mình.

Một ngày không lâu sau khi Brizz qua đời, Benny bắt đầu gọi chúng tôi vào phòng anh ta. Văn phòng của Benny có đủ thứ đồ sành điệu trong đó. Một chiếc máy bán kẹo gôm, những chiếc xe điều khiển từ xa. Anh ta còn dựa cả một bộ xương giải phẫu vào sát tường ngay bên trong ngưỡng cửa, sao cho nó chăm chăm nhìn anh ta đang ngồi ở bàn. Ai cũng phải hỏi anh ta kiếm bộ xương ở đâu ra. Câu trả lời của anh ta bao giờ cũng là “Của thằng cha đã chết nào đó”. Anh ta lấy băng dính buộc một khẩu súng Buck Rogers vào tay bộ xương và chụp lên cái hộp sọ nhãn thín một chiếc mũ cao bồi.

Benny đang tải một bản quảng cáo hoàn chỉnh lên máy chủ thì Jim đi qua. “Jim, vào trong này. Tớ có tin cho cậu đây.”

Jim bước vào phòng làm việc của Benny và ngồi xuống.

“Tớ đang tải lên,” Benny nói.

“Đó là tin của cậu đấy à?”

“Brizz cho cả tên tớ vào danh sách thừa kế trong di chúc của lão. Blattner! Vào trong này, tớ có tin cho các cậu đây.”

Blattner bước vào và ngồi xuống bên cạnh Jim đối diện với Benny từ phía bên kia bàn làm việc.

“Nghe nhé,” Benny nói. “Brizz cho cả tên tớ vào danh sách thừa kế trong di chúc của lão.”

“Hết sảy,” Blattner nói. “Chuyện này thật buồn cười vì...”

“Marcia!”

Marcia đi qua và rồi xuất hiện trở lại. Cô ta bước vào trong ngưỡng cửa và đứng cạnh Buck, bộ xương chàng cao bồi không gian. “Brizz cho tên Benny vào danh sách thừa kế trong di chúc của lão,” Jim vừa nói vừa ngoái cổ ra để có thể nhìn thấy Marcia. Cô ta bước hẳn vào trong và ngồi xuống chiếc ghế đầu.

“Chuyện này thật buồn cười vì nó nghe giống hệt như kịch bản mà tớ đang viết,” Blattner nói.

“Genevieve!” Benny nói.

Genevieve dừng lại ở ngưỡng cửa.

“Genevieve,” Blattner nói, “còn nhớ kịch bản mà tôi đã kể cho cô không? Nó đã xảy ra với Benny trong cuộc đời thực.”

“Kịch bản nào?” Genevieve hỏi.

“Cứ nghe đã,” Benny nói. Trong khi máy tính của anh ta đang tải, anh ta kể cho chúng tôi nghe về việc nhận được thư của một tay luật sư bên Bờ Nam.

Genevieve chợt đổi ý. “Tôi xin lỗi, Benny. Tôi không thể nghe lúc này được,” cô ta nói, và sột soạt mấy bản sửa lại trong tay mình. “Tôi phải mang mấy cái này xuống cho Joe.” Cô ta rời khỏi ngưỡng cửa.

Hank xuất hiện. “Có chuyện gì thế?” anh ta hỏi, và chỉnh lại cặp kính đen to sù sụ của mình.

“Brizz cho tên Benny vào danh sách thừa kế trong di chúc của lão,” Marcia nói.

“Và Blattner ăn cắp ý tưởng đó cho một kịch bản,” Jim nói.

“Không,” Blattner nói. “Không, không phải như thế...”

“Cứ chờ đến khi tớ kể cho các cậu nghe lão để lại gì cho tớ đã,” Benny nói.

“Mà tại sao lão lại để cho *cậu* thứ gì chứ?” Karen Woo hỏi, cô nàng vừa mới bước vào cùng với Hank. “Cậu đã kiếm lời từ cái chết của lão cơ mà.”

“Karen,” Benny nói, đến cả lần thứ một nghìn rồi. “Đây là quy định của trò Danh sách Theo dõi Nhân vật Nổi tiếng sắp chết. Tớ biết làm thế nào được?”

Benny tới một văn phòng luật ở mặt tiền đại lộ Cicero để nghe đọc di chúc. Em trai của Brizz là người khác duy nhất có mặt. Benny và Bizzaro Brizz nhận ra nhau từ lần gặp ở đám tang. Sau những cái bắt tay và mời mọc cà phê, tay luật sư kéo ghế ngồi sau chiếc bàn to dùng bằng gỗ anh đào của ông ta. “Di chúc của Frank,” tay luật sư vừa nói vừa cầm một chiếc phong bì lên. Ông ta lấy bức thư ra và nhìn xuống qua cặp mực kính. Sau đó ông ta ngẩng lên giải thích rằng người qua đời đã viết mấy lời mở đầu.

Cuộc đời đã rất ưu ái đối với lão, bức thư giải thích. Lão đã được sinh ra trong gia đình có cha mẹ yêu thương, và lớn lên lão có được sự bầu bạn tuyệt vời của người em trai, người mà lão yêu quý, cho dù họ đã xa cách dần khi đến tuổi trưởng thành. Lão cũng đã yêu thương vợ mình, người mang lại cho lão mười bảy năm hạnh phúc. Điều lão yêu nhất ở cuộc đời này, Brizz viết, chính là được sống nó từng ngày - từ *Chicago Sun-Times* đến trước hiên nhà lão vào buổi sáng, một tách cà phê đen nóng bỏng và một miếng thuốc lá ngon lành, và được ở một mình trong căn nhà ấm áp của lão vào mùa đông.

“Brizz có kết hôn à?” Marcia hỏi.

“Chẳng lẽ đó là ý nghĩa của cuộc sống sao?” Hank hỏi. “Cà phê, một tờ báo, và một miếng thuốc?”

“Và một ngôi nhà ấm áp giữa mùa đông,” Blattner nói. “Một ngôi nhà ấm áp giữa mùa đông - Chúa ơi, đúng là một nhan đề hấp dẫn. Benny, quảng cho tớ cây bút.”

“Cứ nghe đã,” Benny nói. “Chuyện còn hay nữa cơ.”

Tay luật sư bắt đầu. “ ‘Tôi, Francis Brizzolera, một công dân của Chicago, bang Illinois, trong trạng thái minh mẫn về tinh thần và trí nhớ’...” Tay luật sư thầm đọc lướt nhanh qua. “ ‘Cho em trai tôi, Philip Brizzolera, tôi để lại những tài sản sau: toàn bộ số cổ phần tài chính của tôi sau khi tôi qua đời - bao gồm các loại cổ phiếu, trái phiếu, quỹ chung, tiết kiệm và tài khoản séc, cùng tất cả những gì có trong két ký gửi an toàn của tôi. Tôi cũng để lại cho em trai Phil của tôi chiếc xe’...”

“Cho các cậu biết nhé,” Benny nói với chúng tôi, “tớ nhẹ cả người khi nghe thấy là Brizz không để lại cho tớ chiếc xe của lão cùng tất cả những thứ rác rưởi trong đó.”

“ ‘... và ngôi nhà của tôi’,” tay luật sư nói tiếp, “ ‘cùng với tất cả đồ đạc bên trong, trừ thứ mà tôi để lại cho Benjamin Shassburger’.”

Máy tính của Benny phát ra một âm thanh báo hiệu việc tải lên máy chủ của anh ta đã hoàn tất. Có lẽ đã đến lúc chúng tôi quay trở lại với công việc. Tại thời điểm đó chúng tôi đã bước vào tháng thứ sáu của thời kỳ giảm biên chế, mà vẫn chưa thấy kết thúc đâu cả.

“ ‘Cho Benny Shassburger’,” tay luật sư nói, “ ‘tôi để lại chiếc cột tô tem của mình’.”

Benny nói anh ta đã nhào hẳn cả người về phía trước trên ghế. Anh ta ghé một tai về phía tay luật sư. “Tôi xin lỗi,” anh ta nói. “Cái gì của ông ấy cơ?”

Tay luật sư lại nhìn xuống tờ di chúc qua cặp mục kính của mình. “Ở đây viết là cây cột tô tem,” ông ta nói.

Trong sân sau nhà Brizz, ngôi nhà dành cho người độc thân ở Bờ Nam mà Phil phải nhận cả chìa khóa cũng như lời chỉ đường từ tay luật sư, đứng sừng sững một cây cột tô tem khổng lồ, cao phải đến bảy mét rưỡi. Hai người đàn ông bước vòng quanh cây cột trong im lặng. Đều thể loại đầu được khắc trở lên đó - đầu đại bàng, đầu ma quái, đầu của các sinh vật nửa nọ nửa kia. Một số cái đầu có tai nhọn hoắt, một số có những cái mõm dài ngoẵng. Cây cột được chạm trở rất cầu kỳ và được sơn bằng những vô số màu sặc sỡ. Nó được đóng xuống đất chắc chắn đến nỗi khi Benny lay thử - xét cho cùng thì bây giờ nó là của anh ta - anh ta không hề cảm thấy suy suyển tí gì. Benny kể với chúng tôi rằng hồi còn nhỏ, anh ta và bố mình từng giam Hội Hường dẫn người da đỏ của Hội Thanh niên Cơ Đốc, mà anh ta miêu tả là sự thay thế của người Do Thái cho Hội Hường đạo sinh. Tên anh ta khi đó là Sao Băng; còn tên bố anh ta là Sao Sáng. Hồi đó anh ta là một người sưu tập nhiệt thành tất cả những thứ gì liên quan đến người da đỏ, kể cả những cây cột tô tem rẻ tiền, chạm trở sơ sài, những thứ mà theo thời gian, đã không còn sức hấp dẫn nữa. Nhưng cây cột mà anh ta vừa thừa kế, với nước vỏ bóng loáng đỏ rực và những gam màu năm sậm, chứa đựng một sức mạnh ma thuật và chân thực khiến anh ta phải sững sờ. Bởi kích thước và những hình chạm trở cầu kỳ của nó, nhưng cũng còn bởi nó đang đứng sừng sững trong sân sau ở một khu dân cư gốc Ireland giữa những đường dây điện thoại chằng chịt, ghế ngồi hóng mát và giá cho chim ăn, thậm chí cả một tấm bạt nhún trong khoảng sân bên kia đường. Mấy cô bé con đã nhảy lên nhảy xuống, nhảy lên nhảy xuống trong khi cây cột tô tem của Brizz đứng trơ trơ và sừng sững. Những người đàn ông mặc áo ba lỗ trắng đã đẩy máy cắt cỏ đi tới đi lui, đi tới đi lui, trong khi cái thứ đồ vật câm lặng và cổ xưa ấy vẫn nhất quyết không chịu biến khỏi khỏi mắt của họ. Có thể thấp thoáng nhìn thấy nó giữa những ngôi nhà khi lái xe dọc trên phố. Những cậu bé có lẽ đã phải dừng lại để ngăn người ngắm nó từ xe đạp của mình. Dân hàng xóm đã phải kéo lũ chó đang sủa lông lộn của họ đi nơi khác. Và trong suốt thời gian đó, người đàn ông bên trong nhà, ấm áp



bên bàn bếp đọc báo với một miếng thuốc lá đang cháy trong một chiếc gạt tàn gần đó, hài lòng với việc biết rằng ở sân sau ông ta đã đóng sâu xuống đất thứ di vật, biểu tượng, minh chứng cho... cái gì của ông ta nhỉ?

“Brizz làm gì với một cây cột tô tem chứ?” Marcia hỏi.

“Với lại như thế này cũng chẳng có tí gì là giống với kịch bản của tớ cả,” Don Blattner thông báo với cả phòng.

“Tiếp đi nào, Benny,” Jim nói. Anh ta gác đôi chân bé như chân một geisha trong đôi giày Nike mới bóng lộn lên bàn của Benny. “Một cây cột tô tem ấy à?”

“Nó đứng đó trước mặt tớ,” Benny nói, bất thành linh đứng phắt dậy và phác cử chỉ như thể đứng trước một khung cảnh lạ kỳ, một mặt trăng tròn vành vạnh hoặc một người ngoài hành tinh. “Và không thể có cách nào mà từ chối nó. Thế là tớ hỏi Phil, tớ bảo, ‘Ông có biết là anh trai ông là một người thích người da đỏ không?’ ‘Tôi chưa bao giờ biết điều đó cả,’ Phil nói. ‘Nếu vậy thì hay là gia đình ông có chút huyết thống da đỏ?’ tôi hỏi ông ta. Ông ta đứng chống nạnh, như thế này này,” Benny nói và làm mẫu, “và ông ta cứ chăm chăm ngược nhìn cây cột tô tem như thế này, cứ thế này nhìn nó chăm chăm, và không hề quay lại nhìn tớ, ông ta cứ chậm rãi lắc đầu, như thế này, và nói, ‘Brizzolera. Chúng tôi là người Italia một trăm phần trăm’.”

Benny theo Bizarro Brizz vào trong nhà. Quầy bếp la liệt đủ các loại bát đĩa và đồ đựng thức ăn khác, cứ như đồ trưng bày tại một cửa hàng bán đồ cũ. Nhiều đồ dao nĩa hơn những gì một người độc thân có thể dùng trong sáu tháng xếp thành một đống sạch sẽ bên trên một chiếc khăn lau bát đĩa. Brizz có hai máy nướng bánh mì xếp quay lưng vào nhau, bên cạnh một chiếc lò nướng. Tường bếp đã ngả màu vàng vì khói thuốc lá và vải sơn lót

sàn nhà đã xoắn sờn hết cả mép. Điều đáng ngạc nhiên là, giữa cảnh ngổn ngang bừa bộn như một ga ra đặc trưng cho không chỉ căn phòng họ đang đứng mà cho tất cả những căn phòng khác, Brizz lại chỉ có đúng một chiếc ghế bên bàn bếp.

Benny nhìn Phil mở những ngăn kéo đầy các thứ dụng cụ, găng tay lót nỉ, nắp vung. “Chúng tôi còn hơn là xa cách dần,” Phil giải thích, “hoặc bất kỳ cách diễn giải nào của anh ấy. Tôi vẫn gọi cho anh ấy hai tháng một lần, anh biết đấy, nhưng nếu không có cái đó, thì tôi chắc chắn rằng chúng tôi hoàn toàn chẳng nói chuyện gì với nhau cả. Không phải hằn học gì đâu, chẳng qua là vì... anh ấy. Con người anh ấy nó thế.”

“Lạ lùng nhỉ,” Benny nói, “bởi vì ông ấy thực sự là một trong những người dễ chịu nhất để làm việc cùng.”

“Ồ, anh ấy là một người tử tế, anh trai tôi ấy, cái đó thì tôi không tranh cãi chút nào. Nhưng chắc chắn là anh ấy tách biệt. Này, kể tôi nghe về điều đó đi,” Phil nói. “Làm việc với Frank thế nào?”

Benny ngẫm nghĩ một lúc về câu hỏi: làm việc cùng Brizz như thế nào nhỉ? “Thì như tôi đã nói, lúc nào ông ấy cũng hết sức dễ chịu,” Benny nói. “Ông ấy không phải là một trong những người mà ông làm việc cùng lúc nào cũng đặt điều bịa chuyện, ông biết chứ?”

Như thế, anh ta nghĩ bụng, thật là một câu trả lời không thỏa đáng cho câu hỏi của Phil. Anh ta muốn nghĩ ra một câu chuyện hay ho về Brizz để giúp ông ta có cảm nhận thực sự về người anh quá cố của mình ở chỗ làm, điều gì đó ông ta đã làm khiến chúng tôi phải thốt lên, Đúng thật là Brizz Già tử tế tốt bụng, câu đó sẽ hằn sâu lại và trở thành một phần trong ký ức của Phil. Có điều Benny chẳng nghĩ được gì cả.

“Tôi biết phải nói với ông ta điều gì mới được chứ?” Benny hỏi chúng tôi, một lúc lâu sau khi việc tải lên máy chủ của anh ta hoàn tất, và chúng tôi đều đồng ý câu trả lời là hình ảnh Brizz hút thuốc bên ngoài tòa nhà giữa mùa đông mà không hề mặc gì để giữ ấm ngoài chiếc áo gi lê len. Đó là một câu chuyện mà Brizz *sở hữu*, nhưng liệu đó có phải là một câu chuyện không? Hoặc chúng tôi có thể kể cho ông ta nghe về lần trò chuyện với tay nhân viên tòa nhà, nhưng cái đó cũng không hẳn là một câu chuyện. Nói thực lòng, điều chúng tôi nhớ nhất về Brizz là sự tham gia của lão, cùng với những người còn lại chúng tôi, vào những nghi thức thể tục của việc hoàn thành deadline - chất nicotine từ Brizz bốc mùi hôi rình trong một cuộc họp qua video lắng nghe sự thay đổi chỉ dẫn của một khách hàng, Brizz ngồi sau bàn làm việc của lão giương cặp mắt kính cẩn thận và tỉ mỉ đọc soát lỗi một văn bản trước khi quảng cáo được mang đi in. Khó mà xây dựng được một câu chuyện từ những cái đó. Chúa lòng lành, tại sao không một ai ngăn lão lại? Tại sao chúng tôi không bao giờ, không một ai trong chúng tôi, dừng lại, quay sang, và nói, Cốc, cốc. Xin lỗi đã cắt ngang khi ông đang đọc soát lỗi, Brizz. Tại sao chúng tôi không đi vào, và ngồi xuống. Vâng, ông hút Old Gold, ông có một chiếc xe giẻ rách - nhưng còn gì nữa, Brizz, còn gì nữa? Liệu đóng cửa có giúp được gì không? Cái gì đã hủy hoại ông khi ông còn nhỏ và người phụ nữ nào đã thay đổi cuộc đời ông và có điều gì ông sẽ không bao giờ tha thứ cho bản thân mình? Cái gì, ông già, *cái gì?* Làm ơn! Chúng tôi bước qua. Brizz không bao giờ ngẩng đầu lên. Đã bao nhiêu lần kết cục là chúng tôi ở nguyên trong văn phòng của mình, làm một việc hầu như giống hệt nhau, chuẩn bị cho một deadline đến rồi đi, trong khi Brizz sống và thở với tất cả những câu trả lời chỉ cách đó ba mươi mét về phía cuối hành lang?

“Hầu như ngày nào ông ấy cũng ăn trưa với hai chiếc bánh sandwich xúc xích,” Benny nói với Phil. “Đó là điều tôi nhớ rõ nhất về anh trai ông.”

Genevieve lại xuất hiện ở cửa sau khi đã nộp bản chỉnh sửa của mình cho Joe.

“Tôi bỏ qua phần nào rồi?” cô ta hỏi.

Một số người trong chúng tôi ngày nào cũng ra ngoài ăn trưa ở một chỗ mới và biến bữa trưa thành cả một sự kiện. Những người khác, như Brizz Già, ở lại cơ quan và ăn cùng một món, hết ngày này sang ngày khác. Có khi là để tiết kiệm tiền. Có khi là để tránh sự đeo bám của những người mà, từ chín giờ sáng đến trưa và từ một giờ đến sáu giờ, chúng tôi phải chịu nộp mình vô điều kiện. Trong một tiếng đồng hồ giữa khoảng thời gian đó, thời gian quay trở lại với chúng tôi, và đôi khi chúng tôi tận dụng triệt để quãng thời gian đó bằng cách đóng cửa phòng lại và ăn một mình.

Carl Garbedian ngày nào cũng đóng cửa phòng ăn một hộp xộp đựng món *penne alla vodka*<sup>[17]</sup> từ một nhà hàng Italia cách đó một tòa nhà và không bao giờ ra ngoài ăn trưa với chúng tôi trừ phi đó là một sự kiện tập thể miễn phí. Sự kiện tập thể miễn phí đã trở thành chuyện của quá khứ rồi, nên phải đến mấy tháng đã trôi qua kể từ lần gần đây nhất chúng tôi nhìn thấy Carl luôn người vào bàn ở nhà hàng, mở một quyển menu, và cân nhắc các lựa chọn của mình.

Sáu tháng trước khi bị sa thải, Tom Mota gõ cửa phòng Carl. Chuyện này diễn ra chỉ một vài ngày sau khi Benny kể cho chúng tôi nghe chuyện Carl cởi quần áo trên xe. Tom xin lỗi Carl vì đã làm gián đoạn bữa trưa của anh ta và hỏi liệu anh ta có rảnh một lát không. Carl mời gã vào và Tom kéo ghế ngồi xuống. “Chuyện là tôi vừa nghe Benny kể đôi điều về việc cậu cảm thấy như thế nào thời gian gần đây,” Tom bắt đầu, “và khi nghe chuyện, tôi nhận ra là mình có thể hiểu được, nên tôi mang cho cậu cái

này.” Tom chìa cho Carl một quyển sách qua mặt bàn. “Đừng có giận Benny, cậu biết là cậu ta thích buôn chuyện như thế nào còn gì. Còn cái này,” gã nói thêm, và chỉ vào quyển sách, “cái này cũng chẳng có gì. Chẳng qua đó là thứ mà mọi người đều nên có trên giá sách của họ. Cậu có biết gì về tay này không?” gã hỏi.

Chăm chăm nhìn xuống cuốn sách - toàn tập các bài tiểu luận và thơ của Ralph Waldo Emerson - Carl lắc đầu.

“Không còn ai biết nữa,” Tom nói. “Nhưng mọi người đều nên biết. Và tôi biết là nghe có vẻ như một mớ khoe khoang rác rưởi, nhưng đó là thứ rác rưởi mà tôi tin tưởng.”

Carl chăm chú nhìn cuốn sách và rồi ngẩng lên nhìn Tom như thể anh ta cần một lời giải thích về việc sử dụng cái thứ đó như thế nào.

“Và tôi biết chuyện này có thể hơi nực cười một chút, việc tôi mua cho cậu một cuốn sách,” Tom nói tiếp. “Ở đây chúng ta không mua sách cho nhau. Nhưng tôi đã nghe Benny kể chuyện và cậu ta nói dạo gần đây cậu không còn cảm thấy là chính mình, và khi tôi hỏi cậu ta lý do tại sao và cậu ta cố gắng giải thích, tôi nghĩ rằng điều có thể giúp được cậu là đôi lời dìu dắt từ tay này.”

“Cảm ơn cậu, Tom,” Carl nói.

Tom lắc đầu dứt khoát. “Làm ơn đừng có cảm ơn tôi, chỉ là quyển sách có sáu đô la thôi mà. Dám cá là cậu thậm chí còn chẳng đọc nó cho mà xem. Nó sẽ nằm trơ trên giá sách của cậu và họa hoằn lắm mới có lần cậu vô tình nhìn thấy nó và tự nhủ, mà thế quái nào cái thằng khốn kiếp ấy lại mua cho mình cuốn sách này làm gì nhỉ? Tôi biết việc chọn một cuốn sách hú họa là như thế nào chứ,” gã nói, “cứ tin tôi đi, nhưng nghe này... hãy để

tôi đọc cho cậu nghe vài câu để biết đâu cậu có thể hiểu rõ hơn về điều tôi định nói. Tôi đọc thử được không?”

“Nếu cậu muốn,” Carl nói. Anh ta chìa quyển sách lại cho gã.

Tom ngáp ngừng. “Trừ phi có thể cậu chỉ muốn tôi để cậu được yên với bữa trưa của mình,” gã nói.

Carl cởi bỏ chiếc khăn ăn ra khỏi lòng và lau tay. “Rất vui lòng nếu cậu muốn đọc vài dòng trong đó, Tom,” anh ta nói.

Thế là Tom mở cuốn sách ra. “Có thể nó sẽ giúp được, tôi cũng không biết nữa,” gã nói. Gã hồi hộp lật giở qua những trang sách tìm cái đoạn gã muốn. Có lẽ đó là một khoảnh khắc căng thẳng đối với cả hai gã đàn ông, một trạng thái yên lặng lúng túng và bất cứ lúc nào Tom chuẩn bị đọc. Cuối cùng, khi tìm được đoạn mình muốn, gã bắt đầu đọc nhưng lại ngay lập tức tự ngắt lời mình. “Và nghe này,” gã lúng búng giải thích, chồm cả người về phía trước trên ghế với vẻ hăm hở vồn vã, “tôi biết có thể hơi lỗ bịch một chút, cái chuyện tôi ở đây nói chuyện với cậu về việc cậu có thể cải thiện cuộc sống của mình như thế nào với cuốn sách này vì hãy nhìn tôi mà xem, tôi là một kẻ hoàn toàn vứt đi. Năm vừa qua thực sự là... cứ cho rằng tôi đã nhận ra những lỗi lầm về phần mình. Tình cảnh của tôi bây giờ đúng thật là oái oăm. Tôi biết những sai lầm về phần mình, nhưng tôi không sao thoát khỏi cái mớ bòng bong này, đời tôi coi như vứt kể từ khi vợ tôi bỏ đi. Vì vậy, làm ơn thứ lỗi cho cái thói đạo đức giả của việc tôi ngang nhiên ngồi đây rao giảng với cậu, nhưng tôi tìm thấy điều đó khi tôi đọc Emerson, ít nhất thì nó cũng giúp tôi bình tĩnh lại.”

“Tom,” Carl nói, “tôi cảm kích với cử chỉ đó mà.”

Tom khoát tay ngắt lời anh ta. “ ‘Hãy để một con người biết giá trị của bản thân mình’,” gã đọc, “ ‘và đặt mọi thứ dưới chân anh ta.’ ” Tom đọc to thành tiếng cho Carl nghe - sự gượng gạo trong căn phòng đó chắc hẳn là *sờ thấy được*. “ ‘Đừng để anh ta phải len lén hay trộm cắp, hoặc lén lút ngược xuôi với dáng vẻ của một đứa trẻ trong trại tế bần, một đứa con hoang, hoặc một kẻ buôn gian bán lận, trong cái thế giới tồn tại cho anh ta. Nhưng người đàn ông trên đường phố, không tìm thấy chút giá trị gì ở chính mình...’ Tôi sẽ đọc lướt qua đoạn này một chút nhé,” Tom nói. “Được rồi, đến phần đó rồi đây. ‘Câu chuyện ngụ ngôn nổi tiếng về kẻ nát rượu đó’,” gã tiếp tục, “ ‘người được tìm thấy trong tình cảnh say bí tỉ trên đường phố, được đưa đến nhà vị công tước, tắm rửa thay quần áo rồi đặt nằm trên giường của công tước, và, khi tỉnh dậy, được đối xử với tất cả những nghi lễ xun xoe dành cho công tước, và được quả quyết rằng ông ta đã bị điên, sở dĩ câu chuyện đó nổi tiếng là vì nó tượng trưng một cách rất xác đáng cho tình cảnh của con người, sống trên đời như một kiểu nát rượu, nhưng thỉnh thoảng có khi thức tỉnh, vận dụng lý trí, để rồi nhận ra mình là một ông hoàng thực thụ.’ ” Tom kết thúc câu trích dẫn của mình tại đó và gập sách lại.

“Chặc,” gã nói. “Dù sao tôi cũng nghĩ rằng ông ấy có rất nhiều điều tốt đẹp để nói. ‘Nhận ra mình là một ông hoàng thực thụ.’ Ở đây thì khó mà có thể ghi nhớ được điều đó, cậu biết chứ? Nhưng ông ấy cố nhắc nhở chúng ta, Carl ạ, cả cậu và tôi - thực ra là tất cả mọi người - nhưng sâu xa dưới tất cả những điều đó, nếu chúng ta vận dụng lý trí của mình, chúng ta đều là những ông hoàng. Tôi biết tôi đã cả giận mất khôn trong hầu hết những lúc tất cả những gì tôi muốn làm là nổ súng vào lũ khốn đó. Cậu biết đấy, vấn đề với việc đọc thẳng cha này,” gã tiếp tục, “cũng chính là vấn đề cậu gặp phải khi đọc Walt Whitman. Mà cậu có đọc ông ta không vậy? Hai thẳng cha chết giẫm ấy chắc không trụ nổi ở cái chỗ này quá hai phút. Không hiểu sao họ lại không phải ném trái đời sống văn phòng. Hồi đó là một thời kỳ khác. Và họ là những thiên tài. Nhưng khi đọc họ tôi bắt đầu tự hỏi tại

sao tôi lại phải ở đây. Nói thực lòng với cậu, nó hầu như khiến cho việc đi vào đây còn khó khăn hơn.” Tom đưa trả quyển sách lại qua mặt bàn. Gã nói thêm với một nụ cười khẩy hằn học, dẫn dỗi, “Đúng là một lời tán thưởng nhiệt liệt nhỉ? Dù sao tôi cũng để cậu quay lại với bữa trưa của mình ngay đây.”

Khi Tom đã gần ra đến cửa, Carl gọi với theo gã. “Tôi có thể kể riêng với cậu chuyện này không, Tom?” anh ta hỏi. Carl ra hiệu cho Tom quay lại ghế.

Tom ngồi xuống, và Carl nhìn gã hồi lâu trước khi lên tiếng. Đầu tuần đó, anh ta thú nhận, anh ta đã bí mật lén vào phòng của Janine Gorjanc sau khi tất cả mọi người đã về nhà sau giờ làm và lấy một lọ thuốc chống trầm cảm từ ngăn kéo bàn của chị. Kể từ lần đó, anh ta kể với Tom, anh ta đã dùng mỗi ngày một viên.

“Như thế liệu có khôn ngoan không?” Tom hỏi.

“Có lẽ là không,” Carl nói. “Nhưng tôi không muốn cô ấy biết tôi bị trầm cảm.”

“Cậu không muốn Janine biết là cậu bị trầm cảm?”

“Không, không phải Janine. Vợ tôi cơ. Marilyn. Tôi không muốn Marilyn biết tôi bị trầm cảm.”

“Ồ,” Tom nói. “Sao lại thế?”

“Bởi vì cô ấy nghĩ tôi bị trầm cảm.”

“Ồ,” Tom nói. “Vậy là cậu không bị trầm cảm?”



“Không, tôi bị trầm cảm. Chỉ là vì tôi không muốn cô ấy biết rằng tôi bị trầm cảm. Cô ấy biết tôi bị trầm cảm. Tôi chỉ không muốn cô ấy biết là cô ấy đúng khi nói tôi bị trầm cảm. Lúc nào cô ấy cũng đúng, anh biết đấy.”

“Vậy ra đây là vấn đề thể diện,” Tom nói.

Carl nhún vai. “Tôi nghĩ thế. Nếu như anh muốn diễn giải theo cách đó.”

Tom cựa quậy trên ghế. “Hừm, cậu biết đấy, Carl, tôi hiểu điều đó, anh bạn ạ. Tôi có thể hiểu điều đó cực kỳ rõ, sau vài năm kết hôn với một phụ nữ lúc nào cũng đúng mới khốn kiếp chứ. Nhưng bạn ạ, nếu anh đang uống một loại thuốc không được kê đơn cho mình thì...”

“Ừ, tôi biết chứ,” Carl nói, cắt ngang lời gã. “Tôi biết tất cả những điều đó, tin tôi đi. Tôi kết hôn với một bác sĩ cơ mà.”

“Đúng rồi,” Tom nói. “Nên tôi nghĩ điều tôi sắp hỏi là, tại sao lại ăn trộm thuốc? Sao không để ai đó kê thứ gì đó thích hợp cho cậu?”

“Bởi vì tôi không muốn phải gặp một bác sĩ,” Carl nói. “Tôi ghét bác sĩ.”

“Vợ cậu là bác sĩ còn gì,” Tom nói.

“Thì thế mới thành chuyện,” Carl nói. “Cộng với việc nếu tôi làm thế, có thể chuyện sẽ đến tai cô ấy, và rồi cô ấy sẽ biết là cô ấy đúng về việc tôi bị trầm cảm. Sẽ dễ dàng hơn khi vào phòng Janine lấy của chị ấy. Chị ấy có cả triệu thứ trong đó,” anh ta nói.

Anh ta thò tay vào ngăn kéo bàn lôi ra một lọ thuốc kê đơn rồi chìa nó cho Tom.

“Cậu có biết tí gì về thứ trong này không?” Tom vừa hỏi vừa lắc nhẹ cái lọ và đọc nhãn. Đó là lượng thuốc dùng trong ba tháng. “Ba trăm miligam,” gã nói. “Nghe có vẻ nhiều.”

“Tôi chỉ làm đúng theo hướng dẫn sử dụng ghi trên nhãn,” Carl nói.

Tom hỏi anh ta là anh ta có nhận thấy thay đổi gì trong tâm trạng của mình không.

“Mới được có một tuần mà,” Carl trả lời. “Có thể vẫn còn quá sớm.”

Có tiếng gõ cửa. Trong im lặng Tom trả lọ thuốc của Janine lại cho Carl và Carl cất chiếc lọ vào ngăn bàn của mình. Khi Carl gọi với ra, Joe Pope xuất hiện.

“Xin lỗi đã làm gián đoạn bữa trưa của anh, Carl,” anh ta nói.

“Không sao đâu.”

“Thực ra tôi ở đây để tìm Tom,” Joe nói.

Tom quay người lại trên ghế và trao cho Joe một cái liếc xéo.

“Tôi đang băn khoăn liệu anh có phiền tham gia một cuộc họp triển khai công việc cùng chúng tôi chiều nay không,” Joe ướm hỏi gã.

“Chắc chắn rồi,” Tom nói. “Mấy giờ?”

“Ba giờ ba mươi, văn phòng của Lynn nhé?”

“Xong ngay.”

Khi *chuyện đó* lan truyền đi - *Chắc chắn rồi, mấy giờ? Xong ngay* - chúng tôi không hiểu nổi ra làm *sao* nữa. Tất cả những gì Tom vẫn nói là, “Tôi còn biết nói gì bây giờ - không à? Quý tha ma bắt anh đi, Joe, làm sao tôi lại không đi họp hả? Tôi còn có con phải nuôi đấy, anh bạn. Muốn tin hay không cũng mặc, tôi cần công việc này.”

Chúng tôi không nghi ngờ điều đó. Chẳng qua là chúng tôi nhớ một lần ở trong Phòng Michigan Tom Mota đã cư xử kém nhã hơn nhiều đối với Joe Pope. Tất cả các phòng họp của chúng tôi đều được đặt tên theo những con phố chạy dọc theo Magnificent Mile, và khung cảnh nhìn từ phố Michigan quả thực là mê hồn. Toàn bộ thành phố trải ra trước mắt chúng tôi, lớp lớp những tòa nhà cao thấp, dày mỏng, một ma trận khổng lồ biến thể kiến trúc cắt ngang dọc bởi những đường phố loang loáng ánh đèn taxi và những con hẻm tối tăm cùng dòng sông Chicago uốn lượn, và mỗi bề mặt từ khung cửa sổ bóng loáng đến bức tường gạch cũ kỹ đều sáng rực rỡ dưới ánh mặt trời tháng Tám. Sự trớ trêu của khung cảnh nhìn từ Phòng Michigan là ở chỗ nó làm chúng tôi phát rồ lên với khát khao được ở ngoài kia, được rảo bước trên những vỉa hè của thành phố, ngược lên ngắm nhìn những tòa nhà, hòa lẫn vào biển người và tận hưởng ánh mặt trời, nhưng khoảng thời gian duy nhất chúng tôi từng cảm thấy sự thôi thúc đó là khi chúng tôi mắc kẹt ở cửa sổ Phòng Michigan. Còn không thì buổi tối chúng tôi về nhà và tất cả những gì chúng tôi có thể nghĩ đến là vòng ra xa cái lũ khách du lịch chết tiệt này và đi thẳng một mạch về nhà.

Vào cái ngày mà Tom và Joe nói chuyện phải quấy, khoảng một tháng gì đó trước khi Tom tặng quà cho Carl, rõ ràng là chuyện về những gì được nói ở chỗ này chỗ kia lúc này lúc khác đã đến tai Joe - tại một bữa trưa, trước cuộc họp. Phỏng đoán vu vơ ấy mà, bạn biết đấy. Đôi khi đó là chất

liệu cho một cuộc tranh luận trung thực khi tất cả mọi người đều chọn phe, nhưng phần lớn thì giống với một trò đùa hơn. Đó là điều chúng tôi đã làm, chúng tôi *nói chuyện*. Chúng tôi không làm bất kỳ điều gì mà người Hy Lạp không làm quanh những đồng lửa trại bập bùng, nhập nhoạng của họ. Và có vẻ như cả Joe Pope cũng vậy, vì đúng lúc chúng tôi đang đóng nắp bút của mình, toàn bộ ghi chép đã xong xuôi và toàn bộ câu hỏi đã trả lời, và lúc này thì chỉ còn cách nhà vệ sinh, điện thoại hay quầy cà phê - tóm lại là bất kỳ thứ gì réo gọi hăng hái nhất - nửa phút nữa thôi, thì Joe, người khi đó đã bắt đầu điều hành những cuộc họp triển khai công việc của riêng mình, nói với chúng tôi, “À, còn điều cuối cùng này nữa.” Anh ta ngập ngừng. “Xin lỗi, chỉ cần cho tôi thêm một phút nữa thôi.” Chúng tôi lại ngồi yên vị. “Tôi cảm thấy cần lưu ý với mọi người điều này,” anh ta nói. “Nghe này, tôi hiểu nhu cầu cần nói chuyện. Phần lớn thời gian, chuyện đó cũng là điều tốt thôi. Chúng ta nói chuyện, chúng ta cười đùa. Việc đó khiến cho thời gian trôi nhanh hơn. Nhưng tôi không chắc là chúng ta luôn ý thức được một số điều mà chúng ta nói. Có thể chúng ta nói nhưng không có ý gì, điều này điều kia rồi chuyện này chuyện nọ có thể cũng chỉ là câu đùa, nhưng từ người nọ sang người kia, và đôi khi, người này người khác nghe thấy và không được hài lòng cho lắm. Không phải tất cả mọi người. Một số người chỉ cười cho qua chuyện. Nghe này, đơn cử như tôi biết tôi bị đưa ra bàn tán. Với tôi thì chẳng có gì to tát. Tôi không lấy thế làm tự ái. Nhưng người khác, họ nghe thấy nhiều chuyện, nó khiến họ ít nhiều bị tổn thương. Các bạn không thể trách họ được. Họ cảm thấy khó chịu, hoặc bị tổn thương, hoặc bối rối. Tôi muốn chúng ta hạn chế những chuyện như thế này ở mức tối thiểu. Tôi không nói là không được nói chuyện. Tôi chỉ nói là, hãy giảm volume xuống một chút, hãy bảo đảm là những gì các bạn đang nói không làm tổn thương bất kỳ ai. Được chứ?”

Có một khoảng im lặng kéo dài không thể nào chịu nổi khi anh ta nhìn một lượt quanh tất cả chúng tôi phòng khi chúng tôi có câu gì cần hỏi. “Được rồi, bài diễn văn ngắn gọn của tôi chỉ có thế thôi,” anh ta kết luận.

“Cảm ơn vì đã chiều tôi.” Cuối cùng chúng tôi cũng được giải thoát. Chúng tôi lại bắt đầu đứng lên. Chúng tôi không hề biết là Joe lại mang trong mình tinh thần của một nhà cải cách. Chúng tôi có những cảm xúc lẫn lộn về các nhà cải cách. Vài người trong chúng tôi cho rằng như thế thật cao cả, và rất có thể sẽ chẳng thay đổi được gì. Những người khác thì tỏ thái độ hằn học rõ ràng. *Anh ta là thằng cha chết tiệt nào chứ* - kiểu phản ứng như thế đấy.

“Anh biết đấy, Joe,” Tom Mota nói, đúng lúc chúng tôi bắt đầu lục tục kéo ra. “Thực sự thì bị đồng tính chẳng có gì là sai trái cả.”

Joe vẩy một bên tai về phía gã, nhưng vẫn nhìn thẳng vào mắt gã một cách dứt khoát. “Bị sao cơ?” anh ta hỏi.

“Hank Neary bị đồng tính,” Tom nói tiếp, lảng tránh câu hỏi trực tiếp. Khi đó Hank đang đẩy ghế của anh ta vào. Anh ta có vẻ giật mình vì trở thành chủ đề của cuộc trò chuyện. “Đúng không, Hank? Và cậu ta chẳng có vấn đề gì với chuyện đó cả.”

“Tom,” Joe nói. “Chắc chắn anh chẳng nghe thấy bất kỳ điều gì tôi vừa nói cả.”

“Không, tôi nghe thấy anh nói rồi, Joe. Tôi nghe thấy anh rất to và rõ.”

Mọi người đã ra ngoài cửa được nửa đường bỗng dừng cả lại.

“Thế thì có lẽ anh không hiểu rồi,” Joe cố gắng giải thích. “Vấn đề là có chuyện nói đúng, Tom ạ, và có chuyện nói sai, và chuyện ai bị đồng tính hay ai không bị đồng tính, đó là chuyện nói sai rồi, hiểu chứ? Kiểu nói chuyện như vậy có thể bị coi là vu khống đấy.”

“Vu khống ấy à?” Tom nói. “Ái chà chà, vu khống cơ đấy - Joe, đó đúng là một từ đắt giá, vu khống. Chúng ta có cần viện đến luật sư không đây? Tôi có luật sư, Joe. Tôi có nhiều luật sư khốn kiếp đến nỗi chẳng khó khăn mẹ gì mà không huy động họ bắt tay vào vụ này.”

“Tom,” Joe nói. “Cơn giận dữ của anh.”

“Anh bảo gì cơ?” Tom nói.

“Cơn giận dữ của anh,” Joe nhắc lại.

“Như thế nghĩa là thế chớ nào?” Tom nói. “ ‘Cơn giận dữ của anh’? Đó là cái anh vừa nói đấy à, ‘Cơn giận dữ của anh’?” Joe không trả lời. “Như thế nghĩa là thế chớ nào, ‘Cơn giận dữ của anh’?” Joe rời khỏi phòng. “Có ai hiểu ý hẩn là thế chớ nào khi nói ‘Cơn giận dữ của anh’ không?” Tom hỏi.

Chúng tôi biết “Cơn giận dữ của anh” có nghĩa là gì bởi vì chúng tôi cũng thường xuyên phải chịu đựng cơn giận dữ đó. Chúng tôi chịu đựng đủ các loại ốm đau - điều kiện tim mạch, máy cơ mặt vì hồi hộp, sạm lửng. Chúng tôi có đủ các thể loại đau đầu chết tiệt. Chúng tôi bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về điều kiện thời tiết, bởi tâm trạng thất thường và cảm giác non nớt rời rớt từ thời trung học. Chúng tôi vô cùng lo lắng về việc ai sẽ là người kế tiếp, và các thành viên quản trị đang điều hành theo những tiêu chí sa thải như thế nào. Billy Reiser đi làm với một cái chân gãy. Thoạt đầu mọi người đều háo hức. Chuyện xảy ra như thế nào? Chúng tôi tùm tùm ở văn phòng của anh ta ngay khi tin đồn lan ra như thể được dẫn dắt bởi một tiếng nói hoặc một tần số cao tần. Buôn chuyện giống như bệnh cúm: nếu nó bắt đầu với một người, rất nhanh chóng nó sẽ lây nhiễm cho tất cả. Nhưng khác với cúm, chúng tôi không thể nào chịu nổi việc bị loại ra nếu như có chuyện gì đó đang xảy ra. Chúng tôi muốn Billy kể cho chúng tôi

nghe chuyện xảy ra như thế nào. “Bóng mềm,” anh ta giải thích. Thế thôi sao? “Trượt lỗi,” anh ta kể. Chúng tôi không khỏi cảm thấy chùng hừng. Chúng tôi nói với Billy là chúng tôi hy vọng anh ta sớm khỏe lại rồi quay trở về bàn làm việc của mình. Một lý do như vậy thật không đáng để phải đứng lên. Thế rồi phải đến mười hay mười hai tháng sau đó, Bill vẫn tiếp tục tập tễnh đi khắp nơi trên hai chiếc nạng, và thề có Chúa là ta có thể nghe thấy thằng cha này đang đến từ cách xa cả sáu dặm. Lạy Chúa, cuối cùng chúng tôi cũng phải nói, cậu vẫn chưa thoát được những thứ này à? “Biến chứng,” anh ta nói. Anh ta trải qua một loạt phẫu thuật. Dính dính đến cả những chiếc đinh bằng kim loại. Các bác sĩ nói có thể anh ta sẽ phải đi cà nhắc suốt đời, nên anh ta đang xem xét đệ đơn kiện. Chúng tôi cảm thấy thương hại thay cho anh ta, nhưng đồng thời, việc Billy khổ sở lê người qua hành lang, những khớp nạng rít ken két như một con tàu săn cá voi thế kỷ mười chín - nghe qua thì tưởng chừng như không bõ bèn gì, nhưng hết ngày này sang ngày khác, nó bắt đầu khiến người ta điên tiết. Chúng tôi hiểu “Cơn giận dữ của anh” bất kỳ lúc nào Billy đi qua, cơn giận dữ vô lý và hẹp hòi làm cho một số người trong chúng tôi phải gọi anh ta, lúc này hay lúc khác, bằng tất cả những cái tên xúc phạm dành cho một người khuyết tật trong sách vở - những cái tên hèn hạ và nhẫn tâm như “thằng què”, “thằng thọt” và “thằng chấm phẩy” - trong khi tự chế ra cả những biệt danh khác nữa. “Họ của thằng cha đó là Reiser<sup>[18]</sup>,” Larry Novotny nói, “ấy thế mà thậm chí hẵn còn không thể nâng người dậy trên đôi chân của mình.” Amber chẹp chẹp miệng về phía anh ta vì xấu hổ và với những người còn lại trong chúng tôi vì sự nghèo nàn của trò chơi chữ nhưng từ đó trở đi chúng tôi không bao giờ gọi Billy bằng tên của anh ta nữa. Bao giờ cũng là Reiser. Tất nhiên chúng tôi cũng giữ ý tứ không để Reiser phong thanh biết được nỗi khó chịu của chúng tôi đối với anh ta, hầu hết các ngày thì là như thế. Hầu hết các ngày chúng tôi để những thói xấu của con người phát tiết hết ra khỏi mình, như Chúa Jesus đã răn dạy. “Hãy để kẻ nào không có tội ném viên đá đầu tiên,” vì trong chúng tôi có một đội ngũ hùng hậu những tín đồ. Chúng tôi có một nhóm nghiên cứu Kinh

Thánh. Họ gặp gỡ ăn trưa thứ Năm hằng tuần tại căng tin. Một đám tạp nham các thành viên ban quản trị chung cư, dân Bồ Nam, dân mắc chứng chán ăn đang hồi phục, cánh xây dựng, lễ tân. Đó là một đám đông hết tan lại hợp, bản thân nó cũng là sự cười nhạo đức tin. Lời Chúa là nguồn gốc gắn kết tất cả chúng tôi lại với nhau. Chúng tôi vạ vật hết vào lại ra khỏi đó, cố gắng tìm hiểu Lời Chúa để áp dụng vào cuộc sống riêng tư cũng như bối cảnh công việc, nhưng hầu hết chúng tôi đơn giản là tránh xa nó. Họ có nhiều quyền năng hơn, chúng tôi thích nói thế. Chúng ta đang bỏ sót điều gì nhỉ? đêm về chúng tôi tự hỏi. Thật nhàm chán làm sao khi cứ nghe họ lái nhải về Chúa, tầm trưa thứ Năm hằng tuần chúng tôi lại nghĩ bụng. Chúng tôi không thể không hỏi, đây có *thực sự* là nơi thích hợp với Chúa không? Hình ảnh một tá những cuốn Kinh Thánh mở ra trên một chiếc bàn căng tin và những cái đầu quen thuộc giờ đây cúi xuống trong trạng thái biến đổi dữ dội khỏi những hình dung thâm căn cố đế lâu nay của chúng tôi về con người họ khiến chúng tôi ít nhiều thấy sốc, cứ như thể buộc chúng tôi phải đối mặt với khả năng rằng chúng tôi chẳng biết gì hết, tuyệt đối không biết tí gì về đời sống nội tâm của bất kỳ ai ở đây. Nhưng điều đó nhanh chóng qua đi. Phạm vi của chúng tôi là không giới hạn, tầm với của chúng tôi là toàn năng, kiến thức của chúng tôi là toàn diện. Quý tha ma bắt, nhiều lúc cảm giác như thể chúng tôi là Chúa. Nói thế thì có báng bổ quá không nhỉ? Cái gì chúng tôi cũng biết, chúng tôi có những quyền lực khủng khiếp, chúng tôi sẽ không bao giờ chết. Có gì đáng ngạc nhiên khi hầu hết chúng tôi không tham gia vào việc nghiên cứu Kinh Thánh?

“Tớ đểch thềm quan tâm liệu thằng cha đó có phải dân đồng tính hay không,” Tom Mota nói, khoảng một tuần gì đó sau trận đối đầu giữa gã với Joe Pope ở Phòng Michigan. “Tớ chỉ muốn biết ý hấn là thế chó nào khi nói ‘Cơn giận dữ của anh’.” Có một khoảng trống giữa hai khu ngăn ô đủ chỗ kê vài ba chiếc bàn tròn và mấy chiếc ghế, vài buổi sáng chúng tôi túm tụm ở đó quanh một hộp Krispy Kremes hoặc một túi bánh vòng mà ai đó, hứng khởi trước viễn cảnh về một ngày tươi sáng, đã mua và mang đến



chia sẻ với những người còn lại. Tinh thần yêu thương chiếu rọi khắp vượt trên mọi nghịch cảnh. Chúng tôi đang tận hưởng bữa sáng của mình, nhắm nháp những tách cà phê đầu tiên của buổi sáng, thì Joe Pope đi qua mang theo bản quảng cáo nào đó vừa mới giật ra khỏi máy in và hỏi ai mang túi bánh đến. “Cho tôi một chiếc được không?” anh ta hỏi. Genevieve Latko-Devine nói tất nhiên anh ta có thể lấy một chiếc và anh ta cảm ơn cô ta, rồi chúng tôi chắc chắn sau đó anh ta sẽ đi tiếp nhưng anh ta cứ nấn ná ở lại để phết chút kem pho mát và rồi còn ngồi xuống với chúng tôi, cảm ơn Genevieve lần nữa. Tất cả đều có vẻ hoàn toàn tự nhiên, như là chuyện hằng ngày vậy, chẳng có gì khác thường hết. Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn cảm thấy nó, ở ngay đây - sự có mặt bất thành hình của Joe. Thế là bái bai không khí thoải mái.

Mọi chuyện trở nên vô cùng lặng lẽ, cho đến khi cuối cùng chính Joe lên tiếng phá vỡ sự im lặng. “Nhân tiện,” anh ta nói. “Mọi người làm cái vụ lở miệng đến đâu rồi?”

Chúng tôi đang trong quá trình chuẩn bị một series quảng cáo truyền hình cho một trong những khách hàng chuyên sản xuất thuốc giảm đau dành cho chứng sưng và lở miệng. Chúng tôi tiếp nhận câu hỏi của Joe khá là chậm chạp, không ai trả lời ngay lập tức. Thậm chí một hai người còn liếc mắt nhìn nhau. Chuyện này xảy ra không lâu sau lần thăng chức thứ hai của anh ta. Vẫn ổn, cơ bản là thế, chúng tôi nói, cũng hòm hòm. Và sau đó có lẽ chúng tôi đã gật đầu, bạn biết đấy, những cái gật đầu chiếu lệ chẳng có gì là dứt khoát. Vấn đề là, câu hỏi của anh ta - “Mọi người làm cái vụ lở miệng đến đâu rồi?” - không hề có vẻ gì là một câu hỏi đơn giản muốn một câu trả lời đơn giản. Quá sớm sau khi anh ta được thăng chức, dường như đó là sự khẳng định quyền lực mới của anh ta một cách vô cùng tinh vi và đáo để. Chúng tôi không nghĩ đó là sự quan tâm thực sự hoặc tò mò về việc chúng tôi đang tiến triển đến đâu trong vụ quảng cáo thuốc lở miệng mà chẳng qua chỉ là cái cớ để thúc dít chúng tôi.

“Anh biết đấy, Joe,” cuối cùng Karen Woo nói, “bây giờ mới là chín rưỡi sáng, đúng không? Có tin hay không thì tùy, chúng tôi sẽ bắt tay vào vụ lở miệng ngay hôm nay.”

Joe tỏ ra như anh ta vừa bị hiểu lầm hoàn toàn. “Đó không phải là lý do tại sao tôi hỏi chuyện, Karen,” anh ta nói. “Tôi hoàn toàn tin tưởng các bạn sẽ bắt tay vào việc. Tôi hỏi là bởi vì bản thân tôi đang gặp khó khăn trong việc nghĩ ra ý tưởng nào đó.”

Chúng tôi vẫn thấy ngờ vực. Anh ta chẳng mấy khi gặp khó khăn trong việc nghĩ ra bất kỳ cái gì.

“Khó khăn mà tôi đang gặp phải,” anh ta giải thích, “là ở chỗ họ muốn chúng ta phải hài hước và cợt nhả rồi đủ thứ nữa, nhưng đồng thời, họ lại không muốn chúng ta xúc phạm bất kỳ ai đang bị lở miệng. Tôi có cảm giác hai tiêu chuẩn này tự loại trừ lẫn nhau. Ít nhất thì nó cũng làm tôi thấy khó khăn trong việc nghĩ ra một mẫu quảng cáo tạm gọi là đáng giá.”

Đến trưa, chúng tôi biết là cái thằng cha chó đẻ ấy *đúng*. Thực sự là cực kỳ khó khăn khi tạo ra sự cân bằng giữa việc tỏ ra hài hước về những triệu chứng xấu xí của bệnh lở miệng trong khi vẫn tránh không xúc phạm bất kỳ ai đang xem, những người có thể phải chịu đựng những triệu chứng xấu xí của bệnh lở miệng. Đó là một trong những nghịch lý bất khả thi, lơ lửng mà chỉ có một hội nghị bàn tròn những chuyên gia marketing sực nức các loại nước hoa cạo râu đối chọi nhau mới nghĩ ra được - ở một miền đất khác, trong một kỷ nguyên khác, những công cụ đó có thể đã phọt ra được những công án<sup>[19]</sup> yêu thích của triều đại. Chúng tôi phải thừa nhận rằng có lẽ Joe Pope không có ý đồ gì khác khi đưa ra câu hỏi của anh ta sáng hôm đó ngoài việc dò hỏi xem liệu chúng tôi có gặp khó khăn với vụ lở miệng như anh ta không mà thôi, và rằng kết luận vội vã của chúng tôi là hậu quả của

việc hiểu sai ý. Tuy vậy, một số người trong chúng tôi vẫn tiếp tục ngờ vực anh ta, và khi những điểm tốt phai nhạt dần đi, xét về tương quan thì có lẽ cán cân không nghiêng về phía anh ta.

Mọi chuyện cũng không khá khẩm gì hơn khi chúng tôi tập trung ở văn phòng bữa bộn của Lynn Mason hai ngày sau đó để trình với chị những ý tưởng của chúng tôi về vụ lở miệng và Joe cùng với Genevieve trình làng Chàng Lở Miệng. Chúng tôi biết ngay rằng Chàng Lở Miệng không chỉ là một trong ba ý tưởng chúng tôi sẽ gửi cho khách hàng, mà nó còn là mẫu quảng cáo mà họ sẽ phát đi, phát lại, phát nữa, phát mãi, cho đến khi bạn và tất cả mọi người khác ở Mỹ trở nên thân thiết với Chàng Lở Miệng. Thằng cha chó chết ấy *tóm dính* được nó, anh ta và Genevieve, người đóng vai trò chuyên viên mỹ thuật trong cặp đôi, đúng là *tóm dính* đứ đừ cái thuyết công án vĩ đại của các nhà marketing lở miệng. Cánh cửa mở ra trên hậu cảnh là vùng ngoại ô, và đứng trong ngưỡng cửa sáng rỡ là một đôi uyên ương trẻ trung quyến rũ. “Chào mẹ!” cô gái thốt lên. “Con muốn mẹ gặp người đặc biệt ấy của con.” Chàng Lở Miệng chìa tay ra với Mẹ. Quả tình là anh ta có một vết lở miệng xấu xí, có lẽ hơi phóng đại ở ngay khóe môi trên. “Chào bác ạ, cháu là Chàng Lở Miệng.” “Tất nhiên là cháu rồi!” bà mẹ nói, nắm tay Chàng Lở Miệng. “Vào nhà đi cháu!” cắt chuyển sang cảnh Bếp. Ông bố mặt mũi nghiêm nghị. “Bố,” cô con gái nói. “Con muốn bố gặp Chàng Lở Miệng.” “Chàng Lở Miệng,” ông bố nghiêm nghị nói. “Cháu rất vui cuối cùng cũng được gặp bác,” Chàng Lở Miệng nói, bắt tay ông bố rất chặt, miệng cười ngoác như cái loa với vết lở miệng quá xá của anh ta. Cắt chuyển sang cảnh Phòng Khách. Bà nội nhìn như người mắc bệnh Alzheimer. “Bà ơi!” cô gái vừa nói, vừa lắc mạnh bà cụ già yếu. “Bà ơi!” Bà nội choàng tỉnh, ngồi lên, chăm chăm dòm Chàng Lở Miệng và nói, “Chà, chắc chắn cháu là Chàng Lở Miệng rồi!” “Cháu chào bà ạ,” Chàng Lở Miệng nói. Giọng nói để vào giải thích những đặc điểm và tác dụng của sản phẩm. Dòng chữ chạy phía dưới: “Đừng để một vết lở miệng can thiệp vào cuộc sống của bạn.” Cắt lần cuối tới Phòng Ăn. Ông bố vẻ mặt nghiêm

ngợi: “Thêm khoai tây nghiền không, Chàng Lở Miệng?” “Ồ vâng ạ, nhờ bác lấy cho cháu thêm một ít!” Nhòe dần.

Chúng tôi xem qua tất cả các cảnh này lần đầu tiên chỉ là trên những tấm bảng kể chuyện, nhưng tác động trực tiếp thì không thể nào phủ nhận nổi, và chúng tôi biết ngay rằng anh ta đã tóm dính nó rồi, anh ta và Genevieve. Cả gia đình đều chào đón. Họ thích chàng trai. Họ bắt tay với anh ta. Thật vui nhộn, nhưng chủ đề của sự vui nhộn được *ấn vào trong*. Chàng Lở Miệng là nhân vật chính. Ngoài ra, anh ta còn có thể ăn khoai tây nghiền. Không ai có thể ăn khoai tây nghiền với một vết lở miệng như vậy, nhưng chàng siêu anh hùng Lở Miệng vẫn làm được. Ấy là còn chưa kể, *trong đó không hề đả động gì rằng chúng tôi có thể chữa khỏi vết lở miệng*. Đó luôn là khâu khó khăn nhất mà chúng tôi phải thực hiện với vị khách hàng đặc biệt đó. Chúng tôi được phép nói chúng tôi có thể chữa trị vết lở miệng, nhưng chúng tôi bị cấm không được nói rằng chúng tôi có thể chữa khỏi nó. Đoạn quảng cáo của Joe tuyệt nhiên không đả động gì đến chữa trị hay chữa khỏi - anh ta làm được cái việc biến người bị lở miệng thành một người được thông cảm. Khách hàng rất kết quảng cáo đó. Rồi khi họ cho quay với diễn viên phù hợp, anh chàng trông lại còn đáng thông cảm hơn và thể hiện cực kỳ hài hước, và quảng cáo đó được phát lại trên Internet, mang về các loại giải thưởng và đủ mọi thứ.

Cái hôm cho trình làng Chàng Lở Miệng, Joe dắt xe đạp vào phòng làm việc của anh ta như vẫn làm mỗi sáng và nhìn thấy từ *Đĩ đực* viết trên tường bằng một chiếc bút dạ Sharpie màu đen. Dòng chữ viết xiên lên trên, bằng bàn tay của một người lớn hoặc một đứa trẻ con đang vội vã, không khác với những gì bạn có thể nhìn thấy ở phía sau cánh cửa nhà vệ sinh ở một quán bar. Giờ thì đã có thứ trên tường của anh ta - cũng chẳng lấy gì làm lớn, nhưng dứt khoát là không lẫn vào đâu được. Chúng tôi nghĩ bụng, chắc hẳn rồi, nhiều lúc văn phòng chúng ta đúng là loạn trí, nhưng không một ai mà chúng ta biết lại có thể làm một việc như thế cả. Có thể là có ai

đó ấp ủ lòng oán hận đối với Joe ở một góc khuất nào đó trong cuộc sống của anh ta, một đêm lén qua bộ phận bảo vệ, tìm thấy phòng làm việc của Joe, và trút lòng mình qua ngòi bút Sharpie. Nhưng cuối cùng, điều đó nghe có vẻ không khả dĩ cho lắm, và chúng tôi không có lựa chọn nào khác ngoài việc kết luận rằng, Joe, trong nỗi khát khao chút chú ý cục bộ, đã tự mình viết lên đó trước khi ra về muộn đêm hôm trước.

### 3

Lại giảm biên chế - Tại sao nói bọn trung gian mua dịch vụ truyền thông là lũ vút đi - Tắm biển quảng cáo - Yop ở chỗ in tài liệu - Cuộc họp tầng hai - Lynn trong phòng mổ - Chúng tôi biết những gì Joe biết - Bữa trưa hai ly Martini - Mối lo ngại thực sự của Amber - Công việc lương thiện - Có gã nói chuyện với Benny - Lời buộc tội của Genevieve-Janine Gorjanc trong bể bóng nhựa - Màn dàn dựng - Chúng tôi xin lỗi - Bóng sơn

Trong những tuần đầu của năm 2001, họ cho Kelly Corma, Sandra Hochstadt, và Toby Wise nghỉ việc. Toby có một chiếc bàn làm việc thừa riêng trong văn phòng của anh ta, được anh ta đặt làm từ tấm ván lướt sóng ưa thích - anh ta là một người mê lướt sóng cuồng nhiệt. Phải mất một lúc lâu mới tháo được chiếc bàn, kéo dài thời gian nấn ná của anh ta so với quy định thông thường. Sau đó anh ta nhờ giúp khiêng các mảnh xuống chỗ đỗ xe. Chúng tôi chất cái bàn lên phía sau chiếc Trailblazer mới của anh ta và chuẩn bị nói tạm biệt - bắt tay, hay là ôm? Chúng tôi nghe thấy Toby đóng sập cửa sau chiếc Trailblazer và chờ đợi anh ta sẽ đi vòng qua chỗ chúng tôi đang tụ tập chờ sẵn. Thay vào đó anh ta nhảy tót lên ghế lái và hạ cửa kính đen ngòm xuống. “VẬY CÓ LẼ TỚ SẼ CÒN GẶP LẠI CÁC CẬU,” anh ta nói, một cách vui vẻ không chút khách sáo. Sau đó anh ta kéo cửa kính lên và lái đi. Chúng tôi cảm thấy hơi tên tò. Chẳng lẽ một cái bắt tay cũng là đòi hỏi quá đáng sao. Nếu như quả thực anh ta đang giở trò tháu cáy để giấu nước bài xấu, nếu như đó chỉ là bộ mặt chơi xì phé của anh ta, thì chắc chắn đó là trò rất trơn tru và hoa mỹ. Anh ta dừng lại ở khúc quanh để nhìn

xem có xe nào không rồi đạp dấn ga một chút. Đó là lần cuối cùng chúng tôi nhìn thấy anh ta.

Những tuần trước khi xảy đến kết cục của Tom Mota, mùa xuân năm đó, Tom bị bắt gặp đi ra từ văn phòng của Janine Gorjanc với mật độ rất dày. Khó có thể nói là họ đang nói về chuyện gì. Chúng tôi không khoái gì hơn là bỏ phí cả nửa tiếng đồng hồ để đoán già đoán non về những chuyện tình lãng mạn nơi công sở, nhưng chúng tôi không thể nào hình dung nổi một cặp lạ lùng hơn. Chàng Napoléon hay hờn dỗi, dễ kích động lưu đày tới một hòn đảo Elba trong ý nghĩ của riêng mình, và bà mẹ đau đớn đang khóc than. Tình yêu diễn ra theo nhiều kiểu đến là quái đản. Chúng tôi quên mất là họ có những điểm chung - cùng mất con. Họ an ủi nhau, có lẽ thế. Họ san sẻ cơn ác mộng dài dằng dặc là không biết phải làm gì với gánh nặng của một tình yêu nhất định từ chối lời thỉnh cầu của họ là hãy khuyết đi, hãy tan vỡ đi, làm ơn hãy đi đi, và thế là họ nhận ra mình đang hưởng tình yêu đó về nhau. Nhưng đó chỉ là cách chúng tôi giết thời gian. Trên thực tế, chẳng có vụ yêu đương nào cả. Tom chỉ muốn hạ tấm biển quảng cáo xuống.

Dân trung gian mua dịch vụ truyền thông của chúng tôi, như Jane Trimble và Tory Friedman, thường là những phụ nữ nhỏ nhắn, hoạt bát, ăn mặc điệu đà, thơm nức mùi nước hoa và có duyên ăn nói. Họ giữ những túi kẹo trong ngăn kéo bàn làm việc của mình mà không bao giờ tặng cân nào. Họ dành hầu hết thời gian nói chuyện điện thoại với các nhà cung cấp dịch vụ truyền thông, viễn cảnh nhàm chán của công việc đó khiến chúng tôi muốn nôn khan, và nhờ dịch vụ của mình mà họ nhận được những món quà linh tinh và vé xem các sự kiện thể thao, sự bất công trắng trợn của chuyện đó làm chúng tôi tức giận với một nỗi ghen tị mờ mắt và đầy sát khí. Bởi vì họ làm thủ tục đặt hàng và nói chuyện với giọng lơ lớ giả lả, nên họ được hối lộ bằng những cửa bố thí đó, như những tên gác cổng bán thiu, và chúng tôi nghĩ họ xứng đáng với một tầng địa ngục đặc biệt, tầng dành

riêng cho các thị trường tham nhũng, dân vận động hành lang và đám trung gian mua dịch vụ truyền thông. Nhưng chúng tôi chỉ cảm nhận như thế lúc còn ở trong hệ thống. Khi một người trong chúng tôi đi tàu suốt kiểu Tây Ban Nha và ra khỏi hệ thống, nghĩ lại về những người trung gian mua dịch vụ truyền thông lúc nào cũng riu rít và mỉm cười đó, chúng tôi lại cho rằng họ là một trong số ít những người tử tế nhất.

Tom đang đi kêu ca với Jane. “Hắn ta phải cho hạ cái bảng quảng cáo khốn kiếp đó xuống,” gã nói với cô ta sau khi đi thẳng vào phòng làm việc của cô ta mà không thèm gõ cửa hay chào hỏi gì. Không may là Jane biết thừa gã đang nói đến chuyện gì: tay cung cấp dịch vụ mà cô ta đã đặt hàng. Tờ rơi của cô bé mất tích không phải là nỗ lực duy nhất chúng tôi đã thực hiện để giúp Janine và Frank Gorjanc trong những ngày diễn ra cuộc tìm kiếm ngăn ngừa con gái họ. Sử dụng một chút tiền của họ, với sự bổ sung của khoản quỹ góp vôi vàng, chúng tôi cho in tấm ảnh của Jessica từ năm lớp bốn với dòng chữ MẤT TÍCH và một số điện thoại liên lạc lên một tấm bảng quảng cáo trên đường I-88 đối diện với dòng giao thông đến từ phía Tây. Rất lâu sau khi cô bé đã được tìm thấy rồi, tấm biển quảng cáo vẫn còn nguyên đó. Jane cố gắng giải thích không có ai muốn thấy tấm biển quảng cáo đó bị hạ xuống nhiều bằng cô ta, nhưng những việc như vậy thường mất nhiều thời gian khi không có doanh thu ngay tức thì nào. “Không có doanh thu ngay tức thì?” Tom gào lên. “Cả sáu tháng nay rồi!” “Ông ta đã hứa với tôi là ông ta đang cho xúc tiến,” Jane trả lời với vẻ nhã nhặn và kiên nhẫn được trông đợi ở một trung gian mua dịch vụ truyền thông. “Hừ, như thế là chưa đủ,” Tom sửa lên với cô ta. “Ít nhất cũng bảo hắn lột nó xuống.” “Lột hay cởi,” Jane bẽn lễn giải thích, vì biết rằng chắc hẳn mình tỏ ra rất thô bỉ, “đáng tiếc là lại rất tốn tiền, Tom ạ.”

Đó là một không gian không mấy người biết đến, đó mới là vấn đề. Xa tít ngoài đường I-88, mạn phía Tây sông Fox, phần đô thị của Chicago thực sự kết thúc, nhường những khu công nghiệp và khu nhà ở ngoại ô của mình



cho những cánh đồng cỏ linh lăng và những thị trấn nhỏ chỉ có một trạm xăng duy nhất. Những tấm biển ở Bắc Aurora tốt cho quảng cáo sòng bạc trên thuyền và thuốc lá, và có thể thỉnh thoảng là một chiến dịch nâng cao nhận thức về AIDS, nhưng chẳng có gì hơn. Tay cung cấp có thể đã đại hạ giá thuê nhưng chỉ riêng việc thuê tấm biển đó thôi cũng là phúc tổ cho hẳn rồi, và có lẽ hẳn không bao giờ có khách hàng nào lại đi kêu ca về việc tiếp tục được phơi mặt sau khi hợp đồng thuê hết hạn. Quảng cáo miễn phí - ai có thể kêu ca về điều đó được cơ chứ?

Cứ có cơ hội kêu ca là chúng tôi kêu ca. Nhóm sáng tạo kêu ca về nhóm khách hàng. Nhóm kinh doanh kêu ca về khách hàng. Tất cả mọi người đều kêu ca lúc này lúc khác về bộ phận nhân sự, còn bộ phận nhân sự thì kêu ca với nhau về tất cả mọi người trong chúng tôi. Cánh trung gian mua dịch vụ truyền thông gần như là những người duy nhất không bao giờ kêu ca, bởi vì họ lúc nào cũng chết ngộp trong vé và quà cáp hối lộ, nhưng khi Janine kêu ca với Tom về tấm biển quảng cáo, Tom mang lời kêu ca đó đến chỗ họ. Tấm biển đó, gã nói, thông báo rằng Jessica bị mất tích, trong khi Jessica không còn mất tích mấy tháng nay rồi. Jessica đã được tìm thấy. Jessica đã được chôn cất. Gã phàn nàn rằng hằng ngày Janine phải nhìn thấy tấm biển đó bên đường I-88 trên đường từ chỗ làm về nhà, phải bị gợi nhớ về cái tuần chị đã trải qua chờ đợi trong tê tái và hoài công hy vọng rằng tấm biển có thể bằng cách nào đó giúp mang cô con gái nhỏ của chị quay về, và về sự suy sụp của chị khi biết rằng nó chẳng có tác dụng gì. Giờ thì tấm biển đó chẳng còn là gì ngoài một vật gợi nhớ tàn nhẫn, quảng cáo từ trên cao tít số phận thảm khốc của cô bé. Tom nhất định không để yên. Gã phàn nàn về cái thằng cung cấp dịch vụ chó đẻ xúc tiến công việc chậm rề rề quá thể đáng, và về cái tính lúc nào cũng hơn hớn, ba phải của bọn trung gian mua dịch vụ truyền thông như Jane Trimble - kêu ca nhiều đến nỗi Jane buộc phải điện thoại cho tay cung cấp dịch vụ và kêu ca. Khi cô ta nói chuyện điện thoại xong với tay cung cấp dịch vụ, Jane gọi cho Lynn Mason để kêu

ca về Tom Mota - chỉ là thêm một lời kêu ca chắc chắn đã góp phần vào dấu chấm hết của gã.

Vào cái buổi sáng tháng Năm mà Lynn Mason có lịch vào phòng mổ, cái ngày sau khi chị cho Chris Yop nghỉ việc, Yop trở lại tòa nhà, đứng ở khu in ấn tài liệu. Marcia Dwyer giật mình khi thấy anh ta ở đó. Đó là buổi sáng sớm. Marcia đến để photo câu chuyện đầy cảm động về một người sống sót khỏi căn bệnh ung thư đăng trên một số cũ của tạp chí *People*. Khi Yob quay lại nhìn thấy cô ta, anh ta giật bản mình như một con thú bị dồn vào đường cùng. “Lạy Chúa Toàn năng,” anh ta nói. “Tôi cứ tưởng cô là Lynn.”

“Hôm nay Lynn đi mổ,” cô ta nói. “Không nhớ à?”

Marcia nói với giọng đặc trưng của dân Bờ Nam và để kiểu tóc dài mái bằng. Những lọn tóc đen phía sau được cố định bằng một loại thuốc hãm kỳ diệu nào đó. Nếu đúng như con người cô ta mà chúng tôi biết, thì khi nói chuyện với Yop có lẽ cô ta đã chống một tay lên hông với cổ tay quay vào phía trong.

“Anh đang làm gì ở đây vậy, Chris?” cô ta hỏi.

“Làm lý lịch xin việc,” Yop nói với vẻ đề phòng.

Marcia kể cho chúng tôi về cuộc gặp gỡ này khoảng nửa tiếng đồng hồ sau đó, khi ngày làm việc chính thức bắt đầu. Chúng tôi đã tụ tập lại bên những chiếc ghế bành chuẩn bị cho một cuộc họp tăng hai. Một ngày sau cuộc họp với Lynn chúng tôi thường có một cuộc họp sau cuộc họp do Joe tiến hành, tại đây những chi tiết cụ thể hơn của dự án được cụ thể hóa mà không làm phí thêm chút thời gian nào của Lynn. Dạo này, Lynn dành thời gian họp hành với các thành viên quản trị khác trong nỗ lực giữ cho công ty

còn khả năng thanh toán. Không làm lãng phí thời gian của chị đã trở thành một điều bắt buộc.

Giống hệt như là chúng tôi có hai cuộc họp cho một dự án vậy. Không ai từng băn khoăn liệu sự tồn tại của những cuộc họp tăng hai có chút liên quan nào đến việc Lynn cần có những cuộc họp về khả năng thanh toán không - hoặc nếu có băn khoăn, họ cũng không hé miệng. Xét cho cùng, chúng tôi thích những cuộc họp tăng hai. Chỉ trong một cuộc họp tăng hai ta mới có thể hỏi những câu hỏi mà ta ngần ngại đưa ra trong cuộc họp đầu tiên vì sợ tỏ ra ngớ ngẩn trước mặt Lynn, nhưng chúng tôi không ngại điều đó trước mặt Joe.

Một công ty quảng cáo mà chúng tôi biết, ở tận dưới San Fransisco, thuê kiến trúc sư đến để thiết kế sơ đồ mặt sàn bao gồm cây thật, bảng phi tiêu, đá lát, pin mặt trời, quầy cà phê, và cả một nửa sân bóng rổ đủ cho một trận đấu mỗi bên ba người. Bọn khốn may mắn đó không biết thế nào là một cái phòng họp hoặc một cánh cửa kính mờ. Chúng tôi phải chịu đựng những điều sỉ nhục đó, nhưng bù lại, chúng tôi được cấp những đồ nội thất thư giãn không đồng bộ với mục đích tạo cảm hứng cho động lực sáng tạo và chúng tôi được khuyến khích nằm ườn lên đó. Được bố trí giữa những khoảng không gian trống nơi những khung cửa sổ kéo dài ra cho phép ánh nắng rọi vào, những điểm nóng nhỏ nhoi này là sự thay đổi hấp dẫn khỏi những hành lang và ô làm việc, và cũng là nơi chúng tôi luôn tới để họp tăng hai. Marcia ngồi vắt vẻo trên thành một trong những chiếc ghế ngả thư giãn, sáng hôm đó tóc cô ta búi cao cầu kỳ một cách khác thường.

Cô ta kể với chúng tôi là Yop có vẻ tự ái khi cô ta hỏi anh ta đang làm gì ở trạm in tài liệu. “Cứ như thể anh ta tưởng tôi là một con mẹ phản trắc sắp sửa hô hoán gọi bảo vệ,” cô ta nói, “nhưng tôi chỉ hỏi anh ta đang làm gì thôi mà. Ý tôi là, mới hôm qua thằng cha đó bị sa thải, đúng không - vậy mà sáng nay anh ta đã quay trở lại tòa nhà? Thế là thế nào?”

Chúng tôi không thể tin là Yop đã quay trở lại tòa nhà.

“Tôi hỏi anh ta, tôi nói là, ‘Anh không nên ở đây, đúng không?’ Và anh ta nói với tôi, ‘Đúng, tôi không nên ở đây.’ Thế là tôi mới bảo, ‘Vậy chuyện gì sẽ xảy ra nếu có người bắt gặp anh?’ và anh ta nói, ‘Ừm, thế thì tôi ăn cám.’ ‘Thế nghĩa là thế nào, anh bảo ăn cám là sao?’ tôi hỏi, và anh ta bảo, ‘Thì xâm phạm trái phép!’”

Chúng tôi không thể tin điều đó. Xâm phạm trái phép cơ à? Anh ta sẽ bị bắt sao?

“Đúng thế, cô có tin được không?” Yop hỏi Marcia. “Đó là những gì tôi được thông báo ngay sau cuộc họp hôm qua khi Lynn gọi tôi quay lại văn phòng chị ta, nhớ chứ? Sự có mặt của tôi trong tòa nhà này sẽ bị coi là *hành động tội phạm*. Tôi mới bảo chứ, ‘Lynn, chắc chắn là chị đang đùa tôi, đúng không? Sau tất cả những gì tôi đã làm cho cái chỗ này, chị sẽ cho người bắt tôi vì tội xâm phạm?’ Chị ta ngừng kéo tấm màn - thậm chí chị ta còn không thèm nhìn tôi khi chị ta nói câu đó! Nhưng dù sao đi chăng nữa, chị ta cũng ngồi xuống, và cô biết cái ánh mắt mà chị ta có thể nhìn cô rồi đấy, gần như là chị ta đang thiêu cháy cả óc của cô ra bằng đôi mắt laser của mình ấy? Chị ta kéo ghế của mình vào, chị ta hướng ánh mắt đó về phía tôi rồi chị ta bảo, ‘Tôi rất tiếc, nhưng anh không thể vẫn ở đây được, Chris. Anh đã bị sa thải rồi.’ Thế là tôi bảo chị ta, ‘Vâng, tôi biết rồi, Lynn, nhưng khi chúng ta đang nói chuyện dở lúc trước và tôi không kiểm chế được, nhớ không? Và tôi phải rời khỏi văn phòng của chị ấy? Tôi không nghĩ là tôi phải rời khỏi đây cho đến khi chúng ta có cơ hội kết khúc cuộc nói chuyện của mình, giống như chúng ta đang làm bây giờ. Bởi vì tôi vẫn còn một điều quan trọng phải nói trước khi tôi ra đi.’ Thế là chị ta bảo tôi, ‘Chris, cứ nói với tôi bất kỳ điều gì anh định nói với tôi, nhưng sau đó anh cần phải ra khỏi đây. Anh hiểu chứ? Tôi không thể mạo hiểm để anh lại trong tòa nhà.’”

Thế là thế chớ nào, đúng không? Chị ta không thể mạo hiểm để tôi ở trong tòa nhà ấy à? Tôi sẽ làm gì chứ, ăn trộm chiếc ghế của Ernie à? Có thể tôi xuống được đến sảnh cùng với nó bằng thang máy chở hàng. Nhưng tôi vẫn sẽ phải đẩy nó qua cổng bảo vệ. Làm thế nào tôi có thể ra khỏi tòa nhà với chiếc ghế của Ernie chứ? ‘Giờ thì nói đi nào.’ Lynn nói với tôi. ‘Anh có gì để nói nào?’ ‘Được rồi, tôi chỉ muốn biết một điều thôi,’ tôi bảo chị ta. ‘Chị có biết hay chị đã bao giờ biết gì về các số series chưa?’ Đó là điều tôi hỏi chị ta. ‘Cụm từ số *series* có ý nghĩa gì với cá nhân chị không?’ Chị ta phản ứng như thế nào? Chị ta bảo, ‘Số series à?’ Đúng thế, chị ta nhìn tôi như thể tôi bị điên rồi vậy. ‘Tôi không biết anh đang nói chuyện gì nữa, Chris,’ chị ta bảo với tôi, ‘số series.’ Cô hiểu chưa - TÔI ĐÃ BIẾT NGAY MÀ!” Yop rít lên trong tiếng thì thào giận dữ, rồi len lén ném một cái liếc nhanh về phía cửa trạm in ấn tài liệu. Và với giọng khề khàng hơn, “*Tôi biết đứt đuôi đi ấy chứ!* Con mẹ quản lý văn phòng đó đã dựng lên toàn bộ chuyện này! Đó là hệ thống cá nhân của riêng mẹ ta. Chẳng có tí quái nào là chính thức về cái vụ số series này hết! Mẹ ta có một khẩu súng đóng dấu ấy. Cô biết tôi đang nói về cái gì rồi đấy, thứ có bánh xe ấy? Hóa ra chúng từ đó mà ra! Những số series! Lynn thậm chí còn chẳng biết gì về chúng cả! Chị ta bảo chứ, ‘Số series à?’ Thế là tôi kể cho chị ta nghe tất cả về vụ số series, về việc mẹ quản lý văn phòng nghĩ ra chúng như thế nào, kiểm soát tất cả mọi thứ kiểu như chương trình Big Brother<sup>[20]</sup> hay đại loại thế. Nhưng dù sao đi nữa, chị ta lắng nghe, rất lịch sự, nhưng rồi chị ta bảo, ‘Thật thế à?’ Và tôi bảo, ‘À, vâng, nhưng...’ tôi cứ tưởng ít nhất thì chị ta cũng cho gọi mẹ quản lý văn phòng quay trở vào và chúng tôi sẽ bắt đầu lại và lần này tôi sẽ được đối xử một cách công bằng. Nhưng rõ ràng là đừng hòng có chuyện chị ta sẽ cho tôi làm việc trở lại. Và rồi chị ta bảo tôi là nếu còn nhìn thấy tôi trong tòa nhà lần nữa, chị ta sẽ phải báo với bộ phận bảo vệ, họ sẽ gọi cho cảnh sát bắt giữ tôi vì tội xâm phạm. Cô có tin được không?” Đôi mắt sừng húp, ướm nhoét của Yop như lồi ra nhìn Marcia. Anh ta thực sự không ở trong tình trạng sức khỏe tốt nhất. “Sau tất cả thời gian của tôi ở đây,” anh ta tiếp tục. “Thế là lúc đó tôi nghĩ, ‘Ồ, vậy sao? Hừ, đã vậy cứ

xem tôi quay lại đây vào ngày mai và dùng máy của các người để in lý lịch xin việc của tôi ra. Các người có biết ở Kinko họ tính bao nhiêu tiền cho việc này không? Đừng hòng có chuyện tôi sẽ tiêu khoản tiền lương cuối cùng ở cửa hàng Kinko. Tôi đã cống hiến rất nhiều cho cái chỗ này, và tôi nghĩ tôi nên được phép tiết kiệm vài đồng in ấn.’ Nhân tiện,” anh ta nói. “Cô đọc soát lỗi cho tôi được không?”

“Thế là tôi bảo anh ta, ‘Đọc soát cái gì cơ?’ ” Marcia nói với chúng tôi ngay trước khi cuộc họp tăng hai bắt đầu. “Anh ta muốn tôi đọc soát lỗi lý lịch xin việc của anh ta! Tôi thật không thể nào tin nổi. Tôi bảo chứ, ‘Chris, tôi là một chuyên viên mỹ thuật. Anh mới là copywriter. Anh làm phần soát lỗi, còn nhớ chứ? Ý tôi là, nói thực lòng, khả năng chính tả của tôi có khác gì một người trong bệnh viện tâm thần đâu. Ấy thế mà anh ta vẫn nói, ‘Ừ, tôi biết, nhưng tôi thực sự cần có một cặp mắt soát qua nó một lượt.’ Và sau đó anh ta cứ đứng đó chìa ra một cái bút. Một cái bút đỏ! Anh ta muốn tôi làm việc đó ngay tại trạm in tài liệu!”

Thế là Marcia đứng ngay cạnh máy photocopy đọc soát lý lịch xin việc của Yop, chốc chốc lại liếc mắt về phía cửa vì cô ta không muốn bị bắt gặp với một người có thể bị bắt giữ vì tội xâm phạm. Trong khi cô ta làm việc, anh ta vẫn nói chuyện huyên thuyên. Anh ta hỏi cô ta có muốn biết điều trái khoáy của việc bị đuổi việc không. “Điều thực sự chán mớ đời và trái khoáy,” anh ta nói. “Cô có muốn biết là gì không?”

“Tôi đang cố tập trung vào lý lịch xin việc của anh ta,” cô ta kể với chúng tôi, “và tôi cũng đang phải trông chừng cửa vì tôi không muốn có ai bước vào và nhìn thấy tôi với thằng cha đó. Tôi chả biết tổng cái điều chán mớ đời và trái khoáy đó rồi: cái thằng cha chết giấm đáng thương ấy vừa quay lại tòa nhà. Nhưng tôi không nói ra điều đó, vì tôi đang cố tỏ ra tử tế.”

“Điều chán mớ đời và trái khoáy,” Yop thú nhận, “là ở chỗ tôi *muốn* làm việc. Cô có tin được điều đó không? Tôi *muốn* làm việc. Đúng là chán mớ đời phải không? Cô hiểu tôi đang nói gì ở đây không, Karen? Tôi vừa mới bị đuổi việc, vậy mà trong đầu mình tôi vẫn đang làm việc!”

“Ôi, lạy Chúa tôi,” Marcia nói, ngẩng đầu lên khỏi bản lý lịch xin việc của anh ta. “Tên tôi là Marcia cơ mà.”

“Đến nước đó,” Marcia nói với chúng tôi, “thì tôi đúng là *hết thuốc*. Anh ta thậm chí còn không biết cả *tên* tôi nữa?”

“Tôi vừa nói gì ấy nhỉ?” Yop nói.

“Anh vừa mới gọi tôi là Karen,” Marcia trả lời.

“Karen à?” Yop nhìn lảng đi và lắc đầu. “Tôi vừa nói thế à? Tôi nói là Karen à? Tôi xin lỗi,” anh ta nói. “Tôi biết cô không phải là Karen chứ, cô là Marcia, tôi biết mà. Cô và tôi đã làm việc cùng nhau một thời gian dài, tôi biết cô là ai chứ. Cô là Marcia, quê cô ở Berwyn.”

“Bridgeport.”

“Tôi biết cô là ai chứ,” Yop nói. “Karen là người khác cơ. Karen là cái cô người Hoa ấy.”

“Người Triều Tiên.”

“Đầu óc tôi sáng nay đúng là loạn hết cả lên rồi, chắc là thế thôi,” anh ta nói. “Tôi hy vọng cô bỏ quá cho tôi. Với lại, vấn đề chính mà tôi đang định nói là...”

“GI?” Marcia gào lên với chúng tôi từ chỗ ngồi cô ta ngồi vắt vẻo trên cái ghế ngả. “Vấn đề chính mà anh đang định nói là GI nào, hả cái đồ đàn độn nói lấp kia? *Berwyn*? Tôi không thể *tin* nổi là thằng cha đó lại gọi nhầm tên tôi.”

“Vấn đề chính mà tôi đang định nói,” Yop nói tiếp, “là tôi nhận ra mình đang suy nghĩ về vụ gây quỹ. Cô có tin được điều đó không?”

“Vụ gây quỹ nào?” Marcia hỏi.

“Vụ gây quỹ ấy,” Yop trả lời. “Vụ gây quỹ mà chúng ta phải nghĩ ra kế hoạch quảng cáo ấy.”

“À, cho ung thư vú,” Marcia nói, và gật đầu. “Dự án từ thiện miễn phí.” Nó nhắc cô ta nhớ ra là trong vài phút nữa cô ta phải tham gia một cuộc họp tăng hai.

“Nhưng rồi tôi mới chợt nghĩ ra, *anh ta* thì không phải!” Marcia thốt lên. “Tôi chỉ muốn bảo anh ta, ‘Ồi, lạy Chúa tôi, Chris - anh có còn *làm việc* ở đây nữa đâu. Từ bỏ cái vụ gây quỹ đi. Hãy rời khỏi tòa nhà. Tự đi mà đọc soát cái sơ yếu lý lịch chết tiệt của anh đi!’ Nhưng lạy Chúa tôi,” cô ta nói, “anh ta nhất định không chịu thôi nói. Anh ta bảo tôi, ‘Cô có tin được là tôi không thể nào ngừng làm việc trong đầu không? Tôi cứ làm việc mãi làm việc mãi và làm việc mãi - đúng là chán mớ đời và trái khoáy phải không?’ À, ừ. Ừ đúng là chán mớ đời và trái khoáy thật. *Anh có còn làm việc ở đây nữa đâu!* Nhưng tôi không nói thế. Tôi vẫn cố gắng tỏ ra tử tế. Cũng có lúc tôi cố gắng tỏ ra tử tế chứ. Vậy là mặc dù anh ta không biết tên tôi, tôi vẫn tiếp tục đọc soát lỗi cái sơ yếu lý lịch xin việc ngớ ngẩn của anh ta, *cơ man* nào là lỗi. Thế nào mà chúng ta lại đi thuê cái thằng cha đó làm copywriter nhỉ? Tôi đang chỉ chúng ra với anh ta, tất cả những lỗi chính tả và đánh máy rồi này nọ, thì anh ta nói, hoàn toàn chẳng đâu vào đâu - ý tôi là, tôi



*không* biết nó ở đâu ra. Mặc dù vậy, tôi biết có chuyện không ổn rồi, vì anh ta không nói nói nói mãi nữa, anh ta chỉ chăm chăm nhìn tôi, thế là tôi ngẩng lên khỏi bản sơ yếu lý lịch của anh ta và tôi bảo, ‘Gì vậy?’ và anh ta nói, ‘Nó sẽ xảy ra cả với cô nữa, cô biết mà. Đừng có nghĩ là không.’ Và tôi nói, ‘Cái gì sẽ xảy ra với tôi cơ?’ ‘Bị sa thải,’ anh ta nói. ‘Nó sẽ xảy ra với cô đúng như nó đã xảy ra với mọi người khác, và khi đó cô sẽ không còn lên mặt với mọi người như cô đang thể hiện lúc này.’ Tôi không thể tin vào những gì tôi nghe được nữa,” cô ta bảo với chúng tôi. “Tôi đang đọc soát lỗi bản sơ yếu lý lịch của thằng cha khốn kiếp đó - *chính tôi!* - đang làm cho nó *khá khẩm hơn*, vậy mà anh ta bảo tôi là tôi sắp bị đuổi việc? Và không chỉ có như thế, mà còn bảo là tôi tỏ ra lên mặt với tất cả mọi người khác? Chỉ bởi vì tôi cho mình lên mặt với thằng cha dở hơi đáng thương đó đâu có nghĩa là tôi lên mặt với tất cả mọi người. Tôi đang cố giúp hẩn kiểm một công việc mới, vì Chúa! Chẳng phải tôi như thế là quá tử tế rồi à? Tôi muốn nói, đúng là đồ ăn cháo đá bát! Chẳng phải hẩn đúng là đồ ăn cháo đá bát toàn tập sao,” cô ta hỏi chúng tôi, “khi bảo tôi, ‘À, với lại nhân tiện, cái điều tồi tệ vừa xảy ra với tôi ấy mà? Nó cũng sẽ xảy ra với cô thôi.’ Giả sử mà Brizz làm như thế thì sao? Giả sử Brizz lại bảo, ‘Cảm ơn đã đến thăm tôi trong bệnh viện, các bạn ạ, nhưng nói để các bạn biết, một ngày nào đó tất cả các bạn cũng chết thôi, và khi ngày đó đến, các bạn cũng không thể thở được đâu, các bạn cũng sẽ đau đớn và khốn khổ vô cùng, và rồi các bạn sẽ chết. Vì vậy, chúc may mắn, lũ thộn ạ.’ Thế là tôi xé tan tờ sơ yếu lý lịch của anh ta ra thành từng mảnh, và ném chúng vào mặt anh ta, và một mẩu nhỏ dính lại trên trán anh ta, anh ta đang toát mồ hôi đầm đìa. Rồi tôi nói một điều thực sự cay nghiệt đối với anh ta, tôi không kìm được, tôi bảo chứ, ‘Anh vã mồ hôi nhớp nhúa làm tôi thấy buồn nôn.’ Lẽ ra tôi không nên nói như thế. Nhưng lúc đó tôi thích nói như thế, bởi vì *đúng* là anh ta ra mồ hôi nhớp nhúa thật. Thật là một thằng cha đần độn chết tiệt! Dám bảo tôi là tôi sẽ bị sa thải. Các cậu nhớ đấy,” cô ta nói. “Các cậu phải hiểu. Tôi đã *nơm nớp* từ cuộc họp hôm qua rồi.”

Chúng tôi hỏi Marcia tại sao cô ta lại phải nơm nớp. Cô ta cảnh giác nhìn quanh, với cô ta thì điều đó thật khác thường, vì có bao giờ cô ta thêm bận tâm đến việc ai nghe thấy cô ta nói gì đâu. Marcia không bao giờ phải nơm nớp cả. Cô ta sinh ra và lớn lên ở Bridgeport, cô ta tự thay dầu xe, cô ta nghe nhạc của Motley Crue.

“Bởi vì *tôi* là người đã lấy chiếc ghế của Tom Mota,” cô ta thú nhận. “Các cậu hiểu chứ? Ghế của Tom đang ở trong phòng *tôi*. Đã thành lệ từ lâu nay là khi có người chuyển đi, nếu ai đến trước thì được lấy ghế của người đó. Tôi vào đó trước tiên, tôi đã lấy chiếc ghế của Tom. Tôi chẳng hề biết gì về số series cả. Mãi cho đến khi cái thằng cha đầu sai ấy bắt đầu huyền thuyên về chúng tại cuộc họp hôm qua. Từ đó đến giờ tôi cứ thấy nơm nớp. Nó làm tôi phát điên lên. Tôi chỉ muốn tổng khứ nó đi, nhưng bởi vì anh ta đã mang chiếc ghế của Ernie xuống phòng Tom, cố làm ra vẻ như đó thực sự là ghế của Tom chứ không phải của Ernie, nên tôi không thể mang chiếc ghế thực sự của Tom xuống đó được vì như thế Tom sẽ có *hai* chiếc ghế. Chẳng phải trông như thế sẽ rất đáng ngờ sao? Nhưng nếu họ kiểm tra và thấy là tôi đang giữ chiếc ghế với số series của Tom trên đó - các cậu có hiểu không, tôi có chiếc ghế kèm số series! Tôi nên làm gì bây giờ? Có ai biết về những số series này không? Tôi thì không biết gì. Mọi người có biết không?”

Cô ta thở không ra hơi và kích động chẳng khác gì Yop. Chúng tôi bảo cô ta bình tĩnh lại. Chris Yop bị cho nghỉ việc không phải chỉ bởi vì anh ta bị bắt quả tang với giá sắt của Tom Mota. Anh ta bị cho nghỉ bởi vì anh ta thậm chí còn không thể soạn sơ yếu lý lịch của mình mà không có lỗi đánh máy. Lynn Mason và các thành viên quản trị khác không thể tin tưởng giao phó những chiến dịch quảng cáo cả triệu đô la vào tay những copywriter cầu thả - ấy là nói, nếu như chúng tôi lại có những chiến dịch quảng cáo cả triệu đô la. Đó là lý do tại sao Chris Yob bị cho nghỉ.

Nói gì thì nói, chúng tôi nghĩ sẽ là khôn ngoan hơn nếu cô ta vào văn phòng của Tom tráo chiếc ghế của Ernie với ghế của Tom. Đang là quãng thời gian nhạy cảm, và trong những quãng thời gian nhạy cảm thì tình tảo ra là nên đề phòng hết sức. Bị bắt quả tang với chiếc ghế của Ernie còn tốt hơn là với ghế của Tom. Và đúng khi nói đến đó, chúng tôi nhận ra mình đang nói những chuyện như là Marcia bị bắt quả tang với chiếc ghế nào thì sẽ tốt hơn, khi ấy chúng tôi nhận ra mình đã sa đà đến mức nào.

Joe xuất hiện tại cuộc họp tăng hai mang theo cuốn sổ lên kế hoạch trong ngày của anh ta, điều mà ai cũng đoán trước và lấy làm khó chịu. Chúng tôi bị ức chế bởi sự quen thuộc bất di bất dịch của cái sổ kế hoạch trong ngày khốn kiếp đó. Đôi khi chúng tôi hầu như nghĩ chúng tôi có thể quý Joe nếu họa hoãn cứ mười lần thì có một lần anh ta bỏ cuốn sổ nhật ký bọc da đó ở lại bàn làm việc của mình. Nhưng không. Chiếc sofa và hai chiếc ghế tình yêu cùng mấy cái ghế ngả bọc da đều đã bị chiếm dụng nên Joe phải ngồi trên sàn.

Tại một cuộc họp tăng hai có một số việc lúc nào cũng xảy ra. Joe tách chúng tôi ra thành các nhóm, một chuyên viên mỹ thuật cho mỗi copywriter. Theo như lý tưởng thì sau mỗi cuộc họp tăng hai, mỗi đội sẽ tập hợp lại và vạch ra các ý tưởng. Tuy nhiên, hiệu quả của cách làm này trên thực tế bao giờ cũng khác. Tay copywriter chuẩn mất hút theo ý mình và chuyên viên mỹ thuật cũng làm giống hệt, mỗi người tự vạch ra những ý tưởng độc lập với người kia. Sau đó họ tập hợp lại với nhau để phân định thắng thua. Ai là người hóm hỉnh hơn, ai có nhiều sự am hiểu hơn, ai làm nổi bật được ý tưởng. Tất cả chúng tôi đều có chung một lời cầu nguyện: *cầu cho đó là mình*. Bất kể cái mình ấy là ai đi nữa, anh ta hoặc cô ta đều cố vô cùng bình thản về điều đó, nhưng không thể nào chối cãi được, họ ngự trị trên chiến thắng trong một ngày trong khi những người còn lại

chúng tôi quay trở về bàn của mình lặng lẽ dẫn vật. Chúng tôi đã thua, và sự tối dạ của chúng tôi khiến chúng tôi trở thành đối tượng bị đánh giá thấp, thì thầm dè bieu, với viễn cảnh đáng sợ là trở thành người kế tiếp.

Vì vậy hãy hình dung nỗi choáng váng của chúng tôi, và cả nỗi bẽ bàng của chúng tôi, khi chúng tôi ngồi xuống ghế với những cốc cà phê của mình để họp tăng hai - trong khoảng thời gian đó chúng tôi chỉ tía sót lại các chi tiết, chúng tôi chỉ đề nghị làm rõ - thì Karen Woo thông báo rằng cô ta đã có những ý tưởng quảng cáo. Cô ta có cả một *chiến dịch* hoàn chỉnh. “Mọi người biết không, tôi chán ngấy khi phải nhìn những phụ nữ quyến rũ kiểu những năm 1960 mỉm cười nhìn vào máy ảnh và nói, ‘Hãy nhìn tôi này, tôi là một người sống sót. Tôi đã chiến thắng ung thư vú.’ Điều đó thật nhảm nhí,” cô ta nói. “Ngành công nghiệp này cần gạt qua một bên trò nói cười ồn ã và đi thẳng vào sự thật trần trụi.”

Chúng tôi nhìn cô ta trong khi cảm thì vẫn đang nổi lên phềnh trong cốc cà phê của mình. Chờ chút! Chúng tôi chỉ muốn hét lên. Cô không thể có những ý tưởng được. Chúng ta thậm chí còn chưa họp tăng hai cơ mà!

“Ý tưởng của cô là gì?” Joe hỏi.

Ý tưởng của cô ta? Chúng tôi sẽ cho cô ta biết ý tưởng của cô ta, Joe. Là tàn sát. Không ai nói gì đến nó, không ai nói một lời nào, nhưng động cơ thực sự chạy ở khắp cái nơi này là khát khao nguyên thủy được giết chóc. Được trở thành chuyên gia quảng cáo giỏi nhất trong tòa nhà, khuấy lên sự ghen tị, đánh bại tất cả những kẻ còn lại. Mối đe dọa về cắt giảm biên chế chỉ càng khiến nó trở thành một động cơ hiệu quả hơn.

“Tôi bất ngờ là cô đã có sẵn ý tưởng rồi cơ đấy, Karen,” Larry Novotny nói. Karen và Larry không hòa thuận với nhau cho lắm. “Nó thực sự làm tôi bất ngờ đấy.”

“Sáng kiến mà,” Karen tự đắc nói.

“Tôi không muốn nói thay cho bất kỳ ai,” Larry nói thêm, “nhưng thực lòng mà nói, nó thực sự khiến tất cả chúng tôi bất ngờ vãi linh hồn đấy.”

Karen chồm người lên trên ghế sofa và quay về phía Larry đang ngồi trên chiếc ghế ngả của anh ta, khó có thể nhìn thấy ánh mắt của anh ta dưới cái lưới trai uốn cong của chiếc mũ Cubs. Anh ta đang mặc một trong những chiếc áo sơ mi vải flanel tẻ nhạt của mình. Hai người gườm gườm, nhìn nhau. Karen và Larry không ưa nhau vì Larry là chuyên viên mỹ thuật (Art Director) còn Karen lại là một chuyên viên mỹ thuật cấp cao (Senior Art Director) và tước hiệu mới là tất cả. Mỗi AD đều muốn trở thành một SAD. Nếu như bạn là một SAD thì kiểu gì bạn cũng chăm chăm muốn trở thành một Acker. Acker là kiểu viết tắt của chúng tôi cho chức danh Associate Creative Director (Đồng Chuyên viên Sáng tạo). Acker thì lại muốn trở thành Creators (Creative Director - Chuyên viên Sáng tạo), và mỗi Creator thì lại ghen tị với Eveep. Bạn có thể hoặc là một Creveep (Creative Executive Vice President - Phó Trưởng phòng Phụ trách Sáng tạo) hoặc là một Ackveep (Account Services Executive Vice President - Phó Trưởng phòng Phụ trách Kinh doanh), nhưng cả hai loài này đều hy vọng ngang nhau về một ngày nào đó được mời trở thành thành viên quản trị. Còn điều mà các thành viên quản trị mơ đến là những thứ của Magellan, da Gama, Columbus, v.v. và v.v...

Vấn đề là chúng tôi cực kỳ xem trọng cái thứ chết tiệt này. Họ đã lấy đi hoa của chúng tôi, những kỳ nghỉ hè của chúng tôi, và cả những khoản thưởng của chúng tôi nữa, chúng tôi đang bị treo lương và treo cả việc tuyển dụng, người người đang bay vèo ra khỏi cửa như vô số những hình nộm bị tháo rời. Chúng tôi vẫn còn một điều chờ đợi mình: viễn cảnh được thăng chức. Một chức vụ mới: đúng thế, nó chẳng mang lại đồng nào,

quyền lực thì hầu như luôn luôn là viễn vông, thứ đồ bố thí như một công cụ xảo quyệt rẻ tiền mà ban lãnh đạo bày ra để ngăn không cho chúng tôi nổi loạn, nhưng khi tin tức lan truyền đi là một trong chúng tôi vừa nhảy thêm một bậc chữ viết tắt, thì người đó ngày hôm ấy hơi lặng lẽ hơn mọi khi, ăn trưa lâu hơn mọi khi, quay lại mà không cầm theo túi mua hàng, dành cả buổi chiều nói năng khẽ khàng vào điện thoại, và ra về bất kỳ khi nào anh ta muốn tối hôm đó, trong khi những người còn lại trong chúng tôi gửi email bay đi bay lại về những chủ đề lớn lao như Bất công và Mờ ám.

“Karen,” Joe nói. “Ý tưởng của cô là gì?”

Karen rời mắt khỏi Larry và quay sang Joe.

“Hãy nhìn này,” Karen nói. Cô ta trình bày ba ý tưởng trơn tru mà cô ta gọi là chiến dịch “Những người thân yêu”. Từ những ngân hàng ảnh cô ta đã chọn ra ảnh cận cảnh những gương mặt riêng rẽ, tất cả đều là nam giới. Đầu tiên là một cậu bé da đen, thứ hai là một người đàn ông châu Á, cuối cùng là một ông già da trắng. Họ nhìn thẳng vào ống kính với gương mặt không chút biểu cảm. Tất cả chúng tôi đều nghĩ, cô ta đã ở trên trang web của Photonica suốt mười tám tiếng đồng hồ vừa rồi để tìm kiếm những viên ngọc quý này. Những dòng tiêu đề là mẫu mực về sự đơn giản và nghệ thuật thu hút sự chú ý. Mỗi dòng là một câu trích dẫn. Với đôi chút thao tác trên Photoshop, Karen để cho cậu bé da đen cầm một tấm áp phích màu trắng mang dòng chữ “Dì tôi”. Tấm áp phích của người đàn ông châu Á viết “Mẹ tôi”. Còn của ông già da trắng thì ghi “Vợ tôi”. Tất cả chỉ có thể, hình ảnh và những dòng tiêu đề. Karen tin rằng chúng đủ bắt mắt đến nỗi bất kỳ ai tình cờ liếc qua cũng phải muốn đọc phần nội dung chi tiết, trong đó có phần trình bày ở ngôi thứ nhất giải thích nỗi đau đớn khi mất đi một người thân yêu vì căn bệnh ung thư vú và sự cấp thiết phải tìm ra cách chữa trị.

“Hơi nặng nề,” Larry góp ý, “cô không nghĩ vậy à?”

“Không, Larry. Tôi không nghĩ vậy. Nó rất lôi cuốn, chân thực và đầy thú vị, nhất định là thế.”

“Không dễ chấp nhận cho lắm.”

“Quá dễ chấp nhận là khác ấy chứ, Larry!”

“Chẳng khác gì nhìn thấy một đứa trẻ châu Phi chết đói trên ti vi, Karen. Có khi chúng ta lôi được cả Sally Struthers<sup>[21]</sup> tham gia cũng nên.”

“Joe,” Karen nói.

“Larry,” Joe nói.

“Tôi chỉ nói thôi mà, Joe,” Larry nói.

Chúng tôi căm ghét Karen Woo. Chúng tôi căm ghét việc đi căm ghét Karen Woo vì chúng tôi sợ biết đâu mình lại là kẻ phân biệt chủng tộc. Nhất là những người da trắng trong số chúng tôi. Nhưng không chỉ có những người da trắng. Benny, vốn là dân Do Thái, và Hank, là người da đen, cũng ghét Karen. Có thể chúng tôi ghét Karen không phải bởi vì cô ta là người Triều Tiên mà bởi vì cô ta là một người phụ nữ với những quan điểm mạnh mẽ trong một thế giới do đàn ông ngự trị. Nhưng không chỉ có cánh đàn ông; Marcia không chịu nổi cô ta, trong khi bản thân cô ta cũng là phụ nữ. Donald không phải là người Triều Tiên nhưng ít nhiều cũng là người châu Á, và tất cả mọi người đều yêu quý anh ta như Marcia mặc dù anh ta không mấy khi nói lời nào. Một lần, Donald có mở miệng, khi anh ta ngoảnh khỏi máy tính của mình trong thoáng chốc, hướng về một nhóm bốn năm người chúng tôi, “Ông nội tớ có một bộ sưu tập kỳ quái toàn tai

người Trung Quốc.” Trước lúc ấy chúng tôi đã thảo luận chuyện gì đó, chứ không hẳn là câu đó bỗng tự nhiên ở đâu phọt ra. Nhưng mặt khác, cũng chẳng có gì là khác thường khi cả ngày trôi qua mà Donald chỉ nói, “Ừ, có lẽ thế,” đâu như bốn hay năm lần gì đó, có đến một nửa trong số đó được nói khi anh ta thậm chí còn không thềm hướng sự chú ý ra khỏi chiếc máy tính của mình, và rồi đến năm giờ thì chẳng thấy Donald đâu nữa. Giờ thì anh ta lại nói với chúng tôi về bộ sưu tập của ông nội anh ta - “Ý cậu là sao, một bộ sưu tập tai à?” Benny hỏi. “Cậu đang nói đến tai thật, tức là tai thật ấy à?” “Tai từ đầu của những người Trung Quốc, đúng rồi,” Donald xác nhận, anh ta đã quay lại với màn hình máy tính từ bao giờ. “Cả một bao đầy luôn.” Câu chuyện càng lúc càng trở nên bí hiểm. “Một bao cơ à? Bao kiểu như thế nào?” Sam Ludd, người hút rất nhiều cần sa và thường xuyên bốc mùi như những gói bim bim vị hành Funyun, quay sang Benny để truyền đạt với anh ta điều gì đó bằng thứ ngôn ngữ bí mật của tiếng cười. “Nhưng nói nghiêm túc nhé,” Benny gặng hỏi, xoay người lại trên bậu cửa sổ để nhìn thẳng vào Donald, “cậu đang nói đến cái quái quỷ gì vậy, Don?” “Và một bộ sưu tập tai người Trung Quốc kỳ quái thì để làm gì chứ?” Sam hỏi, anh ta trụ được có hai giây rưỡi sau khi quá trình tinh giảm biên chế bắt đầu. “Chúng có từ thời chiến tranh,” Don nói với cái màn hình. “Ông tôi không muốn nói về chuyện đó.” “Nhưng cậu nhìn thấy nó rồi chứ?” Benny nói. “Có hơn một cái cơ mà,” Don nói. “Không, cái bao, cái bao cơ,” Benny nói. Don nhìn anh ta và gật đầu. “Có chứ.” “Hừm, liệu có phải, liệu có phải là ông ấy tự tay cắt chúng không? Hay ông ấy mua chúng? Được người ta cho ông ấy làm kỷ niệm? Don, hãy nói chuyện với tớ nào.” “Thực sự tớ cũng không biết gì hơn nhiều. Tớ chỉ biết ông tớ từng tham gia chiến tranh. Có thể chính ông đã cắt chúng, tớ cũng không biết nữa. Đó không phải điều cậu có thể hỏi thẳng ông nội mình.” “Được rồi, nhưng...” Benny thấy ức chế, “nếu vậy thì lẽ ra cậu đừng có mà khơi chuyện ra, anh bạn ạ, nếu như cậu không có nhiều thông tin hơn.” “Tớ nghĩ cậu nhầm rồi, Don,” Sam nói. “Tớ nghĩ cậu có thể hỏi ông mình là có phải ông đã cắt tai người Trung Quốc không.” “Trông chúng như thế nào?” Benny hỏi. “Cậu nói cho tớ biết được không?” Don nói với cái màn hình là anh ta không thực sự biết



trông chúng như thế nào. Trông chúng giống như những cái tai. Những cái tai chết chóc già nua nhăn nhúm. Và cái bao chỉ là một cái túi dạ có dải rút. Benny gật gù và bặm môi.

Lại nói đến Karen Woo. Liệu có phải chúng tôi không ưa cô ta vì chúng tôi là những kẻ phân biệt chủng tộc, bởi vì chúng tôi là những kẻ ghét phụ nữ, bởi vì cái “sáng kiến” của cô ta giày vò và tham vọng của cô ta thật là trắng trợn, bởi vì cô ta chường cái chức vụ cấp cao của mình như một chiếc nhẫn rực rỡ, hay bởi vì cô ta là con người như cô ta bây giờ và số phận buộc chúng tôi lúc nào cũng phải ở gần cô ta? Sự đa dạng của chúng tôi gần như bảo đảm chắc chắn rằng nó là sự kết hợp của tất cả những yếu tố vừa nêu.

“Tôi nghĩ vấn đề tôi đang gặp phải với dự án này, Joe,” Benny nói, ngồi nhong nhong trên tay vịn ghế sofa, “là biết được cách tiếp cận cơ bản mà chúng ta nên áp dụng ở đây. Liệu có phải nó chỉ là một lời nhắc nhở nhẹ nhàng rằng nghiên cứu ung thư vú cần thêm tiền, hay là chúng ta cần đá đít ai đó theo kiểu những người thân đã chết của Karen kia và khiến mọi người phải gửi séc ngay lập tức?”

“Có thể là đâu đó ở giữa,” Joe trả lời, sau một thoáng ngẫm nghĩ. “Nói như thế không có nghĩa là loại bỏ những cái này đâu, Karen. Tôi thích chúng. Cứ thống nhất là một số người trong chúng ta đi theo một hướng và những người còn lại đi theo hướng khác.”

Chúng tôi thảo luận ngày in, ai sẽ là người phụ trách khâu đảm bảo cho dự án, và sau đó chúng tôi chia ra thành các nhóm. Joe là người đầu tiên đứng lên. Ngay trước khi đi ra anh ta thông báo rằng chúng tôi sẽ không trình bày những ý tưởng hoàn thiện cho Lynn xem; chúng tôi sẽ trình bày chúng cho anh ta xem.

Tất cả chúng tôi đều muốn biết tại sao lại như thế. Joe trả lời rằng đó là bởi vì Lynn sẽ vắng mặt ở văn phòng từ nay đến hết tuần.

“Đến hết tuần?” Benny nói. “Chị ấy đi nghỉ à?”

“Tôi không biết,” Joe nói.

Nhưng anh ta biết. Anh ta cũng biết như chúng tôi rằng hôm đó chị đang ở trong phòng mổ và sẽ trong giai đoạn hồi phục khi đến thời hạn nộp ý tưởng - sự khác biệt là ở chỗ có lẽ anh ta có thông tin trực tiếp từ Lynn, trong khi đó chúng tôi phải lấy thông tin của mình từ những nguồn khác. Chúng tôi chưa bao giờ ghét Joe hơn khi anh ta có những thông tin mà chúng tôi cũng có, nhưng anh ta lại nhất định không kể với chúng tôi.

“Chúng ta có thể làm ơn ngừng nói chuyện về Joe Pope lấy hai phút được không?” Amber Ludwig hỏi khi Joe đã rời khỏi khu đặt những chiếc ghế sau cuộc họp tầng hai. Chúng tôi vẫn nấn ná lại để thảo luận thực tế rằng chúng tôi biết điều anh ta không nghĩ là chúng tôi biết và điều đó mới khó chịu làm sao.

“Vậy chúng ta nên nói chuyện về cái gì đây, Amber?” Larry hỏi. “Những người chết của Karen à?”

“Họ được gọi là Những người thân yêu, Larry.”

Amber, tất cả chúng tôi đều biết, đang lo lắng bởi một chuyện vừa mới nảy nòi ra tuần trước, khi Lynn Mason nhận được cú điện thoại từ vợ cũ của Tom Mota thông báo cho chị biết rằng có vẻ như Tom đã lặn mất tăm.

Barbara, cô vợ cũ, đã nhận được một số hình thức liên lạc kỳ lạ - thư thoại, email, thư viết tay - đầy những lời trích dẫn từ đủ mọi nguồn: Kinh Thánh, Emerson, Karl Marx, *Nghệ thuật yêu* của Erich Fromm, nhưng đáng ngại nhất là còn có cả *Triết học của kẻ vô chính phủ*, một ấn bản của McLenox. Amber xem trên website McLenox và phát hiện ra rằng nhà xuất bản này còn có những đầu sách khác như *Những nơi trú ẩn cả dưới nước và dưới lòng đất* và *Cách tạo giấy khai sinh giả bằng máy tính tại nhà*.

Những thông điệp Tom gửi vợ anh ta là những lập luận minh triết đến lạ lùng dùng để cải tạo tình cảnh khủng khiếp của một con người nhận ra mình đang mắc kẹt trong cuộc sống mòn mỏi, với rất nhiều ám chỉ đến tình yêu, lòng trắc ẩn, sự nhân hậu, đức tính khiêm tốn và trung thực, cùng với một số những lời ám chỉ không-được-minh-triết-cho-lắm về việc làm điều gì đó sẽ “khiến cả thế giới phải choáng váng”, theo như lời anh ta, điều sẽ khiến tên tuổi của anh ta đi vào lịch sử. “Toàn bộ lịch sử sẽ tự tiêu tan rất dễ dàng vào trong tiểu sử của một vài người bền bỉ và kiên định,” Tom viết trong một bức email mà, đến ba giờ chiều thứ Sáu trước đó, đã được chuyển tiếp cho tất cả mọi người trong văn phòng. “Barbara,” bức thư kết luận, “cô cứ cười đi, nhưng tôi có ý định trở thành một trong những người đó.”

Barbara gọi cho Lynn để hỏi xem liệu có bất kỳ ai khác nghe được tin gì từ Tom không. “Và tôi cũng muốn cảnh báo với mọi người,” Barbara nói thêm. “Tôi ghét phải diễn đạt theo cách này, vì trước kia tôi không bao giờ nghĩ về anh ta như thế. Nhưng rồi sau đó anh ta xuất hiện ở nhà tôi với một chiếc gậy bóng chày và đập phá tất cả những gì nhìn thấy, điều đó khiến ta phải nghĩ, có lẽ mình chưa bao giờ thực sự biết rõ con người này. Lúc đó tôi không biết anh ta và bây giờ tôi cũng không biết anh ta có thể làm những gì, và tôi thực sự không muốn loanh quanh bên anh ta để tìm ra.”

“Tôi không thể nói là tôi trách cô được,” Lynn trả lời.

“Vì thế tôi gọi điện chỉ để nói rằng tôi đã cố gắng liên lạc với anh ta, chỉ là để bảo đảm rằng... chị biết rồi đấy. Nhưng... và tôi không muốn chị nghĩ rằng anh ta đang sắp làm điều gì đó... bất ngờ. Tôi chỉ nghĩ là tôi nên thông báo cho mọi người biết rằng tôi không sao tìm được anh ta.”

“Tôi rất cảm kích vì cô đã gọi,” Lynn nói.

Chị gác điện thoại và gọi Mike Boroshansky, tay gốc Ba Lan bên Bờ Nam phụ trách công tác bảo vệ tòa nhà. Mike thông báo cho mọi người trong bộ phận bảo vệ biết về tình huống có thể xảy ra. Họ dán một bức ảnh của Tom lên bàn bảo vệ ở dưới sảnh, và vào ban ngày, ông bạn Roland của Benny so sánh nó với các vị khách đến qua những cánh cửa xoay, còn ban đêm, một tay bảo vệ khác cũng làm như vậy.

Bản thân chúng tôi thì lại nghĩ khác. Tom Mota sẽ không làm bất kỳ chuyện gì điên rồ. Đúng là gã điên rồ, nhưng không *điên* đến thế. Chúng tôi không thể tin được là mọi người lại lo lắng thế. Trương hẳn một bức ảnh của Tom lên cơ à? Ai cũng biết làm thế đúng là dở hơi.

Tất cả mọi người trừ Amber Ludwig, người vẫn nhớ như in với nỗi lo lắng đã trở thành cố hữu về Tom Mota sau khi gã nốc hai ly martini trong bữa trưa. Thời buổi này thì họa hoãn lắm mới lại có người uống một ly martini trong bữa trưa. Nên được nhìn thấy Tom nốc liền hai ly thì quả là một niềm vui thuần khiết. “Điều gì đã xảy ra với nước Mỹ,” gã hỏi, và rồi lại tự chặn lời mình. “Ê, tôi đang nói đây.” Chúng tôi lại phải bỏ dở câu chuyện của mình và hướng sự chú ý sang gã. “Điều gì đã xảy ra với nước Mỹ,” gã tiếp tục, “đến nỗi bữa trưa với hai ly martini lại bị thay thế bởi cái này, cái này...” Gã vừa chăm chăm nhìn chúng tôi vừa lắc lắc quả đầu chó bun về đây khinh bỉ. “... cả một quán đây bọn đồng tính, tất cả đều chung diện đồ kaki và nhăm nháp cùng một loại trà đá là sao hả? Hả?” gã nói.

“Điều gì đã xảy ra vậy?” Gã thực sự muốn biết. “Chẳng phải General Motors,” gã vừa nói tiếp vừa nâng ly martini mới lên cao một cách rất khéo léo, để không làm nó bị sánh, “IBM, và Madison Avenue đều đã xây dựng sức mạnh Mỹ thời hậu chiến từ bữa trưa hai ly martini sao?”

Đó mới chỉ là khúc dạo đầu cho màn rượu nói của gã. “Nâng cốc nào,” gã nói. “Uống mừng những chiếc quần Docker và áo Windbreaker của các người.” Gã vươn cặp môi chuối mẩn đỏ bầm của mình về chiếc ly, trong khi một tay vẫn giữ ngay ngắn thân ly.

Những ngày ấy, sau khi quay về văn phòng, trong khoảng thời gian nhàm chán từ hai giờ đến năm giờ, chúng tôi không bao giờ biết gã sẽ giở những trò gì. Đôi khi gã sẽ chớp mắt trong một ngăn ở nhà vệ sinh nam. Có lúc gã đi tắt đứng lên bàn làm việc tháo những bảng đèn tuýp ra khỏi trần. Lúc đi qua, chúng tôi tò mò hỏi gã đang làm gì trên đó vậy. “Tại sao các người không đi mà lo chuyện cứ đái của mình?” gã gợi ý. Đúng là hay ho thật. Nhưng đó không phải hành vi của một người điên, theo quan điểm của chúng tôi. Gã là một kẻ bế tắc toàn tập và kích động - điên rồ, hung hăng và cần được giải thoát, xét cho cùng đó chính là lý do cho bữa trưa hai ly martini. Chúng tôi tốn rất nhiều thời gian buôn dưa lê về chuyện công việc và vụ ly dị đã biến Tom Mota thành một kẻ nghiện ngập như thế nào.

Ai là kẻ nghiện ngập, dù chỉ là mới manh nha, vẫn tỉnh táo bình thường, hay đã say bí tỉ - đó lúc nào cũng là chủ đề cho câu chuyện của chúng tôi. Còn ai đang thậm thụt với ai, đó lại là chủ đề khác. Chẳng có gì là bí mật chuyện Amber Ludwig đang dan díu với Larry Novotny. Bây giờ thì Amber muốn chúng tôi ngừng nói về chuyện đó. Nhưng chẳng phải đúng thế còn gì? Nếu không đúng, đã chẳng ai thèm đả động đến nữa. Đúng không? Amber? Không phản ứng gì. Được rồi - vậy thì chuyện gì bây giờ? Nếu không phải là chuyện thậm thụt với Larry, và nếu như cô vừa mới yêu cầu chúng tôi ngừng nói chuyện về Joe Pope, vậy chúng tôi nên nói về

chuyện gì bây giờ? Rốt cuộc, nguyên tắc dân chủ vẫn là nền tảng trong toàn bộ chuyện điên rồ này. Diễn đàn là của cô. Một lần nữa, cứ việc viện lý lẽ là cô không còn cảm thấy an toàn ở đây nữa, rằng Tom Mota lúc nào cũng làm cô sồn gai ốc, và rằng cái mà chúng tôi gọi là những trò hề và hài kịch rẻ tiền thì cô lại coi là chứng điên rồ có thể giết người. Amber?

“Đêm qua tôi cố gắng chớp mắt,” cô ta nói, “nhưng tôi không sao hết lo được.”

Chúng tôi cố nói với cô ta đến cả lần thứ năm mươi rằng gã sẽ không quay trở lại. Cô ta chăm chăm nhìn quanh như thể cô ta là Marcia, như thể cô ta có quyền năng của Marcia, chỉ cần một ánh mắt dữ dội là hạ cấp chúng tôi thành những sinh linh nhỏ nhoi và lỗ bịch ngay được. Nhưng khi Amber làm thế, ánh mắt chăm chăm lại hướng vào trong và tiết lộ một điều về cô ta, rằng cô ta cảm thấy mình bị hiểu lầm và vì thế thấy tự ái.

“Mọi người đang nói về cái gì vậy?” cô ta hỏi. “Các người lại đang nói chuyện về Tom Mota nữa đấy à? Làm sao các người có thể nói về Tom Mota tại một thời điểm như thế này chứ?”

*Cô ta đang nói về ai thế nhỉ?*

“Còn ai nữa?” cô ta nói. “Tôi còn *có thể* nói về ai được nữa trong lúc này?”

Đến khi ấy thì rõ ràng là đã tới lúc chúng tôi đứng lên, quay lại bàn làm việc của mình, và cố gắng bắt kịp Karen trong cuộc chạy đua giành ý tưởng gây quỹ xuất sắc nhất, nhưng vì lý do nào đó không một ai nhúc nhích. “Các người có tin được là ngay lúc này chị ấy đang ở trong phòng mổ không?” Amber hỏi chúng tôi. “Tôi muốn nói là ngay phút này này. Có ai biết ca mổ diễn ra lúc mấy giờ không?”

“Tôi không nghĩ là có ai biết cả,” Genevieve nói.

“Đêm qua,” Amber tiếp tục, “tôi không biết tại sao nữa, nhưng tôi cứ thắc mắc không hiểu chị ấy có bạn trai không.”

“Ồ, thực ra tớ biết đôi chút về chuyện này,” Genevieve thông báo.

Amber sững sờ. “Gì cơ, cậu biết điều gì?”

“Là chị ấy đang hẹn hò với một luật sư.”

“Làm sao cậu lại biết? Chị ấy nói với cậu à?”

“À, không. Tớ nhìn thấy ở nhà hàng hôm tớ đi cùng chồng. Chồng tớ biết tay kia. Họ là luật sư đối đầu nhau trong một vụ án.”

“Cậu nhìn thấy họ ở một nhà hàng à?” Amber hỏi. “Trông anh ta thế nào?”

“Có vẻ đậm người, nếu tớ nhớ không nhầm. Nhưng không béo. Sexy, tớ nghĩ thế. Tớ nghĩ là trông họ rất đẹp đôi.”

“Vậy chuyện gì đã xảy ra? Họ vẫn cùng nhau chứ?”

“À, chuyện đó thì tớ không biết,” Genevieve nói. “Tớ chỉ nhìn thấy họ có một lần ở một nhà hàng thôi mà.”

Im lặng bao trùm. Dường như có một điều rõ ràng là tất cả chúng tôi đều đang tự hỏi Lynn Mason làm gì vào buổi tối khi chị về nhà. Chị có xem ti

vi không, hay chị nghĩ rằng ti vi là trò phí thời gian? Chị có những sở thích gì? Hay là chị đã hy sinh việc có sở thích cho tham vọng nghề nghiệp? Chị có tập thể dục không? Chế độ ăn uống của chị có tệ lắm không? Gia đình chị có tiền sử bị ung thư không? Người thân của chị là ai? Bạn của chị là ai? Chuyện gì đã xảy ra giữa chị và tay luật sư? Và chị cảm thấy như thế nào khi đã ngoại tứ tuần rồi mà vẫn chưa kết hôn?

“Tôi qua tôi muốn gọi cho chị ấy và đề nghị đưa chị ấy đến bệnh viện,” Amber nói. “Mọi người có hình dung được không? Có khi chị ấy lại bảo, ‘Amber, làm ơn đừng có gọi về nhà tôi lúc mười một giờ đêm.’ Cạch.”

“Ôi, tôi không biết nữa,” Genevieve nói. “Biết đâu chị ấy lại thấy cảm động thì sao. Nhớ sinh nhật chị ấy không?” Chúng tôi đã làm một đoạn phim cho chị nhân dịp sinh nhật, tổng hợp lại những bày tỏ của tất cả mọi người về việc chị tuyệt vời như thế nào. “Chị ấy rất cảm động,” Genevieve nói. “Tôi không nghĩ chúng ta nhìn nhận chị ấy một cách thấu đáo trên tư cách một con người.”

“Khó đấy,” Benny nói. “Chị ấy thật đáng sợ.”

“Tôi không thể hình dung nổi chị ấy mà hẹn hò thì sẽ như thế nào,” Larry nói.

Lại một khoảng lặng kéo dài, cho đến khi Genevieve hỏi, “Mọi người có thực sự nghĩ rằng chị ấy cần được chở đến bệnh viện không?”

Chúng tôi giải tán, trèo xuống tầng năm mươi chín và lên tầng sáu mươi ba, hoặc các tầng ở giữa. Nếu có gì đó đang phát trên đài thì chúng tôi cũng vắn tiếng cho thật nhỏ. Thời tiết bên ngoài, nhìn từ cửa sổ chỗ chúng tôi, có



về u ám nhưng không lạnh. Cuối cùng thì cũng đến mùa xuân. Chúng tôi bắt tay vào làm các quảng cáo gây quỹ. Chúng tôi mở một tài liệu Quark mới, hoặc lôi bút chì của mình ra. Chốc chốc lại có một cây bút chì được gọt đẹp để gầy trên trang giấy vì ấn mạnh và chúng tôi lại phải đi tìm chiếc gọt bút chì chạy điện duy nhất. Thật bực mình. Quay về ghế của mình chúng tôi gõ gõ đầu tấy giữa hai hàm răng. Nếu một cái cặp giấy lẻ loi nào đó tình cờ nằm lẫn lóc bên cạnh thì thế nào chúng tôi cũng uốn nó biến dạng. Một số người trong chúng tôi biết làm thế nào để biến một cái kẹp giấy biến dạng thành một viên đạn có thể phóng lên tận trần nhà. Nếu sự chú ý của chúng tôi được hướng lên trần, chúng tôi thường đếm lại những tấm lợp phòng mình. Khi quay trở lại màn hình máy tính, chúng tôi xóa sạch bất kỳ bước khởi đầu chuệch choạc nào mà chúng tôi tìm được, cảm thấy hổ thẹn vì chúng. Chúng tôi có cảm giác rằng những ý tưởng tồi tệ của chúng tôi có lẽ còn tồi tệ hơn những ý tưởng tồi tệ của những người khác. Đến lúc đó thì những kẻ làm việc trên những tập giấy ký họa đã tham gia vào cái trò tiêu khiển tuyệt vời nhưng không được thừa nhận của đời sống văn phòng Mỹ, ném những cục giấy vò nát. Trò này, hơn bất kỳ trò nào khác, chính là hàm ý của thuật ngữ “giờ được trả lương”. Bao giờ cũng thật bực mình khi một bên mí mắt bắt đầu giật giật. Chúng tôi thực hiện một số thao tác kéo-và-thả. Thứ còn thiếu là một bảng màu hấp dẫn, nên chúng tôi lại nằm ngả người ra sau ghế và ngẫm nghĩ một lúc. Loại màu Pantone nào sẽ là hoàn hảo cho một buổi gây quỹ. Không ai từng công khai thú nhận, nhưng có những ngày tụt hứng khủng khiếp. Điện thoại đổ chuông. Nhưng chẳng có gì. Chúng tôi kiểm tra email. Chúng tôi nhấp chuột quay trở lại Quark và thiết lập những hướng dẫn snap-to mới. Thỉnh thoảng máy tính lại treo cứng và chúng tôi phải gọi xuống cho bộ phận IT. Hoặc chúng tôi cần gì đó từ phòng kho. Gần đây đồ trong phòng kho dường như chỉ còn một nửa so với trước kia, và những chiếc giá trống hoác tang thương gợi nhớ đến những chương trình truyền hình chiếu tư liệu về hạn hán và mùa màng thất bát trong lịch sử của một dân tộc bị ruồng bỏ. Nhưng thường thì chúng tôi cũng chẳng cần gì ở phòng kho cả. Chúng tôi lôi những túi đồ ăn vặt của mình ra khỏi ngăn kéo bàn, hoặc chúng tôi gặm móng tay. Bất thành

lình một tia chớp sáng lòa của cái hiển nhiên vụt lóe lên, và một tràng những âm thanh gõ bàn phím vang vọng ra ngoài hành lang. Chúng tôi tự nhủ, “Một ý tưởng không đến nỗi nào.” Đó là tất cả những gì chúng tôi cần, một sự rọi sáng nhỏ nhoi. Chỉ một loáng là hình hài thô nhám nhất, thông điệp trần trụi nhất, bắt đầu dần thành hình một cách mạch lạc. Một điều không tránh khỏi là khi đạt đến điểm đó, chúng tôi ngừng lại để vào nhà vệ sinh.

Thành thực mà nói, thì liệu một mình cái buổi gây quỹ này, một trong cả nghìn buổi như vậy, cho dù nó có quyên được bao nhiêu tiền tài trợ đi nữa, có mấy may cơ hội nào đưa chúng ta đến gần hơn việc tìm ra thuốc chữa ung thư vú không? Ai mà biết, có thể nó sẽ làm được. Không ai trong chúng tôi hiểu những tiến bộ trong y học là như thế nào. Biết đâu họ chỉ cần đúng một đô la nữa và sự khẩn nài của chúng tôi sẽ giúp họ tha hồ mà rùng rình.

Chúng tôi cũng xem công việc của mình ngày hôm đó như một ân huệ riêng dành cho Lynn, mặc dù chúng tôi không khỏi nghĩ rằng, bằng cách quyết định không nói cho chúng tôi biết chị bị ung thư, chị đã lừa tước đi của chúng tôi một trong những ảo tưởng to đùng - cụ thể là, chúng tôi có mặt ở đây không chỉ là vì tiền, mà còn là vì cũng biết quan tâm đến tình cảnh của những người xung quanh.

Có lẽ đây là lý do tại sao chị không kể với chúng tôi:

Không lâu sau khi quá trình giảm biên chế bắt đầu, mọi thứ tự nhiên theo nhau biến mất khỏi chỗ làm việc của chúng tôi. Cái vòng tay của Marcia Dwyer, chuỗi hạt Mardi Gras của Jim Jackers. Thoạt đầu chúng tôi tưởng chúng tôi để lẫn những thứ này ở đâu đó. Chúng tôi đã cho mượn chúng,

hoặc có thể chúng bị rơi sau giá sách. Don Blattner treo những khung ảnh chụp từ các bộ phim quanh tường phòng của anh ta, đặc biệt nhấn mạnh vào những cảnh từ phim *The Lost Boys* và *From Here to Eternity*. Larry Novotny có một bộ sưu tập những lá cờ đuôi nheo World Series có từ năm 1984. Ai mà biết tại sao chúng tôi lại cảm thấy cần phải trưng bày những thứ đó trong phòng làm việc của mình? Đối với vài người điều đó giúp nói lên rằng, Xin chào, đây là tôi. Những người khác đơn giản là thích có những thứ vớ vẩn vô giá trị của mình ở nơi mà họ dành phần lớn thời gian. Khi những thứ vớ vẩn vô giá trị đó bắt đầu biến mất, chúng tôi trở nên tức giận.

Chúng tôi không bao giờ nghỉ cho đội lao công. Những linh hồn lạng lẽ đó khó có thể liêu đồ địa vị pháp lý của họ lấy một cái chặn giấy hoặc một vài thứ đồ chơi lên dây cót bằng nhựa. Đúng là kỳ diệu - không bao giờ có một chiếc CD Walkman, không bao giờ một chiếc ví nào bị bỏ quên trên bàn làm việc qua đêm cả. Thay vào đó, quả địa cầu tuyết Hawaii của Karen. Cái bảng tên mạ vàng của Chris Yop. Những tấm ảnh lồng khung rẻ tiền chụp các bậc cha mẹ béo phì của chúng tôi đi nghỉ. Những món đồ vô tích sự cả về mặt vật chất cũng như tinh thần đối với tất cả mọi người, trừ chúng tôi.

Ông bạn Roland của Benny ở bộ phận bảo vệ thỉnh thoảng làm ca đêm. Một buổi sáng thứ Sáu trong thời gian đó, Benny hỏi bác ta, “VẬY bác tìm thấy gì trong đó?”

“À, tôi kiểm tra rồi,” Roland nói. “Đầu tiên là các tủ tài liệu. Bên trong chẳng có gì sất. Tôi thậm chí còn kiểm tra cả các cặp tài liệu ấy chứ. Sau đó tôi kiểm tra qua các giá sách, nhưng trên giá của anh ta cũng đâu có nhiều sách cho lắm.”

Bác ta đang nói về giá sách của Joe Pope. Một số người đã thuyết phục Benny nói chuyện với Roland, dù chỉ để xem chuyện sẽ như thế nào, và Roland đã làm theo lời Benny một cách rất nghiêm túc.

“Và tôi xem qua cả các ngăn kéo của anh ta nữa,” Roland tiếp tục. “Trong đó cũng chẳng có gì, trừ cái chân thỏ may mắn này.”

“Một cái chân thỏ à?” Benny nói. “Để tôi xem nào.”

Roland chìa ra một cái móc đeo chìa khóa gắn với một chiếc chân thỏ. Trước khi hết ngày Benny đã kịp khoe nó ra với tất cả mọi người và tất cả chúng tôi đều nói không, không có thứ gì trong đồng hồ vớ vẩn vô giá trị của chúng tôi lại dính dáng đến một cái móc chìa khóa gắn chân thỏ cả.

“Chắc là thuộc về người ở phòng đó hồi trước,” Roland kết luận khi Benny trả lại nó cho bác ta.

Sau đó, một người mà mãi về sau vẫn sẽ giấu tên vào phòng của Benny; gã bảo gã có một tin muốn Benny đi phao lên. Benny cười rử rượi về chuyện đó. Nhưng gã kia nói, “Nhưng khoan đã nào, Benny - bọn tớ không đùa đâu. Bọn tớ nghiêm túc đấy.” Và Benny, vẫn cười khùng khục, nói, “Ừ, buồn cười thật, thông minh thật.” Gã kia ngắt lời anh ta. Benny không chịu *nghe* gã. Benny không *lắng nghe* gã. “Bọn tớ hoàn toàn nghiêm túc mà,” gã kia nói. Giờ thì Benny có thể thấy là gã kia không hề đùa. “Cậu nghiêm túc à?” Benny nói. “Cậu có chịu nghe tớ không thì bảo, Benny?” gã kia nói. “Bọn tớ cực, cực, cực kỳ nghiêm túc.” “Ồ,” Benny nói. “Tớ cứ tưởng các cậu đang đùa.” “Không, bọn tớ không hề đùa,” gã kia nói. “Bọn tớ không đùa.” “ ‘Bọn tớ’ là những ai vậy?” Benny hỏi. “Benny,” gã kia nói, “đừng có đầu đất thế được không. Cậu nói thế nào đây, cậu có tham gia không?” “Các cậu đang nói đến chuyện cố tình cài bẫy anh ta,” Benny nói. “Như một trò đùa thôi mà!” gã kia thốt lên. “Chỉ là một trò chơi khăm ngu ngốc

thôi mà!” “Tớ thấy không ổn lắm,” Benny nói. “Tại sao lại không?” “Tớ không biết,” anh ta nói. “Chỉ là đó không phải chuyện tớ nghĩ tớ muốn làm.” Gã kia chỉ còn biết vỗ tay lên đầu gối và đứng lên. “Được rồi,” gã nói. “Tùy cậu thôi.”

Sau khi gã kia đi, Benny gọi xuống bộ phận bảo vệ. “Tôi có thể làm gì cho cậu đây, Benjamin?” Roland hỏi. “Nghe này,” Benny nói. “Tôi nghĩ bác nên ngừng mấy vụ kiểm tra văn phòng của Joe đi. Đến giờ bác đã vào đó bao nhiêu lần rồi?” Roland bảo với anh ta rằng lần nào trực ca đêm bác ta cũng ghé vào đó, tức là các tối thứ Năm. “Và bác đã tìm được thứ gì chưa?” “Không có gì,” Roland nói, “trừ có cái chân thỏ may mắn đó.” “Nghe này,” Benny nói, “hôm trước chúng tôi chỉ đùa thôi, khi nói anh ta có thể là kẻ đó vì anh ta thực sự là người duy nhất ở lại đây đến chín mười giờ tối. Anh ta làm chúng tôi cảm thấy như thể chúng tôi không làm việc đủ chăm chỉ bởi vì chúng tôi không ở đây lâu bằng một nửa anh ta. Nhưng đó chỉ là nói đùa thôi, Roland. Anh ta không phải thủ phạm của bác đâu. Anh ta đâu có muốn mấy cái đồ lặt vặt của chúng tôi.” “Vậy nếu không phải là anh ta,” Roland nói, “thì là ai đây?” “Này, Roland, bác là bảo vệ ở đây cơ mà. Bác phải nói cho tôi biết mới đúng chứ.” “Nhưng tôi tưởng các cậu bảo các cậu biết đó là ai mà.” “Thì là nói đùa thôi!” Benny thốt lên. “Nói đùa! Đó không phải là anh ta!” “Hừm, thế thì tôi sẽ không vào đó nữa, nếu các cậu bảo tôi rằng tôi nên tìm kiếm ở chỗ khác.” “Tôi đang nói với bác,” Benny nói. “Bác sẽ không tìm thấy bất kỳ thứ gì nếu bác vào trong đó.”

Một hai ngày sau cuộc nói chuyện này, Joe Pope đi tìm một người phụ nữ tên là Paulette Singletary. Paulette là một người phụ nữ da đen xởi lởi khoảng bốn mươi tuổi gì đó với mái tóc rẽ ngôi ở giữa trông gần như y hệt một cái mái nhà lợp tranh. Chị ta chào hỏi tất cả mọi người. Kể ra thì chào hỏi mọi người cũng có thể không phải là chuyện gì to tát lắm, nhưng ở một văn phòng lớn như của chúng tôi, ngày nào chúng tôi cũng nhìn thấy những gương mặt mà chúng tôi còn biết rõ hơn cả mặt mẹ mình, ấy vậy mà chúng

tôi không bao giờ được giới thiệu với họ. Có thể chúng tôi ngồi cùng nhau trong một cuộc họp hoặc nhìn thấy họ tại một buổi liên hoan toàn công ty, nhưng bởi vì chúng tôi chưa bao giờ được giới thiệu, chúng tôi lảng ánh mắt của mình mỗi khi đi ngang qua họ ngoài hành lang. Paulette Singletary là người duy nhất trong chúng tôi dừng người khác lại và nói, “Tôi không nghĩ là tôi và anh từng gặp nhau. Tôi tên là Paulette.” Có thể đó là kiểu của dân miền Nam. Paulette quê ở Georgia và vẫn giữ chút giọng pha mà bạn có thể loáng thoáng nhận ra. Với lời chào dành cho tất cả mọi người, một nụ cười ấm áp và một tiếng cười thoải mái, Paulette được tất cả mọi người yêu quý. Thật là một thách thức khi phải tìm ra một người được đồng lòng ủng hộ như vậy, trừ phi đó là Benny Shassburger, và ngay cả Benny cũng có những kẻ dè bủ.

Joe đi tìm Paulette, nhưng khi không tìm thấy chị ta ở chỗ ngồi, anh ta tự tiện đặt vào chỗ cũ một cục thủy tinh mờ nhỏ cầm trong tay - một thiên thần màu xanh và nâu đỏ - thứ mà anh ta biết thuộc về ô làm việc của Paulette, bởi vì anh ta đã nhìn thấy nó ở đó suốt nhiều tuần nhiều tháng liền. Ngay khi nhìn thấy cục thủy tinh bất ngờ lấp lánh ở góc phòng mình, Joe đã biết nó thuộc về đâu.

Ngày hôm sau, một trong những chiếc laptop cấu hình cao mới mua bỗng mất tích.

“Tất cả các người đang âm mưu gì đó,” Genevieve Latko-Devine vừa nói, vừa lia ngón tay qua một số đồng chúng tôi, “và tôi nghĩ các người nên thôi ngay đi.”

Chuyện này có lẽ xảy ra một hay hai ngày sau khi chiếc máy tính bị ăn trộm. Khó mà nhớ được câu nói của cô ta - thực sự là một lời buộc tội, một lời buộc tội thô thiển và hầu như là bất công - là trước một cuộc họp, trong bữa trưa, hay ở quầy cà phê, hoặc có thể là một phút không đâu nào đó đấy

người chúng tôi tụ tập quanh chỗ ngồi nào đó trước khi quay về bàn làm việc của mình. Joe đã kể với cô ta là anh ta bối rối như thế nào khi tìm thấy cục thủy tinh mờ của Paulette Singletary trong phòng làm việc của mình. Lẽ ra anh ta đã không để ý nếu như cánh cửa phòng vẫn để ngỏ vào giờ đó của buổi chiều, nhưng anh ta đã đóng cửa lại để làm chút việc, và nó nằm kia, phản chiếu ánh mặt trời trong góc phòng.

Hầu hết trong chúng tôi thực sự không hiểu Genevieve đang nói chuyện gì. “Ồ? Chẳng lẽ cũng là thế này,” cô ta hỏi chúng tôi, “khi có người viết từ *Đĩ đực* lên tường phòng anh ta?”

“Chính Joe đã làm chuyện đó mà,” Karen Woo nói.

“Ồ, miễn cho tôi đi, Karen. Điều đó thật lố bịch và cô biết thế mà.”

“Tôi không nghĩ là nó lại lố bịch đến thế,” Tom nói.

“Đầu óc các người đúng là bệnh hoạn hết rồi,” Genevieve nói.

“Chúng mình đi,” Tom trả lời.

“Được rồi,” Genevieve nói. “Vậy nói sao về cái lần các người trang trí phòng anh ta bằng băng dính cảnh báo nguy hiểm sinh học?”

Trước đó trong năm, một vài người đã nhúng tay vào một cuộn băng dính nhựa cảnh báo nguy hiểm sinh học màu vàng và khoác một tấm áo mới cho phòng làm việc của Joe. Liệu anh ta có bao giờ đoán ra cái hàm ý bóng gió được tạo ra bởi cái băng dính đó không - rằng vì là một tên “đĩ đực”, anh ta là kẻ mang mầm một căn bệnh không được dễ chịu cho lắm - không ai biết cả. Trên thực tế anh ta không bao giờ đã động đến chuyện này. Anh ta chỉ gỡ băng dính ra khỏi ngưỡng cửa và ghế của mình, rồi, sau

khi dựng và khóa xe đạp lại, vẫn tiếp tục như thể chưa hề có chuyện gì xảy ra. Anh ta không tìm kiếm những cái tên hoặc chạy sang chỗ Lynn Mason. Anh ta chỉ vút đồng băng dính vào thùng rác của mình.

“Hay là,” Genevieve tiếp tục, “còn cái lần - và đây là một trong những vụ yêu thích của cá nhân tôi - các người khóa anh ta khỏi máy chủ?”

Bởi vì tất cả các công việc của chúng tôi đều được lưu trên một máy chủ trung tâm, nếu như có một người đang mở một file trên máy tính của anh ta hoặc cô ta, không một ai khác có thể mở file đó ra nữa. Đây là vấn đề quy định bất di bất dịch - chỉ một người được làm việc trên một file cụ thể tại một thời điểm cụ thể. Bằng cách đó chúng tôi loại bỏ được sự chồng chéo và những thứ đại loại. Tin tức lan đi là Joe đang đến deadline của một dự án và cần truy cập vào một tài liệu cụ thể. Tất cả những gì cần làm để khóa anh ta khỏi tài liệu đó là một người mở nó ra. Khi Joe phát hiện ra rằng anh ta đang bị cấm truy cập, anh ta gửi đi một bức email, và rồi một bức khác, và rồi một bức thứ ba, hỏi xem ai là người mở tài liệu đó thì làm ơn đóng nó lại, anh ta đang đến deadline phải hoàn thành. Không ai trả lời. Anh ta buộc phải đi lòng vòng nhìn vào màn hình của từng người. Khi cuối cùng anh ta tìm ra thì người chủ của máy tính đó xin lỗi anh ta, thoát khỏi file đó, rồi gọi cho một người khác ở một tầng khác với một máy tính ở rất xa người này sau đó sẽ mở file đó ra trước khi Joe kịp quay về bàn làm việc của mình, khiến cho anh ta lại bị khóa ở ngoài. Anh ta phải quay lại người đầu tiên, người này viện dẫn mình hoàn toàn vô tội, và nửa giờ sau thì anh ta tìm thấy người thứ hai, người này lại xin lỗi, thoát ra, và gọi cho một người mới, bắt đầu vòng tròn lại từ đầu. Theo lời họ, ý tưởng là, nếu như Joe Pope thích làm việc muộn, cứ việc cho anh ta làm việc muộn.

“Đầu óc bệnh hoạn,” Genevieve nói.



Trước hết, chúng tôi bảo cô ta, chúng tôi chẳng liên quan gì đến việc cục thủy tinh mờ của Paulette nằm ở phòng làm việc của Joe Pope cả. Còn toàn bộ cái vụ *ĐĨ ĐỰC* ấy à? Mike Boroshansky đã điều tra và đích thân loại trừ trách nhiệm cho tất cả mọi người chúng tôi, và trong đó bao gồm cả Tom Mota. Chẳng phải đúng là đáng sợ sao, chúng tôi hỏi Genevieve, khi nghĩ rằng chính Joe đã làm điều đó? Có thể anh ta đang tìm kiếm sự chú ý, hoặc có mặc cảm bị mọi người ngược đãi. Hơn nữa, chúng tôi tiếp tục thanh minh, chúng tôi không định bao biện cho hành vi của bất kỳ ai, nhưng Joe Pope đâu phải là người quảng giao nhất trên thế giới. Bù khú sau giờ làm với Joe Pope ấy à? Đừng hòng. Joe, anh muốn đi ăn tạm chút gì không? Quên chuyện đó đi.

“Lần cuối cùng,” Genevieve hỏi chúng tôi, trước khi lắc đầu và bỏ đi, “bất kỳ ai trong các người mời Joe đi ăn trưa là khi nào?”

Genevieve đưa ra lời buộc tội của cô ta cũng vào chính khoảng thời gian một buổi chiều Karen Woo ghé qua chỗ ngồi của Jim Jackers và đưa ra tuyên bố khét tiếng của cô ta.

“Tôi vừa mới quay về,” cô ta nói, “từ quán McDonald.”

Câu đó nghe như thể một lời tiết lộ, cái cách mà cô ta nói nó. Jim ngẩng lên khỏi bất kỳ thứ gì đang làm Jim bận tâm khi anh ta ngồi ở bàn làm việc của mình. “Ôi lạ Chúa tôi,” Karen vừa nói vừa tiến lại gần hơn, ngồi vào chiếc ghế nhựa bên cạnh bàn làm việc của anh ta, “tôi vừa mới quay lại...” cô ta dừng lại để tăng thêm sức nặng “... từ quán McDonald.”

“Ở McDonald có gì à?” Jim hỏi.

Theo lời thanh minh của Jim, không thể nào không dính vào Karen khi cô ta ghé qua chỗ ngồi của bạn. Giọng nói của cô ta là một lực tự nhiên, câu chuyện của cô ta là một màn liên tưởng đầy rẫy những cơn xoáy lốc xoắn tít chết chóc. Cô ta giống như Hitler thiếu mỗi chủ nghĩa bài Do Thái, hoặc MLK<sup>[22]</sup> thiếu lòng trắc ẩn và sự nghiệp cao cả. Trong khi đó Jim lại là một mục tiêu quá dễ dàng. Anh ta lúc nào cũng ngừng bất kỳ thứ gì anh ta đang làm và lắng nghe bất kỳ ai.

“Được rồi, tôi *không bao giờ* tới McDonald,” Karen nói. “Tôi không tới McDonald có lẽ từ hồi đại học đến giờ. Sáng nay tôi thức dậy và thấy thêm một chiếc Filet-O-Fish<sup>[23]</sup> kinh khủng.” “Kỳ quái nhỉ,” Jim nói. “Kỳ quái thật phải không?” Karen nói. “Chẳng hiểu sao lại thế. Mới có bảy giờ sáng mà tôi thấy thêm kinh khủng. Thế là, được rồi, tôi phải chờ đến bữa trưa. Tôi chờ được đến mười một rưỡi. Nhưng dù sao cũng mới có mười một rưỡi! Tôi không thể đến McDonald lúc mười một rưỡi mà gọi một suất Filet-O-Fish được. Thế thì thô thiển quá.” “Có thật nó được gọi là Filet-O-Fish không vậy?” Jim hỏi. “Cái gì, chẳng lẽ anh nghĩ nó là Fish-O-Filet chắc?” “Không, tôi tưởng nó là McFilet chứ,” Jim nói. “Không, không phải là McFilet đâu, Jim,” Karen nói. “Đúng là dở hơi. Cực kỳ dở hơi ấy chứ. Không phải là McFilet. Anh có nghe câu chuyện của tôi không thì bảo? Thế là tôi đợi thêm nửa tiếng đồng hồ nữa, sốt ruột *đến chết* mất, nhưng tôi vẫn đợi. Tôi đến đó. Họ lại hết Filet-O-Fish rồi mới khốn nạn. Tôi thì đứng ở quầy. Lúc đó tôi như kiểu *hừ...hừ...* và rồi tôi gần như ngã xuống chết ngất.” “Thế cô gọi món gì?” “Không, Jim, đó không phải điều tôi định nói. Tôi chẳng gọi gì cả. Tôi *ghét* McDonald. Tôi không bao giờ gọi bất kỳ sản phẩm bơ sữa nào của McDonald, tằm bỏ xừ. Tôi *muốn* một suất Filet-O-Fish cơ.” “Thế cuối cùng cô đi đâu?” Karen trợn mắt lên và hất đầu ra sau thể hiện sự tức giận không để đâu cho hết. “Jim,” cô ta nói, “anh không hiểu à. Đó không phải là những gì tôi định kể. Anh có chịu nghe câu chuyện của tôi không vậy hả? Lúc đó tôi buồn đi vệ sinh kinh khủng,” cô ta nói tiếp, “thế là tôi đi qua khu vực ăn để ra phía sau, và anh đã từng tới

McDonald rồi, đúng không? Anh biết là khu vệ sinh nằm ở phía bên tay trái, và phía bên phải là khu vui chơi. Anh hiểu ý tôi nói khu vui chơi là thế nào, đúng không? Với những nhân vật hóa trang kiểu món McFry, với đu quay hình bánh thật bằm pho mát và đủ các thứ ấy?” “Khu Playstation,” Jim nói. “Playstation, thế nào cũng được,” Karen nói. “Không, Playstation là trò chơi điện tử,” Jim nói. “PlayPlace!” “Playstation, PlayPlace - thế nào cũng được, Jim. Anh biết là tôi đang nói đến cái gì, đúng không?” Jim gật đầu. “Được rồi, ở khu PlayPlace, họ có một trong những khu quây bằng lưới mà bên trong toàn là bóng nhựa ấy. Anh biết tôi đang nói về cái gì không?” “Chắc chắn rồi,” Jim nói. “Bể bóng nhựa.” “Anh biết à?” Karen hỏi. “Tôi biết chứ,” Jim nói. “VẬY là tôi vào nhà vệ sinh, tôi đi ra, tôi tình cờ nhìn qua cửa sang khu PlayPlace - có một cảnh lọt vào mắt tôi. Tôi dừng lại. Tôi chăm chú nhìn. Hóa ra là Janine Gorjanc.” “Ý cô là sao, Janine Gorjanc là thế nào?” Jim nói. “Thì bên trong bể bóng nhựa,” Karen nói. “Cô nói *bên trong* là sao cơ?” “Chị ấy ở *bên trong* với những quả bóng chứ còn sao,” Karen nói. “Ngồi đúng bên trong luôn. Bóng ngập lên tận đây.” “Cô đang nói gì vậy,” Jim nói, “chị ấy ngồi bên trong bể bóng nhựa à?” “*Bên trong* mà,” Karen nói, “đúng, với những quả bóng ngập tận đây.” “Chị ấy đang làm gì trong đó vậy?” “Thì ngồi.” “Đúng rồi, nhưng tại sao ấy chứ?” “Anh đang hỏi tôi ấy à?” Karen nói. “Làm sao mà tôi biết được?” “Cô có chắc đó là chị ấy không?” “Đúng là Janine Gorjanc mà,” Karen nói. “Chị ấy ngồi ngay bên trong bể bóng nhựa.”

Ngày hôm sau Karen thuyết phục Jim đi theo cô ta tới quán McDonald. Họ gọi bữa trưa - cuối cùng Karen cũng gọi được món sandwich cá của cô ta - và rồi ngồi xuống ở một ngăn trông ra phía trước. Trước khi kịp cắn một miếng, Karen nói, “Quay lại ngay đây.” Khi quay lại, cô ta bảo, “Đi mà xem.”

“Chị ấy có ở trong đó không?”

“Đi mà xem,” Karen nói.

Khi Jim vào đến khu vệ sinh, anh ta nhòm qua cửa ra khu PlayPlace nhưng không nhìn thấy gì. Bồn chồn, anh ta vội chạy vào trong nhà vệ sinh nam. Tuy nhiên, khi quay ra, anh ta nhận thấy mình có cơ man nào là thời gian. Anh ta nhòm qua cửa và rồi qua những lớp lưới thưa màu đen ra khoảng tối nơi bình thường người ta chỉ tìm thấy những đứa trẻ lạch bạch đi loanh quanh, ném quả bóng này vào quả bóng kia, và nắm lấy những mảnh lưới để giữ thăng bằng khi chúng lần theo bề mặt luôn chuyển động của hàng trăm quả bóng. Nhưng tất cả những hoạt động phóng túng đó đã bị thay thế bởi sự hiện diện lặng lẽ, tang tóc của Janine, vẫn là sự hiện diện nặng nề và cảm lạnh mà chị mang theo mình đến khắp nơi quanh văn phòng. Jim cảm thấy nó rõ mồn một kể cả qua làn cửa kính. Không một quả bóng nào nhúc nhích. Không một đứa trẻ hạnh phúc nào tung tăng quanh đó. Chị không bị nhấn chìm, như Karen đã tả cho anh ta ngày hôm trước. Chân chị, đến đầu gối, chỉ hơi chìm mất dưới những quả bóng. Trông như thể chị đang ngồi nghỉ ngơi bên bờ bể, mà quả đúng thế thật, nói theo cách nào đó, mặc dù dáng ngồi sụp xuống bất động của chị chẳng hề tiết lộ chút gì là niềm vui sướng và thư thái cụm từ đó gọi lên. Khuỷu tay chị chống trên hai đầu gối trong khi mái đầu ủ rũ của chị cùng hai bờ vai tròn gục một cách khổ não vào đồng bóng tập trung xung quanh, còn vẻ mặt u tối của chị khiến ta có cảm giác như chị đang trào ra những giọt nước mắt màu đá quý. Jim đoán chị đã tháo bỏ giày trước khi vào trong vì có một đôi giày nữ màu đen nhỏ nhắn nằm ngay phía trước cái cầu thang dành cho trẻ con dẫn lên bể.

Jim quay lại ngăn và thả người xuống ghế của mình.

“Tôi nhìn thấy chị ấy rồi,” anh ta nói.

Karen nói, “Đó không phải là điều kỳ quặc nhất anh từng nhìn thấy đấy chứ?”

“Tôi không biết,” anh ta nói, và chậm rãi gật đầu. “Tôi vẫn đang cố mà tin chuyện đó đây.”

Ngày hôm sau Karen và Jim thuyết phục Benny Shassburger đi đến McDonald cùng với họ. Họ không nói với anh ta là tại sao, họ chỉ nói là ở đó có một thứ mà anh ta sẽ muốn xem. Tất cả đều gọi bữa trưa. “Vậy tại sao tôi lại ở đây?” Benny hỏi khi họ ngồi xuống. “Vì Janine Gorjanc...” Jim bắt đầu, nhưng bị Karen ngắt lời ngay lập tức. “Đừng nói với cậu ta!” cô ta quát lên, phát vào tay anh ta. “Nó sẽ không có tác động như thế nếu cậu ta nghe kể trước khi nhìn thấy.” “Tôi sẽ nhìn thấy gì?” Benny nói. “Được rồi,” Karen nói, “Tôi muốn cậu vào nhà vệ sinh, và trên đường vào đó, tôi muốn cậu nhìn qua cửa sang khu vui chơi. Cậu biết khu vui chơi là gì rồi, đúng không? Đừng có nhìn chằm chằm, đừng mở cửa. Chỉ nhòm qua thôi. Hiểu chưa?” Benny quay lại và nói. “Chuyện quái quỷ gì vậy?” “Là Janine Gorjanc mà,” Karen nói. “Ừ, tôi biết rồi,” Benny nói. “Nhưng chị ấy làm gì trong đó vậy?” Jim và Karen nhún vai không nói gì. “Tôi phải nhìn lại mới được,” Benny nói, và đứng lên khỏi ghế.

Anh ta nấn ná ở nhà vệ sinh nam. Janine ngồi gục đầu trên những quả bóng màu với hai chân bị lấp kín. Chị cầm một quả bóng và đang chậm rãi tung đi tung lại nó giữa hai tay. Chị thả nó xuống và nhặt một quả khác lên. Sau đó chị vốc lên liền mấy quả cùng một lúc và rải chúng lên lòng, và mấy quả bóng vẫn nằm nguyên ở đó khi chị luồn tay dưới đùi tự ôm lấy mình.

Benny quay lại ghế. “Như thế chị ấy là đứa trẻ lên năm vậy,” anh ta nói.

“Đó không phải là điều kỳ quặc nhất cậu từng thấy đấy chứ?” Karen hỏi.

Đến ngày thứ ba họ đưa Marcia Dwyer đi cùng. Họ lặp lại quy trình đó với Marcia và khi Marcia quay trở về từ nhà vệ sinh cô ta bảo, “Ừ, đúng là hơi lạ lùng thật.” “*Hơi lạ lùng ấy à?*” Karen nói. “Ít nhất cũng phải hơi hơi lạ lùng một chút chứ, Marcia.” “Lũ ngu ngốc các người,” Marcia vừa nói vừa nhìn quanh bè lũ mọi rợ mà số phận ngẫu nhiên đã buộc cô ta vào cùng. “Chị ấy đang *than khóc*.” “Than khóc?” Jim nói. “Ừ, than khóc,” Marcia nói. “Tiếc thương. Đã bao giờ nghe thấy chưa hả?” “Chị ấy đang làm vậy sao?” Jim hỏi. “Chị ấy đang than khóc?” “*Tất nhiên* là chị ấy đang than khóc rồi,” Karen nói. “Nhưng ai mà lại đi than khóc kiểu đó?” Marcia trả lời một cách am hiểu rằng mỗi người khác nhau thì than khóc theo kiểu khác nhau. “Một số người thậm chí còn không khóc,” cô ta nói. “Một số người thì khóc mãi không thôi. Tất cả cũng tùy.” “Ừ, nhưng có vẻ cô không hiểu rồi, Marcia,” Karen nói. “Chị ấy đang ngồi trong một bể bóng nhựa ở ngay giữa một quán McDonald. Điều đó đúng thật là kỳ quái.”

Jim xin kiếu vào ngày hôm sau, và cả Benny cũng vậy, nhưng Karen vẫn thuyết phục được Amber Ludwig đến ăn ở McDonald cùng với cô ta, và với Amber thì còn có cả Larry Novotny nữa. Khi Amber quay lại ngăn của mình mắt cô ta ngấn lệ. Ngày hôm sau nữa, Dan Wisdom đi cùng Karen tới quán McDonald. Sau đó thì cuối tuần qua đi, và đến thứ Hai là Chris Yop. Sang thứ Ba, Reiser tập tễnh đến đó. Không ai thực sự muốn đi cả. Xét cho cùng thì đó là một quán McDonald, và ăn trưa với Karen thì bao giờ cũng điếc cả tai. Nhưng cô ta rất dai dẳng, mọi người chỉ đi cùng cô ta cho xong nợ. Janine vẫn ở đó, ngồi giữa bể bóng nhựa, và mọi người biết tại sao họ lại đến đây.

Dần dần suốt cả mấy tuần sau đó, về cơ bản là tất cả mọi người đều đến quán McDonald. Nếu Karen không đi được, họ đi mà không có cô ta. Nói thể có nghĩa là, *chúng tôi* đi mà không có cô ta. Bạn biết đấy, mọi người đều nói về chuyện đó. Đó đâu phải là chuyện mà bạn có thể bỏ qua cho được. Kiểu gì bạn cũng phải đi. Đầu tiên bạn nghe nói về chuyện đó, sau đó

bạn phải tận mắt chứng kiến mới xong. Bạn đứng trước cửa nhà vệ sinh như thể bạn hoàn toàn có ý định bước vào bên trong, nhưng thay vào đó bạn nhòm qua cánh cửa, qua tấm lưới, và theo dõi dáng người cúi gằm không lẫn vào đâu được của Janine Gorjanc - có lúc nhìn trân trân vào còi vô định, lúc khác thì lại tập trung vào những quả bóng theo cách nào đó, cầm hoặc tung hay lướt tay qua bề mặt lượn sóng của chúng. Bạn đi để khi quay về văn phòng, cả bạn cũng có thể khẳng định rằng bạn đã nhìn thấy cảnh đó - Janine Gorjanc ngồi trong bể bóng nhựa - và đó thật là một cảnh tượng lạ lùng.

Joe Pope đi lên thang máy với chiếc xe đạp của anh ta và dắt nó dọc hành lang về phòng làm việc của mình, nơi anh ta tìm thấy Mike Boroshansky, mặc áo vest màu xanh hải quân, đứng dựa hông vào chiếc tủ kệ phía sau, và ông bạn Roland của Benny đứng dựa lưng vào tường, chờ anh ta đến. Chiếc laptop, vốn đã mất tích tuần trước đó, nằm trên mặt bàn ngăn nắp của Joe, cùng những món đồ văn phòng lật vạt đã chứng tỏ là chúng đủ mỏng để nhét giữa bức tường phòng anh ta và giá sách: những tấm biển số xe màu xanh của bang Vermont, một khung ảnh chụp Burt Lancaster và Frank Sinatra mặc quân phục hải quân tụ tập với những người khác tại một quán bar. Mọi người đi qua nhận ra những món đồ này vì họ đã quen nhìn thấy chúng ở những phòng làm việc khác.

“Tại sao anh không đóng cửa lại, Joe?” Mike Boroshansky gợi ý. “Lynn sẽ tới đây bất kỳ lúc nào.”

Toàn bộ vấn đề được làm rõ trong nửa tiếng đồng hồ sau đó. Không lâu sau khi Lynn bước vào, người ta nhìn thấy Genevieve Latko-Devine gõ cửa phòng Joe. Kể tình nghi mọi khi được dẫn vào - đó là mấy tháng trước khi Tom bị sa thải, nhưng vốn dĩ già lúc nào chẳng ở trong tình trạng phấp

phòng bấp bênh. Chúng tôi có thể nghe thấy những câu phản đối lúng búng của gã qua vách tường mỏng như tờ giấy. Chúng bị ngắt bởi Benny Shassburger. Benny vênh vang khẳng định rằng anh ta vào đó hoàn toàn là tự theo ý mình. Anh ta không việc gì phải vào đó cả; lẽ ra anh ta có thể đứng ngoài chuyện này. Roland không bao giờ nói chính anh ta là người đầu tiên gợi ý rằng phòng làm việc của Joe Pope có thể là một nơi đáng quan tâm. Lynn Mason muốn biết ai là người chịu trách nhiệm. “Hãy cho tôi một cái tên, Benny,” chị nói. Benny lảng tránh đề nghị của chị. “Không phải là một cá nhân nào cả, tôi không nghĩ thế,” anh ta nói. “Kiểu như tinh thần thời đại thì đúng hơn.” “ ‘Tinh thần thời đại’? Thế là thế nào, ‘tinh thần thời đại’ là thế nào, Benny?” “Chị biết đấy,” anh ta nói. “Không, tôi không biết,” Lynn phản bác. “Với tất cả sự tôn trọng, Benny, tôi nghĩ các chuyên viên kỹ thuật nên tránh sử dụng những từ hoa mỹ. Nếu anh có thể cho tôi một cái tên của người chịu trách nhiệm về chuyện này, tôi muốn anh nói ra.” “Tôi không có cái tên nào cho chị cả,” anh ta nói. “Chỉ là chuyện đồn qua đồn lại, rất nhiều người đều nói về chuyện đó. Đó là một trò đùa thôi, tôi cứ tưởng thế.” “Nghe có vẻ như anh có cả một rổ tên cho tôi thì phải,” Lynn trả lời. “Vâng, nhưng không có cái tên nào cụ thể cả,” Benny nói. “Thực lòng... tôi không biết đó là ý tưởng của ai, và tôi không biết ai làm chuyện này. Nhưng tôi có thể nói với mọi người rằng đó không phải là Tom.” “Tôi thề có Chúa là tôi không dính dáng gì trong vụ này,” Tom nói. Lynn không thèm đếm xỉa gì đến gã. “Lần sau,” Lynn nói, “mà anh còn nghe phong thanh thấy cái trò ‘tinh thần thời đại’ đó ở đây, Benny? Người đầu tiên tôi muốn anh đến nói chuyện là tôi. Nếu không, tôi sẽ tự mình nghĩ ra một cái tên, và tôi không nghĩ anh sẽ thích cái tên mà tôi nghĩ ra đâu. Hiểu chứ?” “Tôi hiểu rồi,” anh ta nói. Lúc đang đi ra, anh ta nghe thấy chị nói, “Lạy Chúa, lũ người này làm những trò vớ vẩn điên rồ hết sức.”

“Dù sao cũng tốt là tìm lại được chiếc laptop của các vị,” Mike Boroshansky nói.



“Joe,” chị nói. “Tôi xin lỗi về chuyện này.”

Joe vẫy tay như không có gì. “Chị định làm gì bây giờ?” anh ta hỏi.

“Hay là sa thải quách từng đứa chết tiệt bọn họ là xong,” chị nói.

Đến trưa ngày hôm đó, Benny nói với Roland, “Ông bạn ơi, tôi đã bảo với bác là đừng có vào đó nữa làm gì, đúng không? Chẳng phải tôi đã bảo anh ta không phải người mà bác cần tìm?” “Đúng là anh bảo rồi,” Roland nói. “Vậy thì tại sao bác lại phải vào trong đó?” “Trực ca đêm buồn chán lắm, Benny,” Roland nói như thanh minh. “Cậu đã bao giờ làm ca đêm chưa? Cậu làm bất kỳ việc gì có thể để giết thời gian. Tôi không hy vọng sẽ tìm thấy thứ gì. Nhưng tất cả năm chèn ềnh ra kia! Tôi còn biết phải làm gì nữa nào?” “Vâng, nhưng nếu như bác đứng ra ngoài chỗ đó ngay từ đầu,” Benny nói, “đã không có chuyện gì xảy ra rồi, và tôi đã không phải gặp rắc rối với Lynn.” “Làm sao mà tôi biết họ đang cài bẫy anh ta chứ, Benny?”

Chúng tôi tôn trọng thực tế là Benny không hề nêu bất kỳ cái tên nào. Kể ra cũng tốt khi biết rằng nếu một người trong chúng tôi có làm điều gì đó ngu ngốc, có lẽ anh ta cũng giữ kín điều đó cho riêng mình.

Cuối buổi chiều hôm đó chúng tôi nhìn thấy Joe Pope đi về hướng quầy cà phê, điều đó có nghĩa là về hướng chúng tôi - có mấy người chúng tôi đang ngồi đó tận hưởng thời gian giải lao - và chúng tôi thấy tò mò: anh ta sẽ gọi gì nhỉ? Anh chàng Joe Pope bí hiểm sẽ dùng gì để tăng cường sinh lực? Nhưng sau đó thì anh ta bước qua chỗ gọi đồ và vẫn đi tiếp. Anh ta dừng lại ngay giữa câu chuyện của chúng tôi, làm nó phải ngừng phắt lại, và chúng tôi nghĩ bụng, ôi, chết tiệt - đến rồi đây. Anh ta đã đến ngưỡng hết chịu nổi. Tim chúng tôi bắt đầu đập thành thạch trong lồng ngực. Chúng tôi cuống cuống tự hỏi - chúng tôi nên bao biện đến mức nào nhỉ? Nên đối trá

đến mức nào? Tập quán của chúng tôi là đối trá một cách trơ tráo với Joe Pope, thường là trong những chuyện liên quan đến đây là lỗi của ai, hoặc cái kia trực trặc ở khâu nào, và rồi sau khi anh ta đã đi khỏi và những cảm biến đạo đức của chúng tôi dịch chuyển lại hướng chính Bắc, chúng tôi thường cảm thấy một thoáng hối hận về sự đối trá của mình. Tất nhiên chẳng bao lâu anh ta sẽ lại quay lại và, vốn được sinh ra trong tội lỗi, hay quên và hết thuốc chữa, chúng tôi lại lơ lửng lần nữa. Nhưng có thể lần này chúng tôi sẽ không lơ lửng nữa. Có lẽ thực ra chúng tôi nợ anh ta một lời xin lỗi. Xét cho cùng thì thằng cha này đã bị đè nén quá mức - anh ta có đủ mọi lý do để ức chế. Và khi anh ta bắt đầu nói, bằng một giọng khê khàng rành rọt, nhìn thẳng vào mắt mỗi chúng tôi, lần lượt theo thứ tự, và trong khoảng thời gian dài như nhau - “Tôi đã cố gắng hết sức,” anh ta bắt đầu, “không để một số chuyện nhất định dây dưa đến mình, và để đối xử với mỗi người các bạn trên cơ sở cá nhân, một cách công bằng nhất có thể” - chúng tôi không thể tranh cãi với những gì anh ta nói và nghĩ bụng có lẽ anh ta thực sự xứng đáng với một lời xin lỗi, mặc dù hoàn toàn chẳng có gì chắc chắn là anh ta sẽ nhận được một lời như vậy. Chúng tôi đã bị Lynn nhiếc móc và bị Genevieve làm cho cảm thấy mình thật nhỏ nhen, cô ta bảo, như cô ta từng bảo mấy dịp khác, rằng cô ta vĩnh viễn không dính vào với chúng tôi nữa. “Tuy nhiên, sự công bằng của tôi đã đi đến giới hạn,” Joe tiếp tục, “khi các người biến Janine Gorjanc thành một trong những trò chơi của mình.”

“Janine Gorjanc?” Hank Neary nói, anh ta ngạc nhiên chẳng kém gì những người còn lại trong chúng tôi khi nghe thấy Joe nói đến tên chị. “Ai lại làm một chuyện như thế với Janine hả?”

Joe vẫn đứng yên đó với sự im lặng đầy ấn tượng khiến chúng tôi cảm thấy bứt rứt không để đâu cho hết. Ngay lúc đó thì trông anh ta chẳng có gì là hơi lùn mất vài phân cả. Anh ta không yêu cầu lời giải thích hay đưa ra lời đe dọa nào. Anh ta cũng không đứng đó để tìm kiếm sự đền bù cho

những gì sai trái gây ra với mình. Anh ta chỉ nói, “Đừng có thế nữa. Đừng có quấy rầy chị ấy trong giờ ăn trưa của mình nữa. Đừng có đứng ở cửa nhà vệ sinh mà trở mặt ra. Hãy để cho người phụ nữ ấy được yên.”

Tom Mota đã tới chỗ Joe kể cho anh ta nghe chúng tôi làm gì ở quán McDonald. Tom Mota, trong bao nhiêu người! Chúng tôi không thể nào tin nổi. Sau đó chúng tôi nghe nói rằng gã đã tới cả chỗ Janine kể cho chị nghe nữa. Sau đó, chúng tôi phải nối đuôi nhau xếp hàng vào đó để mà xin lỗi. Amber Ludwig, Larry Novotny, Benny và Jim. Don Blattner nói gì đó với chị ở chỗ in tài liệu. Genevieve Latko-Devine thì gọi về nhà cho chị. Lòng vòng lại đến thứ Hai, và chúng tôi xin lỗi cả vào thứ Hai nữa.

“*Đúng* là kỳ quặc thật mà,” Janine thừa nhận với chúng tôi.

Chúng tôi nói với Janine rằng chị không việc gì phải giải thích bất kỳ điều gì với bất kỳ ai trong chúng tôi.

“Không, *đúng* thế mà,” chị khẳng định. “Tôi biết là kỳ quặc. Nhưng đó là một trong những chỗ chơi của con bé trước kia. Con bé mới có chín tuổi, mọi người biết đấy. Nó có những chỗ chơi của mình. Tôi vẫn đến Toys ‘R’ Us, và Gymboree. Ở đó họ cũng nghĩ tôi bị điên. Những người ở McDonald thì nghĩ tôi chập mạch nặng. Nhưng đó cũng là những chỗ của tôi nữa. Chúng đã trở thành những chỗ của tôi. Tôi đi cùng với con bé mỗi khi nó đến những nơi này. Và tôi chưa biết phải làm như thế nào để từ bỏ chúng cả. Đẳng nào tôi cũng sẽ tới đó mà, đúng không, nếu như con bé còn sống?”

Chúng tôi cảm thấy mình cực kỳ khốn nạn. Chúng tôi xin lỗi thêm một chút. Chúng tôi đã mang cuộc đời của Janine, và nỗi đau khổ của chị, ra làm trò cười, và chúng tôi trang trọng thề - thực ra là hầu hết chúng tôi - rằng sẽ không bao giờ có trò cười nào nữa.

Tom trèo lên những nấc thang mục nát, cẩn thận bám chắc lấy phần tay nắm hoen gỉ của cái cột gỗ. Tình trạng ọp ẹp của chiếc thang là một dấu hiệu về sự bỏ mặc mà tấm biển quảng cáo đã phải chịu đựng ở cái vị trí heo hút, hoang vắng của mình mãi tận mạn phía Tây, nơi những làn giao thông thu hẹp lại từ tám còn có bốn và khoảng cách giữa các đường rẽ ra kéo dài thành nhiều dặm. Nhưng sẽ thật là một sai lầm nếu quy tình trạng rách nát tồi tệ này của tấm biển quảng cáo dài đầu mưa nắng này cho riêng nguyên nhân vị trí. Những tấm biển quảng cáo khác cũng ở mạn Tây này, đặc biệt là những tấm quảng cáo các casino trên thuyền, là những kết cấu bằng kim loại mới kiên cố hoàn toàn không có một vết sơn bong tróc, một số còn được chiếu sáng bằng đèn pha hai mươi tư giờ mỗi ngày. Chính thẳng cha cung cấp dịch vụ khốn kiếp mới xứng đáng lãnh chịu phần lớn lời trách tội vì đã bỏ bằng chuyện này, và khi gã trèo lên, Tom bắn khoản về điều bí hiểm tại sao vị trí này không được khai thác tiếp. Thế nào mà chẳng tìm được lũ khách tranh nhau mò đến. Việc tấm ảnh cô con gái lớp bốn của Janine Gorjanc được phóng to lên ngoại cỡ đã bị để mặc cho lay lắt sau khi thi thể thực sự của cô bé đã an nghỉ dưới lòng đất không chỉ là sự thờ ơ tàn nhẫn đối với nỗi thống khổ của con người. Đó còn là một hành động tồi tệ trong kinh doanh.

Bình minh còn chưa ló dạng khi gã cắm mũi chiếc Miata cổ lỗ của mình vào bãi trống ngoài đường chính nơi một vạt rừng nhỏ mọc lên cách đường cao tốc gần trăm mét. Hành trình trèo thang của gã diễn ra chậm chạp và chật vật vì cả mớ đồ gã mang trong ba lô, quan trọng là trong đó có cả một nửa phích đầy martini mà gã đã lắc qua loa với đá trước khi đóng thùng xe và đi theo sự dẫn đường của chiếc đèn pin. Lũ đế kêu rả rích trong bóng tối im lìm. Những chiến thuật sống sót đã dạy gã một mảnh lối rất hữu hiệu: quần băng dính vào phía cuối chiếc đèn pin cực mạnh nhưng gọn gàng cho

phép gã giữ nó một cách dễ dàng bằng hàm răng cửa trong lúc gã trèo lên, soi sáng con đường phía trên đầu gã trong khi hai tay được rảnh rang, một tay gã cần để giữ chắc cái chổi lăn sơn. Cái này được gã đặt trước tiên lên khung giàn giáo ngay khi gã lên đến trên cùng. Gã đu người lên trên và lấy chiếc ba lô dã ngoại to tổ bố ra khỏi vai và đặt nó bên cạnh chiếc chổi lăn sơn. Lia đèn pin dọc theo chiều dài của khung giàn giáo, gã nhìn thấy cái thứ kiểu gì cũng phải ở đó: ba tấm ván gỗ xám xịt cho gã khoảng trống không lớn hơn những gì dành cho một người công nhân lau kính bên ngoài cửa sổ tầng sáu mươi hai phòng gã. Trước khi ánh hồng đầu tiên xuất hiện trên bầu trời, gã mở nắp phích tự rót cho mình một ly, màn phục vụ rượu của gã được hỗ trợ nhiều vô kể từ chiếc đèn Maglite trong miệng. Gã rút chiếc đèn ra và nhấp một ngụm.

Gã lấy đồ của mình ra - hai lọ sơn nhà màu trắng, một khay lăn sơn đáy sâu, hai đầu chổi lăn sơn, và một cây sào nối dài. Gã nhắm nhấp từ nắp phích trong lúc pha và rót sơn ra, mùi sơn xộc lên chào đón gã. Ánh mặt trời le lói phớt qua người gã khi gã bước dọc theo khung giàn giáo, lăn chổi sơn lên xuống bề mặt tấm biển quảng cáo, thao tác thành thạo và cẩn thận để sơn phủ kín hình ảnh đang nhòe dần của cô bé. Nó đã ở đó vài tháng, dải dầu qua mùa đông tồi tệ miền Trung Tây và những cơn mưa xuân đầu mùa, rúm ró nhiều chỗ, những vết bong bóng sơn nứt toác ra làm đôi. Giờ có cái sào dài, gã sơn kín được nhiều hơn những gì gã đã tưởng, nhưng gã vẫn còn khá nhiều chỗ phải sơn, thế là gã đặt chổi lăn sơn xuống và nốc nốt chỗ martini, rồi lấy một khẩu súng bắn đạn sơn từ trong ba lô. Gã rót một ly martini thứ hai, rồi nạp đạn vào khẩu súng. Từ vị trí của mình trên giàn giáo, gã chỉ có thể nhìn thấy khuôn mặt của cô bé ở một góc khá hẹp, khiến gã không biết chính xác phải ngắm như thế nào. Nhưng gã đã mang theo rất nhiều viên đạn sơn trắng mà gã đã lựa chọn cho hợp với màu sơn nhà, và vừa nhắm nhấp ly martini thứ hai cũng là lúc bầu trời báo hiệu sự bắt đầu của một cuối tuần trống rỗng, dài dằng dặc khác, gã bước tiến bước lui dọc theo những tấm ván hết nạp đạn lại bắn, phủ kín hình ảnh của cô bé xấu số

từng vết từng vết một, bởi vì những lời phàn nàn của gã với Jane Trimble đã chẳng đi đến đâu - và bởi vì trong câu chuyện buổi sáng trước đó, Janine đã nói rằng chị không thể chịu đựng nổi phải nhìn thấy nó thêm một ngày nào nữa.

## 4

Những hoạt động ngoài giờ của Carl - Một lời thú nhận với Lynn - Cuộc gọi của Tom được trả lời nhanh chóng - Gấp đôi và đỏ - Đồn đời hết cỡ - Trò nhóm nhúng vớ vẩn - Khởi nguồn - Câu chuyện với Carl - Lynn ở cơ quan - Câu chuyện với Sandy - Cánh cửa mới của Deirdre - Để Robbie Stokes ngoài chuyện đó - Marcia có làm ơn gọi điện đi không? - Thôi ngay đi cho

Một hôm Carl Garbedian khiêng màn hình máy tính của anh ta lên đặt sang đầu kia của cái bàn. Anh ta không thích để nó ở đó lắm, vì vậy đến cuối ngày anh ta lại trả nó về chỗ cũ. Nhưng trong thời gian đó anh ta đã kịp nhận ra là cái bàn bụi bặm như thế nào, thế là sáng hôm sau anh ta mang đồ lau dọn từ nhà đến và dọn bụi cho cái bàn, cùng tủ ngăn kéo và giá sách của anh ta. Anh ta ở lại muộn và lau bụi cho đồ đạc các phòng làm việc từ chỗ mình xuống dọc hành lang. Marilyn lại làm việc muộn, tất nhiên rồi, và anh ta chẳng còn việc gì hay hơn để làm, và, thật ngạc nhiên, anh ta tìm thấy niềm vui trong công việc đó. Đêm tiếp theo anh ta lau dọn bàn và ngăn tủ tại những phòng làm việc ở các tầng khác cho đến khi Hank Neary, trong một đêm làm việc muộn cho cuốn tiểu thuyết thất bại của mình, từ nhà vệ sinh quay trở vào và nhìn thấy Carl trong phòng làm việc của mình, đang lau chùi chân ghế. “Cậu đang làm gì với cái ghế của tớ vậy, Carl?” anh ta hỏi.

Trước đó trong các cuộc họp triển khai công việc Carl đã dần có thói quen che chắn cho đôi mắt của anh ta bằng một tập giấy ghi chép. Anh ta vào trong phòng họp, thả toẹt tập giấy ghi chép lên mặt bàn, và hấp háy mắt dưới ánh sáng bất ngờ. “Lạy Chúa, chói mắt quá,” anh ta vừa nói, vừa giơ tay lên che chỗ của tập giấy ghi chép trước đó. Anh ta vừa nháy mắt và hấp háy, vừa cố làm quen dần, nhưng cuối cùng vẫn phải dùng lại tập giấy ghi chép. “Christ, ở đây chói quá. Chúng ta có thể tắt cái đèn đó đi được không?” Qua khóe những đôi mắt nhấp nhèm và bối rối của mình, chúng tôi ngoảnh sang nhìn nhau. Cuối cùng Tom Mota hỏi anh ta, “Carl, ông bạn ơi, đèn tắt rồi còn gì.” Mà đúng thế thật - nhiều lúc, ánh nắng mặt trời từ cửa sổ rọi vào thuyết phục được chúng tôi không bật những bóng điện trên đầu lên. Ấy thế mà anh ta vẫn hấp háy mắt và lấp ló dưới tập giấy ghi chép trong suốt cả buổi họp.

Một lúc sau đó anh ta chạy tọt dọc hành lang. Anh ta chạy dọc hành lang lần thứ hai. Đến lần thứ ba thì như kiểu anh ta đang chạy vòng vòng hay gì đó. Một vài người chúng tôi đang đứng ở cửa phòng Benny Shassburger, túm tụm xung quanh tán gẫu với Benny đang ở giữa. Khi Carl chạy vòng trở lại, Tom quát lên với anh ta. “Carl! Cái quái quỷ gì vậy, anh bạn - cậu đang làm gì vậy hả?”

Carl dừng lại, lắc đầu thờ không ra hơi với Tom. Sau đó, như một con mèo mà bạn không thể nào nói chuyện phải quấy được, anh ta lại lao vọt đi.

“Anh ta bị làm sao vậy nhỉ?” Benny hỏi.

Tom nhún vai. “Làm sao tôi biết được?”

Trong tuần đó, Carl đã bịt kín các cửa sổ phòng anh ta bằng giấy xi măng. Loại giấy đó, dù không hẳn là được phê chuẩn bởi ban giám đốc hoặc mục quản lý văn phòng, đại loại cũng là thứ được chấp nhận trong văn



phòng của chúng tôi, trên cơ sở là chúng tôi nên tận hưởng một môi trường sáng tạo và những trò quái đản của chúng tôi nên được nuông chiều, như thế chúng tôi có thể tiếp tục nghĩ ra những dòng tí thông minh và những thiết kế bắt mắt. Nhưng Carl vẫn bị chất vấn vì chuyện đó và anh ta giải thích rằng không hiểu tại sao anh ta lại phát sinh cái tật cực kỳ nhạy cảm với ánh sáng, và giờ một cặp kính râm mắt vuông mà vốn chỉ thấy ở những ông già bà lão ra như để làm bằng chứng, anh ta khẳng định là dạo này đi đâu anh ta cũng đeo, đôi khi ngay cả ở trong phòng làm việc. Bóng ma về đơn kiện đòi tiền bồi thường của một nhân viên liên quan đến chuyện xử lý đôi mắt nhạy cảm của Carl có vẻ như đã bắt đầu lớn vồn, thế là Lynn Mason đành chỉ thị với mục quản lý văn phòng là cứ bảo Carl rằng anh ta có thể giữ đồng giấy đó. Thế rồi, khi chị có hai phút để suy nghĩ, Lynn xuống phòng làm việc của Carl.

“Việc đột nhiên trở nên nhạy cảm với ánh sáng nghe có vẻ không được bình thường đâu,” chị nói, khi đang đứng ở cửa phòng Carl. “Có lẽ anh cần đi gặp một bác sĩ nhãn khoa mới được.”

“Ồ không.”

“Tôi không cố ý tọc mạch đâu, Carl, nhưng lần gần đây nhất anh gặp bác sĩ là khi nào?”

“Ồ, tôi không cần bác sĩ nào hết,” Carl nói.

Anh ta tiếp tục giải thích rằng, nếu không vì chuyện nhạy cảm với ánh sáng và thỉnh thoảng đau đầu như búa bổ, rồi mấy cơn hoa mắt chóng mặt và vã mồ hôi bất thường, thì phải nói là cả đời anh ta chưa bao giờ cảm thấy khỏe hơn lúc này. “Nó đã xua tan,” anh ta nói với chị, “tất cả những ý nghĩ của tôi về chuyện tự tử.”

Lynn quá choáng váng vì lời thú nhận thẳng thừng của Carl về chuyện tự tử nên đã quên mất việc dừng lại và hỏi, Nó là cái gì? Cái gì đã xua tan? Thay vào đó chị đi thẳng từ ngưỡng cửa vào phòng làm việc của Carl, khép hờ cánh cửa lại, và bảo anh ta, “Carl, anh đã có ý nghĩ tự tử à?”

“Ồ, vâng,” Carl nói. “Nhiều ấ chứ. Tôi đã nghiên cứu rồi, Lynn. Tôi biết... ừm, tôi thực sự nghi ngờ việc chị muốn nghe tất cả các chi tiết. Nhưng tôi ở đây để nói với chị, tôi đã từng rất sẵn sàng.”

Lynn lắng nghe anh ta như thỉnh thoảng chị vẫn có thể, như một người được trả tiền theo giờ để làm việc đó. Chị ngồi xuống một góc bàn của anh ta và trán chị nhúu lại vì lo lắng trong khi Carl kể lại cho chị nghe câu chuyện về những đêm dài của anh ta khi Marilyn làm việc muộn và anh ta chỉ có một mình, việc anh ta ghen tị như thế nào khi so sánh sự lựa chọn sự nghiệp của cô ta với của mình, và đột nhiên tất cả mọi hoạt động bỗng mất hết vẻ lung linh vốn có như thế nào. Và rồi anh ta nói một điều khiến chị cảm nhận được chiều sâu, chiều sâu không thể nào hiểu nổi về nỗi tuyệt vọng một đạo của anh ta.

“Đừng có phát hoảng khi tôi kể cho chị nghe chuyện này,” anh ta nói, “bởi vì tôi có thể hứa với chị là tất cả đã qua rồi, nhưng một trong những lý do - và tôi cảm thấy thật xấu hổ vì điều này - nhưng một trong những lý do tôi từng muốn tự tử là vì như thế cô ấy sẽ tìm thấy xác tôi.” Bất thành lình Carl òa khóc. “Vợ tôi,” anh ta nói. “Người vợ xinh đẹp của tôi! Cô ấy thật đáng yêu, thật tốt biết bao,” anh ta nói, khi cơn sườn mướt đã bị chế ngự. “Tôi không thể nói với chị là cô ấy tốt đến nhường nào, Lynn, và cô ấy yêu tôi nhiều biết bao. Mà chị biết đấy, cô ấy có công việc hết sức khó khăn đúng không? Cô ấy chăm sóc những người ốm rất nặng. Họ liên tục chết trên tay cô ấy. Nhưng cô ấy yêu quý họ, và cô ấy yêu tôi, vậy mà tôi lại muốn làm chuyện khủng khiếp này với cô ấy.”

Đến lúc này thì Lynn đã lại gần hơn và đặt tay chị lên vai Carl. Chị nhẹ nhàng xoa vai anh ta và tất cả những gì có thể được nghe thấy là tiếng thút thít khe khẽ của anh ta cùng tiếng sột soạt của sợi vải dưới tay chị.

“Tại sao tôi lại muốn làm như vậy?” anh ta hỏi. “Vì để được quan tâm à? Thật đáng xấu hổ làm sao. Tôi thật kinh khủng,” anh ta nói. “Một kẻ kinh khủng.” Chị tiếp tục an ủi anh ta và sau giây lát, anh ta đẩy lùi chiếc ghế xoay của mình lại, đứng lên, và ôm choàng lấy chị - anh ta cần ai đó để ôm. Lynn ôm lại không một chút lưỡng lự, và có vẻ như không hề đếm xỉa đến việc có ai đó đi qua nhìn thấy họ đang ôm nhau vì cánh cửa, xét cho cùng, vẫn đang chỉ khép hờ. Họ đứng ôm nhau trong phòng làm việc của anh ta.

Lynn nói, “Ôi, Carl,” vừa vỗ nhẹ lên lưng anh ta, và đến lúc họ buông nhau ra, anh ta đã thôi khóc và bắt đầu lau nước mắt.

Họ nói chuyện thêm một chút, và đó là khi chị hỏi anh ta rằng có điều gì đã thay đổi khiến cho anh ta không còn cảm thấy giống như trước kia, và anh ta nói với chị rằng cuối cùng thì anh ta cũng dùng đến thuốc. Anh ta không nói đến việc anh ta đang uống thuốc của ai, nhưng chẳng quan trọng. Khi ra về, chắc hẳn chị mới nhận ra chị biết ít ỏi làm sao về cuộc sống riêng tư của những người làm việc cho mình, rằng thật không thể nào hiểu nổi họ bất chấp những nỗ lực nhỏ lúc này lúc kia, và có lẽ chị cũng cảm thấy thoáng chút khó chịu, chỉ một thoáng chút xíu, là có vẻ như Carl đã ôm chị hơi lâu đến nỗi bất bình thường, giống như anh ta đã ôm rất nhiều người chúng tôi trong những ngày bứt rứt và không thể dự báo trước ấy.

Khi Tom Mota nhìn thấy những ô cửa sổ bị kín của Carl, gã biết cái ngày đó đã đến và đã qua, cái ngày mà lẽ ra gã phải nói điều gì đó với ai đó về những gì gã biết. Gã không muốn nói bất kỳ điều gì. Thứ nhất, việc của người khác đâu phải là việc của gã. Thứ hai, Carl đã tin tưởng tâm sự với gã, và Tom hoàn toàn không định phản bội lại niềm tin đó. Và còn điều thứ

ba nữa chứ, một điều nhớp nháp và khó chịu: một nỗi căm hận quen thuộc, dai dẳng, không thể nuốt trôi. Carl đã kể với Tom rằng anh ta không muốn vợ mình biết rằng anh ta bị trầm cảm và anh ta không muốn cô ta biết rằng cô ta đã đúng. Tom cũng đã từng có một người vợ lúc nào cũng đúng, và vì thế gã có thể hiểu khát khao của Carl được tước khỏi người yêu quý anh ta nhất cái quyền chính đáng biết là mình đúng. Tom đang đứng bên ngoài phòng làm việc của Carl dăm dăm nhìn vào những ô cửa sổ bịt kín thì một tiếng hét từ bên trong vọng ra.

Đó thực sự là một tiếng gào đau đớn bùng lên thành tiếng nấc nghẹn. Giá kể không phải đang là giờ ăn trưa của một ngày chậm rề rề, thì âm thanh khủng khiếp đó đã khiến mọi người đổ hết ra hành lang.

Tom cứ đinh ninh là phòng làm việc của Carl không có ai. Từ chỗ đang đứng, gã không nhìn thấy ai ở trong. “Carl?” gã vừa nói vừa bước vào trong.

Carl đang nằm sững sột trên mặt thảm cứng quèo sau bàn làm việc, túm lấy tóc của mình. Hai nắm tay đầy tóc, gần như bứt chúng khỏi da đầu, và thậm chí trong ánh sáng lờ mờ, Tom vẫn nhận ra khuôn mặt của anh chàng kia đang méo mó và đỏ bừng như thế nào. Tom đến gần mà Carl vẫn không hề mở mắt ra.

Tom quay về phòng làm việc của gã, nhắc điện thoại lên, và trước khi áp nó lên tai, trong khi tiếng tín hiệu đường dây o o trong không khí, gã lắc đầu và lẩm bầm, “Mẹ kiếp.”

Gã nhả lại tên và số điện thoại của mình cho vợ Carl, cô ta làm việc ở khoa ung thư của bệnh viện Northwestern Memorial ngay bên cạnh. Sau đó gã nhớ ra là trước khi bị phân tâm bởi Carl, gã đang mang công việc xuống

chỗ Joe Pope, thế là gã lại đứng lên, nhưng trước khi gã kịp làm tới ngưỡng cửa phòng mình thì điện thoại đổ chuông.

“Mẹ khi,” gã nói với Marilyn, “cả đời tôi chưa bao giờ được một bác sĩ nào gọi lại nhanh đến thế cả.”

“Tôi lo cho Carl,” cô ta giải thích.

“Vậy nếu như tôi chỉ là một bệnh nhân thông thường,” Tom bần khoản thành tiếng, “cô sẽ để tôi phải chờ bao lâu?”

“Làm ơn cho tôi biết có chuyện gì vậy,” cô ta nói.

Gã giải thích tất cả những gì gã biết - cái hôm gã vào phòng làm việc của Carl cùng cuốn sách, lời thú nhận của Carl rằng anh ta đang uống thuốc của Janine, cái lọ đựng thuốc cho ba tháng, tất tần tật. Gã kể với cô ta rằng Hank đã bắt gặp anh ta đang lau chùi cái ghế, rằng anh ta đã che mắt mình bằng một tập giấy ghi chép trong các cuộc họp, rằng anh ta đã chạy cả gần chục vòng quanh tầng sáu mươi, và một lần mới đây thôi, gã bắt gặp Carl ở bàn làm việc của anh ta với vẻ mặt trầm ngâm, gần như nhà khoa học, đang dăm dăm nhìn một bàn tay của mình, chậm rãi lật qua lật lại và dăm dăm nhìn bàn tay như thể nó là một thứ quý hiếm hoặc một vật xa lạ. Sau đó Tom nói, “Anh ấy đang nằm trên sàn phòng làm việc của mình, anh ấy đã bịt kín tất cả cửa sổ bằng giấy xi măng rồi. Tôi nghĩ anh ấy cần được chăm sóc y tế.”

Chắc chắn là Marilyn bác sĩ nhất ở chỗ cô ta ngay lập tức tra tấn gã bằng những điều cụ thể mà không bỏ phí chút thời gian nào. Loại thuốc đó là gì? Anh ta đã uống nó được bao lâu rồi? Tom không có quá nhiều câu trả lời. Những câu hỏi mà gã không ưa nhất đến sau cùng, liên hồi kỳ trận, nên gã không có cơ hội để trả lời chúng - chúng nghe có vẻ là những câu hỏi

chỉ để hỏi và mang tính buộc tội hơn. “Anh biết chuyện này bao lâu rồi? Tại sao anh không nói sớm hơn chứ?”

“Cô muốn biết tại sao tôi không nói cho cô biết sớm hơn à?” gã nói. “Bởi vì tôi căm ghét vợ tôi, đó là lý do tại sao đấy.”

Marilynn ngỡ ngàng; gã có thể dám chắc điều đó ngay cả qua điện thoại.

“Vì anh căm ghét vợ anh à?” cô ta nói. “Trả lời cái kiểu gì vậy?”

Tom, lúc nào cũng là một nhà logic học, đáp lại, “Bởi vì cô ta là đồ chó cái khốn kiếp - và nếu cô mà là một bác sĩ nam, tôi thậm chí còn gọi cô ta thậm tệ hơn nữa kia.”

Có thể hiểu là Marilyn không biết phải phản ứng lại như thế nào trước câu trả lời đó, vì sau đó là một khoảng im lặng kéo dài.

“Nghe này,” cuối cùng Tom lên tiếng, “tôi không tự hào về điều đó, nhưng khi anh ấy nói anh ấy làm chuyện này mà không cho cô biết bởi vì anh ấy ghét mỗi khi cô đứng, tôi thấy thông cảm, bởi vì đồ chó cái là con vợ cũ của tôi cũng là một kẻ *lúc nào cũng đứng*, phải nói phần lớn thời gian là như thế mới chó má chứ - trừ việc cô ta đưa LỮ TRẺ tới cái thành phố PHOENIX chó chết đó và gọi một thằng PHI CÔNG CHÓ CHẾT CHO CÁI HÃNG UNITED CHÓ CHẾT ẤY LÀ BỐ BOB, CỨ NHƯ THỂ CHÚNG CÓ HAI BỐ VẬY, TRONG KHI TÔI LÀ ÔNG BỐ CHÓ CHẾT DUY NHẤT CỦA CHÚNG! ĐÓ LÀ LÝ DO TẠI SAO ĐẤY! CỨ ĐI MÀ KIỆN TÔI ĐI!”

Gã gác máy. Gã trấn tĩnh lại. Cô ta gọi lại.

“Tôi chỉ cần biết,” cô ta nói, “là anh có nghĩ rằng anh ấy có thể tự tỉnh lại được không, hay tôi cần phải cho người đến.”

“Kiểu như để không chế cậu ấy à?”

“Anh ấy không về nhà hai ngày nay rồi,” cô ta bảo gã. “Tôi gọi mãi, gọi mãi. Tôi không biết anh ấy đang nghĩ gì nữa.”

“Cậu ấy không cần được không chế,” Tom nói. “Cậu ấy cần một người đỡ cậu ấy lên thôi.”

Tom đi xuống phòng làm việc của Carl và hỏi xem liệu anh ta có phiền đi cùng gã sang bệnh viện bên cạnh không. Và khi Carl không nói gì, Tom đỡ anh ta đứng lên rồi dìu anh ta đi.

Anh ta được chẩn đoán là bị ngộ độc. Khi chúng tôi đến thăm, môi anh ta đang nứt toác và da anh ta đỏ bấy lên. Lần gần đây nhất trước đó tất cả chúng tôi tụ tập cùng nhau trong một bệnh viện là để thăm Brizz. “Hy vọng cậu không có kết cục giống lão ấy, Carl,” Jim Jackers nói.

“Jim,” Marcia nói. “Nếu anh định nói những câu đùa vô duyên, ít nhất cũng nghĩ câu nào buồn cười một tí.” Cô ta quay sang Carl. “Đừng để ý đến thằng ngốc ấy,” cô ta bảo với anh ta. “Anh cảm thấy thế nào rồi?” Carl có mấy cái gối trắng kê phía sau còn người thì nối với một dây truyền tĩnh mạch.

“Mọi thứ đều trông như gấp đôi,” anh ta trả lời, “và màu đỏ.”

Chúng tôi thấy việc đáp lại câu đó thực là khó khăn. Mọi thứ đều trông như gấp đôi và có màu đỏ ấy à? Ồ, không sao, sẽ hết mà, Carl. Đó chỉ là một tác dụng phụ tạm thời của *tổn thương não vĩnh viễn* thôi.

“Carl,” Benny nói, “chẳng bao lâu nữa anh sẽ ổn định trở lại thôi.”

“Tôi sẽ chơi được piano chứ?” Carl mệt mỏi hỏi.

Cũng là do ảnh hưởng của việc thời gian vừa rồi anh ta hành động kỳ quặc như thế nào, và một số câu nói năng của anh ta lạ lùng ra sao, thành thử câu đùa cũ rích trở nên không ăn nhập, và có người trả lời với tất cả sự chân thành, “Ồ, tất nhiên rồi, Carl. Tất nhiên là anh sẽ lại chơi được piano mà.”

“Tôi nói đùa thôi,” Carl vừa nói vừa thờ ơ giơ hai bàn tay của anh ta lên - có thể với ngụ ý rằng đôi bàn tay đó chưa bao giờ chơi piano. “Này, Janine có ở đây không?” anh ta hỏi.

Lúc này thì mọi người đều đã biết là Carl ăn trộm thuốc của Janine.

“Ngay lúc này thì chị ấy không có ở đây, Carl,” Genevieve nói, cô đang đứng bên kia giường đối diện với Marcia. “Nhưng chị ấy muốn tôi nói với anh rằng chị ấy gửi cho anh lời chúc tốt đẹp nhất.”

Thực ra, Janine đang ở văn phòng, cố gắng kiểm kê xem Carl đã động đến bao nhiêu lọ thuốc. Có vẻ như liều lượng cho ba tháng của bất kỳ loại thuốc nào anh ta lấy lúc đầu cũng đã không đủ cho Carl, và anh ta đã không thực hiện đúng hướng dẫn trên nhãn lọ, và trong vài tuần liền anh ta đã quay trở lại bàn làm việc của Janine vào ban đêm, lấy thêm các loại thuốc khác, rồi tiến hành một cuộc thí nghiệm khinh suất và tùy tiện trên chính cơ thể mình.

Như bạn vẫn chứng kiến một đứa trẻ vừa mới đập đầu dừng sững lại trước khi khuôn mặt của nó từ từ biến thành một cái mặt nạ méo xiu vì đau,



chúng tôi nhìn Carl tiếp nhận cái tin rằng Janine không đi cùng chúng tôi, và cố gắng không òa khóc.

“Carl, anh có muốn chúng tôi lại đến nữa không?” Genevieve dịu dàng hỏi. Khi cô ghé sát xuống anh ta, tóc cô tuột ra khỏi vành tai và một lọn tóc buông xuống nên cô lại vén nó lên ra sau tai với vẻ duyên dáng hoàn toàn tự nhiên mà cô sở hữu khi hằng ngày phải xoay xử với mái tóc kỳ dị của mình. “Carl,” cô nói, “chúng tôi có nên quay lại không?”

“Tôi chỉ muốn nói với chị ấy một điều,” Carl nói, và cắn môi trên của mình.

“Anh có muốn tôi nói lại với chị ấy không?” cô hỏi.

“Tôi muốn hát cho chị ấy nghe một bài.”

“Anh muốn hát cho chị ấy nghe một bài à?” Genevieve nói.

Ra đến ngoài hành lang chúng tôi thông báo cho bác sĩ của Carl rằng anh ta đã nói và làm một số điều kỳ quặc suốt mấy tuần liền. “Tôi không nghi ngờ,” tay bác sĩ nói. “Anh ta dùng các loại thuốc đó một cách vô tội vạ với liều lượng cao không thể nào tin nổi.” Ông ta quay lại để trấn an Marilynn rằng họ sẽ khử hết độc cho Carl, và rằng ông ta không thấy có tổn thương vĩnh viễn nào. Sau khi Carl đã được giải độc, họ sẽ cho anh ta dùng đúng thuốc, đúng liều lượng, và anh ta sẽ quay trở lại với bản ngã tốt đẹp hơn của mình.

Chúng tôi nghĩ nói thế chẳng khác gì nói Carl sẽ lại chơi được đàn piano. Vấn đề là anh ta đã bao giờ có bản ngã tốt đẹp hơn không chứ?

Marilynn, cũng mặc áo bờ lu và đeo thẻ bác sĩ - cô ta là một phụ nữ quyến rũ với mái tóc vàng cắt ngắn - cảm ơn tay bác sĩ bằng tên riêng. Ông ta mỉm cười và bóp nhẹ vai cô ta.

Khi ông ta đã đi khỏi, Marilynn quay sang Tom Mota và nói, “Cảm ơn vì sự giúp đỡ của anh.”

“Tôi sẽ không xin lỗi vì đã không giúp sớm hơn đâu,” gã nói. “Và tôi cũng sẽ không xin lỗi vì đã quát cô qua điện thoại.” Trông gã như một đứa trẻ con khi nói câu đó và gã nhất định không chịu nhìn thẳng vào mắt cô ta khi nói chuyện với cô ta. “Tôi không thể xin lỗi về chuyện mà tôi không hề cảm thấy ân hận.”

“Tôi đâu có yêu cầu anh xin lỗi,” Marilynn nói, cô ta đủ cao để nhìn xuống gã. “Tôi chỉ muốn cảm ơn anh thôi mà.” Cô ta bắt đầu bước đi.

“Cô có phiền không nếu tôi hỏi một câu?” Tom nói. Cô ta quay lại. Tom bước về phía cô ta và tiến, theo chúng tôi nghĩ, lại gần, nghênh cái đầu cạo trọc của gã lên giống như gã vẫn thường làm mỗi khi ức chế. Gã đang mặc một chiếc áo choàng dài màu nâu nhạt, thứ mà chắc hẳn gã đã tưởng sẽ làm cho gã trông cao hơn. Cái đai lưng để lỏng đang treo lủng lẳng. “Chỉ là vì tò mò thôi,” gã nói, và gã nở cái điệu cười khẩy kinh khủng đó. Thật là sờn cả gai ốc với cái kiểu gã nhất định chỉ nhìn chăm chăm vào cổ cô ta. “Tại sao lại có chuyện anh ấy thấy cần phải tự nhồi thuốc cho mình đến chết? Cô có câu trả lời cho điều đó, với tư cách là một bác sĩ không? Một người làm gì mà khiến cho người kia đến nước tự *đầu độc* mình thế hả?” Marilynn choáng váng không nói được gì. “Chỉ là tò mò vợ vẫn thôi,” gã vừa nói, vừa nhún vai. Cuối cùng gã nhìn vào mắt cô ta.

Chúng tôi không thể nào tin nổi gã lại vô duyên đến thế. Gã đã đốn đời đến thế là cùng.

“Anh là đồ... cực kỳ thô thiển,” cuối cùng cô ta nói, môi run bần bật, “đúng lúc chồng tôi đang ôm thế này...”

“Ồ, thế thì biến mẹ cô đi cho tôi nhờ,” gã nói và quay ngoắt người đi, xua cô ta bằng cả hai tay.

“... trong khi tất cả những gì tôi làm...” Cô ta cố gắng để không sụp xuống. “... chỉ là giúp anh ấy. Tôi đã cố giúp anh ấy,” cô ta nói.

“Ê, tôi chỉ đang cố tìm hiểu,” gã nói, quay người lại và chỉ tay vào cô ta, “tại sao cô lại ghét chúng tôi. Và tại sao *chúng tôi* lại ghét cô.”

Chúng tôi vào trong để nói lời tạm biệt lần cuối với Carl - tất cả mọi người trừ Tom. Lynn Mason đến. Thật đáng ngạc nhiên. “Tôi không nghĩ chị ưa bệnh viện,” Benny nói, ám chỉ nỗi ám ảnh của chị.

“Tôi không ưa chúng khi tôi là đối tượng được mổ xẻ,” Lynn đáp lại. “Còn khi là người khác, tôi vẫn đến bệnh viện được chứ gì đâu.” Chị quay sang người đàn ông nằm trên giường. “Carl, chuyện quái quỷ gì vậy? Chính xác là chuyện quái quỷ gì chứ?”

Những lời chị nói nghe như trách móc nhưng giọng chị lại mang sắc thái gặng hỏi nhẹ nhàng.

“Tôi đã làm hỏng hết,” Carl nói.

Anh ta có vẻ trở nên tỉnh táo hơn trước sự có mặt của chị. Đang là giai đoạn nhạy cảm, trong bối cảnh cắt giảm biên chế đang xảy ra khắp xung quanh chúng tôi, nhưng dường như công việc tạm thời được gác qua một bên, và trong mười phút ở đó chúng tôi lại là một nhóm hoạt động tử tế đâu

ra đây. Có người thậm chí còn nói một câu theo hướng đó - Dan Wisdom, họa sĩ vẽ cá, người đã đứng dựa vào tường để tránh vướng đường mọi người. Anh ta bảo Carl cần sớm bình phục trở lại bởi vì anh ta là một thành viên cốt yếu của nhóm. Lynn ngoảnh sang nhìn anh ta và lắc đầu.

“Không, xin đừng có mà lôi những chuyện nhóm nhùng vớ vẩn ấy ra ngay lúc này,” chị nói. “Hãy để những chuyện nhóm nhùng vớ vẩn ấy ở văn phòng và hãy nói về thực tế rằng các anh các chị, nếu các anh các chị thấy cần gì đó - bất kỳ điều gì cũng được, tôi không quan tâm - lạy Chúa, hãy đến gặp tôi trước khi các anh chị làm một chuyện như thế này. Carl, vì Chúa.”

“Tôi đã làm hỏng bát,” anh ta lặp lại.

“Anh sẽ khá hơn chứ?”

“Sẽ cố.”

“Tôi mua cho anh mấy bông hoa ẻo lả này đây,” chị nói. Thực ra đó là một bó hoa nhỏ nhắn xinh xinh. Tất cả chúng tôi đều nghĩ bụng, *Bỏ mẹ! Bọn mình quên hoa rồi!* Lynn quay sang Genevieve. “Cửa hàng hoa nội bộ trong bệnh viện, và đây là tất cả những gì họ có.”

Sau khi chị đi khỏi, chúng tôi hỏi Dan là anh ta có tự ái không với cách chị đáp lại câu nói vô thưởng vô phạt của anh ta về nhóm.

“Các người đùa tôi à?” anh ta nói. “Tôi lại thấy như thế quá là ấn tượng.”

Sáu tháng sau, Carl đã bình phục khỏi vụ ngộ độc và giờ đây đang thực hiện chế độ dùng thuốc chống trầm cảm được kê riêng cho anh ta. Không ai trong chúng tôi có thể nói rằng chúng tôi đã nhận thấy tí thay đổi đáng kể nào. Có lẽ chỉ riêng việc nhìn thấy anh ta ổn định cũng đã là một thắng lợi rồi. Anh ta không còn lau dọn phòng làm việc của những người khác mỗi khi nghỉ ngơi, hoặc chạy đi chạy lại dọc hành lang nữa. Nhưng mặt khác, anh ta vẫn mặc những chiếc quần jean xanh kệch cỡm, đi giày xấu điên và dành cả giờ ăn trưa sau cánh cửa phòng đóng kín vẫn ăn một món ấy.

“Xin lỗi đã quấy rầy, Carl,” Amber nói. Vài người chúng tôi đã đến cùng với cô ta, và giờ thì chúng tôi đang đứng sau cô ta ở cửa phòng Carl. Chúng tôi đã bầu Amber là người phát ngôn của chúng tôi.

“Không sao mà,” anh ta nói. “Có chuyện gì vậy?”

Amber bước một bước vào trong phòng. Cô ta bấu lấy một cái lưng ghế và ngật ngừng. Cô ta ngoảnh lại nhìn chúng tôi. Chúng tôi mới bảo, “Nói đi. Nói đi!”

Cuối cùng cô ta bảo với Carl rằng Karen Woo đã thông báo với mọi người rằng anh ta chính là kẻ khởi nguồn.

Carl lấy khăn ăn lau miệng. Anh ta nhún vai. “Khởi nguồn cái gì cơ?” anh ta đáp lại.

Vào cái ngày Lynn Mason có lịch mổ, chị lù lù xuất hiện ở văn phòng.

Karen nhìn thấy chị đầu tiên. Karen bao giờ cũng là người đầu tiên biết tất cả mọi chuyện. Chúng tôi trông đợi cô ta biết mọi chuyện đầu tiên, cũng

như chúng tôi chắc mẫm Jim Jackers là người cuối cùng biết điều gì đó. Lần này cũng không có gì khác - Lynn Mason đang có mặt ở văn phòng, và Karen là người đầu tiên trông thấy chị. Cô ta đã tình cờ chạm trán chị trong nhà vệ sinh nữ!

Genevieve là người tiếp theo. Trên đường tới phòng của Marissa Lopchek thuộc bộ phận Nhân sự, cô nhìn thấy Lynn đang đứng ở cửa sổ Phòng Michigan. “Thoạt đầu tôi không nghĩ đó là chị,” cô nói, “vì làm sao mà có thể là chị được? Chị ấy phải ở trong phòng mổ cơ mà. Nhưng khi tôi ở chỗ Marissa quay về, chị ấy vẫn đứng bên cửa sổ. Chị ấy đã ở đó được, tôi không biết nữa, phải đến hai mươi phút rồi ấy chứ? Chắc hẳn chị ấy cảm thấy tôi đang nhìn hay gì đó bởi vì chị ấy quay lại, và đúng lúc chị ấy quay lại tôi bắt đầu bước thật nhanh vì tôi không muốn chị ấy bắt gặp tôi đang nhìn, nhưng dù sao chị ấy vẫn nhìn thấy tôi và chào, nhưng lúc đó tôi đã đi được nửa hành lang rồi, thế là tôi đành phải quay lại cả đoạn dài tới ngưỡng cửa để chào lại bởi vì tôi không muốn mình tỏ ra bất lịch sự, nhưng đến lúc đó thì chị ấy đã quay trở lại cửa sổ rồi - ôi trời, đúng thật là khó xử. Chị ấy đang làm gì ở đây nhỉ?” cô hỏi.

Dan Wisdom nhìn thấy Lynn đang dọn dẹp phòng làm việc của chị. Chị và mục quản lý văn phòng đang thu dọn đồ vào thùng trong đó. Chúng tôi hỏi anh ta xem là những đồ gì và anh ta bắt đầu liệt kê chúng: những tập ảnh sản phẩm, máy tính lỗi kiểu, những tạp chí quảng cáo cũ rích, những chai soda uống dở... Đã là một thành viên quản trị thì bạn có đặc quyền được để phòng làm việc của mình bừa bộn thế nào tùy thích, và tất cả chúng tôi đều trở nên quen với việc gạt đồ đạc xuống sàn nhà mỗi khi chúng tôi vào phòng Lynn để họp. “Mọi người sẽ không còn nhận ra được đâu,” Dan nói. “Một trong những nhân viên lao công lên phòng với một chiếc xe đẩy. Ông ta chở xuống... tôi thậm chí còn không thể *tính* nổi là bao nhiêu hộp toàn đồ giẻ rách cũ.” Chúng tôi hỏi anh ta tại sao chị lại đi dọn

đẹp phòng. “Tôi hoàn toàn không biết tại sao,” anh ta nói. “Tôi cứ đinh ninh lẽ ra chị đang ở trong phòng mổ chứ.”

Benny cũng đã trông thấy chị. Một số góc nhất định của không gian văn phòng đã bị bỏ không một thời gian, những chỗ làm việc bị bỏ lại của những kẻ đã đi tàu suốt kiểu Tây Ban Nha dọc hành lang. Benny tìm thấy Lynn ở một chiếc bàn tại một trong những chỗ vắng vẻ hơn trong số các ngăn làm việc trước kia từng được sử dụng của chúng tôi.

“Mọi người biết cái chỗ,” anh ta hỏi chúng tôi, “trên tầng năm mươi chín chứ?”

Chúng tôi biết năm lòng là khác: tất cả những vách ngăn đều trơ trọi, không có tiếng radio đang bật, những máy in đã ngắt mạng, và hy vọng duy nhất về sự hồi sinh của công ty là thực tế rằng chưa có ai tắt nốt những bóng điện trên đầu - cả chúng tôi cũng trở thành những nạn nhân của thời đại dot-com. Không ai trong chúng tôi thích dưới đó cả; nó gợi nhớ quá trần trụi về thời đại mà chúng tôi đang sống. Nhưng nếu bạn cần nơi nào đó mà bạn có thể nghe thấy chính mình đang suy nghĩ và ít có khả năng bị quấy rầy, chẳng còn chỗ nào tốt hơn là cái khu vực bỏ hoang đó của tầng năm mươi chín.

“Chị ấy ngồi trên mặt của một trong những chiếc bàn trong ngăn đó,” Benny nói, “hai chân buông thõng xuống. Thật buồn cười khi nhìn thấy chị ấy như thế. Chị ấy làm gì mà lại đi ngồi trong một cái ngăn chứ? Tôi ngạc nhiên khi nhìn thấy người ở trong đó đến nỗi suýt nữa thì tôi giật bản mình. Nhưng sau nhìn kỹ lại thì hóa ra lại là chị ấy? Lạ lùng hết sức. Lẽ ra tôi đã phải nói gì đó, nhưng trời ạ, chị ấy hoàn toàn đờ đẫn. Chị ấy như đang *phê lòì*. Chắc chắn chị ấy phải nghe thấy tôi, nhưng chị ấy không ngẩng đầu lên. Vì vậy mọi người biết tôi làm gì rồi đấy. Tôi tách ngay một mạch ra khỏi chỗ đó.”

Marcia Dwyer tìm thấy chị ở một góc in tài liệu. Chị đang đứng dựa vào tường, bên cạnh cái thùng rác và những chồng hộp đựng giấy photocopy. Marcia đến để photo một thứ cho những người còn lại trong chúng tôi, một danh sách những sự thật thú vị về ung thư vú được tìm thấy trên Internet. Cô ta chào Lynn, và câu chào có vẻ như đã lồi người phụ nữ kia từ dưới nước lên.

“Cái gì cơ?” Lynn hỏi.

“Ồ,” Marcia nói, “tôi chỉ bảo xin chào thôi mà.”

“À. Xin chào.”

Marcia bước về phía máy photocopy. Lynn đang đứng ngay đó dựa vào tường. “À, chị cần phải dùng cái này à?” Marcia bất ngờ hỏi.

Lynn lắc đầu.

“À. Được rồi.”

Cô ta photo những bản copy của mình. “Tạm biệt,” Marcia nói, sau khi cô ta đã xong việc.

Lynn ngẩng lên. “Xong hết rồi à?”

“Vâng.”

“Được rồi.”



“Tôi không nghĩ là cả đời mình từng bao giờ có một cuộc trao đổi gượng gạo hơn thế,” Marcia nói với chúng tôi. Chúng tôi đang nói về những màn chạm trán này trong phòng làm việc của Marcia. “Chị ấy làm gì mà cứ đứng dựa vào tường như thế nhỉ?”

“Có lẽ tất cả những chuyện này xảy ra hôm qua,” một người dè dặt.

Điều này thực ra cũng là có cơ sở chứ không hẳn là vô lý hoàn toàn. Có những ngày, thời gian ở đây trôi đi quá chậm chạp, có những ngày lại quá nhanh, đến nỗi mà những chuyện xảy ra trong buổi sáng có cảm giác như đã cách đây hàng niên kỷ trong khi những chuyện diễn ra cả sáu tháng trước đó vẫn còn tươi nguyên trong tâm trí chúng tôi như thể mới trải qua chưa được một tiếng đồng hồ. Nên việc có những lúc chúng tôi nhầm lẫn về thời gian cũng là hoàn toàn tự nhiên.

“Không, mới sáng nay thôi mà,” Karen cam đoan với chúng tôi. “Tin tôi đi. Tôi nhìn thấy chị mà. Lynn đang ở công ty.”

“Có thể điều đã xảy ra,” Amber gợi ý, “là chị ấy ghé qua văn phòng để giải quyết nốt công việc phút chót nào đó, và sau đó chị ấy đi bộ qua bên bệnh viện. Vì thế chị ấy không thể đang ở công ty được. Chị ấy chỉ tiện đường ghé vào thôi.”

“Dọn dẹp phòng làm việc?” Larry nói. “Đứng trong Phòng Michigan cả nửa tiếng đồng hồ? Thế mà là công việc phút chót à?”

“Biết đâu.”

“Hoặc biết đâu,” Larry nói, “chưa bao giờ có ca mổ nào hết.”

“Ý anh là sao, chưa bao giờ có ca mổ nào hết? Tất nhiên là có mổ chứ.”

“Bởi vì,” Larry tiếp tục, “chị ấy không bị ung thư.”

“Làm sao anh có thể nói thế được, Larry? Chắc chắn là chị ấy bị ung thư mà.”

“Làm sao em biết được đó không phải chỉ là một tin đồn, Amber?”

“Bởi vì em *biết*.”

“Dù sao đi nữa,” Karen nói, “theo lịch thì ca mổ của chị ấy là lúc chín giờ. Chị ấy không thể kịp hồi phục trong khoảng thời gian đó được, nên chắc chắn là chị ấy đã bỏ lỡ nó.”

“Nó dự kiến diễn ra lúc chín giờ à?” Genevieve nói. “Vậy mà tôi tưởng không ai biết nó được sắp xếp lúc nào. Cậu lấy cái thông tin chín giờ ấy ở đâu ra vậy, Karen?”

“Bao giờ tôi cũng lấy những thông tin của mình từ nguồn đầu tiên.”

Chúng tôi chẳng có nhiều việc gì khác mà làm, các bạn biết rồi đấy. Chúng tôi làm quảng cáo miễn phí cho cái vụ gây quỹ, chắc chắn rồi - nhưng chúng đâu có là gì nếu đem so với khối lượng công việc của chúng tôi dạo trước? Chúng tôi đã đạt được tiến triển với chúng rồi; chẳng mấy chốc nữa chúng sẽ được hoàn thành. Đường như vấn đề cấp thiết hơn cả buổi sáng hôm đó là tìm hiểu tại sao Lynn lại quyết định đến chỗ làm thay vì đi giải quyết một căn bệnh đe dọa đến tính mạng. Và thế là khi Karen cho chúng tôi biết nguồn tin của cô ta là ai, lẽ tự nhiên là chúng tôi bắt tay vào tìm kiếm những câu trả lời.

“Tôi không phải là khởi nguồn của thông tin đó,” Carl nói trước món *penne alla vodka* của anh ta. Anh ta chối phắt chuyện biết bất kỳ điều gì liên quan đến việc Lynn Mason đi mỗi lúc chín giờ. Mà giả như có biết chẳng nữa, anh ta cũng không nói gì hết - nhất là lại đi nói với Karen Woo.

“Nhưng Lynn có nhận được chẩn đoán là bị ung thư, đúng không?” Amber nói, đứng trong phòng làm việc của anh ta.

“Theo như tôi biết thì đúng là như vậy,” anh ta nói. “Nhưng tôi không phải là khởi nguồn của cái thông tin đó, và tôi không biết tại sao Karen lại nói rằng đó là tôi - trừ phi là bởi vì Marilyn là bác sĩ chuyên khoa ung thư tại bệnh viện Northwestern. Nhưng điều mà Karen không biết là tôi dọn ra ngoài sáu tuần nay rồi, mà hơn nữa, Marilyn chẳng đời nào lại đi nói gì với tôi - đừng nói gì đến chuyện Lynn là một bệnh nhân.”

Đó là lần đầu tiên chúng tôi nghe nói đến vụ ly thân của Carl và Marilyn. Chúng tôi không gặng hỏi thêm bởi vì chúng tôi không muốn tọc mạch. Chúng tôi hỏi một cách chung chung nhất xem anh ta đang xoay xử thế nào, và anh ta trả lời một cách đúng kiểu lâm sàng rằng đó là quyết định tốt nhất cho cả hai bên. Từ đó chúng tôi suy ra rằng có lẽ Carl không phải là người chủ động trong chuyện này.

“Tôi không có ý chuyển đề tài,” Amber nói.

“Xin hãy làm ơn chuyển đi,” Carl nói.

“Nhưng vậy ra anh không phải là nguồn khởi đầu.”

“Nguồn khởi đầu của cái gì mới được chứ?” anh ta đáp lại, lần này thì hơi cáu kỉnh hơn một chút.

“Về việc chị ấy bị ung thư.”

Carl lắc đầu. “Lần đầu tiên tôi nghe chuyện đó là từ Sandy Green,” anh ta nói.

Một số người chúng tôi nghĩ Sandy Green ở bộ phận trả lương là Chúa Jesus giáng thế lần hai, những người khác thì coi đó là quỷ dữ hóa thân - tất cả tùy thuộc vào số tiền bạn được trả. Phòng làm việc của cô ta là một cái bẫy lửa chật cứng những tài liệu bị đình lại. Sandy có mái tóc màu xám và đeo một trong những loại bao ngón tay nhựa có gân giúp thao tác nhanh hơn trong cái nghề của cô ta. Nằm khuất khỏi một hành lang heo hút ở tít phía cuối tầng sáu mươi mốt, phòng làm việc không cửa sổ của cô ta được gọi là Hang Dơi vì khung cảnh tối tăm và vị trí hẻo lánh của nó. “Tôi nói chuyện với Carl cách đây mấy hôm trong khoảng năm phút về việc trích lương ra để đóng bảo hiểm,” Sandy nói. “Tôi vô cùng nghi ngờ rằng trong năm phút ấy tôi lại nói được gì đó với anh ta về bệnh ung thư của Lynn.”

“Được rồi,” Genevieve nói, “nhưng điều chúng tôi đang cố xác định là liệu có đúng là Lynn bị ung thư không, và không biết chị có tình cờ đúng là người biết chắc điều đó không.”

Sandy có vẻ thực sự bối rối - rồi đột nhiên mặt cô ta giãn ra và cô ta giơ ngón tay nhựa của mình lên không trung và lắc lắc ba lần. “Giờ thì tôi nhớ ra rồi,” cô ta nói. “Tôi có nói gì đó với anh ta đại loại như, ‘Tôi sẽ báo cáo chuyện này với Lynn,’ và anh ta nói, ‘Được rồi, tôi sẽ nói chuyện với Lynn về điều đó,’ rồi tôi bảo, ‘Nhưng tốt hơn là anh nên làm ngay hôm nay đi, vì...’ Nhưng tôi không nói gì thêm cả. Tôi chờ cho *anh ta* nói gì đó. Và quả thế thật, anh ta nói, ‘À, đúng rồi, tôi sẽ làm ngay hôm nay, đúng rồi.’ Và thế

là tôi bảo, ‘Tội nghiệp Lynn,’ và anh ta nói, ‘Ừ, đúng là quá tệ thật.’ Vậy là anh ta đã biết rồi. Anh ta lấy thông tin của mình từ ai đó khác.”

“Nhưng cô lấy thông tin *của mình* bằng cách nào?” Genevieve hỏi.

“Tôi lấy thông tin của tôi bằng cách nào ấy à?”

“Đúng, đó là điều chúng tôi đang cố tìm ra.”

Sandy chống khuỷu tay lên bàn làm việc, và đặt má vào lòng bàn tay, im lặng bao trùm trong lúc cô ta đang cố nhớ lại. “Chờ chút,” cô ta nói. Cô ta nhắc điện thoại lên. “Deirdre, có phải cậu là người nói cho tớ biết về bệnh ung thư của Lynn không nhỉ? Hay Michelle kể cho hai đứa mình, tớ không sao nhớ được. Cậu có chắc không? Được rồi, bồ ạ.” Một khoảng im lặng kéo dài, Sandy làm chúng tôi giật mình với một tiếng cười khúc khích khoái trá. “Lần sau để gương của cậu ở nhà đi, bồ ạ! Được rồi, tạm biệt.” Cô ta gác máy và quay sang chúng tôi. “Deirdre nói với tôi là cô ấy đã kể cho tôi.”

Deirdre cho chúng tôi biết rằng cô ta có thông tin về bệnh ung thư của Lynn từ chuyên viên khách hàng Robbie Stokes. “A, tốt rồi,” Deirdre nói, “cánh cửa mới của tôi đây rồi.”

Đến đây, mấy tay thợ xây bước vào khiêng theo cánh cửa mới của cô ta và mọi người bước ra tránh đường cho họ.

Phòng làm việc của Robbie Stokes không có ai. Anh ta ở trong Phòng Quản lý Khách hàng, và, thật lạ lùng đối với một người phụ trách quan hệ khách hàng, anh ta treo một thứ phi Monet trên tường: một tấm biển hăng bia rượu Yuengling bằng đèn neon, mô phỏng một cửa sổ quầy bar. Nó kêu ù ù và nhấp nháy trong sự im lặng đến tê tái.

Ai đó từ bên trong một ngăn làm việc hét tướng lên, “Hãy mang thế giới đến cho tôi!”

Trên đường đi ra khỏi tòa nhà, Amber và Larry xô phải Robbie. “Tớ nghe nói các cậu đang tìm tớ,” anh ta nói. “Tớ không bắt đầu cái tin đồn đó. Tớ nghe tin đồn đó từ Doug Dion.”

Larry trấn an Robbie rằng chẳng có ai đang nói rằng anh ta bắt đầu chuyện gì cả. Chúng tôi chỉ đang cố tìm hiểu đến ngọn nguồn câu chuyện.

“Hừm, làm ơn hộ tớ một việc,” Robbie nói, “đừng có nói là tớ bắt đầu nó, được chứ? Bởi vì tớ không muốn chuyện này đẩy tớ vào rắc rối với Lynn.”

Amber bảo đảm với anh ta là chúng tôi rất kín đáo.

“Không, hãy cứ loại hẳn tớ khỏi chuyện này đi,” anh ta nằng nặc. “Thậm chí đừng có đả động gì đến cái tên Robbie Stokes hết.”

Một số người trong chúng tôi quay lại phòng làm việc của Marcia và giải thích những gì chúng tôi nghĩ cô ta cần làm.

“Cái đầu óc chết,” cô ta nói, “tiệt của các người có bị làm sao không vậy hả?”

Benny tình cờ lướt qua.

“Benny,” Marcia gọi, “vào đây mà nghe những kẻ dã man này muốn tôi làm gì này.”

Dan Wisdom, họa sĩ vẽ cá, xuất hiện và khăng khăng đòi nói chen vào. Anh ta bảo là vừa gặp Chris Yop ở một trạm in nên đã bảo với Yop là Lynn Mason thực ra đang ở trong văn phòng ngày hôm đó.

“Bọn tôi đang đứng ngay đó,” Dan nói, “và phải có đến năm chục tờ lý lịch xin việc đang tuồn ra trên thứ giấy in dày cộp, các cậu biết rồi đấy, loại cực xịn ấy, tớ bèn bảo anh ta rằng hóa ra rốt cuộc Lynn không hề ở trong phòng mổ. Và ngay lập tức anh ta bảo chú, ‘Nhưng tôi vẫn lướt hành lang suốt thời gian này mà!’ Lẽ ra các cậu phải nhìn thấy mặt anh ta mới được. Thế là tôi hỏi anh ta, ‘Anh cũng không sợ bảo vệ bắt gặp à?’ Và anh ta mới bảo, ‘Bảo vệ ấy à? Bảo vệ là chuyện đùa. Bảo vệ có bao giờ lên đây đâu.’ Anh ta nói cũng đúng thật.”

Tất cả chúng tôi đều đồng ý là anh ta nói đúng thật.

“Nhưng giờ khi anh ta biết Lynn đang ở đây rồi thì sao? Lẽ ra các cậu phải thấy là anh ta hoảng sợ như thế nào khi rời khỏi chỗ trạm in. Nhớ nhắc kiểm tra cả hai đầu hành lang như thế anh ta đang bắt chước một bộ phim trinh thám ấy. Đó là điều buồn cười nhất mà tôi từng nhìn thấy đấy.”

“Cậu đã bao giờ xem phim *Top Secret*, có Val Kilmer chưa?” Don Blattner hỏi. “*Thế mới là buồn cười.*”

“Hank,” Marcia gọi với ra. Cô ta đẩy người ra bên cạnh bàn làm việc của mình trên chiếc ghế từng có thời thuộc về Tom Mota, để nhìn rõ hơn ra hành lang. “Hank!”

Hank quay ngược trở lại để đứng ngay bên ngoài phòng làm việc của Marcia. Anh ta dựng ngay ngăn lại cặp kính to đùng của mình, một tạt anh ta vẫn làm khi hồi hộp, và chúng lại tụt xuống ngay trên mũi anh ta.

“Hãy nghe những gì mấy kẻ dở hơi này muốn tôi làm, Hank,” cô ta nói. “Họ muốn tôi gọi tới bệnh viện, đúng thế đấy - hãy nghe chuyện này mà xem - và *giả vờ* rằng tôi là Lynn, rồi nói, ‘Ôi, tôi hơi nhầm lẫn một chút - đại loại thế - vân vân và vân vân - và tôi đang băn khoăn không nhớ có phải lịch mỗ của tôi là hôm nay không nhỉ?’ Vâng, tôi được yêu cầu gọi điện đóng giả sếp của mình trong khi, xin thứ lỗi, chúng ta đang không chỉ trải qua đợt cắt giảm biên chế - và *tôi tình cờ lại cầm nhầm ghế* - mà đây còn là chuyện về một người phụ nữ có thể đang bị ốm thật. Thế mà họ muốn tôi đi gọi điện và nói, ‘Ôi, chị có thể cho tôi biết, không biết tôi có bị ung thư không ấy nhỉ?’”

“Đó nghe có vẻ là một ý tưởng tồi,” Hank nói.

Chúng tôi cố gắng giải thích với anh ta tại sao đó thực sự lại là lựa chọn duy nhất của chúng tôi, nếu như chúng tôi có bao giờ đó biết được một cách chắc chắn tuyệt đối bằng cách này hay cách khác.

“Trong những hoàn cảnh bình thường,” lên tiếng là Amber, người vừa mới cùng Larry trở về văn phòng và đang ăn một đĩa salad Cobb đặt trên lòng, “tôi cũng sẽ không nghĩ đó là một ý tưởng hay ho gì. Nhưng nếu như sáng nay chị ấy có lịch mỗ mà chị ấy lại không đi, mọi người không nghĩ là chúng ta nên lo lắng về chị ấy sao?”



“Hừm, nếu vậy *cậu* đi mà gọi điện,” Marcia nói.

“Tôi không nghĩ...” Hank nói.

“Tôi không định...” Amber nói.

“Cách đó không bao giờ...” Don nói.

“... đỡ phải ngồi đây mà đoán già đoán non,” Larry nói. “Và *cậu* sẽ giúp mọi người được...”

“THÔI ĐI,” Joe Pope nói.

Anh ta đang đứng ngay sau Hank trên ngưỡng cửa phòng Marcia mà không ai nhận ra. Mọi người đều quay lại và một số người đứng lên khi anh ta bước vào đứng ngay bên trong phòng làm việc và cả căn phòng lạnh ngắt. “Tôi có thể nghe thấy các người từ *bên trong thang máy*,” anh ta nói. Có một vẻ kìm nén trong giọng nói của anh ta và trán anh ta nhú lại đầy đe dọa với vẻ khinh bỉ. “Còn bây giờ thì làm ơn,” anh ta nói. “Hãy thôi đi cho.”

## 5

Bài báo khó tin - Khi không biết điều gì đó - Những chiếc ghế - Tiếp tục tranh cãi - Những lựa chọn của Benny - Nghĩ về Brizz - Dịch vụ U-stor-it - Người da đỏ Yopanwoo - Cuộc họp tầng ba - Những thay đổi đối với dự án - Jim luôn là người cuối cùng biết chuyện - Mẹ Tom qua đời - Nhiệm vụ điên khùng - Chú Max - Jim - Đề nghị của Yop - Chúng tôi đương đầu với Karen

Có lần ai đó chuyển cho mọi người đường link tới một bài báo đăng trên một trang web uy tín mà tất cả chúng tôi đều đọc và bàn tán suốt mấy ngày liền. Một người đàn ông làm việc tại một văn phòng rất giống chỗ chúng tôi đã bị đột quỵ trên bàn làm việc, và suốt cả ngày hôm đó mọi người đi qua chỗ anh ta ngồi mà không nhận ra. Chỉ như thế thì cũng chẳng có gì đáng lên báo - có đến, bao nhiêu chứ, cả một trăm năm mươi triệu người chúng ta trong các công sở còn gì? Kiểu gì chuyện ấy chẳng xảy ra với một ai đó. Điều khiến chúng tôi không thể làm ngơ, điều khiến cho cái chết bình thường của người đàn ông đó trở thành tin sốt dẻo quốc gia, là thông tin khó tin được đưa ngay trong câu đầu tiên của bài viết: “Một người đàn ông làm việc tại một công ty bảo hiểm ở Arlington, Virginia, vừa chết vì đột quỵ tại bàn làm việc và không được phát hiện cho đến bốn ngày sau, khi những người làm cùng phàn nàn về mùi hoa quả thối.”

Bài báo tiếp tục giải thích rằng ngày thứ Sáu hôm đó đã trôi qua, và sau đó là cuối tuần, nên không ai phát hiện ra người đàn ông đó đã quy ngã

trong ngân của mình. Không một đồng nghiệp, không một nhân viên tòa nhà nào, thậm chí cả một lao công nào đó cũng không. Sau đó thì đương nhiên chúng tôi đành phải tin rằng đến *thứ Hai*, thứ Hai với những cuộc họp và những cú điện thoại phải trả lời, sự khôi phục guồng máy bình thường và sắp xếp lại công việc, *thứ Hai* đến rồi đi, và khi đó họ vẫn chưa tìm thấy anh ta. Phải mãi đến tận *thứ Ba*, chiều *thứ Ba*, khi tất cả bọn họ đi lòng kiếm một quả chuối nẫu, họ mới nhìn thấy một người của mình nằm chết trên sàn nhà cạnh bàn làm việc, khuất sau chiếc ghế. Chúng tôi không khỏi tự hỏi tại sao lại có thể như thế được? Chắc hẳn *ai đó* phải đến với một lời yêu cầu đi họp chứ nhỉ. Ai đó phải qua để hỏi tại sao lại không đi họp. Nhưng không - cái thằng cha đáng thương đó thậm chí còn không có nổi một câu chào buổi sáng từ một trong những đồng nghiệp ngồi bên cạnh. Chúng tôi không biết tại sao lại có thể như vậy.

Chúng tôi ghét việc mình không biết điều gì đó. Chúng tôi ghét việc mình không biết ai là người tiếp theo phải đi tàu suốt kiểu Tây Ban Nha dọc hành lang. Phải thanh toán những hóa đơn của chúng tôi bằng cách nào đây? Và chúng tôi sẽ tìm công việc mới của mình ở đâu? Chúng tôi biết quyền lực của các công ty thẻ tín dụng cùng các cơ quan thuế và những hậu quả của việc phá sản. Đó là những thể chế không có chuyện kháng cáo. Họ cho tên bạn vào một hệ thống, và từ thời điểm đó trở đi những bộ phận cơ bản của giấc mơ Mỹ bị tịch biên. Một bể bơi ở vườn sau. Một cuối tuần dài ở Vegas. Một chiếc BMW cáu cạnh. Có lẽ những mưu cầu đó không phải là lý tưởng của Jefferson, khi đặt ngang hàng với cuộc sống và tự do, nhưng ở cái giai đoạn tiến bộ này, với chiến thắng thuộc về phương Tây và Chiến tranh Lạnh chấm dứt, cả chúng dường như cũng nằm trong số những quyền không ai có thể xâm phạm được của chúng tôi. Đó là chuyện ngay trước khi xảy ra sự sụp đổ của đồng đô la, trước cuộc tranh cãi nảy lửa về xu hướng thuê ngoài của các công ty, và bóng ma về một đoàn quân hùng hậu những thanh niên Ấn Độ và Trung Quốc chiếm lĩnh các lợi thế của chúng tôi trong lĩnh vực băng thông rộng.

Marcia ghét việc cô ta không biết điều gì có thể xảy ra nếu bị bắt quả tang với chiếc ghế của Tom Mota, số series của nó không phù hợp với danh sách kiểm tra của mục quản lý văn phòng. Thế là cô ta đổi ghế của Tom lấy ghế của Ernie và bỏ ghế của Tom vào phòng làm việc của Tom trước kia. Ngay cả như thế, cô ta vẫn sợ là mục quản lý văn phòng sẽ đi tìm ghế của Ernie trong phòng làm việc cũ của Ernie - từ nơi mà Chris Yop đã lấy nó, đổi nó bằng cái ghế tệ hơn nhiều của anh ta khi Ernie nghỉ hưu - và phát hiện ra không phải số series của Ernie mà lại là số của Chris Yop, và từ phát hiện đó, sẽ đi tìm chiếc ghế của Ernie, cái mà Marcia hiện đang ngồi trên. Chẳng chóng thì chầy, Marcia lo sợ, kiểu gì mục quản lý văn phòng cũng phát hiện ra cô ta đã làm gì. Thế là cô ta cảm thấy sự cần thiết phải lấy chiếc ghế của mình về từ chỗ Karen Woo, người đã nhận nó từ vài tháng trước đó khi Marcia nhận ghế của Reiser khi Reiser đề nghị cho lại cô ta sau khi nhận ghế của Sean Smith sau khi Sean bị đá đít. Cô ta tới chỗ Karen để hỏi lấy lại chiếc ghế của mình, nhưng Karen không muốn chia tay với chiếc ghế của mình, cái mà cô ta khẳng định hoàn toàn không phải chiếc ghế Marcia đã đưa cho cô ta, mà là ghế của Bob Yagley, đã được cô ta trao đổi bằng chiếc ghế của Marcia vào một buổi tối muộn sau khi anh chàng Bob dụi dằm, ỏn ẻn bị cho nghỉ. Phòng làm việc của Bob hiện được chiếm dụng bởi một người phụ nữ tên là Dana Rettig, kẻ đã thăng tiến vượt bậc từ một ngăn làm việc bên ngoài tới phòng làm việc riêng không phải vì có công trạng gì mà chủ yếu vì quan điểm của ban giám đốc rằng quá nhiều phòng làm việc bị bỏ trống trông sẽ không hay trong mắt những khách hàng tiềm năng. Khi Dana thực hiện vụ thăng tiến đó, cô ta mang theo chiếc ghế của mình, vốn từng thuộc ai đó bên Phòng Khách hàng và là một chiếc ghế tốt hơn ghế của Bob, cái mà thực ra là ghế của Marcia. “Ghế của tôi thì làm sao?” Marcia hỏi cô ta. Dana trả lời rằng bản thân chiếc ghế thì chẳng làm sao cả; chẳng qua chỉ là cô ta đã quá gắn bó với chiếc ghế của tay bên Phòng Khách hàng. “Nếu vậy thì chiếc ghế của tôi đâu rồi?” Marcia hỏi. Dana bảo với cô ta là có lẽ nó vẫn ở nguyên chỗ cô ta đã bỏ nó

lại, ngăn làm việc cũ của Dana, nhưng khi cô ta và Marcia bước tới cái ô đó, họ tìm thấy một tay nhân viên sản xuất vừa mới ra trường - trông cậu ta như chỉ mười lăm tuổi là hết cỡ - nơi Dana vẫn ngồi, anh chàng này bảo họ rằng một ai đó vài tháng trước đã lượn qua hành lang, chỉ để rồi quay lại, nạt nộ, và lấy chiếc ghế của cậu ta, thay thế nó bằng cái thứ đồ nhựa rẻ tiền mà cậu ta vẫn ngồi từ dạo đó đến giờ. Tất cả những nỗ lực nhằm ép tay loong toong mặt non choẹt đó phọt ra chút thông tin ít ỏi về việc ai đã chiếm đoạt mất chiếc ghế của cậu ta đều không ăn thua gì cho đến khi Marcia hỏi thẳng toẹt là làm sao cậu ta có thể hy vọng thoát khỏi cái địa ngục sản xuất về thăng tiến lên vị trí trợ lý chuyên viên mỹ thuật nếu cậu ta thậm chí còn không vẽ nổi phác họa một khuôn mặt trên tập giấy. Thế là cậu nhóc sản xuất phác họa nguệch ngoạc từ trong trí nhớ về người đàn ông đã lấy ghế của cậu ta, và sau khi cậu ta hoàn thành nốt việc vẽ tóc và cho những nét cuối cùng vào đôi mắt, Marcia và Dana cùng xem xét và quả quyết rằng đó là chân dung Chris Yop không lẫn đi đâu được. Liệu có thể là Yop đã phát chán với chiếc ghế của Ernie Kessler, tình cờ đi qua một chiếc ghế mà anh ta thích hơn rồi cưỡng đoạt nó khỏi một anh chàng vô danh tiểu tốt của bộ phận sản xuất, rồi bỏ đi cùng chiếc ghế của Marcia, mà anh ta dùng để ngồi cho đến khi mục quản lý văn phòng đến cho anh ta lên thớt khiến anh ta thấy mình không còn lựa chọn nào khác là mang nó xuống phòng làm việc của Tom và giả vờ như nó là ghế của Tom, thế là khi Marcia lên vào để đổi chiếc ghế thật của Tom với chiếc ghế của Ernie Kessler, cô ta đã mang về một chiếc ghế hoàn toàn không phải là của Ernie mà chính là chiếc ghế ban đầu của Marcia? Chẳng lẽ Marcia lại có chiếc ghế của mình rồi sao? “Cậu có hoàn toàn chắc chắn rằng đây chính là người đã lấy ghế của cậu không?” cô ta hỏi cậu loong toong của bộ phận sản xuất. Tay loong toong nói là không, cậu ta hoàn toàn không chắc chắn về điều đó. Marcia không còn biết cô ta đang có chiếc ghế của ai nữa. Nó hoàn toàn có thể là ghế của chính cô ta, nó hoàn toàn có thể là ghế của Ernie Kessler, hoặc nó có thể là chiếc ghế của một bên thứ ba không xác định nào đó. Người duy nhất biết chắc chắn là mục quản lý văn phòng,

người sở hữu danh sách chính. Marcia quay trở về phòng làm việc của mình lòng nặng trĩu nỗi lo lắng đặc trưng của thời kỳ đó.

Larry Novotny ghét việc anh ta không biết liệu có thể thuyết phục được Amber Ludwig rằng nạo thai là vì lợi ích tốt nhất của cả hai người bọn họ, vì anh ta ghét việc mình không biết vợ sẽ làm gì anh ta nếu vụ dan díu này bị đưa ra ánh sáng, trong khi Amber ghét việc cô ta không biết Chúa sẽ làm gì cô ta nếu cô ta đi nạo thai. Amber là một tín đồ Công giáo, những người này vốn ghét việc họ không biết rất nhiều cách bí hiểm mà Chúa làm việc. Đơn cử như chuyện liệu biết đâu Chúa có thể cử Tom Mota quay trở lại văn phòng với tất cả cơn thịnh nộ của Chúa để chấn chỉnh lại những tội lỗi mà Amber đã phạm phải ở đó - trên những chiếc bàn mà chúng tôi hy vọng trước Chúa rằng đó không phải là bàn của chúng tôi?

Cả chúng tôi cũng ghét việc không biết cụ thể về những ý định của Tom nhằm thay đổi lịch sử. Hầu hết chúng tôi đều nghĩ rằng Tom Mota không phải là một kẻ tâm thần, và rằng nếu muốn quay trở lại gã đã làm thế từ một hay hai ngày sau khi bị đuổi rồi. Đến lúc này gã đã có đủ thời gian để nguôi ngoai và lấy lại trí khôn của mình. Nhưng một vài người trong chúng tôi vẫn nhớ cách gã đối xử với Marilyn Garbedian ở bệnh viện vào cái ngày chồng cô ta phải nhập viện vì một ca bệnh nghiêm trọng, nhớ cách gã đã cười khẩy như thế nào trong chiếc áo choàng dài của mình và chăm chăm nhìn vào cổ cô ta, như thể gã sắp sửa giáng một đòn vào đúng cái chỗ thanh tú đó, và không khỏi nghĩ rằng đó đúng là một hành vi tâm thần đúng nghĩa. Nhưng đối với những người khác đó chẳng qua chỉ là cái tính căm ghét đàn bà đã lỗi thời. Chẳng qua chỉ là Tom lẫn lộn Marilyn Garbedian với Barb Mota, vợ cũ của gã, và đang trút xuống Marilyn những gì gã muốn trút xuống Barb. Nhưng nếu quả thực như vậy, một số người trong chúng tôi cãi, gã sẽ lại sắp sửa trút giận xuống ai tiếp theo đây? Tom đặt mua dài hạn tạp chí *Súng và đạn*. Gã có một bộ sưu tập khá đồ sộ các loại súng thuộc sở hữu của mình. Tuy nhiên, hầu hết những khẩu súng này chỉ

là đồ dành cho người sưu tập và có lẽ cũng không còn bán được nữa. Hừm, một số người chúng tôi nghĩ, có gì ngăn được Tom đi ra ngoài mua những khẩu súng mới chứ? Thật dễ dàng làm sao để đến thăm một triển lãm súng và ba ngày sau đã thấy mình sở hữu những loại vũ khí tấn công lý tưởng cho một tình huống giống như những gì chúng tôi đang mừng tởng. Chúng tôi phải tự nhắc nhở mình rằng vì lệnh câu lưu liên quan đến Barb, gã có lẽ sẽ phải chờ đợi thêm đến chín mươi ngày. Hơn nữa, người ta đã từng nghe thấy gã nói rằng những của đó là không có tinh thần mã thượng. “Súng trường tự động, trời ạ - mã thượng đêch gì cái thứ đó?” gã vẫn thường nói. Điều đó có thể khiến một số người nhẹ nhõm. Sẽ chẳng có gì là mã thượng khi giết chúng tôi bằng bất kỳ thứ gì hơn là những khẩu súng lục cổ lỗ sĩ, vì thế Tom sẽ không giết chúng tôi chẳng? Lập luận đó nghe chừng không thuyết phục cho lắm. Tom hoàn toàn có thể dễ dàng thay đổi quan điểm liên quan đến những thứ hàng nóng đó, xuất phát từ những bước phú quý giật lùi gần đây trong cuộc sống thất bại của gã, và sau một vài thao tác nhập dữ liệu ma giáo, sử dụng một đại lý ám muội trên mạng Internet, có khi gã đang sở hữu những thứ hàng không mã thượng từ một tay nhân viên vận chuyển và giao hàng UPS nào đó đúng lúc cuộc tranh luận của chúng tôi đang diễn ra nảy lửa cũng nên. Một số người trong chúng tôi nói rằng điều đó thật vô lý. Tom sẽ không quay lại đâu. Tom đang cố gắng tiếp tục sống. Nhưng những người khác chỉ ra rằng chẳng phải chính chúng tôi cũng đã từng chắc mười mươi là Lynn Mason sẽ không đi làm vào cái ngày chị có lịch mổ, vậy mà hãy nhìn xem cuối cùng cơ sự diễn ra như thế nào.

Chúng tôi ghét việc không biết Lynn Mason đang làm gì mà lại xuất hiện ở văn phòng vào cái ngày mà chị có lịch mổ.

Jim Jackers dành tiếng đồng hồ ăn trưa của anh ta ở phòng đợi của khoa ung thư tại bệnh viện Rush-Presbyterian giữa những người đang ốm rất nặng. Cũng có mặt tại đó còn có một số người thân rất khỏe mạnh, hoặc là đang khoan tay nhìn xa xăm, hoặc là đang đi lấy nước cho những người thân yêu của mình. Jim chờ đợi và chờ đợi vị bác sĩ mà bố anh ta đã liên hệ hộ. Bố Jim bán thiết bị y tế, và khi Jim kể cho ông nghe về dự án mới đây của anh ta, ông bố đã liên hệ với một bác sĩ chuyên khoa ung thư thay cho con trai và bảo Jim là vị bác sĩ rất sẵn lòng nói chuyện với anh ta. Jim muốn nói chuyện với vị bác sĩ với hy vọng thu thập được sự hiểu biết cần thiết để đưa ra được ý tưởng thuyết phục cho vụ gây quỹ, nhưng tại đúng thời điểm đó vị bác sĩ dường như đang quá bận để có thể tranh thủ chút thời gian nào, thế là Jim đành cảm ơn cô y tá và quay trở lại văn phòng.

Anh ta đang đi thang máy lên tầng sáu mươi, nơi bố trí ngăn làm việc của anh ta, thì đến tầng năm mươi chín thang máy bỗng dừng lại và Lynn bước vào. Họ chào nhau và nói chuyện vài câu về chiếc áo của Jim, mà Lynn bảo là chị thích. Jim xoay người lại khoe với chị hình vẽ yêu thích của anh ta, một vũ công hula được thêu sau lưng. Quy định ăn mặc của bất kỳ bộ phận sáng tạo nào cũng là vô cùng thoải mái; họ có thể bảo lưu quyền lấy đi công việc của chúng tôi, nhưng không bao giờ lấy được những chiếc áo Hawaii, những chiếc áo khoác bò, cả những đôi tông nữa. Lynn bảo rằng chị thích cái hình vũ công hula, thứ mà Jimmy có thể làm nhún nhảy hết tiến lại lùi bằng cách nhúc nhích vai anh ta lên xuống. Anh ta quay người lại một lần nữa và biểu diễn.

“Tôi từng là một cô gái hula đấy,” Lynn nói. “Hồi đại học.”

Jim quay lại nhìn chị. “Thật sao?” anh ta nói.

Lynn mỉm cười với anh ta và lắc đầu. “Đùa đấy.”



“Ồ,” Jim mỉm cười. “Tôi cứ tưởng chị nói nghiêm túc cơ.”

“Thỉnh thoảng tôi cũng đùa mà, Jim.”

Chuông thang máy kêu lên và Jim bước ra. Anh ta bước dọc hành lang về chỗ của mình, trong đầu tự nhủ mình thật là ngu ngốc làm sao khi lại đi hỏi Lynn rằng có thật chị từng là một cô gái hula không.

Khi quay trở lại bàn làm việc của mình, anh ta bắt đầu vật vã với việc chuyển cái mớ thiếu hiểu biết của anh ta thành những quảng cáo cho buổi gây quỹ. Anh ta thất vọng vì không nói chuyện được với vị bác sĩ chuyên khoa ung thư, người mà anh ta đã hy vọng sẽ mang lại cho anh ta cảm hứng. Anh ta ngồi xuống nhưng không biết phải bắt đầu từ đâu. Anh ta kiểm tra email của mình, anh ta đứng lên và ăn một chiếc bánh quy đã thiu từ một cái đĩa dùng chung trong nhà bếp. Anh ta quay lại và nó vẫn ở đó, vẫn là cái màn hình máy tính đang dòm chòng chọc. Có một câu trích dẫn được ghim trên vách ngăn của Jim với nội dung, “Trang trống sợ mình”. Tất cả mọi người đều biết nó được ghim lên đó xuất phát từ cảm giác bất an và thiếu tự tin, và rằng chẳng có gì chính xác hơn là điều ngược lại của tuyên bố đó. Nhưng cứ mỗi khi Jim nhận thấy mình ở trong cái hoàn cảnh như lúc này, trân trối nhìn một cách tuyệt vọng vào trang máy tính trống trơn với một cái deadline mà hoàn toàn vắng tiệt cảm hứng, anh ta lại ngẩng lên đọc cái câu đó để mà lên tinh thần. Trang trống sợ mình, anh ta tự nhủ. Sau đó anh ta lại nghĩ, Lynn Mason đang làm gì trong thang máy với mình vào cái ngày mà chị có lịch mổ nhỉ?

Anh ta đi xuống phòng của Benny Shassburger. Benny là người đầu tiên Jim tìm tới khi anh ta có tin gì đó. Tất cả chúng tôi đều có một người như thế, một người để chúng tôi mang những món hàng tốt nhất của mình đến, để rồi người ấy kiểu gì cũng mang thông tin đó đến chỗ khác. Benny đang nghe điện thoại. Jim bước vào rồi ngồi xuống và bắt đầu nghe đoạn kết

cuộc trò chuyện của Benny. Benny đang nói gì đó việc đàm phán lại giá cả - anh ta đang cố thuyết phục người ở đầu dây bên kia giảm xuống một chút. Anh ta nhắc đi nhắc lại là anh ta không thể kham nổi cái giá kia. Jim bất giác tự hỏi tất cả chuyện này là về cái gì, nhưng sau đó anh ta quay trở lại với thực tế là anh ta vừa đi chung thang máy với Lynn Mason vào cái ngày mà chị có lịch - hay là không phải lịch mổ thì sao nhỉ? Một ca phẫu thuật mổ ngược, đó đâu giống với thứ dành cho bệnh nhân ngoại trú, Jim nghĩ bụng, nơi bạn đến vào buổi sáng để họ vá víu lại cho bạn và đến một giờ bạn quay về làm việc. Một ca phẫu thuật như vậy phải mất vài ngày để hồi phục. Anh ta không biết nhiều lắm về ung thư vú nhưng anh ta cũng biết gần ấy. Anh ta muốn Benny cúp điện thoại. Chúng tôi tốn cơ man nào là những ngày trong phòng làm việc của người khác, chờ đợi họ nói xong điện thoại.

“Đó là bên U-Stor-It<sup>[24]</sup>,” Benny nói khi đã cúp máy. “Họ đang đòi tăng giá lên.”

“Ôi trời,” Jim thốt lên. “Lên bao nhiêu?”

Hai con mắt đỏ quạch của Jim lồi ra khi Benny nói cho anh ta nghe mức giá. “Đúng là chặt chém nhỉ?” Benny nói. “Nhưng tớ không biết phải làm gì khác được nữa, anh bạn. Tớ phải giữ nó ở đâu đó.”

Khi chúng tôi phát hiện ra là Benny đã nhận được một cây cột tô tem từ Brizz Già, chúng tôi bảo anh ta rằng anh ta có vài lựa chọn dễ dàng. Để mặc nó cho người chủ tương lai của ngôi nhà của Brizz xử lý - đó có lẽ là cách dễ dàng nhất. Hoặc anh ta có thể tìm một nhà sưu tập và biết đâu họ có thể đến mang nó đi miễn phí. Chris Yop gợi ý anh ta cứ để nó ở góc giao nhau giữa hai phố Clark và Addison và theo dõi cho đến khi một trong những tay vô gia cư nào đó khuân nó đi trên một chiếc xe đẩy mua hàng. Karen Woo nói anh ta nên thuê một công ty nghiên gỗ đến chỗ Brizz và

biến cái cột tô tem đó thành những mẫu gỗ nhỏ đủ màu sắc. Tom Mota thích ý tưởng cửa nó ra thành nhiều mảnh và cho chúng tôi mỗi người một cái đầu để trang trí phòng làm việc nhằm tưởng nhớ đến Brizz.

“Chẳng lẽ ít nhất các cậu cũng không mảy may tò mò tại sao Brizz lại có nó ở sân sau à?” Benny hỏi.

Chắc chắn là chúng tôi tò mò rồi. Nhưng rất có thể là có một lời giải thích đơn giản cho chuyện này. Bản thân Brizz đã được thừa kế món đồ đó từ những người bán nhà cho lão, hoặc một cách giải thích gì đó theo hướng này.

“Vậy tại sao lão lại để nó cho tớ trong di chúc của lão,” Benny hỏi, “nếu như lão chỉ đơn thuần là tìm thấy nó trong sân sau nhà mình khi lão mua chỗ đó? Tại sao lại cố tình để lại nó cho tớ?”

Một đêm chúng tôi uống vài chầu sau giờ làm tại quán bar thể thao dưới tầng hầm gần đó. Chúng tôi kê mấy chiếc bàn phủ khăn kẻ ca rô lại với nhau và tán gẫu quanh mấy vò bia thuộc đủ các giai đoạn tiêu thụ khác nhau. Chúng tôi đang chệnh choáng vì cái mùi nhớp nháp ẩm ướt của cái boong ke ngọt ngào đó hơn là vì thứ bia nhạt thếch mà họ phục vụ, thì Karen Woo hỏi chúng tôi có biết Benny sẽ làm gì với cây cột tô tem của anh ta không. Chúng tôi liệt kê các lựa chọn của Benny cho cô ta nghe. “Không,” cô ta khẳng định, “không, đó không phải là điều tôi định hỏi. Tôi đang hỏi là mọi người có biết anh ta đang thực sự làm gì với nó không cơ?”

Chúng tôi không biết.

“Anh ta đang đến thăm nó,” cô ta nói.

Chúng tôi hỏi cô ta nói thế nghĩa là thế nào.

“Anh ta đang đến nhà Brizz,” cô ta nói, “và dành thời gian với nó.”

Có một số câu trả lời khả dĩ cho việc tại sao Benny lại làm một việc như vậy. Nó là một món đồ độc đáo, và Benny thì vẫn sững mê tơi khi sở hữu một món đồ độc đáo. Hoặc anh ta đang đo đạc nó để chuyển đi. Hoặc anh ta đang gặp ai đó để đánh giá nó. Có thể nó đáng chút tiền.

“Không, các cậu không hiểu rồi,” Karen nói, “đây không chỉ là chuyện đến một lần thôi đâu. Anh ta đã xuống đó... Jim,” cô ta nói, đúng lúc Jim vừa quay lại ghế của mình sau khi lo chút công chuyện với ngài R. “Hãy cho mọi người biết Benny đã xuống kia bao nhiêu lần để nhìn cái cột tô tem đó rồi.”

“Tôi không biết,” Jim nói, và nhún vai.

“Anh biết mà, Jim - bao nhiêu lần rồi?” Jim do dự không muốn bán đứng bạn mình. “Mười lần!” Karen thốt lên. “Trong một tháng! Có đúng thế không, Jim?”

Chúng tôi hỏi Jim là Benny đang làm gì dưới đó.

“Cậu ta chỉ nhìn nó thôi,” Jim nói. “Mà nó cũng đáng nhìn thật. Lần đầu tiên nhìn thấy nó tôi nổi hết cả da gà.”

“Ở Viện Mỹ thuật cũng có những thứ khiến anh phải nổi da gà cơ mà,” Karen trả lời. “Đâu có nhiều người đến đó mười lần trong một tháng, Jim.”

Ngày hôm sau chúng tôi hỏi Benny là có phải anh ta thực sự xuống chỗ nhà Brizz để thăm cái cột tô tem không. Nếu đúng thế, chúng tôi hỏi, thì tại

sao? Chúng tôi bảo Jim Jackers kể là anh ta đã xuống đó mười lần trong tháng vừa rồi. Có đúng thế không?

“Tôi không biết, tôi có đếm đâu,” Benny nói. “Màn tra hỏi này là sao vậy?”

Chúng tôi hỏi là có phải anh ta xuống đó gặp người định giá cây cột vì nó đáng tiền không. Hay là anh đang đo nó để cuối cùng chuyển đi. Hay anh ta thích thú với việc sở hữu một món đồ độc đáo.

“Chuyện đó thì quan trọng gì?” anh ta trả lời. “Tôi xuống đó đấy. Có gì đâu mà àm ỉ?”

Chúng tôi không hiểu, thế mà lại còn không àm ỉ. Bởi vì ngày hôm sau chúng tôi phát hiện ra rằng anh ta không chỉ xuống dưới đó. Anh ta còn xuống đó ngay sau giờ làm. Nói cách khác, anh ta lái xe xuống đó ngay giữa giờ cao điểm. Chúng tôi hỏi tại sao anh ta dám bất chấp giao thông chỉ để ngắm nhìn một cây cột tô tem. Anh ta làm bầm gì đó vòng vo và nhất định không chịu trả lời thẳng. Anh ta đã suy nghĩ gì thêm chưa, chúng tôi hỏi anh ta, về việc anh ta định làm gì với nó khi Bizarro Brizz mang rao bán ngôi nhà của Brizz Già? Khôn ngoan nhất là cứ để mặc nó cho những người chủ tương lai. Benny trả lời rằng anh ta không nghĩ mình sẽ làm như thế. Trong trường hợp đó, chúng tôi băn khoăn, thì kế hoạch của anh ta đối với nó là gì nhỉ? Có người nêu ra ý kiến rằng biết đâu có những người da đỏ thực sự ở ngoài kia đang muốn tìm lại cây cột tô tem của họ, họ sẽ biết làm gì với nó tốt hơn là anh ta. Phản ứng của Benny?

“Brizz để lại cây cột tô tem đó cho tôi,” anh ta nói. “Ông ấy không để lại cho bất kỳ thằng cha da đỏ thực sự nào cả.”

Đó là điều ngỡ ngàng nhất mà chúng tôi từng nghe thấy. Một tháng trước đó, chẳng có cây cột tô tem nào hết. Có lẽ khi ấy ý tưởng về việc sở hữu một cây cột tô tem sẽ là hoàn toàn lỗi bịch đối với Benny. Thế rồi Brizz để lại cho anh ta một cây cột tô tem, và anh ta đang khinh thường giao thông để thăm nom cái của đó. Chúng tôi chỉ muốn biết là tại sao.

“Các người nên đi mà lo việc của mình,” anh ta nói.

Chúng tôi nhờ cậy đến Dan Wisdom. Anh ta sống cùng khu với Brizz. Chúng tôi nhờ Dan bỏ ra vài tiếng đồng hồ trong một buổi tối dứt ra khỏi những bức tranh cá của anh ta, lái xe qua chỗ nhà Brizz, và tìm hiểu xem Benny đang làm gì - thì các bạn biết rồi đấy, xem anh ta dành thời gian ở đó làm gì.

“Thì cậu ta đã bảo với chúng ta là cậu ta dành thời gian ở đó làm gì rồi mà,” Dan nói. “Cậu ta ngắm nhìn cái của đó.”

Thì thế, nhưng chắc chắn phải có gì đó phức tạp hơn thế. Hãy ra khỏi xe, chúng tôi bảo Dan, và ngắm nhìn nó cùng anh ta, sau đó hỏi xem điều gì đang diễn ra trong đầu anh ta.

“Ai mà biết được điều gì đang diễn ra trong đầu cậu ta chứ?” Dan nói. “Điều gì đang diễn ra trong đầu cậu ta là việc của cậu ta. Với lại,” anh ta nói thêm, “cũng không hẳn là tớ sống cùng khu với Brizz. Đúng là tớ sống ở mạn Bờ Nam, nhưng mạn Bờ Nam, các cậu biết rồi đấy, là cả một khu rộng lớn.”

Chúng tôi bảo Marcia Dwyer rằng Benny từng mê mẩn cô ta một thời gian dài. Hãy đề nghị xuống đó cùng với anh ta, chúng tôi giục cô ta. Bảo với anh ta là cô muốn ngắm nhìn nó. Anh ta sẽ rất thích thú được có cô đi

cùng cho mà xem. Sau đó hãy hỏi anh ta tại sao anh ta lại ám ảnh với cái của đó thế.

“Được rồi, thứ nhất nhé,” Marcia nói, “các người là một lũ giẻ rách. Và thứ hai, tôi thực sự không quan tâm anh ta làm gì dưới đó. Có thể anh ta đang phát hiện ra điều gì đó về bản thân mình. Có thể - và tôi biết, điều này nghe thì có vẻ điên rồ đối với các người - nhưng có thể anh ta đang tìm kiếm điều gì đó. Một dấu hiệu từ Brizz. Một kiểu dấu hiệu nào đó.”

Chúng tôi đã quên mất rằng Marcia sùng đạo Phật theo kiểu lờ mờ và rỗng tuếch - thuyết luân hồi, luật nhân quả nghiệp chướng. Những huyền hoặc tôn giáo mà có lẽ cô ta chẳng hiểu tí quái nào cho ra đầu ra đũa.

“Và thứ ba,” cô ta nói, “Benny Shassburger mê mẩn tôi à?”

Bọn cháu không chắc là bác có thể đã biết hoặc không biết những gì, chúng tôi nói khi, thật sung sướng, chúng tôi vợ ngay phải bố của Benny, đang chờ Benny ở sảnh chính. Một số người trong chúng tôi nhận ra ông từ bức ảnh trong phòng làm việc của Benny, một người đàn ông bệ vệ để râu quai nón và đội mũ chòm. Nhưng cách đây một tháng, chúng tôi bảo ông, con trai bác được để lại cho một món đồ nhỏ từ một người từng làm việc ở đây. Không biết ông có biết chúng tôi đang nói đến thứ gì không?

“Cây cột tô tem phải không?” bố anh ta hỏi.

Vâng, đúng là cây cột tô tem. Và ông có biết là trong suốt sáu tuần vừa rồi, Benny đã tới nhà tay kia cả tá lần hoặc thậm chí còn hơn không? Sau giờ làm việc, khi anh ta phải ngồi chờ chực giữa dòng xe, anh ta phóng một mạch xuống phố 115 để ngắm nhìn cây cột tô tem đó. Chúng tôi hỏi ông có biết chuyện đó không.

“Bác biết là nó xuống dưới đó mà.” Bố cậu ta gật đầu. “Bác chỉ không biết là nhiều lần đến thế, nhưng bác biết là nó xuống dưới đó, chắc chắn rồi. Bác đã xuống dưới đó cùng với nó.”

Ông đã xuống đó cùng với anh ta?

“Chắc chắn rồi.”

Và cả hai người bọn họ đã làm gì khi ở dưới đó?

“Bố con bác ngắm nhìn nó,” bố của Benny nói.

Thế thôi sao? Tất cả những gì hai bố con họ làm là ngắm nhìn nó?

“Chắc, sau đó hai chúng ta trùm mũ lông chim lên đầu và cầu nguyện được mùa ngô. Đó có phải là những gì các cháu chờ đợi không?”

Không nghi ngờ gì nữa chúng tôi đã gặp đúng người. Đó là một câu trả lời lẽ ra đã buột ra từ chính miệng của Benny Shassburger trong mấy cái ngày trước khi anh ta kiên quyết ngậm miệng và từ chối hé răng lấy một lời về lý do tại sao cây cột tô tem lại có sức hút đến thế đối với anh ta và khiến chúng tôi phát điên với vẻ bí mật của mình. Chúng tôi hỏi bố của Benny là liệu ông ấy có thấy tò mò chút nào về việc tại sao một người Do Thái như Benny lại trở nên ám ảnh với một hiện vật ngoại đạo như cây cột tô tem.

“Nếu các cháu đang hỏi ta là con trai ta có cầu nguyện với cây cột không,” bố cậu ta trả lời, sắc giọng thay đổi ngay lập tức, “thì ta không nghĩ là nó cầu nguyện với cây cột. Ta chỉ nghĩ là nó thích cái cột thôi.”

Đúng, ngày hôm sau chúng tôi nói với Benny, chúng tôi đã nói chuyện với bố anh ta. Không, chúng tôi không bao giờ hỏi ông là Benny có cầu



nguyện với cây cột hay không. Chúng tôi không định xúc phạm bất kỳ ai cả. Chúng tôi chỉ muốn biết, chúng tôi nói với Benny, thực lòng mà nói, chúng tôi chỉ muốn biết tại sao cậu lại xuống đó để ngắm nhìn cây cột tô tem thường xuyên đến thế, và cậu nghĩ gì trong đầu khi cậu ở dưới đó.

“Tôi xuống dưới đó,” anh ta trả lời điềm nhiên, “để nghĩ về Brizz.”

Đúng là buồn cười thật. Trong khi Benny đang nghĩ về Brizz, thì chúng tôi lại nghĩ về Benny. Benny có thể làm gì dưới đó trong sân sau nhà Brizz, anh ta nghĩ gì khi đứng trước cây cột tô tem đó - đó là những gì chúng tôi băn khoăn. Và Benny, anh ta đang tự hỏi - hừm, chính xác là gì chứ? Có gì để nghĩ đến khi tưởng nhớ Brizz chứ? Những điều thuộc lá của lão, chiếc áo gi lê len, câu chuyện của lão với tay nhân viên tòa nhà, và tất cả những cái ngày chẳng có gì đáng nhớ khi lão ở cùng chúng tôi. Tất cả những cái đó chỉ mất có mười giây. Sau đó thì cậu đi đâu? Còn có gì khác nữa để mà nghĩ đến?

“Nghe này,” Benny nói, anh ta đã đi đến giới hạn kiên nhẫn của mình. “Tôi không mua cái của đó. Tôi cũng không trồng nó ở sân sau nhà mình. Tôi chỉ đến thăm nó. Các người sẽ làm gì với Brizz nếu các người phát hiện ra rằng lão ta có một cây cột tô tem ở sân sau, và khi các người hỏi lão tại sao, lão nhất định không chịu nói?”

Săn đuổi lão, đe dọa lão, hành hạ lão, giết lão. Bất kỳ điều gì cần thiết.

Nhưng vấn đề không phải là Brizz. Chúng tôi sẽ không thể có câu trả lời nào từ Brizz. Brizz đã mất rồi. Trong khi đó Benny thì vẫn còn đang sống đây. Benny có thể nói cho chúng tôi biết những gì chúng tôi muốn biết.

“Tôi sẽ không bao giờ nói cho các người biết,” anh ta nói. “Đó là một bí mật mà tôi chia sẻ với Brizz và lũ cận bã các người không thể nào biết

được.”

“Benny bị điên rồi à?” Karen hỏi Jim.

Không hiểu sao Benny trả cho tất cả chúng tôi mỗi người mười đô la. Anh ta đi từ phòng này sang phòng khác, từ ngăn này sang ngăn khác, chìa ra những tờ mười đô la. Cái này là gì đây? Chúng tôi hỏi anh ta.

“Tiền hoàn lại,” anh ta nói. “Tôi không muốn những đồng tiền máu của các người.”

Hóa ra anh ta đang trả lại những khoản mười đô mà anh ta đã thắng của mỗi người chúng tôi khi anh ta cho Brizz vào Danh sách Theo dõi Nhân vật Nổi tiếng sắp chết của mình.

“Cậu ta điên thật rồi,” Jim nói.

Cuối cùng thì Bizarro Brizz cũng rao bán ngôi nhà của Brizz, và giờ thì tình hình, chúng tôi tự nhủ, sẽ phải thay đổi. Sẽ không còn cái sân sau nào cho Benny đến thăm nữa. Sẽ không còn - các bạn gọi đó là gì nhỉ? - điểm tưởng niệm, hay thế quái nào cũng được, để tiêu khiển thời gian, và tưởng nhớ đến người đã khuất, và tất cả những ký ức mà Brizz bỏ lại sau lưng, hoặc bất kỳ điều gì mà Benny đang chiêm nghiệm khi ở dưới đó. Lẽ tự nhiên là chúng tôi định ninh rằng anh ta sẽ phải bỏ cuộc. Anh ta sẽ phải bỏ lại nó cho những người chủ tương lai, hoặc bỏ nó đi, hoặc cho nó đi định giá, hoặc thuê một công ty nghiền gốc cây đến xử lý nó. Thay vào đó, anh ta thuê một công ty chuyên đồ đến đưa nó ra khỏi sân sau và chuyển đến kho chứa lớn nhất ở cơ sở của U-Stor-It tại North and Clybourn, nơi anh ta giữ nó trong túi nhựa bong bóng đặt nằm ngang trên nền xi măng, bởi vì nó quá lớn không thể nhét vừa vào bên trong căn hộ của anh ta.

Khi chúng tôi nghe nói là Benny sẽ không tống khứ cây cột tô tem mà chọn cách giữ nó lại, thậm chí là ngay cả khi phải tốn công đến mức là bảo quản nó bằng khoản tiền túi không nhỏ, chúng tôi liên tục hỏi anh ta là tại sao. Tại sao, Benny? Tại sao? Benny, tại sao? Khi anh ta vẫn nhất quyết từ chối cho chúng tôi biết - hoặc có lẽ anh ta vừa mới nhận ra là thậm chí anh ta còn không thể nào giải thích những lý do của mình với chính mình - chúng tôi thể hiện rõ sự bất mãn. Chúng tôi không thích việc không biết điều gì đó. Chúng tôi không thể nào chịu đựng nổi việc bị bỏ trong bóng tối. Và chúng tôi nghĩ đó đúng là cao trào về đạo đức giả đối với Benny, người vốn lúc nào chẳng nói với tất cả mọi người về tất cả mọi người khác, khi anh ta cố gắng giữ một bí mật đối với chúng tôi. Thế là chúng tôi giờ trò hù hét với anh ta. Chúng tôi nhại những điệu nhảy nghi lễ (của người da đỏ) trên ngưỡng cửa phòng anh ta. Điều tồi tệ nhất chúng tôi làm là lấy kéo cắt cái chỏm tóc giả cũ mà Chris Yop để trong tầng hầm nhà anh ta, rồi mang cái của nham nhỡ ấy đặt lên bàn làm việc của Benny, lại được Karen Woo dội lọ máu giả mà cô ta để trong văn phòng lên, thành thử cái của nằm trên bàn Benny trông giống hệt một miếng da đầu vừa lột. Có người đề xuất là chúng tôi tìm một cái mũ Do Thái đặt lên trên, nhưng tất cả chúng tôi đều cơ bản đồng ý rằng kết hợp hai hành động tàn bạo đó với nhau thì sẽ là quá đáng quá.

Bao biện về phần chúng tôi, thì đó là ý tưởng của Chris Yop và Karen Woo, miếng da đầu giả, và họ cũng thực sự là những người vào phòng thực hiện việc đó. Hank Neary nói một câu rất đắt thế này, “Ừ, đó đúng thực sự là một sản phẩm của Yop và Woo.” Chúng tôi túm ngay lấy câu đó, và sau đó, nó trở thành cái tên của bộ lạc mà Benny thuộc về, bộ lạc Yopanwoo. Chúng tôi nói, Ê, Benny, cậu và bộ lạc Yopanwoo giữ ấm bằng cách nào trong mùa đông? Cậu và bộ lạc Yopanwoo đã nhận được tiền bồi thường từ chính phủ Mỹ chưa, Benny? Những người anh em cùng bộ lạc của cậu, Benny, họ có nốc thứ nước lửa đến tủy lúy không? Benny chỉ mỉm cười trước những lời chọc ghẹo đó và gật đầu một cách nhã nhặn rồi quay về

bàn làm việc của mình, và không hề có một lời giải thích nào, tiếp tục tàng trữ cây cột tô tem của Brizz với giá ba trăm mười chín đô la một tháng.

Vào cái buổi chiều mà lẽ ra Lynn Mason phải đang hồi phục sau ca mổ, Benny phát hiện ra là người ta đang nâng giá lưu kho của anh ta thêm ba mươi đô nữa. Bản thân cái khoản đó thôi thì cũng không đến nỗi quá đáng lắm, nhưng cộng với cả phần còn lại, anh ta đang phải dốc túi một khoản phí lý mỗi tháng.

“Đã đến lúc tớ tổng khứ nó rồi,” anh ta bảo với Jim. “Nó chẳng làm cái gì ngoài việc cứ ngồi trơ ra đó.”

Jim đang hí hửng định khoe với Benny chuyện anh ta vừa đi chung thang máy với Lynn Mason khi mà lẽ ra chị đang phải ở trong bệnh viện. Nhưng anh ta ngạc nhiên khi nghe thấy rằng Benny đang nghĩ đến chuyện từ bỏ cây cột tô tem.

“Cậu vẫn luôn nói là Brizz để lại cho cậu cây cột tô tem đó là có lý do cơ mà,” anh ta nói. “Vậy mà cậu lại đang nói đến chuyện từ bỏ nó sao?”

“Tớ làm gì có lựa chọn nào khác đâu?” Benny trả lời. “Tớ không thể chi ba trăm năm mươi đô la mỗi tháng cho một cây cột tô tem. Như thế thật là điên rồ.”

“Thế ở mức ba trăm mười chín thì không điên à?”

“Không, khi đó cũng đã là điên rồi,” Benny nói. “Nhân tiện, cậu muốn biết nó đáng giá bao nhiêu à? Tớ đã nhờ một chuyên gia định giá xem qua nó. Trên thị trường đồ cổ, thằng cha đó bảo tớ, nó có thể được bán với giá sáu mươi nghìn đô la.”

Hàm của Jim tụt xuống. Anh ta buột ra những tiếng lẩm bầm ú ớ vì không tin.

“Ồ, và còn chuyện này nữa,” Benny nói. “Hôm nay Lynn Mason ở văn phòng đấy.”

Vẻ mặt của Jim chuyển từ ngờ vực về giá trị của cây cột tô tem sang nỗi thất vọng khi nghe từ Benny chính cái tin sốt dẻo mà anh ta đã kiên nhẫn chờ đợi được tự mình tiết lộ.

“Ôi trời ạ!” anh ta thốt lên. “Tớ đã định kể với cậu chuyện đó!”

Joe Pope đột ngột hiện ra trên ngưỡng cửa phòng Benny mang theo quyển công tác trong ngày bọc da của anh ta.

“Các bạn,” anh ta nói, “mười phút nữa chúng ta sẽ họp dưới chỗ kê ghế.”

Một cuộc họp tăng ba là tin xấu. Đặc biệt là khi nó diễn ra quá chóng vánh ngay tiếp theo một cuộc họp tăng hai. Việc thông báo một cuộc họp tăng ba chỉ có nghĩa là dự án đã bị hủy bỏ hoặc hoãn lại, hoặc thay đổi. Chúng tôi có mười phút để ngẫm nghĩ xem điều gì là tồi tệ nhất. Nếu bị hủy hoặc hoãn, dự án duy nhất của chúng tôi đi tong, và cùng với nó là tất cả hy vọng về việc tỏ ra bận rộn. Tỏ ra bận rộn là điều không thể thiếu để chúng tôi cảm thấy mình quan trọng đối với công ty, cùng với sự ghi nhận như vậy từ phía các thành viên quản trị, những người sẽ căn cứ vào thành quả lao động của chúng tôi để kết luận rằng không thể cho chúng tôi nghỉ việc được. (Không cần phải quá sẫm soi vào thực tế căn bản là dự án duy nhất của chúng tôi mang tính chất từ thiện, và có nghĩa là thứ chúng tôi sẽ không được trả tiền.) Nếu dự án bị thay đổi, thì tất cả công sức chúng tôi dồn vào

những ý tưởng của mình từ đầu đến giờ coi như thành công cốc. Như thế bảo sao lại không lộn ruột. Chúng tôi yêu một cuộc họp tăng hai bao nhiêu thì chúng tôi cũng luôn nghĩ đến một cuộc họp tăng ba một cách bồn chồn và lo lắng bấy nhiêu.

Và lần này thì lại càng có lý do chính đáng. Sau khi đi lòng vòng qua nhà vệ sinh, tới quầy cà phê làm một ly lấy tinh thần, tới quầy căng tin làm một lon cô ca, chúng tôi lướt thượt xuống khu kê đi vắng để nghe tin xấu. Chúng tôi sẽ không còn phát triển ý tưởng quảng cáo cho một buổi gây quỹ nữa.

Joe ngồi trên một chiếc ghế sofa và cố giải thích. “Được rồi, vấn đề là thế này,” anh ta nói. “Nó không hẳn còn là một quảng cáo cho bất kỳ thứ gì nữa.” Ngay lập tức anh ta rút lại câu đó và nói rằng tất nhiên nó là quảng cáo cho một thứ. Hay nói đúng hơn nó là quảng cáo cho *một người*. Nhưng không, theo nghĩa truyền thống của một quảng cáo, nó lại không hẳn là một quảng cáo. Tất nhiên nó vẫn là một *quảng cáo*, nhưng mang nhiều hơn tinh thần của một lời tuyên bố cộng đồng.

“Tôi giải thích chuyện này không rõ ràng đầu đũa cho lắm,” anh ta nói. “Để tôi nói lại từ đầu. Điều mà khách hàng muốn từ chúng ta lúc này là một quảng cáo nhắm cụ thể đến người bị chẩn đoán ung thư vú. Chúng ta không còn hướng đến những nhà tài trợ tiềm năng với đề nghị quyên tiền nữa. Chúng ta sẽ nói chuyện trực tiếp với người bệnh. Và mục tiêu của chúng ta,” anh ta nói, “là khiến họ phải bật cười.”

“Khiến họ bật cười?” Benny nói. “Tôi không hiểu.”

“Tôi cũng không,” Jim nói, từ dưới sàn nhà.

“Các bạn nghĩ ra một quảng cáo,” Joe nói, “làm cho bệnh nhân ung thư phải bật cười. Đơn giản thế thôi.”

“Chúng ta đang bán cái gì?”

“Chúng ta chẳng bán gì hết.”

“Nếu thế thì mục đích là để làm gì?”

“Cứ coi nó - được rồi,” anh ta nói, ngồi ngả về phía trước và chống hai khuỷu tay lên đầu gối. “Cứ coi nó như một chiến dịch nâng cao nhận thức, được không nào? Chỉ có điều các bạn sẽ không làm cho đối tượng nhận thức về bất kỳ điều gì cả, các bạn chỉ làm cho họ bật cười thôi.” Khi thấy điều đó vẫn chẳng rõ ràng thêm nhiều lắm, anh ta bổ sung. “Được rồi, nếu như chúng ta có bán cái gì đó ở đây, thì đó là cảm giác dễ chịu, và hy vọng cho bệnh nhân ung thư thông qua tiếng cười. Như thế thì sao nào?”

“Đó là một sản phẩm khác thường,” Genevieve nhận xét.

“Đó đúng là một sản phẩm khác thường mà,” anh ta đồng tình. “Chúng ta không có sản phẩm nào hết. Chúng ta không có những đặc điểm hoặc lợi ích, chúng ta không có lời hô hào kêu gọi nào, chúng ta cũng không có sự cạnh tranh trên thị trường. Chúng ta cũng không có nguyên tắc nào về thiết kế, quy cách trình bày, màu sắc, phong chữ, hình ảnh hay kiểu mẫu.”

“Vậy chúng ta có gì đây?” cô ta hỏi.

“Chúng ta có đối tượng hướng đến - những phụ nữ bị ung thư vú - và một mục tiêu - là làm cho họ cười.”

“Tại sao dự án lại thay đổi?”

“Tôi không biết,” anh ta nói. “Lynn chỉ chuyển tiếp cho tôi bức email nêu rõ những thay đổi và yêu cầu tôi phổ biến đến cho các bạn.”

“Bây giờ ai sẽ trả tiền cho quảng cáo khi mà nó không còn dành cho một buổi gây quỹ nữa?” Dan Wisdom hỏi.

“Câu hỏi hay lắm. Vẫn là những người đó, tôi nghĩ thế. Liên minh Chống Ung thư Vú.”

“Joe,” Karen nói, “tại sao tôi không hề tìm thấy sự hiện diện nào của cái ‘Liên minh Chống Ung thư Vú’ này trên Internet nhỉ?”

“Tôi không biết,” anh ta trả lời. “Cô không tìm thấy à?”

Karen lắc đầu. “Có đủ các tổ chức từ thiện, viện vũng, trung tâm nghiên cứu, và khoảng một nghìn liên minh này nọ, nhưng chẳng có cái nào mang tên ‘Liên minh Chống Ung thư Vú’ cả.”

Joe đưa ra ý kiến rằng Liên minh Chống Ung thư Vú có thể là một kiểu nhóm đại diện cho các tổ chức khu vực, mỗi thành viên trong số đó lại có một website riêng.

“Vậy chúng tôi phải làm gì với những ý tưởng về buổi gây quỹ mà chúng tôi đã làm xong?”

“Cất chúng đi đã.”

“Hừm, đúng là phí công,” Karen nói.



“Đảng nào thì chúng ta cũng đã có cái gì ra hồn đâu mà,” Larry nói.

“Chúng ta có rồi còn gì, Larry. Chúng ta đã có ‘Những người thân yêu’, được chưa? Joe, sự thay đổi này xuất hiện khi nào vậy?”

“Như tôi vừa nói, Lynn chỉ chuyển tiếp cho tôi bức email thôi.”

“Tôi tưởng hôm nay Lynn không đi làm.”

“Thay đổi kế hoạch, tôi đoán thế.”

“Vậy là tất cả mọi người đều biết là hôm nay Lynn đến công ty à?” Jim nói, nhìn quanh chúng tôi, “Làm thế nào mà tôi lại là người cuối cùng biết điều đó vậy?”

“Bởi vì anh là một thằng ngốc,” Marcia nói.

“Được rồi, các bạn,” Joe nói. “Bắt tay vào việc nào.”

Rời ghế quay trở về, biết rằng chúng tôi phải tổng khứ những ý tưởng quảng cáo cho vụ gây quỹ và bắt đầu lại từ đầu trong những tiếng đồng hồ chán ốm của buổi chiều - dường như chúng cứ kéo dài lê thê mãi không hết - chúng tôi cảm thấy hơi uể oải. Bao nhiêu công sức thế là vút đi sạch. Và nếu chúng tôi có tình cờ hồi tưởng lại, tìm kiếm sự khai sáng, về những ngày đã qua và những công việc đã hoàn thành - á chà, đúng là một ý tưởng tồi, vì tất cả đã có được bao nhiêu đâu? Và việc phấp phỏng chờ đợi công việc tương lai chỉ càng khiến cho khoảnh khắc hiện tại thậm chí còn trở nên khổ sở hơn. Có quá nhiều điều khó chịu trong thế giới thường ngày. Điều ta không hề muốn làm vào buổi tối là về nhà rửa bát đĩa. Và chỉ riêng

ý nghĩ rằng một phần của dịp cuối tuần phải được dành cho việc đi thay dầu và giặt đồ đã đủ khiến những người trong chúng tôi còn đang căng đầy bụng sau bữa trưa chỉ muốn nằm ịch xuống hành lang và buộc bất kỳ ai đủ gần đến mức vẫn còn tận tụy làm việc phải đi vòng qua chúng tôi. Như thế có thể cũng chưa hẳn là tệ. Họ có thể thả đồ ăn xuống người chúng tôi, hoặc nếu như điều đó là không thể thì kiểu gì mẫu vụn từ những thanh bánh PowerBar của họ và những túi bóng ngô bung bằng lò vi sóng chẳng chóng thì chày cũng sẽ rơi xuống trong tầm tay với. Cánh nhân viên lao công, vì cần hút bụi, chắc chắn thế nào cũng lật người chúng tôi lên, để ngăn ngừa chứng thối loét vì nằm lâu, và chúng tôi có thể tạo ra những món đồ chơi nhỏ từ những sợi xước rách trên thảm, và những thứ đó, trong những thời khắc hồi quy cùng cực, chúng tôi có thể bấu vào cho khuây khỏa.

Nhưng mơ mộng thế là quá đủ rồi. Bàn làm việc của chúng tôi đang chờ đợi, chúng tôi có công việc phải làm. Và công việc là tất cả. Chúng tôi thích nghĩ rằng nó là gia đình, nó là Chúa Trời, nó là theo đuổi các trận bóng vào những ngày Chủ nhật, nó là đi shopping với các cô gái hoặc một châu bụ khú bét nhè vào tối thứ Bảy, rằng nó là tình yêu, rằng nó là sex, rằng nó là cách chuẩn bị cho khi nghỉ hưu. Nhưng vào lúc hai giờ chiều với những hóa đơn phải thanh toán và vấn nạn giảm biên chế đang lơ lửng trên đầu chúng tôi, tất cả chỉ là vì công việc.

Ấy vậy mà có chuyện xảy ra chiều hôm đó khiến thật khó mà tập trung nổi. Benny Shassburger gọi Joe vào phòng làm việc của mình để thông báo với anh ta rằng mình vừa nhận được một bức email từ Tom Mota. Dòng chủ đề viết, “Jim nói với tớ rằng các cậu đang làm một quảng cáo về ung thư với mục đích từ thiện.”

“Vậy là anh ta vẫn liên lạc cả với Jim nữa?” Joe vừa hỏi vừa ngồi xuống chiếc ghế bên kia bàn.

“Có vẻ thế. Như tôi đã nói, tôi chỉ vừa mới nhận được cái này cách đây vài phút.”

“Đọc cho tôi nghe xem nào.”

Benny quay sang máy tính của anh ta. “Cũng hơi dài đấy.”

“Không sao. Cứ đọc đi.”

“Được rồi. Anh ta bắt đầu bằng, ‘Vậy là Jim nói với tớ rằng các cậu đang làm một quảng cáo về ung thư với mục đích từ thiện ở đó. YEEE-HOO! Tớ đã được tự do rồi!!! Nhưng vì các cậu thì chưa, dù sao đi nữa, tớ nghĩ tớ có thể kể cho các cậu nghe câu chuyện về bệnh ung thư của mẹ tớ, và cậu có thể dùng nó nếu cậu muốn. Mẹ tớ là một mục khộm già khốn kiếp. Khi bà ấy không là một mục khộm già khốn kiếp, bà ấy lại vừa câm vừa điếc. Và khi bà ấy không vừa câm vừa điếc, thì bà ấy lại đang khóc lóc trong bồn tắm. Và khi nào bà ấy không khóc lóc trong bồn tắm, thì bà ấy lại đang chia sẻ một chai bia với lão Hughes. Để tớ cho cậu biết, có một lão bạn tình gấn mắt giả ão uột, lão Hughes. Dù sao đi nữa, đó là bốn ký ức về mẹ tớ. Trông bà ấy như Rosie Cô thợ tán đĩnh<sup>[25]</sup> - cậu biết người phụ nữ tớ nói đến, người quàng khăn trên đầu và nói, ‘Chúng ta làm được!’ ấy? Điểm chung mà họ chia sẻ chính là khuôn mặt không mỉm cười. Nhưng điểm tương đồng cũng chỉ dừng lại ở đó thôi vì mẹ tớ chẳng biết làm gì sất và mắt bà ấy thì sùm sụp như tranh biếm họa về một người chết ấy. Tớ không bao giờ mua cho bà ấy một tấm thiệp nhân Ngày của Mẹ nhưng tớ tin chắc là người ta chẳng bao giờ viết tấm thiệp nào dành cho bà ấy. Cậu có hình dung được không? ‘Chúc mừng mẹ nhân ngày trầm cảm. Yêu mẹ, Tommy’. Nhưng rồi bà ấy bắt đầu hấp hối. Chẳng ai trong chúng tớ muốn dính dáng QUÁI gì đến bà

ấy cả. Tớ có một người anh trai có trang trại ở Omaha, anh ta không muốn bà ấy. Tớ có một người anh trai khác ở Newport Beach tại hạt Orange, California - họ chỉ muốn những chiếc ô tô đồ mui trần và những chiếc du thuyền của mình thôi, lũ nhà giàu khốn nạn. Dù sao đi nữa, chị gái tớ, chị ta còn vượt xa cả mẹ tớ nữa ở khu Tenderloin. Đó là một xó thiên đường đầy rẫy bọn gái điếm và lũ say xỉn ở San Francisco. Đừng hòng có chuyện CHI TA chứa bà già. (Chị gái tớ lại là một câu chuyện hoàn toàn khác. Lúc nào đó tớ sẽ kể cho cậu nghe về chị ta.) Và thế là mẹ tớ vẫn ở lại trong chính căn hộ mà bọn tớ đã lớn lên - hãy thử hình dung sống trọn vẹn cả cuộc đời khốn nạn của cậu trong chính hai căn buồng ở khu Romeoville. Tớ ở cách chỗ đó sáu dặm, nên tớ phải là người đến đó đón bà ấy và đưa bà ấy về nhà. NHƯNG ĐỪNG HÒNG CÓ CHUYỆN ĐÓN CẢ Lũ MÈO KHỐN KIẾP ẤY! ĐỪNG HÒNG. KHÔNG MÈO MỪNG GÌ HẾT. Barb không thể tin được rằng mẹ tớ sắp chết vậy mà tớ không hề muốn dây dưa gì với bà ấy. Nhưng đó là bởi vì cô ta có bao giờ biết bà ấy đâu khi bà ấy mặc cái áo choàng chết tiệt và quăng những chiếc đĩa vào tường. Vấn đề tớ muốn nói đến ở đây là chính Barb là người thuyết phục tớ tới đón bà ấy, và trời ạ, chỉ nói riêng giữa cậu với tớ thôi nhé, Benny, tớ THỰC SỰ, THỰC SỰ làm hỏng hết mọi chuyện, nói thực lòng với cậu. Ý tớ là với Barb. Cậu có nghĩ là cậu và tớ nên gặp nhau và làm một chai bia không? Tớ nhớ cô ấy và tớ muốn tâm sự về điều đó. Dù sao đi nữa, lại nói bọn tớ để mẹ tớ ở phòng áp mái cho đến khi bà ấy chết và cuối cùng bà ấy chết thật và thậm chí chỉ đứng nhìn thôi cũng thấy đau đớn lắm rồi. Bà ấy nhất quyết từ chối đến bệnh viện và sau đó bà ấy từ chối chấp nhận người y tá tại nhà mà bọn tớ thuê. Nhưng sau đó, tớ không thể nào tin được CHUYỆN NÀY. Bà ấy yêu cầu một linh mục. Tớ không hề biết là bà ấy có một cái xương ngoan đạo trong người. Thế là bọn tớ đưa một vị linh mục tới và giá kể tớ có thể diễn tả cho cậu biết cảm giác nhìn mẹ tớ cầm tay một vị linh mục như thế nào. Đến lúc đó bà ấy đã mê sảng lắm rồi, không còn hàm răng giả nữa và trông như QUỶ ấY. Tớ cảm thấy tiếc cho bất kỳ Đấng Chí tôn nào sắp sửa phải đón nhận bà ấy nhưng tớ cũng phải thừa nhận là tớ cảm thấy ghen tị với cách mà Chúa hay bất kể thứ gì đó có thể thuyết phục bà ấy chịu nằm bần

tay kẻ hầu hạ của Người khi mà tớ không thể nhớ nổi lần cuối cùng bà ấy nắm tay TỚ, ấy là nếu có. Và đó là bởi vì bà ấy là một mục khộm già khốn kiếp, nhưng cũng bởi vì bố bà ấy là một lão già nát rượu và là một thằng cha chó đẻ bạo hành cùng tất cả những căn nguyên tâm lý trong chương trình talk-show ban ngày đó. Với lại, tớ đang kể lộn lên trước mặt rồi, vì trước khi bà ấy yêu cầu một linh mục, giữa khoảng thời gian tớ đón bà ấy ở Romeoville (KHÔNG CÓ LŨ MÈO) và khoảng thời gian bà ấy nằm hấp hối trong phòng áp mái, tớ ngồi với bà ấy sau khi tớ đi làm về nhà và mẹ con tớ lại cùng xem chương trình Bánh xe May mắn. Và mặc dù mẹ con tớ chỉ im lặng xem ti vi, như thế cũng còn hơn những gì tớ nhớ về việc mẹ con tớ từng làm cùng nhau khi tớ còn bé. Mẹ con tớ xem Bánh xe May mắn trong lúc Barb nấu bữa tối dưới nhà, và trong suốt bốn hay năm tháng gì đó tớ nhận thấy là bất kể cậu có mẹ là một mục khộm già khốn kiếp đến đâu đi nữa, cũng thật khó khăn khi phải nhìn bà ấy hấp hối, vì ung thư buồng trứng còn là một mục khộm già khốn kiếp hơn nhiều bất kể mục khộm già nào nó từng xử lý. Nó cứ thế làm bà ấy CHẾT DẦN CHẾT MÒN, Benny ạ. Thậm chí tớ còn không nhận ra bà ấy. Trông bà ấy còn giống bộ xương trong phòng hơn là mẹ tớ. Tớ khóc thối rồi khi bà ấy chết. Tớ cứ hỏi Barbara TẠI SAO, TẠI SAO anh lại khóc? Và lần nào cô ấy cũng trả lời, tất nhiên là anh phải khóc rồi, bà ấy là mẹ anh cơ mà. Nhưng TẠI SAO? Tớ không hề nói chuyện với bà ấy suốt mười năm liền. Và tớ decisamente quan tâm chó gì tới bà ấy cả. Nhưng khi cậu nhìn một ai đó CHẾT DẦN CHẾT MÒN như thế. Và nếu như có MỘT ĐIỀU tớ ước mình có thể lấy lại, MỘT ĐIỀU trong cả cuộc đời tớ ước tớ có thể làm khác đi, thì đó sẽ là khi bọn tớ đang trải qua tất cả những khâu khốn nạn đó trong quá trình ly dị bỗng nhiên tớ THỰC SỰ mất bình tĩnh một lần và cứ thế tớ gào lên với Barb, TÔI MONG CHO UNG THƯ BUỒNG TRỨNG ĂN MẮT CÁI CỦA CÔ ĐI! Tớ không có ý đó. Bây giờ thì tớ thấy hổ thẹn vì điều đó. Không, nói như thế cũng không diễn tả được một nửa cảm giác của tớ lúc này. Cậu là người duy nhất tớ từng kể chuyện này. Cậu có thể nói cho tớ biết TỚ ĐÃ NGHĨ CÁI ĐÉCH GÌ KHI ĐÓ không? Ôi trời ơi là trời đất ơi. Dù sao đi

nữa. Hãy sử dụng bất kỳ điều gì trong chuyện này trong quảng cáo của cậu nếu cậu muốn, và gửi lời chào tất cả lũ khốn kiếp đó. Tom’.”

Bức email đó được truyền đi rất nhanh chóng, và một số người trong chúng tôi cảm thấy mình đã đoán đúng. Gã đang nói đến chuyện làm một chai bia với Benny, và gã thấy hối hận như thế nào về cái điều kinh khủng gã đã nói với Barb. Đó đâu phải là tiếng gầm gừ của một nhân viên cũ đang sắp sửa giết người để thanh toán sòng phẳng mọi chuyện. Ngay cả Amber, dù thực sự khiếp đảm bởi tất cả những gì gã viết, cũng miễn cưỡng đồng ý rằng đó có thể là dấu hiệu về một con người ổn định hơn con người mà cô ta vẫn hình dung đi vào rồi đi ra khỏi các cửa hàng súng Tinley Park kể từ ngày gã bị cho đi tàu suốt kiểu Tây Ban Nha. Tuy nhiên, có một điều mà cô ta không thể nào rũ bỏ được, là mong muốn được biết chính xác Tom đã làm gì với lũ mèo của mẹ gã.

“Có phải gã chỉ bỏ mặc chúng lại đó như thế khi gã đến đón bà ấy về?” cô ta hỏi. “Gã không chỉ cứ thế bỏ mặc lũ mèo trong căn hộ, đúng không?” Cô ta muốn Benny email cho gã để tìm hiểu về số phận của những con vật bị bỏ rơi, nhưng chẳng có ai cho rằng đó là một ý hay. “Nhưng điều gì đã xảy ra với chúng nhỉ?” cô ta dai dẳng.

“Ôi, cô có câm ngay cái miệng về lũ mèo khốn kiếp đó không thì bảo, Amber?” Larry nói.

Chúng tôi biết là có chuyện căng thẳng nội bộ nào đó giữa hai người, liên quan đến vụ tranh cãi nạo thai chưa ngã ngũ, nhưng không ngờ lại đến mức này. Rắc rối trên thiên đường rồi, bà con ơi. Những người đang ở trong phòng làm việc của Amber tại thời điểm đó vội vàng rút lui.

Joe đi xuống ngăn làm việc của Jim để hỏi xem anh ta đã biết những gì từ Tom. “Bảo vệ tòa nhà đã yêu cầu chúng ta chuyển cho họ bất kỳ nội dung giao thiệp nào chúng ta nhận được từ Tom,” anh ta bảo với Jim.

“Tôi không biết chuyện đó,” Jim nói. “Chẳng ai nói gì với tôi về chuyện đó cả.”

“Đừng sợ. Chỉ cần nhớ chuyển bức thư đó cho Mike Boroshansky là được rồi.”

“Tại sao bao giờ tôi cũng là người cuối cùng biết chuyện gì đó ở đây nhỉ?” anh ta hỏi Joe. Joe không có câu trả lời nào cho anh ta. Jim ngồi ngay ngắn trước máy tính của mình và mở bức email của Tom ra. “Anh thực sự muốn tôi đọc cái này cho anh nghe à?”

“Làm ơn,” Joe nói. “Trước hết hãy cho tôi biết dòng chủ đề viết gì.”

“Dòng chủ đề à,” Jim nói. “Nó viết rằng, ‘Tớ cần một con ngựa cái ướat át hơn’.”

“Tôi xin lỗi. Nó viết gì cơ?”

“Đó là những gì anh ta viết mà. ‘Tớ cần một con ngựa cái ướat át hơn’.”

“Đó là chuyện riêng tư gì đó giữa anh và Tom à?”

“ ‘Tớ cần một con ngựa cái ướat át hơn’ ấy à? Không, tôi có biết nó nghĩa là cái quái gì đâu. Nó có thể có nghĩa là gì chứ? Làm thế quái nào mà tôi biết được?”

“Jim, bình tĩnh nào. Hãy tiếp tục đọc cho tôi nghe bức email đi,” Joe nói.

“ ‘Smalls - còn nhớ cái lần bọn mình quay cái quảng cáo bột giặt đó không? Tớ đang nói về cái quảng cáo cả lũ chơi một trận bóng, rồi mang những bộ quần áo lấm lem vết cỏ về cho những người vợ yêu quý của mình ấy? Hừm, thực sự cái lũ ấy không hề hạ cánh xuống cỏ khi bị đốn, đúng không? Chúng là diễn viên mà. Bọn mình đã trải đệm sẵn cho chúng. Chúng đã hạ cánh xuống những tấm đệm! Đứt đuôi con nòng nọc nhé, đúng kiểu truyền hình Mỹ! Nhưng dù sao đi nữa, câu hỏi của tớ dành cho CẬU, JIMBO, là thế này: khi đại úy Murdoch<sup>[26]</sup> ném những lựu đạn vào những KẼ XẤU, và lũ KẼ XẤU bắn tung lên, vậy liệu những KẼ XẤU đó cũng có đệm không? Liệu có đau không, JIMBO, khi một quả lựu đạn nổ và ĐẾCH CÓ tấm đệm nào ở gần cả?’”

Khi *cái đó* được chuyển tiếp đi, chúng tôi chỉ nghĩ rằng Tom đang đùa bỡn với anh bạn cũ Smalls của mình. Thuyết phục Amber tin vào điều đó, tất nhiên rồi, là không thể. Thành ra chúng tôi lại mất công đôi co lại từ đầu với cô ta. Cô ta thậm chí cứ thế khẳng khẳng quả quyết cho đến khi chúng tôi buộc phải đồng ý rằng ít nhất sự thay đổi về giọng điệu giữa hai bức email cũng cho thấy là Tom Mota đã có những giờ phút tòi tệ bên cạnh những giờ phút vui vẻ.

Sau khi biết về sự thay đổi đối với dự án, Genevieve bước ra khỏi văn phòng và đi bộ dọc đại lộ Michigan tới cửa hàng Borders gần Tháp Nước, nơi cô mua mấy quyển sách. Cô quay trở về văn phòng và bắt đầu đọc. Đọc được nửa chừng cuốn hồi ký của một người từng sống sót khỏi căn bệnh ung thư vú, cô bị Joe ngắt ngang. “Này,” anh ta nói, tay gõ lên cánh cửa để mở phòng cô.



“Ôi, cái của này đúng là sướt mướt *thôi rồi*,” cô nói. “Ôi, tôi phải dừng đọc mới được.” Cô đặt cuốn sách xuống. Cô duỗi mặt ra và quệt những ngón tay dưới hai mắt để lau khô chúng. “Ôi,” cô thốt lên. Cô hít một hơi thật sâu và thở dài.

“Cô ổn chứ?” anh ta hỏi.

“Vâng, tôi ổn.”

“Tôi chỉ ghé qua để chắc chắn là cô đã rõ về những gì chúng ta đang làm.”

Họ là một nhóm, Joe và Genevieve, copywriter và chuyên viên mỹ thuật, và họ làm việc cùng nhau ăn ý hơn nhiều so với đa số các nhóm khác. “Tôi nghĩ thế,” cuối cùng cô nói. “Mặc dù nói thực lòng, tôi không hình dung được là mình có thể nghĩ ra điều gì.”

Anh ta bước vào trong và ngồi xuống đối diện với cô. “Tại sao lại không?”

“VẬY là tôi đang đọc cuốn hồi ký này, đúng không?” cô nói, cầm quyển sách lên khỏi mặt bàn rồi lại đặt nó xuống. “Và cơ bản thì nó chỉ toàn là nỗi buồn. Nó là nỗi hoang loạn, sợ hãi, đau khổ, cũng rất nhiều can đảm. Có cả chút khóc lóc nữa. Tất cả mọi người trong gia đình đều tuyệt vời. Anh trai của người phụ nữ còn bỏ việc để chăm sóc em gái mình. Anh ta là một vị thánh. Người phụ nữ là một anh hùng. Bởi vì chẳng có gì ngoài tin xấu dành cho cô ấy, rồi lại thêm tin xấu nữa. Nhưng thỉnh thoảng lại có tí chút hóm hỉnh trong đó. Nếu không có cái đó, hãy tin tôi anh sẽ tự tử khi đọc nó. Giống như đoạn người anh bước vào, đúng rồi. Trước đó hai trang người phụ nữ vừa biết được là bệnh ung thư của cô ấy không đáp ứng với quá trình điều trị. Sau đó người anh bước vào - anh ta đã cạo sạch tóc để như

thế cô em sẽ không phải là người duy nhất trượt đầu. Anh ta đi vào mang một bộ tóc giả màu vàng to đùng và rậm rì, và thế là người phụ nữ suýt chết vì cười khi thấy anh mình trông mới lỗ bịch làm sao. Và cả người đọc cũng chết cười, đúng là một cảm giác thật nhẹ nhõm. Nhưng tất nhiên là đang cười dở, cô ấy lại òa khóc vì nhận ra mình mới yêu anh trai nhiều biết bao, rằng anh ta tốt với cô em đến nhường nào - ý tôi là, anh ta chỉ là *anh trai* của cô ấy thôi, vì Chúa. Anh ta đâu hề phải, phải... ôi, tôi lại thế nữa rồi,” Genevieve nói, và lại đưa ngón tay lên phía dưới mắt. Cô để buột ra một tiếng thở dài thườn thượt. “Điều tôi định nói ở đây,” cô vừa nói vừa quả quyết giật lấy một tờ khăn giấy từ chiếc hộp trên bàn, “là quả thực có rất ít điều hài hước trong một ca bị chẩn đoán ung thư. Và nếu như có hài hước đi nữa, thì cũng chỉ là hài hước trong bối cảnh của rất nhiều nỗi buồn bao trùm. Thế đấy, làm sao người ta có thể trông đợi chúng ta làm được điều đó với một bức ảnh tư liệu và một dòng quảng cáo mườì từ chứ?”

Joe ngồi ngả ra trên ghế. “Ừ,” anh ta nói. “Tôi đồng ý.”

“Anh đồng ý?”

Không ai có thể ngờ Joe Pope lại nói rằng có việc gì đó là khó khăn bởi vì, khi mà bàn đến chuyện nghĩ ra những quảng cáo, thằng cha này phải công nhận là cự phách.

“Hãy làm bệnh nhân ung thư bật cười,” anh ta nói, và giọng bỗng trầm hẳn xuống. “Chẳng phải nhiệm vụ này hơi điên khùng sao?”

Quan trọng là ở chỗ nó là nhiệm vụ điên khùng *của chúng tôi*, và nó là tất cả những gì chúng tôi có. Đến cuối buổi chiều Genevieve đã đọc xong cuốn hồi ký, trong khi Hank Neary, sau khi cày miệt mài qua những trang

Internet, có thể tự xưng là một bác sĩ chuyên khoa ung thư đang hành nghề cũng được. Benny Shassburger áp dụng phương pháp đối nghịch. Anh ta tìm được bức ảnh tư liệu chụp một phụ nữ xinh đẹp nằm khếp mình trên nền nỉ màu đỏ của một cái bàn bi-a. Anh ta chỉnh sửa nó qua Photoshop bằng cách phủ lên ngực cô ta những vết sẹo phẫu thuật. Đó, anh ta tự nhủ, quả là một hình ảnh ấn tượng. Bệnh nhân ung thư sẽ bật cười thực sự một khi anh ta có được dòng chú thích tương xứng. Hai tiếng sau anh ta kết án cái hình ảnh ấn tượng đó vào sọt rác của những ý tưởng tồi tệ và lê mình xuống quầy cà phê làm một tách cà phê sữa cuối giờ chiều.

Jim Jacker nhắc điện thoại lên và bắt đầu gọi cho mọi người. Khi không có cảm hứng nào và hoảng sợ trước trang máy tính trống trơn, sự cầu viện duy nhất của anh ta là trí tưởng tượng của những người khác. Anh ta gọi được cho mẹ mình, một thủ thư, tại bàn đăng ký của thư viện công cộng Woodridge.

“Hãy giả sử là mẹ bị ung thư vú,” anh ta bắt đầu.

“Ôi, Jim,” bà mẹ thì thào, “xin con là chúng ta hãy thậm chí đừng có nghĩ đến điều đó.”

Bà nhanh chóng chuyển chủ đề, hỏi han anh ta tối nay muốn ăn gì. Mẹ anh ta là một người phụ nữ nhạy cảm và mê tín, người tin rằng ngay cả một câu đá động đến bệnh tật ngẫu nhiên nhất cũng là sự đùa cợt rất gở với thần Chết, sẽ mang đến vận rủi và những linh hồn quỷ dữ và phải được tránh bằng mọi giá. Lẽ ra anh ta phải khôn ngoan hơn trước khi gọi cho bà đầu tiên.

“Hãy giả sử là bố bị ung thư vú,” tiếp sau đó anh ta nói với bố mình. “Như thế thì có gì buồn cười nào? Bố muốn được an ủi như thế nào?”

Bố anh ta không thèm nghĩ quá một giây. “Gọi cho bố với một kịch bản trong đó bố bị ung thư và con hỏi như thế thì có gì buồn cười,” ông ta trả lời. “Như thế là thành công rồi đấy.”

“Con đang nghiêm túc đấy, bố,” Jim giục giã. “Ung thư vú thì có gì buồn cười nhỉ?”

“Như thế thì có gì buồn cười à? Con trai,” ông ta nói. “Rất ít.”

Anh ta cố gắng giải thích nhiệm vụ với bố mình nhưng lời miêu tả của anh ta là một mớ kể lể rối như canh hẹ về cái dự án biến hình như chong chóng, và nó kết thúc với việc Jim nói rằng anh ta sẽ phải hỏi rõ lại một số chi tiết cụ thể. “Bố nghe như thể con đang cần làm rõ chuyện quái quỷ gì đang xảy ra ở đó vậy,” bố anh ta nói.

“Chắc, thì đây là một công việc mơ hồ mà.”

“Hãy nói chuyện với ông chú con về việc này,” bố anh ta gợi ý. “Bố nghĩ ông sẽ là một nguồn tốt đấy.”

Mọi người đều biết rằng công quả sáng tạo lớn lao nhất của Jim xuất phát từ một lời gợi ý từ người ông họ Max của anh ta, sống tại một trang trại ở Iowa. Theo lời Jim, ông chú của anh ta thuê những người Mexico điều hành trang trại trong khi thời gian của ông ta trôi qua ở tầng hầm của ngôi nhà chính cho việc dựng lại một toa tàu hỏa thực sự từ con số không, đó là điều duy nhất mà ông ta thể hiện chút quan tâm kể từ khi vợ mình qua đời. Ông lang thang đến những xí nghiệp đóng tàu cũ để thu lượm các bộ phận. Khi có người hỏi ông ta tại một bữa tiệc gặp gỡ họ hàng về việc tại sao ông lại làm thế, câu trả lời của ông là làm như thế không ai có thể đưa cái toa tàu ra khỏi tầng hầm sau khi ông qua đời. Khi người ta chỉ cho ông ta thấy rằng cái toa chở hàng đó có thể được chuyển đi bằng cách tháo rời

ra, đảo ngược lại quá trình ông ta đã dựng nên nó, ông chú của Jim đã trả lời rằng chẳng có người nhà Jacker nào còn sống lại sẵn sàng lao tâm khổ tứ đến thế trong bất kỳ chuyện gì. Khi hình dung ra tay chủ trang trại xấu tính đó đang thực hiện công việc điên rồ của ông ta, đắm chìm trong những ảo tưởng nhà quê về nỗi mất mát và tuổi già, có lẽ chúng tôi đã cười hơi quá đáng, thành thử Jim phải lên tiếng bảo vệ sở thích kỳ quặc của ông chú mình.

“Sao nào?” anh ta nói. “Thì cũng giống trò Lego, nhưng chỉ là cho người lớn thôi mà.”

Điều đó chỉ tổ càng làm chúng tôi cười tợn hơn.

“Người đàn ông đó đã mất vợ,” anh ta nói.

Một hôm Jim tuyệt vọng với việc cố tìm ra cảm hứng cho một quảng cáo đến nỗi anh ta khai thác sạch danh sách truyền thống những người quen của mình, anh ta mệt mỏi và gọi cho ông chú Max. “Ông biết cảm giác khi mua một chiếc xe mới rồi đấy,” anh ta mở lời - và ngay lập tức Max ngắt lời anh ta.

“Ta chưa hề mua một chiếc xe mới nào trong suốt ba mươi lăm năm qua,” Max nói.

Khi đó Jim đã nghi ngờ ngay rằng đây có lẽ không phải là một người luôn theo dõi sát sao nhịp thở của cộng đồng mua sắm. Một cách kiên nhẫn anh ta thử giải thích nhiệm vụ của mình. Khi người ta mua một chiếc xe mới, anh ta nói, họ thường có một hình ảnh về bản thân mình tương ứng với chiếc xe mà họ mua. Jim muốn biết từ Max rằng Max sẽ muốn hình dung ra mình như thế nào khi mua một ống mực máy in mới.

“Ống mực ấy à?”

“Dạ vâng ạ,” Jim nói. “Ông biết rồi đấy, dùng cho máy in của ông ấy.”

“Ừ hứ,” Max nói.

Tại thời điểm đó chúng tôi đang có một khách hàng với mục tiêu marketing là làm cho khách hàng của họ cảm thấy như là những anh hùng khi mua một trong những ống mực. Nhiệm vụ của chúng tôi trong mỗi thông điệp là truyền cảm hứng cho người mua tiềm năng về những khả năng anh hùng từ việc sử dụng ống mực đó.

“Ta muốn hình dung mình như là Shakespeare,” Max nói. “Với lại cái này để làm gì vậy?”

Shakespeare, Jim nghĩ bụng. Shakespeare. Như thế cũng không tệ.

“Đó là cho một khách hàng của bọn cháu,” anh ta nói. “Họ sản xuất máy in và ống mực cùng những thứ đại loại như vậy. Cháu đang cố nghĩ ra một quảng cáo làm cho ông muốn mua loại ống mực đặc biệt của bọn cháu sau khi ông xem quảng cáo vì nó truyền cảm hứng cho ông và khiến ông cảm thấy mình giống như một người hùng. Ông có thể nói thêm cho cháu về việc muốn được cảm thấy như là Shakespeare không?”

“Vậy là anh đang tìm cách bán ống mực in?”

“Đúng vậy ạ.”

Sau một khoảng im lặng kéo dài. “Anh có bút đấy không?” ông chú anh ta hỏi. Ông ta bắt đầu trích dẫn, “Đó là thời kỳ tuyệt vời nhất, đó là thời kỳ

tồi tệ nhất, đó là kỷ nguyên của trí tuệ, đó là kỷ nguyên của sự ngu xuẩn, đó là thời đại của niềm tin, đó là thời đại của sự nghi ngờ...”

Cuối cùng Jim cũng với được một cây bút. Anh ta cố ghi kịp lời ông chú mình. Đến một điểm nhất định, Max ngừng trích dẫn và bảo với Jim rằng những dòng đó nên nhòe dần, ban đầu rất từ từ cuối cùng biến mất hoàn toàn. Sau đó ông ta gợi ý dòng tiêu đề: “Một nhà văn vĩ đại cần một ống mực vĩ đại.” Đoạn chữ nhỏ có thể giải thích cụ thể, nếu như các ống mực được sử dụng suốt từ đầu đến giờ, lịch sử của văn chương có lẽ đã bị đe dọa vì sử dụng ống mực rẻ tiền.

Jim không chỉ ngỡ ngàng vì ông chú của anh ta có thể trích dẫn cái mà anh ta nghĩ là của Shakespeare theo kiểu dường như cứ thế tuôn trào từ trong đầu ra; anh ta còn choáng váng vì độ nhanh nhạy và khéo léo về tài năng quảng cáo của ông. Còn ai có thể là một người hùng vĩ đại hơn Shakespeare? Và người nào xem cái quảng cáo mà ông chú anh ta vừa rút ruột lõi ra lại chẳng ngay lập tức tự đặt mình vào vị trí của Shakespeare. Max đã khiến cả triệu người Mỹ cảm thấy mình giống hệt Shakespeare. Anh ta nói với Max là ông ta đã bỏ lỡ thiên hướng nghề nghiệp của mình. “Lẽ ra ông phải là một sáng tạo,” anh ta nói.

“Một sáng tạo?” Max nói.

Jim giải thích rằng trong lĩnh vực quảng cáo, các chuyên viên mỹ thuật và copywriter đều được gọi là những *sáng tạo*.

“Đó là cách sử dụng ngu xuẩn nhất đối với một từ tiếng Anh mà ta từng gặp đấy,” Max nói.

Jim cũng bảo với ông ta rằng sản phẩm quảng cáo, dù là một đoạn quảng cáo trên truyền hình, một trang in quảng cáo, một tấm biển, hay một đoạn

quảng cáo trên đài phát thanh, đều được gọi là *cái sáng tạo*. Trước khi cúp máy Jim hỏi Max thêm hai ví dụ nữa về những kiệt tác văn học, trong bụng đồ rằng toàn bộ chiến dịch có thể được hình thành nên từ ý tưởng của Max. Anh ta đi xuống phòng làm việc của Hank Neary - đúng lúc đó Hank đang lúi húi với một quyển hướng dẫn sử dụng máy in. “Đó là thời kỳ tuyệt vời nhất, đó là thời kỳ tồi tệ nhất,” anh ta nói. “Đó là của Shakespeare đúng không?”

“Dickens,” Hank nói. “*Một câu chuyện về hai thành phố.*”

“VẬY CÁI ‘TỒN TẠI HAY KHÔNG TỒN TẠI’ THÌ SAO? CỦA SHAKESPEARE À?”

“Shakespeare,” Hank nói. “*Hamlet.*”

“TỚ CŨNG ĐÃ NGHĨ NHƯ THẾ MÀ,” Jim nói.

Một lúc sau trong buổi chiều hôm đó, Max Jackers khiến Jim ngạc nhiên khi gọi lại cho anh ta. “Các người ở đó,” Max nói, “anh nói rằng bọn anh tự gọi mình là những *sáng tạo*, đó có phải là điều anh nói với ta không? Và công việc mà các người làm, các người gọi là *cái sáng tạo*, có phải anh nói với ta thế không nhỉ?” Jim khẳng định đúng là như vậy. “Và ta nghĩ các người ở đó chắc tự cho rằng mình sáng tạo lắm phổng, ta cá thể.”

“Cháu nghĩ thế,” Jim nói, bản khoản không hiểu Max định nhắm vào chuyện gì.

“Và công việc mà các người làm, có lẽ các người cũng nghĩ là rất sáng tạo thì phải.”

“Ông đang hỏi cháu điều gì vậy, ông Max?”



“Hừm, nếu tất cả điều đó là đúng,” ông già nói, “thì có nghĩa là những sáng tạo sáng tạo các người sáng tạo ra cái sáng tạo sáng tạo.” Tiếp đó là khoảng im lặng trong lúc Max để cho Jim ngấm điều ông vừa nói. “Và chính vì như thế,” ông kết luận, “là lý do tại sao ta không hề bỏ lỡ thiên hướng nghề nghiệp của mình. Đó là một cách sử dụng tiếng Anh quá ư là ngu xuẩn đến mức không thể nào tưởng tượng nổi.”

Nói đến đó, Max cúp máy.

Jim nghe theo lời khuyên của cha mình và gọi cho Max về quảng cáo liên quan đến bệnh ung thư. Khi Max nhắc máy, Jim yêu cầu ông tưởng tượng rằng ông là một phụ nữ vừa mới được chẩn đoán mắc căn bệnh đó. Khi những từ “ung thư vú” bật ra khỏi miệng anh ta, Jim lại một lần nữa chắc chắn rằng anh ta đã gọi điện nhầm người. Max từng ra tay cứu anh ta trong quá khứ, nhưng liệu một người đàn ông đã dành cả cuộc đời làm việc trong một trang trại ở vùng quê Iowa thì biết gì về một căn bệnh chủ yếu thuộc về phụ nữ? Tuy vậy Jim vẫn kiên trì chờ đợi trong lúc Max im lặng ở đầu dây bên kia. Anh ta muốn biết Max, trên cương vị một người phụ nữ bị ung thư vú, sẽ thấy điều gì là buồn cười nếu như ông, nói ví dụ, đang lần giở qua một tờ tạp chí tại phòng khám của bác sĩ. Vẫn là sự im lặng từ phía Max, thế là Jim giải thích thêm rằng người phụ nữ này có thể đang sốt ruột chờ đến lượt tên của mình được gọi, tâm trí cô ta có thể đang đặt một nửa vào những vấn đề khác, nhưng khi cô ta bắt gặp mẫu quảng cáo, cô ta dừng lại đọc để rồi nó khiến cô ta bật cười. “Điều bọn cháu đang tìm kiếm là có gì buồn cười ở đó,” anh ta nói. Sau đó anh ta ngừng lời và đặt quả bóng về bên sân của Max.

“Cái gì buồn cười ở đâu cơ?” cuối cùng Max hỏi.

“Có gì là buồn cười ở bệnh ung thư vú,” Jim nói. “Không phải là bản thân bệnh ung thư vú, ông biết đấy, mà điều gì là buồn cười đối với một người bị ung thư vú đang lần giở qua một tờ tạp chí.”

Max húng hắng cổ họng. “Jim,” ông nói, “anh có nhớ một bà lão ngọt ngào, đúng là muối của đất, có lẽ là người phụ nữ ngọt ngào nhất anh từng gặp trong đời mình, với cái tên là Edna không?”

“Edna,” Jim nói. “Edna... Edna... Không, cháu không nhớ, ông Max ạ.”

“Anh không nhớ tên bà Edna của anh sao?”

“À, bà Edna. Tất nhiên là cháu nhớ bà Edna chứ ạ, ông Max.”

“Edna qua đời vì ung thư vú,” Max nói.

“Thật sao? Bà Edna?”

Giờ Jim mới nhận ra tại sao bố anh ta gợi ý anh ta nên gọi cho ông Max. Đó không phải là vì khiếu marketing dí dỏm của Max. Mà là bởi vì bà vợ của ông Max đã qua đời vì chính căn bệnh đó. Bỗng nhiên Jim nhận ra rằng lẽ ra phải tiếp cận mọi chuyện theo một hướng khác. Cách anh ta diễn đạt có lẽ không được tế nhị cho lắm. “Ông Max ạ, cháu xin lỗi,” anh ta nói. “Chắc tại cháu không nhớ ra là bà Edna qua đời như thế nào.”

“Ta có cảm giác,” Max nói, “là anh chẳng hề biết quái gì về chuyện đó cả.”

“Cháu còn nhớ đám tang mà,” Jim nói. “Hồi đó cháu mười bảy tuổi rồi.”

“Không phải họ cứ thế ngồi trong phòng đợi lật giở những tờ tạp chí đâu,” Max nói. “Tâm trí họ cũng không đặt một *nửa* vào những chuyện khác.”

“Ông biết đấy, bọn cháu đang... bọn cháu đang làm việc này, dạ, ừm, một chiến dịch quảng cáo từ thiện,” Jim lặp bặp.

“Nhưng chẳng có quái gì là buồn cười về điều đó,” Max nói, “mà ta từng thấy cả.”

“Và điều bọn cháu đang cố làm là, bọn cháu chỉ đang cố gắng để cố vũ tinh thần của họ một chút thôi.”

“Và chẳng có quái gì để nói trong cuộc trò chuyện này nữa cả.”

“Chẹp, tớ chịu chết rồi,” Jim nói, khi anh ta lọ mọ lần xuống quầy cà phê.

“Đó là nhiệm vụ bất khả thi,” Benny đồng tình, và kéo một chiếc ghế ra cho anh ta.

“Tôi có một vài ý tưởng,” Marcia vừa nói vừa nhận lấy một tách cà phê sữa từ người phục vụ quầy. “Cảm ơn,” cô ta nói và chìa ra tờ một đô la. “Nhưng tất cả chúng đều ử rữ và nhạt nhẽo.”

“Tôi có một ý tưởng buồn cười,” Larry nói. “Một ý tưởng. Nhưng tôi nghĩ nó chỉ buồn cười nếu anh đã chết rồi thôi.”

“Có hai thứ mà chúng ta không thể quảng cáo được,” Hank nói một cách quả quyết. “Những người béo và những người chết.”

“Đó là một câu trích dẫn à, Hank?”

“Họ đã chết đâu, Hank,” Amber nói. “Họ chỉ bị bệnh thôi.”

“Nếu vậy thì là những người béo và những người sắp chết.”

“Những người tự tử rất khó chơi,” Larry bổ sung.

Chris Yop xuất hiện trong bộ dạng rất lén lút và suy sụp, nhớn nhác, bất chấp không gian quen thuộc, mang theo vài bản ma kết sơ sài trên giấy phác thảo. Những vết mồ hôi to tướng lan dưới cánh tay chiếc áo sơ mi Hawaii của anh ta cho thấy mức độ rối loạn chức năng mạch máu cao hơn những gì chúng tôi vẫn quen thấy. Rõ ràng là anh ta đã dồn rất nhiều công sức cho công việc. “Tôi cần người mang những cái này vào cho Lynn,” anh ta vừa thông báo, vừa đặt những bức ma kết lên quầy cà phê. Chúng tôi hỏi anh ta những cái đó là gì vậy. “Những ý tưởng của tôi cho các quảng cáo cho buổi gây quỹ,” anh ta nói. “Tôi nghĩ là chúng khá ổn.”

“Anh làm gì mà trình bày nhún nhường thế,” Larry nói và cầm chúng lên khỏi quầy cà phê.

Rõ ràng là hoàn toàn sai lè ra khi người đàn ông này vẫn ở trong tòa nhà trọn vẹn cả một ngày sau khi đã bị đuổi việc. Ấy thế mà lại còn đưa ra những ý tưởng nữa chứ? Rõ ràng là trong anh ta đã có sự trực trặc liên quan đến một hệ thần kinh nào đó có vai trò thiết yếu trong việc hiểu rõ cái kế ước mà con người ta tham gia vào khi can dự vào thế giới tư bản, cùng với phần còn lại trong những hệ thống rệu rã của anh ta.

“Vấn đề tôi đang gặp phải,” anh ta vừa nói vừa len lén liếc về phía sau như thể sợ ma, “là tôi không thể nhận công lao đối với chúng vì, chẹp, các cậu biết rồi đấy, về chính thức thì...”

“Anh bị điên à?” Marcia nói.

“Không, *Marcia*,” anh ta nói, “không phải vì tôi bị điên. Mà chính thức thì tôi không còn làm việc ở đây nữa.”

“Ồ, thì đúng rồi,” Marcia nói, và nhấp một ngụm cà phê sữa của cô ta. “Quên mất chi tiết đó. Nhưng tôi không lo đâu, Chris. Tôi xem lý lịch xin việc của anh rồi. Chắc chắn người ta sẽ tranh nhau vớt lấy anh cho mà xem.”

“Tại sao cô lại nhỏ nhen với tôi thế, Marcia?”

“Vì anh đã gọi tôi là Karen!”

“Chris,” Benny nói, “nghe này. Dự án đã thay đổi rồi.”

Sự chú ý của Yop đột nhiên hướng vào những cánh cửa thang máy đang mở ra.

“Chris? Anh có đang nghe tôi nói không đấy?”

“Xin lỗi,” Yop nói, và quay ngoắt lại. “Benny, có thật hôm nay Lynn vẫn đi làm không? Hay là Dan Wisdom đang lừa tôi thôi?”

“Chris, nghe này. Nó không còn là quảng cáo cho hoạt động gây quỹ nữa. Bây giờ là vấn đề khác rồi.”

“Vấn đề khác nào cơ?”

“Dự án đã thay đổi,” anh ta nhắc lại.

“Nhưng tôi đã mất công sức với những quảng cáo gây quỹ này,” Yop nói. “Tôi cứ hy vọng các cậu có thể mang chúng vào chỗ Lynn và, các cậu biết đấy, ngầm cho họ hiểu rằng tôi đã nghĩ ra chúng.”

“Tôi tưởng anh không muốn nhận công lao về những thứ này cơ mà,” Larry vừa nói vừa đặt trả lại những phác thảo quảng cáo lên quầy cà phê.

“VẬY mà giờ các cậu bảo tôi là dự án đã thay đổi? - Cậu biến đi cho, Larry. - Benny, tôi mất rất nhiều thời gian cho những cái này. Tôi làm việc vất vả, trời đất ơi. Tôi đang cố gắng giành lại công việc của mình.”

Anh ta dừng lại để gọi một tách cà phê không caffein từ người phục vụ quầy.

“Chris,” Benny nói. “Chẳng phải là anh nên về nhà sao? Chẳng phải anh nên thôi lo lắng về những quảng cáo này rồi về nhà mà nói chuyện với vợ anh sao?”

Yop nhìn đi chỗ khác, xa xôi và tư lự. Anh ta rút một tờ khăn giấy từ chiếc hộp trên quầy cà phê và lau mồ hôi trên trán mình. Sau đó anh ta gục xuống quầy, vùi đầu vào giữa hai cánh tay. Anh ta ở nguyên như thế một lúc lâu. Khi anh ta ngẩng đầu lên trở lại, bị huých bởi người phục vụ đang chìa cốc cà phê ra cho anh ta, mắt anh ta đỏ ngầu những tia máu. “Cảm ơn,” anh ta nói, và cầm lấy chiếc tách. Anh ta chìa ra đồng một đô la của mình. “Có ai làm ơn giúp tôi một việc được không?” anh ta hỏi. “Có ai làm ơn gửi email cho tôi nói rõ chi tiết về việc công việc thay đổi như thế nào không? Có ai làm ơn hộ tôi việc đó được không?”

Trước khi đi khỏi, anh ta quay lại nhìn Marcia. “Tôi xin lỗi sáng nay đã gọi cô là Karen,” anh ta nói. “Tôi biết cô là Marcia chứ. Đầu óc tôi quay cuồng, tôi chỉ nhầm lẫn chút thôi.”

Anh ta vội vã bỏ đi dọc hành lang, men sát gần tường.

“Sáng ngày mai sẽ có đồ giặt xong,” Hank nói. “Nhưng anh ấy sẽ đến nơi khác nên không còn nghe thấy tiếng gọi nữa<sup>[27]</sup>.”

Karen Woo đi về phía chúng tôi từ hướng đối diện.

“Mọi người đi với tôi nào,” cô ta nói.

Cô ta quay ngược lại và hướng trở về phòng làm việc của mình.

Khi chúng tôi mò tới đó thì đã thấy cô ta đang ngồi sau bàn làm việc của mình tay cầm điện thoại áp lên tai. Cô ta nói với người ở đầu dây bên kia rằng cô ta muốn nói chuyện với một y tá ở khoa ung thư. Trong lúc cô ta chờ được nối máy, không ai hé miệng nói năng gì. Chúng tôi không thể nào tin nổi - cô ta đang thực hiện cuộc gọi đó. Thái độ điềm nhiên của cô ta thật là choáng váng, siêu phàm, và hơi quý quyết. Khi người y tá trả lời, cô ta vẫn tỏ ra tự tin và đầy cá tính. Chúng tôi chờ người nhìn cô ta trong nỗi kính sợ.

Nhưng trong lúc chúng tôi chờ đợi, cứ như thể có thứ gì đó vừa quét khắp căn phòng và một lễ hiển linh tập thể chiếu sáng lò lên tất cả chúng tôi cùng lúc và chúng tôi chợt biết chắc chắn là mình đã sai lầm như thế nào về tất cả mọi chuyện. Không ai lại đi bỏ lỡ một ca mổ quan trọng như vậy cả. Chắc chắn là không thể có ca mổ quan trọng nào đã được lên lịch cả. Tại sao chúng tôi không đầu hàng trước cái khả năng rõ ràng hợp lý hơn

nhieu là chẳng có ca bệnh ung thư nào hết? Rằng đó chỉ là một tin đồn, như Larry đã nhận định. Hoặc nếu như Lynn *đúng* là bị ung thư và đã có lịch mổ thì vẫn có cả nghìn lời giải thích đơn giản cho việc tại sao chị đã bỏ lỡ nó. Sự mâu thuẫn nào đó về sắp xếp lịch với bác sĩ, đôi chỗ cần làm sáng tỏ trong việc chẩn đoán, thêm những xét nghiệm cần được thực hiện, lấy máu, bác sĩ bị ốm, bệnh viện bị mất điện. Tất cả những mưu đồ ngày hôm nay chỉ là trò buôn chuyện rẻ tiền để làm cho cuộc sống của chúng tôi thêm kịch tính mà thôi. Tại sao chúng tôi lại không nhận ra điều đó *trước khi* Karen nói chuyện qua điện thoại với cô y tá nhỉ? Ôi, bị mờ mắt bởi cái trò thọc mũi đó, đồ đàn bà mặt trơ trán bóng! Hòa theo cái trò lừa lọc của cô ta chỉ để cho những cơn cuồng loạn lá cải ti tiện của chúng tôi được khẳng định hay phủ nhận. Thật là đáng khinh bỉ. *Chúng tôi* thật đáng khinh. Lẽ ra chúng tôi phải đứng dậy ngay lập tức, đồng thanh lên án những hành động của cô ta, và yêu cầu rằng cô ta...

Cô ta cúp máy. “Ca mổ của chị ấy được lên lịch lúc chín giờ,” cô ta nói. “Tay bác sĩ đã chuẩn bị đầu vào đó và chờ đợi. Họ gọi về nhà cho chị ấy, họ gọi cho chị ấy cả ở chỗ làm nữa. Nghe giọng cô y tá có vẻ bức bối lắm. Cô ta muốn biết là tôi muốn sắp xếp lại lịch mổ hôm nào.”



# Việc để làm

## và nơi để đến

Cái đêm trước ca mổ chị chẳng có bữa tối xã giao nào phải đến dự, không có buổi lễ trao giải thưởng nào, không có những buổi họp mặt kết giao. Chị bất chợt nảy ra một kế hoạch ở ghế sau chiếc taxi khi chị bước lên yêu cầu người lái xe đi đường Inner Drive. Chị hình dung ra chiếc ghế sofa của mình, hai con mèo, gọi món gì đó ngon lành về nhà, và một chai rượu vang mà chị vẫn để dành. Họ yêu cầu ta không được ăn bất kỳ thứ gì trong vòng mười hai tiếng đồng hồ trước đó, nhưng nói thật nhé, như thế quá là vô lý, đúng không - cơ hội cuối cùng cho ta được có một bữa ăn bình thường trong biết bao lâu chứ?

Chị không mang theo công việc nào về, không phải đêm nay, vì công việc sẽ không phải là cách thích hợp để trải qua buổi tối. Tuy vậy bất kỳ khi nào không có công việc, ngay cả trong thời gian đi một cuộc taxi, chị cũng bắt đầu cảm thấy bồn chồn. Cũng may đó là một cuộc xe ngắn. Chị trả tiền cho lái xe và bước ra trước một tòa nhà lừng lững. Chị sống trong căn hộ tầng trên cùng trông ra mép nước uốn lượn như bờ hồ Michigan.

Người gác cửa đứng ở vị trí của mình trong sảnh chính; họ chào nhau và chị bước về phía thang máy. Bên trong căn hộ, chị trút bỏ một bên giày cao gót trong khi treo chìa khóa của mình lên mắc. Chị trượt bỏ nốt chiếc còn lại, và với hai chiếc giày trong một tay, bước dọc hành lang tới nơi bộ

pyjama của chị đang đợi. Luôn người vào bộ pyjama - thế này mới đúng chứ. Đây là một nơi dễ chịu để nướng náu, chị tự nhủ với mình, ở ngay đây trong căn hộ này, và luôn người vào bộ quần áo ở nhà màu hồng như đồ bệnh viện cùng chiếc áo khoác mỏng kéo khóa - đó là việc đúng đắn để làm.

Ở bàn bếp chị tự rót cho mình một ly rượu vang. Chị hồi tưởng lại ngày hôm đó, chị không được. Chris Yop đổ gục xuống khi chị thông báo cái tin đó. Nếu Martin mà ở đây, chị sẽ kể cho anh nghe, một người đàn ông trưởng thành mà còn đi khóc chứ! Liệu *anh* có làm thế không? Tất nhiên anh sẽ không đời nào khóc rồi! Để em nói cho anh nghe điều này, em nghĩ em đã trở nên miễn nhiễm với những cảm xúc dây dưa này. Việc anh ta khóc ấy à? Em chẳng thèm bận tâm tí nào luôn. Anh muốn biết lúc nào thì em mới cảm thấy gì đó à? Đó là với người nói với em rằng, Lynn, làm việc cho chị thật là tuyệt vời, và tôi hiểu chẳng qua là chị bắt buộc phải làm thế này thôi - đó mới là người em thấy thương. Những người đó làm em dẫn vạt đến chết. Còn một người đàn ông trưởng thành mà khóc ấy à? Ồ, không. Và anh nghe chuyện này nhé! Một tiếng sau, anh ta vẫn còn thò mặt ra đi họp. Em bước vào, anh ta đang ngồi sẵn trong phòng làm việc của em. Em *vừa mới* sa thải anh ta xong, vậy mà giờ anh ta đang ngồi trong phòng làm việc của em. Em bảo anh ta, Chris, anh phải rời khỏi đây. Chúa biết là em không thể nào chịu đựng nổi họ cứ nấn ná quanh đó!

Chờ chút - chị vừa mới nói phần cuối cùng to thành tiếng thì phải? Một mối nguy hiểm của việc sống một mình. Một trong hai con mèo đang ngước lên nhìn chị từ dưới sàn nhà. Hay là đó chỉ là một cái nhìn đòi ăn nhỉ? Chị tự nhắc nhở mình - Martin *thực ra* đâu có ở đây đâu, Lynn. “Nhưng mà thì có, đúng không, Friday,” chị nói, cúi xuống gại gại lên bộ lông đen bóng của con mèo. Con mèo cong lưng lên và đòi thêm nữa. “Đúng rồi, mà ở đây,” chị nói, “và tao cũng thế, và ai thèm anh ta chứ?” Chị ngồi thẳng dậy và nhấp một ngụm rượu vang khác. Hãy nhìn tất cả

những chiếc ghế này mà xem! Tổng cộng có đến *bốn* chiếc ghế quanh bàn bếp! Tại sao mình lại cần đến bốn chiếc ghế nhỉ? Điều quan trọng là chị đừng có phàn nàn về bất kỳ điều gì, giờ đây khi chị đã ở nhà. Chị đã ở nhà, ở nhà hẳn luôn. Đừng suy nghĩ gì nữa, đừng suy nghĩ gì nữa, đừng suy nghĩ gì nữa.

Chị tự hỏi lúc này Martin đang ở đâu. Anh có ở chỗ làm không? Bây giờ là mấy giờ nhỉ? Sáu giờ bốn mươi lăm, tất nhiên là anh đang ở chỗ làm. Đừng suy nghĩ gì nữa. Anh sẽ ở chỗ làm suốt nhiều tiếng đồng hồ cho mà xem. Thôi đi. Ấy thế mà hôm nay Lynn Mason lại nghỉ việc sớm. Hai hồ sơ dự thầu mới quan trọng, có vai trò tuyệt đối không thể thiếu cho tương lai của công ty, và những chiến lược cho cả hai hồ sơ này vẫn cần được vạch ra với bộ phận khách hàng, nhưng Lynn đã rời văn phòng vào một giờ hợp lý, để về nhà với những con mèo của mình, để trải qua buổi tối trước ca phẫu thuật theo một cách thật thư giãn, nghỉ ngơi bằng cách xem ti vi một chút, lên giường sớm và đánh một giấc ngon lành cả đêm luôn. Điều gì còn có thể tốt hơn, hấp dẫn hơn thế chứ? Đừng nghĩ về Martin nữa. Và giả sử chị có bị cảm dỗ đi nữa, hãy nhớ mà xem - đó là Martin ở *chỗ làm*. Chỉ là một người đàn ông ngồi bên bàn làm việc, gặt gồng và bắn thiu với những thứ mùi hôi hám cả ngày, bận bịu với vấn đề pháp lý tẻ ngắt nào đó. Thử hình dung sự có mặt của anh ở đây ngay lúc này sẽ chán ặc như thế nào. Làm sao chị lại có thể mong muốn điều đó, với tất cả những gì chị có ở ngay đây - đồ ăn Tàu đang trên đường đến, và ngần ấy những chiếc ghế để mà lựa chọn.

Người gác cửa gọi lên từ dưới sảnh. Đồ ăn của chị đã được đưa đến. Ơn Chúa, cho anh ta lên. Nếu anh ta dễ thương, chị sẽ quyến rũ anh ta. Không đùa đâu. Việc đó coi như xong, coi như quyết rồi. Tưởng chị có thời gian mà chơi trò mèo vờn chuột đêm nay chắc? Không, chỉ cần anh ta dễ thương đôi chút thôi, chị sẽ ngã vào lòng anh ta ngay trong hành lang. Chắc, không phải là trong hành lang. Tại sao anh không vào bên trong nhỉ? Anh làm ơn

đóng cửa lại hộ tôi được không? Những anh chàng đưa hàng kiểu gì chẳng mơ về chuyện này. Có lẽ là chọn một bộ pyjama khác chẳng? Bộ đồ ở nhà màu hồng và cái áo khoác kéo khóa này - trông không được người-tình-của-đêm cho lắm. Chị cần một chiếc áo choàng mặc trong nhà, bên trong không mặc gì hết. Bởi vì tất cả nghe cứ như một lời nói đùa cho đến khi bạn hiểu rằng phải có ai đó là người cuối cùng giữ ngực chị trong miệng của anh ta - đêm nay - và chị thực sự không muốn đó là Martin.

Nhưng anh ta đến rồi đi. Chàng thanh niên người châu Á, trông cũng duyên, nhưng chị mất hết can đảm. Chị mang thức ăn lại ghế sofa. Cảm giác thoải mái ban đầu được ngồi trên ghế sofa - đúng thế, đây là nơi đúng đắn để ở, ngay tại đây, và bật ti vi lên là điều đúng đắn để làm. Chị vừa ăn tối và uống rượu vang vừa xem một tập phim *The Simpsons*, và nửa tiếng đồng hồ sau niềm tin tưởng của chị vẫn gần như nguyên vẹn.

Đến ly rượu vang thứ ba, chị tự nhắc lại với mình: Đây là một nơi đúng đắn để ở, ngay tại đây, và việc này là điều đúng đắn để... không biết Martin đang làm gì nhỉ? Anh ấy đang làm việc. Lynn, mày biết điều đó rồi còn gì. Anh ấy sẽ còn ở đó nhiều tiếng đồng hồ nữa. Hãy nghĩ đến người khác đi. Tự hỏi... tự hỏi không biết ở rạp đang chiếu những phim gì nhỉ. Khi có thời gian, chị thích đi xem phim. Mặc dù bao giờ cũng sẽ tốt hơn nếu đi xem phim với một ai đó. Một mình, luôn có khoảng mười phút khó xử đó giữa lúc ta đến và lúc họ giảm bớt ánh sáng để chiếu phần giới thiệu khi mà dù biết là vô lý ta vẫn tin rằng tất cả mọi người trong rạp đều đang chăm chăm nhìn ta vì ta là một phụ nữ đi xem phim một mình. Có lẽ cũng là điều hay khi mà chị đang ở đây trên chiếc ghế sofa này, thay vì bồn chồn chờ đợi một bộ phim nào đó bắt đầu. Đây là nơi đúng đắn để ở. Trừ phi giải pháp thay thế là một bộ phim chiếu rạp cùng với Martin.

Ti vi cũng chẳng có gì hay ho. Chị tắt nó đi, đứng dậy, thực hiện quá trình di chuyển lạnh chân từ thảm sang nền gạch - nhưng trong bếp có gì

cho một người đang muốn được xả láng nhỉ? Không ăn trong mười hai tiếng đồng hồ cái con khi. Đây có thể là nó đây. Xem nào - món kem gì đó đã đóng tuyết. Trong tủ chạn có gì nhỉ? Một phần ba túi kẹo dẻo. Thề có mạng sống của chính mình là chị không thể nhớ nổi đã mua những thứ này. Chị chẳng hề khoái bất kỳ thứ gì trong số này - mặc dù vậy khi chị chuyển sự chú ý của mình sang việc dọn dẹp cái tủ quần áo trong phòng ngủ, chị vẫn mang theo hộp kem đi cùng. Đúng là cứng cong cả thìa. Điều gì thôi thúc chị làm việc đó, đi dọn dẹp ấy? Chị chọc thìa vào hộp kem sau mỗi đồng hồ lớn được chị lôi ra từ trong tủ và tống sang phòng dọn dẹp. Kể cũng sẽ tốt, chị tự nhủ, khi có một cái tủ quần áo gọn ghẽ tinh tươm trong quá trình hồi phục của mình.

Mười lăm phút sau chị không còn muốn dọn dẹp tủ quần áo nữa. Vào đêm nay trong tất cả các đêm, dọn dẹp tủ quần áo là sao? Chẳng lẽ chị chỉ có trí tưởng tượng kém cỏi đến thế, đó là tất cả những gì chị có thể nghĩ ra sao? Hãy thử hình dung nếu một đêm trong cả đời người được nhìn nhận giống như một nhà khoa học có thể nhìn nhận nó, hoặc giống như một dạng sinh vật nào đó nghiên cứu các giống loài của chúng ta, và kể từ cái đêm đó trở đi, giá trị của toàn bộ cuộc sống này được hình thành nên. Chẹp, chị không muốn cuộc đời mình được đánh giá bởi những chương trình ti vi chị đã xem hoặc cái tủ đồ mà chị đã dọn dẹp. Hơn nữa, cái thứ kem chết tiệt đó cần có một cái cốc chim. Từ bỏ tất cả mọi thứ, chị quay vào bếp và uống nốt chai rượu vang.

Martin bốn mươi lăm tuổi và chưa bao giờ kết hôn. Cha mẹ anh ly dị khi anh còn nhỏ và anh không bao giờ tha thứ cho kế ước hôn nhân vì bất kỳ nguồn an ủi giả tạo nào của nó. Anh cứ lải nhải nói mãi về điều đó, cho đến khi cuối cùng chị bảo anh, “Được rồi, em đã hiểu đến cả tám trăm lần lần thứ nhất rồi, anh không phải là mẫu người hợp với hôn nhân.” Mặc dù vậy,

anh cần ai đó để đi cùng tới đảo Maui. Hãng luật của anh có một lô sang trọng tại sân bóng chày Wrigley, chẳng có nhà hàng nào trong thành phố mà anh không thể chi trả - anh sẽ không đời nào ngồi vào những nơi đó một mình. Anh cần bầu bạn, anh cần sex. Nhưng có lẽ nói như vậy chẳng khác nào vẽ một bức chân dung quá phiến diện về Martin. Anh hoàn toàn có thể chỉ hẹn hò với những phụ nữ trẻ hơn, đặc biệt là những cô gái, những trợ lý pháp lý và thư ký không có não trong đầu, mê mẩn vì cái tư cách thành viên quản trị của anh, tiền bạc của anh, vòng ngực vạm vỡ dưới những chiếc áo sơ mi được hồ cứng. Thay vào đó anh ở bên chị, một người trạc tuổi anh, người có những thành tựu chuyên môn mà anh tôn trọng. Và tháng Tám vừa rồi, anh dành một tuần ở Florida, trọn vẹn cả một tuần liền ở Cocoa Beach, đưa người cha già cả của chị đi đây đó. Ăn lúc năm giờ ba mươi, nói thật to để ông có thể nghe được - thôi thì đủ cả. Anh không hề kêu ca gì cả. Điều đó cũng đáng kể còn gì - hy sinh cả kỳ nghỉ của mình, gặp gỡ gia đình chị? Và thỉnh thoảng, anh lại xuất hiện với những bông hoa, anh lại vụt hiện ra từ phía sau và hôn lên cổ chị, và chừng đó cũng đủ để bỏ qua cho ngày sinh nhật mà anh quên mất, hoặc những buổi hẹn hò anh phải *cancel*<sup>[28]</sup> vì công việc.

*Cancel.* Từ chị muốn nói đến là *cancel* chứ.

Nhưng điều vẫn thường xuyên xảy ra là anh sẽ gọi vào phút cuối cùng có thể. “Đi lấy lời khai... thẩm phán dời ngày mở phiên tòa lên sớm hơn... cuộc họp quan trọng.” Bất kể là gì thì nó cũng khiến chị còn lại một mình, đối mặt với khẩu súng hai nòng dài là thứ Bảy và Chủ nhật trong khi đáng lẽ ra phải là ba chai Merlot trên đảo Mackinaw và những tấm chăn ấm sực hơi người. “Ôi, chết tiệt, Martin, đừng lại như thế nữa chứ.” “Này, anh xin lỗi mà,” anh lại mơn trớn. “Nhưng đây là công việc, Lynn. Đây là điều anh phải làm.” “Vâng, nhưng anh biết sao không? Quý tha ma bắt anh đi, vì chuyện này đã được lên kế hoạch rồi. Chúng ta đã lên kế hoạch cho chuyện này, anh và em - và sao chứ, *bây giờ* em sẽ gọi cho Sherry à? Em sẽ gọi cho

Diane và nói, Martin lại cho tớ leo cây rồi, đồ khốn nạn, muốn thuê đĩa phim về xem không?” “Chẳng lẽ không hề quan trọng,” anh hỏi, “chẳng lẽ không hề đáng kể rằng anh rất tiếc sao?” Phần rất tiếc phải là chị biết thừa rằng Sherry, với hai đứa con sinh đôi mười tuổi, không hơi đâu bỏ công việc đấy mà nghe thêm một câu chuyện khác về Martin, và phần rất tiếc là chỉ nghe thôi cũng thấy đáng sợ rồi, đi thuê một đĩa phim về xem với cô nàng Diane béo ị, ừ dột đó. Đôi lúc chị gần như ước giá như Martin đã có vợ và chị đang tòm tem với chồng của một người đàn bà khác nên tất cả mọi chuyện sẽ trở nên đơn giản hơn nhiều - sẽ dễ dàng đối phó với một câu nói rập khuôn hơn là những nỗi ám ảnh quá thể đáng của Martin. Anh không *chỉ* không phải là mẫu người hợp với hôn nhân. Anh còn lập lờ đến bệnh hoạn. “Em không thể cứ thế này,” chị nói. Và luôn là im lặng ở đầu dây bên kia. “Không thể cứ thế nào cơ?” “*Thế này,*” chị nói. Và thế là xong, họ lại giải tán.

Rồi sẽ lại đến một đêm - này, không khác gì đêm nay - khi đã đủ thời gian trôi qua để những chi tiết cụ thể về cuộc đối thoại cuối cùng của họ đã trở nên mơ hồ, khi Lynn phát hiện ra rằng trong những ngày xen giữa đó cơn tức giận của chị đối với Martin đã chuyển dần sang niềm thông cảm, để rồi trào dâng, trong đêm đó, thành nỗi ân hận vì chị đã phản ứng như thế nào khi anh hủy bỏ kế hoạch của họ. Giữa hai chúng ta luôn có một nỗi thấu hiểu, ý nghĩ bắt đầu như thế, rằng công việc quan trọng như thế nào, và khi chúng ta ở bên nhau đó luôn là điều chúng ta nói đến - nỗi chán chường này của mình, vụ án lý kỳ kia của anh, chúng ta đang thành công và thất bại rồi làm việc vất vả như thế nào. Chị thường hồi tưởng lại và tự nhủ mình mới ích kỷ làm sao, và cũng hơi trẻ con nữa - để rồi chị sẽ gọi điện. Hoặc một vài ngày sẽ trôi qua và *anh* sẽ gọi. “Em nói đúng, anh làm hỏng hết mọi chuyện, chúng ta đã lên kế hoạch chuyện đó,” anh nói. “Chúng ta có thể làm điều đó vào cuối tuần này được không?” Thật dễ chịu biết bao khi lại được thọc tay vào ngực anh, thật tuyệt vời biết bao khi lại được vấp vào giày của anh trên đường vào nhà tắm.



Nhưng không phải là đêm nay - không có chuyện gọi cho anh đêm nay. Không phải là sau cuộc nói chuyện cuối cùng của họ. Chẳng có cách gì để dịch chuyển tí trạng thái cảm xúc nào trong đó. Cái tình trạng gương-vỡ-lại-lành đã đông cứng lại như một con voi răng mấu trong băng, và người quản tượng cười bên trên, với ngọn giáo và những cơn giục giã hoang dại, anh ta là năm tháng của họ bên nhau, bị dừng lại mãi mãi với cái miệng há hốc, tiếng hú hét và gào rú cuối cùng cũng trở nên câm lặng.

Gượng đã - đột nhiên tất cả giống như trong một bộ phim khoa học viễn tưởng: bằng cách nào mà chị lại ở đây? Chỉ mới trước đó một giây, chị còn ngồi trên ghế sofa với lũ mèo, ăn đồ ăn Tàu. Có cái ti vi, cùng mớ kem còn lại. Thoắt nhiên chị đã thay quần áo và đang ngồi ở một chỗ đông người, ngắm nhìn và được ngắm nhìn. Một quán rượu ốp gỗ được chiếu sáng rất trang nhã mới mở cửa trong vùng. Chị cảm thấy như mình đang được trưng bày vì là người duy nhất ngồi ở quầy bar. Đám đông ở phía sau. Chị cứ tự lập đi lặp lại câu gì ấy nhỉ? Đây là nơi đúng dẫn để đến, một mình tại quầy bar này, và cái việc mình đang làm, uống đến, bao nhiêu, bốn à? ly rượu vang thứ tư hay thứ năm gì đó trong buổi tối, thật là một việc khôn ngoan và sáng suốt để làm. Ở đây thì điều đó nghe không còn được thuyết phục như lúc ở nhà nữa. Chị thậm chí còn không nghĩ ra nổi câu chuyện phiếm nào với tay đứng quầy, người có vẻ như đang dính chặt với những gì có trong ví của anh ta. Ái chà chà, đừng để tôi làm anh lãng trí. Không cần một câu chuyện gẫu vu vơ, cái mà người ta từng gọi là tình người. Chắc chắn rồi, cứ tiếp tục sẫm soi những tờ hóa đơn ATM của anh đi. Chị sẽ tự bằng lòng với việc gặm nhấm lại nó từ đầu: cái sự thật rằng nhất định có một nơi nào đó - chị tuyệt đối chắc chắn về điều đó - một nơi đúng là nơi *đúng dẫn* để đến đêm nay, và *một* điều đúng là điều đúng dẫn để làm. Liệu nó có phải là ngồi trong phòng làm việc của Martin, dưới những ánh đèn



huỳnh quang quen thuộc đó, giữa tất cả những thùng hồ sơ ngột ngạt ấy, nhìn Martin đọc những tài liệu tải về từ trang Westlaw, chỉ là để được có Martin bên cạnh mình? Không, quý tha ma bắt nó đi, không - đúng là trò vớ vẩn. Có điều gì đó khác, điều gì đó của Lynn Mason, điều thuộc về chị và chỉ riêng mình chị thôi mà không hề phụ thuộc vào sự tồn tại của Martin Grant. Nhưng là cái gì mới được? Điều duy nhất chị có thể nói chắc chắn, *có lẽ không phải là ở đây*. Thật lạ lùng là một ly rượu vang có thể hết veo nhanh đến thế khi bạn là người duy nhất ở quầy bar. Thưa quý ông quý bà, bây giờ tôi sẽ nói lời tạm biệt, ngày mai các vị sẽ không nhìn thấy tôi nữa. “Ly nữa nhé?” người đứng quầy hỏi. “Thanh toán thôi,” chị nói.

Một hôm chị nói với anh - họ đã lại làm lành - “Này, anh lại đây nhé, và sờ thử cái này cho em được không?” Chị đang ở trong buồng tắm. Đó là một ngày làm việc, một trong những dịp hiếm hoi Martin ngủ lại trong tuần. Anh bước tới cửa buồng tắm. “Này, anh đi bây giờ đây,” anh nói. “Phải về nhà để tắm.” Anh đang đứng ngay phía sau lớp kính mờ mờ. “Anh không nghe thấy em vừa nói gì à?” chị hỏi anh. “Gì cơ?” anh nói. “Em bảo anh sờ thử cái này cho em.” Anh không nhúc nhích. “Cái gì vậy? Anh sẽ bị ướt mất.” Và ngay lập tức, chị chột nẩy ra ý nghĩ. Một mỗi ngờ vực thì đúng hơn. Đó là khi anh nói, “Anh sẽ bị ướt mất” - nói như thế thì thuộc cái thể loại gì nữa không biết? *Thì xắn cái ống tay áo chết tiệt của anh lên, đồ ngớ ngẩn!* Nó khiến cho chị tin chắc rằng anh đã nghe thấy chị nói gì, nghe tất tật những gì chị nói quá rõ là khác. Không thể không nhận ra được, khi một phụ nữ đang ở dưới vòi hoa sen và nói, *lại đây và sờ thử cái này*, trong đó kiểu gì cũng có một giọng điệu len lỏi vào. Không phải là hoảng sợ, chưa đến mức đó. Lo lắng, và chị đang tìm cách trút bỏ một chút lo âu. Chị đang tìm ai đó để nói, anh chẳng sờ thấy gì cả. Nhưng Martin, Martin rất nhanh. Martin sẽ ngay lập tức hiểu được hàm ý của một đề nghị kiểu như lại đây sờ thử cái này, và anh sẽ đánh hơi được cả cái giọng điệu trong đó nữa - và khi đã biết cái giọng điệu đó ẩn chứa điều gì, tất cả những gì nó có thể dẫn đến và tất cả những gì nó có thể yêu cầu từ anh, anh bước đến

cửa buồng tắm với ý đồ riêng của mình. *Phải về qua nhà, phải tắm qua một cái.* Có đúng như vậy không, hay đó chỉ là tính đa nghi của chị? “Cái gì vậy, Lynn?” anh nói. “Em muốn anh sờ thử cái gì cơ?” “Không có gì,” chị nói. “Không, là cái gì vậy?” anh nói, giờ đây là với vẻ sốt ruột nhằm làm cho chị tin rằng anh đang rất tha thiết được biết, thực sự mong muốn cơ hội này. “Không có gì đâu, đừng bận tâm, ra khỏi đây đi,” chị nói. Anh mở toang cửa buồng tắm, làm chị giật mình. Chị đóng sầm nó lại. “Ra khỏi đây đi! Về nhà mà tắm.” Anh đã cầm sẵn chìa khóa của mình trên tay. Chúng kêu xúng xoảng khi anh quay chúng quanh ngón tay của mình. “Được rồi,” anh nói - và anh chỉ phản ứng đến mức đó. Chị ghét nỗi thất vọng mà chị cảm thấy khi, với vòi nước đã tắt, chị nghe thấy tiếng cửa trước đóng sầm lại.

Anh dành cả tháng sau đó ở California cho một vụ án. Anh có gửi lời nhắn nhưng chị không đáp lại, và sau đó thì anh thôi gọi điện. Phải mãi đến hai tuần sau khi anh trở về họ mới gặp nhau lần nữa, và lẽ ra họ đã sa lầy vào một trận cãi vã thậm chí cả trước khi đặt chân vào trong nhà hàng - về những cuộc gọi được để lại nhưng không được trả lời, về sự im lặng cả tháng qua, sự xúc phạm của hai tuần sau đó. Nhưng được ngồi đối diện với anh như cũ là điều chị muốn. Chị thấy nhớ được trò chuyện cùng anh. Lạy Chúa - chẳng lẽ chị không nhận thấy là nhiều đến chừng nào sao? Bao giờ cũng là chủ đề đó - lũ thẩm phán cáo bản và bọn công tố viên bất tài cùng những vấn đề pháp lý mà chị cần phải được giải thích mới hiểu được. Nhưng cái cách mà anh nói chuyện, những kiểu cách của anh, những kiểu cách nam tính không thể nào bắt chước được của anh - chị thấy nhớ chúng. Và cả anh cũng nhớ cảm giác có chị ở bên, có vẻ như thế. Anh lắng nghe chị nói về những khó khăn mà công ty đang phải đối mặt và cảm giác tồi tệ khi phải cho mọi người nghỉ việc. Lúc sau trong đêm đó họ quay trở về chỗ chị và cảm giác được có anh bên trong chị thậm chí còn tuyệt vời hơn là có anh ngồi đối diện chị qua bàn. Chị phải dừng lại một chút để nhắc anh không được chạm vào đó, vào bên ngực trái, tập trung sự chú ý của anh vào

bên ngực phải chứ đừng có động vào ngực bên kia, và cũng dễ hiểu là anh đoán được rằng đây không phải là lúc để hỏi, “Sao lại thế?” và thế là anh không nói gì.

Nhưng trong bữa sáng hôm sau, tại một quán gần nhà nơi họ ngồi trong khoảnh sân bên một chiếc bàn sắt uốn dưới ánh nắng mới của mùa xuân, anh làm chị ngạc nhiên. “Anh đang đoán ra như hai với hai là bốn vậy,” anh nói, “không thì nói là năm cũng được, nhưng anh nghĩ là anh có thể hỏi. Em đang cảm thấy như thế nào, về mặt sức khỏe?” “Tại sao anh lại hỏi em thế?” chị nói. “Bởi vì lần gần đây nhất hai đứa mình ở bên nhau em đã yêu cầu anh sờ thử cho em cái gì đó. Và lần này em lại bảo anh không được sờ cái gì đó. Liệu có phải nó chỉ là vấn đề hằng tháng... là chuyện không đúng thời điểm chẳng? Hay có điều gì đó khác đang xảy ra?”

Martin, người chỉ quan tâm đến việc nói chuyện về luật pháp. Và khi không phải là luật pháp thì là nhạc jazz - lịch sử của nhạc jazz, cách thưởng thức nhạc jazz như thế nào, cái bản thu âm đặc biệt đã thay đổi nhạc jazz mãi mãi. “Tất cả mọi người sẽ không đồng tình với anh, nhưng đó chính là ca khúc ‘St. Louis Blues’ của Louis Armstrong. Trước đó chưa bao giờ có bất kỳ thứ gì như thế cả.” Đến giờ thì chị đã thuộc lòng câu đó. Ôi, Chúa ơi - chẳng lẽ chị đã hiểu lầm anh? Chẳng lẽ quyết định của chị không trả lời những cú điện thoại của anh khi anh đến California là căn cứ vào suy đoán rằng khi anh bước tới cửa buồng tắm, anh đã tự nhủ, *Thò tay vào là mình tiêu đời*. Chỉ hai phút kiểm tra phi tình dục với cái thứ mà anh đã dồn hết sự chú ý của mình vào trong những giờ giấc thuận tiện và thế là anh sẽ phải dính vào nó cả mấy tháng liền, có thể cả mấy năm cũng nên. Anh sẽ phải dính vào việc gặp gỡ bác sĩ rồi học những từ chuyên môn lại còn phải lái xe đưa chị đi đi về về và giữ đầu chị mỗi khi chị nôn ọe. Nếu như anh không có khả năng cam kết với mối quan hệ đòi hỏi sự chở che, tình yêu, sự bao bọc, thì liệu anh có thể thiết tha đối với một cam kết như thế? Nhưng liệu có thể nào *quả thực chỉ đơn giản là anh không hề nghe thấy chị thật?* “Em

có một khối u ở ngực,” chị nói. “Em phát hiện ra một khối u.” Anh nhướn mày lên. “Một khối u,” anh nói, và nhìn xuống, bỗng nhiên lại nghịch nghịch một cái hộp kem rỗng. “Khối... khối u là thế nào?” *Khối u là thế nào?* Anh đã không ngờ đến câu trả lời đó, đúng không, cho dù đó là một câu trả lời hiển nhiên - không phải ở đây, không phải trong bữa sáng dưới ánh mặt trời. “Tại sao anh không quên nó đi nhỉ?” chị nói. “Không, ý anh là, tất nhiên anh biết một khối u là thế nào chứ,” anh nói. “Nhưng em đã làm gì với nó rồi? Đó mới là điều anh định hỏi. Các bác sĩ nói sao?” “Em không sao cả,” chị nói. “Họ nói vậy sao?” “Martin,” chị nói, “em không sao.” “Thế em có định nói cho anh biết không vậy?” “Em nói với anh đêm qua rồi còn gì?” chị nói. Ngoắt một cái anh biến thành tay thầy cãi. “Không, đêm qua em đâu có nói với anh. Đêm qua em bảo anh không được sờ. Em đâu có nói với anh là em tìm thấy một khối u.” “Tại sao anh không thôi lo lắng về nó đi nhỉ, Martin - vì em nghĩ anh sẽ không muốn lo lắng về nó thay vì phải lo lắng về nó.” “Anh là người khơi ra chuyện này, đúng không? Chẳng phải anh là người khơi nó ra còn gì?” Hừm, chị nghĩ bụng - chẳng lẽ là anh sao? Người đàn ông này là ai, kẻ mà chị đã lên giường cùng *đúng là* suốt cả năm vừa rồi, và anh ta sẽ phản ứng như thế nào khi bị dồn lưng vào chân tường? Hãy cùng tìm ra nào. “Được rồi,” chị nói, “đến gặp bác sĩ với em.” Anh quay lại với việc nghịch nghịch hộp kem. Phải một hồi lâu anh không hề ngược nhìn lên. “Vậy là em *chưa* đi gặp bác sĩ nào à?” “Em vừa mới bảo anh đi cùng em đấy thôi,” chị nói. “Nên hiển nhiên là em chưa đi rồi.” “Tại sao lại chưa?” anh hỏi. “Vì em cần có người đi cùng với mình,” chị nói. Anh hướng sự chú ý của mình quay trở lại cái hộp kem. “Chắc chắn rồi,” anh nói mà không hề ngược nhìn chị. “Anh sẽ đi cùng em. Tất nhiên.” Chị mỉm cười với anh. Anh ngược lên. “Gì vậy?” anh nói. “Em không sao mà,” chị nói.

Dù sao thì cũng tốt hơn lúc trước, bởi vì đây là một nơi tốt để đến, dù sao cũng không phải là một nơi quá tệ, và cái việc mà chị đang làm có thể hơi tẻ ngắt một chút, nhưng chắc chắn là cũng còn tốt hơn nốc đến say rữ ra ở một quán rượu. Chị đỗ xe trong ga ra dưới tầng hầm và đi lên bằng thang máy rồi khẽ khàng bước vào bầu không khí sáng trưng đầy dễ chịu. Nhà, rồi đến quán rượu, và giờ đây, nửa tiếng đồng hồ trước giờ đóng cửa, một cửa hàng bách hóa tổng hợp - khả năng tưởng tượng của mình không được phong phú cho lắm, chị kết luận. Chị cầu Chúa để chị có thể nghĩ đến điều mà chị biết là đúng. Nó có lẽ không phải là mua sắm, nhưng như chị tự nhủ với mình trên đường tới đây, mua sắm không phải là màn nghỉ tệ. Và chị sẽ xem qua tất cả những đôi giày chứ? Chị lang thang qua những giá bày hàng. Giày đế bằng, giày cao gót, giày thể thao, xăng đan - anh biết đấy (nghĩ lại về tất cả những đôi giày mà chị lôi ra từ tủ của mình khi mà thiên niên vạn đại trước đó việc dọn dẹp nghe có vẻ như là một ý tưởng hay ho), tôi không thực sự cần thêm giày làm gì nữa. Chị không thực sự cần thêm bất kỳ thứ gì. Nhưng chị hãy cứ ngẫm nhìn tất cả công sức khó nhọc mà những người tử tế này đã đổ vào để làm cho chị cảm thấy rằng không thể có điều gì là không ổn khi có cơ man nào là giày đế mà mua sắm! Chị thậm chí còn chưa vào đến khu vực chính của cửa hàng, vậy mà chưa gì cảm giác đã thật tuyệt vời và dễ chịu.

Vậy mà tất cả bỗng trở nên xám xịt chỉ vì thiếu đi một điều mà chị muốn: chắc khó có khả năng chị tìm thấy Martin ở đây trong cửa hàng giày dép phụ nữ? Ở bất kỳ cửa hàng nào của Nordstrom hay ở bất kỳ nơi nào vào cái giờ này trong buổi tối. Chín rưỡi - ngay lúc này Martin đang bước dọc hành lang về phía phòng làm việc của một cộng sự. Chẳng lẽ chị lại đang thực sự khát khao được là một phần của việc đó? Chẳng lẽ chị sẵn sàng đánh đổi những không gian sáng choang và rộng rãi đầy ắp những mẫu giày dép, thời trang, rồi nước hoa và phụ kiện tốt nhất thế giới này - và bất kể có là gì đi nữa, luôn có thẻ MasterCard - chỉ để được ở cùng Martin giữa một hành lang những bức tường trống trơn và thảm trải sàn xấu xí

trong lúc anh bước đến phòng làm việc của một cộng sự để bàn bạc một vụ làm ăn vớ vẩn nào đó sao? Thôi nào, hãy tỉnh táo đi. Martin là như thế, đó là con người của Martin - anh vẫn đang đứng ở cửa phòng một thằng cha hấp hơi nào đó nói chuyện về việc soạn thảo tài liệu và những giấy tờ bí mật. Mua sắm đi, vì Chúa! Hãy mua thứ gì đó! Hãy biến đêm nay thành một đêm đáng nhớ bằng cách thức rẻ mạt đến tột cùng của shopping. Điều chị đang ấp ủ trong đầu là thứ gì đó thật xa xỉ, thứ gì đó đắt khủng khiếp. Ta diện nó một lần rồi cất đi vĩnh viễn. Không, không phải *cái đó*, không phải là một chiếc váy cưới. Chị không muốn cưới Martin, dù mọi người có tin hay không. Chị chỉ muốn đi theo anh quanh những hành lang văn phòng của anh, bước vào phòng lưu trữ cùng với anh để lấy mấy cái thẻ hồ sơ nào đó, hay cái gì cũng được. Điều đó khác xa việc trao lời thề nguyện. Chị phát điên lên vì Martin ngay lúc này *không* phải vì không có được Martin mãi mãi; mà là vì không có được anh *đêm nay*.

Chị đi qua người đàn ông bên cây đàn piano. Anh ta đang chơi gì ấy nhỉ? Không sao gọi được tên. Chị lượn lờ quanh những quầy nước hoa và mỹ phẩm, né tránh những nhân viên mặc áo choàng thí nghiệm chỉ muốn hết xít rồi tô vẽ cho chị trông sao cho đẹp nhất. Chỉ xem thôi, cảm ơn. Đó là điều chị vẫn đang làm, trong suốt suýt soát hai mươi năm gì đó, liên quan đến đàn ông. Chị không hề bận tâm khi nhận ra mình vẫn chưa kết hôn, mọi chuyện đã diễn ra như thế, và chị không sốt sắng kết hôn chỉ để kết hôn. Chỉ có những kẻ theo thói thường cổ hủ và trì độn nhất, khi nhìn chị từ bên ngoài, mới đi ngờ vực hoặc thương hại chị vì đã bốn mươi ba tuổi mà vẫn chưa kết hôn. Liệu họ có thương hại nếu chị là đàn ông không? Họ sẽ ghen tị với người đàn ông đó. Chị bước lên cầu thang cuốn. Điều đó không có nghĩa là khi thấy những người bạn của mình kết hôn, chị không có lúc cảm thấy, không phải là đổ kỵ, mà chỉ là chút ghen tị, mặc dù không phải là ghen tị với người bạn vì đã kết hôn mà đúng hơn là ghen tị với sự quả quyết mà cả cô dâu và chú rể dường như cùng chia sẻ rằng, ừm, điều họ đang làm là đúng đắn. Cái đó ở đâu ra nhỉ? Đã có thời gian chị nghĩ rằng

chị và Douglas sẽ kết hôn, và khi mà thay vào đó mọi chuyện đi theo hướng ngược lại, bởi vì, rất cuộc, Douglas không phải điều chị muốn, một buổi sáng chị thức dậy và nghĩ bụng, chẳng khác gì việc bỗng dưng nhận ra mình đang ở trong một quán rượu, “Oa, mình đã ba mươi tám tuổi rồi! Ai thèm lừa mình nữa đây?” Và trong giây lát bản thân chị cũng suy nghĩ theo lối thông thường, hình dung sẽ là một thiệt thòi lớn đến nhường nào nếu như chị không bao giờ lấy chồng, và nếu như chị có lấy chồng thì khi đó chị sẽ bao nhiêu tuổi nhỉ - không trẻ hơn bốn mươi đâu, nếu chị có gặp may mắn - và thế nghĩa là có thể đã quá muộn để có con, đó cũng có thể là một thiệt thòi lớn nữa. Nhưng hãy để mọi người biết - chị đang ở tầng mấy rồi nhỉ? - hãy để mọi người biết tại khu Trang phục Nữ, lúc chín giờ ba mươi lăm phút tối - có lẽ lúc này bữa tối đang được đưa đến văn phòng của anh - vào cái đêm trước khi chị được bố trí một ca đại phẫu và ở cái tuổi bốn mươi ba, rằng tình trạng hôn nhân của chị chưa bao giờ, vì bất kỳ lý do gì đi nữa - bởi vì chị “bị bại não”, bởi vì chị “lạnh lòng”, bởi vì chị “tham vọng” - nó *chưa* bao giờ là trung tâm trong đời chị. Giá như chỉ cần chị dành lấy một phần mười công sức để tìm người đàn ông thích hợp giống như chị đã dành công sức xây dựng cái công ty mà chị đã thiết lập cùng những thành viên quản trị khác, thì có lẽ chị đã đang sống ở Oak Park ngay lúc này rồi, đang cho những chiếc đĩa của bữa tối vào máy rửa bát đĩa. *Con đã làm xong bài tập chưa? Mai em có nên cho xe vào trong không nhỉ?* Với đôi chút dè dặt, với chút hoài nghi vừa phải, chị có thể nói rằng chính nơi này là một nơi tốt hơn để có mặt, tại Nordstrom, và cái việc mà chị đang làm còn tốt hơn nhiều so với việc chất bát đĩa vào máy rửa tại Oak Park. Và với những kẻ nghĩ rằng, Ôi mẹ kia, ôi bà chị, ôi em gái, cô không biết mình đang bỏ lỡ những gì đâu, đơn giản là chúng ta chọn con đường khác nhau thôi, mình và bọn họ. Mình đã chọn cho mình một cuộc sống tốt. Mình biết phải làm gì với cuộc đời mình. Mình chỉ không biết phải làm gì với *đêm nay*.



Chị dừng lại ở gian bán đồ lót. Nếu như nó đang xâm lấn, mà theo họ nghĩ thì là có, và nếu có cả một số yếu tố khác hiện hữu, chị đồng ý tiến hành phẫu thuật cắt ngực, về cơ bản thì họ đặt vấn đề với chị như thế này: nếu mổ vào đó mà chúng tôi thấy thế này và chúng tôi thấy thế kia, chúng tôi không nghĩ chị sẽ có nhiều lựa chọn. Và nếu như chị sắp trải qua một ca phẫu thuật cắt ngực, chị cần bắt đầu nghĩ đến việc làm lại ngực. Họ sẽ cố cứu hết khả năng có thể, và họ đã yêu cầu ngày mai chị đến với một chiếc áo nịt ngực ưa thích, mà họ sẽ dùng để ướm xem đường rạch mổ sẽ ở chỗ nào. Họ sẽ cắt ngay phía trong viền áo nịt ngực để cho tay bác sĩ phẫu thuật thẩm mỹ có thể làm công việc của mình sau khi chị đã hoàn thành sáu tháng điều trị hóa chất và chiếu xạ, trong trường hợp cần thiết, mà nhiều khả năng là sẽ cần. *Chẳng có gì khác ngoài tin xấu cho chị, và rồi vẫn tiếp tục là tin xấu.* Vì vậy hãy tới đây, họ bảo chị, với một chiếc nịt ngực đặc biệt, và ghi nhớ lời dặn dò đó, chị hướng về phía gian Trang phục Kín đáo. Có vô số lựa chọn dành cho chị - bó sát, độn, trong suốt, cotton, đính kim cương giả, trang trí họa tiết, in hình da báo, mượt mà, màu hồng nóng bỏng. Đây là điều làm cho đất nước này trở nên vĩ đại, không phải thế sao? Và nó cũng chính là điều làm cho cuộc sống của chị trong nghề quảng cáo trở nên khả dĩ, sự thừa mứa này tạo cơ hội để tiếp thị một món hàng cụ thể sao cho nó đứng nổi bật như là sản phẩm hàng đầu trên thị trường. Chị sẽ biết chính xác phải làm gì với một trong những nhãn hàng này, nếu họ đủ may mắn để giành được khách hàng đó. Nhưng tiếp thị một loại cho nhu cầu cụ thể của chị đêm nay ư? Chọn ra một cái áo nịt ngực giữa cả đống nịt ngực này sẽ quyết định nơi họ thực hiện vết rạch, một cái áo mà, bằng cách này hay cách khác, khi tất cả chuyện này đã qua đi, sẽ làm cho chị cảm thấy sexy trở lại - cho dù chị thừa nhận rằng ở đây khó mà có chiếc áo nịt ngực nào có thể thỏa mãn một yêu cầu như vậy. Chị lấy một chiếc ra khỏi giá. Có thể là chiếc này cũng nên. Hay là một chiếc khác - có thể lắm chứ. Chỉ lát sau chị đã có mười chiếc áo nịt ngực trên tay, chị có mười hai, rồi mười lăm chiếc. Chị mang chúng tới phòng thử và, bất chấp cơn đau vì sự chà xát, chị thử vài chiếc trong số đó lên người. Chị tự ngắm mình trong gương. Ý tưởng là trông sexy trở lại. *Và chính xác thì cho ai chứ?* Bản thân



mày, tất nhiên rồi. Ủ, ừm, tất cả những cái đó nghe thì đúng là đầy tự trọng và mạnh mẽ một cách tuyệt vời như bất kỳ người phụ nữ tử tế nào trong thời buổi này, nhưng hãy đối mặt với những thực tế ở đây mà nói rằng khi một người phụ nữ - không, khi một *người* đang nghĩ đến chuyện cảm thấy sexy, nó luôn đi kèm với ý nghĩ về một ai đó khác trong đầu. Một người ở sâu trong tiềm thức và nói rằng, “Anh không thể tin nổi là trông em sexy đến nhường nào khi mặc cái đó.” Và chính xác thì ai là người đó đối với chị cơ chứ? Thật không may là thời điểm hiện tại lại trở trêu đến nỗi đó không thể là bất kỳ ai khác ngoài người-mà-ta-biết-mẹ-nó-là-ai-rồi, và đó không phải là một lựa chọn. Sexy với ý nghĩ về Martin trong đầu đã không còn là một lựa chọn nữa. Vậy còn sexy *sau* Martin thì sao? Đến chỗ này mới gọi là phức tạp đây, bởi vì trước hết chị sẽ còn những vết khâu. Những vết này sẽ liền sẹo nhanh chóng, và trong vòng sáu tháng, trong khi các liệu pháp điều trị hậu phẫu đang phát huy tác dụng, chị sẽ dùng đồ giả. Sau đó đến lượt bác sĩ phẫu thuật thẩm mỹ thực hiện khâu tái tạo ngực theo các giai đoạn - ai mà biết khâu đó sẽ kéo dài bao lâu. Vậy thì chị đang tìm kiếm cái gì ở đây? Một năm, một năm rưỡi? Chị làm sao có thể cảm thấy sexy trong khoảng thời gian đó? Ai sẽ đi nhìn vào những vết sẹo của chị, vào cái đồ giả của chị, và nói, “Anh không thể tin nổi trông em sexy đến nhường nào khi mặc cái đó.” Thế đấy, chẳng có người đàn ông nào khác sau Martin, trong một khoảng thời gian rất, rất dài, và trước khi kịp ghìm lại, chị đã gào ầm lên. Chị đang ở trong căn phòng thử bé tí với cả nghìn chiếc áo nịt ngực và gào rú to hết sức có thể. Tiếng gào nghe như AAAAAAAAAAAAAAAA!!! Khi ngừng lại chị cảm thấy mạch máu của mình đang bơm trào lên đúng cái phần đó của ngực chị, nơi cứ chạm nhẹ vào là đau nhức nhối, và một cảm giác rất khản trong cổ họng. Đầu chị chệnh choáng khựng khiếp vì rượu và tiếng hét. Chị ngồi phịch xuống ghế. Những nhân viên bán hàng chạy xô tới. “TRONG ĐÓ CÓ CHUYỆN GÌ VẬY? CHỊ CÓ CẦN BẢO VỆ KHÔNG?” Chị sẽ không khóc. Không. Chị đứng vụt dậy và bắt đầu chìa những chiếc áo nịt ngực qua cánh cửa. “Tôi không muốn những cái này!” chị nói. “Hãy mang chúng đi!” Ban đầu chị đưa ra mấy cái một lúc, sau đó chị bốc chúng lên và hất tất cả ra ngoài.

“Tôi không muốn bất kỳ cái nào trong số này! Tôi chỉ muốn ra khỏi đây!”  
Thật là một nơi ngu ngốc để đến, cái căn phòng thay đồ này, và mặc thử những chiếc áo nịt ngực, cố gắng trông thật sexy, thật là một điều lố bịch để làm.

Sau khi biết chuyện, anh gửi cho chị những lời nhắn dài qua hộp thư thoại ở chỗ làm. Ai mà biết được anh có ý định gì khi làm thế. Lần nào chị cũng nhắc điện thoại lên nghe sau khoảng ba mươi giây từ khi anh để lại lời nhắn, và tiếp tục cuộc trò chuyện với giọng nói được ghi lại của anh. “Điều anh không hiểu,” anh nói trong một lời nhắn trước đó, “là tại sao một người thông minh, biết thế nào là phải trái, lại có thể chờ đợi, mặc dù đã biết là có chuyện không ổn, cảm thấy có bệnh, vậy mà vẫn không chịu đi khám bác sĩ. Anh không hiểu điều đó, anh không hiểu sao cách hành xử như vậy lại đến từ một người khôn ngoan.” “Đó là vì,” chị nói vào điện thoại, trong khi lời nhắn của anh vẫn đang bật tiếp, “những người khôn ngoan không phải *lúc nào* cũng được dẫn dắt bởi sự khôn ngoan của họ. Nhiều khi, Martin ạ, có cái được gọi là nỗi sợ hãi còn mạnh mẽ hơn một chút.” Anh sẽ biết sự thật cơ bản đó về tâm lý con người, chị tự nhủ, nếu như anh làm trong ngành marketing, nhưng với tư cách là một luật sư, anh tin rằng cái quyết định hợp lý nhất, hoặc ít nhất là khôn ngoan nhất, sẽ luôn chiến thắng nếu nó quyết định chính sự sống còn của bản thân người đó. “Đúng, lẽ ra anh phải thể hiện sự quan tâm sớm hơn,” anh nói trong một lời nhắn sau đó. “Khi đó anh đang vùi đầu vào công việc, anh đã không chú ý. Nhưng giờ thì,” anh nói, “giờ thì khi mà anh đã biết, anh không thể *vô tâm* thêm được nữa, Lynn, anh không thể nào xem như không biết chuyện, và giờ đây khi anh biết và không thể thờ ơ, anh cảm thấy... em biết đấy... một nghĩa vụ nhất định...” “Nghĩa vụ à?” chị nói to thành tiếng. “... lo cho em, Lynn, và sức khỏe của em...” “Ôi, Martin, hãy yên nào, trái tim loạn nhịp của tôi.” “... nên anh không thể nào - ừm, chính xác thì điều em muốn anh làm là gì

nhỉ?” anh hỏi. “Cứ quên nó đi sao? Liệu đó có phải là một trong những điều mà, em biết đấy - chúng ta cùng nhau làm việc này việc kia, nhưng đây là một trong những điều chúng ta không hề đả động đến, nó là chủ đề cấm kỵ, khi mà nói thực lòng, Lynn, em có thể đang rất, rất - hừm, ừ, anh sẽ quay lại với em sau một phút nữa nhé, được không?” anh nói với ai đó chắc hẳn vừa xuất hiện ở cửa phòng mình. Quay lại với lời nhắn, anh tiếp tục, “... là em nên, ừm...” Anh đã để lạc mất dòng suy nghĩ của mình. “Nghe này, vấn đề chính là, em *phải* đi khám bác sĩ,” anh nói. “Được chứ? Nghe này, anh phải đi đây. Lẽ ra anh phải nói tất cả những điều này trực tiếp với em nhưng em không chịu nhắc cái điện thoại khẩn cấp của em lên. Xin hãy gọi lại cho anh.”

Trong một trong những tin nhắn cuối cùng anh nói, “Có điều này anh đã suy nghĩ mãi và băn khoăn, mà anh rất tò mò: liệu anh có phải người duy nhất biết chuyện không? Em đã kể cho bố em, hay bất kỳ ai trong số bạn bè của em chưa? Bởi vì nếu em chưa nói, và anh là người duy nhất, em có thể thấy là có thể anh sẽ cảm thấy mình gánh một trách nhiệm lớn đến nhường nào. Thực ra thậm chí em có thể thấy em hơi thiếu công bằng một chút trong chuyện này...” “Ồ?” chị nói. “Mình rất tò mò xem chuyện này sẽ đi đến đâu.” “... bởi vì giờ anh biết chuyện rồi,” anh tiếp tục, “và em thì không chịu nghe theo lời khuyên của anh là đi gặp bác sĩ, và điều đó khiến cho anh phải lo lắng về em...” “Ôi, Martin tội nghiệp!” “... nhưng không có gì để trông cậy xua đi nỗi lo lắng đó. Như thế là không công bằng, Lynn...” *Nếu thế thì lẽ ra anh phải bỏ hai cái bàn tay khẩn nạn đó ra khỏi người tôi!* Chị thầm nghĩ. *Lẽ ra anh đừng có chui lên giường tôi và cố cắn núm ngực tôi chứ!* “... anh không kêu ca về điều đó, anh không muốn em nghĩ là anh đang kêu ca. Anh chỉ đang cố chứng minh cho quan điểm của mình trong chuyện này, đó là em nên đi gặp bác sĩ. Nếu như em không muốn làm điều đó cho bản thân mình, quỷ tha ma bắt, Lynn, hãy làm vì anh.”

Cuối cùng anh cũng thuyết phục được chị, hay đơn giản là chị đầu hàng - sau thời gian một tuần thì kể cũng khó mà xác định rạch ròi là liệu có phải chị đồng ý vì chị đã tìm thấy chút sức lực còn lại, hay bởi vì chị đã mệt mỏi đến tuyệt vọng và anh đã làm chị kiệt sức bằng những tin nhắn thoại của mình. Anh sẽ đi cùng với chị, đó là điều kiện. Ngồi trong xe trên đường đến buổi hẹn khám, chị cố gắng diễn đạt thành lời nỗi sợ hãi của mình về các bác sĩ, bệnh viện, thủ tục - nhưng không đâu vào đâu cả. “Em trải qua rất nhiều thời gian tại các bệnh viện khi mẹ em sắp chết,” chị nói. “Hồi đó em còn rất nhỏ. Có lẽ đó là lúc chuyện này bắt đầu.”

“Bà mất vì bệnh gì?”

“Cho anh đoán đây,” chị nói.

Chị có im lặng. Sau đó anh nói chung chung về những tiến bộ phi thường mà người ta đã đạt được trong y học những năm vừa qua, với cùng vẻ lạc quan đặc trưng của tất cả mọi cuộc trò chuyện thuộc loại đó, và chị không khỏi nghĩ rằng anh mới thật là ngờ nghệch khi nghĩ rằng chị sẽ hồ hởi đáp lại khi mà từ trước đến giờ chị vẫn luôn miễn nhiệm với kiểu hy vọng như vậy. Công nghệ sẽ không bao giờ phát triển vượt qua nỗi sợ hãi nguyên thủy đó. Nó sẽ không bao giờ chế áp được bản năng con người.

Anh đỗ xe trong bãi đỗ của bệnh viện và suốt cả nửa tiếng đồng hồ cố dỗ dành chị ra khỏi xe. Chị muốn có anh ở trong phòng trong thời gian kiểm tra, như thế có được không? Anh nói không có vấn đề gì. Chị không muốn anh rời khỏi bên mình, anh có hiểu điều đó không? Anh nói anh đã hiểu điều đó ngay từ lần đầu tiên chị đề nghị, và cả lần thứ hai, rồi lần thứ ba. “Tại sao em cứ chùng chình thế này?” anh hỏi. Từ khi nào mà Martin lại trở nên... tận tụy thế nhỉ? Chẳng lẽ chị đã hiểu lầm anh ngay từ đầu? Hay đây chính là điều cần thiết để sự tận tụy đó bám rễ, chị cần bị đày xuống địa ngục rồi quay về? Vì chị đang ở dưới địa ngục, trong chiếc xe đó tại bãi

đỗ xe của bệnh viện, và chưa có một bàn tay lạnh lẽo nào được đặt lên người chị. Sau ba hay bốn lần cố gắng diễn giải nỗi sợ hãi của mình trên đường tới đây, cuối cùng chị đã bỏ cuộc, nhưng giờ thì chị bảo anh, “Em nghĩ là cuối cùng em có thể giải thích chuyện này,” chị nói. “Đầu đuôi mọi chuyện là thế này. Và mới thật đơn giản làm sao, Martin, em không thể tin nổi là lúc trước em lại không nghĩ ra chứ.” “Hừm,” anh nói, “vậy em nói cho anh biết đi.” “Thực sự em không thể nào vào tòa nhà đó được,” chị nói. “Em không thể ra khỏi chiếc xe này và đi vào tòa nhà đó. Anh thấy tòa nhà đó không? Em không thể. Em sẽ không vào.” Im lặng. Sau đó anh nói, “Hừm, anh thấy nghe như nỗi sợ hãi.” Nhưng anh nói anh vẫn không sao hiểu nổi. “Chính xác thì là sợ cái gì vậy?” anh nói. “Sợ cái chết à? Không, em chẳng bảo với anh là không phải còn gì. Em không sợ chết. Liệu có phải là vì họ có thể nói với em rằng có điều gì đó không ổn không? Em biết là có điều gì đó không ổn mà. Cũng không phải là lý do đó. Tóm lại là vì cái gì? Phần lớn mọi người, Lynn, họ cảm thấy có điều gì đó không ổn, họ sẽ sợ hãi. Điều đó là tự nhiên thôi. Nhưng bước tiếp theo là chữa trị nó. Họ rất tha thiết chữa trị nó. Em,” anh nói, “em thì hoàn toàn làm ngược lại. Em biết có điều đó không ổn điều đó không làm em sợ. Em bỏ mặc hàng tuần liền cho nó trở nên nghiêm trọng hơn! Ý nghĩ về việc chữa trị nó đúng không? Đó là điều làm em sợ. Anh nói đúng không? Chẳng phải chuyện với em là như thế sao?” Đó là lý do tại sao anh trở thành thành viên ban quản trị của hãng luật, chị thầm nghĩ. Khả năng phân tích sâu sắc, kỹ năng lập luận nhạy bén. “Vâng,” chị nói. “Em chưa bao giờ nghĩ mọi chuyện tồi tệ đến mức nào cho đến khi anh diễn giải ra như vậy, nhưng vâng, đúng là thế đấy.” Im lặng. “Anh có nghĩ là có một từ cho điều đó không?” chị hỏi. “Anh có thể nghĩ ra một số lựa chọn từ đấy,” anh nói. Một khoảnh khắc khinh khỉnh. Sau đó anh đăm đăm nhìn qua kính chắn gió, nghĩ ngợi. “Nghe này,” anh nói, và quay sang chị. “Anh sẽ quay lại ngay. Em cứ ở yên đây, được chứ?” “Anh đi đâu vậy?” chị hỏi. “Anh bảo anh sẽ không bỏ em lại mà.” “Chỉ sau khi chúng ta đã vào *bên trong*,” anh nói. “Chúng ta vẫn ở trong bãi đỗ xe mà.” Anh chìa tay ra cầm lấy tay chị. “Hãy tin anh,” anh nói. Thế là chị để anh đi và anh đi vào bên trong tòa nhà. Mười phút sau

anh lại quay ra và nói với chị rằng buổi hẹn khám của chị đã được bố trí lại. Cơn sóng nhẹ nhõm đổ ập vào chị nhanh chóng rút trở lại vào đáy đại dương của sự tuyệt vọng khi anh nói nó chỉ được bố trí lùi lại vào một giờ muộn hơn cùng ngày. “Máy giờ?” chị hỏi. “Đừng lo lắng về việc máy giờ,” anh nói. “Hãy đeo cái này vào.” “Cái gì vậy?” “Trông nó giống cái gì nào?” anh hỏi. “Nó là một chiếc khăn tay.” “Nhưng em phải ‘đeo cái này vào’ như thế nào đây?” Anh khởi động xe và cài số lùi. “Giống như em là tù nhân của cướp biển,” anh nói, “và em vừa được ra lệnh bước trên tấm ván.”

Chị nắm tay anh bước vào tòa nhà đầu tiên. Họ đi một cái thang máy khiến tai chị thấy lùng bùng. Chị cảm thấy thật lố bịch vì thang máy đông cứng người và chị đang làm trò quái gì trong chiếc khăn bịt mắt này chứ? Đến một lúc chị nghe thấy Martin nói, “Đừng có nhìn chòng chọc nữa.” “Em không nhìn mà,” chị nói. “Làm sao em nhìn được?” “Anh không nói với em,” anh nói. Sau tưởng chừng như mãi mãi thang máy dừng lại và mọi người đi ra. Anh nắm tay chị dắt đi. Khi anh giữ chị dừng lại anh cởi khăn bịt mắt ra và ngay lập tức chị nhận ra mình đang ở đâu: trên tầng ngắm cảnh của tòa nhà John Hancock, nhìn xuống thành phố. Chị ngỡ ngàng và sung sướng. “Anh đang âm mưu gì vậy, Martin?” chị vừa hỏi vừa nghiêng mắt liếc nhìn anh. Anh nhún vai với vẻ vô tội và khoát tay về phía khung cảnh. “Anh đang cho em ngắm thành phố,” anh nói. Kia là tòa Sears Tower trước mặt họ và hồ Michigan ở bên tay trái, còn phía bên phải là những khu ngoại ô sang trọng và kiêu cách. Họ chỉ ra nơi mình làm việc rồi nơi mình sống và gọi tên những tòa nhà mà họ biết. Họ nhét tiền vào ống ngắm và ngắm nhìn sân Wrigley. Họ phóng hết tầm mắt về phía Tây vậy mà vẫn không thể nào quan sát hết được cái thành phố rộng mênh mông. Khi đã ngắm xong, Martin lại đeo khăn bịt mắt vào cho chị. Họ theo thang máy đi xuống, bước trở ra xe, và lại trèo vào trong. Họ lái xe đi. Anh lại đỗ xe và nắm tay chị dắt đi. Lần này họ bước lên mấy bậc thềm và chị biết là không

có bậc thềm nào ở lối vào một bệnh viện, như vậy có nghĩa là họ đang phải ở một nơi nào đó khác, và khi anh giữ cửa mở cho chị và dẫn chị vào trong, chị không hề nhìn thấy gì nhưng chị vẫn có thể ngửi được, và chị biết ngay lập tức là họ đang ở đâu. Chị nghe thấy một người đàn ông nói, “Hai ạ?” “Hai,” Martin trả lời, anh bắt chị bước một mạch đến tận bàn của họ mà vẫn bịt nguyên mắt. “Được rồi, bỏ nó ra đi,” anh nói. “Em biết mà!” chị thốt lên. “Em đã biết ngay là chúng ta đang ở đâu!” Họ phải chờ đến hai mươi phút cho một chiếc pizza để dày ở một góc khuất dưới ánh sáng mờ mờ của nhà hàng Gino’s East, nơi những tấm ván màu đen trên đầu làm cho họ có cảm giác như thể họ đang ăn ngay dưới khoang chính của một chiếc tàu cướp biển ọp ẹp già nua. Những tấm ván này đã bị vẽ vờn nguệch ngoạc không thương tiếc và dán những tờ đô la lên. Khi họ lại bước ra ánh sáng chói lòa của ban ngày, anh buộc chiếc khăn bịt mắt chị lại như cũ. Lần này chị tự hỏi liệu vận may của mình đã chấm dứt chưa.

Nhưng họ lái xe đi một đoạn mà chị nghĩ là quá ngắn để có thể là quãng đường quay trở lại bệnh viện và khi anh lại cởi chiếc khăn bịt mắt ra, chị nói, “Lẽ ra em phải biết rồi chứ.” Họ đang ở siêu thị đĩa nhạc Jazz bên Đông Illinois. “Phải rồi,” anh nói, giọng đầy cái vẻ giễu cợt mà chị phải lòng, “một người hâm mộ cuồng nhiệt như em xứng đáng được nuông chiều trong một ngày như hôm nay.” “Xin anh,” chị nói, “thẻ tín dụng của em đây, hãy mua những gì anh muốn - *cứ tà tà mà chọn nhé.*” Anh dành gần hai mươi phút lục những cái thùng bụi bặm để tìm mấy bản thu âm ít tên tuổi. “Nhanh thế,” chị nói, khi anh đã tìm xong. Và rồi lại quay trở lại với khăn bịt mắt và chiếc xe, đỗ xe và nắm tay dắt đi. Lại là những bậc cầu thang, và không phải chỉ là sáu hay bảy bậc - mà là ba dải cầu thang dài, gần như đủ để khiến chị đứt cả hơi. Chị không thể tin được điều anh đang làm, nắm tay dắt tay chị đi, nghĩ ra cái kế hoạch này thật chẳng giống anh tí nào, hoặc ít ra cũng chẳng hề giống với kết luận mà chị đã rút ra từ rất lâu rồi về người đàn ông đang sống và hít thở kia - một Martin không có những phút giây ngẫu hứng và bốc đồng, người lúc nào cũng rút ra những chân lý



rắn như đinh, hoặc chọn cách lảng tránh hoàn toàn vấn đề. Điều mà ngày hôm nay đã chứng tỏ hơn bất kỳ điều gì khác, chị nghĩ, là sự quy chụp vội vàng của chị, và tính cứng nhắc của những quy chụp từng được tạo ra. Lúc này họ đã vào bên trong - nơi này có một bầu không khí thoáng đãng, vang vọng, nghe âm ì những giọng nói khe khẽ, và tiếng bước chân trên những bậc thang cẩm thạch mà chị có thể nghe rõ từng tiếng một. Anh tháo tấm khăn che mắt ra và họ dành một giờ cho việc nhân nha điểu qua tất cả những điểm nhấn chính của Viện Mỹ thuật. “Em tưởng anh không phải là người hâm mộ nghệ thuật, Martin,” chị nói. “Anh không phải là fan của bất kỳ thứ mỹ thuật vớ vẩn nào,” anh trả lời, “nhưng ở cấp độ này, có những thứ mà anh thích thú.” “Thật vậy sao?” “Chắc chắn rồi,” anh nói. “Vậy anh hãy chỉ ra cho em,” chị nói với vẻ ngờ vực, “khi chúng ta gặp nó nhé?” “Như bức này ở đây chẳng hạn,” anh nói. “Bức này à?” “Ừ, đây là một tác phẩm xuất sắc,” anh nói. “Có muốn tranh luận không?” Họ đang đứng trước bức tranh khổng lồ *Chiều Chủ nhật trên đảo La Grand Jatte* của Georges Seurat. “Không,” chị nói. Chị không muốn tranh luận.

Đến lúc họ đi khỏi đó thì đã là ba giờ chiều và giờ thì chị biết, khi bước ra khỏi xe, đi cùng với anh, rằng cuối cùng thì vận may của chị cũng chấm hết. “Đừng cời nó ra,” anh nói. “Martin,” chị nói và giọng chị run rẩy. Họ đang băng qua một bãi đỗ xe không thể lẫn vào đâu được ngoài một bãi đỗ xe của bệnh viện. “Lynn,” anh nói, “đừng cời nó ra.” Hai bàn tay chị bắt đầu run rẩy giống như khi ngồi trên xe lúc trước. “Cứ tiếp tục bước đi, anh nói. Và chị cố gượng đi được vì chị có thể tự đánh lừa mình: *có thể không phải, có thể không phải...* Nhưng chẳng có bậc thang nào cả, rồi khi anh mở cửa và làn không khí hơi ấm hơn một chút từ bên trong phả vào chị còn ánh sáng hắt xuống từ phía trên chiếc khăn bịt mắt trở nên sáng hơn, chói mắt hơn, chị biết chắc chắn một cách tuyệt đối họ đang ở đâu và chị chết khiếp. “Cứ tiếp tục bước đi,” anh nói. Anh giữ chị dừng lại rồi bảo chị ngồi xuống, đã thế chiếc ghế phía dưới chị lại bằng nhựa cứng ngắc như ghế trong phòng chờ ở bệnh viện, và chị chết khiếp. “Anh sẽ luôn ở bên em,”



anh nói. “Anh chỉ đi ra cách khoảng ba mét trong khoảng vài giây thôi để nói chuyện với một người, sau đó anh sẽ quay lại.” Anh quay lại. “Anh ở ngay đây,” anh nói. Họ ngồi đó một lúc lâu. Sau một lát, anh nói, “Bây giờ tại sao em không bỏ khăn bịt mắt ra nhỉ.” “Không đời nào,” chị nói. “Hãy tin anh,” anh nói. “Cởi nó ra đi.” “Em thực sự không muốn mà,” chị nói. “Đi nào,” anh nói, “em làm được mà.” Chị làm như lời anh bảo, mắt hấp háy một chút khi chị nhìn quanh. Những nhân viên đứng sau lớp kính. Có những chữ số điện tử trên tường. “Là DMV<sup>[29]</sup>?” chị nói. “Anh là đồ chết giẫm!” Chị quật chiếc khăn bịt mắt lia lịa vào người anh. “Em thấy chưa!” anh thốt lên. “Em làm được phần khó khăn đó mà!” Chị thở phào nhẹ nhõm. “Nhưng giờ em chỉ cần buông xuôi là xong,” anh nói. “Em sẽ không bao giờ biết khi chúng ta thực sự ở đó.”

Đây có lẽ không phải nơi đúng dẫn đến, thực ra có lẽ là nơi *sai lầm*. Thực tế, nếu nói sai lầm có thể được xác định trên bản đồ - “Bạn đang ở đây” - thì có lẽ nó chính là nơi này. Còn cái việc chị có thể làm, đi vào tòa nhà nhờ người bảo vệ ca đêm gọi điện lên thông báo cho anh biết anh có vị khách nào đã chờ mình suốt ở dưới sảnh ư? *Không* phải là việc đúng dẫn đến làm. Nhưng đến lúc này chị đã lái xe lòng vòng hết cả nửa bình xăng và lạ chưa kìa cuối cùng chị lại ở đây. Con phố nơi đặt văn phòng luật của anh nằm cách một khối nhà về phía Đông đại lộ Michigan. Đoạn Mag Mile<sup>[30]</sup> vắng hoe như mọi khi vào giờ này trong đêm. Chị đã đỗ xe sai luật, nhưng chiếc xe duy nhất phóng vọt qua trong hai mươi phút vừa rồi là một chiếc taxi đã tắt đèn. Đang về nhà, có lẽ thế. Đó là lựa chọn khôn ngoan, taxi ạ - ngày mai là ngày quan trọng, hãy về nhà đi cho bộ xương mệt mỏi của mày được nghỉ ngơi. Tại sao chị lại không thể có sự khôn ngoan của một tay lái taxi nhỉ? Lynn Mason trong chiếc Saab của mình bên ngoài tòa nhà đặt văn phòng của Martin Grant đang cảm thấy giống với tuổi mười bốn hơn là tuổi bốn mươi ba, rồi bời vì những cảm xúc mãnh liệt “Đợi đợi đợi đợi đợi đợi

đợi đợi đợi đợi đợi đợi đợi đợi đợi đợi đợi đợi” chị vừa thốt lên thành tiếng, vừa đập thình thịch lên vô lăng, và ghì chặt lấy nó, vừa lắc mạnh. Không thể có chuyện chị *lại* đang ở nơi chị đang ở lúc này! Làm thế nào mà buổi tối, bắt đầu từ trên đỉnh núi với đồ ăn Tàu xem ti vi, lại đổ âm âm như một trận lở đất cút đá xuống vực sâu thăm thăm ở chốn này? Chẳng lẽ chị lại thực sự muốn lên đó chỉ để được ở trong một văn phòng? Chẳng có gì là bí ẩn, chẳng có gì là hấp dẫn, chẳng có gì là phần thưởng, chẳng có gì là bất ngờ trong những hành lang vắng hoe của một văn phòng lúc mười giờ tối - chị biết từ chính kinh nghiệm của bản thân mình. Trải qua đêm cuối cùng của chị trong một văn phòng, đúng là điên rồ. Nhưng vấn đề là, trong cái văn phòng ở *trên*? Ở đó có Martin. Ở đó có *Martin*. Và sự thật bao trùm là, việc anh ở đâu không quan trọng, cho dù anh đang chết chìm dưới đáy đại dương hay bị thiêu trong lò lửa - đó là nơi mà người tình của anh muốn có mặt. Nên chẳng quan trọng gì việc nếu anh có là một người đàn ông chưa tắm rửa, cáu bẩn, nhũn nhùn, làm việc quá sức, mắt giật giật, đầu óc mụ mị dưới ánh đèn như luyện ngục đó, đang đi lại giữa những gian sảnh hoang vu cùng những chiếc điện thoại câm lặng và tác phẩm nghệ thuật dở tệ. Chị muốn ở trên đó. Làm sao chị có thể làm khác được ngoài việc chột nhận ra mình đang đỗ xe ở đây, bất chấp những gì chị đã tự nhủ với mình trước đó - rằng sẽ không có chuyện gọi cho Martin đêm nay, không nói chuyện với Martin? Sự kiên định ngu ngốc là ông ba bị của những kẻ đầu óc thiên <sup>[31]</sup>cận, và vào giờ này, chị đã ném tất cả sự kiên định bay theo gió.

Ấy thế mà vẫn có điều gì đó ngăn chị đi vào trong. Chị ngồi trên xe đến cả hai mươi phút mà vẫn không nhúc nhích. Nếu ta là người bảo vệ trực đêm, và nếu ta đang chăm chú lắng nghe, sau một lúc qua lớp kính ta thậm chí còn nghe thấy tiếng chiếc xe khởi động lại. Chị thu hút sự chú ý của ta vì chị cứ thế ngồi đó đã hai mươi phút rồi. Sau đó ta nhìn thấy chị đập rầm rầm vô lăng, trông chị như một người điên! Ta phải tự hỏi, Chị ta đang làm gì thế nhỉ? Và rồi cứ thế bỏ đi nữa chứ! Vọt đi rất nhanh, gần như một cú

đốt lốp vạy. Ngồi trên xe suốt hai mươi phút, để rồi lại bỏ đi là sao chứ? Bản khoản không hiểu toàn bộ chuyện này là thế nào.

Là vì sáng mắt ra chứ còn sao giảng gì nữa, chị vừa nghĩ, vừa lái xe vọt đi. Và đây là lý do tại sao: Martin đã nói rõ với chị các điều khoản gồm những gì, và chị không thể chấp nhận những điều khoản đó. Đơn giản là như vậy. Anh đã làm tất cả những điều tuyệt vời đó - anh đưa chị lên nóc tòa nhà Hancock, tới quán Gino, tới Viện Mỹ thuật, và rồi khi thời khắc đó đến anh đưa chị quay trở lại bệnh viện, và chị biết họ đã đến nơi nhưng vì những lời vờ vịt của anh khiến chị vẫn có thể nghĩ *nhưng biết đâu đây là một văn phòng DMV khác*, đó là tất cả những gì chị cần, điều đó và chiếc khăn bịt mắt, để theo anh đi vào và ngồi bên cạnh anh đương đầu với việc phải ở trong cái địa ngục chị đang ở lúc này. Và anh đã không rời bỏ chị. Và khi bác sĩ nói, về cơ bản, mọi chuyện rất tệ, bằng cách sử dụng những từ như “xâm lấn”, “ác tính”, “tốt hơn cho cơ hội hồi phục”, Martin là người, bởi vì chị quá choáng váng, đưa ra những câu hỏi. Anh đã rất tốt với chị, chị có lý do để đỗ xe bên ngoài tòa nhà của anh. Nhưng anh cũng đã làm một chuyện bất ngờ kinh khủng, kinh khủng, một chuyện thực sự choáng váng, bộc lộ bản chất thật của anh - một chuyện *thành thật* đến kinh khủng.

Buổi khám bác sĩ là vào một ngày thứ Sáu, và sau vết thương mà nó gây ra, đêm hôm đó buông xuống trong nỗi hoảng sợ sâu thẳm, và đúng là một món quà của Chúa khi có Martin bên cạnh trên giường của chị. Thứ Bảy chị thức dậy và thấy nỗi hoảng sợ được thay thế bằng nhu cầu thiêu đốt về cả nghìn điều cần phải biết. Tất cả những câu hỏi mà lẽ ra chị phải hỏi vị bác sĩ, giá như ngày hôm trước chị có đủ sức để hỏi, ùa vào chị cùng một lúc. Martin phải nhắc lại cho chị rất nhiều trong số những gì mà bác sĩ đã nói. Anh hầu như phải đưa chị quay trở lại toàn bộ buổi chẩn đoán, những lựa chọn khả dĩ và những hậu quả phát sinh từ chúng. Nhưng sự am hiểu chuyên môn của anh cũng chỉ có giới hạn, thế là đến nửa buổi, anh ra ngoài

ăn sáng rồi ghé vào một hiệu sách gần nhà, nơi anh chọn lấy một cuốn sách có nội dung dẫn dắt một bệnh nhân ung thư vú từng bước từng bước một từ khi phát hiện và chẩn đoán suốt một mạch đến khi hồi phục. Anh quay về cùng với nó và cùng nhau họ ăn rồi họ đọc và họ tranh cãi, và rồi họ rút ra những kết luận: mục đích là làm bất kỳ điều gì mang đến cho chị cơ hội tốt nhất để hồi phục hoàn toàn. Sẽ không thể nào làm thế mà không có hậu quả.

“Anh nghĩ là em nên phẫu thuật cắt bỏ ngực,” chị nói.

“Không, anh nghĩ là em phải đợi đến khi các bác sĩ mổ vào đến đó,” anh nói, “và hãy để họ quyết định việc đó, nhưng đúng vậy, anh nghĩ em nên cho phép họ từ trước, để nếu họ nghĩ họ nên làm như vậy, họ cứ thế làm thôi.”

“Và em sẽ còn ra làm sao nếu không còn ngực của mình,” chị nói, “giống như vốn có?”

“Em... anh không biết,” anh nói. “Em không thể cho con bú trong một thời gian.”

Chắc chắn anh đã nhận ra điều đó trên mặt chị. *Không cho con bú sao?* Chẳng lẽ anh không biết rằng viễn cảnh có con đang mỗi ngày lại càng trở nên mờ mịt hơn, và chẳng lẽ anh lại vô tâm đến nỗi anh không thấy trước được rằng chị sẽ phiền lòng vì câu đó? Không phải là chị phiền lòng - chị chẳng bận tâm gì đến điều đó - nhưng có cần phải được nhắc như thế không? Anh có bị làm sao không vậy?

“Không, đó là một lời nói đùa tẻ hại,” anh vội vàng nói. “Đó là một lời nói đùa kinh khủng. Anh xin lỗi vì đã nói như thế. Anh chỉ cố tỏ ra hài hước một chút.”

“Em nghĩ anh nên suy nghĩ cho nghiêm túc vào thì hơn,” chị nói.

Điều chị đã muốn anh nói, tất nhiên, là, *Em sẽ ra làm sao khi không có ngực ấy à? Anh không biết. Anh không bận tâm đến điều đó.* Nhưng lúc ấy họ không nói đến chuyện của cả hai người. Họ chỉ nói về chị mà thôi, đưa chị đến một nơi mà chị có thể chấp nhận những hoàn cảnh khó khăn này, để chị có thể đưa ra những quyết định đúng đắn. Dù sao đi nữa đến cuối đêm thứ Bảy, họ đã đến được đó, đại loại như vậy. Chị bỏ qua câu nói đùa vô duyên. Chị cảm ơn anh nhiều lần. Anh về nhà. Chị muốn như vậy. Hai ngày vừa rồi quả thực là mệt mỏi.

Phải đến tận Chủ nhật - tức ba ngày trước ca mổ - họ mới có cơ hội nói về hai người. Anh qua chỗ chị sớm rồi cứ đứng trong chiếc áo choàng mùa xuân của mình và không chịu ngồi xuống. Chị từ trong bếp đi ra và nói, “Tại sao anh lại đứng thế?” “Anh đang nghĩ về một chuyện,” anh nói, “và anh nghĩ em nên biết đó là chuyện gì.” Nghe thế chị biết ngay là có chuyện không hay rồi. Trong tất cả những điều chị phải lo lắng liên quan đến bệnh tình của mình, chị đã không quên rằng một người đàn ông bận rộn, một người nghiện công việc, một người độc thân cố chấp có lẽ sẽ không mặn mà gì với việc đóng vai bảo mẫu cho cô bạn gái một thời. Anh đã làm tròn bổn phận của mình trong hai ngày vừa qua như một người đàn ông tử tế - thực sự là một ông vua - nhưng sớm muộn thì điều đó cũng phải xảy ra, một chuyện như thế này: Anh chúc em những điều may mắn nhất, Lynn, nhưng anh không sẵn sàng cho chuyện này. Anh rất hy vọng em sẽ gọi cho anh khi tất cả chuyện này đã qua. “Ít nhất thì anh cũng cởi áo khoác ra đã chứ?” chị hỏi. “Tất nhiên rồi,” anh nói. Khi việc đó đã xong xuôi, chị chìa cho anh tách cà phê của anh. “Chúng ta hãy ra chỗ ghế sofa nói chuyện nhé,” chị nói.

Và tại đó anh đã giải bày tất cả với chị: anh là của chị. Hoàn toàn. Bất kể điều gì chị cần từ anh, chị đều có. Anh sẵn sàng nghỉ việc nhiều ngày. Anh sẽ ở bên chị trong mọi buổi khám. Anh sẽ cùng chị trải qua toàn bộ chuyện này. “Từ đầu đến cuối,” anh nói. “Nếu em muốn Sherry hoặc Diane hay bất kỳ ai hơn cũng không sao. Anh chỉ muốn bày tỏ thiện chí của mình thôi.” “Cảm ơn anh, Martin,” chị nói. Chị lại choáng váng lần nữa, không nói nên lời - thật quá ngỡ ngàng. “Em xúc động lắm,” chị nói. “Rồi anh sẽ phải tự hỏi là anh *đang làm* gì thế này,” anh nói, “nhưng anh sẵn lòng thử - dù có thể nào đi nữa.” “Em vui lòng mà,” chị nói. “Thực sự là em rất xúc động.” “Nhưng có một điều mà anh phải nói rõ,” anh nói. “Đó là một điều kiện, anh nghĩ là như vậy. Và anh biết chọn thời điểm này là không đúng lúc một cách khủng khiếp, nhưng anh không thể... em biết đấy, anh đã theo dõi em, hai ngày vừa rồi, Lynn. Em làm anh ngạc nhiên - nhất là hôm qua. Hôm qua, cứ như thể em bừng tỉnh dậy. Em muốn biết tất cả mọi điều. Và em đương đầu với những... những thực tế khó khăn chết tiệt này. Anh thực sự rất ấn tượng. Và điều đó khiến anh suy nghĩ đêm qua, khi anh về nhà, khiến anh nghĩ rằng em có thể đối phó với bất kỳ điều gì. Bất kỳ điều gì.”

“Tại sao anh không nói cho em biết điều anh phải nói với em là gì đi,” chị nói.

Anh đặt cà phê của mình xuống bàn và nắm lấy tay chị. “Đó là một chuyện mà đến giờ anh đã suy nghĩ nhiều rồi. Từ trước tất cả... *chuyện này*,” anh nói. “Và thời điểm thật quá tệ, nhưng giờ không phải là lúc để không thành thật. Không phải bây giờ. Và vì thế anh sẽ nói thẳng - đến giờ anh đã suy nghĩ nhiều rồi rằng em và anh không hợp nhau. Xét về lâu dài, ý anh là thế. Và anh rất ghét phải trải qua chuyện này với em mà lúc nào em cũng nghĩ rằng... ừm, anh không biết nữa - rằng anh đang làm như thế vì anh muốn gán bó lâu dài. Anh *muốn* gán bó lâu dài để làm cho em khỏe hơn, nhưng không phải vì...”

“Vâng, em hiểu rồi, em biết rồi!” chị thốt lên, cắt ngang lời anh. “Anh không phải là mẫu người hợp với hôn nhân, em hiểu rồi!”

“Không, không chỉ có như vậy,” anh nói. “Mà là chuyện, em và anh... anh sẽ nói thực lòng vậy. Anh hoàn toàn toàn tâm toàn ý cùng em trải qua chuyện này. Nhưng như một người bạn,” anh nói. “Chỉ là như một người bạn thôi.”

Chà, chẳng phải là to chuyện sao? Martin Grant đúng là thành thật. Anh là một người đàn ông thành thật. Tất nhiên là anh phải tổng cho chị một cú đập nhanh như chớp vào bụng trước khi chị kịp nhận ra. Anh phải đánh cho chị hộc hơi chỉ để chứng tỏ cho chị thấy là anh thành thật đến nhường nào. Quan tâm đến chị, chăm sóc chị - anh sẽ gánh vác việc đó. Ung thư vú, phần đó không có vấn đề gì. Rốt cuộc thì chỉ có tổng thể bản thân chị mới không phải là điều anh muốn. Chị bảo với anh là chị không thể làm được theo cách đó, lợi dụng anh theo cách đó nếu anh... nhưng anh cố gắng phản đối bằng cách nói rằng... nhưng chị nói em xin lỗi, chỉ là em không thể... và anh nói em sẽ suy nghĩ về điều đó chứ... và chị nói không. Anh ra về ngay sau đó. Chị trải qua cả buổi chiều Chủ nhật buồn bã một mình.

Và bây giờ, có lẽ chị có thể thả lỏng chân ga một chút. Lái xe với tốc độ chín mươi dặm một giờ dọc Lake Shore Drive - đó là hành động tự sát, một điều lắm lúc cũng là một giấc mơ giải thoát. Người ta không sửa chữa những ổ gà ở tận mạn này về phía Nam. Khoảng cách giữa những cột đèn đường đang hoạt động cũng dài hơn, khi bầu trời đen ngòm trùm xuống mui xe để mở, che mờ chị đi - cho đến khi, đầu tiên là nắp ca pô, đến bảng đồng hồ, rồi đến tay chị trên vô lăng, chị lại được chiếu sáng bừng lên trở lại. Chị đang lảng tránh gương mặt của mình trong gương và tất cả những cảm giác tủi thân sướt mướt đều hằn rõ trên đó. Quý tha ma bắt nó đi. Và đối với những kẻ trong các người nghĩ rằng Lynn Mason ngoài bị ung thư còn mắc phải căn bệnh mà các chương trình tọa đàm truyền hình gọi là



Thiếu Giai, nếu các người nghĩ rằng đó là lý do tại sao chị đỗ xe bên ngoài tòa nhà văn phòng của Martin, thì các người chẳng hiểu gì về những hoàn cảnh đặc biệt của đêm thứ Ba này, những thôi thúc đang trỗi dậy khiến cho chị tuyệt vọng và thèm khát theo một cách hoàn toàn không giống chị chút nào. Chị chưa bao giờ - hoặc không mấy khi - mắc bệnh Thiếu Giai. Tự lập vẫn luôn là điều răn đầu tiên và cuối cùng của chị. Và không phải là bởi vì chị thuộc về thế hệ những cô gái được dạy phải vứt bỏ sự phụ thuộc mà mẹ và bà mình phải chịu đựng. Không phải là chị sợ đánh mất mình vì một người đàn ông. Mà chị sợ đánh mất mình cho một con người, một con người nữa. Đây không phải là chuyện chính trị, quyết tâm bướng bỉnh trong việc không chịu sự sai khiến của bất kỳ ai, thành đạt, được làm chủ, được kiếm tiền và ném chúng đi, được văng tục bất kỳ lúc mà mẹ nào mà chị thích, được ăn sung mặc sướng, được chén người chị muốn chén và sa thải những kẻ cần bị sa thải ngay cả khi họ có òa khóc nức nở đi nữa. Nó là chuyện cá nhân. Chị không quan tâm đến việc thắng chiếc xe của mình vào bất kỳ ai<sup>[32]</sup>, vì chị biết chân lý, hạnh phúc, thành công, tất cả những gì sâu sắc và thiêng liêng, đều đã có mặt trên xe cùng với chị. Chỉ là đêm nay chị không thể tiếp cận được bất kỳ điều gì trong số đó và muốn có một ai đó ở cùng chị trên ghế kế bên.

Bởi vì nỗi sợ cái chết, anh bạn ạ, nó có một cách uy hiếp những niềm tin chắc chắn của ta và làm cho ta cảm thấy cô đơn. Thần Chết có một cách hủy hoại những kế hoạch của ta và làm ta quay cuồng choáng váng trong một đêm lẽ ra là đêm làm việc. Thực sự đấy, Lynn, tốt nhất là chậm lại, chị tự nói với mình. Nếu không phải vì cuộc sống của mày, ít nhất cũng vì giá của một chiếc vé. Chị nhìn đồng hồ trên bảng điều khiển: nửa đêm. Chị yêu chiếc Saab. Điều gì sẽ xảy ra với chiếc Saab nếu chị, quả thực, phải chết? Câu hỏi hay hơn: chính xác thì chị đang định đi đâu khi ở trong chiếc Saab lúc nửa đêm với tốc độ chín mươi dặm một giờ dọc Lake Shore Drive? Hừm, đó có lẽ không phải là nơi lý tưởng để đến, cái câu lạc bộ mà chị biết ở mạn Bờ Nam - cái câu lạc bộ mà Martin đã giới thiệu chị đến, nơi họ đã



từng có một khoảng thời gian bên nhau, được gọi là Velvet Lounge. Và cái điều chị có ý định làm, thường thức màn biểu diễn lúc nửa đêm - không phải là điều chị định làm vì tình yêu thực sự đối với jazz, chị phải thừa nhận điều đó. Chị đang tới đó vì Martin, để nhớ Martin, để tiếc thương Martin. Chị đang tới đó vì nỗi niềm luyến tiếc quá khứ. Nên chẳng phải quá là phù hợp đến hoàn hảo khi mà Velvet Lounge lại đóng cửa đúng vào các thứ Ba sao? Chị ngồi trên xe bên ngoài quán bar, nghe bản “St. Louis Blues” trên một chiếc đĩa CD Martin bỏ lại. *Got the St. Louis Blues! Blue as I can be! Man’s got a heart like a rock cast in the sea!* Phù hợp thay, đó là một bài hát rất ngắn. Những kỷ vật dai dẳng ngu ngốc này - một quán bar, một bài hát - vẫn còn lảng nhãng ở lại sau khi người tình đã ném trái tim của anh ta xuống biển, chúng vừa mang lại nỗi khuây khỏa vừa là nỗi đau đớn. Chị bị hút vào chúng vì viễn cảnh hứa hẹn tái sinh, nhưng trải nghiệm chủ đạo lại là nỗi đau đớn thêm nhói buốt.

Bây giờ đã quá nửa đêm. Chị ở cách xa anh hàng dặm. Nhà. Từ mà chị muốn là *nhà*. Chị không tin mình sẽ có đủ sức mạnh để tự giao nộp mình cho các bác sĩ vào ngày mai nếu không có anh. Trong một khoảnh khắc tỉnh táo, chị tự hỏi mình, có lẽ nào chị thực sự yêu Martin, yêu *Martin*, hay là vì trái tim tan vỡ của chị đang ngộ nhận? Liệu chị có còn cảm xúc đó đối với anh nếu không vì chị đang phải nhập viện ngày mai, nếu không vì anh đã sắp xếp buổi khám đầu tiên của chị với bác sĩ một cách nâng niu đến thế, nếu không vì anh là người đàn ông cuối cùng biết cơ thể chị một cách tỏ tường trước khi nó sắp bị biến đổi thâm trầm? Và rồi câu trả lời đến với chị: *tất cả* những trái tim tan vỡ đều ngộ nhận. Tất cả mọi kẻ ngốc thất tình đều là nạn nhân của việc chọn sai thời điểm, những ý định tử tế, và việc ra quyết định kém cỏi của một kẻ khác. Chị buộc phải thừa nhận điều đó - đúng, chị đã yêu Martin, và chị nhận ra điều đó vào thời điểm tồi tệ nhất có thể, *sau khi* anh làm tan vỡ trái tim chị. Bất thành linh đi ngược lại toàn bộ niềm tin chắc chắn mà chị đã định ninh khi lái xe lao vọt đi rằng văn phòng của Martin là nơi tồi tệ nhất để đến, và liên lạc với Martin là điều tồi tệ nhất

chị có thể làm, chị đi tìm một bộ điện thoại trả tiền. Chị có mang theo điện thoại di động, nhưng nếu gọi bằng di động chị sẽ không còn khả năng cúp máy vào phút cuối mà không bị chức năng báo số cho anh biết ai là người đang gọi đến.

Chị gọi từ máy điện thoại trả tiền của một cây xăng đã đóng cửa. Chẳng có gì là vô lý khi hy vọng sẽ gọi được cho anh tại bàn làm việc. Thực ra, mặc dù bây giờ đã muộn rồi, trong đầu chị thậm chí không hề mảy may có ý nghĩ rằng anh có thể ở đâu đó khác. Hồi chuông quen thuộc, tiếng hộp thư thoại quen thuộc - nói bây giờ hoặc vĩnh viễn giữ nguyên cái lòng tự trọng của mày. Chị cúp máy. Lựa chọn khôn ngoan. Chị gọi lại. “Martin, em đang ở số máy này, đó là...” Chị đọc số cho anh. “Anh có thể gọi lại cho em khi anh quay về bàn của mình không, làm ơn? Chuyện khẩn lắm.” Chị chăm chú nhìn quanh trong lúc chờ đợi. Có một bóng điện tối om om màu cam gần phía trên những cột bơm xăng trông thật dị thường trong quầng sáng vàng vọt kiểu Halloween, rọi sáng, mặc dù đó không phải là từ chính xác - *truyền sức sống* cho những cột bơm, những vệt dầu loang rồi vết tróc lở và cả những thùng rác đầy phè thành thứ gì đó vừa xấu xí vừa đe dọa một cách mơ hồ, và khi một người đàn ông đẩy chiếc xe mua hàng của anh ta lạch cạch đi trên vỉa hè trong bóng tối, âm thanh đó khiến chị chột dạ, và chị nhìn quanh. Tuyệt thật, giờ thì chị đang sợ bị tấn công, và sợ cả những tên yêu râu xanh rồi những kẻ giết người và tất cả những gã đàn ông rình rập vào lúc đêm hôm khuya khoắt như thế này. Lại nói về trận lở đất cứt đá. Tại cái cây xăng chết tiệt này giữa lúc giờ giấc của ma quỷ, bà con ạ, chị đã chính thức bị chôn vùi trong đó. Tất cả những gì chị cần lúc này là trời bắt đầu mưa, là động cơ không chịu khởi động, là một chiếc xe cửa kính đen ngòm dừng lại ở một khoảng cách khó chịu, và một trận dịch châu chấu. Chẳng phải điều đó sẽ khiến cho đêm nay trở nên trọn vẹn sao? Cách đó khoảng một sân bóng, đường cao tốc mờ mờ hiện ra. Chị nghe thấy tiếng vù vù mơ hồ của những chiếc xe đang lao vút qua. Không biết mới được hai phút, hay bốn tiếng đồng hồ, kể từ lúc chị gọi nhỉ? Chị thử lại.

“Martin,” chị nói. “Em cần nói chuyện, làm ơn gọi lại cho em.” “Martin,” chị nói, trong lần thử thứ ba của mình. “Anh đang ở *nhà* à?”

Anh *đang* ở nhà thật, đang ngủ. “Mấy giờ rồi?” anh hỏi, sau hồi chuông thứ sáu. Ôi *không* - anh đã ở nhà được bao lâu rồi? *Tại sao* anh lại ở nhà? *Làm sao anh lại có thể ở nhà?* Giờ đây trong khoảng thời gian trước câu trả lời của chị, cả buổi tối cần được xem xét lại. Chị đã hình dung ra anh trong khung cảnh quen thuộc - lại rót đầy tách cà phê của mình rồi rút ra một tập hồ sơ, nuốt mấy viên aspirin và chỉnh lại quần trước khi ngồi xuống. Chị cảm thấy an ủi khi biết anh ở đâu, cho dù chị không ở bên cạnh anh. Tuy nhiên, khi phát hiện ra anh đang ở nhà và làm anh thức giấc, chị mới nhận ra chị chẳng hề biết gì về nơi anh có thể đã ở và anh đã làm gì, và điều đó quả thực là rất, rất không dễ chịu chút nào. Chị nghĩ đến điều tồi tệ nhất - đi uống nước với ai đó mới, chuyện trò vui vẻ, khởi đầu của điều mà anh *thực sự* muốn. Chị đã mất anh. “Anh đang làm gì ở nhà vậy?” chị hỏi. “Anh đang làm gì ấy à?” anh hỏi. “Thì anh đang ngủ mà.” “Anh từ chỗ làm về lúc nào?” chị hỏi. “Anh không biết,” anh nói. “Bây giờ thì phải?” *Bây giờ?* Chị không thốt nên thành tiếng nhưng bên trong chị là một tiếng gào to như lúc ở trong phòng thay quần áo. *Bây giờ?* Chị đã hình dung ra anh suốt năm tiếng đồng hồ ở một nơi mà chị cứ nghĩ là chị biết và giờ hóa ra chị chẳng biết gì hết. Điều chị cần khủng khiếp lúc này là một lời giải thích tuần tự về tất cả những gì anh đã làm tối nay. Nhưng chị không thể đòi hỏi điều đó. Tốt hơn hết là đi thẳng vào vấn đề trước mắt trước khi chị buột ra câu không ra thể thống gì. Quá muộn: “Anh làm gì ở nhà từ lúc bảy giờ?” chị hỏi. “Ý em là, chẳng phải điều đó không hề giống anh sao, đi về nhà lúc bảy giờ ấy?” “Anh thấy mệt,” anh giải thích. “Anh muốn về nhà.” “Vậy là anh về nhà lúc bảy giờ?” “Đúng thế, Lynn,” anh nói. “Anh về nhà lúc bảy giờ. Anh gọi đồ ăn, anh xem ti vi - có chuyện gì vậy?” Vậy là không có gì khác thường, chị nghĩ. Không gặp gỡ. Không *hẹn hò*. Anh đang thành thật với chị, đến giờ thì chị biết điều đó - cuối cùng, hãy nói cho anh ấy biết tại sao mà gọi điện đi.

“Em đã đổi ý,” chị nói. “Em cần anh đi cùng với em. Em không biết lúc đó em đã nghĩ gì nữa. Em sẽ không thể làm được điều đó nếu không có anh.”

Im lặng ở đầu dây phía anh. “Nhưng anh tưởng...” anh bắt đầu. “Được rồi,” anh đổi ý, sau một giây. “Anh sẽ đi cùng với em.”

“Anh không phải lo lắng đâu,” chị nói. “Em hiểu các điều kiện mà. Em chấp nhận hoàn toàn các điều kiện.”

“Được rồi, nhưng... điều gì đã thay đổi vậy? Bởi vì mới hôm Chủ nhật em còn nói...”

“Em thấy sợ,” chị nói một cách giản dị. Anh không trả lời. “Chỉ là vì em thấy sợ.”

“Được rồi,” anh nói. “Em muốn anh đến đón em lúc mấy giờ?”

Quay trở lại Lake Shore Drive, chị bình tĩnh như một con bồ câu trong lồng. Không âm nhạc, chỉ có tiếng gió hút vào từ trên mui xe và tiếng rung trung thành của chiếc Saab. Bên tay phải chị là mặt hồ lặng lẽ. Chị nhớ cái lần chiếc xe giở chứng. Chị lái xe mà giống như có người đang bị buộc bên dưới gầm xe đập chan chát vào nó bằng một chiếc mỏ lết. Nó cứ giật xóc khùng khục và lão đảo, kiểu chuyển động quái đản đó cùng những tiếng lạch cạch làm chị lo lắng, cứ như thể chị là sự nổi dãi ý thức của cỗ máy mà chị yêu quý. Chị mang nó đi sửa và ba ngày sau khi chị nhận lại nó, tất cả đã quay trở lại - tiếng vo vo quen thuộc của động cơ, tiếng lốp xe lướt êm như ru trên đường phố. Lúc này chị cảm thấy như thế: vững vàng, yên lặng,

trơn tru, hồi phục. Không còn chạy lảo đảo, lắc lư như một viên bi trong trò pinball. Suốt gần ấy tiếng đồng hồ đã ở lại phía sau chị, và chỉ đến lúc này chị mới nhận ra nó: lúc mười hai giờ bốn mươi tám phút sáng được bảo bọc trong chiếc Saab và đang đi về phía Bắc với tốc độ hợp lý, chị biết chính xác đó là đâu, cái nơi đúng đắn đã lảng tránh chị suốt, và lẽ ra chị nên làm gì trong suốt thời gian đó. Một loạt những biến cố của buổi tối đã làm chị mù mịt, che khuất đi điểm đến đúng đắn của chị, và chỉ trong vòng mười lăm phút chị đã tới nơi. Chị đi vào trong tòa nhà và chào người đàn ông trông coi nó vào buổi tối. Anh ta biết tên chị. “Thật ngạc nhiên khi thấy chị ở đây lúc khuya khoắt như thế này!” anh ta nói, và nghe những lời đó chị biết ngay rằng sai lầm lớn nhất của mình là đã rời khỏi đây lúc đầu. Đó là việc trèo lên chiếc taxi đó và đi về nhà. Chị đi thang máy lên tầng sáu mươi và bước đến phòng làm việc của mình. Liệu đã có ai ngoài chị nhận ra tầm quan trọng sống còn đối với tương lai của công ty trong hai hồ sơ dự thầu mới chưa nhỉ? Đã thế lại còn chưa vạch ra chiến lược cho chúng nữa chứ! Họ còn hai tuần nữa là phải trình bày rồi. Thật điên mới nghĩ là chị còn có lúc nào rảnh rỗi. Chị ngồi xuống bàn làm việc của mình. Đây là một nơi dễ chịu để đến, ngay tại đây, suy nghĩ, Có những việc gì phải làm nhỉ? Mình phải làm việc gì đầu tiên? Thật bất ngờ là chị cảm thấy tràn trề sinh lực đến thế, sau suốt mấy tháng vừa rồi ngày nào cũng mệt nhoài. Chẳng khác gì thức dậy sau một đêm nghỉ ngơi thật dài, giờ chị đã sẵn sàng để khởi động buổi sáng. Chị với tay về phía con chuột, phá vỡ trình bảo vệ màn hình. Đồng hồ cho thấy bây giờ mới hơn một giờ. Chỉ là một buổi sáng rất sớm, thế thôi. Chị làm việc đến sáu giờ.

Chị thấy kiệt sức. Chị đứng lên khỏi ghế và bước đến cửa sổ. Đúng lúc này mặt trời đang mọc, cả thành phố đang lấm chấm bừng tỉnh trở lại, lần lượt từng điểm tối tăm chuyển thành ánh sáng, làm sáng bừng những tòa nhà rồi đến đường phố và những con đường cao tốc xa xa. Kiểu lấm chấm này làm chị nhớ đến bức tranh Seurat khổng lồ trong Viện Mỹ thuật, bức mà Martin thích. Không phải là Chicago, với vẻ quyến rũ thô cứng cùng

những bề mặt xám xịt của nó - trên thực tế thì vẫn còn đang im lìm vào giờ này - có chút gì giống với buổi picnic nhộn nhịp đầy màu sắc của Seurat. Nhưng ngẩng nhìn bầu trời mở ra từ cửa sổ phòng mình, cảnh tượng thật huy hoàng, nhất là sau tất cả những công việc mà chị vừa hoàn thành, và một sự hiển linh nhỏ chợt ủa tới. Tất cả chúng ta đều nhăm to hết. Giờ làm việc bình thường phải là từ chín giờ tối đến năm giờ sáng, để cho chúng ta được mặt trời chào đón khi hoàn thành công việc. Tất cả những gì tuyệt vọng và chán chường đêm hôm trước đã bốc hơi, và tất cả những gì người ta vẫn nói về quyền năng biến hóa của ánh sáng ban ngày đã trở thành hiện thực đối với chị. Chị đã mạnh mẽ trở lại, đứng vững vàng trở lại. Chị đã làm mọi việc tốt nhất như những gì chị có thể tưởng tượng được, và cho dù trí tưởng tượng của chị có nghèo nàn, cho dù nó thiếu hụt một cách căn bản dẫn đến hậu quả mặc nhiên là phải làm việc vất vả hơn, làm việc nhiều hơn, cuộc đời chị vỡ mộng theo giấc mơ Mỹ - dù thế nào đi chăng nữa, chẳng phải đó vẫn là quá trình mưu cầu hạnh phúc đó sao? Quá trình mưu cầu hạnh phúc của chị. Và không ai, kể cả Martin, không một ai, có thể lấy điều đó khỏi chị. Nó chỉ có thể bị lấy đi bởi cái chết. Và bởi vì những cơ hội làm ăn mới này, chị e rằng cái chết cũng sẽ phải chờ.

Chị nhắc điện thoại lên. Chị chỉ muốn cho anh biết rằng đêm qua chị hơi điên rồ một chút - ai biết được tại sao. Nhưng cùng với ánh sáng ban mai, lý trí của chị đã quay trở lại, và rốt cuộc chị không cần anh đưa chị tới bệnh viện nữa.

“Em đang nói cái gì vậy?” anh nói. “Anh đang sắp sửa ra khỏi nhà để đi đón em.”

“Thôi,” chị nói. “Chuyện đó không cần thiết.”

“Lynn,” anh nói, “anh đến đón em đây.”

“Martin, em đang ở chỗ làm rồi. Em chỉ cách bệnh viện có một khối nhà. Em không cần được đón nữa đâu.”

“Lynn, tại sao em lại làm như thế này chứ?”

Chị hứa sẽ gọi khi chị ra khỏi ca phẫu thuật. Anh phản đối, nhưng chị nhất quyết khăng khăng. Chị cúp máy và loạng choạng đi tới chiếc ghế sofa bọc da trắng. Trên ghế bừa bộn những mẫu sản phẩm của khách hàng trước đây - những chai dầu động cơ, hộp bóng đèn - và những chồng hồ sơ đầy ắp tài liệu. Chuyển tất cả những thứ đó xuống sàn nhà chị nằm xuống và, ngay trước khi ngủ thiếp đi, quyết định rằng khi chị tỉnh dậy, việc đầu tiên chị sẽ làm ngày mai - ngày hôm nay - là dọn dẹp cái văn phòng đáng xấu hổ này, và tạo sự khởi đầu mới cho mọi việc.

# Trở Về Và Ra Đi



# 1

Khi không thể nào nghĩ ra được - Benny nhìn thấy Carl - Phụt rửa con hẻm - Kiểu tóc của Marcia - Một sự xúc phạm vô ý - Hợp đồng mới - Một đề nghị đối với Genevieve - Quầy căng tin - Lụn bại - Sự khác biệt giữa Joe và những người còn lại chúng tôi - “Lũ người này” - Một người kênh kiệu - Tháp Nước - Tại sao thế không phải là cay nghiệt - Vòi tưới vườn - Joe đưa ra quyết định

Buổi sáng chúng tôi đến cơ quan và treo áo khoác của mình lên sau cánh cửa rồi ngồi xuống bàn làm việc và lướt qua email của tối hôm trước xem có gì hay hay. Chúng tôi nhấm nháp những tách cà phê đầu tiên của mình và xóa thư thoại rồi lại kiểm tra các trang web đã được đánh dấu. Đó đã có thể là một ngày như bất kỳ ngày nào khác, và lẽ ra chúng tôi phải lấy làm biết ơn, thậm chí là hoan hỉ, khi không thấy tuyên bố phá sản nào đang chờ đợi chúng tôi trong hộp thư và không có quyết định toàn công ty nào thông báo về việc tổng khứ ra khỏi tòa nhà. Chúng tôi có đủ mọi lý do để tin rằng bộ phận quản lý bảng lương vẫn công nhận sự tồn tại của chúng tôi, rằng Aetna<sup>[33]</sup> đã được thanh toán và vẫn duy trì sự cam kết đối với sức khỏe của chúng tôi, và không có ai được cấp lệnh tịch thu những chiếc ghế của chúng tôi.

Ấy thế mà tại sao nỗi bức dọc vẫn cứ bao trùm khắp các gian sảnh lớn và phòng làm việc? Điều gì làm cho buổi sáng nay khác với những buổi sáng tương tự?

Chính là những mẫu quảng cáo từ thiện dở dang đã lẩn tránh chúng tôi ngày hôm trước. Chúng tôi được yêu cầu - liệu có thể nào không chứ - sáng tạo ra một quảng cáo làm cho những bệnh nhân ung thư vú phải bật cười, một nhiệm vụ lạ lùng và quái đản. Mục đích là để làm gì chứ? Không thành vấn đề. Công việc của chúng tôi không phải là đi hỏi mục đích là gì. Một khi đó đã là công việc của chúng tôi rồi, thì không có gì được trình bày tới những khách hàng tương lai trong bản giới thiệu năng lực và trên trang web lại có thể thoát khỏi những con mắt mở thao láo của chúng tôi. Mục đích của một tấm biển quảng cáo khác bên ngoài sân bay O'Hare ấy à? Một loạt thư quảng cáo khác trên bàn bếp của các bạn ư? Xin cứ việc đi mà nặn ra một lý lẽ cho việc đề thêm những thứ vốn đã quá ư thừa nữa đó. Nếu như chúng tôi mà phải đặt câu hỏi về mục đích, chắc chắn chúng tôi đã rơi vào một cuộc khủng hoảng hiện sinh nhanh chóng dẫn đến việc chúng tôi đặt câu hỏi đối với toàn bộ hệ thống kinh doanh Mỹ. Chúng tôi phải không ngừng tự nhủ mình hãy quên chuyện mục đích đi, chúí cái mũi xuống, và tập trung vào cái nhiệm vụ lẩn nhồn và độc nhất vô nhị trong tay. Ung thư vú thì có gì buồn cười nhỉ?

Chúng tôi không có câu trả lời, và điều đó đang làm chúng tôi lo lắng. Jim Jackers, sợ cái trang trống trơn và tìm kiếm phương hướng từ quần chúng nhân dân, không phải là người duy nhất phải chịu đựng nỗi lo âu về việc giao nộp những sản phẩm giẻ rách. Một quảng cáo giẻ rách có thể tạo ra sự khác biệt giữa người mà họ giữ lại và người mà họ cho nghỉ. Không ai có thể nói rằng đó là tiêu chuẩn, nhưng cũng không ai có thể nói là không phải.

Nhưng đâu chỉ có công việc của chúng tôi đang bị đe dọa, phải không? Khi chúng tôi gặp khó khăn trong việc nặn ra một quảng cáo, uy tín của chúng tôi cũng trở nên mong manh. Một phần rất lớn lòng tự trọng của chúng tôi được xây dựng dựa trên niềm tin rằng chúng tôi là những chuyên

gia marketing tài giỏi, rằng chúng tôi biết điều gì làm cho thế giới chuyển động - rằng thực ra, chúng tôi *bảo* cho thế giới biết phải chuyển động như thế nào. Chúng tôi biết điều đó, chúng tôi biết điều đó rõ hơn những người khác, chúng tôi biết điều đó rõ đến nỗi chúng tôi có thể dạy lại cho họ. Sử dụng một loạt các phương tiện truyền thông, chúng tôi có thể chứng tỏ cho người dân Mỹ anh em của mình những nỗi lo lắng, khát vọng, thiếu thốn, và bức bối của họ - và làm thế nào để vượt ve tất cả họ. Chúng tôi cho bạn biết chỉ trong sáu giây rằng bạn cần một thứ mà bạn không hề biết là bạn thiếu. Chúng tôi làm cho bạn thèm muốn bất kỳ điều gì mà bất kỳ ai sẵn lòng trả tiền cho chúng tôi muốn bạn thèm muốn. Chúng tôi là những tay súng đánh thuê của linh hồn con người. Chúng tôi giật dây người dân khắp cả nước, và có Chúa biết là họ đã đứng lên và nhảy múa theo chúng tôi.

Vậy thì chúng tôi biết phải hiểu thế nào với một trang phác họa trống trơn hoặc một màn hình máy tính trống không? Làm sao chúng tôi có thể tự phỉnh rằng thất bại của mình không phải bản cáo trạng về việc chúng tôi là những kẻ lừa đảo dốt nát và rời rạc mà là một thứ gì đó khác? Chúng tôi trở nên lạc hậu, lỗi mốt. Chúng tôi mù tịt không biết làm cách nào để chạm vào khát vọng cơ bản của con người. Chúng tôi thiếu sự hiểu biết căn bản về cách làm thế nào để tạo động lực cho lũ người mộng du hèn kém. Chúng tôi thậm chí còn không biết chơi thứ nhạc cụ đơn giản đó, được cài sẵn trong vỏ não tập thể của cái đất nước này, thứ tạo ra nỗi sợ hãi - một bản nhạc thô mộc, đơn điệu. Linh hồn của chúng tôi cũng lằm lạp và cần được dẫn dắt chẳng khác gì tất cả những người còn lại. Chúng tôi có là gì ngoài những con chiên như họ? Chúng tôi *là* họ. Chúng tôi là tất cả *chúng ta* - ấy thế mà suốt bao lâu nay chúng tôi vẫn tự cho rằng mình đứng cao hơn một chút so với những người khác. Quảng cáo dở dang có thể xô chúng tôi vào những cơn vật vã của nỗi tự ti và hơi hướm của sự tầm thường, và vì những lý do này - chứ không phải viễn cảnh được buôn chuyện và nhu cầu caffeine - chúng tôi nhận ra mình bị lôi ra khỏi phòng làm việc của mỗi cá nhân trong buổi sáng hôm đó để đến bên cạnh những người khác.

“Tôi thật *không* thể nào tin được,” Benny Shassburger vừa nói vừa rời khỏi phòng làm việc của anh ta ngay khi chúng tôi đã kéo nhau vào. Đây là một trò cũ rích của Benny - bỏ mặc chúng tôi đứng vào cái lúc chúng tôi cần đến anh ta nhất, như thế để chúng tôi biết rằng không bao giờ được xem nhẹ anh ta. Anh ta dừng lại một thoáng tại ngưỡng cửa và quay lại. “Chờ tôi đi lấy cà phê một chút rồi tôi sẽ kể cho các cậu nghe toàn bộ câu chuyện.”

Chúng tôi nói chuyện với nhau đến khi anh ta quay về. “Được rồi,” anh ta nói, và đi vào phòng với một chiếc ca đầy oắp, người phảng phất mùi bã cà phê thiu. Anh ta ngồi và chiếc ghế được bọc cầu kỳ lún xuống vì anh ta nhiều hơn một chút so với khi nó bị lún vì chúng tôi. Anh ta ngồi ngay ngắn tại bàn và nói, “Biết sáng nay tôi nhìn thấy ai đỗ xe ngay bên ngoài tòa nhà nhưng - gì vậy?” Anh ta dừng lại ở giữa câu. Anh ta có gì đó - “Ở đâu?” Nó nằm trên má bên kia của anh ta - chúng tôi cầu Chúa là anh ta tìm được nó nhanh nhanh lên cho. Anh ta quệt cái bộ mặt nhăn nhui của mình và nhìn xuống. “Vỏ bánh rán,” anh ta nói.

Có bánh rán à? Câu chuyện của Benny đành phải chờ những người trong chúng tôi muốn ăn bánh rán. Những kẻ đã ăn rồi, hoặc những người đang kiểm soát cân nặng của mình, hoặc Amber Ludwig, người vừa mới bóc một quả chuối màu nâu và đang xơi dờ dang, làm cái mùi chín nẫu đặc trưng của nó tỏa ra khắp phòng làm việc của Benny - chúng tôi ngồi yên.

Benny tiếp tục kể cho chúng tôi nghe rằng anh ta đã trông thấy Carl Garbedian ngồi trên xe đỗ ở khu vực dừng đón khách ngay bên ngoài tòa nhà, Marilyn ngồi ở ghế lái bên cạnh anh ta. Có lẽ đâu thế? Theo như chúng tôi hiểu thì Carl và Marilyn đang ly thân cơ mà. “Tất nhiên là họ đang ly thân,” anh ta bực bội nói. “Nhưng các người có để yên cho tôi kể chuyện cho mà nghe...”

Carl ngồi trên ghế hành khách của chiếc xe nhìn ra ngày mới. Kia là tòa nhà của anh ta, ngay phía trên, với tay ăn xin mà anh ta biết quá rõ đang ngồi khoanh chân gần những cánh cửa xoay, trông có vẻ mệt mỏi vào lúc sáng sớm như thế này, vì gã hầu như không còn sức mà ngúc ngoắc cái cốc Dunkin's Donut của mình trước tất cả những người đi vào. Khi Carl liếc quanh, anh ta nhận ra bà con trong công ty đang cùng tụ về tòa nhà, nhưng không có ai mà anh ta muốn nói chuyện.

Ngay phía bên phải anh ta, một chuyện đáng tò mò đang diễn ra. Hai người đàn ông mặc đồng phục màu nâu đang phụt rửa con hẻm - một con hẻm cụt để bốc xếp hàng giữa tòa nhà của chúng tôi và tòa nhà bên cạnh. Carl chăm chú nhìn họ làm việc. Dòng nước trắng xóa phụt ra từ những chiếc vòi của họ. Họ di chuyển vòi nước phun trên mặt đường trải nhựa. Áp lực của vòi nước nhìn có vẻ mạnh, vì hai người đàn ông cầm chặt lấy những đầu vòi phun đen sì, giống cái loại vẫn nhìn thấy ở một hiệu rửa xe thủ công, bằng cả hai tay. Họ nâng vòi lên xịt rửa cả thùng rác lẫn tường gạch. Họ phụt rửa từng điểm, họ thu gom rác thải lại bằng dòng nước. Nói thẳng toẹt ra là họ đang xối rửa một con hẻm. Một con hẻm! Dọn dẹp nó! Carl bị thôi miên. Những cảnh kiểu này, sáu tháng trước, hẳn kiểu gì cũng làm anh ta phát điên lên, khi nhìn thấy những người đàn ông này, những người Mỹ thế hệ đầu tiên với không nhiều lựa chọn trong chuyện này, dành buổi sáng của họ trong cái hốc tối tăm của một con hẻm bốc xếp hàng - phụt rửa mặt đường và thùng rác - lạ Chúa lòng lành, chẳng lẽ công việc lại vô nghĩa đến thế sao? Chẳng lẽ *cuộc sống* lại vô nghĩa đến thế? Nó làm anh ta nhớ cái lần một mẫu quảng cáo bị một khách hàng dội nước vào, và cứ thế dội nước, cho đến khi tất cả những gì thú vị trong cái quảng cáo đó trôi sạch. Carl vẫn phải viết nội dung cho nó. Tay phụ trách mỹ thuật vẫn phải đặt bóng đổ ở chỗ phải có bóng đổ và cái logo ở vị trí thích hợp của

nó. Đó là công đoạn được gọi là *đánh bóng cút*. Hai thằng cha đàn độn đáng thương đang phụt rửa con hẻm kia đang làm cái việc giống hệt như thế. Trên thực tế, khắp cả cái nước Mỹ này, người ta tỉnh giấc rồi ra khỏi giường ngày hôm nay tiếp tục cái nỗ lực đánh bóng cút. Thì hẳn rồi, vì sự tồn tại, nhưng sát sườn hơn cả là vì một cha giám đốc bạo dâm hay một tay khách hàng óc bả đậu nào đó mà óc tưởng tượng bé tí cùng những ý tưởng đàn độn đến ngây người của chúng đang gột sạch của thế giới tất cả những hy vọng và lẽ phải. Ấy thế mà cái thằng cha rậm râu điên rồ đang ngồi khoanh chân kia lại hầu như không thèm giơ hai cái bàn tay dơ bẩn của hẳn lên để dễ dàng hơn cho ai đó ném cho hẳn một đồng hai năm xu.

“Ừm, chúng ta phải tìm ra cách nào đó để đưa bà ấy vào,” Marilyn đang nói vào điện thoại di động của cô.

Carl hướng tâm trí của anh ta trở lại những tên gốc danh giá đang cọ rửa tường gạch. Một điều nữa mà bình thường chắc đã khiến anh ta phát rồ là chỉ trong phút chốc anh ta có thể nghĩ ngay ra lời quảng cáo bán bình xịt rửa cho những cha giám đốc óc bả đậu đó. “Phát tán dung dịch đồng đều bảo đảm tẩy rửa tối đa với thời gian ngắn nhất,” anh ta thầm nghĩ trong đầu khi theo dõi hai gã kia làm việc, “trong khi áp lực mạnh từ góc phun của chúng tôi khiến cho việc tẩy rửa bất kỳ bề mặt nào cũng trở nên dễ ợt!” Khả năng nhanh nhạy của anh ta trong việc sử dụng thứ ngôn ngữ trơn tru và bóng bẩy đó, cái kiểu nói giả tạo đó, trong lúc vợ anh ta đang ngồi ngay bên cạnh nói chuyện với Susan về kết quả chụp tia X vú hoặc những phản ứng thuốc tiêu cực - tất cả lẽ ra đã vượt quá sức chịu đựng.

Ấy thế mà không quá sức lắm trong sáng nay, không quá sức lắm chẳng hiểu tại sao. Ôi chà, anh ta vẫn còn tinh tường và tỉnh táo về những triển vọng tối tăm của ngày hôm nay. Anh ta biết anh ta đã tự xích mình, vì số kiếp đáng nguyên rủa, vào cái nỗ lực ồ ạt, rậm rộ này - để *làm việc*, để đánh bóng cút. Vậy mà anh ta đã thay đổi. Vì Marilyn đang ở bên cạnh anh ta

nói chuyện điện thoại, thế mà anh ta không hề cảm thấy cần phải gọi cho cô và để lại một lời nhắn. Anh ta không thấy thích cởi quần áo trên xe. Marilyn đã cầm điện thoại di động lên, trong khi đây là một buổi sáng đầy tế nhị - buổi sáng đầu tiên sau cái đêm đầu tiên họ ở cùng nhau trong sáu tuần qua. Lẽ ra cô đã có thể có ý tứ phớt lờ nó cho đến khi anh ta đã ra khỏi xe. Nhưng không, cô đã nghe điện thoại giống hệt như mọi khi, bất chấp đó là một buổi sáng tế nhị - vậy mà khi Carl kiểm tra mình, anh ta không hề cảm thấy bị phớt lờ hoặc bị xem nhẹ, ít nhất thì cũng không đến nỗi quá lờ lợm. Tại sao lại thế nhỉ? Bởi vì Marilyn có một công việc phải làm. Chẳng phải là đơn giản vậy sao? Cũng giống như những người đàn ông kia phải phun rửa một con hẻm, cũng giống như anh ta phải đánh bóng cứt của một mẫu quảng cáo, Marilyn phải cầm điện thoại lên ở những thời điểm bất tiện và bàn bạc những cơ quan thụ cảm estrogen với Susan chết tiệt. Nhận ra điều này, anh ta không còn ngồi trên ghế hành khách mà hờn dỗi và nghĩ ra đủ trò để thu hút sự chú ý của cô vào mình nữa. Đó, theo cách anh ta đánh giá, là tiến bộ rồi. Đó là lời hứa của những viên thuốc nhỏ nhắn màu hồng kia khi dùng đúng liều lượng của chúng. Đó có thể xem như một phép màu. Và khi Benny chạy tới đập vào cửa xe, hành động đầu tiên theo bản năng của Carl không phải là bức bối xua anh ta đi, mà là mỉm cười nửa miệng và khẽ vẫy tay. Benny vẫn là Benny, anh ta bước tới để theo dõi cặp đôi bất ngờ từ một cái thùng bỏ thư.

“Không,” vợ anh ta nói, “tôi không cảm thấy thoải mái khi đưa anh ta vào chuyện này.”

Đúng lúc đó Carl để ý đến một người phụ nữ đang băng qua phố. Trông cô ta quen quen, cho dù anh ta không thể nào nghĩ ra ngay được đó là ai. Đột nhiên anh ta bỗng nhớ ra. Không thể tin nổi! - cô ta đã biến đổi hoàn toàn. Thành một cảnh mộng. Một mỹ nhân thực sự. Không phải là Genevieve Latko-Devine, nhưng lạ Chúa tôi, ai mà đoán được là một chuyện như vậy lại có thể xảy ra chứ? Đó là Marcia Dwyer, và cô ta đã cắt

tóc. Phăng đi cái mớ lò xo phủ ngay phía trên trán cô ta như một cơn sóng đen ngòm thô cứng, phăng đi cái bức tường gồm những lọn tóc xoắn bóng loáng buông thông giữa hai xương vai của cô ta như một tấm màn hạt cườm rẻ tiền. Thế vào chỗ đó lúc này là một mái tóc được cắt đầy trang nhã đầu ra đây, ngắn ở phía sau, lượn ôm lấy cằm cô ta ở phía trước và tự do tung bay trong gió. Màu của nó không còn là đen bóng như nhựa đường mà nâu hạt dẻ óng mượt. Nhìn cô ta thời trang chẳng khác gì người mẫu trong một quảng cáo dầu gội đầu. Carl bị ngợp trước sự thay đổi đó. “Anh không thể nào... em thử... Marilyn,” anh ta vừa nói, vừa vỗ vỗ vợ, “Marilyn, em thử nhìn mà xem kìa?” Anh ta đang chỉ qua kính chắn gió. “Em có nhìn thấy những gì anh nhìn thấy không?”

Lúc đó Marilyn đang mãi chăm chú, nhưng sự phấn khích của Carl quá là khiến người ta phát hoảng. “Susan?” cô nói. “Susan, phiền cô chờ máy một chút được không?”

“Marilyn,” anh ta tiếp tục, “em có thấy cô gái đằng kia, người phụ nữ kia không?” Anh ta đang chỉ thẳng qua kính trước. “Nhìn thẳng về phía kia kìa, người vừa mới bước lên vỉa hè ấy, em có thấy cô ta không?”

“Người cầm cái ví vải bò ấy à?”

“Ừ,” anh ta nói. “Nhưng... hãy bỏ qua cái đó trong một phút, nếu em có thể. Và hãy nhìn cô ta! *Nhìn cô ta ấy!*”

“Em phải nhìn cái gì đây?” cô hỏi.

“Đó là Marcia!” anh ta thốt lên. “Marcia Dwyer! Marcia cắt tóc rồi!”

“Ồ,” Marilyn nói.



Hai vợ chồng họ nhìn Marcia đi vào tòa nhà. Marilyn nhìn sang chồng mình, chờ anh ta nói thêm điều gì đó. Nhưng anh ta vẫn đang nhìn tòa nhà, mê mải với những ý nghĩ của mình. Marilyn chờ thêm một lúc nữa trước khi tiếp tục câu chuyện của mình với Susan, để phòng còn điều gì đó nữa mà Carl muốn nói.

Với một số thao tác nhằm che đậy thực tế rằng anh ta vừa do thám, Benny đi vòng lại ra chỗ xe của vợ chồng Garbedian. Benny thả người ngồi thụp xuống, còn Carl hạ cửa sổ xe xuống.

“Anh vừa có nhìn thấy Marcia Dwyer không?” Benny hỏi.

“Nhìn cô ta tuyệt thật!” Carl thốt lên.

Benny trông về phía tòa nhà như thể cố vớt vát hình ảnh cuối cùng. “Đúng là nhìn cô ta tuyệt thật,” anh ta đồng tình.

“Giá kể như hồi trước mà phải đặt cược,” Carl nói, “chắc tôi đã quá quyết rằng Marcia Dwyer sẽ mang theo kiểu tóc cũ đó xuống mồ. Tôi sẽ không đời thuở nào nghĩ, trong cả triệu năm cũng không, rằng cô ta sẽ có ngày tỉnh ra và nhận thấy suốt thời gian vừa rồi trông cô ta úi xùi như thế nào.”

Benny ngoảnh lại nhìn Carl, người không thực sự chú ý gì đến anh ta khi nói.

“Chẳng lẽ anh thực sự gọi cô ta là úi xùi sao?”

“Trong cả triệu năm cũng không thể ngờ nổi!” Carl thốt lên, không đếm xỉa gì đến câu hỏi. “Vậy mà cô ta *đã làm!* Cô ta đã tỉnh giấc, tự ngấm mình, và tự nhủ không, như thế này không được rồi.”

“Cô ta có một khuôn mặt kháu khỉnh, anh có nghĩ thế không?” Benny nói.

“Và ai thèm quan tâm,” Carl nói, “liệu có phải là do một tay stylist nào đó gợi ý không chứ. Cô ta đã đồng ý. Cô ta nói vâng! Cô ta nói chúng ta hãy cùng thay đổi nào. Benny, điều đó thật thôi thúc! Nó thôi thúc tôi mong muốn giảm bớt một ít cân thừa này - ý tôi là, hãy nhìn cái của này xem,” anh ta vừa nói vừa nhìn xuống bụng mình như thể nó là một thứ gì đó độc lập khỏi bản thân mình. Khi anh ta ngược lên, anh ta nhận ra Benny đã đứng dậy và đang bước đi khỏi đó.

Một giây sau, Carl bước ra khỏi xe cố bắt kịp anh ta. “Này, anh bạn, chờ đã!” anh ta gọi với theo. Anh ta hoàn toàn quên băng Marilyn. Nụ hôn tạm biệt đã từng có thời quan trọng với anh ta biết bao - không phải vì bản thân nụ hôn đó, tất nhiên, mà là như thước đo độ quan tâm của Marilyn đối với anh ta trong buổi sáng, việc cô có sẵn lòng đặt anh ta lên trước một cuộc điện thoại - chắc hẳn bây giờ không còn quá quan trọng nữa, bởi vì thậm chí không hề nói lấy một câu tạm biệt, anh ta bỏ mặc vợ mình để đuổi theo đồng nghiệp. Marilyn, bất ngờ vì điều này, nghĩ ai-mà-biết-là-chuyện-gì trước sự bỏ đi bất thành linh của Carl. Cô lại bảo Susan chờ máy để nhấn còi. Carl ngoảnh lại, nhận ra là anh ta đã quên khuấy mất vợ mình - cô vừa mới tuột khỏi tâm trí anh ta! - và ở giữa hai người, anh ta bảo Benny chịu khó chờ trong khi anh ta tạm biệt Marilyn thật chóng vánh. Tò mò về điều Carl sắp nói, cũng như chuyện gì có thể xảy ra ở chiếc xe của vợ chồng nhà Garbedian, Benny đặt một chân lên bậc thềm thứ nhất dẫn lên tòa nhà và quay lưng lại để theo dõi. Carl dựa người vào qua cửa sổ bên phía hành khách, vài lời vắn tắt được trao đổi, và rồi cặp đôi chia tay hôn nhau tạm biệt. Khi Carl rời khỏi chiếc xe và bước về phía Benny, anh ta gần như đang phi nước đại, như thể đang nhảy bỏ qua một bậc vì khẩn trương - và đó, Benny nói, đó là điều anh ta chưa bao giờ thấy trước kia.

“Carl mà vội vàng ư?” anh ta nói. “Từ trước đến giờ tôi chưa bao giờ thấy cả.”

Benny dừng câu chuyện tại đó. Nhưng chúng tôi cảm thấy vẫn còn hơn thế trong chuyện này. Thế là vào giờ ăn trưa, khi nhìn thấy cửa phòng Carl để mở lần đầu tiên trong cả thiên niên kỷ, một vài người chúng tôi đi vào. Anh ta đang ngồi ở bàn ăn một chiếc bánh sandwich Subway ít calo và uống trà đá dành cho người ăn kiêng. Đó quả là điều lạ lùng. Chúng tôi yêu cầu anh ta thuật lại diễn biến mọi sự theo lời anh ta.

“Tôi đã hoàn toàn quên mất chuyện anh ta phải lòng Marcia,” anh ta nói với chúng tôi, và ngồi ngả ra sau ghế, “thành ra tôi lại đi gọi ngay cô ta là trông úi xùi. Đúng là ngốc quá. Thế là tôi bảo anh ta, tôi mới bảo, ‘Benny, tôi xin lỗi nếu lúc này ở kia tôi có xúc phạm anh.’ Nhưng anh ta nhún vai như không có chuyện gì. ‘Anh đâu có xúc phạm tôi,’ anh ta nói. ‘Anh đã xúc phạm Marcia, tôi nghĩ thế, chứ không phải tôi.’ Thế là tôi bảo, ‘Tôi hoàn toàn quên mất vụ anh phải lòng, anh bạn ạ, tôi xin lỗi.’ Và anh ta bảo, ‘Vụ tôi sao cơ?’”

Chẳng bao lâu sau Benny đã dốc hết tâm can của mình bên hồ, nơi cũng chỉ cách chúng tôi vài khối nhà về phía Đông. Hai người đàn ông trèo qua bờ kè chắn sóng đứng bên mép đường dành cho người chạy bộ dốc đứng thẳng xuống mép nước, nơi Benny thú nhận với Carl về một tình yêu dành cho Marcia mà anh ta gọi là đến tê tái. Nó đang khiến anh ta mất ăn mất ngủ, anh ta nói. Nó đang bắt đầu làm anh ta đau đớn dù chỉ là nhìn thấy cô ở hành lang. Còn khi ngồi đối diện với cô trong một cuộc họp, điều đó thật là tra tấn. Và vô tình gặp cô một mình trong bếp thì mồm miệng anh ta biến đâu mất. “Mà anh biết tôi rồi đấy,” anh ta nói với Carl. “Tôi không bao giờ thiếu cái để nói cả. Nhưng bây giờ, tôi bắt đầu không thích điều đó nữa.” “Vậy anh định làm gì với chuyện đó đây?” Carl hỏi. Benny nói những gì

mà anh ta vẫn luôn nói, cũng chính là điều mà anh ta đã nói với tất cả chúng tôi: tình yêu của anh ta dành cho Marcia rất phức tạp vì Marcia không phải là người Do Thái, và điều quan trọng đối với anh ta - vì những lý do mà những kẻ ngoại đạo như chúng tôi không thể nào hiểu nổi - là việc anh ta phải kết hôn với một người Do Thái. Cất giữ một cây cột tô tem với giá ba trăm mười chín đô la mỗi tháng mà lại gọi *chúng tôi* là lũ ngoại đạo - đúng là chuyện nực cười, chúng tôi nghĩ. Đã vậy tất cả mọi người đều biết rằng đó chỉ là một cái cớ bao biện phòng trường hợp Marcia phát hiện ra vụ phải lòng và không đáp lại anh ta.

Vụ Benny phải lòng chẳng có gì chấn động. Anh ta đã kể cho từng người một trong chúng tôi về điều đó vào lúc này hay lúc khác, và một cách cực kỳ chi tiết. Thậm chí vụ mái tóc của Marcia cũng chẳng chấn động gì. Cuối cùng thì Marcia cũng tự bỏ ra khỏi cái nguồn gốc Megadeth<sup>[34]</sup> -và-Marlboro của mình và chập chững bước vào thực tại hợp thời trang của một thế kỷ mới, và vẻ ngoài của cô ta đã được cải thiện nhờ điều đó. Cô ta không còn hồi tưởng lại những ngày vinh quang rít-thuốc-và-trác-táng của thời Trung học George Washington. Mái tóc của cô ta là một sự nhảy vọt về ba cấp độ thu nhập, nó là bước đi tới Paris, nó là sự khai mở của một niềm ẫn thứ bảy nào đó trên mạn Bờ Nam<sup>[35]</sup>, và nếu như những lần chạm mặt của Benny với cô ta trong hành lang trước kia đã làm anh ta khổ sở, thì giờ đây anh ta phải gọi là ngập trong thế gian đau đớn.

Carl rời xe mà không có một nụ hôn tạm biệt, cả điều đó cũng thật là thú vị. Carl cố gắng can dự vào thế giới - chuyện đó xảy ra khi nào vậy? Sau khi xoáy thuốc của Janine, tọng quá liều, tự đầu độc mình đến nỗi vào viện, và sau khi được ra viện dưới sự giám sát của một bác sĩ tâm thần, Carl đã đi từ sự oán hận hờn trách sang trạng thái khá thờ ơ. Nhưng từ khi nào mà anh ta chuyển từ trạng thái thờ ơ sang phi nước đại rồi buôn chuyện và đuổi theo Benny? Giá kể như chúng tôi bị buộc phải đặt cược, có lẽ tất cả tiền

của chúng tôi đã được đặt vào cái mái tóc bất ngờ kia từ rất lâu trước khi Carl rời xe mà không có một nụ hôn từ Marilynn.

Nhưng đó không phải tin gì chấn động.

Tin chấn động được chuyển đến từ Joe Pope, người đi qua phòng Benny thông báo rằng trong một vài ngày nữa, chúng tôi sẽ bắt đầu công việc liên quan đến hai cơ hội ký hợp đồng mới rất quan trọng. Một công ty nước giải khát sắp sửa tung ra loại nước đóng chai có caffein đầu tiên của họ, và một thương hiệu giày chạy nổi tiếng phải chứng kiến thị phần của họ sụt giảm trong mấy năm qua. Cả hai đều đang tìm kiếm những công ty quảng cáo mới và đã ân cần mời chúng tôi trình bày cho họ nghe những ý tưởng. Bước tiếp theo sẽ là giới thiệu với họ sáng tạo làm họ phải ngất ngây. Joe không cần phải nói cho chúng tôi biết là vụ làm ăn mới này quan trọng đến nhường nào, nhưng dù sao thì anh ta vẫn cứ nói. “Vì vậy chúng ta cần dọn sạch cái dự án từ thiện này ra khỏi đĩa càng sớm càng tốt,” anh ta nói. “Các bạn sẽ trình bày những ý tưởng về điều làm cho một bệnh nhân ung thư vú bật cười ngay từ đầu giờ buổi sáng.”

“Tức là trong buổi sáng ngày mai?” Benny nói. “Tôi cứ tưởng chúng ta vẫn còn đến tuần sau.”

“Các ưu tiên đã thay đổi,” Joe nói. “Bây giờ là sáng ngày mai.”

“Lạy Chúa, Joe,” Larry nói. “Anh nghiêm túc chứ?”

Giống như một tiếng chuông báo cháy vậy, khi mà chúng tôi thậm chí sẽ không được trả công.

“Hôm nay chị ấy có đến không?” Amber Ludwig hỏi. Âm điệu trong giọng nói của cô ta cùng đôi mắt sụp xuống dường như biểu lộ rằng cô ta

đang hỏi thăm về ai đó đang cố gắng thoát khỏi một hoàn cảnh nguy kịch.

“Ai có đến không cơ?” Joe trả lời. Anh ta biết ý cô ta muốn nói đến ai. Tất cả chúng tôi đều biết.

“Nghe này,” anh ta vừa nói, vừa đi hẳn vào trong phòng làm việc của Benny. “Có ai có gì trình bày với chị ấy không?”

Bình thường thì hẳn chúng tôi đã coi câu hỏi này, đến từ Joe, như một kiểu lời buộc tội. Nhưng sự thật là không một ai có gì cả, nên giả vờ để làm gì cơ chứ? Chúng tôi đành chỉ giương mắt nhìn anh ta.

“Tôi cũng chẳng có gì hết,” anh ta thú nhận. “Không một thứ quái gì cả, trong khi tôi đã suy nghĩ về nó suốt cả đêm rồi.”

Thật dễ chịu khi được nghe rằng ngay cả anh ta cũng đang phải vật vờ. Anh ta tiếp tục trình bày với chúng tôi một số chiến lược khiêm tốn mà anh ta đã nảy ra, những định hướng chung chung mà chúng tôi có thể xem xét, anh ta đúng là tử tế. Nhưng điều đó vẫn không giúp làm dịu đi đòn đánh từ cái tin xấu của anh ta, và cuối cùng nó cũng chẳng đưa chúng tôi tiến gần hơn chút nào đến việc tìm ra điều gì là buồn cười về ung thư vú.

Genevieve đang ngồi ở bàn của mình, đọc cuốn cẩm nang cho người ung thư vú đã xâm chiếm tâm trí của cô từ tối hôm qua sau khi cô đã đọc xong cuốn hồi ký của người sống sót, thì Amber xuất hiện trên cửa phòng cô. Genevieve đặt cuốn sách xuống và vén mái tóc vàng của mình ra sau một bên tai. “Có chuyện gì vậy?” cô hỏi. Amber bước vào và ngồi xuống, nhét một cái chân mập mạp của mình xuống dưới đùi của cái chân còn lại. “Cậu không biết về cú điện thoại của Karen tới bệnh viện hôm qua, đúng

không?” Genevieve lắc đầu và nhấp một ngụm cô ca dành cho người ăn kiêng của mình. Cô không ở cùng chúng tôi trong lúc diễn ra cú điện thoại. “Nếu vậy thì để tớ kể cho mà nghe,” Amber nói.

Amber cất lời. Cả hai người phụ nữ quay ra nhìn Larry trên ngưỡng cửa khi anh ta xuất hiện với chiếc mũ lưỡi trai Cubs của mình, chốc chốc lại thả một viên M&M vào miệng. Amber quay lại với Genevieve và tiếp tục nói trong lúc Larry bước vào trong đứng ngay phía sau cô ta.

“Và nhớ nhắc đến nỗi sợ hãi của chị ấy,” anh ta nói, chen ngang lời. Larry đã bị thuyết phục bởi cú điện thoại của Karen đến bệnh viện rằng rốt cuộc bệnh ung thư của Lynn không phải tin đồn.

Thoạt đầu Amber phớt lờ lời anh ta, nhưng cuối cùng cũng đề cập đến ý anh ta định nói - nỗi ám ảnh của Lynn đối với bệnh viện. Sẽ cực kỳ khó khăn để một người bị chế ngự bởi nỗi sợ hãi bệnh viện có thể tự nguyện nộp mình đến một nơi như vậy.

Benny Shassburger bước tới ngưỡng cửa và hạ giọng thì thào, “Các cậu đang nói chuyện về Lynn à?” Genevieve gật đầu, và Benny, với cái quần kaki sột soạt, bước qua phòng làm việc tới dãy tủ kệ phía sau, nơi anh ta đặt cả một bên bàn tọa lên góc gỗ sắc cạnh. “Đây là điều mà tôi vẫn nói đi nói lại,” anh ta nói. Và anh ta tiếp tục nhắc cô nhớ rằng vụ quảng cáo từ thiện, vốn liên quan đến nhận thức về căn bệnh ung thư vú, đến cùng lúc với việc chị phải vào bệnh viện. “Chẳng lẽ chỉ là trùng hợp thôi sao?” anh ta hỏi.

“Anh ta đang cố nói điều gì vậy?” Genevieve hỏi.

“Rằng chắc chắn chị ấy bị ung thư vú,” Jim Jackers nói, người vẫn đứng nghe từ nãy đến giờ ngoài ngưỡng cửa. “Và rằng chị ấy muốn chúng ta biết về điều đó.”

“Tại sao chị ấy lại muốn chúng ta biết chứ?”

“Tôi không biết,” Jim nói. “Có thể chỉ là vô thức thôi.”

Vừa nhai viên M&M cuối cùng của mình, lúc này Larry Novotny bắt đầu xoa bóp vai của Amber bằng hai bàn tay rảnh rỗi. Genevieve đã quay người lại trên ghế để nói chuyện với Benny dễ dàng hơn, nhưng sự chú ý của cô hướng trở lại Amber khi Amber đột nhiên đứng phắt dậy bước tới chiếc ghế kê gần tường. Larry, hai tay vẫn còn nguyên tư thế mát xa, trơ mắt nhìn cô ta bỏ đi.

Jim đi vào phòng và ngồi xuống chiếc ghế cũ của Amber. Hank Neary bước vào phòng và vừa nhìn quanh vừa ngồi xồm xuống dựa lưng vào tường. Anh ta tì hai khuỷu tay lên đầu gối, kéo chặt hai ống tay chiếc áo vest nhung tằm, rồi chỉnh lại cặp kính của mình. Benny tiếp tục, và Genevieve lại hướng sự chú ý của mình vào anh ta. “Thực ra mà nói,” anh ta vừa nói, vừa nhúc nhích một ngón tay giữa Hank và mình, “Hank và tôi thậm chí còn không nghĩ là có một buổi gây quỹ nữa cơ.”

“Tất nhiên là phải có một buổi gây quỹ chứ,” Genevieve nói.

Hank giải thích. Rất có thể là có một buổi gây quỹ. Chúng tôi chỉ không nghĩ rằng Lynn đã quyên góp thời gian của chúng tôi vào đó. Chúng tôi không nghĩ là có một tay chủ tịch ủy ban đang lẳng nhẳng bám chị. Thực ra, nghe thì có vẻ điên, chúng tôi nghĩ chẳng có khách hàng nào hết - trừ phi khách hàng đó chính là Lynn Mason.

“Ôi dào, tôi hoàn toàn không hiểu gì cả,” Genevieve nói, và lắc đầu với Hank.



Dan Wisdom xuất hiện, bước một bước vào trong văn phòng để đứng dựa ngay cánh cửa, bàn tay để trên quả đấm cửa. Hank giải thích rằng “khách hàng” đã chuyển hướng khỏi quảng cáo gây quỹ, với mục đích và lời kêu gọi hành động cụ thể, sang một lời tuyên ngôn phục vụ cộng đồng hết sức mơ hồ với mục đích làm cho bệnh nhân ung thư bật cười vì một lý do mập mờ nào đó chẳng hề liên quan gì đến quyền tiền hoặc tìm phương thuốc chữa bệnh.

“Tiếng cười,” Hank nói. “Một thứ mà có lẽ Lynn đang thiếu thốn ngay lúc này.”

“VẬY các anh đang nói rằng,” Genevieve vừa nói vừa mỉm cười giấu cợt với Hank, “chị ấy dựng lên toàn bộ chuyện này chỉ để tìm một tiếng cười thôi sao?”

“Đó chính xác là điều chúng tôi đang nói,” Karen Woo nói, và di chuyển từ ngưỡng cửa vào đứng ngay trước cái giá sách màu bạc rẻ tiền của Genevieve. “Đó là lý do tại sao không ai có thể tìm thấy bất kỳ thông tin gì trên mạng Internet về ‘Liên minh Chống Ung thư Vú’. Cậu phải thừa nhận đi, Genevieve. Đúng là hơi lạ khi không có ai từng nghe về cái được gọi là liên minh này. Ý tôi là, cái kiểu liên minh gì mới được chứ?”

“Tôi không quan tâm,” Genevieve nói. “Chuyện này không hề giống những gì Lynn sẽ làm.”

“Có thể chị làm thế cũng là để giữ cho chúng ta bận rộn nữa,” Dan Wisdom nói. “Đâu phải là chúng ta còn việc khác mà làm đâu.”

“Cậu không nghĩ Lynn lại làm thế đấy chứ?” Amber hỏi cô. “Giữ cho chúng ta bận rộn trong thời kỳ suy thoái, để bảo vệ nhóm của mình?”

“Thế thì tóm lại là thế nào đây? Chị ấy làm thế vì bản thân mình, hay chị ấy làm như vậy vì chúng ta?”

Chúng tôi tranh cãi xem cái nào là câu trả lời khả thi nhất.

“Các người đừng có mà làm phức tạp câu chuyện lên như thế chứ,” Genevieve nói.

Thậm chí cả Carl Garbedian cũng xuất hiện. Đây mới là diễn biến sự kiện lạ lùng đây. Đầu tiên là chạy đuổi theo Benny, và giờ thì là chuyện này. Anh ta đứng cạnh Dan Wisdom ở ngưỡng cửa. “Tớ sẽ nói với các cậu những gì tớ nghĩ,” anh ta nói. Anh ta muốn khẳng định rằng Lynn đã nghĩ ra công việc này vì cuộc sống của Lynn liên quan quá nhiều đến marketing, cách duy nhất để chị chấp nhận tình trạng bệnh của mình là nhìn thấy nó được trình bày dưới dạng một quảng cáo. Trong một thời khắc của sự biến động cá nhân chị phải cầu đến ngôn ngữ quen thuộc của quảng cáo. Chị phải làm sao để tự bán nó cho mình.

Chúng tôi ngay lập tức tự lánh mình ra khỏi cái giả thuyết này. Anh đánh cắp thuốc kê đơn của Janine Gorjanc và suýt toi mạng vì ngộ độc thuốc, vậy mà sau sáu tháng bình phục anh đã trở thành một chuyên gia về các chứng rối loạn tâm thần sao? Không phải đấy chứ. Trò phân tích tâm lý của Carl làm tiêu tan sức thuyết phục của luận điểm mà chúng tôi đang cố chứng minh - mặc dù Genevieve còn chưa hề biết gì về bất kỳ luận điểm nào.

Marcia, với kiểu tóc mới trang nhã, luồn vào giữa Carl và Dan trên ngưỡng cửa. “Có chuyện gì vậy?” cô vừa hỏi vừa nhìn quanh.

Chúng tôi cho cô biết là chúng tôi đang cố thuyết phục Genevieve nói chuyện với Joe.

“Nói chuyện với Joe?” Genevieve trả lời, bất chợt nhận ra rằng không phải chúng tôi ở đó để nói chuyện nhăng cuội. “Tôi sẽ nói với Joe về chuyện gì mới được chứ?”

Mọi người đều biết rằng Lynn và Joe rất thân nhau. Chúng tôi nhìn thấy họ nói chuyện với nhau vào buổi tối trên đường chúng tôi đi ra - cánh cửa hé mở, một người cúi về phía người kia ở đối diện bên bàn. Chị nói với anh ta về những vấn đề liên quan đến khách hàng rồi đủ thứ linh tinh khác còn anh ta bày tỏ với chị những ấn tượng của anh ta về chúng tôi. Chẳng lợi lộc gì cho Joe khi bị nhìn thấy ở trong đó như vậy vì đa số mọi người đều tin rằng anh ta có ảnh hưởng đến việc ai phải đi tàu suốt kiểu Tây Ban Nha và ai thì không. Nhưng lúc này đó không phải vấn đề chính; vấn đề chính là nếu như bất kỳ ai trong chúng tôi mà có chút ảnh hưởng nào với Lynn Mason, đó chính là Joe Pope. Nếu như bất kỳ ai phải đến đối mặt với chị về chuyện mà chúng tôi nghi ngờ, nếu như có ai đó đến giúp được cho chị, đó sẽ phải là Joe.

“Thế thì tôi có liên quan gì đến chuyện đó chứ?” Genevieve hỏi.

Nếu như có ai đó trong chúng tôi có chút ảnh hưởng nào với Joe Pope, đó chính là Genevieve.

“Không,” cô vừa nói, vừa lắc đầu. “Không đâu đấy.” Cô lắc đầu rồi đặt lon cô ca của mình xuống bàn và nói, “Không đời nào. Toàn bộ chuyện này thật lố bịch.”

“Genevieve,” Amber nói. “Biết đâu chị ấy đang sắp chết.”

Không mất nhiều thời gian để cô đổi ý. Sau cú điện thoại của Karen thì bằng chứng đang ở phía chúng tôi, luận điểm trở nên quá sức thuyết phục, và Genevieve thì quá xót thương. Nếu như Lynn đang thực sự bị bệnh, Genevieve không đời nào lại ngồi yên đó mà không làm gì hết. Cô bàn bạc chuyện đó thêm một chút với Marcia; cô quay trở lại với Amber; cô đi vào phòng Benny. Đến mười một giờ sáng hôm đó cô cũng tin chắc như những người còn lại trong chúng tôi rằng những rủi ro của việc không làm gì còn lớn hơn những rủi ro của việc mắc sai lầm, và khi cô đi tìm Joe hai mươi phút sau đó, cô có niềm tin chắc chắn của một người mới cải đạo, thứ sẽ không kéo dài mãi mãi, nhưng tại thời điểm này thì không chấp nhận bất kỳ sự bàn lùi nào hoặc cho phép ngồi mà nói vuốt đuôi. Cô bước lại chỗ anh ta đang ngồi trong căng tin tự phục vụ trên tầng năm mươi chín, nơi anh ta đang nhét tiền xu vào một chiếc máy bán hàng.

Bảy chiếc bàn và ba chiếc máy bán hàng dưới một thứ ánh sáng buồn thảm - đó là căng tin tự phục vụ của chúng tôi. Chúng tôi vẫn gọi nó là phòng giải lao nhưng “phòng giải lao” có thể hàm ý điều gì đó để mong mỏi chờ đợi. Trong những chuyến viếng thăm hiếm hoi đến căng tin, chúng tôi lấy những gì mình cần từ máy bán hàng và sau đó thì cuốn gói thẳng luôn. Ăn tại đó không bao giờ là một lựa chọn vì những bóng điện, những chiếc ghế - u ám chẳng kém gì một phòng chờ ở bệnh viện, chỉ thiếu mấy tờ tạp chí và thiết bị cấp cứu. Không một ai lại đi giải khuây ở căng tin cả. Chỗn hoàn hảo để chờ đợi nhóm tự lực của bạn đến - đó là cách miêu tả tử tế nhất mà chúng tôi có thể dành cho nó.

Và thế là những yếu tố ngăn chặn tụ họp bảo đảm cho họ một mức độ riêng tư. Anh ta mở lon cô ca của mình tại một trong những chiếc bàn và cô nói với anh ta những gì cô biết. Anh ta lắng nghe, và khi cô đưa ra lời đề nghị của mình, anh ta từ chối. Họ nói về chuyện đó thêm một hồi nữa và anh ta lại từ chối. Họ đứng lên khỏi bàn và anh ta bỏ chiếc lon rỗng của mình vào thùng rác đúng lúc mấy kẻ trong nhóm Kinh Thánh, mang theo

những cuốn sách lật phật viền bóng loáng, bắt đầu lục sục bước vào cho bữa trưa ngày thứ Năm của họ.

Chúng tôi muốn biết từ Genevieve những lý do anh ta từ chối tham gia. “Anh ta nói đó không phải là việc của anh ta,” cô nói với chúng tôi. Nhưng tại sao anh ta lại không muốn giúp chị chứ? Chúng tôi hỏi. Nếu chị đang không khỏe, và hoảng sợ? Cú điện thoại của Karen là bằng chứng hết sức thuyết phục rằng có chuyện gì đó không ổn. Chẳng lẽ anh ta không có tìm sao? Chẳng lẽ anh ta không nhận thấy sự khác biệt giữa việc thọc mũi vào nơi không phải dành cho nó, và đáp lại một lời cầu cứu? “Tôi không nghĩ anh ta nhìn nhận như vậy chút nào cả,” cô trả lời. Hừm, nếu vậy thì anh ta nhìn nhận nó thế nào? “Khác,” cô nói.

Hai mươi phút sau cuộc trò chuyện của họ trong căng tin, người ta thấy anh ta đi vào phòng làm việc của Genevieve. Cô đặt cây bút chì của mình xuống và bỏ kính ra, cặp kính mà cô chỉ dùng khi nhìn vào máy tính. Anh ta đóng cửa. Anh ta bước vào trong và ngồi xuống. Anh ta nhích chiếc ghế về phía trước và đặt tay lên bàn làm việc của cô. Anh ta nhìn cô từ dưới cặp lông mày rậm của mình và nói, “Nghe này, không phải vì đó không phải là việc của tôi. Đúng là không phải, nhưng nếu như tôi biết chắc chắn rằng chị ấy cần giúp đỡ...”

“Thì anh sẽ làm điều đó.”

“Đúng,” anh ta nói. “Tôi sẽ giúp đỡ. Tôi chỉ không thể nói rằng tôi tin được chuyện chị ấy đang bị bệnh. Tôi sẽ thừa nhận,” anh ta nói thêm, “rằng kể cũng lạ lùng khi chị ấy đã nói chị ấy sẽ nghỉ làm cả tuần, và rồi chị ấy lại xuất hiện mà không bao giờ giải thích tại sao. Và chị ấy có vẻ lơ đãng suốt, không nghi ngờ gì về điều đó. Nhưng được rồi, như thế thì sao chứ? Điều đó nghĩa là chị ấy bị ung thư sao? Có thể chị ấy chỉ lo lắng về việc giành được hợp đồng mới.”

Genevieve ngừng cắn móng ngón tay út của mình. “Hoặc có thể chị ấy thực sự bị bệnh.”

“Và cô muốn tôi là người đi vào hỏi chị ấy xem đâu là lý do.”

“Khó có thể nghĩ được bất kỳ ai tốt hơn.”

“Tại sao? Đây, nhân tiện mà nói, cũng không phải là lý do tôi từ chối,” anh ta nói, “nhưng hãy cố nhìn nhận nó từ góc độ của tôi. Tôi là một người đàn ông. Những vấn đề phụ nữ - không phải chuyện mà Lynn và tôi đề cập nhiều đến. Thế mà tôi lại phải đi vào đó nói với chị ấy về một vấn đề riêng tư đến khó tin. Trong khi đó,” anh ta vừa nói vừa làm cử chỉ như thể giới thiệu Genevieve với chính cô, “cô là một người phụ nữ - thích hợp hơn nhiều với chủ đề này. Thế mà cô lại đang yêu cầu tôi phải là người đi làm chuyện đó.”

“Joe, tôi không hề yêu cầu anh phải vào đó một mình,” cô nói. Cô nâng người lên bằng cách sử dụng chỗ để tay trên ghế, khoanh chân lại và ngồi xuống theo kiểu kiết già Ấn Độ. “Tôi sẽ đi cùng anh.”

“Vậy tại sao cô lại còn cần đến tôi vào đó chứ?”

“Tôi cần anh...” cô nói. Cô lại cắn ngón tay trong lúc suy nghĩ rồi nói, “Tôi không cần anh, thực lòng mà nói. Tôi sẽ vào đó một mình, nếu tôi buộc phải thế. Tôi chỉ *muốn* anh vào đó vì tôi nghĩ anh có thể tạo ra sự khác biệt. Mọi người đều biết quan điểm của Lynn về anh.”

Anh ta tỏ vẻ ngờ vực. “Mọi người nghĩ là họ biết gì về quan điểm của Lynn về tôi?”

“Rằng chị ấy tôn trọng anh,” cô nói. “Rằng anh là một tiếng nói của lý trí. Rằng chị ấy nghe theo những gợi ý của anh và ủy thác cho anh rồi thậm chí còn chiều theo ý anh nữa. Chị ấy không làm như vậy với những người còn lại trong chúng tôi.”

“Tôi nghĩ,” Joe nói, “rằng điều hầu hết bọn họ nhìn thấy là Lynn và tôi nói chuyện, họ nhìn thấy tôi ở trong phòng làm việc của chị ấy vào buổi tối thế là họ tha hồ nghĩ bất kể điều gì họ muốn nghĩ.”

“Ừm,” cô nói, “vậy họ nên nghĩ gì đây? Chẳng phải anh vẫn nói chuyện riêng với chị ấy còn gì?”

“Nhưng về chuyện gì, Genevieve? Đó không phải... chẳng lẽ là chuyện Larry đang tăng tị với Amber? Cũng không phải là chuyện hôm nay Carl gây ra trò đáng thương nào. Chúng tôi không nói những chuyện cá nhân, chúng tôi bàn bạc công việc. Chúng tôi nói về những cách để giữ cho chỗ này khỏi lụn bại.”

Cô dừng mọi chuyện lại ở đó. Anh ta đã nói không. Không phải là vì không có sự thông cảm, mà là vì những lý do có lẽ là chính đáng của riêng anh ta, và tốt nhất là cứ duy trì bạn bè thay vì thúc ép nhau quá thế. Mà hơn nữa, cô giật mình khi nghe anh ta nói một cách nghiêm trọng biết bao, *Chúng tôi đang cố giữ cho nơi này khỏi lụn bại*. Một lời thú nhận như vậy tạm thời làm cô sao nhãng khỏi câu hỏi về sức khỏe của Lynn. Khi được lan truyền đi, nó cũng làm chính chúng tôi sao nhãng.

Nhưng điều đầu tiên anh ta làm khi quay về bàn làm việc của mình là gọi điện cho Genevieve.

“Vậy nếu như chuyện này quan trọng với họ đến thế,” anh ta nói, “nếu như họ lo lắng đến thế, tại sao họ lại không đi vào mà nói chuyện với chị

ấy? Điều gì ngăn cản họ?”

“Chị ấy là một con người đáng sợ.”

“Vậy thì họ là một lũ hèn nhát.”

“Nói thế thì hơi quá đáng,” cô nói. “Chẳng lẽ anh chưa bao giờ thấy e dè à?”

“Tất nhiên,” anh ta nói. “Nhưng nếu tôi cảm thấy chắc chắn về điều gì đó, tôi sẽ đi vào trong khi hai đầu gối đánh nhịp và cố làm cho xong công việc.”

“Và đó là lý do tại sao anh đang ở vị trí của anh hiện nay,” cô nói, “còn họ đang ở vị trí của họ. Đó là sự khác nhau giữa anh và họ, Joe.”

Anh ta gác máy, không thay đổi gì về quyết định của mình. Trong vòng mười lăm phút sau anh ta lại gõ cửa rồi đóng cửa và ngồi xuống. Thực tế thì ghế của anh ta vẫn còn ấm từ cuộc nói chuyện trước đó của họ. “Vậy là vì Karen Woo gọi một cú điện thoại, Lynn bị ung thư?” anh ta nói. “Cô có biết chúng ta đang nói đến ai ở đây không? Những người này hiểu mọi chuyện rất, rất sai lầm, Genevieve. Cũng chính nhóm người này đã hoàn toàn tin chắc rằng Tom Mota sẽ quay lại đây để bắn tan xác tất cả mọi người.”

“Khoan đã,” cô nói. “Như thế thật không công bằng. Chỉ có một vài người thực sự tin như vậy thôi. Mà cũng có thể là chỉ có mỗi Amber. Hầu hết bọn họ không nghĩ vậy đâu.”

“Nhưng chắc chắn là họ bàn tán suốt về chuyện đó. Rồi lại bàn tán, và bàn tán, bàn tán. Nhưng thôi, quên chuyện đó đi. Một lần, tôi vô tình nghe



thấy Jim Jackers nói rằng anh ta tin rằng Hội Tam điểm thống trị thế giới này. Jim Jackers thậm chí còn không biết một hội viên Hội Tam điểm là như thế nào nữa.”

“Jim Jackers chỉ là một trong số nhiều người,” cô nói.

“Một lần tôi nghe Karen Woo giải thích về hiện tượng quang hợp,” anh ta nói. “Chỉ có Chúa mới biết tại sao họ lại bàn về vấn đề quang hợp. Họ bám lấy từng lời của cô ta, như thể cô ta là một chuyên gia của đài PBS vậy. *Lời giải thích của cô ta thậm chí còn chẳng liên quan gì đến ánh sáng mặt trời.* Những người này sẽ tin vào bất kỳ chuyện gì. Họ sẽ *nói* bất kỳ chuyện gì.”

“Joe...”

“Genevieve, cô biết cách thức mọi chuyện diễn ra ở đây. Một người nói điều gì đó trong bữa trưa, và điều tiếp theo cô biết là tất cả họ đi vào phòng làm việc của Lynn như một đám đông kìn kịt khiêng chị ấy tới bệnh viện vì một căn bệnh mà có thể chị ấy không bị. Những người này - cô không thể tin vào bất kỳ điều gì họ nói.”

“Tôi hoàn toàn không biết anh lại là một người cay nghiệt như vậy, Joe.”

“Không,” anh ta nói, “đó không phải là cay nghiệt.” Anh ta ngả người ra sau trên ghế. “Hãy tin tôi đi. Chưa đến mức đấy đâu.”

Anh ta bỏ đi, và thực sự thì lẽ ra mọi chuyện đã chấm dứt tại đó. Nhưng trong khi cô ngồi cố gắng tập trung vào công việc của mình, từng mẩu từng mảnh trong câu chuyện của họ không ngừng day nghiến cô, những lời phản bác mà cô đã quá chậm chạp để xem xét bất chợt ủa đến, những lập luận sắc sảo mà cô đã để vượt qua giờ đây đòi hỏi cô phải lên tiếng cho chúng.

Cô thấy anh ta đang nói chuyện điện thoại. Cô chờ đến khi anh ta gác máy mà không hề kéo ghế ngồi. “Những người này,” cô nói, khi cú điện thoại của anh ta kết thúc. “Anh cứ nói mãi câu đó. Anh nói nó mấy lần liên - ‘những người này’. Tôi muốn biết anh nói vậy là ý gì.”

“Ý cô là sao,” anh ta nói, “tôi nói vậy là ý gì?”

“Khi một người nói ‘những người này,’” cô nói, “anh có nghe được không, Joe? Hơi kẻ cả đúng không? Tôi chỉ đang băn khoăn anh có quan điểm kiểu gì về những người làm việc cho anh.”

Anh ta ngả người ra sau trên ghế và đan hai bàn tay lại sau đầu. “Họ không làm việc cho tôi,” anh ta nói. “Họ làm việc cho Lynn.”

“Ồ, anh biết ý tôi định nói gì,” cô nói.

“Genevieve, tôi không hẳn là sếp của họ. Tôi không phải là Lynn. Nhưng tôi cũng không hẳn là một người trong bọn họ. Tôi kẹt ở đâu đó giữa là một người cùng sở hữu công ty, và là một gã nhân viên trong ô ngăn, và họ biết điều đó, do vậy họ đến tìm tôi vì những điều nhất định nếu như điều đó nằm trong lợi ích của họ, nhưng mặt khác, nếu họ không thích điều gì đó, tôi lại thường là người mà họ đổ lỗi.”

“Và đổi lại,” Genevieve nói, và cô bắt đầu đếm ngón tay, “anh có một chức vụ tốt hơn những người còn lại trong chúng tôi, anh kiếm được nhiều tiền hơn, và anh có sự đảm bảo hơn rất nhiều về công việc.”

Cô vẫn chưa ngồi xuống. Cả hai đều không nói gì. Bọn họ không nói động đến tiền hoặc sự bảo đảm về công việc trong thời buổi cắt giảm biên chế,

không phải với cái giọng mà cô đã dùng, và càng không phải khi đã là bạn bè. Sự im lặng loãng ra thành trạng thái khó xử.

“Cô nói đúng,” cuối cùng anh ta nói. Anh ta để hai bàn tay tuột khỏi đầu xuống chỗ để tay có đệm trên chiếc ghế của mình. “Tôi có những lợi thế mà những người khác không có, và tôi không nên kêu ca về cái giá mà tôi có thể phải trả cho những lợi thế đó. Tôi rất tiếc nếu như tôi có tỏ ra là một vị thánh tử vì đạo hay gì đó.”

“Và lúc này tôi không hề có ý cạnh khốe gì cả,” cô nói, cuối cùng thì cũng ngồi xuống, vươn tay ra để chạm vào rìa bàn làm việc của anh ta như thể nó là vật thay thế cho tay anh ta. “Ở đây anh bị đối xử không đúng mực. Tôi không trách anh nếu như anh bực bội. Nhưng anh cứ nói đi nói lại ‘những người này’,” cô nói, “vơ tất cả mọi người vào một rọ, và điều đó có vẻ không công bằng đối với tôi, Joe. Bởi vì một số người trong số họ thực ra là những người tốt.”

“Tôi đồng ý,” anh ta nói.

“Nhưng rồi anh lại vơ đũa cả nắm tất cả họ vào với nhau thành ‘những người này’ những người sẽ ‘nói bất kỳ điều gì’ và ‘tin bất kỳ điều gì’, và như thế khiến cho anh như thể là một người kênh kiệu.”

Đó chính là lời chỉ trích mà chúng tôi trút vào Joe thường xuyên nhất - rằng anh ta bàng quan, rằng anh ta tự tách mình ra, rằng anh ta đặt bản thân mình *lên trên*. Hơn cả sự phỏng đoán trẻ con về thiên hướng giới tính của anh, hơn cả lời khẳng định cường điệu về sự khó chơi của anh ta, chính cái thói kênh kiệu của anh ta là điều mà chúng tôi nhay đi nhay lại mãi, giống như cái khuôn mẫu kiểu gì cũng có tí sự thật nếu như nó có sức hút đến thế. “Một kẻ kênh kiệu,” anh ta nói, như thể mới nghe từ đó lần đầu tiên.

“Tôi không nói anh là người như thế,” cô nói. “Tôi chỉ đang nói rằng lần này thì tôi đúng là một trong số ‘những người đó’, vì tôi lại nghĩ là họ đúng - tôi nghĩ có chuyện không ổn với chị ấy. Vì vậy khi anh nhét tôi vào cùng một rọ với gã nghĩ rằng Hội Tam điểm thống trị thế giới này - mà tôi không chắc là anh ta thực sự nghĩ thế, tiện đây mà nói. Tôi nghĩ có khi anh ta chỉ tưởng như thế là hài hước. Jim lúc nào cũng khát khao tỏ ra hài hước. Anh ta thêm khát được yêu quý. Nhưng, dù sao đi nữa, anh cũng không thể phủ nhận tất cả chúng tôi chỉ vì Jim Jackers được.”

Anh ta nhìn cô. Anh ta ngo ngoạy hầu như không thể nhận ra trên ghế của mình. “Một kẻ kênh kiệu,” anh ta nhắc lại - không phải với vẻ phản bác, mà là với giọng tò mò, như thể Genevieve vừa mới giới thiệu anh ta với một từ mới. “Thế nào là một người kênh kiệu?” anh ta hỏi.

Sự ngây thơ của câu hỏi khiến cô bị bất ngờ, như thể một đứa trẻ vừa đặt câu hỏi, và nghĩa vụ của cô là phải giải thích. “À,” cô nói, “tôi không rõ nghĩa trong từ điển, nhưng tôi coi đó là một người nghĩ bản thân mình giỏi giang hơn, hoặc đứng cao hơn, so với người khác - một người xem thường người khác và có thể là trong thâm tâm không hề ưa họ nhiều cho lắm.”

“Nếu thế thì tôi không phải là một người kênh kiệu,” anh ta trả lời ngay. “Tôi rất yêu quý mọi người.”

“Tôi biết là thế - đó là lý do tại sao tôi quý *anh*,” cô nói. “Và *tôi* mới là người đang đề nghị anh nói chuyện với chị ấy. Không phải Jim Jackers. Không phải Karen Woo, không phải Amber, hay Marcia. Tôi. Bởi vì tôi tin rằng có chuyện gì đó không ổn và có thể chị ấy đang hoảng sợ và có thể chị ấy cần được giúp đỡ.”

Cô cúi người về phía trước, chờ đợi một câu trả lời. Mắt anh ta nhìn không chớp một chút nào vào mắt cô, đôi mắt xanh biếc đến khó tin, thuyết

phục chỉ cần nhờ vào sức mạnh từ vẻ đẹp và sự trong sáng của chúng. Anh ta chỉ nói, “Hãy để tôi suy nghĩ đã.”

Mười phút sau đó anh ta đứng trước cửa phòng cô. “Muốn đi ăn trưa chút không?” anh ta hỏi.

Trời mát mẻ so với một ngày cuối tháng Năm, với làn gió hồ se lạnh. Những khu vườn xinh xắn chạy dọc đại lộ Michigan suốt một mạch tới Tháp Nước. Những bông tulip đỏ và vàng đang bám víu lấy những ngày xuân cuối cùng. Bầu trời tươi sáng nhưng mặt trời đã đứng bóng - mới chỉ hơn một giờ chiều. Họ đi về phía Bắc, đi vào rồi lại ra khỏi những vệt nắng và bóng râm rộng lớn của thành phố được tạo ra bởi các tòa nhà cao tầng và các con phố chạy giữa chúng. Họ dừng lại mua bánh sandwich trên đường. Thỉnh thoảng họ cũng ăn trưa cùng nhau trên những băng ghế trong khoảng sân trước Tháp Nước nơi lũ chim bồ câu mổ mổ trên mặt đất và người đàn ông trong lớp sơn vàng đứng trên một thùng sữa bất động như một pho tượng với hy vọng được cho tiền, và các du khách mua sắm tại những cửa hàng dọc khu Magnificent Mile dừng lại để tra cứu sách hướng dẫn hoặc chụp ảnh. Có vẻ như họ đã ăn tại đó thường xuyên đến nỗi họ không cần hỏi nhau rằng họ sẽ đi đâu, điều đó tiết lộ một sự thân thiết giữa họ phải nói thật là cũng hơi bất ngờ.

Anh ta đã quen với cảnh cánh đàn ông nhìn thấy cô và chờ người nhìn theo khi cô bước qua. Trông cô thật hấp dẫn ngay cả trong chiếc quần jean và một chiếc áo chui đầu màu nâu bằng vải bông giản dị, bước đi với hai bàn tay nhét sâu trong túi quần sau. Thỉnh thoảng cô lại rút một bàn tay ra để chỉnh lại một lọn tóc bị gió thổi rối.

Họ ngồi tại một trong những băng ghế và ăn bánh sandwich. Khi họ đã ăn xong và anh ta đã quay lại từ chỗ thùng rác, anh ta nói, “Tôi đã tra từ *kênh kênh* trong từ điển. Cô có nghĩ tôi là một thằng hâm hay gì đó không?”

“Anh là một copywriter,” cô nói. “Tất cả những copywriter đều hâm.”

“ ‘Giống với một người tin rằng...’ - nói thế nào ấy nhỉ?” anh ta tự hỏi mình.

“Anh đã tra thật à?”

“ ‘... tin rằng mình là một phần của một nhóm người ưu việt hoặc có đặc quyền’... đại loại như thế. ‘Một phần của một nhóm ưu việt hoặc có đặc quyền’ - Tôi biết nói thế là đúng rồi.”

“Anh đã đi tra thật,” cô nói. Cô quay về phía anh ta với hai chân vắt chéo, một tay ép phẳng mái tóc xuống trong khi chống khuỷu tay lên đầu gối. Những lọn vàng óng trên mái tóc cô rung rinh trong gió.

“Hừm, đầu tiên thì cô nói cô nghĩ họ đã biến tôi thành một kẻ cay nghiệt,” anh ta nói. “Nhưng tôi không phải là kẻ cay nghiệt, và tôi có thể chứng minh điều đó. Tôi đã quay lại phòng cô, nhớ chứ? Hai lần. Tôi quay lại để tranh luận chuyện này. Tôi là một người hay hoài nghi - có sự khác biệt rất lớn giữa người hoài nghi với người cay nghiệt. Và sự khác biệt đó,” anh ta nói, “chính là cô. Nếu chỉ có họ nói rằng chị ấy bị ung thư, tôi sẽ là một người cay nghiệt, cô có thể tin chắc điều đó. Nhưng bởi vì cả cô cũng nói như vậy, nên tôi sẵn lòng dành cho nó chút ghi nhận. Nhưng cô phải thừa nhận rằng hầu hết những gì họ nói đều là vớ vẩn, điều mà tôi luôn cố tránh. Và bởi vì tôi lảng tránh, người ta lại nghĩ tôi là kẻ kênh kiệu. Cá nhân tôi chẳng bao giờ thêm tin chút nào vào chuyện đó, nhưng khi cả cô cũng nói thế, tôi buộc phải băn khoăn. Nhưng tôi thấy định nghĩa của cô không xác đáng - rằng một người kênh kiệu là người có lẽ không ưa những người khác. Đó là một kẻ lánh đời,” anh ta nói.

“Vậy là anh đi tra từ đó.”

“Ừ, và tôi sung sướng được báo cáo lại rằng tôi không phải là một kẻ kênh kiệu.”

“Điều đó thực sự đã khiến anh bận lòng.”

“Quả thế,” anh ta nói.

“Chỉ là nói cho rõ,” cô ta nói. “Tôi không bao giờ nói anh là một kẻ kênh kiệu. Chỉ là anh tỏ vẻ ra như vậy.”

“Được rồi, nhưng nghe này. Tôi không phải là một kẻ kênh kiệu như định nghĩa mà tôi vừa nói với cô, Genevieve, định nghĩa theo từ điển, vì tôi không phải là một người trong nhóm. Tôi từ chối là một phần của bất kỳ nhóm nào.”

“Tất cả mọi người đều là một phần của một nhóm nào đó,” cô ta nói.

“Trong ảnh chụp nhóm, có thể. Trong danh bạ. Nhưng không phải là về tinh thần.”

“Nếu thế thì anh thành người gì nào?” cô ta hỏi. “Một người lữ hành cô độc à?”

“Cái đó nghe như một người lang thang ban đêm trên đường cao tốc vậy.”

“Vậy anh không phải người lữ hành cô độc. Anh không phải một người kênh kiệu, anh không phải là kẻ cay nghiệt. Vậy còn lại gì nào, Joe? Anh là một vị thánh.”

“Đúng, một vị thánh,” anh ta nói. “Tôi là một vị thánh. Không, chẳng có từ nào cho nó cả. Được rồi, nghe này,” anh ta nói, vừa ngồi thẳng dậy trên ghế vừa nhìn lảng khỏi cô. “Tôi có một câu chuyện dành cho cô.”

Cô mở nắp cốc đồ uống của mình lấy ra một viên đá. Cô bỏ nó vào trong miệng, đóng chặt cái nắp trở lại, và vừa rùng mình vừa tiếp tục giữ mái tóc của mình khỏi gió.

“Sao cô có thể làm thế được nhỉ?” anh ta hỏi. “Cô không lạnh à?”

Cô đẩy viên đá lạch cạch trong miệng mình. “Kể cho tôi câu chuyện của anh đi.”

Anh ta ngừng lại, nhìn xuống những con chim bồ câu đang mổ gặm cỏ, và những người đang bước qua. Có một triển lãm nghệ thuật bên trong Tháp Nước và từng nhóm hai ba người liên tục đi vào đi ra. “Là tôi bắt đầu giao du với lũ bạn hồi còn trung học,” anh ta bắt đầu. Anh ta đã lại ngoảnh đi chỗ khác và không hề nhìn cô khi anh ta nói. “Tôi nhận ra mình đã làm rất nhiều trò ngu xuẩn. Đua đòi với lũ bạn, cô biết đấy. Tôi hút rất nhiều cỏ với những kẻ là... Lạy Chúa, tất cả bọn họ đều hồng bét. Cô có biết là tôi học trung học ở Downers Grove không?”

“Tôi tưởng quê anh ở bang Maine,” cô nói.

“Chúng tôi sống ở Maine cho đến khi bố tôi bị cho nghỉ việc. Sau đó chúng tôi chuyển đến đây. Tôi không hề muốn chuyển đi. Có ai muốn chuyển đi khi đang chuẩn bị học trung học đâu cơ chứ? Bắt đầu lại từ đầu với những người mới, thật quá tệ. Hai năm đầu tiên thật tồi tệ. Nhưng đến năm lớp mười một tôi đã có một số người bạn. Toàn lũ hư hỏng con nhà tệ hại. Đó thực sự là một năm tuyệt vời. Chắc chắn là vui hơn nhiều so với



năm tôi học lớp mười rồi. Thế là cả năm trôi qua, trường học sắp đến kỳ nghỉ hè, còn tôi và lũ bạn tôi đang sắp sửa đá học dứt một thằng vì nó gọi điện tán tỉnh con bé đang cặp kè với một người bạn của chúng tôi. Hết gọi điện rủ con bé đi chơi, lại còn bêu xấu bạn tôi nữa. Nói xấu cả bố mẹ cậu ta nữa, vì những người này...” Anh ta lặc giọng và lắc mạnh đầu. “Người bạn của tụi tôi, bố mẹ cậu ta là dân nát rượu nặng. Tất cả những gì tôi nhớ là tới nhà cậu ta và thấy chó ở khắp mọi nơi, còn những chai whiskey chất đống dọc một bức tường bếp. Cứt chó vung khắp nhà mà chẳng bao giờ có ai dọn. Mà thôi, quay lại chuyện cậu bạn tôi và bố mẹ cậu ta bị nói xấu, và tất nhiên là chúng tôi quyết định rằng thằng oắt con này phải bị đá đít mới xong. Tên nó là Henry. Henry Jenkins. Henry Jenkins ở Bắc Downers Grove. Nó cũng từng là bạn của tụi tôi đâu khoảng một tháng, cho đến khi nó làm ai đó khó chịu và bọn tôi tống khứ nó đi. Henry là một thằng oắt con bé tí, trông cứ như bị còi xương vậy, như kiểu nó không lớn hơn bao nhiêu so với một thằng học sinh lớp tám, mặc dù nó học cùng khóa với tụi tôi. *Bất cứ ai* cũng có thể đá học dứt thằng đó. Bạn tôi không cần sự giúp đỡ của tụi tôi. Nhưng tất cả chúng tôi đều nhất trí rằng vì nó đã nói xấu bố mẹ cậu ta và lại còn cố cướp bạn gái của cậu ta nữa nên chúng tôi cần phải can thiệp vào,”

“Những cậu bé,” cô nói.

“Không, tôi không thể gọi chúng tôi là những cậu bé,” anh ta vừa nói, vừa lắc đầu. “Một số người trong chúng tôi khi ấy đã là những thanh niên trưởng thành lực lưỡng. Không phải là những cậu nhóc. Và tôi còn nhớ mình đã nghĩ, chẳng ai cần bất kỳ ai giúp đá đít Henry. Henry chỉ cần đi qua một cửa hàng giày mà cũng bị bầm giập cả mấy tuần. Vậy là đến ngày dự định ra tay, sau giờ học, tôi cảm thấy bồn chồn kinh khủng, bởi vì tôi thấy lo sợ - chẳng lẽ mình thực sự sắp làm chuyện này? Chúng tôi có tất cả sáu người, đúng, sáu - trong khi chỉ có mình thằng oắt con Henry mắt muỗi. Mà cũng không phải trận chiến của tôi. Tôi biết mình nên tránh xa. Nhưng

ngay cả như thế cũng là không đủ - như thế thật là hèn nhát. Điều tôi thực sự cần làm là phản đối. Những người bạn của mình. Sao, tôi bị điên đúng không? Họ là bạn tôi. Cô chỉ có ngần ấy bạn ở trung học thôi. Mà tôi đã phải trải qua một thời gian dài không có mống nào. Cô không được phản đối. Cô làm những gì họ làm. Vì vậy khi tôi bảo chúng rằng đó không phải là trận chiến của tôi...”

“Vậy là anh đã phản đối?”

“Cuối cùng là thế. Tôi bảo tôi sẽ không tham gia, và thậm chí còn đến mức nói rằng đó cũng không phải là trận chiến của họ. Họ nhìn tôi như thể tôi còn khốn kiếp hơn cả Henry, bởi vì ít nhất Henry cũng không phải là một thằng bạn. Tôi là một thằng bạn. Vậy là họ bảo tôi, thế thì về nhà đi, nếu tôi thấy như thế. Về đi, đồ đàn bà, về nhà đi. Nhưng tôi không thể về được. Họ là bạn tôi. Và tôi cũng sợ cho Henry nữa, nên tôi tính sẽ tốt hơn cho cậu ta nếu tôi tham gia vào... tôi không biết thế nào nữa. Nếu mọi chuyện đi quá đà, thì cũng còn có người nhảy vào giúp cậu ta. Vậy cô nghĩ cuối cùng tôi đã làm như thế nào? Cuối cùng thành ra là tôi đứng nhìn trong khi họ đè Henry xuống và lấy những dây vôi tưới vườn - chúng tôi đã lên kế hoạch tất cả chuyện này từ trước, cô biết đấy. Chúng tôi có trí tưởng tượng tuyệt cú mèo. Chúng tôi đã ăn cắp mấy ống dây vôi tưới vườn quanh đó, và lũ bạn tôi trói Henry bằng mớ dây vôi tưới vườn đó thật chặt, dùng như dây thừng ấy. Và khi chân tay cậu ta đã bị trói chặt bằng dây vôi - tin tôi đi, cậu ta không sao nhúc nhích được. Thế rồi chúng nhét vào miệng cậu ta chiếc áo của ai đó để không ai có thể nghe thấy cậu ta hét. Cậu ta giãy giụa trên bãi cỏ ở vườn sau nhà mình, mắt trợn to đùng, cô biết đấy, trong khi cả lũ đều cười. Chúng dựng cậu ta dậy, và rồi bắt đầu đá cậu ta. Đá, và cậu ta lại đổ vật xuống. Chúng lại dựng cậu ta lên rồi - đá. Cậu ta lại ngã, nhưng không có tay để mà tự đỡ mình. Chúng cứ làm thế hết lần này đến lần khác. Dựng cậu ta dậy, rồi lại đá cậu ta, nhìn cậu ta ngã vật xuống. Dựng cậu ta lên, đá cậu ta ngã lộn. Lần nào cậu ta cũng đổ đánh huych một

cái. Cậu ta khóc kinh khủng. Vậy mà tôi chỉ đứng nhìn. Tôi không thể ngăn chúng lại, nhưng cũng không thể bỏ đi, phòng trường hợp chúng muốn làm chuyện gì đó như ném đá vào đầu cậu ta, điều mà chúng đã bàn cãi một lúc. Nhưng rồi chúng đã không làm như thế. Cuối cùng chúng bỏ mặc cậu ta lại cho bố mẹ cậu ta tìm thấy ở vườn sau - *bọn tôi* đã bỏ cậu ta lại, ý tôi là thế. Tôi bỏ chạy cùng tất cả những người khác. Và khi cảnh sát đến trước cửa nhà tôi và cho bố mẹ tôi xem những bức ảnh Polaroid chụp các vết bầm tím, tôi không tài nào nói, Ôi, nhưng cháu không hẳn tham gia vào vụ đó, cháu chỉ đứng nhìn thôi, hoặc, thực ra cháu có mặt ở đó chỉ là để bảo vệ Henry. Bởi vì nói thế thì vừa là nói thật cũng vừa là nói dối, và vì sự tham gia của mình tôi bị đưa ra tòa án vị thành niên, thế là tôi phải trải qua năm cuối trung học của mình ở một nơi khổ khổ chết tiệt.”

“Anh chưa bao giờ kể cho tôi nghe chuyện này,” cô nói.

“Tôi chưa bao giờ kể cho bất kỳ ai,” anh ta nói. “Và không phải bởi vì tôi hổ thẹn. Tôi có hổ thẹn, tin tôi đi. Nhưng đó không phải lý do tại sao tôi không bao giờ kể chuyện đó. Nó đã qua rồi, nó đã xong rồi, nó đã là lịch sử. Tôi trải qua một năm trong địa ngục, và sau đó tôi vào đại học. Tôi không bao giờ gia nhập bất kỳ hội nam sinh nào. Tôi không hề muốn dây dưa gì với các loại hội đám. Nhưng tôi sẽ cho cô biết một điều nữa mà tôi không bao giờ làm. Tôi cũng không bao giờ vào các nhóm những lăng nhăng đối trọng của các hội nam sinh. Cái đó cũng chẳng khác gì một dạng câu lạc bộ. Tôi không bao giờ nói xấu những thành viên của các hội nam sinh vì tôi biết thành viên của các hội và tôi thích những người đó, với tư cách những cá nhân riêng lẻ, một số người trong số họ tôi rất quý, và nếu như tôi có lúc nào bị xúi giục nói xấu họ, tôi lại cảm thấy chuyện cũ dội về. Gia nhập câu lạc bộ, mất kiểm soát. Đánh mất lập trường của mình. Tội của tôi là thế đấy, Genevieve. Tin rằng mình tốt hơn cả nhóm. Cho dù xét ở góc độ từng cá nhân riêng lẻ thì không tốt hơn bất kỳ ai. Tệ hơn thế, vì tôi đã đứng đó nhìn Henry bị trói bằng dây vòi tưới và bị đá lộn cổ. Không có từ

nào cho tôi. Một người tốt hơn, khôn ngoan hơn, nhân đạo hơn bất kỳ nhóm nào. Từ trái nghĩa với một kẻ kênh kiệu, xét ở góc độ nào đó. Nhưng điều đó không có nghĩa,” anh ta nói thêm, “rằng tôi không tốt và hỏng bét. Và đầy hồ thẹn.”

Thật may là chúng tôi không bao giờ mời Joe Pope tham gia vào đội bóng mềm của công ty. Không thích các loại hội nhóm - hừm, vậy anh ta nghĩ anh ta đang làm gì khi làm việc tại một công ty quảng cáo chứ? Chúng tôi có tin này cho anh ta đây. Anh ta là một kẻ trong chúng tôi cho dù anh ta có thích điều đó hay không. Anh ta đến công ty cùng một thời điểm mỗi buổi sáng, anh ta phải tham dự cũng các cuộc họp đó, anh ta cũng có các deadline giống hệt như những người còn lại chúng tôi. Và đúng thật là một nghề kỳ quặc đối với anh ta, quảng cáo, nơi mà điều cốt lõi nhất là rủi ro được càng nhiều người mua sản phẩm của bạn càng tốt, mặc nhãn của bạn, lái xe của bạn, tham gia nhóm của bạn. Thử hỏi có ai mà không hiểu điều đó.

Chúng tôi lấy làm tự ái, việc anh ta miễn cưỡng lên tiếng đại diện cho chúng tôi. Câu nói đùa cũ của Groucho Marx đã đảo ngược: anh ta sẽ không bao giờ muốn thuộc về một câu lạc bộ có *chúng tôi* là thành viên. Hừm, nếu như đó không phải sự kiêu ngạo, nếu như đó không phải sự kênh kiệu, chúng tôi không biết là gì nữa? Và cái thái độ đó mang đến điều gì cho anh ta chứ? Có lẽ là một sự tồn tại chán phèo. Anh ta có thể tham dự một buổi biểu diễn hòa nhạc văn minh mặc dù bản thân anh ta không bao giờ gia nhập một nhóm tứ tấu. Anh ta được phép đọc tiểu thuyết chừng nào anh ta không tham gia vào bất kỳ câu lạc bộ sách nào. Anh ta có thể dắt chó đi dạo nhưng chó của anh ta bị cấm vào một công viên chó nơi anh ta có thể buộc phải trộn lẫn với những chủ vật nuôi khác. Anh ta không can dự vào tranh luận chính trị. Chuyện đó sẽ đòi hỏi anh ta phải gia nhập một bên.

Tôn giáo cũng không nốt, vì thực ra tôn giáo là gì ngoài một nhóm người tìm kiếm phần chia béo bở hơn những người khác? Cái anh ta có là một cuộc sống vô vị, cô độc, nguyên tắc. Thế chẳng trách không có bất kỳ ai trong chúng tôi từng mời anh ta đi ăn trưa?

Hừm, chúng tôi không thể làm thêm được gì trong chuyện này nữa. Mặc dù chúng tôi không biết Genevieve đang chờ đợi điều gì, vì cô ta đã đồng ý nói chuyện với Lynn mà không có anh ta, nếu cần phải như thế. Thực sự, chúng tôi không có nhiều thời gian. Nhưng khi chúng tôi giục cô ta hành động, cô ta nói cô ta đang chờ đợi. Chúng tôi hỏi cô ta chờ đợi cái gì? “Anh ta vẫn đang cân nhắc chuyện này,” cô ta trả lời. Chúng tôi bảo cô ta bỏ đi. Joe Pope coi như là vứt đi rồi.

Anh ta bước vào và ngồi đối diện với cô qua bàn. “Họ quả là những người có sức thuyết phục,” cuối cùng anh ta nói. “Toàn bộ vấn đề là ở đó, tất nhiên rồi. Họ có thể thuyết phục cô về bất kỳ chuyện gì.”

“Anh đã bị thuyết phục chưa?”

Anh ta phải mất một lúc mới đáp lại. “Từ lúc tôi vào đây hôm qua,” anh ta nói, “và nói với cô, thật là một nhiệm vụ quái gở - cô nhớ chứ? Lúc đó tôi đã ít nhiều bị thuyết phục rồi. Việc họ có sức thuyết phục đến mức nào mới là điều khiến tôi chần chừ. Bị thuyết phục và có sức thuyết phục,” anh ta nói thêm. “Đó là hai việc khác nhau.”

Cô chờ đợi, cảm thấy cán cân đã nghiêng hẳn, không muốn nói thêm bất kỳ điều gì vì sợ chỉ một từ cũng có thể mang ít nhiều sức đối trọng.

“Nhưng nếu vậy thì có thể là chị ấy bị bệnh thực sự,” anh ta nói.

“Vâng.”

“Và nếu thế thì đâu phải tôi làm chuyện này cho họ, đúng không?”

“Không,” cô ta nói.

“Trách nhiệm của tôi không phải là đối với họ.”

“Không phải với họ,” cô ta nói. “Không.”

Anh ta cúi về phía trước, nhắm mắt lại, và giữ hai bàn tay chắp lại với nhau trước trán. Anh ta ở nguyên tư thế đó một lúc lâu trước khi lại ngẩng lên.

“Hừm, nếu vậy thì,” anh ta nói. “Không có lúc nào như lúc này.”

## 2

Bằng chứng của sự sống - Câu chuyện về chiếc ghế của Tom Mota phần III - Sự khác biệt giữa cờ lê tròn và cờ lê Allen - Trên đường tới hồ - Gã ngốc - Marcia cắn rút lương tâm - Ba-mười lăm - Bánh kẹp pho mát thịt băm đồ chơi - Chiếc đồng hồ quả lắc - Một diễn biến khó chịu - Những người da đỏ Yopanwoo thực sự - Một sự xúc phạm vô tình - Karen vượt qua Benny - Joe làm tới cùng - Bức email của Genevieve - Kiểu nó thế, ở đây và bất kỳ nơi nào khác

Tầng năm mươi chín là một thành phố ma. Chúng tôi cần gom dồn cánh nhân viên ăn lương vẫn đang chiếm một phần tư tầng đó và tìm chỗ cho họ giữa những người còn lại chúng tôi rồi đóng tầng năm mươi chín lại, niêm phong nó như một khu vực nhiễm xạ. Trớ trêu là theo hợp đồng chúng tôi vẫn phải trả tiền thuê tầng đó suốt cả năm, dẫu ra cả đồng tiền chúng tôi không có cho chỗ mặt bằng chúng tôi không cần. Nhưng ai biết được - có thể chúng tôi đang giữ lại những ngăn và văn phòng bị bỏ không đó với hy vọng về một sự đảo chiều. Ở cấp độ công ty thì không phải lúc nào cũng là chuyện lỗ lãi. Nhiều khi, giống như với những con người thật, đó là chuyện liên quan đến niềm tin, hy vọng, và ảo tưởng.

Trong khi Genevieve và Joe đang bàn bạc cách tiếp cận Lynn Mason về buổi hẹn bị bỏ lỡ của chị, Jim Jackers đi xuống tầng năm mươi chín để tìm niềm cảm hứng đang lẫn trốn anh ta ở bàn làm việc. Nhiều khi cũng cần phải thay đổi nơi chốn nếu như không có ý tưởng gì xuất hiện. Jim bỏ tất cả

lại phía sau, kể cả cái trang trống vốn sợ anh ta, và đi xuống tầng năm mươi chín chỉ để suy nghĩ. Có điều gì buồn cười liên quan đến ung thư nhỉ? Có điều gì *buồn cười* liên quan đến nó chứ?

Trong cái ngăn vô danh nơi anh ta tìm đến, thảm trải sàn màu xám còn trần màu trắng. Những bức vách ngăn màu cam, và có một chiếc bàn không có ghế. Một cạnh bàn đã sứt sẹo, hoặc bị gọt đẽo - trông gần như bị gặm - để lộ lõi gỗ ép rẻ tiền bên trong. Ngoài ra thì chẳng còn gì nữa cả - và cũng chẳng có gì để làm ngoài việc tìm ra ung thư buồn cười như thế nào. Căn phòng kêu u u trong sự tĩnh mịch lặng lẽ, điều này lẽ ra phải giúp anh ta tập trung hơn thì lại làm anh ta sao nhãng. Có lẽ là do âm thanh của những bóng điện trên đầu. Cứ như thể cái trang trống đã đi theo anh ta và biến hình thông qua một phép màu của vật lý thành một âm thanh thuần túy. Tất cả tầng năm mươi chín là một cái trang trống, được giãn cách bởi những ngăn chia ô. Vẻ rờn rợn trợ trợ của cả tầng vây lấy anh ta trong sự im lặng và trống rỗng như một vức thảm hút tất cả mọi thứ, và một khi anh ta đã bị hút vào, anh ta sẽ mất không chỉ công việc, mà còn cả lý trí của mình nữa. Để tự dứt mình ra khỏi những ý nghĩ ám đạm đó, anh ta bắt đầu nghĩ đến những chuyện thú vị hơn, kiểu như trưa nay ăn gì. Anh ta sung sướng tìm thấy một cốc cà phê bằng xốp Styrofoam trên sàn nhà dưới gầm bàn, một đầu mẫu thuốc lá nằm còng queo ở đáy cốc như một con sâu tequila chết. Bằng chứng của sự sống! Chẳng có gì buồn cười đến với anh ta, anh ta lắc cốc cà phê và nhìn cái đầu mẫu thuốc lá nảy quanh cho đến khi hành động đó làm bốc lên những luồng hơi mồm meo và khó chịu, làm anh ta nhớ đến Brizz Già. Liệu có thể nào đây chính là, anh ta tự hỏi, điều thuốc hút dở của Brizz không nhỉ? Phải chẳng một ngày mùa đông là quá sức đối với lão, thành thử lão đã lên xuống tầng năm mươi chín, nơi lão sung sướng tận hưởng ba hay bốn hơi thuốc dấm dúi trong không gian thoải mái của phòng có điều hòa nhiệt độ? Jim nghĩ sẽ tuyệt vời biết bao nếu như đầu mẫu này là của Brizz - một di vật từ một khoảnh khắc của niềm khoái lạc vụng trộm, có lẽ là tất cả những gì cần thiết để làm nên giá trị của cả một cuộc đời.



Nhưng phát hiện này cũng làm cho anh ta ngẫm nghĩ lại: Brizz đã chết vì ung thư. Làm sao có thể có gì là buồn cười khi chết một cái chết khốn nạn và chẳng để lại gì ngoài một đầu mẩu thuốc lá? Không phải là bằng chứng của sự sống - bằng chứng của cái chết. Jim lại càng mông lung hơn bao giờ hết. Bỗng nhiên anh ta cảm giác như sự im lặng trên tầng năm mươi chín không còn giống cái trang trống mảy mả mà giống sự câm lặng của những hầm mộ hơn. Mỗi ngăn trống này là một gian hầm chờ đợi chiếc quan tài của nó.

Một âm thanh leng keng làm anh ta sao nhãng. Thật là nhẹ cả người. Anh ta dỏng tai lên. Im lặng. Sự im lặng đặng đặng. Và rồi - *cạch cạch - cạch. Cạch.* “Phù,” ai đó nói. Ôn Chúa - bằng chứng của sự sống. Anh ta đứng lên và đi vào hành lang. Anh ta nhìn ở cả hai phía, chờ đợi. Lại là sự im lặng. Sau đó âm thanh trầm đục của một thứ gì đó nặng nề đập xuống sàn - *bịch.* Dường như nó vọng đến từ cuối đầu kia - khu ngăn làm việc tổ ong đầu kia, gần cửa sổ nhất. Và rồi, hợp âm loảng xoảng của nhiều dụng cụ đang bị lộn tung lên. Nó dẫn anh ta đi nốt phần đường còn lại. Anh ta bước tới ngưỡng cửa của một ngăn làm việc, ở đó anh ta nhìn thấy Chris Yop đang quỳ gối áp cờ lê vào một chiếc ghế lật ngược.

Khi Yop ngẩng lên thấy Jim đang đứng ở cửa ngăn làm việc, anh ta không nói gì. Anh ta điềm nhiên quay lại với công việc. “Yop,” Jim nói, “anh đang làm cái gì dưới này vậy?” Yop không trả lời. Phần đế của chiếc ghế bao gồm sáu nan hoa, mỗi nan hoa theo nguyên bản lại có một cái bánh xe gắn vào đầu. Những chiếc nan hoa đang chĩa về phía Jim, trông như những cái chân lủng lẳng của một con bọ bị lật ngửa bụng. Yop đang quỳ gối ở một bên ghế tháo bánh xe thứ sáu và cũng là bánh xe cuối cùng. Xong việc, anh ta đặt nó vào cùng những cái bánh xe khác. Anh ta mang theo mình một cái va li đen to đùng - loại người ta vẫn kéo qua các sân bay - được đặt nằm cạnh hộp dụng cụ của Reiser trong cái chỗ làm việc nhỏ bé chật chội đó. Mọi người đều biết rằng Reiser giữ các dụng cụ trong phòng

làm việc của anh ta, và có vẻ như Yop đã mượn chúng. Anh ta đã nhét cả vạt vào giữa hai cúc áo giữa trên áo sơ mi, để nó khỏi buông xuống cản trở. Jim nói trông anh ta giống như một nhân viên kỹ thuật sửa máy photocopy, nhưng là một người lóng ngóng, đang xoay xở với một chiếc ghế. “Đó là ghế của ai vậy, Chris?” Jim hỏi. Một lần nữa Yop lại không trả lời.

Chúng tôi nghe chuyện này từ Marcia Dwyer, người nghe nó từ Benny. Khi Jim lần đầu tiên đề cập chuyện này với Benny, trong phòng làm việc của Benny, Benny đã hỏi anh ta, “Lúc đó cậu không lo bị bắt gặp cùng với anh ta à, làm cái việc mà anh ta đang làm ấy?” Dễ đoán là Jim nói rằng anh ta thậm chí không hề nghĩ gì đến việc đó. “Ngay cái phút nhìn thấy anh ta, tớ đã biết anh ta âm mưu chuyện gì rồi,” anh ta nói với Benny, “nhưng lúc đó tớ không hề nghĩ *tớ sẽ gặp rắc rối* vì nó. Hơn nữa, đó cũng là chuyện đáng để theo dõi. Cậu đã bao giờ nhìn thấy một chiếc ghế bị tháo tung ra như thế chưa?” Đến một thời điểm, sau vài phút làm việc liên tục, Yop đứng lên cởi áo khoác ra, gấp nó lại ngay ngắn trên một vách ngăn. Sau đó anh ta cởi cúc tay áo rồi xắn hai ống tay lên và lau trán bằng hai mu bàn tay lông lá của mình. “Làm gì mà anh ăn mặc chỉnh tề thế, Chris?” Jim hỏi anh ta. Một lần nữa, không trả lời. Cũng chẳng thèm nhìn liếc gì về phía Jim. Hành vi lạ lùng đến từ Chris Yop, người xưa nay vẫn luôn rên rỉ vì bất kỳ chuyện chết cha chết mẹ gì. Thành ra Jim thấy lúng túng khi cứ đứng đó nhìn. Lần đầu tiên anh ta chợt nhận ra rằng sự im lặng đó rất có thể là cố tình, rằng Yop khó chịu với anh ta vì lý do gì đó.

“Anh ta khó chịu với cậu vì chuyện gì mới được chứ?” Benny hỏi. “Cậu chẳng hề làm gì anh ta cả.” “Tớ cũng nghĩ là tớ chẳng làm gì,” Jim nói. “Nhưng tớ cứ đứng ở ngưỡng cửa nói với thằng đó mà hẳn không hề trả lời gì. Nên tớ bắt đầu tự hỏi không biết mình có làm gì khiến hẳn bực tức không.” Sau đó, khi Marcia kể lại câu chuyện cho chúng tôi sau khi nghe nó từ Benny, chúng tôi nghĩ rằng đó đúng là cách mà anh chàng Jim Jackers mong manh sẽ phản ứng. Đó là Chris Yop, không còn là nhân viên

nữa, đã bị mời rời khỏi tòa nhà từ *hai ngày trước* với lời đe dọa bắt giữ và lúc đó lại đang phá hoại tài sản của công ty, ấy thế mà Jim vẫn còn muốn làm bạn của anh ta.

Anh ta hỏi Yop có phải anh ta đã làm điều gì sai trái không. Yop thậm chí còn không thèm ngẩng lên khỏi chiếc ghế. “Cậu không email cho tôi về những thay đổi đối với dự án,” cuối cùng anh ta cũng trả lời. Theo như lời Jim, câu này được nói cứ như thể Yop là sếp của Jim vậy, và rằng những hệ lụy nghiêm trọng sẽ nảy sinh từ sơ suất của Jim. Đồng thời, giọng Yop nghe có vẻ tự ái. Jim phải tự nhủ rằng anh ta chẳng làm gì sai cả và không có lý do gì để cảm thấy áy náy. “Chẳng lẽ tôi có trách nhiệm email cho anh à?” anh ta hỏi. “Tôi đã yêu cầu ai đó làm mà,” Yop nói. “Cậu không nhớ tôi đã yêu cầu sao?” “Ý anh là hôm qua ở chỗ quầy cà phê à?” “Không một ai email cho tôi cả,” Yop nói, lúc này anh ta đang xử lý đến một bộ ốc vít liên kết với phần đế của chiếc ghế. “Như thế cũng không sao,” anh ta nói thêm. “Không phải tôi không biết, Jim ạ, là tôi đã bị đuổi việc. Mọi người đều nghĩ là tôi không biết điều đó - không phải tôi không biết. Không phải tôi không biết rằng tôi là một ông già và rằng đây là một trò chơi của thanh niên.” Jim nói rằng anh ta không nghĩ bốn mươi tám tuổi là già đến thế, và rằng có lẽ chẳng mấy chốc nữa Yop sẽ có một công việc mới. Sau đó anh ta cố giải thích với Yop rằng sự thay đổi đối với dự án rất là mông lung - anh ta thực sự đang phải vật vã để tìm ra dù chỉ là một ý tưởng riêng lẻ - đến nỗi anh ta không thể nào cảm thấy tự tin khi gửi email cho bất kỳ ai về chuyện này. “Này, Jim,” Yop nói, nhìn Jim lần đầu tiên kể từ lúc anh ta xuất hiện trên ngưỡng cửa, và cái Jim nhìn thấy là vẻ mặt đỏ phừng, mồ hôi nhễ nhại và ngán ngẩm của một người đang cố che giấu cơn tức giận khiến cho giọng anh ta run lên. “Cậu không cần phải giải thích với tôi, được chứ? Cậu mà gửi email cho tôi thì lại thành ngu ngốc rồi. Bất kỳ ai trong các cậu. Cậu không nghĩ là tôi biết thế sao? Này,” anh ta nói thêm, hai bàn tay run rẩy khi anh ta dang rộng hai cánh tay, “tôi không ngu đâu. Tôi biết là tôi đã bị tống cổ. Tôi biết không ai muốn bị bắt quả tang trao đổi email với tôi chứ.

Tôi chỉ không nghĩ mình lại bị đối xử theo cái cách như ở quầy cà phê hôm qua.”

Khi nghe đến đó, Benny gặng hỏi để biết, “Hôm qua lúc ở quầy cà phê chúng ta đã đối xử với anh ta như thế nào ấy nhỉ?” Jim nói rằng anh ta không thể nhớ được. Khi anh ta kể câu chuyện với Marcia, Benny hỏi cô ta, “Cô có nhớ đã đối xử với anh ta theo cách khác thường nào lúc ở quầy cà phê hôm qua không?” Marcia đứng ở ngưỡng cửa phòng Benny bên cạnh bộ xương, tay chống hông, cổ tay quay vào trong. “Tôi nghĩ tôi đã gọi anh ta là hâm,” cô ta nói.

Jim, đứng ở ngưỡng cửa ngăn làm việc trên tầng năm mươi chín, muốn Yop kể xem chúng tôi đã làm anh ta phật lòng như thế nào ở quầy cà phê hôm qua. Yop không trả lời thẳng anh ta. “Tôi không còn được trả tiền cho việc ở đây nữa, Jim,” anh ta nói, quỳ gối trong chiếc quần là lượt thẳng li của mình và thao tác với chiếc cờ lê. “Cậu có hiểu điều đó có nghĩa là gì không? Tôi đang lớn vồn ở đây theo ý mình. Tôi ở đây vì tôi muốn ở đây. Cậu nghĩ tôi muốn ở đây sao? Không đời nào tôi muốn ở đây, Jim. Nhưng tôi đã lượn lờ thêm mấy tiếng đồng hồ hôm qua, chờ đợi bức email không bao giờ đến. Không phải từ cậu, không phải từ Marcia, không phải từ Amber - không ai hết. Ít nhất khi tôi bị tổng khứ, Lynn Mason cũng còn cho tôi quà chia tay, cậu biết tôi đang nói gì chứ, Jim? Ít nhất thì công ty cũng còn nói, Chris Yop, chúng tôi có một món quà chia tay cho anh đây. Còn các cậu ở quầy cà phê ấy à? Các cậu thậm chí còn không gửi cho tôi lấy một bức email.”

Yop kết thúc việc tháo nốt con ốc cuối cùng, cho phép anh ta lôi phần đế bánh xe ra khỏi thanh nâng thủy lực. Anh ta đặt phần đế vào trong va li - giờ thì chiếc ghế trông chẳng giống thứ gì hơn là một cái cọc màu bạc gắn theo kiểu que kẹo mút vào một mặt ghế và lưng dựa. “Tôi đã nghe thấy các cậu nói,” Yop nói, bất thành linh, trong khi vẫn đang quỳ gối và trừng trừng

nhìn Jim. Jim giật mình vì vẫn đang mãi nhìn anh ta tháo phần đế của chiếc ghế, vậy mà nhỗng cái Yop đã đang chĩa một cái tuốc nơ vít vào mình và quắc mắt một cách giận dữ, mà anh ta thậm chí còn không nhìn thấy Yop nhặt cái tuốc nơ vít đó lên. “Tất cả *mọi người* các cậu,” anh ta nói thêm.

“Anh nghe thấy chúng tôi nói gì cơ?” Jim nói.

Yop không chịu giải thích. Anh ta chỉ thay chiếc tuốc nơ vít bằng một cái cờ lê và quay lại với chiếc ghế.

Marcia bước qua cửa vào trong phòng làm việc của Benny vì câu chuyện đã trở nên thú vị. Cô ta ngồi đối diện với anh ta bên này bàn. “Anh ta nói thế là có ý gì nhỉ,” cô ta hỏi, “ ‘tôi đã nghe thấy các cậu’? Nói thế đúng là kỳ quặc, phải không?” “Tôi cũng đã hỏi Jim đúng điều đó,” Benny nói. “Anh ta cũng hoàn toàn không hiểu ý Yop là gì. Anh ta *có thể* có ý gì mới được chứ? Chúng ta đã nói gì mà anh ta nghe được và lấy làm chàm nọc?” “ ‘Tôi đã nghe thấy các cậu’,” Marcia nói, ngồi ngả ra sau ghế để suy nghĩ thoải mái hơn. “ ‘Tất cả *mọi người* các cậu.’ Câu đó có thể có nghĩa là gì nhỉ?” “Chắc là gì đó về việc anh ta khóc lóc, suy sụp ngay trước mặt Lynn chẳng?” “Chắc thế,” Marcia nói.

Yop mất tổng cộng khoảng nửa tiếng đồng hồ để tháo rời chiếc ghế ra thành từng bộ phận. Khoảng thời gian duy nhất anh ta lãng phí là lựa chọn một dụng cụ và sau đó xác định xem kích cỡ có chuẩn không. Sau đó chỉ còn là vấn đề tháo lỏng và xoay. “Và không có ai quấy rầy các cậu trong suốt thời gian đó sao?” Benny hỏi Jim. “Đó là tầng năm mươi chín mà,” Jim điềm nhiên giải thích. “Thậm chí còn chẳng có ai đi qua.” Vì cánh nhân viên và khu vệ sinh ở phía bên kia của tầng, Benny không nghi ngờ điều đó. Yop thao tác một cách bình tĩnh và thành thạo trong khi Jim tiếp tục quan sát, ấn tượng trước cách Yop sử dụng các dụng cụ và chức năng của chúng. “Cái đó gọi là gì ấy nhỉ,” Jim hỏi Benny, “chỗ mà cậu có mấy

cái đầu mẫu liền, tất cả có kích thước khác nhau, rồi cậu gắn chúng vào với dụng cụ chính tùy thuộc vào kích thước mình cần ấy?” “Cậu đang hỏi tôi đây à?” Benny nói. “Tôi không phải là chuyên gia về dụng cụ.” “Tôi nghĩ nó được gọi là một cái cờ lê Allen,” Jim nói. Khi Benny kể với Marcia rằng không ai biết chắc Yop đã dùng thứ gì để tháo chiếc ghế, Marcia trả lời, “Các anh không biết cờ lê Allen là gì á?” Khi Marcia kể với chúng tôi chuyện đó, chúng tôi biết ngay rằng chắc chắn Benny phải cảm thấy đau điếng thực sự vì sự thiếu hụt chất đàn ông của mình khi không biết rõ về các dụng cụ trước mặt Marcia, người có lẽ có thể tháo rời một chiếc xe máy cả khi bị bịt mắt sau ngằn ấy năm cô ta trải qua ở mạn Bờ Nam với bốn người anh em trai. “Chúng được gọi là những hốc tròn,” cô ta nói, “và đó là một cái cờ lê tròn, không phải cờ lê Allen. Một cái cờ lê Allen dùng để mở một con ốc Allen, là thứ có lỗ bên trong vừa với cái cờ lê - ôi, thật khó mà giải thích. Anh chưa bao giờ lắp một cái bàn à? Hoặc một cái giá sách?” “Một lần, tôi làm rồi,” Benny nói. “Hồi đại học.”

Không giống Jim hoặc Benny, Yop rất thành thạo. “Anh học cách làm việc bằng tay ở đâu vậy?” Jim hỏi anh ta. Yop không trả lời. Điều duy nhất mà anh ta làm là bắt đầu huýt sáo một chút. Vốn là một tay huýt sáo dở tệ anh ta nhanh chóng từ bỏ. “Thực lòng mà nói,” anh ta vừa nói với Jim vừa nhích những bước nhỏ bằng đầu gối của mình để chỉnh lại tư thế so với chiếc ghế. “Tôi lấy làm mừng là không ai gửi email cho tôi. Chắc chắn là tôi không đời nào lại muốn làm việc ở một nhóm nơi mà các thành viên khác trong nhóm không hề có chút tôn trọng nào dành cho tôi, Jim. Chỉ là với riêng cá nhân tôi thôi. Nhưng còn cậu, cậu làm những gì cậu cần làm. Cậu giữ cái này cho tôi được không?” Yop lục lọi trong hộp đồ nghề và cầm lên thứ mà Jim cảm như là một dụng cụ chọn bừa và giơ nó ra trước mặt anh ta.

Benny muốn biết là anh ta có cầm nó không, “Ừ, tôi đã cầm nó,” Jim nói. Benny hét lên. “Mà đó là tăng năm mươi chín, trời ạ! Nếu có người đi

qua nhìn thấy cậu đang cầm một cái dụng cụ trong khi Yop đang tháo rời chiếc ghế đó ra, cậu nghĩ họ sẽ hiểu là cậu chỉ đang cầm hộ anh ta một cái dụng cụ thôi sao?” “Tôi không để ý!” Jim thốt lên. “Tôi không biết tại sao anh ta lại nói những gì anh ta đang nói. Anh ta nói anh ta không muốn làm việc ở một nhóm nơi mà không ai có chút tôn trọng nào đối với anh ta, rồi lại bảo tôi cần làm những gì tôi cần làm. Anh ta nói thế là ý gì, Benny? Có phải là những người khác trong nhóm không có tí tôn trọng nào đối với tôi? Liệu đó có phải là điều anh ta đã cố nói với tôi không? Ý tôi là, tôi biết Marcia không thích tôi...”

Marcia nhảy chồm về phía trước trên chiếc ghế trước mặt Benny. “Anh ta nói vậy à?” cô ta hỏi với vẻ hốt hoảng bực bội. “Anh ta nói rằng anh ta biết tôi không thích anh ta?”

“... nhưng còn tất cả những người khác thì sao?” Jim hỏi.

Cuối cùng thì Yop cũng xong việc. Anh ta đứng lên phủi bụi trên quần. Anh ta choàng lại chiếc áo vest lên người. Sau đó anh ta cúi xuống đặt những thứ còn lại vào trong va li - từng chiếc bù loong và ốc vít, những cái đế tay, cần bẫy, thanh nâng, và phần mặt ghế bọc vải. Nhưng anh ta đã đánh giá thấp kích thước của tấm dựa lưng, nên bất kể anh ta có xoay thế nào hoặc ấn mạnh đến đâu đi nữa, lúc nào nó cũng thừa ra mất vài ba phân, khiến anh ta không thể kéo khóa chiếc va li lại được. “Chết tiệt,” anh ta nói, ngẩng lên nhìn Jim. Thế là Jim mang ra cho anh ta, sau khi bọc nó lại bằng thứ giấy gói đồ chúng tôi để trong phòng kho.

“Jim, thế là thế quái nào!” Benny thốt lên. “Tại sao cậu lại đi giúp thằng cha đó thoát ra chứ?”

“Tôi cảm thấy áy náy vì cách anh ta nghĩ chúng ta đã đối xử tệ bạc với anh ta như thế nào ở quầy cà phê,” Jim nói.



“Ôi, lạy Chúa tôi,” Marcia nói với Benny. “Tôi ước giá kể anh vừa đừng có kể cho tôi điều đó.”

Benny muốn biết tại sao Marcia lại lấy làm khó chịu khi nghe về ý tốt không đúng chỗ của Jim đối với Chris Yop. “Bởi vì tôi mới tệ bạc *làm sao* với thằng cha đó.” “Với Yop à?” “Không,” cô ta trả lời. “Ừm, đúng, với Yop, nhưng đặc biệt là với Jim. Và thằng cha đó - anh ta chỉ muốn được yêu quý!” “Cô không tệ bạc đến thế với cậu ta đâu,” Benny cố gắng vỗ về cô ta. “Cũng chẳng tệ bạc hơn bao nhiêu nếu so với bất kỳ ai khác.” “Không, tôi đúng là như thế đấy,” Marcia nói. “Tôi thật là kinh khủng.” Nhìn cô ta đau khổ thấy rõ. Một bàn tay đưa lên bên vầng trán nhú lại của cô ta, như thể cô ta đang cố che giấu ánh mắt của mình và biến mất khỏi nỗi xấu hổ. Nhưng, trời ạ, Benny nghĩ bụng, quả là kiểu tóc mới làm cô ta trông thật xinh đẹp.

“VẬY HÃY NÓI THẬT VỚI TÔI ĐI, BENNY, LIỆU HỌ CÓ CHÚT TÔN TRỌNG NÀO ĐỐI VỚI TÔI HAY KHÔNG?” Jim đã hỏi anh ta.

“Và anh đã trả lời anh ta như thế nào?” Marcia muốn biết.

“Tôi nói lòng vòng,” Benny nói. “Tôi không hoàn toàn nói dối cậu ta, nhưng tôi cũng không hoàn toàn nói sự thật với cậu ta.” Marcia nói với Benny rằng cô ta muốn anh ta tiếp tục kể nốt phần còn lại của câu chuyện.

Yop bước ra khỏi tòa nhà kéo chiếc va li đen của anh ta dọc theo mặt sàn cẩm thạch. Mặc vest đeo cà vạt, trông anh ta giống như bất kỳ doanh nhân nào khác đang trên đường ra sân bay. Không một ai ở bàn dưới sảnh nhằm anh ta với tay Chris Yop mặc áo sơ mi Hawaii ở phòng sáng tạo. Kiểu ăn diện chải chuốt đầy toan tính của anh ta làm lộ ra sự lọc lõi đầy tội phạm thành thực mà nói lẽ ra cũng hơi đáng phải dè chừng, nhưng đây đang là



một thời kỳ vẫn còn ngây thơ, và vì vậy chúng tôi cũng không quá bận tâm về nó sau khi biết chuyện. Một lát sau đó, Jim đi ra với tấm dựa lưng được bọc trong giấy màu nâu - chỉ là một người đang mang gói bưu phẩm quá cỡ ra bưu điện. Thực ra, anh ta đã dán cả một tờ nhãn địa chỉ lên trên để trông như thật.

“Jim,” Benny vừa nói vừa buồn bã lắc đầu.

Họ gặp nhau ở trước một cửa hàng tiện lợi ở góc phố và Jim bước theo Yop đi ra hồ. Khi nổi thôi thúc xâm chiếm lấy Yop, chuyện vốn xảy ra thường xuyên, anh ta bất thành lình quay lại trên vỉa hè và nói với Jim điều anh ta nghĩ trong đầu. “Sẽ không còn xúc phạm họ thêm nữa,” anh ta nói, khi anh ta quay ngoắt lại lần thứ nhất, chặn ngay trước đường đi của Jim. “Hãy đảm bảo khi quay lại đó cậu sẽ nói với họ rằng, Jim ạ, rằng Chris Yop không còn ở trong tòa nhà nữa để mà xúc phạm họ bằng sự có mặt của anh ta. Và tôi sẽ *không bao giờ* quay lại. Họ sẽ sung sướng biết bao, tôi tin chắc thế. Karen Woo. Và cái con Marcia khốn kiếp đó.”

“Tại sao lại chửi riêng tôi?” Marcia hỏi. “Tôi đã làm gì đâu chứ?”

“Chắc chắn anh ta mất trí rồi,” Benny nói. “Tôi sẽ chẳng hơi đâu mà tự ái.”

Giá kể có cơ hội, kiểu gì Jim cũng sẽ đáp lại rằng anh ta không nghĩ có bất kỳ ai lại thấy bị xúc phạm vì việc Chris vẫn còn ở trong tòa nhà, chỉ là chút băn khoăn tại sao, nhất là khi Lynn Mason đã cho anh ta nghỉ việc từ hai ngày trước đó. Nhưng rõ ràng là Yop không hề tìm kiếm câu trả lời. Anh ta quay ngoắt lại và bước tiếp, để mặc Jim đuổi theo. Phải giữ tấm dựa lưng của chiếc ghế trước mặt khiến Jim không nhìn thấy mặt đất và suýt nữa ngã lộn cổ vì một chỗ mấp mô trên vỉa hè. Lần tiếp theo Yop quay người cũng đột ngột không kém, và Jim hơi giật mình lùi lại. “Ơn Chúa,

Jim, ơn Chúa vì tình yêu của một người phụ nữ tận tình.” Jim những tưởng Yop đang cố chọc vào mắt anh ta bằng ngón tay đang chìa ra của mình. “Đó là thứ duy nhất đáng giá một xu. Không có Terry,” anh ta kết luận, “cả cái thế giới này chỉ là thứ vứt đi.”

Anh ta quay người đi tiếp. Những bánh xe dưới chiếc va li của anh ta đập đều đều lên những mép gờ nổi của vỉa hè. Anh ta quay người lần thứ ba, nhưng chỉ để nói, “Những kẻ được gọi là bạn của cậu ấy mà. Đúng là trò hề.” Jim chờ đợi thêm, nhưng Yop, vừa cười không một chút đùa cợt vừa chậm rãi lắc đầu, không nói gì. Anh ta dừng lại đủ lâu để Jim trả lời - gần như thể là anh ta muốn như thế - nhưng Jim luống cuống không biết nói gì. Khi Yop quay người lại anh ta buột ra một tiếng cười hằn học, khoái trá. Khi cách hồ hai khối nhà, họ bị mắc lại tại một đèn đỏ và phải đứng cạnh nhau trong khi dòng giao thông đi qua. “Thậm chí còn không thèm đếm xia,” Yop nói, quay lại phía anh ta. “Cậu nghe thấy chứ? Bảo đảm là cậu nói với họ nhé. *Thậm chí còn không thèm đếm xia.*” “Đếm xia?” Jim nói. “Anh nói vậy nghĩa là gì cơ, thậm chí còn không thèm đếm xia?” “Nói vậy không có nghĩa là họ thèm bận tâm dù ngày mai tôi có chết rũ ra đây,” anh ta nói thêm.

“Ôi lạy Chúa tôi, vậy mà tôi đã xé tờ sơ yếu lý lịch của anh ta rồi ném vào mặt anh ta nữa chứ,” Marcia nói. “Như thế đâu có nghĩa là tôi muốn thăng cha đó chết.”

“Tôi không biết,” Benny nói, “có thể là lẽ ra chúng ta nên gửi email cho anh ta.”

Vào thời điểm đó trong ngày, con đường đi dạo dọc hồ Michigan khá vắng vẻ. Và lại hầu hết mọi người cũng chẳng đi hết một mạch cả chặng đường xuống đến điểm cuối phía Nam, nơi mà đất liền quanh gập ra mặt nước và con đường đi dạo kết thúc ở một bãi cát nhỏ. Mặc dù khí lạnh còn

rơi rớt, trời vẫn ngập tràn ánh nắng, và xa xa phía bên phải họ một vài dân bơi rần mặt đang mang lại cho cái hồ những dấu hiệu đầu tiên của cuộc sống mùa hè. Ngoài ra, chỉ có Jim cùng với Yop và thỉnh thoảng là một người chạy bộ già cả nào đó. Yop đặt chiếc va li xuống nghỉ ngay phía sau bờ kè, kéo khóa và lấy hai trong số những bánh xe của chiếc ghế từ bên trong ra, trèo qua bờ kè, và tiến ra mặt nước. Đúng lúc anh ta vặn người lại, một cơn gió thán Năm dữ dội nổi lên. Yop quăng chiếc bánh xe đầu tiên xuống hồ Michigan trong lúc cà vạt của anh ta bay phần phật theo hướng ngược lại. Khi anh ta quay về chỗ đặt va li, chiếc cà vạt vẫn nằm vắt trên một bên vai. “Các cậu nghĩ tôi *muốn* khóc à?” anh ta hỏi Jim. “Đâu phải tôi khóc cho mình,” anh ta nói. “Mà là tôi khóc cho Terry. Tôi khóc cho Terry và tôi.” Đến lúc này thì Jim biết là không đáp lại làm gì. Anh ta nhìn Yop liệng nốt phần còn lại của chỗ bánh xe và phần tay dựa xuống nước. Hai cái tay dựa nổi lênh bênh, cả phần mặt ghế lót và lưng dựa cũng thế - Yop lẳng tằm tựa lưng đi theo phóng cách ném đĩa Frisbee, nguyên xi cả lớp giấy bọc màu nâu - nhưng phần trụ màu bạc thì chìm nhanh chóng. Anh ta đứng trên mép nước dốc ngược cái va li mà giữ. Tất cả mọi con ốc và bu loong rơi tồm xuống hồ. Sau đó anh ta kéo khóa chiếc va li lại và quay lại nơi Jim vẫn đứng nhìn anh ta, ngay phía bên kia bờ kè. Anh ta nhấc cái va li lên, trèo qua bờ kè lần lượt từng chân một và đặt những bánh xe của va li xuống trở lại mặt đất rồi bắt đầu bước đi, nhưng sau đó lại dừng bước và quay người lại để nói với Jim. “Tôi muốn cảm ơn vì sự giúp đỡ của cậu, Jim,” anh ta nói, “nhưng tôi vẫn luôn coi cậu là một thằng ngốc.”

Câu nói cuối cùng của Yop với Jim Jackers làm Marcia như phát rồ. Cô ta nép sâu vào trong ghế, rúm người lại thành một quả bóng của nỗi xấu hổ và hối hận, rồi thốt lên, “Làm ơn hãy nói là anh ta không nói thế!” Cô ta thề sẽ không bao giờ cay nghiệt với Jim nữa. Cô ta thề sẽ không bao giờ cay nghiệt với bất kỳ ai nữa. “Làm sao anh ta có thể nói thế với Jim được chứ?” cô ta hỏi. “Thì mới hôm trước cô cũng nói với cậu ta thế còn gì,” Benny nói. “Nhưng làm sao anh ta có thể nói thế mà lại *cố ý* chứ?” cô ta hỏi.

Marcia là một người hiếm hoi trong chúng tôi đi dùng hành động tàn nhẫn của người khác để nhắc nhở về sự tàn nhẫn của chính mình, và lại còn cảm thấy ân hận vì cả hai. Cô ta đặt ra lời thề giống như những gì cô ta đang đặt ra với Benny - không bao giờ cay nghiệt nữa - cứ hai ba tuần một lần, cho đến khi điều gì đó mà Jim nói hoặc làm lại khiến cô ta nổi cơn tam bành, đến mức bảo anh ta cầm mồm đi và biến khỏi phòng của cô ta. Điều dễ chịu ở Marcia là ở chỗ cô ta nói thẳng những điều đó vào mặt anh ta, nhưng khác với Yop, chúng không phải là những lời nguyện rửa đời đời. Chẳng qua chúng chỉ là sự thể hiện nhất thời cơn cáu tiết của cô ta - những điều mà chúng tôi muốn nói, nhưng chúng tôi không có can đảm - và chúng luôn để lại hậu quả là những cơn ăn năn hối lỗi đến phát điên.

“Jim chẳng có vẻ gì là tự ái vì câu đó đến thế đâu, tin hay không thì tùy,” Benny an ủi cô ta. “Cậu ta chỉ muốn biết là *tôi* có nghĩ cậu ta là một tên ngốc hay không.”

“Và anh đã nói không, đúng không?” Marcia nói. “Benny, hãy nói với tôi là anh không nói gì tương tự như thế đấy chứ.”

“Tất nhiên tôi bảo cậu ta rằng cậu ta là một thằng ngốc,” Benny nói. “Tôi phải nói, Marcia. Nếu như tôi bảo cậu ta rằng cậu ta *không phải* là một thằng ngốc, thì cậu ta cũng biết tôi nghĩ cậu ta là người như vậy.”

“Cái chỗ này đúng thật là khốn nạn,” cô ta nói.

Chúng tôi cũng lấy làm phần nộ cho Jim. Anh chàng đáng thương đó đã liều mình giúp Yop ra tay trả thù mục quản lý văn phòng cùng hệ thống số series của mục ta, và rồi anh ta bị bỏ lại với một câu xúc phạm. Chúng tôi tụ tập lại bên cạnh Jim. Chúng tôi bảo anh ta đừng đếm xỉa đến câu đó. Sau đó chúng tôi cố gắng hiểu Yop có thể có điều gì chống lại chúng tôi. Tại sao anh ta lại hưởng tất cả sự tức tối của mình vào chúng tôi, chúng tôi hỏi Jim,

khi mà, một khi đã tháo rời chiếc ghế của Tom Mota và lắng xuống hồ, đối tượng cho nỗi phẫn uất của anh ta rõ ràng là nhắm vào một người cụ thể, không phải mục quản lý văn phòng thì còn ai nữa? Jim không biết, trừ việc nói rằng Yop tự ái vì chúng tôi đã không gửi email cho anh ta hướng dẫn về những thay đổi đối với dự án. Nhưng anh ta còn định làm gì sau khi nhận được những hướng dẫn đó chứ? Cứu vãn công việc của anh ta chắc? Chúng tôi thấy mình bị mang tiếng ác.

“Ít nhất thì tôi cũng hiểu Tom Mota,” Marcia nói với Benny. “Tom chỉ ngập tràn trong nỗi uất ức vì cuộc đời của anh ta ra nông nỗi đó. Nhưng còn Chris Yop? Chris Yop thì đơn giản là tôi không hiểu.”

Cuối cùng thì chúng tôi phải hiểu rằng tất nhiên Yop sẽ căm ghét chúng tôi. Chúng tôi vẫn có việc làm, còn anh ta thì không. Anh ta vẫn đang làm việc trên những ý tưởng quảng cáo gây quỹ đã lạc hậu trong khi chúng tôi biết dự án đã thay đổi. Chúng tôi đã tụ tập cùng nhau ở quây cà phê, trong khi anh ta bị gạt ra rìa.

“Nhưng Chris Yop đâu phải là lý do tôi vào đây, đúng không nhỉ?” Marcia nói.

“Tôi không nghĩ vậy,” Benny nói.

“Là gì ấy nhỉ?” cô ta tự hỏi. “Tại sao mình lại ghé vào?”

“Tôi không biết,” anh ta trả lời, hớn hờ, hy vọng.

“Ôi lạ Chúa tôi,” cô ta chột thốt lên. “Anh có tin được là mới có ba giờ mười lăm không?”

Có những ngày cảm giác dài hơn những ngày khác. Có những ngày cảm giác như là cả hai ngày liền. Tiếc là những ngày đó không bao giờ là những ngày cuối tuần. Những ngày thứ Bảy và Chủ nhật của chúng tôi qua đi trong khoảng thời gian chỉ bằng một nửa so với ngày làm việc bình thường. Nói cách khác, có những tuần cảm giác như thể chúng tôi làm việc mười ngày liền một mạch và chỉ có một ngày nghỉ. Chẳng phải chúng tôi kêu ca gì. Thời gian đang được thêm vào trong cuộc đời của chúng tôi. Nhưng chính xác thì cũng chẳng dễ dàng gì để sung sướng khi nhận ra rằng đúng là thời gian đang chuyển động không đủ nhanh. Chúng tôi có một số đồng hồ bao quanh mình, và mỗi một chiếc trong số đó vào lúc này hay lúc khác lại thể hiện một kiểu hài hước sinh động. Chúng tôi nhận ra mình muốn giục thời gian trôi nhanh hơn, điều mà về lâu dài là không tốt cho sức khỏe của chúng tôi. Mọi người đều bị mắc kẹt trong mâu thuẫn đó nhưng không ai từng dám thừa nhận nó. Họ chỉ nói, “Anh có tin được là mới có ba giờ mười lăm không?”

“Anh có tin được là mới có ba giờ mười lăm không?” Amber hỏi Larry Novotny. Dám cá là Larry có thể tin rằng bây giờ là ba giờ mười lăm. Larry có thể tin rằng bây giờ là mười một giờ năm mươi chín phút và đồng hồ sắp đổ chuông nửa đêm mà thống đốc thì vẫn chưa thấy gọi. Thời gian đang hết một cách trầm trọng đối với Larry. Liệu cô nàng có thực hiện ca nạo thai không? Đó không phải là điều mà anh ta cứ mười lăm phút lại hỏi một lần, năm phút một lần tất nhiên lại càng không, mặc dù giờ đây thời gian trôi đi thành từng quãng năm phút một, ở cuối mỗi quãng anh ta lại cân nhắc hỏi cô ta lần nữa xem cô ta có định làm không hay thế nào. Anh ta thường quyết định sẽ không hỏi cô ta nữa, sau khi đã hỏi mới trước đó có mười hai quãng năm phút, quãng thời gian mà, trước khi tất cả chuyện này bắt đầu, cũng chỉ là một tiếng đồng hồ, nhưng giờ đây cảm giác như thể mười hai hoặc thậm chí là mười bốn tiếng. Amber đã nói rõ ràng rằng cô ta không muốn bị hỏi mỗi tiếng một lần liệu cô ta có đi nạo thai không.

“Họ vẫn ở dưới kia à?” cô ta hỏi Larry. “Anh nghĩ họ đang làm gì dưới đó nhỉ?”

Larry đứng lên thò đầu về cuối hành lang phía văn phòng của Lynn Mason nơi cánh cửa vẫn đóng. Họ đã nhìn thấy Genevieve và Joe bước vào mười phút trước, hoặc gần hai tiếng trước, theo như chiếc đồng hồ mới của Larry, và trong khoảng thời gian mười phút đó, Larry đã khổ sở vật vã với chính mình, hai lần, liệu có hay không đưa lại vấn đề này ra với Amber. Khi quay về anh ta đập chiếc mũ lưỡi trai lên quần jean ba lần và rồi lại chụp nó lên đầu, gật đầu xác nhận. Họ vẫn đang ở dưới đó.

“Anh nghĩ họ đang nói về chuyện gì nhỉ?” cô ta hỏi.

Larry nghĩ có lẽ họ đang nói về việc liệu Amber có nên bỏ cái thai đi không. Có lẽ họ đang bàn cãi về nỗi bất hạnh mà Larry đang đối mặt, và anh ta chẳng sung sướng gì khi đi nói với vợ mình rằng anh ta không chỉ lãng nhãng mà người phụ nữ đó lại còn dính bầu và có ý định giữ cái thai. Chẳng có cách nào để xoay chuyển chuyện này theo hướng tốt đẹp, chẳng làm thế nào để có thể nói một cách hồ hởi, “Charlie sắp có một cậu em trai cùng cha khác mẹ!”

“Họ đã ở trong đó được bao lâu rồi nhỉ?” Amber hỏi. “Mười phút chưa? Cảm giác như là hai mươi phút ấy.”

“Cảm giác như là hai tiếng đồng hồ vậy,” Larry nói.

Thật đáng thất vọng và hơi khó chịu khi Amber bận tâm đến một vụ khủng hoảng đang diễn ra ở một văn phòng nào khác trong khi cuộc khủng hoảng trầm trọng hơn lại đang diễn ra ngay tại đây. “Em đã, ừm...” anh ta bắt đầu, “nghĩ thêm chút nào về, ừm...”

Cô ta đang mài vụn cái cần nhỏ màu trắng trên một món đồ chơi dây cót. Đó là một món đồ chơi trẻ em từ một suất Happy Meal, hình một chiếc bánh mì rắc hạt vừng kẹp thịt băm pho mát với đủ các thứ trang trí vẽ bên trên. Nó còn có cả một đôi bàn chân to đùng màu trắng. Cuối cùng thì món đồ chơi cũng không thể được vụn thêm chút nào nữa và cô ta cúi người xuống trên ghế rồi đặt chiếc bánh kẹp xuống thảm. Đôi chút khiếm khuyết nhỏ nào đó ở đôi bàn chân làm nó đi từ từ thành vòng tròn, lặp đi lặp lại hết lần này sang lần khác cho đến khi cuối cùng nó dừng hẳn và căn phòng yên tĩnh trở lại.

Cuối cùng khi cô ta nhìn vào mắt anh ta, anh ta nhận thấy mắt cô ta đã đỏ lên. Ôi, không, anh ta nghĩ. Không phải lại thế chứ. Anh ta trật chiếc mũ ra khỏi đầu lần nữa và vuốt ngược tóc của mình. Sau đó anh ta lại đội mũ vào.

“Em cứ đi đi lại lại,” cô ta nói.

Jim Jackers tích cực làm việc với vụ quảng cáo không công và đã miệt mài vật lộn với chúng suốt mấy tiếng đồng hồ liền, kể từ lúc quay về sau khi giúp Chris Yop ném chiếc ghế của anh ta xuống hồ Michigan. Lúc ngẩng đầu lên khỏi cái trang trống trơn để nhìn chiếc đồng hồ đang nhấp nháy, anh ta phát hiện ra mới chỉ có ba giờ mười lăm. Anh ta tự nhủ hôm nay có lẽ là ngày dài nhất trong đời mình. Anh ta không chỉ bị gọi thẳng vào mặt là một thằng ngốc, mà còn không thể làm gì để phản đối quan điểm đó, bởi vì anh ta thậm chí còn không thể nào nghĩ ra nổi lấy một điều buồn cười để nói về bệnh ung thư vú.



“Mấy giờ rồi, Joe?” Lynn Mason hỏi.

Joe liếc nhìn đồng hồ của anh ta. “Ba giờ mười lăm,” anh ta trả lời.

Chị với tay lên chỉnh lại kim của một chiếc đồng hồ quả lắc. Nó đang đứng dựa vào bức tường phía xa, phía bên trái chiếc sofa bọc da trắng, và nó là bằng chứng cho việc căn phòng này từng bừa bộn như thế nào trước khi chị và mục quản lý văn phòng dọn sạch mọi thứ, vì không ai trong chúng tôi còn có tí ký ức nào về một chiếc đồng hồ quả lắc. Nó đã hòa lẫn vào khung cảnh cùng với tất cả mọi thứ khác, hoặc có lẽ đã bị che khuất bởi những thùng đầy ngất hồ sơ cũ của cánh luật sư. Hoặc có lẽ chỉ vì chúng tôi không phải là những người sâu sắc cho lắm. Nhưng giờ đây khi mà những chồng tạp chí cũ, hồ sơ chết và những thứ đại loại đã bị dọn đi, có thể nhận ra một nỗ lực làm cho phòng làm việc của chị trông giống như một văn phòng tử tế. Bàn làm việc được kê thật xa cánh cửa, để khi ngồi tại đó, chị có thể nhìn thấy tất cả mọi thứ trước mặt mình - bản thân cái cửa, cái bàn mặt kính ở bên trái, những giá sách và chiếc ghế bành cổ dựa vào tường bên phải, rồi chiếc sofa và cái đồng hồ quả lắc đang nhìn lại chị từ bức tường cuối phòng.

Mười phút trước đó, tiếng gõ cửa của Genevieve và Joe đã làm gián đoạn việc dọn dẹp của chị. Hầu hết công việc đã được làm từ ngày hôm trước, nhưng buổi chiều hôm đó chị đã bị gọi đi họp với các thành viên quản trị khác để thảo luận chiến lược cho hai thương vụ mới sắp tới. Giờ chị đang hoàn thành nốt những nét điểm xuyết cuối cùng cho một phòng làm việc cơ bản là mới tinh. Chị trả lời tiếng gõ cửa bằng cách gọi với ra và Joe thò đầu vào. “Tôi đến đây với Genevieve,” anh ta nói. “Chị có rảnh một phút không?” Chị ra hiệu cho họ vào trong bằng cách phẩy nhanh một chiếc giẻ bẩn. Khi Genevieve bước vào phía sau Joe, cô nói. “Chào chị, Lynn.” “Vào đi,” Lynn nói, “xin mời ngồi.” Thật lạ lùng khi nhìn thấy Lynn Mason với

một lọ xi và một chiếc giẻ, đang mặc váy cúi gập người cọ bóng sàn gỗ bên cạnh bàn làm việc của mình. Họ làm theo lời chị và ngồi xuống hai chiếc ghế song sinh được kê ngay phía trước bàn làm việc của chị. Ngay lập tức họ phải quay sang bên trái khi chị tiếp tục lau xi cho giá sách và sau đó là phần khám gỗ trên chiếc ghế bành cổ của mình. Vừa làm việc, chị vừa nói với Joe rằng chị đã yêu cầu Mike Boroshansky cắt cử riêng một trong những người của ông ta trực toàn thời gian tại năm tầng của công ty.

“Một nhân viên an ninh?” Joe nói. “Sao lại thế?”

“Bởi vì đơn giản là chúng ta không thể mạo hiểm được,” chị trả lời.

Genevieve thầm nghĩ chị phải bụi cũng theo cái cách mà chị làm mọi việc khác, với vẻ hết sức say sưa và uy quyền. Đây là lần đầu tiên cô cảm thấy e sợ bởi việc một người khác phải bụi. Cô ngồi yên lặng.

“Nhưng Lynn này,” anh ta nói, “chỉ có một hoặc hai người thực sự tin rằng anh ta có thể là mối đe dọa. Hầu hết đó chỉ là chuyện ngồi lê đôi mách thôi mà.”

“Không chỉ riêng tôi đâu, Joe. Mà còn những thành viên quản trị khác nữa,” chị nói.

Chị dịch chuyển từ chiếc ghế bành qua chiếc sofa bọc da phía sau họ và bắt đầu lau khắp cả chiếc ghế đó nữa. Joe xoay người trên ghế để giữ chị trong tầm mắt của mình và nói chuyện với chị qua lưng ghế tựa. Genevieve chọn cách tiếp tục nhìn thẳng về phía trước.

“Những bức email gần đây cho Benny và Jim,” Lynn đang nói, “cách anh ta rời khỏi nơi này, cách cư xử của anh ta với vợ mình - người đàn ông đó đập tan tất cả đồ đạc của mình bằng một cây gậy bóng chày. Nghe này,

tôi không nói tôi nghĩ dứt khoát là anh ta đang trên đường quay lại đây,” chị nói, và nhìn Joe trong một khoảng nghỉ ngắn trong lúc lau bụi, “nhưng một khi anh ta đã bị ức chế bởi điều gì đó, anh ta không hành động đúng đắn nữa, không giống như một người bình thường, và tôi không nghĩ chúng ta có thể mạo hiểm.”

Chị hướng sự chú ý của mình quay lại chiếc sofa. “Nhưng làm thế nào một nhân viên thuộc lực lượng bảo vệ có thể chặn được anh ta nếu anh ta quay lại?” Joe hỏi. Genevieve ngạc nhiên trước sự thay đổi bất ngờ của anh ta, và nhận ra một phát hiện mới mẻ về sự cởi mở trong đối thoại diễn ra giữa hai người khi những người còn lại trong nhóm đã ra khỏi phòng.

Nhưng đó không phải là tin chấn động thực sự. Tin chấn động đích thực là giờ đây Lynn Mason cũng ấp ủ ý nghĩ về việc Tom Mota đang lên kế hoạch quay lại. Cho đến lúc ấy thì quan điểm này mới chỉ có một phát ngôn viên nghiêm túc - Amber Ludwig, người lo lắng về tất cả mọi chuyện. Bảo vệ đã dán ảnh của anh ta tại quầy dưới sảnh, nhưng bọn họ chỉ là một lũ hề dờ hời dưới đó. Mọi lo lắng của Lynn Mason đã hợp pháp hóa ý tưởng này. Đó là một động thái mới mẻ và đáng ngại.

“Chúng tôi đang xin lệnh cấm anh ta bén mảng đến khu vực này,” chị nói, “nhưng trong thời gian trước mắt, Mike sẽ cho chúng ta một người, và chúng ta sẽ cắt anh ta đứng bên ngoài phòng làm việc của cậu.”

“Tại sao lại là phòng tôi?” Joe hỏi.

“Vì phòng cậu trông thẳng ra thang máy, và nếu như anh ta quay lại, thì đây là tầng tôi nghĩ anh ta sẽ ghé thăm đầu tiên, và nói thật với cậu nhé, Joe, tôi nghĩ mối hận thù lớn nhất mà anh ta có thể là nhắm vào cậu. Có lẽ là ngoại trừ tôi ra.”

“Tôi không đồng ý,” Joe nói. “Đúng là hồi đầu anh ta không thèm đếm xỉa gì đến tôi, nhưng đến khi anh ta ra đi, bất kể là vì lý do gì, tôi nghĩ là tôi đã dành được sự tôn trọng của anh ta. Và nói thật với chị, Lynn, chúng ta đang thổi phồng toàn bộ sự việc này quá mức cần thiết.”

“Hừm,” chị nói, vẫn quay lưng lại phía anh ta. “Dù gì thì vẫn sẽ có một người bên ngoài phòng làm việc của cậu.”

Cuối cùng khi đã xong xuôi việc lau dọn, chị mở cánh cửa của chiếc đồng hồ quả lắc. Sau khi Joe thông báo giờ cho chị, chị chỉnh lại kim đồng hồ theo đó và lên dây cót đồng hồ bằng một chiếc chìa khóa. Chị cho quả lắc bằng đồng chuyển động trở lại rồi đóng cửa vào và nhìn nó lắc qua lắc lại. Trong khoảng im lặng đó Genevieve liếc nhìn lại xem chị đang làm gì, nhận ra chị đang đứng trước chiếc đồng hồ, và một lần nữa nhận ra chị mới nhỏ bé làm sao trong đời thực. Có lẽ Joe hoàn toàn có thể nhắc bổng chị lên khỏi mặt đất. Anh ta không phải là người lực lưỡng gì nhưng anh ta cũng không phải kẻ lòng không, và có lẽ anh ta có thể nắm lấy hai cánh tay của chị nhắc bổng lên, có thể là thẳng một mạch cho đến hết tầm tay của anh ta, và đúng đến ý nghĩ Joe nhắc bổng Lynn Mason lên không trung như vậy, như một đứa trẻ, mà không hề khó nhọc gì cho lắm, thậm chí còn xoay tròn chị trên cao, Genevieve phải nuốt lại tiếng cười đang trào lên trong cổ họng cô, vì đúng lúc đó Lynn đang quay trở lại bàn làm việc của mình và kéo ghế ra để ngồi xuống. Ngay lập tức chị lại trở nên lừng lững và đáng sợ hơn bao giờ hết.

“Nào,” chị nói, “hai người muốn nói về chuyện gì đây?”

“Giờ thì tôi nhớ là chuyện gì rồi!” Marcia thốt lên.

Cuối cùng thì cô ta cũng nhớ ra. Cô ta đã nghe nói là Benny sẽ bán cây cột tô tem và cô ta muốn ngăn anh ta lại. “Ai nói với cô là tôi sắp làm thế?” anh ta hỏi. Chỉ là việc thường xuyên phải đến thăm nom - việc tăng giá thuê và sự lưỡng lự của anh ta trong việc trả phần phụ trội. “Nhưng làm gì có ai nói là tôi sắp bán nó chứ?” anh ta hỏi. “Đừng làm thế,” Marcia van vì. “Làm ơn, Benny. Anh muốn họ thắng à?” “ ‘Họ’ là ai cơ?” anh ta hỏi với vẻ cảnh giác. “Từng người một trong cái lũ khốn kiếp ấy,” cô ta trả lời. Cô ta nhất thời quên mất lời thề của mình là không bao giờ ác nghiệt nữa. “Nếu anh bán nó, Benny, anh sẽ dâng tặng một chiếc thắng cho tất cả lũ khốn kiếp ngu xuẩn trong công ty. Anh không muốn làm như thế đâu, Benny, anh không muốn. Và tôi không muốn thấy nó xảy ra.” “Điều tôi muốn làm,” anh ta thành thật nói, “là tôi muốn dừng việc trả ba trăm đô la một tháng, một số tiền mà tôi không có, cho cái chỗ cho thuê chứa đồ đó - đó là điều tôi thực sự muốn.” “Tôi sẽ trả phần chênh lệch,” cô ta nói. “Cô sẽ làm gì cơ?” “Khoản chênh lệch giữa những gì mà anh đang trả ngay lúc này với mức tăng mới,” cô ta nói. “Là bao nhiêu nào? Tôi sẽ trả. Hằng tháng tôi sẽ viết cho anh một tờ séc.” “Tại sao cô lại làm thế?” anh ta hỏi.

Một phần, cô ta giải thích, là để giúp cứu chuộc lại tất cả những điều đáng ghét, đáng khinh bỉ mà cô ta đã làm kể từ cái ngày hạnh phúc đó khi cô ta được thuê vào làm. Đó là một nỗ lực để khôi phục lại sự cân bằng, để giành lại cho cô ta quyền ngẩng cao đầu và đứng thẳng người một cách kiêu hãnh. Benny không cần phải được nhắc mới biết là Marcia là một người tập tành nghiên cứu các tôn giáo châu Á. Thực ra anh ta đã miệt mài tìm đọc về chúng. Anh ta đã nghiên cứu về Tứ Cảnh<sup>[36]</sup>, Bát Chính Đạo<sup>[37]</sup>, rồi còn cả Thập Hạnh Ba-la-mật<sup>[38]</sup> của Đức Phật với hy vọng một trong số chúng sẽ được đề cập đến khi nói chuyện. Anh ta buột miệng ra những lời ám chỉ đến cây bồ đề trong rất nhiều câu chuyện mà anh ta kể. Marcia không hề phản ứng gì với bất kỳ điều gì trong đó như anh ta hy vọng, hoặc là bởi vì cô ta không chú ý, hoặc là vì những lời bóng gió đó chẳng có ý nghĩa gì đối với cô ta. Chúng tôi chẳng nói gì bởi vì Benny là người Do

Thái, và chúng tôi mặc định rằng anh ta, với tư cách là một người Do Thái, biết nhiều về tôn giáo hơn những người còn lại trong chúng tôi. Nhưng kỳ tình thì anh ta đã sai lầm khi đi nghiên cứu đạo Phật, trong khi Marcia tự coi mình là một tín đồ đạo Hindu thì đúng hơn. Điều duy nhất mà anh ta làm đúng là một bản kinh Bhagavad Gita nằm trên bàn làm việc của mình, phía trên một số giấy tờ, với phần gáy sách nằm hướng một cách lộ liễu về phía cô ta.

“Để tôi nói xem tôi có hiểu đúng không nhé,” anh ta nói. “Cô muốn giúp hóa giải nghiệp chướng của mình,”

“Đúng,” cô ta nói.

“Thiện giả thiện lai,” anh ta nói, “và ác giả ác báo. Đó có phải là điều cô đang nói không?”

“Đúng rồi!” cô ta thốt lên. “Đó *chính xác* là những gì tôi đang nói. Làm thế nào mà anh lại biết được?”

“Tôi đang đọc về nó dạo gần đây,” anh ta nói.

Nhưng nó không đơn giản như việc cắt cho anh ta một tờ séc, cô ta giải thích cho tay tập tu. Nghiệp chướng sẽ không được hóa giải nếu một thiện chí được đưa ra chỉ để mong được nhận lại. Một động cơ chân thành và thuần khiết phải đi trước một hành động không vụ lợi. “Vậy động cơ của cô là gì?” anh ta hỏi. “Không phải nhìn bọn khốn đó giành chiến thắng,” cô ta trả lời thản nhiên. Benny nói anh ta đánh liều đoán thử, nhưng anh ta thấy lý do đó nghe có vẻ không được thuần khiết cho lắm. Marcia nhắc anh ta nhớ đến những người da đỏ Yopanwoo. Người da đỏ Yopanwoo chế giễu tất cả mọi bộ lạc da đỏ bản địa Mỹ từng phải gánh chịu sự bất công. Trò đùa cợt đó đã biến một vở bi kịch thành một vở hài kịch. Cô ta hứa với

Benny rằng nó thuần khiết đúng như vốn thế. “Tôi xuất thân từ Bridgeport, cả đời mình tôi chưa bao giờ gặp một người da đỏ nào,” cô ta nói. “Nhưng tôi vẫn thấy bị xúc phạm. Và tôi nghĩ điều anh đang làm với nó - ý tôi là với cây cột tô tem của Brizz ấy. Thực lòng mà nói, tôi không hề biết anh đang làm gì với nó, nhưng tôi nghĩ bất kể có là gì đi nữa thì cũng... cũng thật...” “Kỳ quặc?” anh ta nói. “Không,” cô ta vừa nói vừa lắc đầu cùng với cả mái tóc đẹp-hết-sảy mới làm của mình. “Không, không phải là kỳ quặc. Cao quý.” “Cao quý?” anh ta nói. “Cô nghĩ như thế là cao quý à?” Anh ta thoáng tự hỏi không biết cô ta đã ở đâu với cái quan điểm về sự cao quý này khi bọn họ hú huýt vào anh ta từ sảnh lớn và vấy máu vào cái chòm tóc còn nguyên da ấy trên bàn làm việc của anh ta - nhưng anh ta không phản đối gì mà vui vẻ đón nhận lời khen. Quan điểm tử tế của cô nàng thật quá bõ công trả ba trăm mười chín đô la mỗi tháng - mặc dù đó không phải lý do tại sao anh ta làm thế. “Vì thế để đấu tranh cho người da đỏ,” cô ta nói, “và để bảo đảm là lũ khốn ấy không giành chiến thắng, và để giúp anh làm bất kể điều gì anh nghĩ mình cần làm với cây cột tô tem của lão Brizz, anh hãy cho tôi biết khoản chênh lệch và tôi sẽ viết cho anh một tờ séc.” Cũng còn có một lý do thứ tư nữa, tất nhiên, đó là nó có thể giúp Marcia cải thiện nghiệp chướng của mình, nhưng cô ta bỏ cái đó ra khỏi bài kinh.

“Marcia,” anh ta nói, “không cần thiết phải thế đâu.”

“Tôi biết là không cần thiết,” cô ta nói. “Tôi muốn làm thế.”

“Tôi e là tôi đã tổng khứ nó đi mất rồi,” anh ta nói.

Tay chuyên gia định giá đã đến tận U-Stor-It, và anh ta cho Benny biết không chỉ giá trị trên thị trường của cây cột tô tem mà còn cả một hai điều về nguồn gốc của nó. Anh ta tin rằng nó là tác phẩm của một bộ lạc có hậu duệ vẫn đang sống tại mạn Đông Nam Arizona. Những kỹ năng tạc gỗ vô tiền khoáng hậu của họ không ai sánh nổi, tạo ra một số tác phẩm nghệ

thuật da đỏ bậc thầy và xuất sắc nhất trên thế giới - ấy là cho đến khi số lượng các thành viên bộ lạc giảm dần và việc sống sót trở nên khó khăn ảnh hưởng đến tay nghề của họ. Buổi sáng hôm đó, Benny đã nhận được một cuộc gọi từ tay chuyên gia định giá, người đã gửi những bức ảnh cây cột tô tem được chụp nhanh tại cơ sở chứa đồ cho những thành viên của bộ lạc tại Arizona. Anh ta thông báo cho Benny rằng vị thủ lĩnh của bộ lạc đã khẳng định với sự chắc chắn gần như tuyệt đối rằng cây cột là của họ. “Và có khoảng... mười người da đỏ như thế này còn lại trên thế giới,” Benny nói. “Tôi đang cường điệu lên, nhưng cũng chỉ xấp xỉ như thế thôi. Và họ không thể làm được những thứ này nữa - không phải như trước kia họ từng làm. Điều đó giải thích tại sao giá tiền lại cao thế. Nó là thứ không thể thay thế được.” “Làm thế nào,” Marcia nói, “mà Brizz lại có được nó nhỉ?” “Câu hỏi trị giá sáu mươi nghìn đô la đây,” Benny trả lời. “Hoặc tại sao lão ấy không bán nó đi khi lão cần tiền? Tôi không biết - và tôi không biết tại sao lão để lại nó cho tôi mà không phải là bất kỳ ai khác. Vì không biết là tại sao, tôi mới phải giữ rịt lấy nó. Nhưng bây giờ, tôi không nghĩ tôi có nhiều lựa chọn ngoài việc trả nó lại cho họ, một khi đã biết họ chỉ còn sót lại không được bao nhiêu người.” “Có thể đó là lý do *tại sao* ông ấy để lại nó cho anh, Benny - vì ông ấy biết anh sẽ tìm đúng người để trao lại nó.” “Có thể,” Benny nói. “Nhưng có một điều tôi nói với những người da đỏ đó, tôi sẽ không trả tiền cho việc vận chuyển và bảo quản. Đó là việc của các ông.” “Anh đã nói chuyện với họ?” “Qua điện thoại,” anh ta nói. “Nhân tiện, tôi đã định nói với cô. Tôi thích mái tóc mới của cô.”

Ngay lập tức cô ta quay ngoắt đi khỏi anh ta và bàn tay cô ta đưa lên chào đón mái tóc của mình với một cử chỉ then thừng và ngượng ngập, như thể cô ta đang cố giấu nó khỏi anh ta. “Đừng có nói chuyện về tóc của tôi ngay lúc này,” cô ta nói.

“Tại sao lại không?”



“Bởi vì như thế thật là ngớ ngẩn. Chúng ta đang nói về chuyện khác cơ mà.”

“Cô không thích nó à?” anh ta hỏi.

Cô ta quay về phía bức tường đối diện, như thể trông đợi một chiếc gương ở đó, một thứ phản chiếu để tự ngắm mình trong đó. “Tôi không biết,” cô ta nói. “Chúng ta đừng nói về nó nữa.”

“Tôi nghĩ đây là kiểu tóc rất cập nhật,” anh ta nói.

Cô ta quay ngoắt lại nhìn anh ta. “Cập nhật?” cô ta nói. “Thế có nghĩa là thế quái nào?”

“Không, ý tôi chỉ là...”

“Nói câu đó nghe đúng là phát tởm,” cô ta nói.

“Không...”

“Tôi hoàn toàn không hiểu nói thế có nghĩa là thế quái gì,” cô ta nói, “nhưng nghe thật là phát tởm.”

“Không, tôi chỉ định nói là tôi thích nó.”

“Cập nhật,” cô ta nói. “Anh không được nói ‘cập nhật’. Benny ạ. Đó là từ rất sai.”

Không! Không! Anh ta đã cố gắng nói câu đó sao cho thật đúng! Anh ta đã cân nhắc những lựa chọn khác, những cách diễn đạt thay thế, nhưng anh

ta cứ tưởng câu mình chọn dùng đã là hoàn hảo rồi. Anh ta đã tập nói thử hết lần này đến lần khác, cố làm ra vẻ tình cờ trong giọng nói của mình, rồi chờ đợi đến thời điểm chính xác - *ấy thế mà vẫn hồng bét!* Có thể lẽ ra anh ta phải nhờ một tay copywriter thẩm định trước mới phải.

Ngay cả với những ý định tốt đẹp nhất, ta vẫn không thể nào tránh được việc làm phật ý nhau. Chúng tôi khổ sở vì vô số những cuộc đấu khẩu vụn vặt mà chúng tôi dây dưa vào ngày này sang ngày khác. Chúng tôi đâu có nghĩ, từ ngữ cứ thế buột ra khỏi miệng chúng tôi - sỗ tung lông, không nghĩ ngợi - và rồi ngay sau đó chúng tôi nhận ra mình vừa làm phật lòng ai đó bằng một câu nói hồn nhiên và vô tội. Có thể chúng tôi đã ám chỉ rằng ai đó béo, hoặc đầu óc đơn giản, hay xấu phát tởm. Phần lớn thời gian chúng tôi cảm thấy đúng là như vậy. Chúng tôi làm việc với một số người béo ú, đơn điệu, và cả người xấu phát tởm cũng bước lẫn giữa chúng tôi nữa. Nhưng thề có Chúa, chúng tôi muốn giữ im lặng về điều đó. Nếu như phần lớn chúng tôi chỉ bận tâm đến việc sống sót qua một ngày nữa mà không bị đuổi việc, thì cũng có một phần nhỏ hơn hy vọng buổi tối về nhà mà không đóng góp gì vào nỗi tổn thương cả đời của một ai đó. Ấy thế mà có những người, như Marcia, có khả năng biến ngay cả một câu khen ngợi thành một lời xúc phạm, bắt chúng tôi (đặc biệt là Benny) phải quỳ gối thành thử ra cách duy nhất để chiến thắng là giữ im lặng, im lặng tuyệt đối - trừ phi, tất nhiên, cơ hội tự nó xuất hiện để nhuộm đỏ một miếng da đầu và đặt trên bàn làm việc của Benny.

“Tôi xin lỗi nếu tôi làm cô phật ý,” Benny nói. “Tôi chỉ đang cố nói rằng trông nó rất đẹp.”

“Không, tôi xin lỗi,” cô ta nói. “Tôi không quen được khen cho lắm. Vừa rồi tôi có quá cay nghiệt với anh không?”

“Không, không, hoàn toàn không,” anh ta trấn an cô ta.

Đột nhiên Genevieve đang đứng ở cửa phòng anh ta. Benny im bật. Marcia nhận ra sự chú ý của anh ta bị chuyển hướng nên quay lại và cũng nhìn thấy Genevieve.

“Marcia, tớ có thể nói chuyện với cậu được không?”

Nói thế xong, Genevieve biến mất. Marcia quay lại nhìn Benny. “Chắc chắn rồi,” cô ta vừa gọi với theo, vừa vội vàng đứng lên. Benny chưa bao giờ thấy mắt Marcia mở to đến thế.

“Benny,” cô ta thì thầm.

“Đi đi,” anh ta nói.

Khi Marcia đi khỏi, Benny gọi Jim để cho anh ta biết tin nhưng Jim không nhắc máy. Anh ta đứng lên và bước ra ngoài hành lang. Mọi thứ đều yên lặng. Anh ta bước trở vào trong và gọi thêm một cú điện thoại nữa cho Jim, vẫn không thấy trả lời. Anh ta lại quay ra ngoài hành lang. Mọi thứ đều tĩnh lặng và trống trải. Những cái cây giả to lớn đứng không lay động ở cả hai đầu hành lang, và trên những bức tường giữa các ngưỡng cửa vẫn treo tất cả những giải quảng cáo trong quá khứ của công ty, phủ bụi. Anh ta quay vào và gọi cho Jim lần thứ ba. Sau đó anh ta gửi email cho Jim và bảo anh ta nghe thư thoại của mình. Anh ta dành cả hai phút chờ thư trả lời tại bàn làm việc của mình trước khi quyết định đi lùng kiếm Jim. Anh ta quay trở ra hành lang, nhưng anh ta dừng lại khi nhìn thấy Karen Woo đang đi tới. Anh ta không hề có ham muốn được là người cho Karen biết rằng Genevieve vừa ra khỏi phòng làm việc của Lynn. Cô ta sẽ chỉ tung hê cái tin đó ra khắp nơi. Vì thế anh ta hờ hững giơ tay lên nắm lấy gờ trên cùng của ngưỡng cửa, như thể anh ta chỉ đang thờ thần, vờn vai thả lỏng. Karen lại gần hơn, và anh ta nghĩ có thể họ chỉ chào hỏi nhau không hơn. Với lại,

cô ta không hề có vẻ định dừng lại tán chuyện, đúng là nhẹ cả người. Cô ta chỉ nói, “Hóa ra rốt cuộc Lynn chẳng hề bị ung thư gì hết,” và rồi cô ta đi qua và biến mất phía cuối hành lang.

Marcia đứng dựa lưng vào cánh cửa đóng kín trong phòng làm việc của Genevieve trong khi Genevieve đi đi lại lại phía sau bàn, thỉnh thoảng lại dừng lại để túm lấy lưng ghế của mình, như thể để bóp nghẹt nó.

Mọi chuyện rất đơn giản. Lynn ngồi xuống sau bàn làm việc của mình và câu hỏi về việc bắt đầu từ chỗ nào, làm thế nào để đề cập đến chủ đề này, trốn tiết hoàn toàn khỏi Genevieve. May sao Joe bắt đầu cất tiếng. Cô không thể nhớ nổi chính xác thì Joe đã nói gì, nhưng anh ta rất thẳng thắn. Genevieve thấy hồi hộp. Cô phải tự nhắc nhở mình lý do tại sao cô lại ở đây. Con người này người có khả năng thống trị hoàn toàn mọi khía cạnh của cuộc sống - người *toát* ra sự thống trị - thực sự lại đang rất ốm yếu bên trong, và yếu ớt, và đang cần sự can thiệp, cho dù sự can thiệp đó xuất phát từ một người cấp dưới nhất sợ đang ngồi như phỗng bên cạnh Joe. Nếu cô không giữ ý nghĩ đó trong đầu, hẳn cô đã phải xin phép ra ngoài vì quá hồi hộp. Joe nói, đại ý, rằng một tin đồn đã phát sinh, anh ta không biết là từ đâu, rằng chị đã được chẩn đoán mắc bệnh ung thư. Bình thường thì anh ta chẳng thèm đếm xỉa mấy đến những tin đồn, nhưng anh ta hy vọng chị sẽ hiểu tại sao lại anh ta phải bận tâm đến tin đồn khẳng định rằng chị không khỏe. Có sự quả quyết ở một số cá nhân cụ thể rằng một ca phẫu thuật quan trọng đã được lên lịch cho ngày hôm qua, nhưng chị đã bỏ qua nó. Có lẽ là cố tình. Nỗi ác cảm của chị với bệnh viện - điều đã trở thành thực tế nhiều người biết - có thể giải thích tại sao. Anh ta nói đến đó - và rồi anh ta nhớ ra Genevieve và quay sang cô. “Hai chúng tôi ở đây,” anh ta nói, quay người lại nhìn Lynn, “để cho chị biết rằng những tin đồn đó đang ở ngoài kia, chúng đang lan truyền khắp nơi, tôi không biết là chính xác đến mức

độ nào, nhưng nếu có điều gì đó chúng tôi có thể làm cho chị, nếu chúng tôi có thể giúp chị theo cách nào đó...”

“Joe, cuối cùng thì họ cũng dụ được cậu tin vào nó à?” chị hỏi anh ta.

Nó? Cụ thể thì chị đang ám chỉ đến điều gì, Genevieve băn khoăn. Trong khi Joe đang nói, nụ cười tinh quái mà Lynn thỉnh thoảng vẫn mang để diễn tả sự hoài nghi hoặc ngờ ngàng hiện lên trên mặt chị. Chắc chắn cả Joe cũng đã nhận ra điều đó. Tuy nhiên anh ta vẫn không nhụt chí. Genevieve không biết anh ta tìm đâu ra ý chí để tiếp tục trong khi Lynn đang nhìn anh ta kiểu đó. Anh ta dừng lại trong giây lát khi chị ngắt lời để hỏi liệu có phải anh ta cũng bị dụ khi không, nhưng rồi một điều thực sự phi thường xảy ra. Anh ta không chịu buông.

“Không, tôi không nghĩ tôi đã bị dụ khi vào bất kỳ điều gì,” anh ta trả lời. “Tôi không ở đây để đại diện cho họ. Tôi ở đây vì bản thân mình - và Genevieve - vì tôi tin là có thể có điều gì đó không ổn với chị.”

“Chẳng có gì là không ổn với tôi cả,” chị vừa thản nhiên nói vừa kéo vào tay mình một cái rọc phong bì bằng bạc có hình dáng của một con dao găm nhỏ.

“Rằng có thể chị bị bệnh,” anh ta tiếp tục - Genevieve không biết thế nào hoặc tại sao, cô muốn anh ta dừng lại - “nhưng vì nỗi sợ hãi của mình, chị đang không chịu để bản thân mình được chăm sóc một cách thích hợp.”

“Chẳng có gì không ổn với tôi cả,” chị nhắc lại.

Joe im lặng. Genevieve đã sẵn sàng để đi ra. Được rồi, Joe, chị ấy không sao cả - chúng ta đi thôi. “Một người với nỗi sợ hãi thực sự,” anh ta tiếp tục, chậm rãi, không hề lo lắng mà rất kiên nhẫn, như thể đang cố dỗ dành

điều gì đó từ chị, “một người bị tê liệt vì sợ hãi, sẽ nói rằng họ không bị bệnh, nếu điều đó có nghĩa là họ có thể tiếp tục cuộc sống của mình mà không phải đối mặt với nỗi sợ đó.”

Lynn bật ra một tiếng cười khan miễn cưỡng, không chút gì là hài hước. “Tôi xin lỗi, Joe,” chị nói. “Bạn tiếp cận được hồ sơ y tế của tôi à?”

“Không.”

“Không,” chị nói, “không, tôi không nghĩ vậy.”

“Không, đây hoàn toàn là phỏng đoán thôi, Lynn,” anh ta tiếp tục, và đến lúc đó, Genevieve cảm thấy nhu cầu bức thiết về việc bằng cách nào đó phải giữ khoảng cách với Joe. Không ồm mà, Joe! Làm ơn đừng nói nữa! “Sự phỏng đoán có lẽ không có cơ sở cho lắm,” anh ta tiếp tục. “Nhưng nếu chị bị ốm, và sợ hãi, và tự tách mình khỏi sự chăm sóc về y tế...”

“Đó là một cái nốt ruồi,” chị nói.

Toàn bộ vẻ sừng sốt tuột khỏi mặt chị. Lúc này chị mang một vẻ mặt bất động, lạnh băng, vẻ mặt *công việc*, để nói, một cách thẳng toẹt, rằng đây không phải là việc của cậu. “Đó là một cái bướu mà họ sợ là ung thư, và tôi đã cho thay đổi buổi hẹn, nếu như cậu nhất định phải biết, vì sự gấp rút của các thương vụ mới. Genevieve,” chị vừa nói vừa liếc xuống nhìn con dao rọc thư mà chị vẫn gại gại trong lúc Joe nói, “cô có thể thứ lỗi cho Joe và tôi được không?” Khi chị ngẩng lên nhìn Genevieve, Genevieve nói tất nhiên rồi và rời khỏi căn phòng yên lặng rồi đóng cửa lại sau lưng mình.

“Một cái nốt ruồi?” Marcia nói. “Suốt từ đầu đến giờ chỉ là một cái nốt ruồi sao?”

Sau khi Marcia đi khỏi chúng tôi nghe Genevieve nói chuyện trên điện thoại với chồng mình, hét lên với anh ta, mặc dù anh ta chẳng hề làm gì cả, khổ thân thằng cha. Nhưng việc ai đó ở đâu đó đã làm điều gì đó sai lầm khủng khiếp, thì cô chắc như đinh đóng cột. Cô biết mình đang tức giận. Cô biết mình phải làm điều gì đó đối với ai đó. Cô chỉ không biết chính xác là việc gì.

“Đó là ai?” cô gắng hỏi chúng tôi. “Ai là người đầu tiên nói là ung thư?” Chúng tôi cố gắng nói với cô, Genevieve, không ai biết là ai cả. Có lẽ sẽ chẳng ai biết được đó là ai nữa. “Hừm, vậy thì ai đã lan truyền nó?” cô gầm thét. “Ai chịu trách nhiệm phát tán nó?” Cô ở cùng với chúng tôi hôm qua khi chúng ta cố tìm ra người đó còn gì, chúng tôi nhắc cô, và cô cũng biết giống như chúng tôi rằng hầu như không thể nào biết được ai đã lan truyền cái tin đó. “Thế thì ai nghĩ ra cái ý tưởng cử Joe vào trong đó?” cô hỏi. “Có phải đây chỉ là một trò chơi xỏ tinh vi để chơi Joe không?” Hừm, nói thế đúng thật là điên rồ, và chúng tôi bảo với cô như vậy - một cách tế nhị, và với không nhiều từ cho lắm, bởi vì đến lúc này cô đã lên cơn điên lắm rồi. “Tại sao tôi lại dây vào chứ?” cô hỏi. “Làm thế nào mà tôi lại để cho mình dính dáng vào vụ này?” Giờ thì cô đang tự nói với chính mình, và chúng tôi không có câu trả lời nào cho cô. Cô giơ hai tay lên và rời khỏi phòng làm việc của chúng tôi.

Chúng tôi nghĩ Joe Pope xử lý toàn bộ vấn đề một cách bình thản. Đến một lúc, Jim Jackers gọi với ra khi Joe đi qua ô cửa của anh ta. Họ không hề nói một lời nào về Lynn Mason. Jim chỉ muốn biết liệu có đúng là những quảng cáo cho bệnh nhân ung thư vú bây giờ được viết bằng tiếng Tây Ban Nha không. “Có phải như thế có nghĩa là chúng ta sắp sửa hưởng thông điệp của mình tới một thị trường La tinh không?” anh ta hỏi.

“Đây là lần đầu tiên tôi nghe nói về điều đó,” Joe trả lời. “Tôi sẽ rất lấy làm ngạc nhiên nếu như đó là sự thật. Ai đưa cho anh thông tin đó?”

“Tôi nghĩ họ đang giờ trò chơi xỏ tôi,” Jim nói.

“Tôi sẽ xem đó là một trò đùa,” Joe nói. Suýt nữa thì nó trở thành trò đùa buồn cười nhất từ trước tới giờ.

Cuối buổi chiều, Genevieve gửi cho chúng tôi một bức email theo nhóm - danh sách người nhận dài cả gang tay - lên án những “chiến thuật” của chúng tôi, những “tình cảm giả dối” của chúng tôi. Chúng tôi thật “đáng khinh” và “ngu ngốc”. Chúng tôi đã bị “dắt mũi” để “gài Joe”. Đúng là lỗ bịch - vì chúng tôi đời nào lại cho phép ai dắt mũi mình chứ? Cô ta tưởng tượng ra một âm mưu mới thật tinh vi và ghê gớm làm sao. Cô không bao giờ dùng cái từ đó, nhưng đâu có khó gì mà không luận ra được. Làm sao đó có thể là một âm mưu được? Chẳng lẽ ai đó - ví dụ như Karen Woo - lại nham hiểm, xảo quyệt, có khả năng thao túng hoàn cảnh đến mức có thể thực hiện trót lọt một cách tinh vi một âm mưu quỷ quyệt tột bậc nhường ấy, bằng cách phát tán một tin đồn lạng lạng nhưng đồng thời cũng vô cùng đáng tin, và rồi xào xáo cuộc nói chuyện mà cô ta đã có trên điện thoại với người y tá ở bệnh viện Northwestern để đóng dấu xác thực cho những lời dối trá của mình và đưa gã giơ đầu chịu báng kia vào tròng? Chẳng phải nói như thế là hơi quá đáng sao, cho dù không ai trong chúng tôi thực sự nghe thấy người y tá đã nói gì - hoặc không ai có thể khẳng định rằng thậm chí liệu có tồn tại một người y tá ở đâu kia không nữa? Mà cô ta có thể hy vọng gây ra được tổn hại thực sự nào cơ chứ? Đây đâu phải là, đúng như chỉ có Hank mới diễn tả được, “vụ người Moor<sup>[39]</sup> mồ hôi nhễ nhại giết nàng Desdemona”. Không thể nào, chúng tôi nghĩ, không thể nào lại là Karen Woo. Nếu như cô ta thực sự muốn chơi Joe một ván, chúng tôi dành cho cô ta đủ lời tán thưởng để hút sạch máu gã khốn kiếp đó. Với lại, Genevieve phải đối mặt với sự thật chứ. Một âm mưu là điều không thể chứng minh được. Cùng lắm thì bất cứ ai cũng chỉ nói được rằng kiểu nó là như thế đấy,



ở đây hoặc ở bất kỳ đâu. Sai lầm phạm xong. Trách nhiệm giải trình biến mất tiêu.

“Tôi XONG nhé,” cô kết luận trong bức email của mình, và bắt tay vào liệt kê tất cả những việc mà cô sẽ không còn làm cùng chúng tôi trong tương lai nữa. Ăn trưa và những chiều bù khú sau giờ làm, chủ yếu là thế. Trước kia chúng tôi cũng đã nghe câu này rồi. Chúng tôi tự hỏi lần này nó sẽ kéo dài được bao lâu.

### 3

Đăng ký truyền hình cáp - Lynn quên mất - Quay lại quảng cáo gây quỹ - Roland gọi cho Benny - Một số phận mơ hồ - Bữa trưa của Andy Smeejack - Điều tuyệt vời ở một cái nòng giảm thanh - Amber nổi điên - Carl hát - Một câu hỏi về lòng can đảm - Tiết lộ của Larry - Carl phát hoảng - Một cuộc trò chuyện về công việc - Mớ bong bóng bắt đầu - Điều tốt đẹp nhất của Chicago

Sự thật rằng Lynn Mason đúng là bị ung thư vú cuối cùng cũng lộ ra. Đến lúc đó nó không còn là một chủ đề phỏng đoán của chúng tôi nữa. Chúng tôi đã chuyển tiếp sang, hoặc đúng hơn là quay trở lại, câu hỏi về việc ai sẽ là người tiếp theo phải ra đi. Suốt cả buổi sáng sau cơn tam bành của Genevieve, khi chúng tôi tỉnh dậy ở khắp thành phố và khu vực đô thị rộng lớn hơn, chúng tôi vẫn không có ý tưởng nào cho dự án từ thiện.

Chúng tôi không bỏ cuộc hoàn toàn. Nếu như không có gì đến với chúng tôi trong khoảng thời gian giữa lúc thức dậy và ra về, chúng tôi vẫn còn hành trình đến chỗ làm và cuộc thang máy. Chúng tôi có cà phê ở bàn làm việc và cú huých hóa học về sự khai sáng mà nó hứa hẹn. Điều gì khiến họ cười được nhỉ? Đau ốm, nôn mửa, chuẩn bị mổ rồi bị khâu vá và chịu se, chất độc, bị chiếu tia xạ - điều gì khiến họ cười được? Có gì là buồn cười ở sự dặt dẹo và bất hạnh, ở việc lê bước về nhà để chờ đợi tin xấu, ở việc phải đi lại bằng xe lăn với một cái cọc truyền tĩnh mạch? Có gì là chọc cười

ở khả năng đối mặt với cái chết - một cái chết hoàn toàn bình thường và chính vì thế lại càng không thể nào tránh khỏi.

Chúng tôi họp tại phòng làm việc của Lynn vào thời gian đã sắp xếp. Cảm giác sợ hãi hiện hữu sờ sờ. Chúng tôi thấy phòng làm việc của chị sạch sẽ và ngăn nắp. Chị đang ngồi sau bàn, kiểm tra ngăn kéo giữa tìm những thứ nên được tổng vào thùng rác. Chị im lặng ra hiệu cho chúng tôi vào, vì chị đang có điện thoại. Chị thử một cây bút bi không có tí mực nào và thế là chị quăng nó đi. Chúng tôi ngồi vào ghế của mình, những tên tội phạm trên xe ngựa chờ đến lượt lên đoạn đầu đài.

“Tôi không thể nào tin nổi việc bố trí cho một nhân viên truyền hình cáp đến nhà mình lại khó khăn đến thế,” chị nói, sau khi gác máy. “Kể cũng ngạc nhiên là có người vẫn có truyền hình cáp cơ đấy. Các cậu có truyền hình cáp không?” chị hỏi.

Chúng tôi đều nói là chúng tôi có.

“Vậy là có người phải ở nhà một ngày,” chị nói, “để đợi tay nhân viên truyền hình cáp đến?”

Chúng tôi không biết chắc phải trả lời câu đó như thế nào. Một câu trả lời trung thực sẽ làm lộ rằng đã có một ngày trong quá khứ đen tối chúng tôi đã nghỉ buổi sáng để ở nhà đợi nhân viên truyền hình cáp thay vì đến chỗ làm. Chúng tôi không muốn chị nghĩ rằng chúng tôi lại đi chọn truyền hình cáp thay vì công việc. Công việc mới là thứ cho phép chúng tôi có đủ tiền xài truyền hình cáp. Mặt khác, có những khi chúng tôi trở về nhà và thực sự cần được thư giãn với chút truyền hình cáp, và những buổi tối đó nhắc chúng tôi nhận ra rằng chúng tôi sẵn sàng giả bị cúm để nghỉ trọn vẹn một tuần nếu như quãng thời gian đó là cần thiết để có truyền hình cáp.

“Tôi chỉ đang nói là phải có cách nào đó dễ dàng hơn,” chị nói. “Họ không thể bắt người ta phải chờ ở nhà vào một ngày thứ Ba từ mười giờ đến hai giờ để nhân viên truyền hình cấp đến được, đúng không nào?”

“Họ nắm mình đăng bi mà,” Jim Jackers nói.

Với Lynn mà hẳn nói thế. Đúng là kinh khủng. Chúng tôi cau mày chết thôi.

“Đúng là họ nắm mình đăng bi,” Lynn đồng tình.

“Chị chưa có truyền hình cáp ở nhà cơ à, Lynn?” Benny Shassburger hỏi.

“Ăng ten tai thỏ thôi,” chị nói. “Thê thảm, tôi biết. Nhưng tôi có được xem *The Simpsons* chiếu lại.”

Chúng tôi ngạc nhiên là Lynn lại xem *The Simpsons*. Không ai ngạc nhiên hơn Benny, người hỏi chị tập ưa thích của chị là tập nào. Chị có câu trả lời cho anh ta ngay lập tức. Nó khác với tập của Benny, mặc dù mỗi người trong họ đều biết và tôn trọng tập ưa thích của người kia. Ngay sau đó họ bắt đầu trích dẫn những câu thoại. Nghe Lynn Mason trích dẫn Homer Simpson đúng là choáng. Nhưng choáng hơn cả là câu nói của Amber khi cô ta ngắt lời họ.

“Tôi sẽ ở nhà đợi nhân viên truyền hình cáp hộ chị,” cô ta nói.

Lynn nhìn cô ta. “Tôi xin lỗi?”

“Nếu chị cần,” cô ta nói. “Tôi sẽ qua nhà đợi anh ta.”

Lynn bật cười, nhưng không phải là theo kiểu cười nhạt. Đó là biểu hiện ngạc nhiên một cách dịu dàng. “Không cần đâu,” chị nói. “Tôi sẽ tìm được cách xoay sở. Có thể người gác cửa chỗ tôi sẽ cho anh ta vào.”

Nỗi thông cảm của Amber dành cho Lynn trong những ngày chúng tôi tin là chị bị ung thư đã ăn sâu vào trong tâm khảm cô ta đến mức ngay cả bây giờ, khi mà tin đồn đó đã bị cho nghỉ, cô ta vẫn xem Lynn như một người bệnh tật đang cần được giúp đỡ. Đúng thật là lối bịch và cảm động. Lynn thay đổi chủ đề.

“Xin lỗi, mà các cậu lại đến đây làm gì ấy nhỉ?” chị hỏi. “Chúng ta có một cuộc họp à?”

Tất cả chúng tôi đều quay sang Joe Pope. Anh ta nhắc chị rằng chị đã yêu cầu xem những ý tưởng cho quảng cáo từ thiện...

“Ôi, chết tiệt,” chị ngắt lời. “Hôm nay đúng không?”

Anh ta gật đầu.

Lynn đặt đầu ngón tay lên hai thái dương. “Joe, chuyện đó hoàn toàn lọt khỏi tâm trí tôi.” Chị lắc đầu. Chị nhìn quanh. “Tôi xin lỗi, các bạn. Đầu óc tôi hoàn toàn tập trung vào thương vụ mới này.”

“Chúng tôi có nên quay lại không?” anh ta hỏi.

Cùng một lúc tất cả chúng tôi đều đổ sụp xuống mặt thảm cứng và bắt đầu cầu nguyện. Chúng tôi ngã rạp mình trước mặt chị, cái bản thân thảm hại và không xứng đáng của chúng tôi, và cầu xin lòng thương hại. *Thêm thời gian - xin hãy cho chúng tôi thêm thời gian!* Chúng tôi phải nói: rằng

chúng tôi là một lũ người thấp hèn, nhát gan, không xương sống. Trên thực tế chúng tôi chỉ ngồi hoàn toàn lặng yên, im lặng nín thở.

“Không, không,” chị nói. “Cho tôi xem những gì các cậu có.”

“Ừm,” anh ta nói, “sau thay đổi đưa tới từ khách hàng...”

“Thay đổi?” chị nói. “Thay đổi gì nhỉ?”

“Bức email mà chị chuyển tiếp cho tôi đấy?”

“À, đúng rồi,” chị nói. “Nhắc tôi xem nào?”

*Nhắc tôi xem nào?* Chuyện quái quỷ gì đang diễn ra ở đây thế này? Chúng tôi đã mất hết giờ này sang giờ khác phỏng đoán về bản chất của cái dự án từ thiện này, vậy mà chị không hề có vẻ gì là nhớ được lấy một chút nào về nó cả. Vậy là Joe giải thích sự thay đổi, cũng như những khó khăn mà chúng tôi đang phải đương đầu. Anh ta còn đi xa đến mức gợi ý rằng điều mà khách hàng giờ đây yêu cầu có thể là không thể nào thực hiện được, nhưng nếu như chúng tôi bắt buộc phải thực hiện nó, chắc chắn chúng tôi sẽ cần có thêm thời gian.

“Hừm, thời gian chính là thứ mà chúng ta không còn nữa,” chị nói. “Ưu tiên hàng đầu của chúng ta là giành được hợp đồng mới này cho công ty. Chúng ta không thể tốn thêm chút thời gian nào vào công việc từ thiện nữa.”

Chị hỏi chúng tôi xem chúng tôi đã nghĩ ra được ý tưởng nào cho quảng cáo gây quỹ chưa. Tất cả chúng tôi đều bảo là rồi.

“Thế thì mang chúng đến cho tôi,” chị nói. “Đó là những gì họ muốn lúc đầu, đó là thứ mà họ sẽ nhận được.”

Thế là chúng tôi rời khỏi phòng làm việc của chị để về lấy những ý tưởng gây quỹ của mình. Khi chúng tôi quay lại, chị xem qua và, cuối cùng, chọn chiến dịch “Những người thân yêu” của Karen Woo. Thật phát tởm khi quay sang nhìn thấy khuôn mặt của Karen đúng lúc đó. Lynn bảo Karen chuyển tiếp chúng cho chị. Chị sẽ tự mình chuyển chúng sang định dạng PDF cho khách hàng. “Và nếu như họ không thích chúng,” chị kết luận, “họ có thể tìm một công ty khác. Vì ngay lúc này, chúng ta có một con cá to hơn để rán.”

“Lynn,” Karen nói. “Tại sao tôi không thể tìm được sự hiện hữu nào của cái Liên minh Chống Ung thư Vú này trên Internet?”

“Karen,” Joe nói.

“Cảm ơn tất cả mọi người vì đã vất vả,” Lynn nói.

Và thế là cái dự án không công của chúng tôi chấm dứt.

Vì thương vụ mới, chúng tôi không có nhiều cơ hội để bàn tán về động thái bất ngờ này. Chúng tôi có một cuộc họp triển khai công việc vào giữa buổi sáng trong đó chúng tôi thảo luận về khách hàng sản xuất nước uống chứa caffein và yêu cầu của họ. Ngay sau đó chúng tôi có một cuộc họp triển khai công việc khác để bàn chi tiết về những yêu cầu sáng tạo của nhà sản xuất giày chạy bộ. Chúng tôi đều biết tầm quan trọng của việc giành được hợp đồng mới, vì thế sau những cuộc họp này chúng tôi quay về bàn làm việc của mình và bắt đầu động não.

Thành thử cả văn phòng đang đông đủ khi mà, gần trưa, Benny nhận được một cú điện thoại của Roland. Roland đang trực ở quầy trước dưới sảnh, xong một nửa ca đúp. Benny đã để ý rằng vào những ngày Roland trực ca đúp, mắt bác ta đờ đẫn, đỏ ngầu, lúc nào cũng chỉ chực nhắm tịt lại, thành thử cứ ba mươi giây bác ta lại ngáp một cái, hất cái mặt dài, há hốc miệng như một con chó sói đang tru mặt trăng, và thỉnh thoảng bác ta lại lén tót lên tầng năm mươi chín đánh một giấc hai mươi phút. Đây là công việc sau khi nghỉ hưu của Roland để bác ta có thể bổ sung vào An sinh Xã hội của mình. Ai lại đi hoạnh hợ bác ta vì hai mươi phút chứ? Theo như Benny, những giấc chợp mắt đó là cực kỳ cần thiết. “Một thứ Sáu,” có lần Benny kể với chúng tôi, “bác ta cứ gọi tôi là Brice. Tôi không nói gì vì tôi biết là bác ta biết tên tôi và tôi không muốn làm bác ta xấu hổ, nhưng Brice là sao? Tại sao lại là Brice?” Jim Jackers gợi ý “Lenny” thì có lẽ còn hợp lý, hoặc thậm chí là “Timmy”. “Timmy thì còn có lý hơn là Brice,” Jim nói. “Ít nhất nó còn vần với Benny.” “Jim, Nancy cũng còn có lý hơn là Brice đấy,” Benny nói. “Ai lại gọi người khác là Brice chứ? Dù sao đi nữa tôi cũng không nói gì với bác ta, và đến thứ Hai thì bác ta lại gọi tôi là Benny. Chính là những vụ trực đúp này đấy, bồ ạ. Chúng làm đầu óc bác ta lú lẫn.”

Khi Benny nhắc điện thoại lên, Roland bảo anh ta rằng bác ta tin là Tom Mota có thể đang ở trong tòa nhà. “Và có thể anh ta vừa mới vào thang máy,” bác ta nói thêm. “Bác bảo có thể nghĩa là thế nào?” Benny hỏi. Sau đó khi kể lại câu chuyện, Benny nghĩ hoàn toàn có thể là bác già kia đã gặp ảo giác, vì hôm đó là một ngày thứ Sáu và bác ta đang ở khúc cuối của một ca trực đúp. “Điều gì khiến bác nghĩ đó thậm chí chính là Tom cơ chứ?” anh ta hỏi. Nhưng thay vì nghe câu trả lời của Roland, trong đầu anh ta, Benny nghe thấy Amber. Một lần nữa anh ta xem những điếm báo của cô ta về sự quay trở lại của Tom là nỗi lo lắng của một người ru rú xó nhà sợ sệt. Anh ta tin tưởng vào những bản năng tốt đẹp hơn của Tom và không nghiêng về hướng nghĩ rằng có bất kỳ ai lại đang gặp bất kỳ mối nguy hiểm



trực tiếp nào. Nhưng bất kể anh ta có cảm thấy như thế nào, nếu như Tom thực sự trở lại, một số người kiểu gì chẳng muốn biết. Cũng còn có khả năng là Benny chẳng biết gì hết về những bản năng tốt hơn của Tom. “Tại sao bác lại gọi cho tôi về chuyện này?” Benny bất ngờ ngắt lời Roland đang nói dở dang.

“... và bảo anh ta có một gói bưu phẩm cần giao,” Roland nói tiếp, “thế là tôi để anh ta lên bằng thang máy nhanh. Vì tôi không thể nào liên lạc được với Boroshansky,” Roland nói thêm, không kịp trả lời câu hỏi của Benny, “và tôi nghĩ có người trên đó nên được biết về chuyện này.”

“Chờ đã, Roland - bác định nói là anh ta đã đến trước mặt bác, và bác nhìn thấy anh ta, vậy mà bác vẫn không thể chắc chắn đó chính là anh ta?”

“Vì đồ hóa trang!” Roland hét lên, tức tối.

“Đồ hóa trang nào?”

“Thế ra cậu chẳng nghe tôi nói gì cả à?”

Benny không hề nghe lấy một lời bác ta vừa nói. “Không,” anh ta nói. “Bác đang nói về chuyện gì vậy, đồ hóa trang?”

“Chờ một giây,” Roland nói. “Mike đang gọi trên bộ đàm.”

Benny chờ đợi. Anh ta đang chờ đợi cái gì nhỉ? Những chỉ thị từ một nhân viên bảo vệ mắt lơ đãng, không hề được đào tạo với chút năng khiếu tự nhiên nghèo nàn cho vị trí của mình, một nhòai vì một ca trực đúp. Việc khôn ngoan lúc này là gác máy. Anh ta chờ đợi. Roland quay trở lại.

“Benny? Đúng rồi, tôi Roland đây.”

“Hừm, thế bác còn là ai được nữa?” Benny sốt ruột trả lời.

“Mike nghĩ là cậu nên cảnh báo mọi người.”

Benny gác máy. Anh ta bước ra ngoài hành lang. Ở phía bên trái mình anh ta thoáng nhìn thấy Marcia, người đứng lúc đó đã đi đến cuối hành lang, và biến mất, không để lại gì ngoài những chiếc lá phủ bụi của cái cây cảnh giả trồng trong chậu rung rinh theo cô, nhưng anh ta bị thu hút bởi chuyển động ở bên phải mình. Hank cũng rẽ ở góc đối diện trong sự đồng bộ hóa hoàn hảo với Marcia và sau đó, cả anh ta, cũng biến mất vào trong phòng làm việc của mình. Còn lại Benny đứng nhìn cái cây trồng trong chậu khác, hình ảnh phản chiếu của cái cây mà anh ta vừa quay người đi khỏi. Trong một thoáng ngắn ngủi anh ta đứng như hóa đá, chính giữa cả hai cái cây, không biết phải làm gì.

Roland không thể nói chắc chắn rằng người đàn ông mà bác ta đã nhìn thấy chính là Tom, vì vậy Benny không thể nói chắc chắn rằng chính Tom đang đi lên theo thang máy cao tốc. Kể cả khi đó có là gã đi chăng nữa, Benny không thể nói rằng Tom có ý định gây nguy hiểm cho bất cứ ai. Bản năng của anh ta không mách bảo phải làm gì với những thông tin hạn chế mà anh ta có. Anh ta có nên bắt đầu hét lên không? Nằm co rúm dưới gầm bàn? Hay anh ta nên ra đứng cạnh thang máy và là người đầu tiên chào Tom? Trong khoảnh khắc ngắn ngủi đó, anh ta có cảm giác hành lang trống trải như sở hữu một trạng thái yên lặng đến ám ảnh tạo ra ấn tượng rằng suốt dọc gian sảnh, và suốt dọc những hành lang khác và nhánh của các hành lang cũng như lối đi giữa các ngăn làm việc, các văn phòng và vị trí làm việc bỗng chốc bị bỏ trống hoàn toàn, và rằng toàn bộ sự sống con người, náo nhiệt và đông đúc, vốn từng rì rầm ròi quang quác ròi sao chụp ròi nhập dữ liệu, đã chấm hết không hẹn ngày trở lại, và rằng tất cả những

ngày tháng trải qua ở đây, quãng thời gian phục vụ, tình thân ái mến thương, giờ lại là những vết thương của một số phận bất hạnh và vô định.

Khoảnh khắc ngay sau đó lại náo nhiệt với các hoạt động. Hank lại đi ra khỏi phòng làm việc của mình và biến mất quanh cái góc mà anh ta vừa từ đó xuất hiện, Marcia quay trở lại cái góc nơi cô ta vừa biến mất, và Reiser, cần chút giải lao ngoài hành lang, tập tễnh ra khỏi phòng làm việc của mình bên tay phải Benny. Reiser nắm cây gậy bóng chày Louisville Slugger mà anh ta vẫn để ở một góc phòng làm việc đập đập lên đế giày, như thể đang tiến về chốt nhà. Larry và Amber, ở phía bên kia của Benny, đột nhiên cũng tràn ra ngoài hành lang, cố gắng kiềm chế một trận bất hòa lặng lẽ, dữ dội đúng lúc Marcia tiến lại, buộc cô ta phải khẽ khàng đi qua giữa đôi tình nhân như thể đang cố tránh một quả mìn. Cô ta đang chuẩn bị đi qua Benny với không gì hơn ngoài một cái nhăn mặt khó chịu vì phải đi qua với tâm trạng khó xử đến thế ở văn phòng. Benny nghĩ khôn ngoan hơn cả là thì thầm thay vì hét rống lên, vì vậy rất tự nhiên anh ta vươn ra nắm lấy cánh tay Marcia. Cô ta đang mặc chiếc áo có mũ trùm đầu bằng cotton màu hồng mà cô ta vẫn mặc mỗi khi kêu ca là bị lạnh. Bên dưới nó, cánh tay cô ta mềm mại và mảnh dẻ với cảm giác thật dễ chịu trong tay anh ta.

“Marcia,” anh ta nói. “Tom Mota có thể vừa quay lại tòa nhà.”

Tom Mota đi thang máy qua tầng sáu mươi thẳng một mạch lên tầng sáu hai. Các tầng sáu mươi, sáu một, và sáu hai đều được nối bằng cầu thang bên trong, nên bất kỳ ai cũng có thể đi lại tự do giữa chúng. Không ai nhìn thấy Tom khi gã bước ra khỏi thang máy.

Chắc chắn gã đã đi thẳng và sau đó rẽ phải ở bức tường dẫn vào ngõ cụt ở trạm in. Gã đi tiếp cho đến khi tới điểm nối hành lang, cho phép gã có thể

đi một trong hai hướng. Gã chọn đi tiếp về bên trái, đi qua dãy phòng vệ sinh nam và nữ ở bên phải mình, rồi lại rẽ trái, và đi dọc theo hành lang đó, một bên được vây bởi những vách ngăn làm việc màu be và bên kia là những phòng làm việc có cửa sổ vốn được thềm khát bởi những người ngồi trong các ngăn làm việc màu be. Trên đầu gã những mảng trần xếp xen kẽ, hai tấm ốp màu trắng cho mỗi mảng đèn huỳnh quang. Tom tiếp tục bước trên lớp thảm màu be bên dưới chúng.

Andy Smeejack đang ngồi sau bàn của anh ta ở một trong những phòng có cửa sổ, cố gắng dùng những ngón tay chuối mẩn vụng về của mình để bóc vỏ quả trứng luộc kỹ. Andy ở bên Phòng Khách hàng. Đập trứng thì dễ thôi - anh ta cầm quả trứng như cầm một hòn đá bóng loáng và gõ nhẹ lên cạnh bàn của mình. Anh ta đã trải sẵn một cái khăn ăn ở dưới để hứng vỏ trứng, nhưng cái quả trứng cá biệt đó lại cứ bám víu chặt vào nhau như một tổ quốc bướng bỉnh, chớ che, và Andy buộc phải bắt tay vào phẫu thuật nó - có lẽ là một cảnh thật khôi hài, gã không lơ lộn ngọc ăn kiêng đang kiên nhẫn bóc vỏ bữa trưa đạm bạc đến tuyệt vọng và chán chường toàn tập của anh ta. Anh ta thậm chí còn đành lòng chịu mất một mẫu lòng trắng trứng cho mỗi mảnh vỏ trứng bé nhất. Thật không may, những ngón tay lóng ngóng của anh ta vốn chỉ lạnh lẽo hơn nhiều trong việc vồ lấy những chiếc bánh sandwich thịt bò Ý và bánh kẹp pho mát béo nhờn, và giờ đây những mảng lớn từ bữa trưa của anh ta đang bị lột bỏ trong cơn vội vàng, để lại cho anh ta một quả trứng nham nhở như mặt trăng sẫm màu vì cái lòng đỏ xám xịt bên trong. Cuối cùng khi anh ta ngẩng lên, nửa quả trứng vẫn còn đang nhét dở vào miệng, anh ta nhìn thấy gã hề đang đứng trong nỗi phi lý vừa sắc sảo vừa ma quái trên ngưỡng cửa phòng mình. Mặt gã hề sơn màu đỏ tươi, với một dải màu trắng rộng viền quanh miệng. Một quả bóng màu đỏ béo mập làm bằng bột biển gắn chặt vào mũi gã. Đầu gã là một mớ những lọn tóc hờn hờ màu cà rốt, và cái nơ bướm quá khổ của gã có sọc màu đỏ trắng. Gã mang dây đeo quần và mặc quần thùng thình màu xanh. Andy, ngừng hẳn việc nhai và không thể nói được nhiều với cái

miệng tọng đầy, nhìn sát hơn gã hề. Gã đang cầm một cái ba lô ở một tay, còn ở tay kia...

Tom và Andy từng có lần vướng vào một cuộc thi chửi nhau về một vụ truyền đạt sai dẫn đến bỏ lỡ một deadline quan trọng và cả hai người đều chưa bao giờ quên chuyện đó.

“Anh biết điều gì tuyệt vời ở một cái nòng giảm thanh không, Smeejack?” Tom vừa hỏi, vừa nâng khẩu súng lên. Gã bóp cò. “Nó giảm thanh,” gã nói.

“Ôi lạy Chúa tôi, ôi lạy Chúa tôi,” Amber nói đi nói lại. Cô ta đặt hai bàn tay lên cái bụng vẫn còn phẳng tẹt cùng tất cả những gì ngay lúc này đang lớn dần lên trong đó. Hai đầu gối mồm mồm của cô ta hơi khuyu xuống, và Larry phải vươn ra đỡ cô ta. “Amber,” anh ta nói. “Amber, chúng ta nên đi khỏi thôi. Chúng ta nên đi khỏi thôi, Amber.” Benny và Marcia nhìn nhau.

“Amber,” Benny nhắc lại, “tôi không biết chắc chắn liệu anh ta có ở trong tòa nhà hay không nữa, cô có hiểu không?”

“Ôi lạy Chúa tôi, ôi lạy Chúa tôi.”

Larry đang đỡ lấy cô ta bằng hai cánh tay. “Amber, chúng ta cứ đi khỏi đã, được không? Chúng ta không ở lại đây nữa.”

“Có lẽ cô ấy đang bị thờ đờn đấy,” Benny nói.

“Benny,” Marcia nói, “Joe kìa.”

Benny nhìn dọc theo hành lang đúng lúc Joe đang đi vào phòng làm việc của anh ta ở đầu kia, gần thang máy.

“Ôi lạy Chúa tôi, ôi lạy Chúa tôi.”

Nhịp rên hoảng loạn, nhòe lẫn trong nước mắt của cô ta nghe như thể cô ta đã phải chứng kiến cảnh bạo lực không thể nào diễn tả bằng lời.

“Larry, Marcia và tôi sẽ đi thông báo cho Joe,” Benny nói, “nên anh có trách nhiệm làm cho cô ấy bình tĩnh lại đi.”

“Thế anh nghĩ tôi đang cố làm cái gì đây?” Larry hỏi. “Amber, em có nghe Benny nói không nào? Em phải bình tĩnh lại. Chúng ta sẽ sử dụng thang bộ thoát hiểm, được chứ? Chúng ta cứ đi thang bộ thôi.”

Nhưng Amber không muốn đi thang bộ. Cô ta không muốn đi thang máy vì gã đang đi lên trong thang máy. Cô ta không muốn quay vào phòng làm việc của mình vì gã sẽ đi lùng cô ta trong phòng làm việc. Để đi bất kỳ đâu cô ta cũng phải đi bộ dọc hành lang, và hành lang là nơi tồi tệ nhất trong tất cả, vừa trống trải vừa không có gì che chắn và dễ bị tóm gọn, thành ra cô ta vẫn đứng chết lạng, cố gắng không khụy xuống, lắp bắp mãi không thôi, “Ôi lạy Chúa tôi, ôi lạy Chúa tôi,” trong khi những giọt nước mắt cứ tự động trào ra lăn chã một cách dễ dàng còn Larry thì cố gắng vỗ về cô ta, thuyết phục cô ta, đánh thức cô ta, lay chuyển cô ta - làm cách gì đó, bất kỳ cách gì, trước khi Tom Mota thò cái mặt của gã ra.

Benny và Marcia vội vã chạy tới phòng làm việc của Joe. Trong lúc họ còn phí thời gian với Amber, Joe đã lặn rời khỏi phòng.

Smeejack cúi xuống nhìn chiếc áo sơ mi thắt cà vạt kiểu cổ điển của mình ở chỗ anh ta vừa bị bắn và choáng váng bởi màu đỏ tươi và tốc độ lan đi nhanh chóng của nó cũng như cảm giác đau nhói bên dưới, và một cách ngẫu nhiên nó ùa về trong anh ta, ký ức sinh động về lần đi mua chiếc áo ở cửa hàng ngoại cỡ tại Fox Valley Mall, tiếng nhạc Muzak<sup>[40]</sup> và đài phun nước róc rách, rồi bông ngô và cái bánh quăn thừng nóng hổi mà anh ta ăn, và anh ta không thể ngăn nổi ý nghĩ, “Bữa ăn cuối cùng của mình là một quả trứng.” Rồi thành tiếng anh ta thốt lên, “Ôi. Mẹ kiếp.” Và một mẫu nhỏ lòng đỏ trứng bắn ra khỏi miệng anh ta.

Anh ta gọi số 911 và nhận ra rằng anh ta không thể thốt lên được thành lời. Anh ta khạc mạnh quả trứng ra khỏi miệng. “Xin gửi đến một xe cấp cứu,” anh ta nói. Sau đó anh ta bắt đầu òa khóc.

Nhưng đến lúc ấy thì Tom đã đi tiếp.

Carl Garbedian đang hát. Genevieve Latko-Devine chắc chắn về điều đó. Thực ra thì chắc chắn là ai đó đang hát, và từ chỗ ngồi trong phòng làm việc của mình trên tầng sáu mươi mốt, cô tin rằng nó đang phát ra từ phòng bên cạnh - đúng, từ phòng của Carl. Hát cơ đấy! Thực sự nó giống một tiếng ư ử chẳng theo giai điệu nào thì đúng hơn, và cô đã không nhận ra nó ngay lập tức, vì toàn bộ năng lượng và tâm trí của cô còn đang mài dũa cho việc nghĩ ra những ý tưởng quảng cáo nước uống chứa caffein. Nhưng đến một lúc thì tiếng vo ve đó cũng chạm đến giới hạn vành ngoài radar của cô, và cô nghĩ bụng, “Chẳng lẽ là Carl đang hát?” Thế là cô đứng lên khỏi bàn làm việc của mình, đi ra hành lang, và rón rén dọc theo đoạn tường có vài bước chân ngăn giữa cửa phòng cô và cửa phòng Carl, và không lẫn vào đâu được, anh ta đang hát. Anh ta có một giọng hát buồn tẻ, nhàn nhạt, cả nửa lời hát xa lạ đối với anh ta, và anh ta cứ lặp đi lặp lại cùng một đoạn hết lần này đến lần khác - nhưng đó quả thực là một bài hát:

*“He got himself a homemade special*

*Something something full of sand*

*And it feels just like a something*

*The way it fits into his hand...”<sup>[41]</sup>*

Carl Garbedian đang hát! Sáng ra thì anh ta chào hỏi, tối đến anh ta chào tạm biệt, còn bây giờ lúc giữa buổi thì anh ta lại đang hát. Mà lại không phải tiếng gào the thé điếc tai điên loạn trào ra một cách tự phát trong những ngày anh ta phê lòi vì tọng thuốc của Janine Gorjanc. Không, đây đúng là kiểu hát yêu-đời-thiết-tha, ngâm-nga-cho-hết-giờ thông thường. Cô nghĩ màn biểu diễn ngập tràn sức sống đáng ngạc nhiên này có thể có gì đó liên quan đến khả năng là Carl và vợ anh ta đang làm lành. Giá kể Carl mà biết cái trò hát hò giản dị này của anh ta làm cô sung sướng đến mức nào! Cô sẽ không làm điều gì ngu ngốc như xen ngang vào và giải thích - điều đó sẽ chỉ phá hỏng giây phút này, và khiến cả hai đều cảm thấy khó xử. Nhưng giá kể cô có thể truyền đạt tới anh ta rằng việc anh ta hát là chút nhấn nhá giản dị cho một điều cốt yếu, mà thường ngày chẳng thấy tăm hơi đâu - rằng việc anh ta hát đối với cô chẳng khác gì việc Marcia cắt tóc đối với anh ta - lẽ ra anh ta có thể tổ chức một cuộc thi tài năng và biểu diễn một số màn trong vở nhạc kịch *A Chorus Line* với một chiếc mũ chóp cao dát vàng và cây ba toong.



Thực sự là bài hát cứ đọng lại trong đầu Carl, và động cơ để cất tiếng hát hoàn toàn là không chủ ý. Công việc mà anh ta có trước mặt mình, vụ làm ăn mới thực ra thì cũng chỉ vãn thế mà thôi. Không phải thứ có thể khiến anh ta hưng phấn đến nỗi phải cất tiếng hát. Và những diễn biến gần đây với Marilyn, kể ra thì cũng tích cực, nhưng hai người bọn họ vẫn còn phải đi một chặng đường dài - cô ta vẫn còn nghe điện thoại khi họ nói lời tạm biệt, và anh ta thì vẫn còn đang sống một mình trong căn nhà ngoại ô mà họ đã không đủ tiền thuê suốt mấy tháng trời. Thuốc thang đang có tác dụng, không phải nghi ngờ về điều đó, nhưng cuộc sống của anh ta dường như vẫn trống rỗng, ít nhất là khi anh ta so sánh nó với cuộc sống của vợ, và anh ta vẫn còn băn khoăn làm thế nào mà con người ta có thể đã ba mươi sáu tuổi mà vẫn không biết phải làm gì với cuộc đời mình. Như thế không có nghĩa là anh ta, nói chặt chẽ ra, không ở trong tâm trạng thích hát hò. Bởi vì quả là anh ta có một điều nho nhỏ để mơ màng nghĩ đến, khi anh ta ngồi đó làm việc một cách tỉ mỉ và chẳng có gì vui thú với cái nhiệm vụ chán ngắt hơi đầu đầu là giành được thương vụ mới.

“Sao không bỏ đi?” Tom Mota đã hỏi anh ta trong một bức email gửi từ sớm hôm đó. “Tôi dám chắc cậu đã có ý nghĩ đó cả triệu lần, và có lẽ cũng đã tự trả lời với cả triệu lý do tốt đẹp tại sao không. Tôi có thể đoán một số được chứ? Cậu không có chuyên môn nào khác. Cậu đã để quá nhiều năm tháng trôi qua nên không thể bắt đầu một nghề mới hoặc quay lại trường học. Và làm sao cậu có thể để vợ mình là người kiếm cơm chính trong nhà? Vân vân và vân vân. Nhưng tôi có câu trả lời cho cậu đây! (Hai tuần sau khi bị Lynn Mason đá đít vậy mà tôi vẫn không đỡ được kiểu nói như một thằng quảng cáo khốn kiếp.) Quay lại chủ đề chính, một hôm tôi mới ngồi ngẫm nghĩ, tôi sẽ làm gì với mình đây? Tôi có gì chứ? Tôi chẳng có vợ. Tôi không có con. Tôi có một cái ngỗ cụt, nhàm chán, nhợt nhạt, xun xoe, trì độn đến đờ người! Thậm chí còn không có cả việc làm nữa, đứng không nào? Vài đồng bạc còn lại từ việc bán nhà - thế thôi. Khi hết chỗ đó, tôi sẽ

làm gì? Tìm một công việc khác về quảng cáo chẳng? Thứ nhất nhé, trong tình cảnh việc làm hiện tại thì không. Thứ hai nhé, ĐẾCH CÓ ĐÂU, KIẾP NÀY THÌ ĐỪNG HÒNG! Vậy tôi đang định nói gì à? Tôi sẽ cho cậu biết tôi định nói gì. Tôi đang định bắt đầu cơ sở thiết kế phong cảnh của riêng mình. Và tôi muốn cậu, Carl ạ, tham gia cùng tôi. Tôi nghĩ chút giao cảm với thiên nhiên, cho dù chỉ là mấy cái thảm cỏ chết tiệt của cánh dân ngoại thành, và những hình tem bưu phẩm màu xanh thảm hại trong các công viên công nghiệp của Hoffman Estates hoặc Elk Grove Village, tôi nghĩ có thể đó chính là những gì còn thiếu trong đời cậu, Carl - những gì cậu thiếu mà không hề biết là mình thiếu. Nghĩ về nó đi. Mặt trời ở trên gáy cậu. Vị nước mát lạnh sau khi cậu đã làm lụng đến khát chết thôi. Niềm sung sướng của một thảm cỏ được tia tốt tử tế. Và giấc ngủ cậu sẽ tận hưởng khi mỗi khớp xương và cơ bắp trong cơ thể cậu đã bị quần cho mệt lử. Tôi định đến văn phòng cuối ngày hôm nay để nói chuyện với Joe Pope. Tôi sẽ qua phòng cậu. NGHĨ VỀ NÓ ĐI. Chúc yên bình, Tom.”

Sau khi đã quả quyết rằng đúng là Carl Garbedian đang hát thật, Genevieve rón rén rời khỏi cửa phòng anh ta và bước về phía nhà bếp. Trong các ngăn tủ chạn chúng tôi có cơ man nào là các loại đồ bột không calo đóng gói riêng rẽ đặt cạnh những cốc súp ăn liền và túi giấy bạc đựng bột cà phê, và tất cả những gì ta phải làm để có một chén punch hoa quả là thêm nước lạnh từ bình vào. Trên đường về dọc hành lang, cô đi qua một người đàn ông ăn mặc như một tên hề. Cô cố gắng không nhìn. Đó chắc hẳn là người được thuê chuyển một bức điện hát hoặc một dịch vụ chuyên môn nào đó và có lẽ anh ta đã chán ngấy bị nhìn chòng chọc trong các tòa nhà công sở. “Genevieve,” tên hề nói khi hắn đi qua, như thể hắn đang ngả mũ chào cô trên một con phố bụi bặm của miền Viễn Tây. Câu chào khiến cô giật bản mình, đứng khựng, quay ngoắt người lại. Tên hề tiếp tục bước mà không hề có một lời giải thích hoặc thậm chí là một cái liếc mắt trở lại.

“Ai đấy?” cô hỏi. Nhưng dù đó có là ai thì gã cũng không trả lời, và gã đi vào phòng làm việc của Carl Garbedian mà không thềm gõ cửa lấy một tiếng.

Khi Benny và Marcia bước vào phòng Joe và phát hiện ra là anh ta không có trong đó, Marcia, người chưa hề rời bên Benny kể từ lúc anh ta giơ tay ra nắm lấy tay cô, nhìn anh ta và hỏi, “Bây giờ thì chúng ta làm gì đây?”

Anh ta không có câu trả lời tức thì. “Chúng ta thậm chí còn không biết là Tom có ở trong tòa nhà hay không nữa,” anh ta nói. “Có thể hoàn toàn chỉ là chúng ta đang phóng đại lên thôi. Roland cũng chẳng phải là người sắc sảo gì.”

“Nhưng nếu nhớ đúng anh ta ở đây thì sao?”

“Nếu nhớ?” Benny nói. “Có thể anh ta chỉ đến chào tôi.”

“Nếu nhớ không phải?” Marcia nói.

Bỗng nhiên biến đâu mất tiêu cái kiểu cúi kính, cộc cằn, vênh vác của cô, kiểu cô nói xoắn thẳng cách nhìn của mình về mọi việc mà không thềm hạ giọng hay đếm xỉa gì đến cảm giác của người khác. Thay cho tất cả những cái đó lúc này trong phòng làm việc của Joe là một người nhỏ bé hơn rất nhiều - một người năm mươi cân, với cần cổ rất mảnh dẻ và nhợt nhạt, cùng đôi mắt Ireland sáng ngời, hoảng lầy vì phản ứng cuồng loạn của Amber. Và giờ đây cô đang cầu xin anh ta, Benny Shassburger, gã Do Thái mặt non choẹt và hơi béo phì đến từ Skokie, người mà, bất kể mỗi hiểm họa lịch sử được lưu trữ rất đầy đủ đối với dân tộc Do Thái, đã lớn lên ở

khu ngoại ô Tây Bắc của Chicago chẳng biết đến nỗi nguy hiểm nào lớn hơn một quả bóng chày bay lạc vào đầu anh ta trong một trận đấu thuộc giải học sinh. Marcia Dwyer, người mới hôm qua còn cười nhạo anh ta vì không biết sự khác nhau giữa một chiếc cờ lê Allen và một chiếc cờ lê tròn. Marcia, người anh ta phải lòng đến điên cuồng. Cô đang cầu xin anh ta chèo lái. Làm gì đó đi! Cứu lấy những mạng sống, nếu những mạng sống cần được cứu! Hãy đưa em đến chỗ an toàn! Anh ta gần như đổ quy dưới sức nặng của nó. Nhưng rồi anh ta cũng gượng đứng lên đối mặt với hoàn cảnh. Chợt nhớ ra là họ đang đứng trong phòng làm việc của Joe, và mỗi lần học giữa Joe và Tom dạo trước, anh ta nói, “Chúng ta rời khỏi căn phòng này, đó là việc đầu tiên chúng ta làm.”

Khi họ rời đi, trong một giây ngắn ngủi, giữa mớ lộn xộn và hoảng sợ, anh ta cảm thấy thật phỗng mũi. Tình yêu của mình Marcia, trông cậy vào sự chèo lái của mình!

Trong khoảnh khắc tiếp theo, nỗi sợ hãi lạnh người lôi anh ta ra khỏi tâm trạng đó. Cửa cái thang máy đối diện với họ đột nhiên bật mở toang.

Hóa ra chỉ là bác Roland ngẩn ngơ bò lạc, cuối cùng cũng lê mông từ tầng trệt lên.

“Các cậu đã trông thấy anh ta chưa?”

“Bác còn không chắc chắn đó là anh ta!” Benny thốt lên.

“Tôi biết,” Roland nói, “tôi biết.” Bác ta lắc đầu, vô cùng thất vọng với bản thân mình. “Nhưng Mike muốn tất cả mọi người sơ tán bất kể thế nào,” bác ta nói, “chỉ là để phòng cho chắc thôi. Anh ta bảo tôi nói với mọi người đi lối thang bộ thoát hiểm.”

“Tại sao không phải là thang máy?” Benny hỏi.

“Vì Mike bảo thế,” Roland nói.

Thế là Benny và Marcia vội vã chạy tới thang bộ thoát hiểm. Khi họ bắt đầu bước xuống cầu thang lạnh lẽo và vang vọng, Benny không khỏi nghĩ bụng - hết như anh ta không khỏi cảm thấy phồng mũi trong phòng làm việc của Joe khi cô quay sang anh ta tìm sự giúp đỡ - rằng thế này cũng thật lãng mạn theo một cách rất riêng. Đi cầu thang với Marcia, tim đập dồn dập, cùng nhau chạy trốn thần Chết. Anh ta phải cố gắng ngăn mình không quay sang cô trên một trong những chiếu nghỉ và chụp lấy cả hai cánh tay thon thả như chân nai của cô để tuyên bố tình yêu anh ta dành cho cô. Như thế hẳn sẽ là một thời điểm không thích hợp chút nào, và khả năng phần nhiều cô sẽ trả lời không phải bằng câu, “Anh thích em sao, Benny?” mà là “Anh có bị thần kinh không vậy, đi nói với tôi đúng lúc này?” Tốt hơn là nói với cô sau khi tất cả chuyện này đã qua đi, điều anh ta tự hứa với mình là sẽ làm. Cuối cùng anh ta sẽ thu đủ dũng khí. Toàn bộ cái trò về việc Marcia không phải là người Do Thái, thực ra cũng chỉ là để bảo vệ anh ta khỏi nỗi ê chề bị cự tuyệt nếu như hóa ra Marcia không hề cảm thấy giống thế. Chỉ cần Marcia chịu đồng ý nuôi dạy bọn trẻ con theo kiểu Do Thái, anh ta thực sự đếch thèm đếm xỉa gì bà cô Rachel đang ở khu định cư Bờ Tây nghĩ gì về sự bội giáo của anh ta.

Họ đi cầu thang một cách khẩn trương. Họ không nói gì, nhưng vẫn thật dễ chịu khi được là người đi kèm cô ra khỏi tòa nhà. Anh ta sung sướng vì đó là mình chứ không phải bất kỳ ai khác, và điều duy nhất có thể làm mọi chuyện tuyệt vời hơn là giá kể anh ta có đủ gan để nắm lấy tay cô. Nhưng đó cũng chính là cái gan mà anh ta cần để thú nhận tình cảm của mình, một cái gan mà hình như anh ta không có. Gan, anh ta thầm nghĩ - và điều tiếp theo anh ta nhận ra, anh ta cũng ngỡ người vì một ý nghĩ không hề thích hợp chẳng khác gì thú nhận tình yêu của mình: khi tất cả chuyện này đã xong

xuôi đầu vào đấy, liệu cô có nghĩ rằng anh ta là một kẻ hèn nhát vì đã bỏ chạy cùng cô xuống cầu thang, trong khi điều *lẽ ra* anh ta phải làm là ở lại cùng với Roland và thông báo cho những người khác sơ tán? Ngay lúc đó anh ta không muốn gì hơn là chia sẻ trải nghiệm thoát ra khỏi tòa nhà cùng Marcia. Cặp đôi nào có thể nói là họ đã làm điều đó cùng nhau? Nhưng liệu nó có quan trọng hơn việc để cho cô biết rằng anh ta không phải là một kẻ hèn nhát? Anh ta thậm chí còn hồi tiếc ý nghĩ tiếp theo của mình hơn thế: *nói tóm lại*, chẳng phải việc không là một kẻ hèn nhát còn quan trọng hơn cả việc chạy thoát khỏi tòa nhà hay sao? Không hề cân nhắc đến nhiệm vụ hay câu hỏi về lòng can đảm của mình, anh ta đã làm theo hướng dẫn của Roland từ Mike Boroshansky và học tốc lao ra khỏi cánh cửa xám nặng trĩu. Liệu làm như thế có phải là đúng đắn không? Bỏ mặc số phận của mọi người trong tay Roland - đó là một việc làm đầy rủi ro. Bất thành linh ý nghĩ cuối cùng, ít thích hợp nhất trong tất cả ập đến với anh ta, và anh ta hoàn toàn quên bằng Marcia. Chụp lấy tay vịn cầu thang để chặn đà lao đi của mình, anh ta đứng sững lại đột ngột ngay giữa một nhịp cầu thang. Marcia đi tận bậc dưới cùng trước khi quay người lại, và trên khoảng chiều nghỉ giữa tầng bốn mươi tám và tầng bốn mươi bảy, cô ngược lên nhìn và nhận ra anh ta đã dừng lại, và nét mặt anh ta đầy vẻ lạng lẽ lẫn bối rối. “Anh quên gì à?” cô hỏi. Anh ta vẫn đứng đó, không nhìn cô, nhưng cũng không phải là *không* nhìn cô, trân trân nhìn một cách vô định bằng đôi mắt đờ đẫn và ngơ ngẩn. Cuối cùng anh ta cũng sực tỉnh lại đúng lúc tiếng bước chân bỏ chạy của những người khác bắt đầu vọng xuống chỗ họ.

“Jim,” anh ta nói.

Cuối cùng thì Larry cũng dễ dàng được Amber vào phòng để máy chủ trên tầng sáu mươi, cái chôn ấy giống một cái tủ lạnh bước vào được thì đúng hơn. Căn phòng nhỏ sáng sủa, được che chắn cẩn thận và duy trì ở

một nhiệt độ ổn định để những máy móc tinh vi không bị quá nóng. Larry và Amber đi về cuối phòng và trốn sau cái giá kim loại màu đen kê đỡ thiết bị, trong khi Larry cố gắng trấn tĩnh những giọt nước mắt hỗn hển của cô ta bằng cách vỗ về, “Suyt.” “Suyt,” anh ta nói đi nói lại, trong lúc cô ta vẫn bíu chặt lấy anh ta trong tư thế vịn vịn như sắp đổ đến nơi ở góc trong cùng phía sau những đồng dây điện to tướng đùn ra từ các máy chủ đặt cách đều nhau đang chạy rì rì như những chiếc quạt trên giá kê. “Suyt,” anh ta nói, trong khi cô ta vùi mặt vào ngực anh ta và khóc một cách lặng lẽ nhất có thể, thồn thức trong vòng tay anh ta với những cơn sóng dữ dội của nỗi khiếp đảm không thể nào kiềm chế, cho đến khi chiếc áo phông của anh ta ướt sũng nước mắt của cô ta đến nỗi anh ta cảm thấy chúng mát lạnh trên da mình trong không khí vốn đã lạnh sẵn. “Suyt,” anh ta nói, ngay cả khi một ý nghĩ đầy hy vọng và hiểm độc len lỏi trong anh ta, tội lỗi và độc địa như một điều ước xấu xa trong câu chuyện cổ tích báo trước kết cục bi thảm: thay vì giết họ, rất có thể Tom Mota lại đang thực sự cứu rỗi cuộc đời Larry bằng cách làm tổn thương Amber ghê gớm đến nỗi khiến cô ta bị sảy thai. Chẳng phải như thế sẽ là một bước xoay chuyển tuyệt vời sao. Vì nếu chấn động này không đủ để rũ cho họ khỏi vấn đề hiện tại, và nếu như cô ta ngã theo cái hướng tai hại kia, mà càng ngày càng có nhiều khả năng là thế - mà nói thẳng toẹt, nếu đứa trẻ này không biến mất, Larry Novotny chỉ còn nước đi mà mở toang cửa ra và hú gọi Tom bất kể gã đang ở đâu thì cũng xin đến mà vãi đạn súng tự động vào họ vì đời anh ta thế là xong rồi. Xong. Bản thân vợ anh ta cũng vừa mới sinh con trước đó có hơn một năm, và cuộc hôn nhân của họ còn quá mong manh, quá non nớt, quá đủ trực trặc để có thể chịu đựng cảnh vỡ lở của một sự không chung thủy, thậm chí là cả một ngày làm việc nhỏ mọn không ý nghĩa gì, Susanna, thề có Chúa, nó chẳng có ý nghĩa gì hết. “Suyt,” anh ta nhắc đi nhắc lại, vì mỗi lúc anh ta càng trở nên tức giận với Amber và cái trò khóc lóc của cô ta. Cô ta lúc nào cũng tập trung đến những khủng hoảng đang xảy ra ở tận đâu tận đâu, trong khi chẳng để tâm gì đến cái (tế bào) đang phát triển và phân chia, phân chia và phát triển ngay chính trong cơ thể mình, cơ thể của người phụ nữ mà anh ta từng vô cùng thèm khát nhưng giờ đã chuyển sang hơi căm ghét,

người phụ nữ anh ta ôm trong tay trong khi cô ta khóc lóc và run rẩy như một đứa trẻ nhưng chỉ đến mức độ một người lớn có thể run rẩy, hoàn toàn ý thức được những khả năng của bạo lực và cái chết. “Suyt,” anh ta nói, trong khi điều anh ta muốn nói lại là, “Nghe này, anh thực sự cần em nói với anh một lần cho xong là em sẽ bỏ cái thai này.” Bởi vì nếu như cô ta muốn tránh cảnh máu me giết chóc, nếu cô ta có tí may mắn quan tâm đến việc hạn chế sự hủy diệt, cô ta sẽ làm gì đó với những tế bào đang kích hoạt và những cơ quan đang trưởng thành ngay kia bên trong cô ta - nếu không cuộc hôn nhân của anh ta sẽ thành một mớ giẻ rách khốn khổ khốn nạn. “Suyt,” anh ta nói, và lần này anh ta nói thêm, “Amber, suyt. Tại sao em lại hoảng loạn đến thế hả?” Cô ta nhấc đầu ra khỏi ngực anh ta và nhìn thẳng vào anh ta. Viền mũi trong của cô ta ửng đỏ còn hai má thì ướm nhoét và sưng húp húp. “Vì em sợ,” cô ta thì thào không ra hơi giữa những cơn thốn thức. “Nhưng chúng ta thậm chí còn không biết là gã có ở ngoài kia không cơ mà.” “Em không hề sợ cho em,” cô ta nói. “Chúng ta có thể ngừng nói chuyện được không?” Nhưng anh ta không muốn ngừng nói chuyện. “Vậy em sợ cho ai?” anh ta hỏi, với một nỗi lo lắng len lỏi. “Anh à?” anh ta ướm hỏi. “Em sợ cho anh à?” Cô ta lại gục đầu vào ngực anh ta và tiếp tục run rẩy. “Lynn Mason chẳng?” anh ta hỏi. Cô ta không trả lời. Anh ta lướt tiếp xuống danh sách. Chẳng lẽ là Marcia? Benny? Joe Pope? Làm sao mà bất kỳ ai trong số họ có thể là nguyên nhân của nỗi xúc động nhường này?

Và rồi anh ta chợt sáng mắt. Cái ngày cô ta quyết định giữ đứa trẻ lại đã đến rồi đi mà anh ta không hề hay biết. Những giọt nước mắt của cô ta là những giọt nước mắt của một người mẹ, nỗi sợ hãi của cô ta là nỗi sợ hãi của một người mẹ.

Tom bước vào phòng làm việc của Carl Garbedian chẳng thềm gõ cửa và ngồi xuống trước mặt anh ta. Gã chăm chăm nhìn Carl không nói một lời,



khoái trá cười tự mãn trước vẻ bối rối trên mặt Carl khi bỗng nhiên nhìn thấy một chú hề, gã quyết định không nói gì cho đến khi anh ta lên tiếng. Carl chăm chú nhìn, rồi nhìn gần hơn. “Tom?” anh ta nói.

“Cậu đoán đúng rồi đấy,” Tom nói.

Carl ngả người ra sau ghế một cách dễ phòng và ngắm soi toàn bộ vẻ bề ngoài của Tom với ánh mắt dè dặt và ngờ vực. “Tom, tại sao cậu lại ăn mặc thế kia?” anh ta hỏi với vẻ can đảm bình thản.

“Carl, trong tất cả mọi người, tôi cứ tưởng cậu sẽ nhìn thấy sự hài hước trong này,” Tom nói. “Tại sao cậu lại không cười? Tại sao ngay lúc này cậu lại không cười vãi cả ra quần nhỉ?”

Nếu đúng lúc đó Carl có muốn vãi cả ra quần, thì nguyên nhân có lẽ cũng không phải vì buồn cười.

“Cậu không thấy buồn cười à?” Tom hỏi. “Tôi quay lại đây ăn mặc như một thằng hề! Đây là chuyến về nhà của tôi, và hãy nhìn tôi xem! Tôi cứ tưởng cậu sẽ thấy buồn cười cơ đấy, Carl.”

Carl cố rặn ra một thứ giống như một nụ cười và đồng ý với Tom rằng đúng là buồn cười thật. “Chỉ là do thuốc thôi,” anh ta nói thêm, nhân tiện giải thích vụ buồn cười bị chậm trễ. “Chúng thường khiến tôi thấy oải.”

Tom ngoảnh mặt đi trong nỗi thất vọng toàn tập. Gã quay lại và hỏi, với giọng oán hận và tức tối, “Chẳng lẽ ở đây không còn ai có khiếu hài hước nữa à?” Một lần nữa gã thấy bị xúc phạm vì sự thiếu cá tính của chúng tôi. “ ‘TOM, CẬU ĐẤY À, TOM? CẬU ĐẾN BẮN TUNG ĐÍT TẤT CẢ BỌN TỚ TRONG BỘ ĐỒ THĂNG HỀ À, TOM?’ Chẳng lẽ đó là tất cả

những gì tôi nhận được từ các cậu? Tại sao các cậu nhìn thấy tôi ăn mặc như thế này mà lại tỏ ra nghiêm trọng chết cha thế hả?”

“Bởi vì những chú hề kể cũng đáng sợ, tôi đoán thế,” Carl dè dặt. “Ít nhất là với tôi. Và đặc biệt là khi cậu không biết tại sao người kia lại ăn mặc như thế.”

“Hừm, có thể là tôi kiếm được cho mình công việc là một thằng hề,” Tom vừa nói vừa trợn to mắt cho lòng trắng thực sự lòi hẳn ra giữa nền hóa trang màu đỏ. “Có bao giờ nghĩ vậy chưa?”

“Thật thế à?” Carl hỏi với vẻ hy vọng.

Anh ta muốn gọi cho vợ mình. Ngay khoảnh khắc tên hề bước vào và ngồi xuống Carl đã biết có chuyện không ổn và muốn có cơ hội được nói chuyện với Marilyn một lần cuối cùng. Cô mới tốt biết bao. Cô có công việc rất khó khăn. Cô đã yêu anh ta rất nhiều.

Tom đặt cái ba lô của mình xuống chiếc ghế bên cạnh và chồm người về phía trước, đan những ngón tay vào nhau và đặt hai bàn tay nắm lại trên cạnh bàn của Carl. “Để tôi hỏi cậu một câu hỏi nghiêm túc nhé, Carl, và cậu phải trung thực với tôi, được chứ? Cậu nói thật với tôi. Lũ chó chết các cậu nghĩ tôi quay lại đây để tập bắn bia, đúng không? Nói thật - tất cả mọi người đều dự đoán như thế, đúng không?”

Mụ mẫm, và miễn cưỡng phải nói ra bất kỳ điều gì, Carl không biết đưa ra câu trả lời khôn ngoan nào.

“Hãy trả lời câu hỏi đi, Carl. Câu hỏi đơn giản mà.”

“Ừm,” Carl bắt đầu, “một vài người...”

“Tôi biết mà!” Tom rít lên, nhảy dựng ra khỏi ghế và chồm chồm trên bàn Carl. “Tôi biết tổng đi chứ!” Gã chỉ vào Carl như thể Carl là người phát ngôn cho tất cả lũ chó chết trên thế gian này.

“Cậu không để tôi nói nốt đã,” Carl nói.

“Lũ chó chết các cậu *thực sự* nghĩ rằng tôi sẽ quay lại đây để bắn tan xác mọi người,” Tom nói, lắc những lọn tóc màu cam của gã trong nỗi thất vọng tột cùng rất kịch và giận dữ đập ba phát xuống bàn Carl. “Không thể tin được.”

“*Thế* tại sao cậu quay lại đây, Tom - đó có phải là một câu hỏi công bằng không? Và tại sao lại là bộ quần áo hề?”

Tom lại ngồi xuống và buông một tiếng phịch ít dữ dằn hơn trên ghế của gã. Carl thấy biết ơn vì điều đó. Từ lúc bước vào, Tom đã có vẻ hung tợn lắm rồi. “Tôi sẽ nói cho cậu biết tại sao tôi quay lại đây,” gã nói. “Tôi đến để mời Joe Pope đi ăn trưa, đó là lý do. Đúng thế - Joe. Nhưng rồi thì ý tưởng này chợt đến với tôi, và dường như nó tự có sức sống riêng. Thế là bây giờ tôi ăn mặc như một thằng hề. Tại sao? Tôi sẽ cho cậu biết tại sao tôi ăn mặc như một thằng hề,” gã vừa nói vừa cúi người xuống và kéo khóa chiếc ba lô của mình, từ đó gã lôi ra khẩu súng.

Carl hốt hoảng lùi ghế lại, một mạch đến sát tường, và giơ hai bàn tay ướm nhẹ của anh ta lên trời. “Kìa, Tom,” anh ta nói, trong khi nước mắt trào ra theo bản năng.

Anh ta khát khao được nói chuyện với vợ mình. Anh ta chợt nhớ đến quãng đời xa xăm, hư ảo đó khi anh ta đứng ở cửa hàng cầm đồ sờ nắn một khẩu Luger. Anh ta nhớ đến tất cả những viên thuốc anh ta đã tích trữ, và

quãng thời gian anh ta ngồi trong ga ra với chìa khóa trong ổ điện, khăn vải nhét kín tất cả những khoảng hở mà khí xả có thể thoát ra, như thế để một khi anh ta có đủ can đảm khởi động động cơ, mọi chuyện thế là xong. Người đó là ai nhỉ? Không phải anh ta, không còn nữa. Anh ta muốn được sống! Anh ta muốn làm *phong cảnh*! Và hơn bất kỳ điều gì khác anh ta muốn gọi cho vợ mình.

“Ồ, hạ tay xuống đi, Carl,” Tom nói. “Tôi có định bắn *cậu* đâu, đồ chết giẫm.”

“Tôi tưởng *cậu* muốn mở một công ty thiết kế phong cảnh,” Carl nói. “Tôi đã suy nghĩ về nó suốt cả buổi sáng. Mặt trời trên gáy tôi, *cậu* nhớ chứ? *Cậu* và tôi - tôi có thể xoay được một ít tiền, tôi thích ý tưởng đó. Tại sao *cậu* lại muốn làm điều gì đó ngu xuẩn?” Anh ta nỗ lực một tràng không kịp suy nghĩ, hy vọng nói được điều đúng đắn.

“Nghe tôi này, Carl,” Tom nói. “Carl, câm đi! Nghe tôi này. Tôi ăn mặc như một thằng hề vì tất cả lũ chó chết các *cậu* trong cái văn phòng này lúc này hay lúc khác đều nghĩ rằng Tom Mota chẳng qua chỉ là một thằng hề, tôi nói có đúng không? Hãy thành thật với tôi đi, Carl. Tôi nói có đúng không?”

“Thành thật mà nói với *cậu*, Tom, rất khó để mà thành thật với *cậu* khi *cậu* có một khẩu súng chĩa vào tôi.”

“Tôi có định bắn *cậu* đâu, Carl! Hãy thành thật đi. Tất cả mọi người đều nghĩ tôi là một thằng hề, có đúng không?”

“Tôi nghĩ,” Carl bắt đầu, cố gắng thờ, để kiềm chế nỗi sợ hãi của mình, để tính toán xem hành động nào anh ta có thể cần phải thực hiện. “Tôi nghĩ mọi người đều biết *cậu* đã trải qua một thời gian khó khăn, Tom... và có thể

cậu... cậu không cư xử như con người bình thường của mình. Tôi nghĩ đó là...”

“Nói cách khác,” Tom nói, “một thằng hề.”

“Tôi chưa bao giờ nghe thấy bất kỳ ai sử dụng cái từ đó cả,” Carl trả lời, anh ta vẫn còn giơ hai tay.

“Carl, cậu làm ơn thư giãn đi được không, lạ Chúa. Có phải là súng thật đâu. Chẳng lẽ không ai biết sự khác nhau à? Đây này, nhìn nhé...”

Tom chĩa khẩu súng vào một góc phòng và bóp cò. *Toẹt!* viên đạn phụt ra, và một đám tung tóe sơn đỏ phủ lên góc tường thành một vệt như trong truyện tranh. Carl tròn mắt sửng sờ, nhưng vẫn nhất quyết không bỏ tay xuống. Áo sơ mi của anh ta lấm tẩm những vết đỏ bắn ra từ viên đạn. Anh ta quay lại nhìn Tom.

“Cậu có bị điên không vậy?” anh ta hỏi.

“Không, tôi là một thằng hề,” Tom nói. “Và cậu biết những thằng hề thì làm gì rồi chứ, đúng không, Carl?”

“Không, đồ điên rồ chết tiệt!”

“Cẩn thận đấy, Carl,” Tom vừa nói, vừa ra hiệu bằng súng về phía chiếc ba lô trên cái ghế cạnh gã. “Tôi có thể có một khẩu thật ở trong đó đấy.”

“Hề thì làm gì?” Carl hỏi, ôn hòa hơn một chút.

Tom nhếch miệng thành một cái cau mặt đầy vẻ ti tiện và nhướng mày lên để hoàn thành nốt bức chân dung u uất. “Trong thâm tâm bọn tôi là

những sinh vật buồn bã vô cùng, hề bọn tôi ấy mà,” Tom nói. “Sa cơ lỡ vận và chất chứa toàn phiền muộn. Vì thế để tự làm cho mình cảm thấy dễ chịu hơn...” mặt Tom bỗng nở bừng thành một nụ cười như bông hoa rút ra từ tay áo - “bọn tôi chơi khăm!”

Joe cần một đồng xu. Anh ta đã chắc chắn rằng khi rời khỏi phòng anh ta đã có đủ mọi đồng xu cần thiết để kiếm một lon soda từ máy bán nhưng hóa ra anh ta thiếu một xu nên phải quay về. Anh ta lấy nó từ cái ca nơi anh ta vẫn giữ tiền lẻ và lại rời khỏi phòng, nhận ra Benny cùng với Marcia rồi Amber và Larry trong hành lang mãi mê với vở kịch mới mẻ nào đó, chứ không hẳn là làm việc để giành vụ làm ăn mới. Cửa thang máy vẫn chưa đóng lại và anh ta chạy vội để bắt kịp. Nếu anh ta mà chần chừ ở hành lang để suy đoán tại sao tất cả họ lại đang ở trong tình trạng kích động đến thế, hẳn bọn họ sẽ thâm buộc tội anh ta là chọc ngoáy họ từ xa, và đó là một lời buộc tội cũ rích - mặc dù lần này thì đúng là thế thật. Bởi vì lạ Chúa, chẳng lẽ họ không hiểu sao? Chúng ta phải giành được hợp đồng mới!

Anh ta quay lại căng tin trên tầng năm mươi chín để mua lon soda cho mình và đang định bỏ đi thì chợt nhìn thấy Lynn ngồi ở phía trong tại một trong những chiếc bàn tròn dưới ánh đèn huỳnh quang sáng đến chói mắt. “Chị đang làm gì dưới này vậy?” anh ta vừa hỏi vừa lại gần chị. Chị ngồi một mình và, bất chấp tất cả những tiếng động anh ta đã tạo ra, tiếng thả tiền xu và chiếc lon rơi ra, dường như chị mới chỉ vừa nhận ra anh ta lần đầu tiên.

Chị nhìn anh ta bước lại gần, hai ngón tay đặt trên thái dương.

Anh ta đặt chiếc lon lên bàn. Chị đá một chiếc ghế ra cho anh ta. Anh ta ngồi xuống và mở lon, thứ đồ uống đó xì xì và phun trào và anh ta cúi

người xuống để húp lấy dòng soda đang rít xèo xèo trước khi nó tràn ra ngoài.

Họ ngồi trong yên lặng. Sau đó chị lại nói với anh ta về những chuyện họ đã đề cập đến ngày hôm qua khi Genevieve đã ra khỏi phòng - hội viên nào sẽ giám sát nỗ lực giành hợp đồng mới, và những cách thức mà theo đó anh ta, Joe, sẽ cần phải tăng cường và gánh vác nhiều trách nhiệm hơn.

“Tôi hỏi chị một câu được không?” anh ta nói.

“Tất nhiên.”

“Hôm qua tại sao chị lại nói dối về chuyện đó với Genevieve, và rồi lại nói thật với tôi sau khi cô ấy đi khỏi?”

Chị nhấc hai ngón tay của mình ra khỏi thái dương và biến chúng thành một kiểu nhún vai rồi quay chúng trở lại thái dương mình. “Tôi chỉ không muốn họ biết về chuyện đó cho đến giây cuối cùng có thể được,” chị trả lời. “Tôi muốn ở trong bệnh viện dưới tác dụng của thuốc mê trước khi họ bắt đầu bàn tán.”

Anh ta gật đầu. “Có thể hiểu được.”

“Và tôi biết tôi có thể tin tưởng cậu sẽ giữ kín cho riêng mình.”

Họ ngồi trong yên lặng, âm thanh duy nhất là tiếng rì rì mát lạnh từ chiếc máy bán hàng ở phía xa.

“Cũng chẳng phải tôi tin mình có thể thoát được,” chị nói. “Tôi sẽ mê man sâu, rất sâu và giọng nói của họ có lẽ vẫn sẽ len lỏi vào được.”

Anh ta mỉm cười. “Có thể,” anh ta nói.

“Nhưng cho đến khi người ta khiêng tôi vừa quẩy đập vừa gào thét vào phòng mổ trong một trong những bộ quần áo màu xanh khủng khiếp đó, tôi vẫn muốn giữ họ trong bóng tối. Hoặc không thì ít nhất cũng là đoán già đoán non thôi.”

Chị ngồi dậy và luồn hai chân vào đôi giày cao gót của mình. Chị liếc nhìn anh ta trong lúc chị làm việc đó. “Sẽ rất nhanh chóng thôi,” chị nói, “theo như những gì họ nói với tôi. Một hoặc hai ngày là họ sẽ đưa anh ra khỏi đó.”

“Ở ngay bên cạnh à?” anh ta hỏi.

“Ừ. Thực ra là chỗ vợ Carl.”

“Không đùa chứ.”

“Cô ta làm tôi thấy sợ.”

“Đó có phải lý do chị bỏ buổi hẹn đầu tiên không?”

Chị gật đầu.

“Điều gì đã thay đổi vậy?”

“Tôi có một người bạn,” chị nói. “Lần này anh ấy nhất định không để tôi trốn.”

“Chị có một người bạn,” anh ta nói. Anh ta mỉm cười.



“Chẳng lẽ lại khó tin thế cơ à?”

“Không.”

“Đó không phải là một người bạn trai,” chị nói.

“Tôi hạnh phúc khi nghe chị có một người bạn,” anh ta nói. Tiếp theo là sự im lặng, sau đó anh ta nói, “Chị có cảm thấy ốm không, Lynn?”

“Tôi có cảm thấy ốm không,” chị nói. Chị suy nghĩ về điều đó. “Có. Tôi cảm thấy ốm.”

“Chị có muốn tôi ở đó khi diễn ra ca mổ không? Hay có điều gì tôi có thể làm cho chị sau đó?”

“Cậu có thể giành được hợp đồng mới này,” chị nói.

“Ý tôi là cho chị cơ mà.”

“Như thế là cho tôi rồi,” chị nói. “Nó là thế đấy, Joe. Nó là cuộc đời tôi.”

Anh ta im lặng. “Chị đã làm việc vất vả.”

“Đúng,” chị đồng ý. Chị đã đi xong giày và giờ thì đang ngồi thẳng trước chiếc bàn với hai tay ôm hai đầu gối. “Quá vất vả phải không?”

Có một chút dễ tổn thương trong câu hỏi mà anh ta không hề lường trước. Nhưng cũng thật rõ ràng, cái cách mà chị nhìn anh ta, là chị muốn

anh ta trả lời thành thật. “Tôi không biết,” anh ta nói. “Điều gì quá vất vả cơ?”

“Tất cả những người khác có thật là nhiều thứ diễn ra trong cuộc sống của họ. Buổi tối của họ, cuối tuần của họ. Những kỳ nghỉ, hoạt động. Tôi chưa bao giờ có thể làm điều đó.”

“Đó là lý do tại sao chị lại là một thành viên quản trị.”

“Nhưng tôi đang bỏ lỡ điều gì? Tôi đã bỏ lỡ điều gì?”

“Chị vẫn hạnh phúc khi làm việc chứ?”

“Hạnh phúc?”

“Hài lòng. Nó có bỏ công không? Công việc ấy.”

“Có,” chị nói. “Có thể, tôi cho là thế.”

“Thế thì có thể chị còn hạnh phúc hơn cả họ. Nhiều người trong số họ chẳng thà không ở đây, ấy thế mà đây lại là nơi họ dành phần lớn thời gian của mình. Tính theo tỉ lệ phần trăm, có thể chị là người hạnh phúc nhất.”

“Đó là cách cậu đánh giá à?” chị hỏi. “Như một trò chơi tỉ lệ?”

“Tôi không biết.”

“Nhưng họ biết điều gì,” chị hỏi, “mà tôi không biết? Mà giả sử tôi biết, tôi cũng đã chẳng thà không ở đây?”

“Có thể là không gì hết,” anh ta nói.

Phải chăng chị đang nghĩ đến Martin, một ngôi nhà với Martin ở Oak Park, một chiếc Volvo trên lối đi và một chai vang đang thờ trên những viên đá lát của Pháp trên quầy bếp, trong khi con chị chơi với một đứa bạn ở sân sau? Phải chăng chị đang nghĩ, Như thế mình sẽ khỏe mạnh? Không ai chết ở Oak Park. Tất cả mọi người ở Oak Park đều hạnh phúc và chưa từng có một ai chết.

“Hoặc có thể là tất cả mọi thứ,” anh ta nói. “Tôi làm việc hầu như cũng nhiều như chị. Tôi cũng không biết họ biết gì nữa.”

Họ ngồi trong im lặng.

“Khi nào tôi nên cho họ biết?” anh ta hỏi.

“Tôi được sắp lịch lại vào thứ Năm,” chị nói. “Khi đó cậu có thể cho họ biết.” Chị ngừng lại. “Nhưng đây mới là điều quan trọng,” chị nói thêm. “Tôi nói nghiêm túc đấy. Trên tất cả mọi chuyện khác, Joe. Hãy giành hợp đồng mới này.”

Tom Mota rời phòng Carl và đi tiếp theo cầu thang nội bộ xuống tầng sáu mươi, nơi hầu hết những người tốt mà gã muốn hù cho vãi đáí được bố trí trong những ô làm việc ngăn nắp của họ, ví dụ như thằng cha khốn kiếp Jim Jackers kẻ vẫn luôn là một thằng ngốc, và Benny Shassburger kẻ vẫn chưa trả lời bức email tha thiết Tom đã gửi cho anh ta trong đó gã kể lại cái chết đau đớn, xấu xí của mẹ mình. Gã cũng chực muốn bơm cho Karen Woo đầy những viên đạn đỏ, và Dan Wisdom, họa sĩ vẽ cá, rồi thằng cha khốn kiếp trích dẫn phim Don Blattner, và cái giống nanh nọc thực sự của

công ty, Marcia Dwyer. Không may cho Tom, nhiều người trong chúng tôi đã trên đường tháo chạy xuống sáu mươi nhịp cầu thang thoát hiểm, nhờ vào sự giỏi giang của Roland. Không may cho những người còn lại trong chúng tôi, bất kỳ tầng nào cũng là một sơ đồ vòng quanh của những mảng ngăn, nhánh hành lang, trạm in, phòng lắp ghép - những không gian dễ dàng bị bỏ qua - và Roland, như Benny đã dự đoán, bỏ lỡ rất nhiều trong số đó trong lúc vội vàng lên tầng khác. Tom có tha hồ là những linh hồn xấu số để bắn vào khi cơn tao loạn của gã bắt đầu, và đối với chúng tôi thì những viên đạn bắn ra từ súng của gã cũng thật chẳng may khác những viên đạn trong súng của cảnh sát Chicago vừa mới đến bên ngoài tòa nhà, tấp dọc lề đường với còi báo động rền rú.

“ ‘Điều đến với anh ta, sự sống<sup>[42]</sup>,’ ” Tom cao giọng với cái lưng đang chạy trốn của Doug Dion, “ ‘điều đi khỏi anh ta, chân lý.’ ” Gã bắn vào lưng Doug và Doug đổ xuống, kéo một số người trong chúng tôi ra hành lang bằng những tiếng gào thét đau đớn như thật. Giống như Andy Smeejack trước anh ta, Doug nhắm một cơn đau nhói với một cơn đau thật. Tom chỉ việc quay người để tìm một mục tiêu mới. “ ‘Điều đến với anh ta, công việc’, ” gã rống lên một cách dị thường trước khi bắn một người mới, “ ‘điều đi khỏi anh ta, thi ca’...” Và cả, “ ‘Chân lý luôn thuộc về kẻ hành động với sự minh triết và những mục đích lớn lao.’ ” Và với một nụ cười, gã nẩy thêm một viên đạn khác.

Bọn họ *thực sự* tin rằng gã có thể bắn vào một ai đó và chủ ý gây nguy hiểm cho họ. Lũ khốn kiếp chết tiệt này hóa ra chỉ thực sự biết ngần ấy ít ỏi về gã. Gã dừng lại giữa hành lang để nạp thêm những viên đạn sơn vào khẩu súng.

Chúng tôi hành xử như các bạn có thể tưởng tượng được. Chúng tôi giật bắn người lùi lại, bổ nhào xuống những gầm bàn gỗ ván của mình, tùm tùm

lại dưới những chiếc bàn trong phòng họp như những con gà làm mỗi sản trong một triển lãm bắn súng, và nói chung là nháo nhào chạy thoát thân.

Amber Ludwig trong phòng đặt máy chủ nghe thấy tiếng gào rú từ bên ngoài và lại rơi vào cảnh run bần bật và thở hổn hển không đỡ nổi, giống hệt như Larry, người vừa bỏ mặc cô ta ở đó, điên tiết vì phát hiện ra rằng Amber định giữ lại đứa trẻ và cho rằng cô ta chẳng có lý do gì để mà khóc lóc, anh ta lúi phắt khỏi cánh cửa mà anh ta đang định mở ra. Anh ta không cố buộc lại mình với cô ta. Mà chẳng nào cô ta cũng chẳng chữa anh ta nữa. Thay vào đó, anh ta chọn vị trí đằng sau cái giá kim loại gần nhất, sẵn sàng đẩy nó lên người Tom và đánh gã bằng cái thiết bị nặng trĩu đầy dây dợ đó trong trường hợp gã có vào phòng máy chủ.

Benny tìm thấy Jim chính xác tại nơi anh ta đã đoán trước, đang nghe nhạc qua headphone và suy nghĩ dự án mới. Hai người đàn ông cố gắng tránh tiếng gào thét và những âm thanh đáng sợ vọng đến từ những phần khuất nẻo trên tầng nhà quen thuộc của mình và đi về hướng ngược lại. Họ đang vừa mới vòng đến góc hành lang qua cái cây trồng trong chậu gần phòng Joe Pope nhất thì xô phải Genevieve, người đang cuống cuống đi tìm Joe kể từ khi câu chào quý quái của tên hề lôi cô quay trở lại cửa phòng Carl và cô nghe thấy Tom nói với Carl rằng gã sẽ không bắn *anh ta*. Cô lo sợ rằng Joe là một mục tiêu hiển nhiên và muốn cảnh báo anh ta, nhưng khi cô không tìm thấy anh ta và mọi người bắt đầu gào thét cô trở nên quẫn trí và giờ thì cô đang nước mắt ngấn dài.

“Suyt, bình tĩnh nào,” Benny bảo cô.

“Chúng ta hãy đi thang máy,” Jim nói, vì họ đang đứng gần ngay đó.

“Không, chúng ta không thể,” Benny trả lời. “Chúng ta phải đi lối thang bộ thoát hiểm.”

“Tại sao?”

“Vì Mike Boroshanky bảo thế.”

Thế là ba người bọn họ bắt đầu chạy về phía cái cây cảnh còn lại và cầu thang thoát hiểm ở phía bên kia hành lang, và gần như đã chạy đến phòng Benny ở đoạn giữa khi giọng Tom vang lên sau lưng họ trong hành lang và Jim bất thành linh đở xuống.

“ ‘Tôi tự lấy làm vừa lòng với sự thật rằng hệ thống chung trong cái nghề của chúng ta’...” Tom rống lên, khi gã tiến về phía họ với một nhịp bước đều đều mặc dù không nhanh lắm dọc hành lang.

“Tôi bị bắn rồi!” Jim thét lên. “Tôi bị bắn rồi!”

Benny kéo Genevieve vào trong phòng anh ta và đẩy cô ra sau chiếc bàn.

“ ‘là một hệ thống của sự ích kỷ’...”

“Đau quá!” Jim thét lên, quắn quại trên lưng mình. “Ôi, đau quá!”

Vừa thụp thấp xuống ở ngưỡng cửa phòng mình, Benny vừa nhào người ra nắm lấy một tay Jim kéo anh ta vào trong phòng.

“ ‘... không được dẫn dắt bởi những tình cảm cao quý của bản chất con người’...”

Giọng nói ông ổng, người bé tiếng to của Tom mỗi lúc một gần hơn. Benny kéo Jim vào sâu thêm trong khi Tom bắn anh ta thêm hai phát nữa,

một phát vào thân trên và một phát vào chân. Bộ xương người với khẩu súng Buck Rogers giương mắt nhìn một cách bất lực từ trong phòng của Benny.

“Ôi!” Jim gào lên. “Ôi!” Mắt anh ta mở to khiếp đảm như mắt một con chó bị thương.

“ ‘... càng không phải bởi những tình cảm của tình yêu và sự anh hùng’...”

Benny dừng lại để nhìn kỹ hơn. Không phải máu. Mà là...

“ ‘... mà là một hệ thống của sự nghi kỵ’...”

Benny đứng lên và đi ra hành lang. “Tom,” anh ta nói, “chẳng lẽ đây chỉ là những viên đạn sơn khốn kiếp?”

“ ‘không cho đi, mà chỉ kiếm lợi’,” Tom kết luận, đứng chỉ cách Benny hai bàn chân và đang nhắm vào ngực anh ta.

Đúng lúc đó, Lynn và Joe bước ra khỏi thang máy và đứng sững lại trước phòng làm việc của Joe, nhìn xuôi xuống hành lang. Nhìn thấy tên hề với khẩu súng, Lynn quát lên, “Có chuyện gì vậy? Ê - anh nghĩ anh đang làm gì ở đây hả?”

Tom quay người lại đối mặt với họ.

“Joe,” anh ta nói, hạ khẩu súng xuống bên sườn. “Tôi đến mời anh đi ăn trưa.”

Đã quá muộn. Một Andy Smeejack trần trùng trục và đang gặm rú đã trở tới góc hành lang đối diện, xồng xộc chạy dọc hành lang với bộ ngực đàn ông thây lầy và cái bụng trắng như bụng cá voi, nhảy qua người Jim đúng lúc Benny lánh người qua tránh đường cho anh ta, và vồ xuống với sự tàn độc hủy diệt lên thân hình nhỏ bé sặc sỡ đến phi lý của Tom. Cả hai xô thẳng vào tường và bật ra, rơi huých gần như không tiếng động xuống mặt thảm, Smeejack ở trên, vừa lấy thân hình bồ tượng của mình ghì chặt người Tom xuống sàn nhà vừa điên cuồng nện gã bằng những cú đấm vòng đấm móc cho đến khi Joe cùng Benny gỡ anh ta ra khỏi cơn hăng máu quyết giết thẳng khốn kia bằng hai bàn tay loang lổ sơn béo múp, đầy căm hận của mình, và rời cảnh sát ủa vào.



## 4

Giấc mơ Mỹ và tại sao chúng tôi lại xứng đáng với nó - Ai nên chết đi - “Garbedian và con trai” - Trò vô ích - Chấm hết một kỷ nguyên - Chúng tôi giục Benny nói gì đó - Roland chơi khăm - Một bức thư cho Jim - Cục Cải tạo - Joe và chỗ của anh ta (“Trên đây”) - Tom yêu - Một chuyến thăm đến bệnh viện - Những ý tưởng phát sinh - Chia ly

Chúng tôi hồi lại. Hoặc chúng tôi bỏ việc. Hoặc chúng tôi đi nghỉ. Trong hai hoặc ba tuần ở đó chúng tôi có quãng thời gian khó khăn cưỡng lại nỗi thôi thúc nhìn lại các sự kiện. Mỗi người lại kể một phiên bản khác nhau. Những câu chuyện mâu thuẫn nhau không hề làm giảm nhẹ bên này hay bên kia, chúng chỉ khiến sự việc trở nên phong phú hơn. Chúng tôi đang thối phòng toàn bộ vấn đề lên rất nhiều lần, vì chẳng có ai chết cả, nhưng chúng tôi nói về nó như thể cái chết tưởng tượng cũng giống hệt như thật. Chúng tôi ở lại muộn hơn bình thường để nói về nó hoặc chúng tôi nghỉ hai ngày hoặc không chúng tôi cứ thế bỏ. Có người ở bộ phận Dịch vụ Dự án kiện chúng tôi, viện dẫn lý do bê trễ. Kể cũng hơi khó xử vì chúng tôi vẫn phải làm việc với cô ta. Cô ta lại gần chỗ chúng tôi ở chỗ máy pha cà phê và lò vi sóng để khẳng định cho chúng tôi biết rằng đây chẳng có gì là cá nhân cả. Cô ta còn kiện cả tòa nhà nữa, cùng với Tom Mota và nhà sản xuất súng bắn đạn sơn. Cô ta đang ở bên ngoài tòa nhà cách đó hai khối phố khi vụ nổ súng bắt đầu, nhưng chúng tôi là ai mà nói cá nhân này hay cá nhân kia đáng bị thiệt hại gì? Việc đó thuộc về một bồi thẩm đoàn gồm những người ngang hàng với chúng tôi. Tất cả chúng tôi đã bị lấy lời khai trước đó

và rất có thể sẽ lại bị lấy lời khai vì chuyện này. Trong thời gian đó chúng tôi hoàn thiện những câu chuyện mâu thuẫn của mình và nỗi thèm khát vô độ được tua lại chúng.

Nước đóng chai và giày chạy bộ không thể nào sánh nổi với những trò tai quái của Tom Mota. Một chuyện hấp dẫn như thế này chưa hề xảy ra với chúng tôi kể từ phần chính của loạt phim *The Sopranos*. Trước đó, chúng tôi phải lục lại đến tận vụ luận tội Clinton và mùa hè của Monica. Nhưng những vụ đó vẫn còn thua xa. Chuyện này xảy ra với *chúng tôi*. Và điều tuyệt vời là, chúng tôi có thể buôn chuyện nữa buôn chuyện mãi mà không hề có bất kỳ thương vong hay tổn hại tâm lý lâu dài nào của một vụ Columbine<sup>[43]</sup> hoặc một vụ Oklahoma City<sup>[44]</sup>. Chúng tôi giả vờ như thể có biết điều gì đó về những gì họ đã trải qua. Có thể chúng tôi biết thật, ai mà biết được. Có thể là không.

Suốt cả tuần ấy và tuần sau đó nữa chúng tôi làm ra vẻ tham gia chơi trò thắng-thắng-thắng ở công ty nhưng công việc thực sự của chúng tôi là tua lại các sự kiện và suy nghĩ về những hậu quả của việc còn sống. Ấn Độ xuất hiện trở lại trong những chân trời của chúng tôi. Một lần nữa chúng tôi đánh giá lại mục đích tối thượng của mình. Ý tưởng về sự hy sinh quên mình, về sự cống hiến thầm lặng và chết một cái chết cao cả, lại len lỏi vào trong những góc linh thiêng sâu thẳm mà bình thường vẫn là nơi trú ngụ của những con số tài khoản ngân hàng và dành dụm nghỉ hưu của chúng tôi. Có thể là có một lối đi khác thay thế cho sự giàu có và thành công để hoàn thành giấc mơ Mỹ. Hoặc có thể đó là giấc mơ của một dân tộc khác, trong một trật tự thế giới tương lai nào đó, còn chúng tôi bị tắc trong những kỷ nguyên tăm tối của xa hoa và tiện nghi. Làm sao chúng tôi có thể hy vọng thoát ra khỏi đó, chúng tôi - những kẻ được trả lương quá mức, bảo hiểm hậu hĩnh, và được nhồi cơ man nào là tín dụng, chúng tôi những kẻ không hề được đào tạo qua thói quen giấc ngộ là đặt bản thân mình xuống hàng thứ hai? Khi Tom Mota nhắm bắn vào tính mạng của chúng tôi, trong

giây lát chúng tôi có cảm thấy điều chắc chắn mơ hồ, xa lạ và ngỡ ngàng rằng có lẽ chúng tôi đang nhận những gì chúng tôi đáng phải nhận. May mắn là cảm giác đó nhanh chóng qua đi, và khi chúng tôi sống sót đứng lên và trở lại bàn làm việc của mình, rồi sau đó về với những căn gác xép, căn hộ hay khu nhà ngoại ô của mình, thì cảm giác lại là tất nhiên chúng tôi xứng đáng với tất cả những gì chúng tôi có, chúng tôi đã làm việc nhiều giờ dài đằng đằng và khổ ải để có được tất cả điều đó, và thế quái nào mà đồ khốn kiếp ấy lại dám giả vờ lấy nó đi? Chúng tôi cảm kích biết ngần nào khi còn được trở về để tận hưởng tất cả những gì chúng tôi đáng được hưởng.

Chúng tôi đoán già đoán non xem ai lẽ ra phải chết. Ai lẽ ra đang ở trong tình trạng nguy kịch ngay lúc này và ai đang trong tình trạng ổn định, rồi thì ai lẽ ra đã bị liệt cả đời? Kể mà Amber Ludwig có mặt ở đó hẳn cô ta đã phản đối những trò bệnh hoạn như thế, nhưng Amber đã bị chẩn đoán là rối loạn căng thẳng hậu tổn thương nên được cho nghỉ phép. Cô ta quay về nhà mẹ mình ở Cleveland nơi cô ta có thể thăm lại lũ thú nhồi bông của mình và hồi tưởng về thái độ của Larry trong phòng máy chủ. Những người còn lại trong chúng tôi hẳn cũng thích được nghỉ. Họ chỉ cho chúng tôi nghỉ chiều thứ Sáu hôm đó, một việc chúng tôi sung sướng đón nhận, nhưng cả chúng tôi nữa cũng bị stress rồi đủ các loại rối loạn và cũng muốn nghỉ nhiều hơn một buổi chiều chứ. Một số người nói chiều thứ Sáu, ôi dào, xem hào phóng chưa kìa. Nhưng những người khác cố nhìn nó từ quan điểm của mình. Nếu không giành được hợp đồng mới, họ sẽ bị trảm. Và họ sẽ trảm ai nếu họ bị trảm? Các người đoán xem. Thế là sáng thứ Hai chúng tôi hồi hả trở lại và giả vờ như đang làm việc trong khi tiếp tục câu chuyện đã bắt đầu từ thứ Sáu sau vụ Tom bị bắt và kéo dài không nghỉ suốt cả cuối tuần, qua điện thoại và trong bữa sáng trưa chập một, với người thân và cánh phóng viên, và thông điệp trung tâm mà chúng tôi muốn truyền tải, ý nghĩa rút ra từ câu chuyện và cốt lõi của sự thật, là chúng tôi sung sướng đến ngần nào vì chúng tôi đã không chết tại nơi làm việc. Chúng tôi không bao giờ muốn

ngóm giữa những vách chia ngăn hoặc trên ngưỡng cửa căn phòng nơi chúng tôi làm việc hằng ngày. Hank Neary có một câu trích dẫn và chúng tôi lịch sự bảo anh ta đi mà nhét cái câu đó vào bụng. “Khi thần Chết đến, hãy để nó tìm tôi trong công việc.” Anh ta nói anh ta không nhớ Ovid hay Horace là người nói câu đó và chúng tôi trả lời rằng chúng tôi đểch thềm quan tâm Ovid Đờ Con Ngựa<sup>[45]</sup> nói gì. Ovid Đờ Con Ngựa sai hoàn toàn về cái chết và công việc. Chúng tôi muốn chết trên một con thuyền. Chúng tôi muốn chết trên một hòn đảo, hoặc trong một căn lều gỗ trên một sườn núi, không thì trên một trang trại rộng mười mẫu Anh với một cửa sổ rộng mở và làn gió mơn man.

Carl Garbedian, Chúa phù hộ anh ta, nộp thư xin nghỉ việc. Nếu bạn bắt buộc phải biết tận cùng câu chuyện của chúng tôi, một câu chuyện có trong các trang catalog Dịch vụ Văn phòng, về những cuộc đời không thể nói là thú vị như ông già và biển cả<sup>[46]</sup>, về những người sống trong thế giới sông nước xưa đuổi những cơn trầm uất bằng một cái chân giả điên khùng<sup>[47]</sup>, thì kết thúc của nó đây: Carl Garbedian là người duy nhất trong chúng tôi ra khỏi nghề quảng cáo vĩnh viễn. Những người còn lại chúng tôi không có được khả năng xa xỉ để kết thúc như một nhân vật chính trong kịch bản phim của Don Blattner, rũ bỏ sự nhàm chán bằng một chuyến đi lên dãy Himalaya tìm kiếm ngọc bích và những nhà hiền triết. Chúng tôi còn có những hóa đơn phải thanh toán và những hạn chế phải cân nhắc. Chúng tôi còn có gia đình để chu cấp và những kỳ nghỉ cuối tuần để khuây khỏa. Chúng tôi chịu đựng thất bại về trí tưởng tượng hết như tất cả mọi người khác, độ liều lĩnh của chúng tôi thì có hạn trong khi sự thỏa mãn với cuộc sống hằng ngày gần như là quá đủ để chúng tôi từ bỏ. Chỉ có Carl là thoát ra khỏi. Và hãy chờ đến khi các bạn nghe nói đến cuộc phiêu lưu kỳ thú mà anh ta dẫn thân vào. Anh ta nộp đơn nghỉ việc vào ngày thứ Hai sau vụ nổ súng, và khi hai tuần của anh ta đã hết, anh ta bắt đầu thực hiện kế hoạch kinh doanh về việc thành lập một công ty phong cảnh ngoại ô. Táo bạo đến mức khiến tất cả những anh hùng trong các kịch bản của Blattner phải hổ

thẹn! Nhưng tốt cho anh ta, chúng tôi nghĩ. Nếu đó thực sự là điều anh ta muốn. Bạn hẳn phải là một thằng ngốc mới đi từ bỏ căn phòng làm việc có điều hòa để đổi lấy cái nóng của Chicago tháng Bảy, nhưng tốt cho anh ta. Chúng tôi hỏi anh ta xem anh ta định làm gì trong mùa đông. “Xúc tuyết cho thành phố,” anh ta nói. Chúng tôi nói tốt cho anh, Carl. Lạy Chúa chí tôn! chúng tôi nghĩ. Xúc tuyết à? Trong một cái xe tải lúc ba giờ sáng giữa một cơn bão tuyết tê cóng tháng Hai? Và chúng tôi sẽ phải trích ra bao nhiêu tiền lại quả để giành được một hợp đồng xúc tuyết từ thành phố? Chúng tôi hỏi anh ta là anh ta định gọi công ty phong cảnh của mình là gì. “Garbedian và Con trai,” anh ta trả lời. Không đùa chứ? Anh ta định kinh doanh với bố mình à? “Không, không,” anh ta cười nhả nhổ. “Đó chỉ là một mảnh khốe nhỏ mà tớ học được từ quảng cáo.”

Mảnh khốe đó là sử dụng chữ nghĩa một cách mơ hồ. Sau cùng thì, nếu mọi chuyện diễn ra suôn sẻ, “Garbedian và Con trai” có nghĩa là ba gã Tây-Bồ sẽ đến tĩa tót thăm cỗ nhà bạn. Khi chúng tôi nói, “Đừng bỏ lỡ những khoản khuyến mại tuyệt vời này!” thì thực ra ý chúng tôi là chúng tôi phải tổng khứ những của nợ đó thật nhanh. “Giải thưởng không mất phí” có nghĩa là hãy chuẩn bị mà trả cho sạch túi. Chữ và nghĩa gần như lúc nào cũng xung đột với chúng tôi. Chúng tôi biết điều đó, bạn biết điều đó, họ biết điều đó, tất cả đều biết điều đó. Những từ duy nhất thực sự có chút ý nghĩa chết toi là, “Chúng tôi thực sự rất lấy làm tiếc về chuyện này, nhưng tôi sẽ phải để anh ra đi.”

Họ để Marcia Dwyer ra đi. Họ nhắm đến cô ta thậm chí còn trước khi nhân viên tòa nhà dọn xong những mảng sơn khỏi tường và thảm. Đã tưởng đâu Jim Jackers sẽ là lựa chọn logic tiếp theo. Có ai đâu óc bình thường lại đi chọn Marcia thay vì Jim chứ? Nhưng vì những lý do sẽ mãi mơ hồ, họ chọn Marcia. “Tái cơ cấu,” họ nói. “Mất khách hàng.” Chúng tôi đã nghe

điều đó bao nhiêu lần rồi? Nó vẫn chẳng đả động gì đến lý do tại sao là Marcia chứ không phải Jim. Như thế cũng chẳng khác gì đặt câu hỏi về quá trình lựa chọn đầy ngẫu nhiên và bí hiểm của những căn bệnh nan y.

Họ cho cô ta nửa tiếng đồng hồ để thu dọn đồ cá nhân của mình. Một phần của quy trình mới trong việc tổng tiến các cựu nhân viên là bác Roland phải đứng dựa vào tường với hai tay khoanh lại, lặng thinh theo dõi cô ta đóng đồ. Họ đang đối xử với Marcia như một tù nhân tại Trung tâm Cải tạo Joliet. Có thể họ phải làm như thế sau vụ bắt giữ Tom, nhưng điều nguy hiểm duy nhất ở Marcia chỉ là cái nhìn gườm gườm của cô ta. Chẳng lẽ bác ta thực sự phải đứng đó như thế à, như thế cảnh giác trước cử động bất thành linh? Chúng tôi đã tận mắt chứng kiến bác ta xử lý một vụ khủng hoảng như thế nào. Nếu Marcia đột nhiên quyết định vung một cái đập ghim lên kiểu như hơi đe dọa, bác ta sẽ lóng ngóng vờ cái bộ đàm Motorola và quên mất cả tên mình. Ít ra thì bác ta có thể đề nghị giúp đỡ chứ. Không làm được thế thì bác ta có thể ngồi xuống và thư giãn cho xong.

Marcia thu nhặt đồ của cô ta trên bàn, tủ kệ, giá sách, lấy xuống một cái đồng hồ, một bức tượng nhỏ, một chồng sách, rút phích cắm chiếc radio và quấn sợi dây quanh cái thân nhựa màu nâu của nó rồi cho vào hộp. Sau đó cô ta lục qua các ngăn kéo bàn mỗi lần một thứ linh tinh, kiểm tra từng vỉ diêm, danh thiếp, dây buộc tóc, băng y tế cá nhân, lọ đựng aspirin, lọ kem dưỡng da, ống hút cong queo, vitamin tổng hợp, tạp chí, giữa móng, sơn móng, dưỡng môi, và viên ngậm ho nằm lay lắt trong bàn của cô ta ai mà biết được là từ bao giờ. Nó thuộc về một chiếc hộp hay thùng rác nhỉ? Cô ta gỡ ra khỏi cái bảng gỗ bắc của mình một lô ảnh, biên lai, coupon, hóa đơn sinh hoạt, nhắc việc cá nhân, trích dẫn châm ngôn, thiệp chúc mừng, cuống vé, rồi những bức tranh do tay cô ta vẽ hoặc do các họa sĩ chuyên nghiệp mà cô ta ngưỡng mộ, và cả những thứ này nữa, cô ta cũng hoặc vứt đi hoặc cho vào một chiếc hộp. Phòng làm việc của Marcia trở lại tình trạng vô danh - không còn gì trên bàn ngoài máy tính và điện thoại, những

bức tường trống trơn, tấm vách ngăn nhem nhuốc mất sạch tất cả dấu vết hai nghìn ngày của cô ta giữa chúng tôi. Đó là một quá trình lột xác chóng vánh và ngơ ngẩn, nhìn nặng trĩu.

Genevieve Latko-Devine bước vào cửa phòng của cô ta trông tái mét và thở không ra hơi. “Tớ vừa mới nghe tin,” cô nói.

“Roland, bác làm tôi bực mình quá,” Benny nói. “Bác có thực sự phải đứng dựa vào tường như thế không hả?”

“Xin lỗi, Benny. Đó là một phần của những quy định mới.”

Tâm trạng trong căn phòng lặng lẽ và buồn bã cho đến khi Jim Jackers xuất hiện và hỏi Marcia là cô ta có định quay trở lại ăn mặc như một thằng hề và khùng bố tất cả chúng tôi bằng một khẩu súng bắn sơn không. Giá kể vào ngày khác Marcia hẳn đã khiến anh ta câm họng bằng một câu bộp chát, nhưng sự vô duyên của anh ta không còn động đến cô ta. Những điều Jim nói khiến chúng tôi thấy khó chịu giờ không còn làm cô ta khó chịu nữa.

“Tôi đã cư xử như một con mẹ khốn kiếp cả một năm qua,” cô ta vừa nói vừa ngồi lần cuối cùng xuống chiếc ghế của Ernie Kessler. “Tôi đã căm ghét tất cả mọi người, các cậu có biết tại sao không? Vì tôi nghĩ không đời nào họ xứng đáng được ở lại nếu như tôi bị đuổi việc. Nhưng suốt thời gian đó tôi đâu có bị đuổi việc. Tôi chỉ mới bị đuổi việc hôm nay. Tôi đã nghĩ trước xa quá, và căm ghét mọi người vì điều đó. Giờ thì cuối cùng tôi cũng có thể thôi làm một con mẹ khốn kiếp. Các cậu có biết điều đó làm tôi cảm thấy dễ chịu đến mức nào không? Tại sao họ không làm chuyện này một năm trước nhỉ?” cô ta hỏi.

Đây là một trong vài phản ứng có thể xảy ra - phản ứng kiểu trong cái rủi có cái may. Marcia đã tìm được một cái cớ đủ thông minh để đưa cô ta ra khỏi tòa nhà trong tư thế ngẩng cao đầu. Chúng tôi không ham hố gì đi bóc trần bản chất của cái cớ này, và thế là tất cả chúng tôi đều đồng ý rằng thật tốt là cuối cùng cô ta cũng có thể thôi làm một con mẹ khốn kiếp. Giá kể Amber mà có mặt lúc đó, kiểu gì cũng có nước mắt rơi.

“Các cậu có biết là kể từ khi bắt đầu cắt giảm biên chế,” cô ta tiếp tục, “tôi không thể nào tận hưởng nổi lấy một tách cà phê ở quầy cà phê không? Lúc nào tôi cũng quá lo lắng ai đó có thể đi ngang qua nhìn thấy tôi rồi nghĩ lẽ ra tôi phải đang làm việc chứ không phải ở quầy cà phê tận hưởng một tách cà phê. Giờ thì tôi có thể tận hưởng cà phê trở lại,” cô ta nói.

Không tận hưởng tách cà phê của ta ở quầy cà phê cũng còn tốt hơn là không có quầy cà phê nào. Hai mươi phút trước, ngay bản thân Marcia chắc cũng sẽ nói như thế thôi. Giờ thì một khoảng cách diệu vợi đã hiện ra giữa chúng tôi. Cô ta đã rơi xuống vực sâu đen tối, trong khi những người còn lại trong chúng tôi vẫn đứng mấp mé miệng vực, nhìn cô ta rơi tự do. Chẳng mấy chốc chúng tôi sẽ hoàn toàn không còn thấy bóng dáng cô ta nữa. Đúng là một cảnh tượng khó khăn, nhưng cô ta kia - không còn là một người trong chúng tôi nữa. Một kỷ nguyên đang đi đến hồi kết. Kỷ nguyên hăm dọa, tia tót, khinh thường và rìa rói. Kỷ nguyên của những bản ballad dở ẹc của các ban nhạc tóc xù những năm tám mươi vọng ra từ phòng cô ta. Kỷ nguyên của những lời sỉ nhục tan nát cõi lòng rồi tiếp sau đó xổ ra cơ man nào những lời xin lỗi tới bất kỳ ai ngoại trừ kẻ bị sỉ nhục. Chúng tôi sẽ không còn kiểu tóc mới của Marcia để mà trông đợi nữa. Thực lòng mà nói, chúng tôi đã trở nên rất quen với nó.

“Tớ có thể mang những cái hộp này về cho cậu bằng xe của tớ được không?” Genevieve hỏi. “Tớ sẽ rất vui lòng được chở chúng qua.” Chúng tôi không nghĩ Genevieve mảy may biết cô đang yêu cầu gì nữa. Genevieve



sống trong một căn hộ tầng thượng lộng lẫy ở Lincoln Park với người chồng luật sư của cô. Liệu cô có biết Bridgeport xa đến mức nào không? Mà thậm chí liệu cô có biết rằng có một nơi gọi là Bờ Nam?

“Tại sao lại là cô?” Benny nói với Marcia. “Thật nhảm nhí. Tại sao không phải là Jim đây?”

“Ê!” Jim nói.

“Các cậu có nhớ tuần trước,” Marcia nói tiếp, với vẻ thành thực có thể gây ấn tượng với người hoài nghi nhất, “khi tôi tình cờ bắt gặp Chris Yop ở trạm in không? Và các cậu có nhớ tôi đã khổ sở đến mức nào về việc giữ chiếc ghế của Tom Mota, có số series không khớp ấy? Các cậu đã bảo tôi đi vào đổi ghế của Tom lấy ghế của Yop, vốn từng là ghế của Ernie, nhớ chứ? Vì nếu bị phát hiện với chiếc ghế của Ernie thì sẽ tốt hơn là bị phát hiện với ghế của Tom? Các cậu có nhớ chuyện đó không?” cô ta hỏi. “Các cậu có nhận ra tất cả chúng ta đã trở nên loạn óc thế nào không?”

Cô ta ra khỏi ghế và đứng trước những chiếc hộp đã gần đầy trên bàn làm việc của mình, hai tay chống hông, cổ tay quay vào trong. Cô ta nhìn quanh một lần cuối cùng xem còn gì phải làm nữa và thấy là không còn gì. “Chà,” cô ta nói.

“Cô sẵn sàng chưa?” Roland hỏi.

Cô ta thậm chí không nhìn bác ta. Cô ta cũng không nhìn chúng tôi. Cô ta nhìn qua chúng tôi, tới những bề mặt bụi bặm nơi đồ đạc của cô ta từng ngự, tới những bức tường trống trơn mà giữa chúng suốt sáu năm qua cô ta đã hoàn thành công việc mang đến cho cô ta một kế sinh nhai. Rốt cuộc là thế này sao? Rốt cuộc là chẳng có lẽ lạt gì, ngoài việc được Roland hộ tống ra khỏi cửa?

“Tôi sẽ mang giúp cô những hộp này xuống,” Benny nói.

“Các cậu biết không?” cô ta nói. “Gượng đã.” Cô ta mở tung chúng ra lần nữa và chăm chú nhìn vào trong mỗi hộp đến cả một hoặc hai phút. “Tôi không muốn bất kỳ thứ gì trong đồng phế thải này,” cuối cùng cô ta kết luận. “Các cậu nhìn xem nhé? Cái gì đây?” Cô ta rút ra một bức tượng đúc khuôn nhỏ rẻ tiền của Nữ thần Tự do. Sau đó cô ta giơ lên một cuốn sách nhỏ có tiêu đề *50 bí quyết cho nhà tiếp thị qua thư trực tiếp*. “Roland,” cô ta nói, “bác có thể vứt những cái hộp này đi hộ tôi được không?”

“Chờ một phút, khoan đã,” Benny nói.

“Cô không muốn lấy đồ của mình à?” Roland nói.

“Marcia,” Genevieve nói.

“Nó được gọi là phế thải vô tích sự, Roland,” Benny nói. “Và tất nhiên cô ấy muốn chúng.”

Thật điên mới ra đi mà không mang theo những đồ phế thải vô tích sự của bạn. Bạn bước vào với chúng, bạn đi ra với chúng - kiểu nó phải như thế. Bạn sẽ lấy gì để bày biện cho một phòng làm việc mới nếu không phải là những đồ phế thải vô tích sự của bạn chứ? Chúng tôi nhớ Brizz Già với cái hộp đồ phế thải vô tích sự của lão, chuyển cái hộp từ tay này sang tay kia trong lúc lão nói chuyện với tay nhân viên tòa nhà. Tất nhiên, Brizz Già không bao giờ có một phòng làm việc khác nữa. Đồ phế thải vô tích sự của lão quả thực là vô tích sự. Lão có lý do để bỏ lại thứ đồ phế thải vô tích sự của mình. Nhưng trường hợp của lão là hiếm. Tính đi tính lại, tốt nhất là cứ mang đồ phế thải vô tích sự của bạn đi cùng.

“Marcia, mang chúng theo đi,” Benny nói.

“Tớ rất vui lòng được chở chúng qua nhà cậu tối nay,” Genevieve nói.

“Nhưng tớ chẳng muốn bất kỳ thứ gì,” Marcia nói.

Đó là cách khiến chúng tôi biết mình cảm thấy thương hại họ. Trước dấu chấm hết của họ, chúng tôi biết họ qua những thói tật, những lời than vãn, rồi những ưu việt tào lao của họ, và mới chỉ một ngày trước, chúng tôi còn nghĩ giá kể tất cả những điều đó đột nhiên biến mất thì càng tốt. Thế rồi khi chúng tôi nhìn họ bê một cái hộp đầy những thứ phế thải vô tích sự ra thang máy, trông họ lại thật đáng thương và con người.

Nhưng Marcia từ chối và, sau những cái hôn và lời tạm biệt, bước về phía thang máy cùng với Roland, không mang theo gì ngoài chiếc túi vải Jean có chức năng như chiếc túi xách tay của cô ta. Cô ta có lẽ thậm chí còn chưa xuống đến tầng sảnh trước khi Jim Jackers bắt đầu vơ vét đồng phế thải vô tích sự mà cô ta đã bỏ lại phía sau.

Không ai có thể tin nổi rằng Benny lại để Marcia đi khỏi mà không thú nhận rằng anh ta đã phải lòng cô. Anh ta đã tự hứa với mình là sẽ nói và đã ngu ngốc bản tin về lời hứa đó tới những người còn lại trong chúng tôi, nhưng cứ mỗi khi đến thời điểm, anh ta lại có một cái cơ mới. Ngày thứ Hai sau vụ xả súng của Tom, anh ta còn quá bận bịu với việc thu lượm các phiên bản đối chọi nhau về chuyện đã xảy ra và còn thêm vào cả phiên bản của mình nên không thể nào dứt ra được. Chuyện này tiếp tục qua cả thứ Ba, và rồi đến thứ Tư anh ta kêu ca rằng anh ta quá bận bịu làm vụ hợp đồng mới. Đến thứ Năm Joe nói với chúng tôi rằng Lynn đang ở trong bệnh viện, và chúng tôi bị cuốn vào việc cãi cọ xem là việc chúng tôi đi thăm chị có phải là một ý tưởng tốt hay không. Nhưng bây giờ đã là thứ Sáu, và đột nhiên Marcia lại ra đi mãi mãi, ấy thế mà Benny vẫn chưa nói được gì. Làm

thế nào mà anh ta vừa là một kẻ mồm mép sôi nổi tự tin lại vừa là một kẻ đang yêu nhút nhát đến thế, đây đúng là một điều bí ẩn đối với chúng tôi. Jim ra khỏi phòng của Marcia cầm theo món đồ lưu niệm tượng thần Tự do mà Marcia đã rỏ rúng trên đường ra, cùng với một chiếc ly con và một tờ *Vogue*.

“Benny này,” anh ta nói, “cậu thực sự định để cô ấy đi khỏi mà không nói gì với cô ấy à?”

Chuyện đó vẫn xảy ra liên tục. Có thể có người mang nỗi lòng chính đáng nào đó đáng được thổ lộ. Có thể có người có lời ca ngợi nào đó không nên giữ kín trong lòng. Không ai nói gì. Tạm biệt và giữ liên lạc nhé, đó thường là tất cả những gì chúng tôi nói. Bảo trọng nhé, chúc may mắn. Chúng tôi không dả động gì đến thương mến, cảm kích, ngưỡng mộ cả. Nhưng chúng tôi cũng không nói đừng có để cửa đập vào mông trên đường ra nhé.

“Mai cô ấy vẫn đi thăm Lynn cùng với chúng ta chứ hả?” anh ta hỏi. “VẬY là mai tớ sẽ gặp cô ấy. Khi ấy tớ sẽ nói. Có gì to tát chứ?”

Nhưng thứ Bảy đến rồi đi, chúng tôi đi thăm, nhưng rồi anh ta vẫn chẳng nói gì. Thứ Hai sau đó, Marcia xuất hiện tại sảnh của tòa nhà, hệt như lấy ra một trang trong cuốn sách của Tom Mota.

Roland đang có mặt ở quầy tiếp tân và nhất định không cho phép cô ta lên, thậm chí như khách cũng không được.

“Tôi rất tiếc,” bác ta nói. “Sau vụ việc kia, chúng tôi không thể để các nhân viên cũ quay lại tòa nhà. Thậm chí cô còn không được phép vào trong sảnh kia,” bác ta nói.

Cô thuyết phục được bác ta gọi Benny. “Cho cô ấy lên đây!” Benny găm lên với Roland qua điện thoại. “Bác bị làm sao vậy?”

“Tôi không thể làm thế được, Benny,” Roland nói một cách bất lực trong khi Marcia trừng mắt nhìn bác ta qua ống kính. “Như thế là trái với các quy định mới.”

“Hừ, nếu thế thì bảo cô ấy chịu khó chờ,” Benny vừa trả lời vừa đứng lên. “Tôi sẽ xuống chỗ cô ấy.”

Anh ta chỉnh lại những lọn tóc xoắn tít của mình qua lớp đồng mờ xỉn của thang máy. Khi xuống đến tầng trệt anh ta hít vào một hơi lấy can đảm rồi bước ra cùng với vài người khác. Đang là giờ ăn trưa. Mọi người đang ra vào qua những cánh cửa xoay.

“Thôi nào, bác,” anh ta vừa nói vừa lại gần Roland. “Trông cô ấy giống một mối đe dọa với bác lắm sao?”

“Là do những quy định mới thôi, Benny!”

“Đừng gây khó dễ với bác ấy,” Marcia nói. “Bác ấy chỉ đang làm công việc của mình.”

“Cô quay lại đây làm gì vậy?” Benny hỏi.

Cô ta quay lại, cô ta nói, để tháo rời chiếc ghế của Chris Yop, cái ghế vốn từng là của Ernie Kessler, để cô ta có thể ném nó từng mảnh một xuống hồ.

“Tất nhiên rồi,” Benny nói. “Hãy ra ngoài nói chuyện đi.”

Và tất nhiên là thế rồi chúng tôi nhìn thấy họ nói chuyện bên ngoài tòa nhà trên đường chúng tôi đi ăn trưa về. Chúng tôi dành cả tiếng đồng hồ đoán già đoán non xem Marcia quay trở lại văn phòng làm gì và hai người bạn họ đang bàn bạc chuyện gì. Có khi cô ta thích *anh ta*. Có khi Roland, ở vị trí của bác ta dưới sảnh, cũng đang băn khoăn chính điều đó, bởi vì bất chấp việc Benny mắng bác ta xơi xơi vì giữ Marcia ở dưới sảnh theo quy định mới, chúng tôi biết hai người đàn ông bạn họ là bạn bè, và rằng Benny đã nói chuyện với bác ta đúng như anh ta đã nói với những người còn lại trong chúng tôi về cơn phải lòng mê mết và đơn phương của anh ta. “Vậy cậu định sẽ làm gì về chuyện đó, Benny?” bác ta hỏi. “Tôi sẽ nói với cô ấy,” cuối cùng Benny cũng tuyên bố, sau vụ xả súng của Tom. “Tôi đã tự hứa với mình là tôi sẽ nói và chắc chắn tôi sẽ nói.” Biết đâu, bác Roland nghĩ bụng, lời thú nhận đó đang diễn ra chính ngay lúc này, ngay bên ngoài tòa nhà. Bác ta hướng sự chú ý của mình trở lại mở công việc giấy tờ ít ỏi hằng ngày. Khi bác ta ngẩng lên mười phút sau để xem mọi chuyện đang diễn tiến thế nào, Benny và Marcia đã biến mất.

Roland tưởng chừng như đã nhìn thẳng vào chính họ khi họ bước qua, nhưng họ được che chắn giữa một nhóm luật sư của hãng luật tầng dưới cũng đang đi vào và cuối cùng bác ta lại nhìn ra chỗ khác. Họ đi qua trôi chảy, và sau khi ra khỏi thang máy trên tầng sáu mươi, cùng bước về hướng ngăn của Jim.

Marcia muốn Benny bảo đảm rằng Jim không có ở đó. Benny giải thích rằng anh ta đã cử Jim đi mua bánh sandwich ở quán Potbelly, nơi mà dòng người xếp hàng bao giờ cũng dữ dằn.

“Tôi cam đoan với cô,” anh ta nói. “Cậu ta sẽ không quay lại trong vài tiếng nữa.”

“Nếu anh mà nói với bất kỳ ai về chuyện này,” Marcia nói, với cái giọng cảm cầu, dằn mặt quen thuộc. Anh ta mới yêu cái giọng đó biết bao!

“Tôi sẽ không đi hăm dọa tôi ngay lúc này đâu nếu tôi mà là cô,” anh ta nói với cô ta. “Một cú điện thoại xuống chỗ Roland là tôi có thể khiến cô bị bắt đấy.”

Họ đi một mạch tới ô của Jim và Marcia đặt dựng chiếc phong bì thẳng đứng giữa hai hàng phím trên bàn phím của anh ta trước khi nhận ra món đồ lưu niệm cô ta đã mua trong một chuyến tham quan cùng gia đình đến tượng Nữ thần Tự do. “Ê, cái này làm gì ở đây thế này?” cô ta hỏi. Rồi cô ta nhận ra rằng Jim còn có cả chiếc ly con Fighting Illini của cô ta, vài cuốn tạp chí, và sợi dây đeo chìa khóa cung Hồ Cáp có liệt kê những nét chính trong tính cách của cô ta. Sau vụ vợ vét đầu tiên, anh ta đã quay lại kiểm thêm. “Thế đích nào thế này?” cô ta hỏi.

“Chậc,” Benny trả lời, ngượng ngùng. “Cô chẳng bỏ chúng lại còn gì nữa.”

Jim không phải người duy nhất có đồ của Marcia. Nếu ở lại sục sạo thêm những chỗ làm khác, cô ta hẳn sẽ tìm thấy chúng được chia đều giữa chúng tôi, rải rác khắp văn phòng. Những thứ duy nhất chúng tôi bỏ lại là những miếng tampon chưa sử dụng của cô ta cùng sách giáo khoa về marketing. Trong vòng hai tiếng đồng hồ sau khi cô ta đi khỏi, mấy cái hộp của cô ta đã được dọn sạch sẽ. Don Blattner lấy chiếc radio của cô ta. Karen Woo quét qua giá sách của cô ta. Ai đó với hành tung vô cùng bí ẩn lên vào lấy chiếc ghế của Chris Yop, vốn trước kia là của Ernie, mà Marcia đã thay thế bằng ghế của Tom Mota, cái mà Chris Yop đã lẳng xuống hồ. Giờ thì một người nào đó khác đã phải nhận gánh nặng sở hữu số series sai nhưng cũng lại có những niềm vui của một kiệt tác lao động.

“Bây giờ tôi thậm chí còn không cảm thấy muốn đưa nó cho anh ta nữa,” cô ta vừa nói, vừa vờ tay về phía chiếc phong bì.

“Đừng làm thế,” Benny nói.

Cô ta lại để nguyên chiếc phong bì ở chỗ của nó.

Những người không đi ăn trưa hôm đó nhìn thấy họ nói chuyện bên thang máy. Thế tức là hầu hết trong chúng tôi, do yêu cầu cấp bách của hợp đồng mới. Chúng tôi bán khoản chính cái điều mà những người đi ăn trưa đã bán khoản. Sau khi Marcia lên qua khỏi Roland trên đường cô ta ra - bước khỏi một thang máy đông chật, giả trang rất tài tình như một người trong chúng tôi - tất cả chúng tôi đi xuống phòng Benny hỏi xem họ đã nói về những chuyện gì. Anh ta nhất định không nói. “Có gì đâu,” anh ta nói, cự tuyệt chúng tôi thẳng toẹt. Chúng tôi buộc phải nghĩ rằng điều đó chỉ có thể báo hiệu tin xấu. Một người ba hoa chích chòe như Benny Shassburger mà xuống đến mức “Có gì đâu?”. Rõ ràng điều đó nghĩa là anh ta đã bị cự tuyệt. Chúng tôi hỏi anh ta lần thứ hai rồi lần thứ ba. Mười lăm phút sau chúng tôi quay lại và hỏi vẫn câu hỏi đó theo một cách khác. Chúng tôi gửi email cho anh ta. “Có gì đâu,” anh ta viết lại. Không muốn bám dai dẳng quá, chúng tôi đành để vụ đó chìm xuống.

Khi quay về chỗ, sau khi đã để lại bánh sandwich cho Benny, Jim bối rối trước cái phong bì trắng trên bàn phím của mình. Trên mặt trước của tấm thiệp, một tấm thiệp Hallmark in đại trà rẻ tiền làm bằng giấy tái chế, cái mũi béo múp và đôi tai nặng nề của một con chó săn gổi trên một đôi chân bắt chéo nhau, trong khi thân hình lông lá màu việt quất của nó lơ lửng trên một nền xanh. Phía trên cái đầu rầu rĩ hếch lên của nó, một bong bóng ý nghĩ hình đám mây tuyên bố, “Tôi cảm thấy thật buồn...” Và ở mặt trong, “Vì cách tôi đối xử với bạn.” Không có dòng chữ nào, không tua lại chuyện



lặt vặt cụ thể nào. Chỉ có tên cô ta để cho anh ta biết ai đã để nó lại. *Marcia*. Nó được nguệch ngoạc một cách miễn cưỡng. Anh ta ghim tấm thiệp lên vách ngăn của mình.

Tom đang bị tạm giữ tại một nhà giam trung tâm gần tòa án thành phố. Trong phiên tòa đầu tiên, tiền bảo lãnh của gã được ấn định ở mức hai mươi nghìn đô la, một số người chúng tôi nghĩ là hơi nhiều, còn những người khác lại cho là quá ít. Xét cho cùng thì cũng chẳng quan trọng vì không có ai lại đi đóng khoản đó cho gã, và gã cũng không muốn chia tay với chút tiền nào trong cái khoản ít ỏi gã dành dụm được từ việc bán ngôi nhà Naperville. Hoặc chí ít thì gã cũng nói vậy với Joe Pope, người đến thăm gã. Tom khốn khổ khốn nạn với ý niệm lập dị và gàn dở, nhưng ngay cả gã chắc chắn cũng phải biết rằng tiền án phí, thuê luật sư, rồi các khoản phạt mà gã sẽ phải trả cho cái màn biểu diễn nho nhỏ của mình sẽ khiến gã khánh kiệt mãi mãi. Chúng tôi không hề nghi ngờ rằng quyết định bám dính lấy nhà tù của gã chịu ảnh hưởng bởi thực tế là gã đã bị xử lý vào một ngày thứ Sáu, và rằng nếu mà nộp tiền bảo lãnh thì gã sẽ chẳng còn gì ngoài một cuối tuần dật dẹo để luẩn quẩn cho qua ngày, nốc đến xin rồi quây phá những nhân viên quản trị tại khu chung cư của mình, và soạn email cho những người không bao giờ viết trả lời gã. Vì vậy gã đã quyết định ở lại thưởng thức mấy bữa ăn nóng sốt bằng tiền của bang cho đến khi bị khởi tố, khi mà gã sẽ bị truy tố với năm tội liên quan đến hành hung, phá hoại tài sản tư và xâm phạm trái phép.

Khi chúng tôi nghe kể là Joe Pope đến thăm gã, chúng tôi phát rồ lên vì không tin nổi. Chúng tôi ngạc nhiên, bối rối, tức giận, tò mò, kích thích và chết lặng. Chúng tôi phải vận hết sức để không bác bỏ cái tin đồn đó như một sự bịa đặt vô lý. Nhưng không, đúng thế thật, chính Joe đã thừa nhận điều đó trước khi bắt đầu một cuộc họp trong Phòng Michigan. Chúng tôi

có mặt ở đó để thảo luận chi tiết của thứ nước uống đóng chai có caffein, và mọi người đều lo sợ đến một đêm dài. Vừa so sánh những lời kể trái ngược nhau vừa cùng lúc cố gắng giành một hợp đồng mới, việc này đang rút sạch sức lực của chúng tôi. Bàn đến bất kỳ chuyện gì khác ngoài công việc sẽ chỉ càng làm trì trệ thêm mọi thứ, nhưng chúng tôi không thể nào tìm được, và một người hỏi Joe khi anh ta bước vào là có thực như thế không. Có phải anh ta đã trở thành người vợ đi thăm nuôi ở tù cho Tom Mota?

Joe mỉm cười. Anh ta đặt cuốn sổ kế hoạch bìa da của mình xuống và kéo một chiếc ghế ở đầu bàn phòng họp ra.

“Không, nghiêm túc đấy,” Benny nói. “Anh có đến thăm anh ta không?”

“Tôi có đi.”

“Sao lại thế?”

Joe ngồi xuống và đẩy ghế vào. “Tôi thấy tò mò,” anh ta nói.

“Tò mò về cái gì?”

Joe nhìn quanh căn phòng. Chúng tôi im lặng. “Các cậu có nhớ anh ta đã nói gì với tôi không?” anh ta hỏi chúng tôi. “Anh ta đang đứng trong hành lang, cầm súng, mà lúc đó tôi cứ tưởng súng thật cơ. Và anh ta nói, nhớ anh ta nói gì không? Anh ta nói, ‘Joe, tôi đến mời anh đi ăn trưa.’”

Một số người chúng tôi nhớ là có nghe thấy Tom nói thế và một số thì mới nghe thấy lần đầu tiên. Điều chúng tôi nhớ rõ nhất là Tom đang tuôn ra những câu lấp bắp thần kinh nào đó khi gã lượn quanh và bóp cò - những câu nói điên khùng nói lên rằng chúng tôi đang nằm trong tay một kẻ tâm thần.

“Không, sau tất cả những câu đó,” Joe nói. “Điều cuối cùng anh ta nói trước khi Andy hạ anh ta.”

“Tôi không nhớ là anh ta nói rằng anh ta muốn đưa anh đi ăn trưa,” Larry Novotny nói.

“Có thể là bởi vì lúc đó, Larry,” Karen Woo nói, “anh còn đang co rúm người với Amber trong phòng đặt máy chủ.”

Theo lời Joe, Tom nói câu đó một cách bình tĩnh và điềm nhiên đến nỗi nó cũng gây sốc chẳng khác gì việc nhìn thấy anh ta đứng đó. Hay nói đúng hơn, chính sự tương phản giữa câu anh ta nói - “Tôi đến mời anh đi ăn trưa” - và việc anh ta đang làm - ăn mặc như một thằng hề tay cầm súng - mới thật kỳ quặc. Thế nghĩa là thế nào? Anh ta bắn khoản. Liệu có phải là cách nói hoa mỹ? Liệu có phải Tom thực sự định giết anh ta và đó là một cách nói bóng gió của anh ta? Nếu thế, tại sao anh ta lại chìa khẩu súng xuống đất ngay khi anh ta nói điều đó? Khi ấy Joe chưa biết đó là một khẩu súng bắn đạn sơn. Khi anh ta hiểu ra, thì dường như Tom đã thực sự muốn đưa anh ta đi ăn trưa thật.

“Anh nghĩ là anh ta muốn đưa anh đi đâu?” Jim Jackers hỏi.

“Quán cà phê Sherwin-Williams,” Benny châm biếm.

“Jim,” Karen vừa nói vừa lắc đầu về phía anh ta từ bên kia bàn, “anh ta định đưa anh ấy đi đâu có quan trọng gì.”

“Sau khi anh ta bị bắt,” Joe nói tiếp, “Carl đến phòng tôi cho tôi xem một bức email Tom đã gửi cho anh ấy. Trong đó nói rằng hôm ấy Tom sẽ ghé

qua văn phòng vì anh ta muốn nói chuyện với tôi. Tôi đến gặp anh ta vì tôi thấy tò mò. Anh ta muốn nói chuyện gì với tôi?”

“Vậy là chuyện gì?” Benny hỏi.

“Ralph Waldo Emerson,” Joe nói.

“Ralph Waldo Emerson?”

“Ông ta có phải cái gã có cái ao không?” Jim hỏi.

“Cậu đang nghĩ đến Henry David Thoreau rồi,” Hank nói.

“Jim đang nghĩ đến lũ ếch Budweiser,” Karen nói.

Chúng tôi nhớ lại cuốn sách Tom đã mua cho Carl Garbedian, và điều anh ta nói với Benny vào cái ngày anh ta bị cho đi đứt. Tom Mota, thừa quý ông quý bà - kẻ nghiện martini, kẻ viết email phong cách Gonzo, kẻ từng có thời vung vãi một cây gậy nhôm, người cực kỳ say mê làm vườn, kẻ khủng bố đạn sơn, và học giả cây nhà lá vườn về Emerson của chúng tôi. Anh ta có cái thói tật khó chịu trong thời gian ở với chúng tôi là dán những câu châm ngôn trên tường. Chúng tôi không ghét gì hơn là có người trích dẫn nhằm vào chúng tôi từ vách tường của họ. Hank Neary là người duy nhất có thể trích dẫn nhằm vào chúng tôi mà không sao vì hiếm khi anh ta nói được câu gì có nghĩa, vì thế chúng tôi biết rằng câu trích dẫn phải mang hàm ý gì đó và chúng tôi trầm trồ trước sự tối nghĩa của nó. Những câu trích dẫn cố gắng rao giảng cho chúng tôi hoặc cải tạo lề thói của chúng tôi, giống những câu mà Tom thích - chúng tôi không khoái những câu trích dẫn đó. Chúng tôi đặc biệt ác cảm bởi những câu của Tom vì dường như thật là trớ trêu khi Tom Mota lại đang cố gắng chỉ cho chúng tôi thấy một con đường sống tốt hơn, trong khi cứ nhìn gã mà xem! Thật là một kẻ điên

khùng. Những câu châm ngôn của gã không bao giờ được phép ghim lên quá lâu. Phải mất mấy ngày gã mới nhận ra và rồi gã sẽ gầm rú lao ra hành lang, với cái vẻ hùng hổ không thể bắt chước được của mình, “Đồ khốn nạn nào ăn cắp những câu trích dẫn của tao?”

Gã và Joe được bố trí vào một căn phòng nhỏ, không có cửa sổ. Chúng tôi trông đợi thứ gì đó khác cơ: một ngăn riêng, chút kính chống đạn, một cặp điện thoại màu đỏ. Nhưng theo như Joe thì đó là một căn phòng không lớn hơn phòng làm việc bình thường trên tầng sáu mươi. Gần như có thể hình dung ra cuộc trò chuyện khó tin của họ diễn ra ở nơi mà các cuộc trò chuyện luôn diễn ra đối với chúng tôi, chỉ có điều là lần này, cánh cửa được khóa từ bên trong, và Tom không được cấp tập giấy nào để dán những câu châm ngôn thống thiết và kịch cớm của gã. Joe đang ngồi ở bàn khi Tom được áp giải vào bởi hai lính gác. Gã mặc một bộ áo liền quần màu nâu với chữ D.O.C<sup>[48]</sup> in trên lưng, và gã còn bị còng tay. Hai lính gác nói với họ rằng họ có mười lăm phút.

“Được đối xử ổn chứ, Tom?”

“Lũ khốn kiếp kia thế nào?” Tom hỏi. “Hồi phục chưa?”

Joe điếm qua cho Tom biết những nét cơ bản của các sự kiện sau khi gã bị bắt. Tom nói gã rất vui khi chúng tôi được nghỉ chiều thứ Sáu. Họ nói về tình hình của Tom, những luật sư của gã nói họ có thể làm được gì cho gã nếu gã xin nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải. Sau đó Joe hỏi gã là gã đã đến đó để hỏi anh ta chuyện gì.

“Tôi chỉ hỏi, ‘Hôm đó anh muốn nói chuyện gì với tôi hả Tom?’” Joe nói với chúng tôi. “Và cuối cùng anh ta thú nhận rằng chính anh ta là kẻ đã viết chữ *Đĩ đực* lên tường phòng tôi.”

“Không đùa chứ,” Benny nói.

“Tôi lại cứ tưởng anh tự làm chuyện đó,” Jim Jackers nói.

“Không,” Joe nói.

“Jim, hãy nghĩ mà xem,” Karen nói. “Tại sao Joe lại làm thế với phòng làm việc của anh ấy chứ? Lạy Chúa.”

“Tôi không thể nói với anh là tôi đã hỏi anh ta bao nhiêu lần, Joe,” Benny nói. “Tôi nói, ‘Tom, thôi nào, anh bạn, nói thật cho tôi biết đi. Vụ tường phòng Joe là anh làm đúng không?’ Lần nào anh ta cũng chối phắt.”

Tom cố gắng tự biện bạch cho mình. “Tôi không chịu tuân theo,” gã nói với Joe. “Khi ai đó nói điều gì đó ngu xuẩn, mọi người đều mỉm cười rồi ngượng nghịu lắc đầu. Nhưng tôi, tôi bảo họ như thế là ngu xuẩn. Tất cả mọi người đều nghe cùng một đài phát thanh khốn kiếp. Quỷ tha ma bắt trò đó đi. Tôi ở lại muộn và đi qua bàn làm việc của mọi người rồi xoay núp vạy. Tôi mặc ba chiếc áo phông chồng lên nhau suốt một tháng, Joe, vì tôi không hề bị dốt mũi và tôi muốn mọi người biết thế. Tôi học được tất cả những điều đó từ việc đọc Emerson. Tuân theo tức là đánh mất linh hồn mình. Vì thế tôi phản kháng bất kỳ lúc nào có cơ hội và tôi bảo họ biến mẹ đi cho và cuối cùng họ sa thải tôi vì điều đó, nhưng tôi nghĩ, Ralph Waldo Emerson sẽ tự hào về Tom Mota.”

Genevieve lên tiếng từ phía cuối bàn họp. “Anh ta hài lòng với bản thân à?”

“Không, anh ta không hài lòng với bản thân mình,” Joe nói. “Chờ đã.”

“Nhưng điều mà bấy lâu nay tôi không biết, Joe ạ,” Tom tiếp tục, “là tôi ở dưới đây.” Joe diễn tả để giải thích điều Tom định nói. Tom làm chiếc còng tay của gã kêu lách cách khi hai bàn tay bất thành linh huơ mạnh lên thành một vòng xoáy, chấp chới ngay phía trên mặt bàn. “Dưới đây, hẳn học với mọi thứ. Cái lối mòn tôi mắc kẹt bên trong. Khoản lương không-bao-giờ-đủ của tôi. Mọi người. Tôi lồng lộn xung quanh. Tôi thọc mũi vào chuyện của mọi người. Khi nào cần văng một câu xúc phạm là tôi văng ngay. Khi tôi có thể dè bieu ai đó, tôi nắm ngay lấy cơ hội. Tôi vạch chữ *Đĩ đực* trên tường của anh. Và tôi nghĩ, đó là bởi vì tính tôi bất kham. Nếu họ không thích điều đó, họ có thể sa thải tôi, bởi vì tôi không thể sống như mọi người khác. Nhưng rồi khi anh bước vào và nhìn thấy những gì tôi đã viết, Joe, anh đã làm gì? Anh có nhớ không?”

“Tôi không thể nhớ chính xác,” Joe nói với chúng tôi. “Tôi nhớ là đã gọi Mike Boroshansky và bảo bác ta rằng có người đã phá hoại phòng làm việc của tôi. Nhưng ý Tom không phải là như thế. Sau đó cơ, anh ta nói. Sau vụ thông báo chính thức và tất cả những chuyện đó. Tôi có nhớ khi ấy tôi đã làm gì không? Và tôi bảo anh ta tôi không thể nhớ được cụ thể.”

“Anh để nó nguyên ở đó,” Tom nói. “*Anh để nó nguyên ở đó*. Cảnh quản lý tòa nhà rồi người quản lý văn phòng, ai biết được lũ chết tiệt làm ăn thế nào, nhưng bất kể có là gì đi nữa, vụ đó chắc chắn cũng đã chơi khó họ, vì phải mãi đến ngày hôm sau - anh không nhớ à? - họ mới xóa được nó đi.”

Chúng tôi hỏi Joe là có đúng thế không. Có đúng là phải đến ngày hôm sau họ mới xóa được chữ *Đĩ đực* khỏi tường của anh ta?

“Có thể,” anh ta trả lời. “Tôi nhớ là nó khiến họ mất một thời gian. Nhưng nói thật, tôi đang định tiếp sang những gì Tom nói với tôi.”

“Tôi cam đoan với anh đấy,” Tom nói, “phải mãi đến ngày hôm sau. Cứ mỗi khi tôi bước qua, việc đầu tiên tôi làm là nhìn vào anh. Tôi cứ tưởng sẽ thấy anh đang xù lông lên, quát tháo trên điện thoại với ai đó về việc tại sao nó vẫn còn ở kia. Nhưng thay vào đó tôi đã thấy anh đang làm gì? Anh đang làm việc. Anh đang... tôi không biết là gì nữa. Nếu mà là tôi, chắc chắn tôi đã quát chửi ai đó cứ năm phút một cho tới khi họ đến cùng một thùng sơn khốn kiếp và che đi cái dòng chữ chết tiệt đó, bởi vì có ai muốn bị gọi là một thằng đĩ đực đâu? Nhưng anh? Anh không đếm xỉa gì. Nó không thể chạm đến anh. Vì anh ở trên *này*, Joe,” Tom nói.

Joe lại diễn tả một lần nữa. Tom đã giơ một bàn tay bị còng của gã lên cao hết mức có thể để diễn tả nơi mà gã nghĩ Joe đang ở, bàn tay thứ hai không còn lựa chọn nào ngoài việc phải giơ theo.

“Tôi cứ tưởng *tôi* ở trên đó, nhưng không, suốt thời gian đó, *tôi* ở dưới *này*, với tất cả mọi người khác - lờn lộn, xoay vần, buôn chuyện, dối trá, lươn lẹo, tự đẩy mình vào một cơn điên khùng. Tôi làm tất cả những gì họ làm, chỉ là theo cách của riêng mình. Nhưng anh,” gã nói, “anh ở đây, Joe. Anh ở trên *này*.” Bàn tay gã diễn tả chỗ của Joe một cách mạnh mẽ đến nỗi nó làm bàn tay thứ hai lắc qua lắc lại.

“Tôi cố gắng bảo anh ta rằng điều đó chưa hẳn đã đúng,” Joe nói. “Có thể là *tôi* ở *tít* dưới *này* mà anh ta không biết đấy thôi,” anh ta vừa nói, vừa cúi gằm xuống bàn họp để có thể chạm tay xuống sàn nhà. “Nhưng Tom đã quả quyết thế rồi. *Tôi* ở trên *này*.” Joe vươn cánh tay lên không trung một lần nữa.

“Tôi cứ tưởng mình là kẻ sống đúng đắn,” Tom nói. “Tôi là kẻ đã nói quỷ tha ma bắt mày đi trước những nỗi khốn nạn của cuộc sống văn phòng. Không ai có thể chống lại việc tuân thủ như mọi người trong khung cảnh công sở, nhưng *tôi* đã làm được. Cố gắng thể hiện từng ngày một để chứng



tỏ tôi khác với tất cả mọi người còn lại như thế nào. Chứng minh tôi tốt hơn, khôn ngoan hơn, thú vị hơn. Rồi tôi nhìn thấy anh ngồi làm việc ngay bên cạnh từ *Đĩ đực* trên tường - làm việc - *điềm nhiên* - và tôi biết - *anh* mới là người đó. Không phải tôi. Tôi từng nghĩ rằng đó chẳng qua chỉ là vì anh hợm hĩnh. Nhưng rồi tôi biết đó không phải là sự hợm hĩnh. Đó đơn giản là bản chất của anh. Và tôi căm ghét anh vì điều đó. Anh có nó, còn tôi thì không, và tôi căm ghét anh.”

Chúng tôi hỏi Joe là anh ta có thực sự điềm nhiên không vào cái ngày anh ta nhìn thấy chữ *Đĩ đực* trên tường của mình.

“Điềm nhiên?” anh ta nói. “Tôi không chắc đó là từ diễn tả chính xác. Tom nghĩ anh ta hiểu tôi, nhưng anh ta không hề. Và tôi đã cố gắng nói với anh ta điều đó, tôi nói, ‘Tom, khi nhìn thấy phòng làm việc của mình bị phá hoại như thế, anh không biết là điều đó làm tôi cảm thấy thế nào đâu. Có thể tôi đã muốn tự tử. Có thể tôi đã vào nhà vệ sinh và khóc. Đừng có đình ninh là anh biết.’ Nhưng anh ta không chịu nghe.”

“Thế anh có khóc không,” Jim hỏi.

“Jim, nếu khóc thì đời nào anh ấy đi kể với chúng ta,” Karen nói.

“Tôi không khóc,” Joe nói.

“Tôi biết là anh không khóc,” Tom nói. “Bởi vì anh không thềm bậ tâm. Và tôi không còn lựa chọn nào khác ngoài việc kính trọng anh vì điều đó, cho dù tôi căm ghét anh. Tôi vẫn còn căm ghét anh cái ngày mà họ cho tôi nghỉ, và có lẽ là cả ngày sau đó, nhưng đến ngày thứ ba, nó biến mất, tất cả cảm giác đó... đơn giản là... *bụp*, tôi không biết tại sao. Có thể là vì tôi không còn làm việc ở đó nữa. Bỗng nhiên tôi có khoảng cách. Và những gì

còn lại trong tôi về phía anh là sự khâm phục. Hơn cả sự khâm phục. Đó là tình yêu...”

Chúng tôi không thể nào tìm được, thật là vô lý quá, Tom nói rằng gã yêu Joe - chúng tôi ồ cả lên.

“Đừng cười,” Joe nghiêm nghị nói. “Các cậu muốn nghe chuyện này. Hãy để tôi kể nốt.”

Cả bàn bỗng im lặng trở lại.

“Tôi từng muốn đập nát mặt anh ra,” Tom nói. “Nhìn thấy anh tôi không thể nào chịu nổi. Tôi muốn xin lỗi về điều đó. Đó là lý do tại sao tôi muốn mời anh đi ăn trưa,” anh ta nói. “Tôi thực sự muốn mời anh đi ăn trưa. Nhưng như cái thằng cha khốn kiếp đó đã diễn tả rất đắt, ‘Bản tính khó đời’. Và trước khi tôi kịp nhận ra, tôi đã hình thành xong cái vụ súng bắn sơn trong đầu rồi và tôi không thể nào ngăn mình lại được nữa.”

Đúng lúc đó hai người lính gác bước vào phòng thông báo rằng thời gian của Joe đã hết. Anh ta nhìn đồng hồ và không thể tin nổi rằng mười lăm phút đã trôi qua. Joe đứng lên, nhưng người lính đã ngay lập tức bảo anh ta ngồi xuống trở lại. “Có cả một quy trình cho chuyện đó,” anh ta giải thích với chúng tôi. “Tom sẽ được đưa ra ngoài bởi người bảo vệ thứ nhất, và tôi sẽ được dẫn ra ngoài bởi người bảo vệ thứ hai. Tôi phải ngồi tại chỗ cho đến khi Tom đi khỏi.”

“Cảm ơn vì đã tới, Joe,” Tom nói, khi người bảo vệ lại gần nắm cánh tay của gã. “Tôi cảm kích vì điều đó.”

“Liệu có điều gì tôi có thể làm cho anh không, Tom?”

“Có,” Tom giơ hai bàn tay bị còng lên một cách đột ngột. “Hãy cứ ở trên này, đồ chết giẫm ạ,” gã nói.

Ngay lập tức người bảo vệ phản ứng và Tom cho hai tay của gã xuống.

Kể đến đây Joe bắt đầu phát tài liệu quanh bàn. “Như tôi vừa nói,” anh ta nói, không nhìn bất kỳ ai trong chúng tôi. “Tom Mota nghĩ anh ta hiểu tôi, nhưng anh ta không hiểu. Thực sự không.”

Mỗi người chúng tôi nhận một tài liệu.

“Được rồi,” anh ta nói. Anh ta ngồi thẳng người trên ghế, và cuộc họp bắt đầu.

Chuyến vào thăm Lynn trong bệnh viện của chúng tôi là hai mươi phút gian nan. Chúng tôi trao đổi những cái liếc xéo cùng những lòng bàn tay ướt mồ hôi và nỗi sợ hãi điếng người về những khoảng lặng trong câu chuyện. Không có hơi thở dễ dàng từ lúc chúng tôi đến. Chị đang ngồi thẳng trên giường bệnh, bơi trong bộ quần áo bệnh nhân bằng cotton màu xanh, một cái vòng ghi tên tuổi quấn quanh cổ tay trẻ con của chị. Chị là một phụ nữ nhỏ bé về thể chất nhưng luôn lừng lững trong trí tưởng tượng của chúng tôi như một người khổng lồ đồ sộ không thể bị đánh bại, sự thật ấy đã là một hiện tượng ai cũng rõ. Giờ đây trông chị thậm chí còn nhỏ bé hơn, lạc trong đồng chăn gối của chiếc giường bệnh, và hai cánh tay chị, mà từ trước đến giờ chúng tôi chưa bao giờ nhìn thấy nhiều đến thế, trông mong manh và gầy guộc như tay một cô bé.

Chúng tôi chẳng có gì chung với người sắp chết nên không bao giờ biết phải nói gì với họ. Sự có mặt của chúng tôi dường như là một lời xúc phạm

đầy hăm dọa và mơ hồ, điều có thể dễ dàng tràn qua thành tiếng cười tàn nhẫn, vì thế chúng tôi dè dặt lựa chọn từ ngữ của mình và vừa thận trọng di chuyển tập trung quanh giường vừa kiểm chế những trò đùa cợt và trêu chọc nhau của mình. Sẽ là không thích hợp khi xồng xộc ủa vào và thể hiện đúng con người thật bỗ bã của chúng tôi, động viên chị bằng những giọng ồn ào hãy trở lại với chúng tôi vì, ngay bên dưới những lời được nói ra, sự thật thực sự chảy nhanh như một dòng nước mạnh: có thể chị sẽ không bao giờ là một người trong chúng tôi được nữa. Thành thử chúng tôi hết ngập ngừng, rón rén, rồi lại nuốt vào những lời của mình, lúng búng rồi uốn chình và hạ giọng xuống, thế là chị nhận thấy ngay. “Vào đi,” chị nói khi chúng tôi mới đến. “Vào trong này. Tất cả các cậu phải bẽn lễn thế để làm gì?” Lần lượt từng người một chúng tôi theo nhau vào. Tóc chị buộc ra phía sau thành một bím đuôi ngựa, chị không dùng chút mỹ phẩm nào, và không thấy bóng dáng của một đôi giày thiết kế riêng nào cả. Chị vừa mới trải qua một ca phẫu thuật đau đớn và đang phải chịu đựng những biến chứng phức tạp. Tuy vậy chị vẫn toát ra nguồn năng lượng mạnh mẽ nhất trong phòng. Đó là một phòng riêng cũng sần sần như phòng làm việc của chị nên có cảm giác hơi giống như đang đi vào cái không gian đáng sợ ấy để nhận tin khủng khiếp về một sai lầm đắt giá và không thể khắc phục nào đó chúng tôi đã gây ra đối với công ty. Chúng tôi chào chị. Chúng tôi tặng hoa chị. “Các cậu thử nhìn những bộ mặt đưa đám của mình đi,” chị nói, nhìn về phía chân giường, rồi sang bên phải và bên trái. “Các cậu làm như tôi chết rồi vậy. Giá kể cậu tập vẽ mặt của mình trong gương trước khi đến đây thì cũng có chết ai đâu nào, Benny?” Benny mỉm cười và xin lỗi. Tiếp theo chị nhìn sang Genevieve. “Còn cô nữa,” chị nói. “Cô có nói chuyện gì với các bác sĩ của tôi mà tôi nên biết không đấy?” Genevieve cũng mỉm cười và lắc đầu. “Hừm, vậy thì tiếp theo là gì đây nào?” chị hỏi. “Một buổi đọc Kinh Thánh chẳng?” Chúng tôi cố giải thích rằng chúng tôi đã rất băn khoăn về việc đến thăm. Chúng tôi nghĩ biết đâu chị muốn được ở một mình hơn. “Tôi muốn giá kể không bao giờ phải đặt chân vào cái địa ngục khủng khiếp này,” chị nói. “Nhưng nếu như tôi phải ở đây, kể cũng tốt khi thấy

một vài khuôn mặt quen thuộc. Nhưng ai đó bắt đầu hành động như một kẻ điên đi không thì coi như tôi không biết các cậu đâu đấy.”

“Tôi biểu diễn một trò mọn bắt chước James Brown biểu diễn bắt chước Clint Eastwood,” Benny đề nghị. “Chị có muốn xem không?”

“Tôi không thể nào hình dung được,” Lynn nói.

“Tin hay không tin, đúng thế đấy,” Jim nói.

Thế là Benny biểu diễn trò bắt chước James Brown giả làm Clint Eastwood, trò này đi ngược lại miêu tả của những ai chưa từng xem nó, nhưng làm chúng tôi cười trong vài giây, và thế là cuối cùng cũng làm tan băng.

Chúng tôi nói chuyện về Tom Mota và vụ việc, và Joe kể chuyện gặp gã trong tù. Và chúng tôi nói chuyện về vụ xin nghỉ của Carl, tin này làm Lynn rất ngạc nhiên. “Cậu sẽ rời bỏ chúng tôi sao, Carl?” “Đúng thế,” anh ta nói. “Chà, tôi nghĩ đây là một tin thật tuyệt cú mèo,” Lynn nói. Chúng tôi choáng khi nghe chị tỏ ra sung sướng về sự ra đi của Carl đến khi chị nói rõ. “Quảng cáo không phải là nghề của cậu,” chị giải thích. “Nó không khiến cậu hạnh phúc.” Carl đồng ý và kể cho chị nghe về tham vọng của anh ta đối với Garbedian và Con trai. Chị nói đúng cái điều mà chúng tôi nói, “Tốt cho cậu, Carl.” Mặc dù có lẽ chị đang nghĩ, Ai lại muốn dũi cái máy xén cỏ quanh một mảnh đất giữa mùa hè chết nực cơ chứ? Cho tôi cái ghế của mình thay vì cái đó bất kỳ ngày nào trong tuần. Ôi, mình sẵn sàng đánh đổi bất kỳ thứ gì để quay lại cái ghế của mình - có lẽ chị cũng đang nghĩ thế nữa.

Sau một lúc chúng tôi có thể thấy là chị đang bắt đầu uể oải, vì thế chúng tôi nói với chị là tốt hơn hết chúng tôi nên để chị ngủ một chút. Nhưng

trước hết Jim Jackers có một bài thuyết trình cần thực hiện.

Chúng tôi nghĩ đó là một ý tưởng kinh khủng ngay từ lúc đầu. Lynn đã yêu cầu chúng tôi thực hiện một dự án từ thiện cho buổi gây quỹ nâng cao nhận thức về ung thư vú, viện cố là biết một tay chủ tịch ủy ban nào đó cứ nài nỉ quấy rầy chị. Ngày hôm sau, dự án biến hình từ một buổi gây quỹ thành một thông báo dịch vụ công, với sứ mệnh mơ hồ là làm bật ra tiếng cười từ người bệnh ung thư vú. Chuyện gì đã xảy ra với vụ gây quỹ? Chẳng ai biết. Liệu thực sự là có một tay chủ tịch ủy ban lãng nhãng nào không? Cũng chẳng có một lời về điều đó. Chỉ có Joe Pope chỉ thị chúng tôi về những thay đổi. Chúng tôi nói tốt thôi, thế nào cũng được. Chúng tôi bắt tay vào làm việc. Chúng tôi đọc sách, chúng tôi làm nghiên cứu. Chúng tôi để ra những thứ rác rưởi. Chúng tôi lục tục kéo vào phòng làm việc của Lynn lúc mười một giờ - chị đã quên hoàn toàn về vụ đó. Chúng tôi dỡ bỏ chiến dịch “Những người thân yêu” khỏi “khách hàng”. Dự án chấm dứt. Tom vào và bắn chúng tôi bằng đạn sơn.

Nhưng rồi chúng tôi phát hiện ra rằng thực ra chính là Lynn bị ung thư. Khi chuyện này sáng tỏ, Jim Jackers đề xuất rằng chúng tôi khởi động lại những quảng cáo mà chúng tôi đã thất bại thật thảm hại và trình bày cho chị trong bệnh viện, với mục đích làm cho chị phấn chấn.

“Vì giả sử đúng là chị ấy đã bịa ra công việc đó?” anh ta hỏi. “Các cậu không nghĩ rằng chị ấy muốn xem những quảng cáo đó hơn bao giờ hết à, khi mà bây giờ chị ấy thực sự đang ở trong bệnh viện?”

“Đừng có hâm thế, Jim,” Karen Woo nói. “Tất nhiên là chị ấy không bịa ra công việc đó đâu.”

“Hừ, sao bỗng nhiên cô lại hát giọng khác hẳn thế, Karen.”

“Ôi, Jim, đừng có mà điên thế.”

“Tôi điên thế nào cơ?” anh ta hỏi. “Tôi chỉ đang nói - giả sử?”

Anh ta tuyên bố là có một ý tưởng. Chúng tôi nghĩ bụng chắc chắn anh ta đã làm lành với ông chú mình. “Không, tôi tự nghĩ ra ý tưởng này,” anh ta nói. Khi chúng tôi nghe thấy thế, chúng tôi đồng thanh buột ra một tiếng rên. Những ý tưởng nguyên bản của Jim thường là còn tệ hơn cả ý tưởng của Chris Yop.

“Nhưng đó thực sự không phải là một ý tưởng tồi đâu,” Benny nói với chúng tôi. “Tôi nghĩ chị ấy sẽ thấy rất ấn tượng với nó cho mà xem.”

Chúng tôi bảo anh ta giải thích ý tưởng đó với chúng tôi, nhưng Jim đã bắt anh ta thề giữ bí mật cho đến khi họ nói chuyện với Joe. Họ đi vào, và đâu như Joe đã nói, “Tôi không thể nào nghĩ ra được ý tưởng này. Ý tưởng của ai vậy?”

“Của Jim,” Benny nói.

Sau khi họ rời khỏi cuộc họp đó, chúng tôi hỏi Benny xem có phải Jim đã làm lành với ông chú của anh ta không.

“Các cậu đã hỏi tôi câu đó rồi còn gì,” Jim chen vào. “Tôi đã bảo các cậu là tôi tự mình nghĩ ra những quảng cáo này.” Anh ta cho chúng tôi xem một tấm. Chúng tôi thấy nó thật là vụn vặt, đầy những thứ sao chép, và hơi thiếu độc đáo. “Nhưng mục đích chính là thế mà,” Jim lập luận. “Đó là điều *khiến* chúng trở nên độc đáo.” Chúng tôi đều đồng ý với nhau là không đồng ý, và ngay lập tức bắt đầu nghĩ cách tẩu thoát trước khi Jim công bố chúng.

Nhưng thật khó mà tự tách chúng tôi ra khỏi Jim bên trong phòng bệnh viện của Lynn khi anh ta thông báo rằng “chúng tôi” có một bài trình bày dành cho chị. Chính Lynn cũng phải nhìn anh ta từ cái giường mê mông như đại dương của chị với vẻ mặt ở đâu đó giữa ngạc nhiên và ngờ vực. Tất cả chúng tôi đều nín thở vì lo sợ câu mào đầu không thích hợp nào có thể buột ra khỏi miệng Jim. Anh ta nhắc chị nhớ là dự án từ thiện đã từng yêu cầu gì ở chúng tôi - mang đến cho bệnh nhân ung thư vú điều gì đó buồn cười trong giây phút khó khăn của họ. Lần đầu tiên trong đời, anh ta không gọi nó là dự án “tự thiện”<sup>[49]</sup>.

“Và không bắt quý vị phải chờ lâu thêm nữa,” anh ta vừa nói, với vẻ khoa trương ngượng nghịu, vừa mở khóa cặp tài liệu màu đen và rút ra tấm quảng cáo đầu tiên. Chúng tôi làm gì có lựa chọn nào khác ngoài nán lại?

Từ cuối giường chị, anh ta giơ tấm quảng cáo cao lên để mọi người có thể nhìn thấy. Mỗi ý tưởng đã được dán vào tấm bảng đen với đường viền rộng năm phân làm nó nổi bật hẳn lên. “Như mọi người có thể thấy,” anh ta nói, “bức này diễn tả một hình ảnh quen thuộc về một tấm biển thường thấy treo lơ lửng trong một bệnh viện hoặc một phòng khám phụ khoa, hình một phụ nữ không rõ mặt đang tự kiểm tra ngực. Một cánh tay giơ lên trời và gập lại ở khuỷu, trong khi bàn tay của cánh tay còn lại sờ nắn ngực bên trái của cô ta.” Ai đó cười khẩy. Jim ngừng lại, khó chịu thấy rõ. “Đặt cạnh hình ảnh này,” anh ta tiếp tục, “là dòng tít ‘Cô Clairol’ nổi tiếng. ‘Cô ấy bị... hay cô ấy không bị?’ Và dòng phụ đề của chúng ta viết, ‘Một khối u nhỏ đến nỗi chỉ bác sĩ chuyên khoa ung thư của cô ấy mới biết chắc chắn!’”

Chúng tôi theo dõi mặt Lynn để tìm phản ứng nào đó. “Cho tôi xem kỹ hơn xem nào,” chị nói. Jim đưa bản quảng cáo lại cho chị. Chị cầm nó và chúng tôi cảm thấy chẳng khác gì hơn khi ngồi trong phòng chị chờ đợi chị kiểm tra và đánh giá rồi đưa ra phán quyết của mình về những bản quảng cáo thực sự.



“Cái này buồn cười đấy,” chị nói.

“Nhưng chị có cười đâu,” Jim nói.

“Tôi không bao giờ cười cả, Jim ạ,” chị trả lời. Đúng thế thật, chị không bao giờ cười. Chị chỉ nói, “Cái này buồn cười đấy.” Và thế là bạn biết rằng chị thích nó.

“Đây là bức tiếp theo,” anh ta nói, lấy ra bức quảng cáo tiếp theo từ cặp tài liệu và giữ nó trước mặt chị. “Mọi người nhận ra bức ảnh nổi tiếng này,” anh ta nói, “chụp một người đàn ông mặc toàn đồ đen, đang bám chặt vào tay vịn của chiếc ghế bành da màu đen trong khi cái loa trước mặt anh ta đang thổi bay hết tóc, rồi cà vạt, ly martini của anh ta, và cả cái chụp đèn bên cạnh anh ta nữa. Nó được lấy từ quảng cáo băng cassette Maxell cũ, chỉ có điều trong quảng cáo của chúng tôi thì cái loa âm thanh nổi đã được thay thế bằng hình của một bầu ngực khổng lồ hiện lên từ lề bên trái, mà chúng tôi scan từ một tờ *Playboy* cũ của Benny. Dòng tí viết, ‘Không căn bệnh nào khác lại có tỉ lệ hồi phục cao hơn.’ Từ *Maxell* đã được thay thế bằng từ *Mammary*<sup>[50]</sup> ở góc dưới cùng bên phải, và dòng chữ nhỏ viết, ‘Bị thổi bay vì sự hồi phục nhanh của bạn.’ Bức này,” Jim kết luận, “kết hợp một chút hài hước với một chút hy vọng.”

“Cho tôi xem nó nào, Jim,” chị nói. Chúng tôi theo dõi phản ứng của chị. “Tôi thích nó,” chị vừa nói vừa vờ vờ nó. Đó là sự hào hứng mà chúng tôi không nhìn hoặc nghe thấy kể từ khi Joe và Genevieve công bố Chàng Lỡ Miệng.

“Bức tiếp theo này,” Jim nói, “thể hiện hình ảnh cực cận của một người đàn ông mang khẩu trang và quần áo phẫu thuật, đang giơ lên gần mặt ông ta một con dao mổ và một cây kéo phẫu thuật. Nó là một hình ảnh không

quen thuộc, nhưng ở góc phía trên bên phải chúng tôi đã đặt một logo Nike rất nhỏ,” Jim vừa nói vừa chỉ vào nó, “và chạy ngang phần dưới của trang là dòng slogan nổi tiếng ‘Just Do It’. Dòng phụ đề viết, ‘Hãy bước lên và cắt.’ Giờ tôi sẽ đọc cho mọi người phần nội dung chính,” Jim nói. “ ‘Các vận động viên ba môn phối hợp. Những người bơi vượt eo biển Anh. Những vận động viên leo núi Everest. So với người phụ nữ đang đối mặt với ca phẫu thuật ung thư vú, những tên hề đó chẳng biết gì về ý chí và lòng can đảm. Hãy nói chuyện với một người từng kiên định đối diện với thẳng cha *này*. Cô ấy biết khó khăn vất vả là thế nào. Cô ấy biết định nghĩa của chiến thắng. Sống sót, cứng ả. Just Do It’.”

Còn một vài bức nữa - bức quảng cáo “Bị ung thư?”, bức “Absolut Ether”, trong đó một bàn tay với những móng tay sơn dài như bộ vuốt bóp chặt lấy cổ một chai vodka hết một nửa. Jim chìa chúng qua giường và chị chăm chú nhìn kỹ từng tấm một, nghiên cứu và đọc chúng. Khi chị đọc đến quảng cáo Absolut, chị dành cho chúng tôi một nụ cười thực sự.

Chị vẫn mỉm cười khi chị cảm ơn chúng tôi. Chúng tôi chào tạm biệt. Chúng tôi chúc chị cảm thấy khỏe hơn. Ra đến ngoài hành lang, chúng tôi gặp thêm y tá và thiết bị y tế. Chúng tôi nói chúng tôi nghĩ chị thích chúng. Chúng tôi hỏi Joe xem anh ta có đồng ý không. Chúng tôi nói chúng ta đã làm được rồi, đúng không, Joe? Chúng ta đã làm được rồi phải không? Chúng tôi bước cùng nhau dọc hành lang. Chúng tôi nhét đầy vào một gian thang máy đi xuống.

“Anh có thực sự nghĩ là chị ấy thích những quảng cáo đó không, Joe?” Marcia hỏi. “Hay là anh nghĩ chị ấy cười vì chúng mới ghê sợ làm sao?”

“Ê!” Jim kêu lên.

“Xin lỗi, Jim, không có ý xúc phạm anh đâu. Tôi chỉ chột nghĩ là chúng thật ghê sợ,” cô ta nói. “Đó không phải lỗi của anh, anh làm tốt hơn bất kỳ ai trong chúng ta. Tôi chỉ đang nói rằng đó là một nhiệm vụ bất khả thi.”

Chúng tôi trở nên tư lự và lặng lẽ trong phần còn lại của hành trình đi xuống. Khi chúng tôi xuống đến tầng sảnh, có một chút chậm trễ trước khi cánh cửa mở ra, và đó là khi Genevieve phá vỡ sự im lặng.

“Có thể không phải chị ấy mỉm cười vì những bức quảng cáo,” cô nói. “Có thể chị ấy mỉm cười vì chúng ta. Điều chúng ta đã làm.”

“Vì đó là một cử chỉ đẹp,” Marcia nói.

“Hoặc có thể,” Jim nói, với sự tự tin chẳng giống anh ta tí nào, “là các cậu chẳng biết quái gì về quảng cáo cả.”

Khi, một tuần sau đó, họ cho Jim Jackers nghỉ việc, chúng tôi nói họ nhắc bóng anh ta ra khỏi ghế của mình bằng cách nắm lấy khuy thắt lưng giữa chiếc quần jean của anh ta và ném anh ta khỏi tòa nhà. Chúng tôi nói anh ta bay ba bậc một lúc cho đến khi hạ cánh xuống lề đường, nơi anh ta tự đứng lên kiểm tra xem có máu ở trán không. Sau đó, chúng tôi nói, anh ta thu dọn đồng phế thải vô tích sự của mình, vốn đã tung tóe khắp nơi trong cú lao như có cánh quạt đẩy của anh ta xuống hè phố. Jim không phải là người ra đi mà không mang theo một chiếc hộp.

Khi tiếp theo họ nhắm đến Amber, một vài tuần sau đó, chúng tôi nói cô ta bị liệng vào cái cột đèn đường bên ngoài tòa nhà mà không thềm đếm xia gì đến đứa con chưa chào đời của cô ta. Chúng tôi vừa mới quay về từ bữa trưa ở quán T.G.I. Friday’s khi cô ta nhận được tin. Chính trong bữa trưa đó

chúng tôi đã tặng cô ta những thứ mà chúng tôi mua cho đứa bé - một túi bím, một cái xe đẩy - tất cả những thứ đó bị lãng ra ngoài cùng cô ta. Cô ta nằm loay hoay cố gắng hồi lại, đầu chệnh choáng, trên nền xi măng ướt dưới một cơn mưa nhẹ mùa hè. Chúng tôi nói những người đi qua cúi xuống nhìn cảnh tượng đó mà không chịu giúp đỡ, và chúng tôi hình dung ra cảnh một gã ma cà bông với chiếc cốc Dunkin' Donuts cúi xuống chiếc xe đẩy, mở nó ra và đẩy nó đi cùng gã<sup>[51]</sup>.

Chúng tôi nói Don Blattner bị dúi cằm đầu vào cửa sổ một chiếc taxi đang đổ với lực mạnh đến nỗi anh ta xoay tít 180 độ, mắt đảo mấy lần liền, rồi đổ gục xuống giữa chiếc xe và vệ đường. Anh ta vật ra, đầu đập xuống như một quả dưa nặng nề, và xuất hiện trong mắt tất cả người qua kẻ lại như một gã say ngủ quên trời đất. Chúng tôi nói những tấm poster phim đã từng tô điểm cho phòng làm việc của anh ta bị tháo xuống và liệng vào cái đầu đang đổ gục của anh ta. Phần lớn trong số đó trúng vào chiếc xe và rách tan, nhưng một số tấm rơi xuống, và các vết thương bắt đầu chảy máu. Thêm những đồ lưu niệm điện ảnh - những nhân vật hành động, những bản *Vanity Fair* cũ - được vút lên thân hình sồng sượt của anh ta. Cuối cùng, chúng tôi nói, Don được hót đi bởi nhân viên thành phố.

Thật là sung sướng và vui thú sau khi họ đã đi khỏi. Dễ dàng cười cợt họ hơn là dành chút ít thời gian nào băn khoăn về việc làm sao Amber có thể tìm được công việc mới trước khi đứa bé chào đời, hoặc người ta mới bắt công làm sao khi cho cô ta nghỉ mà lại giữ Larry làm tiếp. Dễ trêu chọc hơn là cảm thấy thương hại cho Jim, người đã là chú tiểu đồng ăn đòn thay của tất cả mọi người trong suốt một thời gian dài đến nỗi chúng tôi chẳng còn lại gì sau sự ra đi của anh ta ngoài những ký ức đáng ghét về những lời nhận xét nghiệt ngã và cay độc của chúng tôi. Không ai trong chúng tôi quan tâm đến việc gọi lại niềm khoái trá mà chúng tôi đã có từ anh ta vì sợ biết đâu bây giờ tiếng cười của chúng tôi sẽ tắc lại trong cổ họng.

Thực ra, khi nghe nói Jim bị cho nghỉ việc chúng tôi đã đi xuống ngân của anh ta, khổ sở với niềm hạnh phúc rằng anh ta đã bị chọn thay cho chúng tôi. Tất cả những người từng nói anh ta không ra gì lúc này hay lúc khác đều có mặt ở đó để bày tỏ niềm thông cảm. Phản ứng của Jim vừa vênh vang vừa đáng thương hại. Khi mọi người chìa tay ra nói với anh ta rằng họ vô cùng lấy làm tiếc, anh ta gật đầu, mỉm cười và nói, “Cảm ơn”, cứ như thể anh ta vừa mới được trao danh hiệu Nhân viên của tháng. Anh ta hầu như còn tỏ ra rất lấy làm thích thú, điều này có vẻ kỳ cục nhưng về sau mới thấy là hợp lý, bởi vì có lẽ đó là lần duy nhất trong toàn bộ quãng thời gian làm việc của anh ta mà lại có nhiều người đến thế vây quanh anh ta với sự đồng tình ủng hộ rộng rãi thay vì sự chế nhạo hoặc khinh thị. Anh ta không vạch trần ra sự đạo đức giả hoặc tìm cách ăn miếng trả miếng. Anh ta đắm mình trong sự chú ý với niềm lạc thú mà anh ta xứng đáng hưởng, kéo dài khoảng nửa tiếng đồng hồ được cho phép lên thành bốn mươi lăm phút cho đến khi Roland, người vẫn đứng dựa vào tường như bác ta đã làm với Marcia, cuối cùng cũng bảo Jim rằng anh ta thực sự phải ra khỏi tòa nhà. Thế là Jim nói nốt những lời tạm biệt cuối cùng và bắt tay vài người rồi đi khỏi với cái hộp của anh ta, không bao giờ quay lại nữa.

Mọi chuyện khác hẳn với Benny. Doanh thu đang sụt giảm ở mọi bộ phận. Giá cổ phiếu thì rơi tự do. Chúng tôi sắp sửa tình khỏi cả thập kỷ mơ mộng trong ngân. Benny phải gọi bố anh ta đánh xe đến, anh ta có quá nhiều đồ phế thải vô tích sự trong phòng làm việc của mình.

“Roland,” anh ta nói, “bác ngồi xuống đi. Chuyện này có thể mất một lúc lâu đấy.”

“Cậu biết là tôi phải đứng mà, Benny.”

“Thế họ nghĩ là tôi sẽ làm gì chứ, Roland? Đâm bác bằng một chiếc bút đánh dấu à?”

“Họ không thể mạo hiểm nữa sau vụ việc vừa qua,” Roland cố giải thích đến cả lần thứ một trăm. “Tôi thậm chí còn không được phép nói chuyện.”

“Tôi cá là tôi có thể làm cho bác phải nói chuyện.”

Chẳng mấy chốc Benny và Roland đã nói chuyện về việc Benny có thể làm cho bác Roland nói chuyện hay không, cho đến khi Roland, tự mình rơi vào chiếc bẫy của Benny, nói, “Xin cậu đấy, Benny, tôi chỉ đang cố làm công việc của mình.”

“Thôi nào, bác,” Benny nói. “Tôi cứ tưởng bác với tôi là bạn chứ?”

“Thế cậu tưởng chuyện này dễ dàng với tôi sao?” người đàn ông lớn tuổi nói.

Khi cuối cùng bố Benny cũng đến, ba người đàn ông phải mất đến bốn chuyến đi xuống bằng thang máy chở đồ. Benny có nhiều thứ trong phòng làm việc của anh ta đến nỗi giống như là anh ta đang dọn khỏi cả một căn hộ. Nếu như một nỗi buồn chung chung xâm chiếm lấy chúng tôi khi Marcia và Amber rời Jim bị cho nghỉ, thì một tấm vải liệm thực sự đã trùm lên các hành lang trong giờ phút cuối cùng của Benny. Bây giờ ai sẽ là người kể chuyện mua vui cho chúng tôi? Biết lấy phòng của ai để chúng tôi vào mà tâm sự, tán dóc, lượn lờ qua ngày? Và bây giờ thì còn ai, khi mà Paulette Singletary cũng đã đi khỏi, để chúng tôi có thể chỉ vào và nhất trí rằng có một người đứng cao hơn những người còn lại cả một cái đầu? Thói ba hoa và tính hòa nhã tự nhiên - đó là bản chất chủ nghĩa anh hùng của những câu chuyện phiếm chúng tôi chia sẻ trong quãng thời gian thơ ngây đó, và khi họ lấy Benny đi, họ lấy đi người anh hùng của chúng tôi.

Sau đó chúng tôi rơi vào tình trạng cãi cọ và hục hặc thậm chí còn tồi tệ hơn. Không cần nói cũng biết, mấy cha nước uống có caffein đã tìm đến một công ty khác, và cánh sản xuất giày chạy cuối cùng đã ở lại với công ty ban đầu của họ. Không có hợp đồng mới khiến mọi chuyện trở nên tồi tệ hơn. Những công việc ít ỏi còn lại thì chẳng bao giờ có gì là vui thú. Suốt cả mùa hè đó không ai tận hưởng thành phố hoặc cái hồ ngay cạnh để dạo bộ thư thả trong một tiếng đồng hồ ăn trưa vì chúng tôi còn quá vất vả với việc phỏng đoán xem tình hình đã trở nên đen tối đến mức độ nào và ai sẽ là người tiếp theo phải ra đi. Chúng tôi không thể tận hưởng điều gì khác ngoài trò đờn đại nhặt nhèo của chính mình. Những câu chuyện không bao giờ vượt quá phạm vi những bức tường, những bức tường đang khép lại quanh chúng tôi, và chúng tôi không thể ghi nhận được những gì đang diễn ra bên ngoài chúng. Một chủ đề - đó là tất cả những gì chúng tôi biết, và nó thống trị mọi cuộc trò chuyện. Chúng tôi rơi vào nó một cách bất lực, giống như những kẻ si tình bị ruồng rẫy chỉ biết một chủ đề, giống như những kẻ tầm thường không bao giờ vượt qua khỏi ranh giới đáng thương trong cuộc đời của họ. Đó là một quãng thời gian gào thét, vất vả, điên cuồng, và là bầu không khí độc địa nhất người ta từng trải qua - ấy thế mà chúng tôi không muốn gì hơn là được ở trong nó mãi mãi. Trong tuần cuối cùng của tháng Tám năm 2001, và trong mười ngày đầu tiên của cái tháng Chín đó, số bị đuổi việc còn nhiều hơn tất cả các tháng trước đó. Nhưng nhờ ơn phước của Chúa, những người còn lại trong chúng tôi vẫn trụ được, căm ghét lẫn nhau hơn cả mức chúng tôi từng nghĩ có thể căm ghét. Rồi chúng tôi đi đến chót cùng của một mùa hè tươi sáng và yên ả khác.

## 5

Năm năm sau - Hank là ai nhỉ? - Ngày của Bố già - Nhà Mongtague và nhà Capulet - Jim đến một cuộc họp - Với chúng tôi đó không bao giờ là một điều lo lắng - Buổi đọc sách của Hank - Harry Ghi đông - Vì Lynn, và sau đó, vì Tom - Vị Lạt Ma cải cách - Cuối cùng

Mùa hè năm 2006, Benny Shassburger nhận được một bức email từ một ai đó anh ta không nhớ ra. Cái tên quen quen, anh ta biết lẽ ra anh ta phải biết nó, nhưng càng chăm chăm nhìn lâu thì nó lại càng lảng tránh anh ta. Anh ta nói to cái tên lên. Người hàng xóm ngồi bên cạnh, một kẻ gầy nhẳng và khó chịu vốn dĩ không bao giờ chịu bỏ qua chuyện gì mà không dò xét, thò cái đầu chó săn màu vàng cát của gã qua vách ngăn và nói, “Cậu vừa nói gì cơ?” Benny chẳng hơi sức đâu mà giải thích. “Tôi chỉ đang nói chuyện một mình,” anh ta nói. Ian đáp lại rằng có một nghiên cứu mới khẳng định rằng khi một người nói điều gì đó to thành tiếng và rồi một người khác hỏi, “Cậu vừa nói gì cơ?” và người đó trả lời rằng anh ta chỉ đang nói chuyện một mình, thì nghĩa là người đó không hề chỉ đang nói chuyện một mình, mà thực ra nhiều khả năng là đang nói với một ai đó cụ thể, cho dù chỉ là một cách vô thức. Ian theo dõi sát sao tất cả những nghiên cứu mới. Benny cảm thấy mệt mỏi.

Chúng tôi đã tìm đâu ra năng lượng? Cập nhật hồ sơ xin việc của mình, phỏng vấn lại, tìm hiểu một tuyến đường đi làm mới. Chúng tôi đã tỏa ra khắp cả ngành, tìm việc ở những công ty khác, ở những hãng thiết kế và



các bộ phận marketing nội bộ, thường là những nơi đầu tiên nhận chúng tôi. Số kém may mắn hoặc kém giỏi giang hơn trong chúng tôi tìm đến những công ty tiếp thị qua thư trực tiếp hoặc quay sang các công ty thời vụ kiếm những công việc ban ngày không có bảo hiểm. Sơ đồ tầng, hình dáng những chiếc bàn, tên người và màu sắc logo của các công ty tất cả đều mới mẻ và khác lạ, nhưng bài hát và điệu nhảy thì vẫn thế. Chúng tôi sung sướng khi có việc làm. Chúng tôi suốt ngày than thở về chúng. Chúng tôi bước quanh những phòng làm việc mới của mình với hai tâm trí. Tất cả những gương mặt và tên gọi mới phải ghi nhớ, những bình cà phê lạ lẫm và những bộ toilet không quen thuộc. Chúng tôi có những tờ khai thuế thu nhập W-4 phải điền mà không bao giờ biết đó là zero hay sẽ là cái mang lại tiền về cho chúng tôi. Có Bộ phận Nhân sự hỗ trợ, nhưng họ không bao giờ tốt như chỗ Nhân sự cũ. Chúng tôi mất hai ba tuần đầu tiên, và một số người chúng tôi chắc phải đến một hai tháng, trong tình trạng cô lập và vô danh. Suốt cả một quãng dài không thể nào chịu nổi, bữa trưa là một cuộc tình đơn phương. Chỉ có dần dần chúng tôi mới hòa được mình vào đám đông, chỉ có dần dần những thực thể chính trị mới mới bắt đầu lộ dạng. Ai đang hục hặc và vì chuyện gì, ai là kẻ thô lậu, kiêu ngạo, ngu xuẩn, quyền lực, giả tạo, tính toán, tráo trở, hoặc là một người tốt hoàn toàn - tất cả những điều này bắt đầu hiện rõ. Nhưng nó không xảy ra một sớm một chiều. Mất hàng tuần, mất hàng tháng, và việc chúng tôi tập trung sức lực để bắt đầu lại từ đầu ở những công ty mới là một bằng chứng về sự kiên cường của chúng tôi. Nó là dấu hiệu rằng chôn giấu dưới tất cả những lời than thở, có những phần của công việc mà chúng tôi yêu quý. Đó là bằng chứng cho thấy chúng tôi cần tiền.

“Cậu biết tôi là một người thân thiện,” Benny vừa nói vào điện thoại, vừa nhìn qua bức vách ngăn để chắc chắn là Ian chưa quay lại. “Nhưng tôi không biết là mình có thể chịu đựng thêm được bao lâu nữa. Tôi nói thật với cậu nhé, cái thằng cha Ian ấy? Hắn đang hủy hoại cốt cách của tôi.”

Một số người thích nghi tốt hơn những người khác. Có sự tự do trong việc bắt đầu lại vì chẳng có ai biết là liệu mình có phải là một người thô lậu, kiêu ngạo, ngu xuẩn, quyền lực, giả tạo, tính toán, tráo trở, hay là một người tốt hoàn toàn. Bạn có thể tự sáng tạo lại con người mình. Chẳng phải đó là một phần của lời hứa Mỹ sao? Một vài tháng ngất ngây trôi qua trong đó việc tự giấu mình là không thể. Những bài học rút ra từ sai lầm trong quá khứ giữ cho chúng tôi ở vị trí ngon lành. Một số người trong chúng tôi thể hiện sự phát triển nhanh chóng về độ lọc lõi. Những người khác bần khoản điều gì đã xảy ra. “Tôi từng là một con người ra dáng thế cơ mà,” Benny tiếp tục. “Nhớ không? Mọi người thường vào phòng tôi và tôi mua vui cho họ bằng những câu chuyện. Có lẽ chỉ trừ Paulette Singletary, tôi là người mà ai cũng yêu quý nhất. Chuyện gì đã xảy ra chứ?”

“Tại sao cậu không xuống phòng tôi để chúng ta cùng nói về chuyện đó?” Jim bảo anh ta.

Khi Benny tới nơi, thì anh ta kia. Jim Jackers. Đang soạn một bức email. Nếu như vẻ mặt của Jim có là một dấu hiệu nào đó, Benny nghĩ bụng, thì dường như vận mệnh của toàn bộ công ty phụ thuộc cả vào một bức email đó. Benny kéo một chiếc ghế đối diện anh ta và chờ đợi. Anh ta không thích ở phía bên *này* của chiếc bàn. Anh ta muốn ở phía bên *kia*. Phía của Jim.

“Được rồi, nghe này,” Jim nói, sau khi anh ta đã soạn xong bức email vô-cùng-quan-trọng. “Cậu là người tiếp theo trong danh sách được nhận phòng làm việc riêng, được chứ? Chỉ cần cậu phải kiên nhẫn thôi.”

“Làm sao cậu biết tôi là người tiếp theo?” Benny hỏi.

“Tôi sẽ quan tâm vụ đó, đừng lo. Nhưng cậu phải đợi đến khi có người chuyển đi. Chúng tôi không thể cứ thế đá ai đó ra khỏi một căn phòng họ

đã ở sẵn rồi và chuyển họ ra một ngăn chung được.”

“Tôi đã bị đá ra khỏi một phòng riêng và tống ra một ngăn chung đấy thôi.”

“Bởi vì cậu bị đuổi việc,” Jim nói.

“Một vấn đề kỹ thuật thôi,” Benny trả lời. Anh ta ngồi ngả ra sau ghế. “Đừng hiểu lầm ý tôi, Jim. Tôi mãi mãi biết ơn cậu đã thuê tôi. Tôi đã làm việc tự do quá lâu rồi. Nhưng một công ty nhỏ không thích hợp với tôi theo cách nó thích hợp với cậu. Tôi không thể ngày nào cũng nhìn đi nhìn lại vẫn ba mươi người đó. Tôi cần nhiều tầng. Tôi mới nhận ra điều đó ở bản thân mình. Tôi là một sinh vật mà môi trường sống tự nhiên của nó là nhiều tầng. Và tôi cần một phòng riêng. Tôi nhớ phòng làm việc cũ của tôi. Tôi nhớ mọi người. Cậu biết tôi nhớ ai không? Tôi sẽ nói cho cậu biết tôi nhớ ai,” anh ta nói. “Tôi nhớ lão Brizz.”

“Làm sao cậu lại có thể nhớ lão Brizz chứ?” Jim hỏi. “Cậu chưa bao giờ thực sự biết rõ lão. Nếu như cậu có nhớ lão ta, thì là bởi vì lão già và lão đã chết rồi trong khi không có ai ở đây hiện đang sở hữu một phòng làm việc riêng lại phù hợp với miêu tả đó cả.”

“Jim, cậu đã trở thành một kẻ yếm thế,” Benny nói. “Tôi đổ lỗi cho tác dụng làm tha hóa con người của quyền lực. Tôi nhớ lão Brizz vì tôi kiếm được mười đô mỗi người từ tất cả lũ mơ tưởng hảo huyền Charlton Heston<sup>[52]</sup> các cậu khi lão Brizz tội nghiệp ngòm củ tỏi.” Anh ta ghé sát lại gần Jim hơn qua bàn và hạ thấp giọng. “Điều tôi nhớ, Jim ạ, là Danh sách Theo dõi Nhân vật Nổi tiếng Sắp chết. Tôi thậm chí còn không tổ chức được một vụ cá cược Super Bowl<sup>[53]</sup> ở đây nữa. Có điều gì không ổn với những người này thế hả? Tôi không được vùng vẫy và điều đó đang khiến

tôi phát điên. Tôi nhớ cảm giác được *thỏa chí*. Nhân tiện nói đến chuyện này,” anh ta nói, ngồi ngả lại ra sau. “Hank Neary là ai nhỉ?”

Âm thanh của cái tên đó chụp lấy sự chú ý của Jim. “Hank Neary,” anh ta nói. “Hank Neary.” Nhấn trán lại và nhìn xa xăm, anh ta chậm rãi, tỉ mỉ nhấm lại cái tên đó như một từ mất hết mọi ý nghĩa. “Hank,” anh ta nói. “Hank. Hank.”

“Chúng ta đã làm cùng anh ta, đúng không?”

“Hank Neary,” Jim nói. “Hank Neary.”

“Chẳng phải chúng ta làm việc cùng anh ta sao, Jimmy? Ở công ty cũ ấy?”

“Chờ chút. Cho tớ một phút nào,” Jim nói. “Chúng ta đã làm việc cùng anh ta.”

“Neary,” Benny nói, nheo mắt nhìn Jim. “Hank Neary.”

“Hank Neary,” Jim nói. “Nó đang chuội khỏi tớ.”

“Trí nhớ của tớ,” Benny vừa nói vừa lắc đầu.

“Trí nhớ của tớ nữa. Cậu biết gì không? Hãy gọi cho Marcia. Cô ấy sẽ biết.”

Benny lắc đầu. “Không thể gọi cho Marcia ngay lúc này được,” anh ta trả lời. “Marcia đang điên lên với tớ.”

“Cô ấy điên lên với cậu vì chuyện gì chứ?”

“Jim, tớ có một câu chuyện phải kể cho cậu,” anh ta thốt lên. “Tớ có câu chuyện hay nhất mà cậu từng được nghe. Chờ một giây trong lúc tớ lấy thêm cà phê.”

“Không, Benny...”

“Gì chứ?”

“Tớ có một cuộc họp trong vòng mười phút nữa.”

“Ôi.”

“Được rồi, đừng có buông xuôi thế,” Jim nói, nhận ra sự thất vọng của Benny. “Tớ vẫn còn mười phút cơ mà.”

“Được rồi, tớ sẽ kể mà không cần cà phê vậy. Nhưng làm ơn cho tớ cái,” Benny nói. “Hãy để tớ ngồi vào ghế của cậu trong khi tớ kể.”

“Cậu có nghiêm túc không đấy?”

Benny đứng lên. Jim miễn cưỡng đứng lên và họ đổi chỗ cho nhau. Benny mỉm cười. Anh ta đã lại trở về đúng phía của chiếc bàn. Anh ta có thể nhìn ra ngoài hành lang, thấy tất cả mọi người đi qua và gọi họ vào.

“Michael!” anh ta rống lên vọng ra hành lang. “Michael, vào trong này mà nghe chuyện của tớ. Một câu chuyện cực đỉnh, cậu sẽ thích cho mà xem.”

Michael chỉ dừng lại để thò đầu vào bên trong phòng của Jim. “Không được,” anh ta nói. “Tớ đang có deadline với cái thông cáo này.”

Anh ta vội vàng bỏ đi, và Benny giơ hai tay lên để diễn tả sự ngỡ ngàng của mình. “Cậu có thấy không nào?” anh ta hỏi. “Giờ thì cậu thấy chưa, Jim, thấy tớ muốn nói gì chứ? Có điều gì đó không ổn với những người này.”

“Benny, cậu ta đang có deadline mà.”

“Ai mà không có lấy mười phút để nghe một câu chuyện hay cơ chứ?”

“Benny. Kể câu chuyện cho tớ đi xem nào.”

Thế là Benny kể cho Jim nghe câu chuyện tại sao Marcia lại phát điên lên với anh ta. Kể từ khi đi làm kín thời gian trở lại, anh ta đã dần nhận ra một hiện tượng dường như chỉ xảy ra ở chỗ làm, hoặc ít ra thì cũng là xảy ra với tần suất nhiều hơn tại chỗ làm so với những nơi khác trong cuộc sống, và hiện tượng đó là thế này: một người nói điều gì đó mà người nghe hoàn toàn không hiểu anh ta hay cô ta định nói gì, nhưng không muốn tỏ ra thô lỗ, hoặc tệ hơn, ngu ngốc, hoặc nếu không thì, không muốn mất thêm chút thời gian nào nữa, dễ dàng nhất là chỉ việc gật đầu hoặc cười theo còn hơn là ngừng lại gắng hỏi thực sự thì người kia định nói điều gì. Điều này đặc biệt đúng với kiểu đùa cợt ngoài hành lang và chuyện phiếm trong bếp và các loại trao đổi vô thưởng vô phạt hằng ngày khác. Người ta thờ ơ với những gì được nói, hoặc đang bận tâm đến những chuyện khác, hoặc từ rất lâu trước đó đã kết luận rằng những cái được gọi là lời nói trong quãng thời gian của một ngày làm việc chủ yếu là những tiếng ú ớ của mấy thằng ngốc. “Vì thế tớ nghĩ, Liệu có thực sự khác gì không? Liệu thẳng thắn mà nói thì có khác gì không nếu thay vì trả lời như bình thường vẫn trả lời, tớ đi trả lời mọi người bằng những câu thoại trong phim *Bố già*?”

Jim thấy tò mò. “Cậu làm thế bằng cách nào?” anh ta hỏi.

Benny giải thích rằng anh ta tự đặt ra cho mình một quy tắc đơn giản: không gì ra khỏi miệng anh ta mà lại không xuất phát trước hết từ miệng của Michael, Sonny, Fredo, Tom Hagen, hoặc thậm chí là chính Bố già<sup>[54]</sup> - hoặc bất kỳ ai cũng được trong hai phần đầu tiên.

“Tại sao chỉ là hai phần đầu tiên?” Jim hỏi.

“Thôi nào, Jim,” Benny nói. “Cậu biết tại sao mà. Chúng ta có cần phải gọi cho Don Blattner không?”

“Vì phần ba chẳng ra đẽch gì à?”

“Bạn ơi, tôi nhớ tay Don Blattner ngày xưa,” Benny nói.

Kết thúc một cuộc họp buổi sáng, mà trong đó anh ta đã giữ mình hoàn toàn im lặng, trong khi mọi người thu dọn đồ của mình, Benny đã quay sang Heidi Savoca và nói, “*‘Bố dành cả đời mình cố gắng để không cấu thả. Phụ nữ và trẻ em có thể cấu thả, nhưng đàn ông thì không’.*” Về mặt của Heidi cho thấy cô ta chẳng hề biết câu nói của Benny từ đâu ra, nhưng còn đáng báo động hơn sự bối rối của cô ta lại là vẻ khó chịu của cô ta đối với bản thân câu đó. “Thật là phân biệt giới tính đấy, Benny,” cô ta trả lời. Lúc sau trong buổi sáng đó, Seth Keegan ghé qua ngăn của Benny để hỏi anh ta một câu về mấy chỗ điều chỉnh nào đó cho một dự án mà hai người đã bắt tay làm trong suốt cả mấy tuần trước đó. “Cậu có rảnh một lát không?” Seth hỏi Benny. Benny xoay lại trên ghế của anh ta. “*‘Một lần này thôi’*,” anh ta nói. “*‘Một lần này thôi anh sẽ để em hỏi anh về công việc của anh’.*” “Tốt,” Seth nói, anh ta vào hẳn bên trong ngăn. “Tôi đang băn khoăn anh nghĩ chúng ta nên làm gì với những chỗ đẽ bóng này. Điều

tôi đang nghĩ chúng ta có thể làm là...” Benny để anh ta nói, chốc chốc lại gật gù, và chẳng mấy chốc Seth đã đi đến một kết luận mà chẳng cần đến lời góp ý nào từ Benny cả. Đúng lúc anh ta đang quay đi, Benny nghĩ thì làm đếch gì nhau nào, và gọi với theo anh ta, “ ‘Ê, hôm nay là đám cưới em gái tôi mà’,” anh ta giận dữ nói. “Ồ, thế à?” Seth nói. “Em gái cậu lấy chồng à?” “ ‘Và khi ông chủ bảo tôi bấm nút một gã’,” Benny nói tiếp, “ ‘thì tôi bấm nút’.” Seth tròn mắt nhìn anh ta. “Hay lắm,” anh ta nói. Anh ta gật đầu. Rồi anh ta bỏ đi.

Đến buổi chiều Carter Shilling tới ngăn của anh ta, và Benny không nghĩ anh ta có thể tiếp tục nếu như anh ta phải nói chuyện với Carter, gã sếp luộm thuộm, mắt lác của anh ta. Rít the thé hoặc sửa ông ổng, đó là hai cách mà Carter giao tiếp, và hiện tại thì anh ta đang sửa ông ổng, găm rú về việc khách hàng mới thật là ngu xuẩn khi đi yêu cầu những thay đổi ngu xuẩn đến thế đối với quảng cáo của họ. Suốt một hồi lâu Benny không phải nói một từ nào. Cuối cùng Carter nhìn anh ta và hỏi xem anh ta có đồng ý rằng khách hàng thật ngu xuẩn không. “ ‘Tôi nghĩ giá kể chúng ta có một quân sự thời chiến’,” Benny nhận ra anh ta đang trả lời với giọng rất nhỏ, “ ‘chúng ta đã không rơi vào mớ bung bét này’.” Carter chăm chăm nhìn anh ta và hỏi đó có phải là ám hiệu của điều gì khác không. “Cậu đang nói là chúng ta có lỗi trong chuyện này à?” Carter hỏi.

“Thế là tớ thề có Chúa, Jim ạ,” Benny nói, “tớ mới lấy vẽ mặt nghiêm túc nhất, anh bạn ạ, chẳng qua chỉ là làm ra vẻ thế thôi, tớ nhìn thẳng vào mắt anh ta rồi nói, ‘Carter, chuyện kiểu này phải xảy ra khoảng năm năm một lần. Giúp loại bỏ máu xấu.’ Và cả hai chúng tôi, cùng một lúc, đều nhìn xuống bức quảng cáo, mà khách hàng mới xé nát thành từng mảnh, và anh ta bảo tôi, ‘Ừ,’ anh ta nói, ‘tôi nghĩ thế.’ Cứ như thế điều tôi vừa nói có ý nghĩa gì đó lắm. ‘Vậy thì cứ tự động thay đổi đi,’ anh ta nói. ‘Tôi đếch thèm quan tâm nữa đâu.’ Và rồi anh ta hăm hăm ra khỏi phòng tôi. Đúng là...”



Đúng lúc đó hai người bị ngắt lời bởi chính Carter Shilling khi anh ta tình cờ đi qua phòng Jim trên đường đến cuộc họp. “Cậu không phải là Jim,” anh ta rít lên, chỉ tay vào Benny. “Cậu mới là Jim,” anh ta nói, chỉ tay vào Jim. “Trò hoán đổi kiểu gì đây?”

“Chết tiệt, Jim,” Benny thốt lên, búng ngón tay đánh tách kiểu thoi-xong-rồi. “Anh ấy phát hiện ra rồi.”

Với vẻ mặt hầu như không đổi, Carter gật đầu tỏ vẻ bật cười. Anh ta thể hiện rất nhiều cảm xúc của mình bằng một cái gật đầu. Anh ta quay đi khỏi Benny. “Cậu có đi họp không?” anh ta hỏi Jim.

“Đang đi đây,” Jim nói.

“Jim, đúng là lỗi bịch,” Benny nói, ngay sau khi Carter đã đi khỏi.

“Benny, đừng nói với Carter kiểu đó.”

“Tớ nhớ Joe Pope,” Benny nói.

“Cậu vẫn chưa giải thích tại sao Marcia lại phát điên lên với cậu,” Jim nói.

Benny phải nói là quá sẵn lòng tiếp tục câu chuyện từ cái đoạn anh ta buộc phải bỏ dở khi Carter xuất hiện. Anh ta kể với Jim rằng cứ thế đến buổi chiều, sứ mệnh của anh ta trở nên phức tạp hơn. Trí nhớ của anh ta về những câu thoại trong *Bố già* đang bị bòn rút nặng nề, và vào khoảng ba giờ chiều, Marcia bắt đầu gọi cho anh ta với tần suất khác thường, gần như cứ mười phút một. Benny không thể dùng điện thoại vì sẽ không thể nào tuân thủ các quy tắc của trò chơi qua điện thoại, nên anh ta để mặc nó đổ

chuông và rồi kiểm tra hộp thư thoại xem có tin nhắn không. Nhưng Marcia không để lại tin nhắn.

“Tớ đã kể cho cậu nghe về cánh anh em trai của cô ấy rồi, đúng không?” anh ta nói với Jim.

“Rằng họ chén người Do Thái cho bữa tối.”

“Đúng rồi,” Benny nói. “Ngay cả thằng út cũng thực sự là một cái xà beng. Đám cưới sẽ là... tên của mấy dòng họ đó là gì nhỉ, trong *Romeo và Juliet* ấy?”

“Nhà Montague và nhà Capulet,” Jim nói.

“Nhà Montague và nhà Capulet,” Benny thốt lên. “Chính xác là như thế. Làm sao mà cậu biết?”

“Tớ theo học một khóa về Shakespeare mùa hè vừa rồi,” Jim nói. “Kiểu như học học nữa học mãi.”

“Không đùa chứ?” Benny nói, “VẬY ĐẤY, lẽ cưới sẽ giống như nhà Montague và nhà Capulet. Chỉ trừ cái là nhà Montague sẽ không có kiếm, họ sẽ có hàng đặc biệt tối thứ Bảy<sup>[55]</sup>, cậu biết đấy, còn nhà tớ, nhà tớ sẽ chỉ có bộ kinh Torah và bất kể mảnh vỡ nào chúng tớ có thể thu gom được từ nghi thức đập vỡ cốc<sup>[56]</sup>. Muốn ra sao thì ra,” anh ta nói.

Anh ta để mặc điện thoại văn phòng của mình đổ chuông suốt phần còn lại của buổi chiều, băn khoăn tại sao Marcia gọi điện mà không để lại tin nhắn, và chỉ trả lời điện thoại di động sau khi đã kết thúc ngày làm việc và ra khỏi tòa nhà. Khi cuối cùng anh ta cũng bắt máy, Marcia đang trong cơn tam bành. Cậu em trai út của cô đã dính vào một vụ ẩu đả - cậu ta vẫn còn

là học sinh lớp 10 trường trung học - và phải được đưa vào một bệnh viện ở Bờ Nam. Mẹ Marcia đang khóc lóc, các anh trai của cô thì đang thề trả thù, còn bố cô đang ngủ bù sau một ca đêm. Marcia đang cố liên lạc với Benny để anh ta có thể giúp cô giải quyết mọi việc. Benny vội vàng chạy tới bệnh viện và hỏi tại quầy trực của y tá xem thằng bé nằm ở phòng nào.

“Khi tớ đến đó, chẳng có ai khác ở quanh cả. Sau mới biết là họ đang nói chuyện với bác sĩ. Tớ bước vào và nhìn qua Mikey trên giường bệnh - Jim, thằng bé bị đập tới bời. Tay gãy, mắt thâm đen. Vết rách dài trên cằm nó. Nhưng nó vẫn tỉnh táo. Thằng bé sẽ ổn thôi. Và cậu biết tớ đã nói gì không? Tớ không thể nào kiềm chế được. Tớ bước thẳng lại chỗ nó và tớ nói, *‘Em của anh! Xem bọn nó làm gì em trai anh thế này!’*”

Sau đó Marcia tìm ra lý do tại sao Benny không nghe điện thoại, và đó là lý do cô nổi điên lên với anh ta. Cô cho đó là một trò chơi thật vô tâm và trẻ con và nó giải thích tại sao anh ta vẫn còn ngồi ở một ngăn chung. “Tại sao anh lại không thể giống Jim hơn được hả?” cô hỏi.

Carter lại ghé qua lần nữa. “Jim, có đi không?”

“Carter,” Jim nói, đứng vụt lên khi nghe thấy giọng của người đàn ông kia. “Đi đây.”

“Jim, đúng thật là lỗ bịch,” Benny nói, ngay khi Carter đã khi khỏi.

“Tớ phải tham dự cuộc họp này,” Jim nói.

Anh ta thu gom chút giấy tờ trên bàn và Benny bị bỏ ngồi lại một mình ở phòng làm việc của người khác. Anh ta đang cố quyết định xem có nên đứng dậy hay không - anh ta tự nhủ có một số việc anh ta có thể làm khi

quay về ngăn của mình, nếu như Ian không chen ngang vào - thì Jim lại hiện ra trên ngưỡng cửa. “Vậy bây giờ thì sao đây?” anh ta hỏi.

“Ý cậu là sao cơ?”

“Ý tớ là nếu như cậu qua được với những câu thoại từ *Bố già*, và chẳng điều gì cậu nói ra là quan trọng cả, như thế thật thê thảm, cậu có nghĩ thế không? Chẳng phải chúng ta muốn những điều chúng ta nói ra có sức nặng sao?”

Benny xoay êm ru trên chiếc ghế không phải là của anh ta và trao cho Jim một cái nhìn ngờ ngàng, bối rối. Anh ta gỡ ngón tay ra và xòe mở hai bàn tay thành một cái nhún vai. “Có chuyện gì vậy, Jim, cậu bị làm sao thế? Tớ chỉ đùa chút cho vui thôi mà.”

“Cậu không muốn mọi người coi trọng cậu sao, Benny?”

“Nhưng tại sao cậu lại phải diễn giải như thế làm gì? Tại sao Marcia phải hỏi tớ tại sao tớ không thể giống như cậu hơn, và tại sao Michael không thể ngồi nghe chuyện của tớ lấy mười phút ngu ngốc chứ? Chuyện gì xảy ra với các người vậy? Tất cả các người đều nghiêm túc quá thế.”

Jim đứng yên trên ngưỡng cửa, lặng thinh và lãnh đạm. “Tại sao cậu lại giữ cây cột tô tem của lão Brizz vậy?” cuối cùng anh ta nói.

“Gì cơ?” Benny nói. “Cậu đang nói chuyện gì vậy? Tớ có giữ đâu. Tớ cho nó đi mà.”

“Không, cậu đã giữ nó trong kho suốt sáu tháng. Tại sao cậu lại làm như vậy?”

“Chuyện này ở đâu ra vậy hả?”

“Từ trước đến giờ tớ vẫn luôn muốn biết.”

“Nhưng tại sao cậu lại lôi nó ra lúc này?” Benny hỏi.

“Cậu có nghĩ,” Jim nói, “là lão đang cố truyền đạt điều gì đó với cậu không?”

Benny ngừng xoay và ghì lấy tay vịn ghế của Jim. “Như thế nào cơ?”

“Tớ không biết,” Jim nói. “Tớ đang hỏi cậu mà.”

“Có thể là lão chỉ giờ trò chơi khăm tớ thôi. Có thể lão biết tớ để lão ở trên cùng trong Danh sách Nhân vật Nổi tiếng Sắp chết.”

“Có thể,” Jim nói. “Nhưng Brizz đâu phải là người hay chơi xỏ nhì.”

Benny gật đầu đồng tình. “Không, lão không thế.”

“Và cuối cùng hóa ra thì cái của đó đáng giá cả đồng tiền,” Jim nói thêm. “Để lại cho một người khác rất nhiều tiền không phải là một trò chơi xỏ thâm nho gì.”

“Không, không phải.”

“Vậy tại sao cậu lại giữ nó? Tại sao cậu lại giữ nó suốt sáu tháng?”

“Nó có ý nghĩa gì đó đối với tớ, tớ nghĩ thế.”

“Ý nghĩa gì?”

“Tớ không biết,” Benny nói.

“Cậu không biết?”

“Tớ biết và tớ không biết,” Benny nói. “Cậu có hiểu ý tớ không?”

Jim cắn bên trong má của anh ta. Anh ta chậm rãi gật đầu ra vẻ buồn xuôi một cách đầy tôn trọng.

“Hank Neary,” cuối cùng anh ta nói, rồi lắc đầu. Anh ta nói lại lần nữa, “Hank Neary.” Rồi anh ta giơ hai tay lên và bỏ ra ngoài hành lang đi họp.

Một số người không bao giờ quên những người nhất định, một vài người lại nhớ tất cả mọi người, và hầu hết chúng tôi phần lớn là sẽ bị quên lãng. Đôi khi thế hóa ra lại là tốt nhất. Larry Novotny muốn được quên lãng vì vụ chim chuột của anh ta với Amber Ludwig. Tom Mota muốn bị quên lãng vì cái vụ liên quan đến những viên đạn sơn. Nhưng có ai lại muốn bị quên lãng hoàn toàn chứ? Chúng tôi đã cống hiến nhiều năm tháng cho cái nơi đó, chúng tôi lao động với niềm tin mơ hồ rằng chúng tôi đang tạo dựng tên tuổi cho chính mình, trong thâm tâm chúng tôi phải tin tưởng rằng mỗi người trong chúng tôi đều đáng được nhớ đến. Và làm gì có ai lại muốn được nhớ đến vì cái gu kém cõi hoặc hơi thở nặng mùi? Ấy thế nhưng tốt nhất là được nhớ đến bởi những điều đó còn hơn là bị quên lãng bởi sự nhạt nhẽo thô sượng hoàn hảo của mình.

Nói cách khác, sự ân xá là một món quà, nhưng sự lãng quên lại là một nỗi kinh hoàng.

Hầu hết chúng tôi nhớ một cách chung chung người này người kia, những đặc điểm của họ bị phóng đại lên bởi ký ức, tên tuổi họ bị mất đi vĩnh viễn, về những người khác chúng tôi chỉ có thể gọi lên những nét phác họa chung mờ nhạt nhất, như thể thay vì đã bước qua họ ngoài hàng lang đến cả trăm lần mỗi ngày, chúng tôi mới chỉ chạm mặt họ trên mây có một lần, lúng búng buông một câu chào lịch sự, và đi tiếp. Năm thì mười họa lắm, mỗi chi tiết ngẫu nhiên - giọng nói, nơi có nốt ruồi - bỗng bất ngờ rạch giời rơi xuống. Mỗi lần như thế lại là một cảm giác thật quái đản. Và rồi lại còn có một số người mà một số người chúng tôi không thể nào rũ khỏi. Janine Gorjanc không thể nào rũ bỏ ký ức về đứa con đã mất của chị. Benny không thể rũ bỏ Frank Brizzolera vì Frank đã chết và để lại cho anh ta một cây cột tô tem. Ông chú Max không bao giờ quên được bà Edna của mình.

Về phần chúng tôi, đó không bao giờ là một điều lo lắng. Chúng tôi sẽ không bao giờ bị lãng quên bởi bất kỳ ai.

“Anh đúng là đần,” Marcia nói với Benny cuối ngày hôm đó. “Làm sao anh lại có thể quên được Hank Neary nhỉ?”

Benny hộc tốc chạy tới cửa phòng Jim. “Thằng cha da đen ấy!” anh ta thốt lên. “Hay mặc áo vest nhung tằm!”

“Chắc chắc, bạn ơi! Tôi đã muốn nói với cậu điều đó mà!” Jim nói. Anh ta đang đọc email của Hank, bức thư cũng đã được gửi đến cho anh ta, tới một tài khoản email mà anh ta ít khi kiểm tra. “Mặt anh ta vừa mới hiện lên trong đầu tớ,” anh ta nói. “Làm sao mà chúng ta lại có thể quên được Hank, Benny nhỉ?”

“Tớ không biết,” Benny trả lời. “Tớ nghĩ cũng là chuyện thường mà.”

Mọi người đều đã nhận được cùng một bức email như Benny và Jim và tất cả chúng tôi đều băn khoăn bằng cách nào mà Hank lần ra được chúng tôi, vốn đã tan tác như bây giờ. Hầu hết chúng tôi đều nhớ anh ta rất rõ và nhận ra tên anh ta ngay lập tức, bởi vì đâu phải ngày nào bạn cũng được làm việc cùng một gã da đen ăn mặc như một đại thi hào ở Oxford. Chúng tôi thường đùa rằng thứ duy nhất còn thiếu là một cái tẩu cặp giữa hai hàm răng trong lúc anh ta dành mỗi quan tâm to lớn đến sự lụi tàn từ từ của thể thơ ngũ ngôn Hy Lạp. Nhưng không, anh ta không phải là một nhà thơ, anh ta là một tiểu thuyết gia thất bại, và khi chúng tôi nhận được email của anh ta thì cũng giống như nghe thấy rằng một trong những kịch bản của Don Blatner đã được lựa chọn bởi Warner Brothers và George Clooney sẽ đóng vai chính. Hóa ra là Hank vừa mới xuất bản một cuốn sách, và buổi đọc sách của anh ta sẽ diễn ra tại một hiệu sách trong khuôn viên Đại học Chicago. Chúng tôi thấy ngỡ ngàng và ngờ vực.

Chúng tôi nhét chặt kín cả khán phòng. Chúng tôi chưa kịp có đủ thời gian để chào hỏi tất cả mọi người khi anh ta xuất hiện, sách trên tay, cùng với một quý ông lưng còng và để râu, vị này bước lên bục giới thiệu anh ta. Ông ta có nhiều điều tốt đẹp để nói về Hank, chúng tôi nhận thấy ánh mắt ngưỡng mộ và lảng tránh của anh ta trong khi vị kia nói. Chúng tôi cũng nhận thấy rằng thay cho cái áo vest nhung tằm, bây giờ Hank mặc một cái áo phông trắng đơn giản hiệu Fruit of the Loom làm nổi bật lên hai cánh tay ngăm đen lòng không và thân hình như trai trẻ của anh ta. Không còn cặp kính tổ chảng trông mặt anh ta gầy mảnh hơn, đẹp trai hơn. Anh ta mặc quần jean và đeo thắt lưng màu đen giản dị. Vẻ ngoài của anh ta nhìn khá khảm hơn hẳn, và chúng tôi hài lòng nhận thấy là anh ta đã vượt qua giai đoạn bắt chước làm ra vẻ đạo mạo kỳ quặc của mình. Tuy hồi đó chúng tôi không nói ra, nhưng dường như nó chẳng bao giờ phù hợp cả.



Trong khi màn giới thiệu bắt đầu, chúng tôi nhìn quanh một số khuôn mặt quen thuộc. Amber Ludwig ngồi ở cuối hàng thứ ba với một đứa bé trong lòng, con bé miệt mài chơi với một con búp bê trần truồng bán thiêu. Đứa bé tội nghiệp có nét nam tính của Larry, nhưng lại mang thân hình mập mạp như hải cẩu của Amber. Bản thân Larry Novotny thì ngồi ở phía sau, một mình, giấu mặt dưới một chiếc mũ lưỡi trai Cubs mới tinh. Dan Wisdom ngồi cạnh Don Blattner, và bên tay phải, ở hàng ghế đầu, Genevieve Latko-Devine ngồi cạnh chồng cô. Anh ta đang ôm một đứa bé vào sát ngực mình, đứa bé bỗng nhiên ré lên một tràng những tiếng khóc không hài lòng. Phản ứng rất nhanh, anh ta chuyển đứa bé trên tay, nhẹ nhàng xoa lưng nó và chẳng mấy chốc đứa bé đã ngủ trở lại.

Mọi người đều vỗ tay khi Hank đứng lên và ra đứng trước bục. Chúng tôi hơi chộn rộn một chút sau mấy tiếng lụp bụp của mirco. Anh ta điều chỉnh lại mic, trao cho chúng tôi một nụ cười ngượng nghịu, và bắt đầu nói với giọng run rẩy đầy dễ thương. Chúng tôi có thể thấy là anh ta đang hồi hộp. Cùng một lúc, những cơn trào dâng dữ dội của cảm xúc xung đột tràn ngập trong chúng tôi. Một người trong chúng tôi đã thành công; chúng tôi tự hào, choáng váng, ghen tị, ngỡ vực, thờ ơ một cách mơ hồ, chỉ chực vỗ lấy bóng dáng đầu tiên của sự kém cỏi, và thực lòng mừng cho anh ta. Tất cả chúng tôi đều đúng là như vậy và còn hơn thế. Trước khi ngồi xuống, nhiều người trong chúng tôi đã lấy những bản sách của anh ta ra khỏi giá trưng bày, và giờ đây chúng tôi lật giở qua để soát lỗi. Chúng tôi đọc trang cảm ơn để xem anh ta cảm ơn những ai. Mà nó về cái gì ấy nhỉ? Và ai mà có thời gian đọc sách khi làm việc từng ấy tiếng đồng hồ như chúng tôi chứ? Chúng tôi phải tự bắt mình dừng lại và tập trung chú ý, vì anh ta đã kết thúc phần cảm ơn chúng tôi vì đã tới và đang mở cuốn sách ra để đọc.

“ ‘Đêm trước’, ” anh ta bắt đầu. Bỗng nhiên anh ta ngừng lại. Cả phòng im phắc vì hồi hộp. Anh ta đang bấu chặt lấy cái bục với bàn tay trắng nhợt

và chăm chăm nhìn xuống như thể đang cố nhớ xem phải thở bằng cách nào. Anh ta hắng giọng. Anh ta nhấp một ngụm nước. Cốc nước run rẩy trên tay anh ta. Rồi anh ta thở một hơi thật sâu và tiếp tục.

“ ‘Đêm trước ca mổ’, ” anh ta bắt đầu trở lại, trước sự thở phào nhẹ nhõm của chúng tôi, “chị chẳng có bữa tiệc nào của hiệp hội phải đến dự, không có những buổi lễ trao thưởng nào, không có những họp mặt kết giao. Chị bất chợt nảy ra một kế hoạch ở ghế sau chiếc taxi khi chị bước lên yêu cầu tài xế đi theo đường Inner Drive. Chị hình dung ra chiếc ghế sofa của mình, hai con mèo, gọi món gì đó ngon lành về nhà, và một chai rượu vang mà chị vẫn để dành. Họ yêu cầu ta không được ăn bất cứ thứ gì trong vòng mười hai tiếng đồng hồ trước đó, nhưng nói thật nhé, như thế quá là vô lý, đúng không nào - cơ hội cuối cùng cho ta được ăn một bữa bình thường trong biết bao lâu chứ?”

Căn phòng yên lặng ngoài một vài tiếng ồn khe khẽ văng lại từ những bàn đăng ký đằng xa và giọng độc thoại mỏng mảnh của Hank, được kích bởi chiếc micro, làm tôn lên những loáng thoáng ngôn từ êm ái như gió thoảng được hình thành trong cái miệng khô khốc của anh ta. Chúng tôi hồi hộp thay cho anh ta đến nỗi mà, sau khi anh ta đã bắt đầu trở lại, thật khó mà tập trung được vào những gì anh ta đang nói. Chúng tôi chỉ cảm thấy mừng khi thấy là anh ta sẽ không bị ngắt.

Anh ta đổi thế đứng từ chân này sang chân kia, thả lỏng hai cánh tay một chút, và bắt đầu đọc với một nhịp điệu khoan thai, dễ chịu hơn. “ ‘... sẽ tốt hơn nếu đi xem phim với một ai đó. Đi một mình, luôn có khoảng mười phút khó xử giữa lúc ta đến và lúc họ giảm bớt ánh sáng để chiếu phần giới thiệu khi mà dù biết là vô lý ta vẫn tin rằng tất cả mọi người trong rạp đang chăm chăm nhìn ta bởi vì’ ...”

Chúng tôi tiếp tục nhìn quanh tìm những khuôn mặt quen thuộc. Benny Shassburger tròn ủng và Jim Jackers mặt tàn nhang ngồi cùng nhau, và giữa họ, Marcia Dwyer với kiểu tóc hơi lạc mốt. Carl Garbedian ngồi kia với Marilyn. Khó lắm mới nhận ra anh ta. Cái bụng phệ của anh ta đã biến mất và anh ta lại còn rám nắng như một quả hạnh nhân. Anh ta mặc một cái áo vest vải thô màu xanh tím than với áo sơ mi để hở cổ và anh ta đã làm gì đó với tóc của mình. Chân anh ta vắt chéo nhau, anh ta đang hướng về Hank với vẻ rất tò mò, hoàn toàn yên lặng, lắng nghe.

“ ‘... bước dọc hành lang về phía phòng của một cộng sự. Chẳng lẽ chị lại đang thực sự khát khao được là một phần của *điều đó*? Chẳng lẽ chị sẵn sàng đánh đổi những không gian sáng choang và rộng rãi đầy ắp những mẫu giày dép, thời trang, rồi nước hoa và phụ kiện tốt nhất thế giới này’ ...”

Karen Woo có mặt ở đó, chúng tôi có những cảm giác lẫn lộn về điều này. Chúng tôi không thấy bóng dáng Chris Yop đâu cả. Có vẻ như anh ta không bao giờ tha thứ cho chúng tôi về vụ xem thường ngày xưa ngày xưa ấy. Cũng không thấy cả Tom Mota đâu, và chúng tôi đoán có lẽ gã đang ở trong nhà tù đâu đó cố gắng thuyết phục các giám thị cho phép gã trồng cà chua dọc theo rìa sân bóng rổ. Janine Gorjanc đã thay đổi. Chị mặc một chiếc quần da thay vì chiếc quần jean bạc phếch, đi kèm với một chiếc áo khoác da. Những chiếc khuyên tai bạc lủng lẳng, chắc có lẽ được làm ở Santa Fe, lấp lánh cạnh tóc chị, mái tóc mà chị đã để cho mọc dài và ngả màu xám. Trước phần đọc sách, chị đã giới thiệu chúng tôi với bạn trai mình. Anh ta cũng mặc một áo khoác da và khoe một chòm ria mép rậm rạp kiểu ghi đông xe đạp. Tên anh ta là Harry và anh ta đã bắt tay chúng tôi một cách then thừng hơn rất nhiều so với những gì bộ mặt lông lá của anh ta thể hiện. Họ đã phóng đến buổi đọc sách trên chiếc Harley Davidson của Harry và cả hai đều đội mũ bảo hiểm màu đen kiểu cổ giống như những chiếc mũ được đội trong Chiến tranh Thế giới thứ hai. Kể ra cũng thật kỳ lạ

khi thấy là giờ đây Janine tham gia vào giới chơi motor. Khi buổi đọc sách bắt đầu, chị và Harry chọn chỗ cho mình ở một trong những hàng ghế sau.

“ ‘... vào bên trong - nơi này có một bầu không khí thoáng đãng, vang vọng, nghe âm ì những giọng nói khe khẽ, và tiếng bước chân trên những bậc thang cẩm thạch mà chị có thể nghe rõ từng tiếng một. Anh tháo tấm băng che mắt ra và họ dành một giờ’...”

Giá kể Brizz Già mà có mặt ở đó, có lẽ lão đã lẩn ra ngoài giải lao hút thuốc, vì buổi đọc sách của Hank đang diễn ra lâu hơn chúng tôi dự kiến. Chúng tôi đã hoàn toàn chẳng còn tập trung gì nữa. Những mối lo toan muôn thuở đã xâm chiếm lấy chúng tôi - những lo lắng gia đình, các dự án đang triển khai ở chỗ làm, kỳ nghỉ cuối tuần và những gì ẩn chứa trong nó, điều gì đó buồn cười được nói tại bữa trưa, chất thiên tài trong luật “infield fly rule” của môn bóng chày, cái áo khoác kia đẹp quá, cô ta đi đôi giày xấu tệ, thực sự là có thể làm một châu - đủ thứ cả. Giọng nói đều đều, khe khàng của Hank lơ lửng trên đầu chúng tôi giống như những đám mây đang lững lờ trôi qua đỉnh các tòa nhà.

“ ‘... ngẩng nhìn bầu trời mở ra từ cửa sổ phòng mình, cảnh tượng thật huy hoàng, nhất là sau tất cả những công việc mà chị vừa hoàn thành’...”

Và chúng tôi không thể nào ngừng tự hỏi Joe Pope có thể đang ở đâu. Anh ta vẫn luôn tỏ ra có cảm tình với Hank. Kể cũng lạ khi không thấy anh ta lộ diện và ủng hộ Hank như đám chúng tôi. Và rồi chúng tôi nghĩ, chờ một phút đã nào. Chẳng lẽ năm năm trời lại nghiệt ngã với ký ức của chúng tôi đến nỗi chúng tôi có thể quên mất được là phải tìm Joe Pope ở đâu vào giờ đó sao? Anh ta vẫn đang ở văn phòng, tất nhiên rồi, làm việc.

Cuối cùng Hank gấp cuốn sách của anh ta lại và nói, “Cảm ơn các bạn.” Chúng tôi vỗ tay hưởng ứng.

Sau khi buổi đọc sách kết thúc, chúng tôi đi loanh quanh. Chúng tôi mua sách của Hank. Chúng tôi tới chúc mừng anh ta. Tất cả chúng tôi đều hết bắt tay lại ôm và anh ta ký tặng vào sách của chúng tôi với những lời chúc may mắn riêng. Một người hỏi anh ta cuốn sách này có phải cũng chính là cuốn sách anh ta đã nói đến trong thời gian chúng tôi còn ở cùng nhau không, cuốn sách nhỏ, giận dữ của anh ta về công việc. Nhờ bị cho nghỉ việc và bắt buộc phải đi tìm chỗ làm mới, chúng tôi đã phát hiện ra rằng mỗi công ty đều có tay copywriter bất mãn mà trong đời thực là một tiểu thuyết gia thất bại đang bắt tay vào viết một cuốn sách nhỏ, giận dữ về công việc. Công việc là một chủ đề được tôn thờ đối với một số đồng nghiệp của chúng tôi, nhưng không giống như Don Blattner, kẻ muốn tất cả mọi người đều đọc những kịch bản của anh ta với điều kiện họ ký cam kết giữ bí mật, cánh nhà văn viết sách lại tỏ ra kín kẽ hơn nhiều, và thường là giấu biệt. Những áng văn thê thảm nằm lặng câm bên trong các ngăn kéo bàn. Những lưỡi rìu được mài đẹp để tan chảy trong lò sưởi. Chúng tôi cảm kích thay cho cả thế giới.

“Không,” Hank trả lời. “Đây là cuốn sách khác.”

“Chuyện gì đã xảy ra với cuốn cũ vậy?” ai đó hỏi. Hồi đó anh ta tham vọng với nó thế cơ mà.

“Cuốn đó bị bỏ đi như một con chó già ốm,” anh ta nói. “Nhưng còn các cậu thì sao?” bỗng nhiên anh ta hỏi và nhìn quanh. “Các cậu có gì mới nào?”

Chúng tôi có thể thấy là anh ta đang thiết tha muốn chuyển ánh đèn sân khấu khỏi cuốn tiểu thuyết thất bại của mình sang một chủ đề gì khác, vì

vậy Benny và Marcia thông báo rằng họ sẽ kết hôn vào mùa thu.

“Nếu anh ấy không làm tôi nổi điên trước lúc đó,” cô ta nói, và nhìn Benny âu yếm.

Cô ta đeo một chiếc nhẫn kim cương khiêm tốn đến khổ sở và luồn tay mình qua tay Benny trong lúc Benny chia sẻ cái tin không kém phần bất ngờ rằng, xét ở mọi khía cạnh, Jim Jackers là sếp mới của anh ta.

“Các cậu có tin được không hả?” anh ta nói. “Chính anh chàng này đây!”

Anh ta quàng tay quanh người Jim và cúi đầu xuống như thể Jim đang chuẩn bị trao cho anh ta một cái vò đầu. Jim nhướng mày lên tỏ vẻ đầu hàng một cách lặng lẽ và khiêm tốn và trong giây lát ba bọn họ, Marcia và Benny cùng Jim, đan vào nhau như thể họ là một gia đình nhỏ.

Carl kể cho chúng tôi nghe những chi tiết về công ty phong cảnh của anh ta, Garbedian và Con trai, một cơ sở khiêm tốn. “Thôi nào, hãy nói thật đi,” Marilyn nói. Cô quay sang Hank, “Nó là một hiện tượng, phải nói như thế mới đúng.” “Thật vậy à, Carl?” Hank hỏi. Tất cả chúng tôi đều giục Carl kể nhiều hơn cho chúng tôi. Cuối cùng anh ta thừa nhận, “Chúng tôi đang hoạt động ở khoảng hai mươi khu ngoại ô.” Chúng tôi nghĩ bụng, Mẹ khí! Hai mươi khu ngoại ô? Thằng cha này chắc phải cào về khối. “Nhưng anh vẫn không phải là bác sĩ, đúng không?” chúng tôi chắc mẫm Jim sẽ nói thế, nhưng anh ta không hề nói điều gì như vậy, và điều đó thậm chí dường như còn không có trong tâm trí của Carl. Anh ta đang mỉm cười và gật đầu và tay anh ta quàng quanh người Marilyn như thể công việc thiết kế phong cảnh đã thay đổi cuộc đời anh ta vậy.

Amber giới thiệu chúng tôi với Becky, đưa bé bẽn lẽn trốn sau cái chân lừng lừng của mẹ nó. Chúng tôi nhìn quanh tìm Larry, nhưng anh ta đã biến

mất. Chúng tôi tránh chủ đề đó bằng cách tập trung vào đứa bé. Cuối cùng chúng tôi quay trở lại câu chuyện người lớn, và đó là khi Becky ra khỏi phía sau chân Amber và lại gần Benny. Con bé có vẻ thích thú với việc giới thiệu anh ta với con búp bê trần truồng và dính đất của mình. Anh ta cúi xuống làm quen với nó. Mọi người cũng chúc mừng Genevieve về đứa con của cô, và chồng cô trả lời thay vợ khi chúng tôi hỏi đứa bé bao nhiêu tuổi (mười tháng) vì Genevieve và Amber đang mải mê với những câu chuyện về việc làm mẹ.

Điều hài hước về bản thân công việc là ở chỗ nó mới thật dễ chịu đựng làm sao. Ngay cả công việc kinh khủng nhất cũng hoàn toàn có thể chịu đựng được. Nó mang lại những thách thức để vượt qua, sự khuấy khỏa do cảm giác cấp bách đem đến, và sự hài lòng khi hoàn thành một nhiệm vụ - vào bất kể ngày nào, những điều này làm cho công việc trở nên cực kỳ, thậm chí là vô cùng dễ chịu. Điều mà chúng tôi kêu ca, điều mà chúng tôi không thể nào để yên nổi, điều khiến chúng tôi bị phân tâm và xâm chiếm chúng tôi bằng cơn điên cuồng mù quáng, là người này hay người kia, những kẻ hết giày vò, quấy quả rồi lại xúc phạm các thiên thần trên thiên đường, những kẻ toàn mặc quần áo xấu mù và đánh tráo lên chúng tôi những đặc điểm không thể nào chịu nổi của họ, những kẻ chẳng xứng đáng được hưởng bất kỳ điều gì từ Đức Chúa công minh ngoài lòng khinh bỉ vì họ thật nhạt nhẽo, thô thiển, dai dẳng đến tàn ác, chẳng hề biết gì trước nguồn ân sủng lớn lao. Và có thể thế, vâng, có thể thế. Nhưng khi chúng tôi đứng đó, chúng tôi phải khó khăn lắm mới nhớ được những chi tiết cụ thể, bởi vì tất cả mọi người dường như mới thật dễ thương làm sao.

Theo đề nghị của Benny chúng tôi kéo đi uống một chén. Có một quán Ireland gần đó và chúng tôi kéo bàn lại gần nhau rồi Carl Garbedian bao chén đầu tiên, thế cũng là đúng thôi xét đến hai mươi khu ngoại ô của anh ta, và chúng tôi nâng cốc chúc mừng Hank cùng thành công của anh ta, rồi chúng tôi nói về những niềm nuối tiếc và về quãng thời gian cũ cũng như

sung sướng nhớ ra rằng không phải tất cả đều là khổ ải. Đến khi chúng tôi đã giải quyết xong châu đầu tiên, chúng tôi có lý do để nhớ ra rằng Benny đã từng là một người kể chuyện rất hay, và Jim Jackers là người suốt ngày bị mang ra làm trò cười, còn Genevieve là một niềm khoan khoái để ngắm nhìn. Và Lynn Mason, tất cả chúng tôi đều đồng ý, là người sắp tốt hơn bất cứ ai mà chúng tôi tìm thấy từ hồi đó đến giờ. Bên cạnh Harry Ghi đông, người đi ngược lại những kỳ vọng nhậ nhệ của chúng tôi bằng cách gọi một tách cà phê đã lọc caffein, Janine ngồi nhấm nháp ly nước việt quất ướp lạnh quen thuộc của chị, cảnh tượng không hiểu sao thật dễ chịu. Chị với tay ra vỗ nhẹ lên tay Hank. “Tôi đã đọc cuốn sách của cậu, Hank,” chị nói.

“Ồ,” Hank nói. “Cảm ơn chị.”

“Nó viết về Lynn, đúng không?”

“Ừm,” anh ta nói. “Một phần cuốn sách dựa trên Lynn, vâng.”

Chúng tôi không thể tin nổi điều đó. Cuốn sách của anh ta là về Lynn sao?

“Và đúng như thế à?” chị hỏi.

“Cuốn sách à? Không, cuốn sách là... phần nào cơ?”

“Phần nào cũng thế.”

“À, tôi ghé thăm chị ấy vài lần trong bệnh viện,” anh ta nói.

Chờ một phút đã, chúng tôi nghĩ, chờ một phút đã nào. Anh ta đã vào thăm chị ấy trong bệnh viện sao?



“Trong cuốn sách đầu tiên mà tôi cố viết,” anh ta giải thích, “cuốn sách mà tôi đã bỏ đi ấy, tôi xây dựng một nhân vật dựa trên Lynn, và tôi biến nhân vật đó thành một bạo chúa. Tôi chú ý làm thế, bởi vì bất cứ ai là sếp trong cuốn sách đó phải là một bạo chúa. Bất cứ ai tin vào những điều tốt đẹp của chủ nghĩa tư bản, và những công ty hủy hoại linh hồn, và làm việc làm việc làm việc - tất cả những cái đó - thì tất nhiên là người đó không xứng đáng có bất kỳ sự thông cảm nào. Nhưng khi tôi quyết định cho giải tán cuốn sách đó, ơn Chúa, và viết một thứ gì đó khác, tôi biết chị ấy đang bị ốm, thế nên tôi vào thăm chị ấy. Cũng chỉ là cho vui thôi. Vì tôi có biết gì về chị ấy nào? Không gì hết, thực sự như thế. Tôi không biết chị ấy - không theo một cách đáng kể nào. Và hóa ra chị ấy lại rất cởi mở trò chuyện với tôi, không chỉ về bệnh tật của chị ấy, mà còn cả về đời sống riêng tư của chị ấy, rất nhiều thứ khác nữa. Lúc đó chị ấy đang sắp chết...”

Jim Jackers ngắt lời anh ta. “Ý anh là sao?”

“Lynn chết vào mùa hè năm 2003,” Hank trả lời. “Vì ung thư buồng trứng.”

“Và tôi là người duy nhất không biết điều đó?” Jim hỏi và nhìn quanh.

“Và tôi nghĩ chị ấy biết mình sắp chết,” Hank nói tiếp, “và ở góc độ nào đó, tôi cũng nghĩ là chị ấy hy vọng tôi sẽ viết được gì đó đáng giá một chút, về điều này thì tôi có thể nói thật với các bạn, tôi đã không làm được. Tôi có thể bảo đảm với các bạn là tôi đã không làm được. Nhất là với những phần viết về chị ấy.”

Janine phản đối. “Tôi đã đọc cuốn sách,” chị nói. “Tất nhiên là cậu đã làm được.”

“Hãy tin tôi,” Hank nói với chị. “Tôi không làm được lấy một nửa đâu.”

Genevieve và chồng cô ra về vì họ phải cho đứa bé đi ngủ, rồi chúng tôi còn mất cả Amber và Becky nữa. Benny không muốn cho họ đi - tất cả những cửa sổ của anh ta đều mờ sương hoài niệm - nhưng họ nhất quyết là họ phải về nhà. Anh ta yêu cầu là tất cả những người còn lại trong chúng tôi phải ở lại, và thế là chúng tôi ở. Và lại hầu hết chúng tôi đều muốn làm thêm chút nữa. Marcia tấn công cái hộp nhạc với khoảng một tuần lương và bật hết bản ballad ngọt lịm này sang bản khác thành thử cảm giác như thể chưa một ngày nào trôi qua kể từ khi chúng tôi tan đàn xẻ nghé. Jim Jackers trả tiền chầu tiếp theo, thế cũng là đúng thôi xét đến sự thăng tiến không thể nào lý giải nổi của anh ta trên thang bậc, và thực tế rằng chúng tôi đã phải chịu đựng anh ta suốt những năm tập tọng đó của anh ta.

Chúng tôi nâng cốc để tưởng nhớ đến Lynn Mason và chợt nhận ra chúng tôi đang kể những câu chuyện về chị, chúng tôi chẳng gặp khó khăn gì khi nhớ lại những cuộc chạm trán và đấu khẩu, những cuộc chạm trán với Brizz Già - xét cho cùng thì chị là sếp của chúng tôi cơ mà, và tất cả chúng tôi đều có những trải nghiệm riêng biệt và đáng nhớ của mình với chị. Ví dụ như không ai trong chúng tôi có thể quên cảm giác phấn khích và vẻ vang chúng tôi đã trải qua khi chị tỏ ra thích thú đặc biệt với một ý tưởng nào đó mà một trong chúng tôi đã nghĩ ra, và chúng tôi nhớ với sự chính xác đến bất ngờ đó là quảng cáo cho công việc nào, và cái ý tưởng đó, cùng những lý do chị đưa ra cho sự tán phục của mình. Không có sự tán thành của bất kỳ ai lại có ý nghĩa đối với chúng tôi hơn của chị, và không gì dễ dàng hơn là nhớ lại những lời tán thưởng của chị. Chúng tôi còn nhớ cả những đôi giày đắt tiền và trang nhã của chị, và cái lần chị xuất hiện bên giường bệnh của Carl với một bó hoa thảm hại, và cả việc chị đã đi dán tờ bướm cho Janine cùng tất cả chúng tôi như thế nào khi Jessica

mất tích, rồi Jim kể cho chúng tôi nghe câu chuyện ở trong thang máy khi chị nói với anh ta rằng chị từng có thời là một cô gái hula. “Lúc đó chị ấy chỉ nói đùa thôi,” anh ta nói, “nhưng tôi lại cứ đinh ninh là chị ấy nói thật.” Chúng tôi nhớ là mặc dù lúc nào chị cũng tỏ ra khó tính làm sao, rất nhiều điều mà chị nói lại rất buồn cười.

Đến cuối chiều thứ hai, Sandy Green ở bộ phận trả lương nói cô ta phải về nhà, và cả Donald Sato và Paulette Singletary cũng thế. Benny nài xin tất cả họ ở lại. Anh ta muốn nói chuyện về việc hiện tại họ có đang hạnh phúc hay không trong công việc mới của mình, những người mới như thế nào, và họ có điều gì phàn nàn không. “Các cậu biết đấy,” anh ta khích lệ, “so sánh với mọi chuyện trước kia xem thế nào.” Họ ở lại lâu hơn một chút, nhưng khi cuối cùng họ ra về, Benny trông chán hẳn. “Cái câu gì mà Tom Mota thường nói ấy nhỉ, cái câu tổng tiền mà gã thường dành tặng khi có người bỏ về ấy? Có ai nhớ không vậy?”

Không ai nhớ cả.

“Đó là một câu nâng cốc chúc mừng,” Benny nói, “và nó được nói đại loại thế này, ‘Nếu vậy thì chúc cậu may mắn.’ Và rồi gã sẽ nốc hết ly của mình, nhớ không, rồi kiểu như ợ một cái? Và sau đó gã sẽ lại giơ cái ly lên và nói, ‘Và quý tha ma bắt cậu đi vì đã ra về, đồ khốn nạn’.”

Mọi người bật cười, mặc dù nói thẳng ra thì cũng không phải câu chuyện đó có gì buồn cười cho lắm - kỳ thực ra là rất không thoải mái. Khi tiếng cười lắng xuống, chúng tôi bản khẩu thành tiếng là chuyện gì đã xảy ra với Tom và tại sao gã không có mặt ở buổi đọc sách.

“Các cậu không biết về Tom sao?” Carl hỏi.

Chẳng ai biết gì hết cả.

“Các cậu có biết là cậu ấy đã gia nhập lục quân không?”

Gia nhập lục quân à? Chắc Carl đang trêu chúng tôi.

“Không, thật đấy.”

“Thôi đi,” Benny nói.

“Không có ai khác nhận được email của Tom à?”

Không ai có thể nói là mình đã nhận được.

“Lạ thật. Cậu ấy thường viết cho tất cả mọi người mà.”

“Thôi đi,” Benny. “Người ta lại để cho gã điên đó gia nhập lục quân sao?”

“Kỹ năng thiện xạ siêu việt,” Carl nói gọn lỏn.

Bỗng nhiên một ý tưởng điên rồ trở nên dường như hoàn toàn có thể.

“Dạo đó cậu ấy đang phải đối mặt với án tù,” Carl tiếp tục, “các cậu biết phần đó rồi. Nhưng vợ cậu ấy, Barb, ra làm chứng cho cậu ấy. Và cả Joe Pope nữa. Đúng thế,” anh ta nói, trước vẻ ngờ vực của chúng tôi. “Và thế là bên công tố quận đồng ý giảm cáo trạng xuống thành cư xử không đúng mực. Sau đó, cậu ấy đến làm việc cho tôi một thời gian. Nhưng không lâu lắm. Cậu ấy suốt ngày nói về việc muốn nhập ngũ - sau tất cả những gì đã xảy ra, các cậu biết rồi đấy. Cậu ấy không thể nào rũ được ý nghĩ đó ra khỏi đầu mình. Cậu ấy sợ mình quá tuổi rồi. Và cậu ấy sợ họ sẽ không chịu nhận

vì hồ sơ của cậu ấy. Nhưng nó liên tục giày vò cậu ấy. Mặc dù vậy, cậu ấy không chịu đi nói chuyện với người phụ trách tuyển quân, vì sợ rằng họ sẽ nói không - cậu ấy khát khao nó vô cùng. Cậu ấy không muốn ai đó nói không với mình. Nhưng rồi một hôm vừa cầu nguyện cậu ấy vừa đi thẳng đến đó, và may mắn thế nào, cậu ấy và tay sĩ quan tuyển quân hợp nhau ngay, đơn giản là họ kết nhau ngay từ đầu. Tom nói với ông ta điều cậu ấy muốn và cậu ấy thèm muốn nó nhiều đến nhường nào, và tay kia, tay sĩ quan tuyển quân, đã bố trí để Tom có thể chứng tỏ cho ông ta thấy những gì cậu ấy có. Và sau khi họ chứng kiến cậu ấy bắn, họ nói, Cậu muốn nhập ngũ, chúng tôi vui lòng được có cậu. Thế là Tom gia nhập lục quân.”

Carl chắc chắn là đang nói đùa.

“Không, cậu ấy không đùa đâu,” Janine nói.

Tất cả chúng tôi đều nhìn vào Janine. Chị ấy cũng nhận được email của Tom à?

“Cậu ấy có viết thư cho tôi,” Janine trả lời.

“Cậu ấy nói rằng đó là quyết định tốt nhất cậu ấy từng thực hiện,” Carl nói.

“Và cậu ấy không bao giờ hối tiếc,” Janine nói. “Cậu ấy đã hạnh phúc được ở đó. Cậu ấy hạnh phúc được làm những gì cậu ấy đang làm.”

“Cậu ấy đã tin tưởng, các cậu biết đấy,” Carl nói, “vào việc chiến đấu cho đất nước của mình.”

“Cậu ấy gọi việc đó là như thế đấy - và tôi sẽ luôn nhớ Tom vì nhiều điều,” Janine nói. “Nhưng có một điều cậu ấy viết mà tôi sẽ không bao giờ

quên. Tôi vẫn còn giữ lá thư. Cậu ấy gọi đất nước này là nền cộng hòa tốt đẹp nhất từng bắt đầu lụi tàn. Đó chính xác là những lời của cậu ấy. Tôi vẫn còn giữ nó. Cậu ấy đã rất tự hào rằng họ cho cậu ấy vào một sư đoàn thiện xạ đặc biệt.”

“Tôi nghĩ chắc không có ai ngạc nhiên là Tom ngắm đích tốt,” Carl nói.

Những giọt nước đọng trong mắt Janine thật quen thuộc, bất chấp cả cái áo da mới. “Và có lẽ cậu ấy đã là một người lính tốt nữa - cậu có nghĩ vậy không, Carl?”

“Kỷ luật là điều mà cậu ấy đã cần trong suốt ba mươi bảy năm. Ít nhất đó cũng là cách cậu ấy diễn tả với tôi,” Carl nói.

“Như thế vẫn còn là rất trẻ,” Janine nói. “Ba mươi bảy.”

“Vâng,” Carl đồng ý. “Rất trẻ.”

“Chuyện gì đã xảy ra?” Benny hỏi. “Chuyện gì đã xảy ra với anh ta?”

Mọi người gọi martini để tưởng nhớ Tom, và nâng cốc chúc mừng gã như một người yêu nước và một học giả, một quân nhân tốt, và một công dân tệ hại của giới công sở. Chúng tôi cảm ơn gã vì đã gửi những bức email kỳ quái, vì những trò hề phát tiết từ việc gã nốc hai ly martini trong bữa trưa, và vì tất cả những trò điên khùng rồ dại mà bây giờ nhìn lại mới thấy đã mang lại cho chúng tôi rất nhiều niềm tiêu khiển, không có chúng những buổi chiều của chúng tôi chắc hẳn đã dài hơn và cuộc sống của chúng tôi càng nhạt nhẽo hơn. Gã đã chết vì đạn của quân mình tại Afghanistan.

“Vì Tom,” chúng tôi nói.

Chúng tôi nâng những ly martini của mình lên. “Vì Tom.”

“Trời ạ,” Janine nói, với vẻ mặt nhăn nhó. “Làm sao cậu ấy lại có thể thích thú cái thứ này nhỉ?”

Nếu như không có Don Blattner, chắc có lẽ chúng tôi đã đắm mình trong nỗi lãng quên của rượu và những ý nghĩ u ám, nhưng Hank đã hỏi anh ta xem việc viết lách của anh ta đang tiến triển đến đâu rồi, và Don cho biết rằng nhờ vào ý chí bền bỉ đến phi thường, anh ta đã không bỏ cuộc mà tiếp tục viết những kịch bản thảm hại, không thể nào sản xuất nổi của mình. Thậm chí ngay lúc chúng tôi đang nói chuyện đây, anh ta cũng đang ấp ủ một kịch bản mà anh ta tin rằng có tiềm năng thực sự. “Nhưng lúc nào tôi chẳng nói thế,” Don nói. Quả đúng thế thật - lúc nào anh ta chẳng nói thế. Chúng tôi hỏi xem kịch bản mới của anh ta là về cái gì, và anh ta kể với chúng tôi rằng đó là câu chuyện về một vị Lạt Ma Tây Tạng đức cao vọng trọng trong một chuyến đi thuyết giảng tại Mỹ đã bị quyến rũ vào thế giới béo bở của những hợp đồng quảng cáo. Ông ta bắt tay vào cải thiện quảng cáo mà trong đó ông ta xuất hiện, trước sự kính sợ và phấn khích của nhóm sáng tạo đen đui phụ trách dự án đó, mà bệnh yếm thế và chán chường của những người này thì cao chưa từng có. Cuối cùng vị Lạt Ma tìm thấy niềm hạnh phúc thực sự khi từ bỏ những môn đệ ngoan ngoãn của mình để đổi lấy công ty quảng cáo mới hồi sinh, trở thành giám đốc sáng tạo của nhóm, phụ trách các hợp đồng với Nike, Microsoft và BMW. Ông ta ngủ với các người mẫu và chết một cách hạnh phúc khi đang đọc tạp chí *Time* trong một cái bể sục ở Crested Butte, Colorado.

Tất cả mọi người đều nghĩ nó sẽ thành công vang dội.

“Đã rồi xem,” Don nói.

Carl và Marilyn rời bỏ chúng tôi, rồi chúng tôi phải nhường Janine và Harry cho sự thôi thúc của giấc ngủ tuổi trung niên. Một số người khác ra về, và Benny quay sang Jim. “Benny, tay vừa mới rời khỏi là ai vậy nhỉ? Chúng ta làm việc cùng với hắn à?”

“Đó là Sanderson,” Benny nói. “Bill Sanderson.”

“Bill Sanderson?”

“Cậu nhớ Bill mà,” Benny nói.

“Tớ chẳng có ý niệm gì về thằng cha đó cả.”

“Chắc chắn là cậu có, Jim. Chẳng qua cậu không nhận ra hắn vì hắn không còn bộ ria thôi.”

Chẳng mấy chốc ngay cả Jim cũng chuẩn bị ra về. “Hôm nay là tối đi học,” anh ta giải thích.

Một tối đi học? Từ khi nào mà Jim Jackers lại trở nên... trở nên... *người lớn* thế này nhỉ?

“Jimmy, cậu *đừng* đi!” Benny kêu lên.

“Benny, mai cậu sẽ lại gặp tớ mà.”

“Ồ, tớ nghĩ đúng là thế mà, phải không,” Benny nói. “Lại đây, anh bạn già,” Benny đang uống nốt ly cuối, theo như lời Marcia. Jim bắt buộc phải cúi xuống ôm anh ta.



“Tôi cũng phải đi luôn đây,” Reiser nói.

“Cậu không đi được, Reiser!” Benny nói. “Cậu chưa hề nói lấy một lời nào về những người cậu đang làm việc cùng bây giờ. Họ thế nào? Cậu có hạnh phúc không?”

Reiser đứng lên trong khi Benny xoắn ra tràng câu hỏi của mình, anh ta nhún vai lãnh đạm sau mỗi câu hỏi.

“Nhưng cậu có nhớ nó không?” Benny dai dẳng.

“Nhớ gì cơ?” Reiser hỏi.

“Tớ sẽ cho cậu biết tớ nhớ ai,” Benny nói. Đột nhiên anh ta rút điện thoại di động của mình ra. “Hãy gọi cho Joe Pope!”

Chúng tôi nhìn Reiser càu nhàu ra khỏi quầy bar, và không hiểu sao thật dễ chịu khi nhận thấy là anh ta vẫn còn đi tập tễnh. Ngay sau khi anh ta đã đi khỏi Benny áp điện thoại của mình lên tai và cố gắng tìm câu trả lời.

“Chắc là tớ bấm nhầm số lẻ rồi,” anh ta kết luận và ngắt máy. “Đó là bàn của ai đó tên là Brian Bayer. Có ai nhận ra cái tên đó không?”

Không ai nhận ra cả. Chắc hẳn anh ta đã đến sau thời của chúng tôi. Kể cũng lạ khi nghĩ rằng họ lại tuyển dụng tiếp. Chúng tôi thấy thật khó khăn khi hình dung những khung cảnh quen thuộc bị chiếm ngự bởi những người xa lạ, những giọng nói không quen biết vọng ra từ sau những vách tường trát thạch cao chia các ngăn làm việc cũ của chúng tôi, những người đàn ông và đàn bà không biết mặt ngồi trên ghế của chúng tôi.

Chúng tôi hỏi Benny xem anh ta gọi số lẻ nào. Anh ta bấm đúng số - đó chính là số lẻ của Joe. Không ai có thể quên được nó, chúng tôi đã gọi số đó quá thường xuyên. Anh ta ngắt máy lần thứ hai. “Vẫn là Brian Bayer,” anh ta nói. Anh ta nảy ra giải pháp khôn ngoan là gọi vào tổng đài chính. Khi được nhắc, anh ta bấm chữ “P” cho Pope. “Tên của anh ta không xuất hiện,” anh ta nói.

Don Blattner quay trở lại từ phòng vệ sinh và hỏi Dan Wisdom là anh ta đã sẵn sàng để đi chưa? Họ đã cùng lái xe đến.

“Tên anh ta không hiện lên,” Benny nói.

“Chúng ta cũng phải đi thôi, Benny,” Marcia nói. “Cũng muộn rồi.”

Don và Dan ném tiền lên bàn và chúng tôi chào tạm biệt họ. “Ê, đợi đã!” Benny kêu lên. Nhưng anh ta còn quá mải mê nên không thể rời khỏi cái điện thoại, và cuối cùng họ về mất.

“Anh ta ở đâu nhỉ?” anh ta nói, đặt điện thoại xuống và nhìn quanh những người còn lại chúng tôi. “Joe Pope ở đâu được nhỉ?”

“Thôi nào, Benny,” Marcia nói. “Em sẽ đưa anh về.”

“Anh ta không có trong danh bạ, Marcia. Vậy anh ta ở đâu?”

“Benny, anh yêu, anh say rồi.”

“Là Joe mà,” anh ta nói. “Anh ta không bao giờ rời khỏi bàn làm việc.”

“Benny,” cô nói.

“Genevieve đâu rồi? Cô ấy đâu? Cô ấy sẽ biết anh ta đang ở đâu.”

“Genevieve à? Benny, anh yêu, cô ấy về từ mấy tiếng rồi.”

Cô lôi anh ta ra khỏi ghế của mình.

“Hank, chắc chắn anh phải biết chuyện gì đã xảy ra. Chuyện gì đã xảy ra với Joe, Hank?”

Nhưng nếu Hank có biết điều gì thì anh ta cũng không nói. Chúng tôi nhìn Benny say lão đảo trên chân anh ta. “Nhưng đó là Joe mà, Marcia,” anh ta nói. “Joe không bao giờ bỏ đi cả.”

“Benny,” cô nói. “Đôi khi chúng ta vẫn để mất dấu thôi mà.”

Lát sau họ đã ra ngoài cửa, vọng theo là những sợi cuối cùng của một trong những bản ballad ban nhạc tóc xù của Marcia.

Hầu hết chúng tôi theo họ đi ra ngay sau đó, và, rất cuộc, ly cuối cùng được công bố. Ánh điện bật lên, chiếc máy nghe nhạc im lặng. Chúng tôi có thể nghe tiếng ly cốc lanh canh và sự im lặng mệt mỏi của đám nhân viên trong lúc họ bắt đầu dọn dẹp, lau chùi những bề mặt sáng bóng, xếp những chiếc ghế đẩu lên mặt quầy bar. Chỉ lát nữa thôi công việc của họ sẽ xong, họ có thể nhìn thấy điều đang chờ đợi họ ở nhà - một cái giường, một bữa tối, một người yêu. Nhưng chúng tôi không muốn đêm kết thúc. Chúng tôi cứ nán lại, đợi họ cử đến một thằng cha lực lưỡng, kẻ sẽ tổng chúng tôi ra bằng một mệnh lệnh dứt khoát. Và cuối cùng thì chúng tôi cũng sẽ đi thôi. Ra ngoài bãi đỗ xe, dăm ba lời giã biệt. “Thực sự là rất vui khi gặp lại cậu,” chúng tôi sẽ nói. Và nói xong, chúng tôi sẽ vào xe của mình rồi mở cửa sổ ra và lái đi, nhấn còi một lần cuối cùng. Nhưng ngay lúc này, thật

khoan khoái khi cứ thế ngồi đó bên nhau. Chúng tôi là hai người duy nhất còn lại. Chỉ hai người chúng tôi, bạn và tôi.

## Lời Cảm Ơn

Tôi nợ cuốn tiểu thuyết *Americana* của Don DeLillo một lời cảm ơn vì đã tạo cảm hứng cho nhan đề của cuốn sách này.

Một lời cảm ơn đặc biệt dành cho những giáo viên thuở nhỏ của tôi: Jane Rice, Anna Keesey và Brooks Landon. Lời cảm ơn rất đặc biệt dành cho hai đồng giám đốc của chương trình Thạc sĩ Mỹ thuật, Đại học California ở Irvine, Michelle Latiolais và Geoffrey Wolff. Jim Shepard đã khiến tôi trở thành một người viết tốt hơn, nhưng quan trọng không kém, còn khiến tôi trở thành một người đọc tốt hơn. Tôi cũng cảm ơn Mark Richard và Michael Ryan.

Cảm ơn cô, Julie Barer, một người đại diện phi thường. Reagan Arthur ở Little, Brown và Mary Mount ở Viking UK - những biên tập viên tuyệt vời. Một lời cảm ơn sâu sắc cho toàn bộ đội ngũ ở Little, Brown.

Cảm ơn Kathy Bucaro-Zobens, Doug Davis, Amanda Gillespie, Robert Howell, Dave và Deb Kennedy, Dan Kraus, Chris và Keeli Mickus, Dave Morse, Barry và Jennifer Neumann, Arielle Read, Grant Rosenberg, Matthew Thomas, Ernest-fly và Tere, và gia đình Kennedy ở Naples, Florida.

Cảm ơn Khoa Nhân văn, Đại học California, Irvine, và cảm ơn Glenn Schaeffer, Viện Thư tín Hiện đại Quốc tế, và Trung tâm Viết và Dịch thuật

Quốc tế thuộc Đại học California, Irvine vì đã sáng lập giải Glenn Schaeffer, cung cấp cho tôi số tiền thiết yếu để làm việc.

Và cảm ơn gia đình tôi, từ Illinois tới Indonesia, không có họ thì cũng không có cuốn sách này.

---

[1] Trong ngành quảng cáo, writer hoặc copy writer là thuật ngữ chỉ người phụ trách viết phần nội dung, để phân biệt với designer nghĩa là người thiết kế. Vì những khái niệm và thuật ngữ này đã trở nên khá phổ biến tại Việt Nam, nên chúng tôi để nguyên không dịch, để phân biệt với “người viết” trong các lĩnh vực khác.

[2] IPO - Initial Public Offering: chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

[3] Giả thuyết về hậu quả khí hậu mà chiến tranh hạt nhân có thể gây ra, khiến nhiệt độ trên bề mặt Trái Đất giảm một cách đáng kể và lâu dài.

[4] Xuất phát từ một câu châm ngôn: “Cáo biết nhiều điều, còn nhím lại biết một điều quan trọng nhất”.

[5] Wacker Drive là một phố chính ở Chicago, có nhiều tầng dành cho các hướng và loại phương tiện lưu thông khác nhau. Lower Wacker Drive là tầng dưới cùng, thường tụ tập rất đông những người vô gia cư.

[6] Tên một chương trình máy tính chuyên về chế bản.

[7] Tên gọi cũ thời Đế chế Tây Ban Nha của khu vực bờ biển bao quanh biển Caribe và vịnh Mexico, bao gồm Florida, Mexico, Trung Mỹ và dải bờ biển phía Đông Bắc Nam Mỹ hiện nay.

[8] Trong tiếng Anh, “small” nghĩa là “nhỏ”.

[9] Bell nghĩa là “quả chuông”, Harbor nghĩa là “bến cảng”, Manor nghĩa là “trang viên, thái ấp”.

[10] Nguyên văn là “handjob”, nghĩa đen là “làm việc chân tay”, nghĩa bóng mang hàm ý tục, chỉ cách thức dùng tay để giúp người đàn ông xuất tinh.

[11] Consolidated Omnibus Budget Reconciliation Act: Đạo luật Điều tiết Ngân sách Tổng gộp, một loại hình bảo hiểm y tế tại Mỹ dành cho người bị mất việc đang tìm việc mới.

[12] Trên thực tế không có acid lastive. Đây là một chất bựa ra, xuất phát từ “last” có nghĩa là “kéo dài”.

[13] Chỉ những ban nhạc rock thịnh hành ở Mỹ cuối những năm 1970 đầu những năm 1980, các ca sĩ thường để tóc dài và chải bông lên.

[14] Tiếng Ý, nghĩa là “kỳ cục”, “quái đản”.

[15] Trong tiếng Anh, “tip” nghĩa là “tiền boa”, nhưng cũng có nghĩa là “lời khuyên”, “lời mách nước”.

[16] Nguyên văn là “Never take no wooden nickels”, một thành ngữ của Mỹ, ý nói đừng có để bị lừa.

[17] Món nui ống Ý với cá hồi xông khói và rượu vodka.

[18] Phát âm giống như “raiser”, nghĩa là “người nâng lên”.

[19] Thuật ngữ chỉ một phương pháp tu tập thiền định đặc biệt trong Thiên tông, có thể là một đoạn kinh, một câu chuyện, một cuộc đàm thoại, v.v. Đặc trưng của công án là nghịch lý, muốn hiểu được thì phải nhảy sang một cấp độ khác về nhận thức.

[20] Một chương trình truyền hình thực tế, phổ biến tại nhiều nước, trong đó một nhóm người cùng chung sống trong một ngôi nhà lớn, tách biệt khỏi thế giới bên ngoài nhưng liên tục chịu sự giám sát của các camera.

[21] Một nữ diễn viên Mỹ, hoạt động tích cực trong lĩnh vực bảo vệ trẻ em.

[22] Tức Martin Luther King, Jr. (1929-1968): một mục sư da đen người Mỹ, lãnh đạo phong trào dân quyền, đấu tranh đòi quyền bình đẳng cho người da đen.

[23] Một loại sandwich kẹp cá, bán tại các cửa hàng của chuỗi bán đồ ăn nhanh McDonald.

[24] Một dịch vụ ký gửi và cất giữ đồ đạc rất phổ biến ở Mỹ.

[25] Nhân vật mang tính tượng trưng trên những tấm áp phích, biểu tượng cho phụ nữ Mỹ trong giai đoạn Chiến tranh Thế giới thứ hai làm việc trong các công xưởng và nhà máy thay cho

những người đàn ông ra trận, trong trang phục bảo hộ lao động với cánh tay áo xấn cao, khoe bắp tay khòe khoắn.

[26] Nhân vật chính trong bộ phim truyền hình *The A-team* nổi tiếng tại Mỹ.

[27] Đây là hai câu trong bài hát “Walking Spanish down the hall” (Đi tàu suốt kiểu Tây Ban Nha) của nhạc sĩ/ca sĩ người Mỹ Thomas Alan “Tom” Waits.

[28] Đúng ra phải là “cancel” nghĩa là “hủy bỏ”. Lynn Mason nghĩ chệch sang từ “cancer” nghĩa là “ung thư”.

[29] Department of Motor Vehicles: Sở Ô tô Xe máy.

[30] Tức Magnificent Mile, một đoạn phố thuộc đại lộ Michigan, Chicago.

[31] Một câu danh ngôn của nhà thơ, nhà viết tiểu luận, triết gia nổi tiếng người Mỹ Ralph Waldo Emerson.

[32] Lấy ý từ một câu của Ralph Waldo Emerson: “Hãy thắng chiếc xe của bạn vào một ngôi sao!”

[33] Một công ty cung cấp dịch vụ bảo hiểm y tế lớn tại Mỹ.

[34] Tên một ban nhạc rock của Mỹ, theo phong cách thrash metal.

[35] Niêm ấn thứ bảy là một trong bảy niêm ấn bảo vệ cuốn sách trên tay Người Ngồi Trên Ngai Vàng, được nhắc đến trong sách Khải Huyền, kinh Tân Ước. Khi niêm ấn thứ bảy được mở ra, thiên đường im lặng trong khoảng nửa giờ.

[36] Tức bốn cảnh đã làm thay đổi cuộc đời Đức Phật.

[37] Tám con đường tu thành chính quả theo Phật giáo.

[38] Hay còn gọi là Thập Pháp Ba-la-mật, mười đức tính cao quý cần có lên được Niết Bàn.

[39] Tức nhân vật Othello, trong vở bi kịch *The Tragedy of Othello, the Moor of Venice* của William Shakespeare.

[40] Loại nhạc thường được bật ở các cửa hàng, trung tâm mua sắm, dịch vụ để tạo cảm giác thoải mái, vui vẻ cho khách hàng.

[41] Lời bài “Walking Spanish down the hall” do ca sĩ người Mỹ Tom Waits thể hiện.

[42] Những câu này được Tom Mota trích dẫn từ *The American Scholar* của Ralph Waldo Emerson.



[43] Vụ xả súng đẫm máu ngày 20/4/1999 tại trường trung học Columbine, bang Colorado (Mỹ).

[44] Vụ đánh bom khủng bố nhằm vào tòa nhà liên bang ở thành phố Oklahoma, ngày 19/4/1995.

[45] Horace phát âm gần giống “horse”, nghĩa là “con ngựa”.

[46] Ý nói tác phẩm *Ông già và biển cả* của Hemingway.

[47] Ý nói tác phẩm *Moby-Dick* của Herman Melville.

[48] Viết tắt của Department of Correction - Cục Cải tạo (Mỹ).

[49] Trong nguyên văn, “pro bono” nghĩa là từ thiện, miễn phí. Jim đọc chệch “bono” thành “boner” là một từ lóng rất tục, ám chỉ sự cương cứng của cơ quan sinh dục nam giới.

[50] Nghĩa là “thuộc về tuyến vú”.

[51] Một cảnh trong bộ phim *The Kid* của danh hài Charlie Chaplin.

[52] Charlton Heston (1923-2008): diễn viên điện ảnh nổi tiếng người Mỹ, được biết đến nhiều nhất qua vai diễn trong bộ phim Ben-Hur.

[53] Giải Vô địch Bóng bầu dục Quốc gia (Mỹ).

[54] Tên các nhân vật trong tiểu thuyết *Bố già* của nhà văn Mỹ Mario Puzo và loạt phim được chuyển thể từ tiểu thuyết này. Những câu in nghiêng của Benny trong đoạn dưới đều được trích từ loạt bộ phim ấy. Ở đây người dịch giữ nguyên đại từ nhân xưng của các câu thoại theo đúng ngữ cảnh trong phim.

[55] Từ lóng, ám chỉ các loại súng ngắn rẻ tiền và dễ mua.

[56] Đập vỡ cốc trong tiệc cưới là một nghi thức chúc may mắn của người Do Thái.

# Table of Contents

Và Thế Là Chúng Ta Tiêu

Bước Vào Thế Kỳ Mới

1

2

3

4

5

Trở Về Và Ra Đi

[1]

[2]

[3]

[4]

[5]

[6]

[7]

[8]

[9]

[10]

[11]

[12]

[13]

[14]

[15]

[16]

[17]

[18]

[19]

[20]

[21]

[22]

[23]

[24]

[25]

[26]

[27]

[28]

[29]

[30]

[31]

[32]

[33]

[34]

[35]

[36]

[37]

[38]

[39]

[40]

[41]

[42]